

Luận Đại Trí Độ

Tập V



(Mahàprajñàparamitàsàtra)

Tác giả: Nàgàrjuna (Long Thọ)

Dịch Phạn ra Hán: Cư Ma La Thập

Việt Dịch HT.Thiện Siêu

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

Ấn hành 1997

---oOo---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 10-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>

Mục Lục

Lời Nói Đầu

Cuốn 81

Giải Thích: Phạm Sáu Độ Tương Nhiếp

Cuốn 82

Giải Thích: Phạm Phương Tiện Thứ 69

Mất 16 trang từ 49 đến 64

Cuốn 83

Giải Thích Phạm Ba Tuệ thứ 70

Cuốn 84

Giải Thích Phạm Ba Tuệ thứ 70

Cuốn 85

Giải Thích: Phạm Đạo Thọ Thứ 71

Giải Thích: Phạm Gieo Trồng Thiện Căn Thứ 73

Cuốn 86

Giải Thích: Phạm Biên Học Thứ 74

Cuốn 87

Cuốn 88

Giải Thích: Phạm Sáu Dụ Thứ 77

Giải Thích: Phạm Bốn Nhiếp Thứ 78

Cuốn 89

Cuốn 90 – còn thiếu

Cuốn 91 Giải Thích: Phẩm Cụ Túc Thứ 81
Cuốn 92
Giải Thích: Phẩm Tịnh Phật Quốc Độ Thứ 82
Cuốn 93
Giải Thích: Phẩm Chấn Chấn Thứ 83
Cuốn 94
Giải Thích: Phẩm Bốn Đế Thứ 84
Cuốn 95
Giải Thích: Phẩm Bảy Thí Thứ 85
Giải Thích: Phẩm Bình Đẳng Thứ 86
Cuốn 96
Giải Thích: Phẩm Như Hóa Thứ 87
Cuốn 97
Cuốn 98
Cuốn 99
Phẩm 89 Giải Thích: Phẩm Đàm-Vô-Kiệt Thứ 89
Cuốn 100
Phẩm 90 Giải Thích: Phẩm Chúc Lụy Thứ 90

---o0o---

Lời Nói Đầu

Đây là tập thứ 5, gồm từ cuốn 81 đến cuốn 100 luận Đại Trí Độ. Trước sau trọn bộ luận Đại Trí Độ gồm 5 tập trong đó có 100 cuốn.

Luận thuyết minh về tính không trong mọi sinh hoạt tin tưởng, học hỏi, quán chiếu, tu tập, độ sinh, chứng quả. Những sinh hoạt này nếu rời tính không, thời không thể đạt đến kết quả giải thoát hoàn toàn mọi ràng buộc của tâm phân biệt chấp trước, tức còn phải vướng mắc trong vòng sinh tử, hoặc phân đoạn, hoặc biến dịch.

Tính không cũng tức là tính vô ngã, vô tự tính, vô sở hữu tính. Chỉ một tính không mà vì đối tượng quán chiếu khác nhau nên trong luận này có chỗ phân biệt làm hai là chúng sanh không và pháp không; nói theo luận Thành Duy Thức là ngã không, pháp không; nói theo kinh Lăng già là nhân vô ngã, pháp vô ngã (năm pháp, ba tự tính, tám thức, hai vô ngã); có khi phân biệt làm mười tám không, từ nội không, ngoại không, nội ngoại không cho đến vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Bát nhã tính không, có nhiều lợi ích, kéo chúng sinh ra khỏi vọng tưởng hý luận, nhưng khó lãnh hội, tu tập; ví như thỏi vàng cháy đỏ rất đẹp,

có nhiều lợi ích, nhưng không thể lấy tay cầm; nếu lấy tay cầm ắt bị cháy tay. Cũng vậy, nếu nghe nói không mà chấp không, như là trống không, bác hết tất cả, ắt bị sa đọa. Vì vậy, Phật vì chúng sinh thuyết pháp, luôn luôn nương theo hai đế là tục đế và chơn đế. Có khi vì chúng sinh chấp trước không, nên nói có để phá; có khi vì chúng sinh chấp trước có, nên nói không để phá. Nhưng nói có, nói không đều là phương tiện, là thuốc trị bệnh chấp trước; bệnh hết thời thuốc cũng không còn; hết thấy pháp không và tướng không cũng không.

Nếu hết thấy các pháp đều không, thời nương vào đâu để được giải hoát? Nếu ngộ được hết thấy pháp đều không thời tức là không còn vọng tưởng chấp trước; không còn vọng tưởng chấp trước tức không khởi lên phiền não, tạo nghiệp luân hồi; ấy là giải thoát. Ở trong giải thoát thì hoàn toàn không còn vọng tưởng chấp ngã, nên không có tướng người năng chứng và tướng pháp sở chứng, vô trí và vô đắc.

Nhờ ơn Tam bảo hộ trì, hội đủ duyên lành, nên tôi may mắn dịch xong trọn bộ luận Đại Trí Độ này. Nguyên hồi hướng công đức ấy đến mọi người, mong được thâm nhuần, chứng nghiệm giáo nghĩa Bát nhã sâu xa, hầu giải thoát mọi sầu muộn khổ đau vì vọng tưởng điên đảo chấp trước cố hữu, mà khó có thể có cách gì khác hơn để giải thoát được.

PL. 2544 - Từ Đàm, 10-01-2001

Thích Thiện Siêu

--o0o --

Cuốn 81

Giải Thích: Phẩm Sáu Độ Tương Nhiếp

Thứ 68 (tiếp theo)

Kinh: Tu Bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật nhiếp thủ Thí ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy nếu có chúng sinh đi đến sân giận, mắng nhiếc hoặc

cắt từng chi phần mà Bồ Tát vẫn nhẫn nhục, nghĩ rằng: Ta nên bố thí cho tất cả chúng sinh, chẳng nên không cho: Cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cho đến mọi vật cần dùng để nuôi sống đều cho hết. Dem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát ấy trong khi hồi hướng, không sinh hai tâm, nghĩ rằng: Ai hồi hướng? Hồi hướng đến chỗ nào? Thế là Bồ Tát trú trong Nhẫn nhục ba la mật nhiếp thủ Thí ba la mật .

Bạch đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Nhẫn nhục ba la mật nhiếp thủ Giới ba la mật ?

Phật dạy: Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy trọn không cướp mạng kẻ khác, không lấy của không cho, cho đến không tà kiến, cũng không thêm địa vị Thanh văn, Bích Chi Phật. Dem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát ấy trong khi hồi hướng không sinh ba tâm nghĩ rằng: Ai hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác? Dùng pháp gì hồi hướng? Hồi hướng đến chỗ nào? Ấy là Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật nhiếp thủ Giới ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật nhiếp thủ Tinh tấn Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật sinh tâm tinh tấn nghĩ rằng: Ta sẽ đi qua một do tuần, hoặc mười do tuần, hoặc ngàn, vạn, ức do tuần, quá một thế giới, cho đến quá trăm, ngàn, vạn, ức thế giới, giáo hóa chúng sinh, cho đến dạy một người khiến thọ trì năm giới; hướng gì dạy khiến được quả Tu đà hoàn, cho đến quả A la hán, Bích chi Phật đạo, Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Dem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ấy là Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật nhiếp thủ Tinh tấn ba la mật .

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật nhiếp thủ Thiên ba la mật ?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật, lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán; lìa dục sinh hỷ lạc vào sơ thiên, cho đến vào đệ tứ thiên; ở trong các thiên ấy tịnh tâm tâm số pháp đều hồi hướng về Nhất thiết trí. Trong khi hồi hướng, Bồ Tát ấy đối với các thiên và thiên chi đều không thể có được. Ấy là Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật nhiếp thủ Thiên ba la mật .

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật nhiếp thủ Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật quán các pháp hoặc tướng lìa, hoặc tướng tịch diệt, hoặc tướng vô tận; không do tướng tịch diệt thủ chứng cho đến ngòai đạo tràng dục trí Nhất thiết chủng; từ đạo tràng đứng dậy, chuyển bánh xe pháp. Ấy là Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật nhiếp thủ Bát nhã ba la mật, vì không lấy, không bỏ.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Thí ba la mật ?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật, thân tâm tinh tấn, không giải đãi, không ngừng nghỉ, nghĩ rằng: Ta chắc chắn sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không thể không được. Bồ Tát ấy vì lợi ích chúng sinh mà đi qua một do tuần, hoặc trăm, ngàn, vạn, ức do tuần; hoặc qua một thế giới; hoặc qua trăm, ngàn, vạn, ức thế giới, trú trong Tấn ba la mật, nếu không gặp được một người để giáo hóa khiến vào Phật đạo, hoặc vào Thanh văn đạo, hoặc Bích chi Phật đạo; hoặc gặp được một người giáo hóa khiến tu mưòi thiện đạo, tinh tấn không giải đãi, khiến nhiếp thủ pháp thí và tài thí. Dem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không hồi hướng đến Thanh văn, Bích chi Phật. Ấy là Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Thí ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Giới ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật, từ khi mới phát tâm cho đến khi ngòai đạo tràng, tự mình không sát sinh, không dạy người sát, tán thán việc không sát sinh, hoan hỷ tán thán người không sát sinh; cho đến tự mình xa lìa tà kiến, dạy người khác xa lìa tà kiến, tán thán việc không tà kiến, hoan hỷ tán thán người không tà kiến. Bồ Tát ấy trú trong Giới ba la mật, không cầu phước báo ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; không cầu địa vị Thanh văn, Bích chi Phật. Dem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không sinh ba tâm: Không thấy người hồi hướng, không thấy pháp hồi hướng, không thấy chỗ hồi hướng. Ấy là Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Giới ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Nhẫn ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật, từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy hoặc người, hoặc phi nhân đi đến cắt từng chi phần. Bồ Tát nghĩ rằng: Kẻ cắt ta là ai? Kẻ xẻo ta là ai? Kẻ cướp ta là ai? Lại nghĩ rằng: Ta được thiện lợi lớn. Ta vì chúng sinh nên thọ thân, chúng sinh lại tự đi đến nhận lấy. Khi ấy Bồ Tát nhớ nghĩ một cách chơn chánh thật tướng các pháp. Dem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không hồi hướng đến địa vị Thanh văn, Bích chi Phật. Ấy là Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Nhân ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Thiên ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật, lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán; lìa dục sinh hỷ lạc vào sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên; vào từ, bi, hỷ, xả, cho đến vào Phi hữu tướng. Phi vô tướng xứ; không đem thiên vô lượng, định vô sắc ấy, lãnh thọ quả báo, mà sinh đến nơi làm lợi ích chúng sinh; đem sáu Ba la mật thành tựu chúng sinh; từ một cõi Phật đến một cõi Phật thân cận cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành. Ấy là Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Thiên ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật, không thấy pháp Thí ba la mật, không thấy tướng Thí ba la mật, cho đến không thấy pháp Thiên ba la mật, không thấy tướng Thiên ba la mật; bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng; cũng không thấy pháp, cũng không thấy tướng; không thấy pháp, phi pháp, phi phi pháp; đối với pháp không còn dính mắc. Bồ Tát ấy làm đúng như nói. Ấy là Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Thiên ba la mật nhiếp thủ Thí ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Thiên ba la mật, lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán; lìa dục sinh hỷ lạc vào sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên; vào từ, bi, hỷ, xả cho đến vào Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ; ở trong Thiên ba la mật tâm không tán loạn, thực hành tài thí và pháp thí cho chúng sinh. Tự thực hành hai thí, dạy người khác thực hành hai thí, tán thán pháp hai thí, hoan hỷ tán thán người thực hành hai thí. Dem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh

giác, không hồi hướng đến địa vị Thanh văn, Bích chi Phật. Ấy là Bồ Tát trú trong Thiên ba la mật nhiếp thủ Thí ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Thiên ba la mật nhiếp thủ Giới ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Thiên ba la mật không sinh tâm dâm dục, sân giận, ngu si; không sinh tâm nhiễu loạn người khác, chỉ tu tâm tương ưng với Nhất thiết trí. Dem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không hồi hướng đến địa vị Thanh văn, Bích chi Phật. Ấy là Bồ Tát trú trong Thiên ba la mật nhiếp thủ Giới ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Thiên ba la mật nhiếp thủ Nhân ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Thiên ba la mật, quán sắc như bọt nước; quán thọ như bóng nước; quán tưởng như sóng nắng; quán hành như cây chuối; quán thức như huyễn; trong khi quán thấy năm uẩn không bền chắc, nghĩ rằng: Kẻ cắt ta là ai? Kẻ xẻo ta là ai? Ai thọ? Ai tưởng? Ai hành? Ai thức? Ai máng? Ai chịu máng? Ai sinh sân hận? Ấy là Bồ Tát trú trong Thiên ba la mật nhiếp thủ Nhân ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Thiên ba la mật nhiếp thủ Tấn ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Thiên ba la mật, lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán; lìa dục sinh hỷ lạc vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền; từ các thiền và thiền chi ấy, chấp thủ tướng, sinh các thần thông như: Đi trên nước, đi trên đất; vào đất như vào nước; có thiên nhĩ nghe hai thứ tiếng: Tiếng trời, tiếng người, biết tâm kẻ khác hoặc thu nhiếp, hoặc tán loạn, cho đến tâm có thượng, tâm vô thượng; nhớ biết các đời trước; có thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, thấy chúng sinh cho đến thọ quả báo như nghiệp đã tạo. Bồ Tát trú trong năm thần thông ấy, từ một cõi Phật đi đến một cõi Phật, thân cận cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật. Dem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ấy là Bồ Tát trú trong Thiên ba la mật nhiếp thủ Tấn ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Thiên ba la mật nhiếp thủ Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Thiền ba la mật không được sắc, không được thọ, tướng, hành, thức; không được Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; không được bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng; không được tính hữu vi, không được tính vô vi. Vì không được nên không làm, không làm nên không sinh, không sinh nên không diệt, vì sao? Vì dù có Phật hay không có Phật thì như như, pháp tướng, pháp tính thường trú ấy vẫn chẳng sinh, chẳng diệt; thường nhất tâm tu hành tương ưng với Nhất thiết trí. Ấy là Bồ Tát trú trong Thiền ba la mật nhiếp thủ Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Thí ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật, nội không, nội không chẳng thể có được, ngoại không, ngoại không chẳng thể có được; nội ngoại không, nội ngoại không chẳng thể có được; không không, không không chẳng thể có được, cho đến hết thấy pháp không, hết thấy pháp không chẳng thể có được. Bồ Tát trú trong mười bốn không ấy không thấy tướng sắc hoặc không, hoặc chẳng không, không thấy tướng thọ, tướng, hành, thức hoặc không, hoặc chẳng không; không thấy tướng bốn niệm xứ hoặc không, hoặc chẳng không, cho đến không thấy tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác hoặc không, hoặc chẳng không; không thấy tính hữu vi, tính vô vi hoặc không, hoặc chẳng không. Bồ Tát như vậy trú trong Bát nhã ba la mật, có bố thí gì, hoặc ăn uống, y phục, đồ nuôi sống, quán việc bố thí ấy là không, không những gì? Là người bố thí, người nhận thí và vật bố thí không, không sinh tâm xan lãn, vì sao? Vì Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, không có vọng tưởng phân biệt. Như chư Phật khi chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không có tâm lẩn tiếc. Bồ Tát cũng như vậy, khi hành Bát nhã ba la mật, không có tâm lẩn tiếc, cái mà Bồ Tát tôn quý, là Bát nhã ba la mật. Ấy là Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Thí ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Giới ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật không sinh tâm Thanh văn, Bích chi Phật, vì sao? Vì Thanh văn, Bích chi Phật đối với Bồ Tát ấy không thể có được; tâm hướng đến Thanh văn, Bích chi Phật cũng không thể có được. Bồ Tát ấy từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy, tự mình không sát sinh, không dạy người sát sinh, tán thán việc không sát sinh, hoan hỷ tán thán người không sát sinh, cho đến tự

mình không tà kiến, dạy người không tà kiến, tán thán pháp không tà kiến, hoan hỷ tán thán người không tà kiến. Việc trì giới ấy không có pháp khả thủ hoặc địa vị Thanh văn, hoặc Bích chi Phật, hưởng gì pháp khác! Ấy là Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Giới ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Nhẫn ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật tùy thuận pháp nhẫn sinh, nghĩ rằng: Trong pháp ấy không có gì, hoặc khởi, hoặc diệt, hoặc sinh, hoặc tử, hoặc chịu lời mắng nhiếc, hoặc chịu lời nói dữ, hoặc cắt, hoặc xẻ, hoặc phá, hoặc trói, hoặc đánh, hoặc giết. Bồ Tát ấy từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, nếu chúng sinh đi đến mắng nhiếc, nói dữ; dùng dao gậy, ngói đá cắt, xẻ làm thương hại, tâm không lay động, nghĩ rằng: Thật quái lạ, trong đó không có cái gì chịu mắng nhiếc, nói dữ, cắt xẻ, làm thương hại, mà chúng sinh vẫn chịu các khổ não. Ấy là Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Nhẫn ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Tấn ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật, vì chúng sinh thuyết pháp, khiến tu Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; dạy khiến tu bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo; dạy khiến được quả Tu đà hoàn cho đến đạo Bích chi Phật; dạy khiến được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không trú trong tính hữu vi, không trú trong tính vô vi. Ấy là Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Tấn ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Thiên ba la mật?

Phật dạy: Bồ tát trú trong Bát nhã ba la mật, trừ tam muội của chư Phật, vào được hết thấy tam muội khác, hoặc của Thanh văn, hoặc của Bích chi Phật, hoặc của Bồ Tát; đều thực hành, đều vào được. Bồ Tát ấy trú trong các tam muội thuận và nghịch, ra và vào tám bội xả. Những gì là tám? Bên trong có sắc tướng, bên ngoài quán sắc, đó là bội xả đầu; bên trong không có sắc tướng, bên ngoài quán sắc, là bội xả hai; bội xả thanh tịnh, tự thân tác chứng, là bội xả ba; qua khỏi hết thấy sắc tướng, diệt tướng có đối đãi, không nghĩ đến các tướng, vào vô lượng Hư không xứ, là bội xả bốn; qua khỏi Hư không xứ, vào vô biên thức xứ, là bội xả năm; qua khỏi Thức xứ, vào Vô sở hữu xứ, là bội xả sáu; qua khỏi Vô sở hữu xứ, vào Phi hữu tướng

Phi vô tướng xứ, là bội xả bảy; qua khỏi Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, vào Diệt thọ tướng xứ, là bội xả tám. Đối với tám bội xả ấy, hoặc thuận hoặc nghịch, hoặc ra hoặc vào chín thứ đệ định. Những gì là chín? Lia dục, lia pháp ác bất thiện, có giác có quán, lia dục, sinh hỷ lạc vào sơ thiên, cho đến qua khỏi Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, vào Diệt thọ tướng định; ấy gọi là chín thứ lớp định, hoặc thuận hoặc nghịch, ra vào. Bồ Tát ấy nương tám bội xả, chín thứ lớp định, vào pháp tam muội Sur tử phần tán. Thế nào gọi là tam muội Sur tử phần tán? Đó là Bồ Tát lia dục, lia pháp ác bất thiện, có giác có quán, lia dục sinh hỷ lạc vào sơ thiên, cho đến vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi lên, trở lại vào Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ; từ Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ khởi lên, trở lại vào cho đến sơ thiên. Ấy là Bồ Tát nương pháp tam muội Sur tử phần tán, vào tam muội Siêu Việt. Thế nào là tam muội Siêu việt? Đó là Bồ Tát lia dục, lia pháp ác bất thiện, có giác có quán, lia dục sinh hỷ lạc vào sơ thiên; từ sơ thiên khởi dậy, vào cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ; từ Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ khởi dậy, vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy, trở vào sơ thiên; từ sơ thiên khởi dậy, vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy, vào nhị thiên; từ nhị thiên khởi dậy vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy, vào tam thiên; từ tam thiên khởi dậy, vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy, vào tứ thiên; từ tứ thiên khởi dậy, vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy, vào Không xứ; từ Không xứ khởi dậy, vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy, vào Thức xứ; từ Thức xứ khởi dậy, vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy, vào Vô sở hữu xứ; từ Vô sở hữu xứ khởi dậy, vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy vào phi hữu tướng Phi vô tướng xứ; từ Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ khởi dậy, vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy vào trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy, vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy trở lại vào trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy vào Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ; từ Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ khởi dậy trở lại trú trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy vào Vô sở hữu xứ; từ Vô sở hữu xứ khởi dậy trú trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy, vào Thức xứ; từ Thức xứ khởi dậy trú trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy, vào Không xứ; từ Không xứ khởi dậy trú trong tán tâm, từ trong tán tâm khởi dậy, vào đệ tứ thiên; từ trong đệ tứ thiên khởi dậy trú trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy, vào đệ tam thiên; từ trong đệ tam thiên khởi dậy trú trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy, vào đệ nhị thiên; từ trong đệ nhị thiên khởi dậy trú trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy, vào sơ thiên; từ trong sơ thiên khởi dậy trú trong tán tâm. Bồ Tát ấy trú trong tam muội Siêu việt được thật

tướng các pháp. Ấy là Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Thiên ba la mật.

Luận. Hỏi: Có sao chỉ một Ba la mật làm chủ?

Đáp: Nhân duyên tu hành có thứ lớp phải vậy. Bồ tát có hai hạng: Tại gia và xuất gia. Bồ Tát tại gia nhờ có phước đức nên giàu lớn, nhân giàu lớn nên cầu Phật đạo, tu các Ba la mật. Trước tiên nên tu bố thí, vì sao? Vì đã có tài vật, lại biết tội phước, lại có tâm từ bi đối với chúng sinh nên trước tiên tu hạnh bố thí rồi, theo thứ lớp nhân duyên tu các Ba la mật khác. Bồ Tát xuất gia vì không có tài vật, theo thứ lớp nên tu trì giới, nhẫn nhục, thiền định, vì thích nghi nên gọi làm chủ. Trừ tài thí, các Ba la mật khác, người xuất gia nên thực hành. Bồ Tát lấy Nhẫn Ba la mật làm chủ, nguyện rằng: Nếu có người đến cắt xẻo thân thể tôi, không nên sinh tâm giận. Nay tôi tu đạo Bồ Tát, nên nhiếp thủ các Ba la mật. Trong các Ba la mật, bố thí đứng đầu. Trong việc bố thí, vật quý trọng, thương tiếc nhất không gì qua thân thể, mà có thể đem thí cho người, không tiếc, không giận. Như vậy, đầy đủ Nhẫn nhục Ba la mật nhiếp thủ bố thí. Bồ Tát trú trong nhẫn nhục, bố thí cho chúng sinh cơm áo, đồ vật, lại bị người nhân thí mắng ngược lại, đánh đập Bồ Tát, muốn phá sự nhẫn nhục trong khi bố thí. Bồ Tát nghĩ rằng: Ta không nên vì cái thân hư dối mà phá hủy đạo Ba la mật. Ta nên bố thí, không nên sinh tâm ác, không vì một chút ác nhỏ mà thôi mất. Bồ Tát ấy trong khi mạng sắp hết càng tăng thêm tâm bố thí. Nếu khi mạng chung, nhờ có sức hai Ba la mật kia, nên liền sinh vào chỗ tốt, tiếp tục bố thí.

Nhiếp thủ Giới Ba la mật là:

Hỏi: Trong khi nhẫn nhục, không làm ác tức là giới, có gì còn nói trú trong nhẫn nhục nhiếp thủ Giới Ba la mật, mà nên trú giới để nhiếp thủ nhẫn thì đúng hơn?

Đáp: Trong đây nói về tướng chứ không nói về thứ lớp phát sinh. Tuy hòa hợp mà mỗi tướng có khác nhau. Nếu theo thứ lớp thời phải trước giới sau nhẫn. Giới là không cướp mạng người, nhẫn là không tiếc mạng mình; thế nên trong nhẫn nhục riêng nói tướng giới.

*Lại nữa, nhẫn là tự thu nhiếp tâm mình, không khởi lên sân hận; còn trì giới có hai: Một là không nã hại chúng sinh; hai là tự mình làm, vì là cội gốc sinh ra thiền định. Có vị Bồ Tát tu nhẫn nhục mà chưa thọ trì giới pháp, chỉ do sợ tội nên nhẫn nhục, chưa thể vì thương xót chúng sinh. Người ấy hoặc theo thầy nghe, hoặc tự suy nghĩ: Trì giới là nhân duyên của

Phật đạo, không nhiều hại chúng sinh. Ta nay đã có thể nhẫn nhục, thì tu trì giới là việc dễ; ấy là nhẫn nhục có thể nhiếp thủ Giới Ba la mật.

*Lại nữa, nhẫn nhục là tâm số pháp; trì giới là sắc pháp: Trì giới là tâm sinh, miệng nói để thọ trì, còn nhẫn nhục thì chỉ là tâm sinh, chẳng phải thọ trì.

*Lại nữa, thân và miệng thanh tịnh gọi là trì giới; ý thanh tịnh gọi là nhẫn nhục.

Hỏi: Thiền và Trí Ba la mật cũng là tâm thanh tịnh, có gì chỉ nói nhẫn nhục?

Đáp: Thiền và trí sức lớn cho nên không nói. Trong khi trì giới, tâm chưa được thanh tịnh, cần phải có nhẫn nhục để giữ tâm. Trong kinh này tự nói nhân duyên: Có Bồ Tát có công đức và trí tuệ lợi căn lớn, đối trước Phật hiện tại phát tâm tu các Ba la mật, thế nên đời đời tăng trưởng cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác không bị dọa ác xứ. Vì Bồ Tát ấy từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng không sinh tâm giận, cướp mạng chúng sinh, cũng không đấm Nhị thừa. Đó là công đức của hai Ba la mật, lia ba thứ tâm, hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ba tâm ấy là: Không có người, không có pháp, không có chỗ hồi hướng, không có tâm chấp ngã, tâm điên đảo.

Nhiếp thủ Tấn Ba la mật là: Hoặc tự mình chứa nhóm công đức, hoặc vì độ chúng sinh mà phát tâm không giải đãi, cho đến thành tựu mọi việc; nếu có nhân duyên chướng đạo, tâm không nghi, không thối, kham chịu mọi khổ, không lấy việc khổ nhọc lâu ngày làm khó. Như trong kinh nói: Bồ Tát ấy cho đến đi qua ngàn vạn do tuần, nếu không gặp được một người để dạy tiến vào thật pháp được Niết bàn, khi ấy tâm cũng không sầu; nếu gặp dạy khiến trì ngũ giới, bấy giờ tâm hoan hỷ, không nghĩ rằng: Ta vượt qua vô lượng quốc độ ấy mà chỉ gặp được một người này, nên cho là sâu khổ, vì sao? Vì tướng một người tức là tướng hết thấy người, tướng hết thấy người là tướng một người, vì tướng các pháp không hai.

Nhiếp thủ Thiền Ba la mật là: Bồ Tát ấy nhờ sức nhẫn nhục nên tâm được điều hòa nhu nhuyễn; tâm điều hòa nhu nhuyễn nên dễ được thiền định; ở trong thiền định được tâm tâm số pháp thanh tịnh và từ, bi, hỷ, xả; đều đem tâm không chấp trước hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Nhiếp thủ Bát nhã ba la mật là: Bồ Tát trú trong chúng sinh nhân, nhân mọi điều ác của chúng sinh đưa đến, tu đại từ bi; vì thế nên được phước đức lớn. Được phước đức lớn tâm nhu nhuyễn nên dễ được pháp nhãn, nghĩa là hết thấy pháp rốt ráo vô sinh. Trú trong pháp nhãn ấy quán hết thấy pháp tướng không, tướng lìa, tướng vô tận tịch diệt như tướng Niết bàn; bấy giờ trở lại tăng trưởng chúng sinh nhân, ở trong rốt ráo không như vậy, thì ai là người mắng, ai là người có hại? Khi ấy nhiếp thủ hai nhân, không thấy ba việc là pháp nhãn, người nhân và chỗ nhân. Vì không hý luận hết thấy pháp như vậy, nên có thể thấy hết thấy pháp tướng không, tịch diệt như Niết bàn. Vì bản nguyện cầu Phật đạo nên không đắm vào pháp rốt ráo không ấy, cho đến khi chưa ngồi đạo tràng không thủ chúng Niết bàn. Khi đã ngồi đạo tràng, nhiếp thủ Phật pháp, được Phật đạo, chuyển Pháp luân tùy ý làm lợi ích chúng sinh. Những việc như vậy đều do sức Bát nhã ba la mật.

Trú trong Tấn Ba la mật nhiếp thủ Thí Ba la mật là: Bồ Tát ban đầu dùng cửa tinh tấn để vào trong các Ba la mật, siêng tu năm Ba la mật, thân tâm tinh tấn không ngừng nghỉ, không đổi khác. Ở trong tinh tấn ấy không sợ khổ địa ngục A tỳ, huống gì khổ khác? Bồ Tát cũng biết hết thấy pháp rốt ráo không, từ rốt ráo không khởi xuất, vì tâm từ bi nên trở lại làm các thiện nghiệp mà không chứng Niết bàn; ấy là sức tinh tấn. Bồ Tát ở trong tinh tấn nên nghĩ rằng: Ta lâu xa chắc sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không thể không được. Người ấy đi qua một do tuần, cho đến trăm ngàn do tuần, dùng tài và pháp thí cho chúng sinh. Cho đến đi qua trăm, ngàn, vạn, ức quốc độ, giả sử không gặp được một người để dạy khiến vào ba thừa, tâm Bồ Tát cũng không hối, không nghi, không nghĩ rằng: Ta trải qua bấy nhiêu Phật độ mà không gặp được một người khả độ, thời làm sao độ hết thấy người? Trải qua trăm, ngàn quốc độ, hoặc gặp được một người dạy khiến tu mười thiện, không trúng vào ba thừa, không vì một người không ngộ được thật tướng mà ôm lòng khinh thường, hối hận. Lại nghĩ rằng: Ta nay khiến người đó tu mười thiện đạo, dần dần đem đạo lý ba thừa để độ thoát cho họ. Dạy tu mười thiện rồi lại đem tài và pháp bố thí đầy đủ cho chúng sinh, rồi đem công đức ấy hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Thân tâm tinh tấn trải qua vô số quốc độ vì chúng sinh thuyết pháp.

Hỏi: Tất cả việc bố thí đều do tinh tấn, có gì chỉ nói tài và pháp thí do tinh tấn phát sinh?

Đáp: Tuy tất cả việc bố thí đều do tinh tấn phát sinh, nhưng nghĩa đây nói do sức tinh tấn phát sinh nhiều hơn. Như kinh này nói: Trải qua trăm, ngàn quốc độ, đem hai việc bố thí đầy đủ cho chúng sinh.

Trú trong Tấn Ba la mật nhiếp thủ Giới Ba la mật là: Bồ Tát tu đủ mười thiện đạo gọi là Giới Ba la mật, hoặc từ nhẫn nhục v.v..... phát sinh. Nếu Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, bỏ mười bất thiện đạo, tu bốn mươi thiện đạo không ngừng nghỉ; ấy gọi là Tinh tấn Ba la mật. Có người chỉ một thứ thiện đạo không thể tu được, hưởng gì tu cả bốn thứ thiện đạo, cũng do Tinh tấn Ba la mật nên không sinh vào ba cõi, không thọ quả Nhị thừa. Chúng sinh vì tâm phiền não giải đãi nên sinh vào ba cõi, vì nhàm chán sinh tử nên bỏ Phật đạo, cầu chứng Tiểu thừa, đó đều là tướng giải đãi. Thế nên nói Bồ Tát không tham ba cõi, không cầu chứng Nhị thừa.

Trú trong Tấn Ba la mật nhiếp thủ Nhẫn Ba la mật là: Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, hoặc người hoặc phi nhân đi đến cắt xẻo thân thể mang đi. Bảy giờ Bồ Tát phá tâm điên đảo chấp ngã, vì thiện nghiệp rớt ráo không, nên nghĩ rằng: Trong đây không có người cắt xẻo, việc ấy đều là phàm phu hư dối trông thấy; ta được lợi lớn. Khi ta biết thật tướng các pháp, có thể vào Niết bàn, nhưng vì thương xót chúng sinh nên thọ thân; chúng sinh tự đi đến mang đi, ta không nên tiếc. Bảy giờ thân nhập thật tướng các pháp, trong thật tướng ấy không có định tướng; chúng sinh tự sinh sợ hãi, đem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trong đây hoặc có người mắng nhiếc, đánh hại đều có thể nhẫn được; ấy gọi là nhẫn; hoan hỷ không thoái chuyển, ấy gọi là tinh tấn. Hai pháp ấy hoặc từ tinh tấn sinh nhẫn nhục, hoặc từ nhẫn nhục sinh tinh tấn. Đây nói từ tinh tấn sinh nhẫn nhục.

Trú trong Tấn Ba la mật nhiếp thủ Thiên Ba la mật là: Có người tự nhiên được thiên định, như trong thời kỳ kiếp tận. Hoặc có người khi thối chuyển được, khi sinh ra được, hoặc sinh ở thượng địa đến hạ địa được; tuy được thiên định như vậy không từ tinh tấn sinh. Có người nhân đại bố thí mà phá năm triền cái là tham dục v.v... liền được thiên định. Hoặc có người trì giới thanh tịnh, tu tập nhẫn nhục, nhân có tâm nhàm chán liền được thiên định. Hoặc có người do sức trí tuệ lớn, biết cõi Dục vô thường hư dối, bất tịnh, liền được thiên định; thiên định tuy cũng hư dối nhưng vẫn hơn ở cõi Dục. Tuy có tinh tấn như vậy, lại nhân nơi pháp khác được thiên định, nên không gọi là từ tinh tấn sinh. Có người không nhân nơi năm pháp làm chủ, chỉ ngày đêm tinh tấn, kinh hành, tọa thiền, thường tranh đấu với tâm, do năm lực, tín, tấn, niệm, định, tuệ chế ngự đến cùng năm triền cái; nếu tâm

dong ruồi liền thu nhiếp trở lại, như chiến đấu với giặc, cho đến đổ mồ hôi. Những người được thiền định như vậy là từ tinh tấn sinh. Hoặc có Bồ Tát độn căn, vì tội cũ che lấp mà đắm sâu cái vui thế tục, dong ruồi khó chế phục; người như vậy phải gia sức tinh tấn mới có thể được định. Thí như người có phước đức, an cư vô sự mà phước lộc tự đến; người phước mỏng siêng năng công việc, tranh đấu nhiều mới được. Người có phước tự nhiên được, gọi là phước đức tự đi đến; do siêng năng tranh đấu mới có được gọi là do tinh tấn mà được. Như vậy, mọi nơi tuy có tinh tấn nhưng theo nơi nhiều mà gọi tên.

Trú trong Tấn Ba la mật nhiếp thủ Bát nhã ba la mật là: Bồ Tát do sức tinh tấn nên được Thiền Ba la mật; được Thiền Ba la mật nên phát sinh thần thông. Do hai việc ấy dùng sức thần thông đi khắp mười phương, công đức chưa đầy đủ muốn làm cho đầy đủ; lại muốn giáo hóa chúng sinh. Trừ trí tuệ sinh ra từ bốn Ba la mật, các trí tuệ khác phần nhiều từ tinh tấn sinh, nên lấy tinh tấn làm chủ để nhiếp thủ trí tuệ. Bát nhã ba la mật có hai: Một là quán thật tướng các pháp, trong đó không thấy tướng pháp, không thấy tướng phi pháp; hai là tu hành đúng như nói. Người có tâm giải đãi không thể làm hai việc, nhờ có sức tinh tấn mới làm hai việc đầy đủ.

Trú trong Thiền Ba la mật làm chủ nhiếp thủ năm Ba la mật là: Bồ Tát trú trong Thiền Ba la mật tâm điều hòa nhu nhuyễn, không lay động, có thể quán sát thật tướng các pháp; thí như trong nhà kín đốt đèn, ánh sáng tỏa chiếu; ấy gọi là ở trong Thiền Ba la mật phát sinh trí tuệ. Bây giờ không nỡ hại chúng sinh, lại gia tâm thương xót; ấy gọi là trì giới thanh tịnh và nhẫn nhục. Do sức thần thông biến hóa tài vật bỏ thí đầy đủ, lại khiến người biến hóa ấy nói pháp. Lại, Bồ Tát từ thiền khởi dậy, do tâm thanh tịnh nhu nhuyễn vì chúng sinh thuyết pháp; ấy gọi là bố thí. Nhân sức thiền định phát khởi thần thông, đi khắp mười phương dẫn đạo lợi ích tất cả mà không giải đãi; ấy gọi là tinh tấn. Lại, nhân thiền định làm cho bốn Ba la mật được tăng ích; ấy gọi là từ thiền định sinh tinh tấn. Các nghĩa khác như trong kinh này đã nói rộng.

Trú trong Bát nhã ba la mật làm chủ nhiếp thủ năm Ba la mật là, như trong kinh này Phật tự nói rộng.

Hỏi: Tuy Phật nói rộng, mà trong ấy còn có người không hiểu, nên nay sẽ hỏi: Trong mười tám không, có gì chẳng nói bốn không cuối cùng?

Đáp: Cái không thứ mười bốn là Nhất thiết pháp không. Nói nhất thiết tức là trùm khắp tất cả pháp, thế nên không nói.

Hỏi: Nếu như vậy, chỉ nên nói mười bốn, cứ gì lại có mười tám không?

Đáp: Trong kia phân biệt tất cả pháp tướng không, tất cả không đều tổng nhiếp vào mười tám không. Trong này vì hành giả mà nói. Hành giả hoặc tu một không, hai không, cho đến mười bốn không, tùy theo chỗ chấp trước nhiều hay ít. Có người chấp trước tà kiến sâu nặng, thời dùng bốn không còn lại, vì cứ sao? Vì hữu pháp, vô pháp v.v... là tà kiến ngoại đạo. Bồ Tát tu từ bi tâm nhu nhuyễn nên không sinh tà kiến chấp có, chấp không như vậy. Lại nữa, Bồ Tát lấy mười bốn không huân tập tâm, nên ở trong có và không rõ ràng không sai lầm. Thế nên không nói bốn không cuối cùng.

Hỏi: Cứ sao nói Bồ Tát giống như Phật, không có tâm tham trước; câu nói ấy có nghĩa gì?

Đáp: Phật dứt các phiền não tập khí, không còn sinh khởi, còn Bồ Tát do sức Bát nhã chế phục, làm cho không khởi. Nay muốn tán thán sức Bát nhã, nên tuy kiết sử chưa dứt mà sức Bát nhã nơi Bồ Tát cùng với Phật đã dứt kiết sử không khác, để khiến người ta biết quý sức Bát nhã mà phát tâm nghĩ rằng, trong đây không có pháp hoặc sinh, hoặc diệt, hoặc chịu sự mắng nhiếc, cắt xẻ.

Hỏi: Đây tức là vô sinh nhẫn, cứ sao lại nói là nhu thuận nhẫn?

Đáp: Trong đây nói cốt phá giả danh chúng sinh, do năm uẩn hòa hợp, chứ không thể phá pháp. Thế nên kinh nói: Không có kẻ sinh, diệt; không có ai chịu mắng nhiếc. Lại, người ấy phá ngã, tuy quán pháp không mà chưa thể thâm nhập, nên vẫn còn ưa đắm pháp. Như được vô sinh pháp nhẫn mà vẫn có tâm từ bi thương xót chúng sinh; ở trong nhu thuận nhẫn cũng có niệm về pháp không. Trong hai pháp ấy: Một là ở nơi chúng sinh không thể có được nên gọi là chúng sinh nhẫn; hai là ở nơi pháp không thể có được nên gọi là pháp nhẫn. Pháp nhẫn, không trở ngại chúng sinh nhẫn; chúng sinh nhẫn, không trở ngại pháp nhẫn, chỉ có sâu cạn khác nhau.

Hỏi: Tam muội Siêu việt không được siêu hai bậc, lại không từ tán tâm mà vào Diệt tận định, cứ gì trong đây nói như vậy?

Đáp: Pháp Đại, Tiểu thừa khác nhau: Không siêu hai bậc là trong pháp Tiểu thừa nói. Còn Bồ Tát có vô lượng phước đức và trí tuệ, thâm nhập

thiền định nên có thể tùy ý siêu việt. Như lực sĩ người nhảy không quá vài trượng, nếu lực sĩ trời nhảy không kể gần xa. Lại, trong A tỳ đàm đều vì hàng phàm phu và Thanh văn mà nói; Bồ Tát thời không vậy. Do lực trí tuệ vào tam muội Su tử phần tán, có thể tự tại đối với các pháp; do lực Bát nhã có thể tùy ý thuyết pháp tự tại, thích ứng với chúng sinh. Lại, có Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật nhiều, biết thật tướng các pháp an trú bất động, hết thấy thế gian trời, người không thể cật nạn làm khuynh động được. Nếu được tài vật bố thí hai hạng, hoặc là thí cho Phật, hoặc thí cho chúng sinh, vì chúng sinh không nên tâm kia bình đẳng, không quý trọng chư Phật, không khinh dễ chúng sinh. Nếu thí cho người nghèo mà khinh dễ nên phước ít, nếu thí cho Phật, mà vì đằm trước nên phước không đầy đủ. Nếu đem vàng bạc, vật báu và cỏ cây để bố thí, vì pháp không nên cũng bình đẳng không khác. Dứt các vọng tưởng phân biệt các pháp một hoặc khác, vào pháp môn không hai mà bố thí; ấy gọi là tài thí. Pháp thí cũng như vậy, không tham quý người có trí biết thọ pháp thí, không khinh chê người vô trí không biết pháp, vì sao? Vì Phật pháp vô lượng, không thể nói, không thể nghĩ bàn. Như nói pháp bố thí thiên cận, và nói mười hai nhân duyên không, vô tướng, vô tác; không, vô tướng, vô tác là pháp thậm thâm, bình đẳng, không sai khác, vì sao? Vì pháp ấy đều vào trong tịch diệt, không hý luận. Như vậy là từ Bát nhã sinh bố thí.

*Lại nữa, Bồ Tát ấy đem công đức tùy hỷ đối với ba thứ tu hành của mười phương chư Phật và đệ tử, đều chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Do lực trí tuệ nên không có việc gì không thí và chia xẻ phước đức cho chúng sinh. Lại, có Bồ Tát trong khi bố thí sinh các tâm tốt, nhỏ sạch cội gốc xan tham mà thực hành bố thí. Đem tâm từ bố thí nên dứt sân giận. Thấy người lãnh thọ được vui thì hoan hỷ, nên dứt tâm tật đố. Lấy tâm cung kính mà bố thí nên phá tâm nghi và vô minh. Không nghĩ rằng người cho và người lãnh thọ có tướng nhất định, nên phá tà kiến chấp có, chấp không. Xem người lãnh thọ như Phật, xem vật bố thí như tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác, xem thân mình từ xưa lại đây rốt ráo không; nếu như vậy bố thí không hư dối thời được thẳng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Các tướng như vậy gọi là từ Bát nhã ba la mật sinh Bố thí Ba la mật.

*Lại nữa, Bồ Tát thâm nhập Bát nhã ba la mật thanh tịnh, nên chẳng phải không có chúng sinh mà có thể thọ trì mười thiện giới. Vì muốn phá tâm điên đảo sát sinh nên có giới không sát sinh, chứ không phải trong thật tướng có giới đó.

*Lại nữa, có người giữ giới không sát sinh đối với chúng sinh ở trong một trăm do tuần; có người giữ giới không sát sinh đối với chúng sinh trong một cõi Diêm Phù Đề; như vậy là giữ giới đối với chúng sinh có hạn lượng. Hoặc giữ giới trong một ngày, hoặc giữ năm giới, mười giới; như vậy là giữ giới có hạn lượng. Bồ Tát tu Bát nhã, giữ giới đối với chúng sinh trong vô lượng quốc độ không vì một đời hay hai đời. Như: Như như, hư không, pháp tính, thật tế, vì tướng rớt ráo không, nên không chấp thủ giới tướng, không ghét phá giới, không trước trì giới. Ấy là từ Bát nhã ba la mật phát sinh giới đầy đủ, không có phân biệt.

Nhẫn có hai thứ: Một là chúng sinh nhẫn; hai là pháp nhẫn. Bồ Tát thâm nhập Bát nhã ba la mật nên được pháp nhẫn. Có thể tin thọ vô lượng Phật pháp, tâm không có phân biệt thì, phi; tướng như vậy gọi là từ trong Bát nhã sinh nhẫn nhục.

Lại có Bồ Tát do siêng năng đầy đủ năm Ba la mật nên tu Bát nhã ba la mật. Được thật tướng các háp, dứt ba nghiệp, thân không tạo tác, miệng không nói năng, tâm không niệm tướng; như người trong mộng thấy mình chìm trong biển cả, cử động tay chân mong qua khỏi; đến khi thức dậy, tâm mộng liền dứt; ấy là từ trong Bát nhã ba la mật phát sinh sức tinh tấn. Như trong kinh Trì Tâm nói: Ta có được sức tinh tấn nên ở chỗ Phật Nhiên Đăng được thọ ký.

Phật dạy: Lìa trí tuệ thì không có thiên định, phải nhờ sức trí tuệ mới được thiên định; thế nên từ trí tuệ sinh thiên định. Như Phật nói trong kinh Bích chi Phật: Có một quốc vương thấy hai con trâu đực vì dâm dục nên đấu nhau chết. Vua tự giác ngộ rằng: Ta do tài sắc nên chinh phạt các nước khác thì có khác gì đây? Liền lìa bỏ năm dục, được thiên định, thành Bích Chi Phật. Bồ Tát cũng như vậy. Do ít nhiều nhàm chán nam dục, trừ lượng cái vui năm dục với cái vui thiên định, thật cách xa nhau. Ta há có thể vì chút ít cái vui năm dục mà bỏ mất cái vui thiên định sao? Cái vui thiên định là cái vui phước đức thanh tịnh, tràn khắp thân tâm. Như vậy, từ trí tuệ phân biệt phát sinh thiên định. Nghĩa chữ thiên định như trong kinh đã nói.

*Lại nữa, Bồ Tát từ trong vô lượng kiếp, vì Phật đạo nên gieo trồng căn lành, lìa năm dục nên đối với các thiên định được tự tại, thâm nhập Như như, pháp tính, thật tế. Do sức tinh tấn, phương tiện, từ bi nên ra khỏi pháp thậm thâm, trở lại tu các công đức. Người ấy đã thắng phục tâm mình, trong một niệm có thể tu sáu Ba la mật. Nghĩa là Bồ Tát trong khi bố thí đúng như pháp xả bỏ tài vật; ấy là Thí Ba la mật. An trú trong mười thiện đạo mà bố

thí, không hướng đến Nhị thừa; ấy là Giới Ba la mật. Nếu có các phiền não xan tham v.v... và ma dân đi đến, không thể làm động tâm; ấy gọi là Nhẫn Ba la mật. Trong khi bố thí, thân tâm tinh tấn không ngừng nghỉ; ấy gọi là Tấn Ba la mật. Nhiếp tâm vào việc bố thí, không tán loạn, không nghỉ, không hối, hướng thẳng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác; ấy gọi là Thiền Ba la mật. Trong khi bố thí, người cho, người thọ nhận và tài vật đều không thể có được; không như những người tà kiến chấp thủ tướng, vọng thấy có tướng nhất định; như chư Phật, hiền thánh xem tướng tài vật, tướng người nhận, người cho và tướng chỗ hồi hướng, khi pháp thí cũng như vậy; ấy gọi là Bát nhã Ba la mật. Bồ Tát thọ đủ các giới, thiện tâm khởi lên, chánh ngữ, chánh nghiệp ba thứ luật nghi: Giới luật nghi, thiện định luật nghi và vô lậu luật nghi; ở trong giới ấy bố thí sự không sợ cho chúng sinh; ấy gọi là Thí Ba la mật. Các phiền não dâm dục, sân giận muốn làm phá giới, đều có thể chế phục, có thể nhẫn nhịn.

*Lại nữa, bị người đến mắng nhiếc, đánh hại, vì sợ phá giới nên nhẫn nhịn không đáp trả. Lại, gặp sự đói khát, lạnh nóng, các khổ bức bách, vì giữ giới nên đều có thể nhẫn chịu; ấy gọi là Nhẫn Ba la mật. Phân biệt các giới tướng nặng, nhẹ, có tàn dư, hoặc không tàn dư, nhân duyên gốc, ngọn; hoặc ngăn không cho làm, đó là tâm tinh tấn; hành trì đúng như giới pháp, có phạm thời hạ ý sám trừ; ấy gọi là thân tinh tấn. Do tinh tấn trì giới ấy, nên không cầu làm vua trời, vua người, cho đến không chứng Niết bàn Tiểu thừa, mà chỉ vì giới là trú xứ của Bồ Tát đạo, do trì giới có thể tu tập cả nam Ba la mật; ấy gọi là Tinh tấn Ba la mật. Bồ Tát nếu trì giới thanh tịnh thời không lìa thiện định, vì sao? Vì trì giới thanh tịnh thời phá các phiền não, tâm được điều hòa, chế phục; thí như tuổi già cướp hết sức trẻ, chết đến dễ tan hoại. Hành giả vì không được thiện định nên niệm tướng năm dục, sinh năm triền cái, xâm hại việc trì giới. Thế nên, vì trì giới được kiên cố cầu các vui thiện định. Thiện định là thu nhiếp tâm tâm số pháp hòa hợp một nơi gọi là thiện định. Hành giả trừ được nghiệp thân, miệng ác phá giới, tiếp trừ ba ác giác quán, vậy sau trừ ba giác quán vi tế; nghĩa là giác quán về quốc độ, về bà con và về bất tử. Trừ được như vậy rồi, liền được thiện định, ấy gọi là Thiền Ba la mật. Trong khi trì giới, biết giới có thể phát sinh quả báo công đức đời này, đời sau như vậy; ấy gọi là trí tuệ.

*Lại nữa, giới, trì giới, người phá giới, ba việc đó đều không thể có được; ấy gọi là trí tuệ. Người có ba hạng: Người hạng dưới phá giới, người hạng giữ chấp trước giới, người hạng trên không chấp trước giới. Bồ Tát suy nghĩ: Nếu ta ghét phá giới và người phá giới; ưa giới và người giữ giới

mà sinh tâm ưa, ghét thời trở lại chịu tội nghiệp. Thí như voi tắm xong rồi lại lấy bùn đất bôi lên mình, do vậy không nên sinh tâm yêu, ghét.

*Lại nữa, hết thấy pháp đều thuộc nhân duyên, không được tự tại. Các thiện pháp đều nhân ác pháp sinh; nếu nhân ác pháp sinh làm sao chấp trước được? Ác pháp nhân thiện pháp sinh làm sao ghét bỏ được? Suy nghĩ như vậy, đi thẳng vào thật tướng các pháp, quán việc trì giới và phá giới từ nhân duyên sinh nên không được tự tại; không được tự tại nên rất ráo không; rất ráo không nên không chấp trước; ấy gọi là Bát nhã ba la mật. Bồ Tát trong khi tu nhẫn nhục, nghĩ rằng: Nếu chúng sinh đi đến cắt xẻ thân ta, ta liền bố thí, không để cho chúng sinh mắc tội trộm cướp. Hoặc khi tu nhẫn nhục, nhân nhẫn nhục thuyết pháp, dùng mỗi mỗi nhân duyên phân biệt thế gian, Niết bàn, khiến cho chúng sinh trú trong sáu Ba la mật, được chúng sinh nhân. Lấy thân bố thí gọi là tài thí. Được pháp nhân, thâm nhập các pháp, vì chúng sinh thuyết giảng, ấy là pháp thí. Hai thí ấy từ hai nhẫn sinh, gọi là Thí Ba la mật. Bồ Tát khi tu nhẫn nhục còn không tiếc thân mạng, huống gì nào hại chúng sinh để mắc tội phá giới! Thế nên, nhân nhẫn mà trì giới; thương xót chúng sinh, muốn độ thoát cho họ. Trì giới là trú xứ an lập hết thấy thiện pháp; ấy gọi Giới Ba la mật. Bồ Tát ở trong nhẫn nhục, thân tâm siêng tu bốn Ba la mật; ấy gọi là tinh tấn. Ở trong nhẫn nhục tâm, điều hòa nhu nhuyễn, không đả trước năm dục, nhiếp tâm một nơi; Ta đối với chúng sinh có thể nhẫn nhục như đất, ấy gọi là Thiên Ba la mật. Bồ Tát biết quả báo của nhẫn nhục là được thân tướng hảo trang nghiêm. Bồ Tát tu nhẫn, hay chường ngại các phiền não, hay nhẫn chịu sự xấu ác của chúng sinh, hay nhẫn chịu các pháp thâm diệu, về sau được thật tướng các pháp; khi ấy thân tâm hành giả được vô sinh pháp nhẫn, tức là Bát nhã ba la mật.

Bồ tát trú trong tinh tấn sinh các Ba la mật là, tinh tấn là căn bản của hết thấy điều lành; lia tinh tấn thời không có được thiện pháp. Nhưng chỉ do sức tinh tấn nhiều mà phát sinh năm Ba la mật, nên gọi là tinh tấn sinh. Bồ Tát thường tu ba cách bố thí chưa từng lia bỏ; ấy gọi là Thí Ba la mật. Bồ Tát có chánh nghiệp về thân, miệng, hướng thẳng đến Phật đạo, không tham Nhị thừa; ấy gọi là Giới Ba la mật. Siêng tu tinh tấn, có người đi đến hủy hoại Bồ Tát đạo, Bồ Tát có thể nhẫn chịu không lay động; ấy gọi là Nhẫn Ba la mật. Bồ Tát tuy tu các pháp, tâm không tán loạn, nhất tâm niệm tướng Nhất thiết trí; ấy gọi là Thiên Ba la mật. Có hai cách tinh tấn: Một là động tướng, tức thân tâm siêng tu; hai là dứt hết hý luận, nên thân tâm bất động. Bồ Tát tuy siêng tu động tinh tấn, cũng không lia bất động tinh tấn, bất động tinh tấn không lia Bát nhã ba la mật. Bồ Tát do sức thiên định mà tâm từ bi, nên bố thí sức không sợ cho chúng sinh. Hoặc do sức thiên định nên biến

làm ra bảo vật như núi tu di, làm đầy đủ cho tất cả; mưa các hương hoa cúng dường chư Phật và bố thí cho chúng sinh nghèo cùng áo chăn, ăn uống. Hoặc vào trong thiền định vì mười phương chúng sinh thuyết pháp; ấy gọi là Thí Ba la mật. Trong đây tùy theo thiền định mà hành thiện nghiệp thân, thiện nghiệp miệng; lia tâm Thanh văn, Bích chi Phật; ấy gọi là Giới Ba la mật. Bồ Tát vào thiền định, được cái vui thanh tịnh, nhu nhuyễn, có thể không đắm thiền định. Nhờ sức thiền định nên thâm nhập các pháp không, hay nhẫn chịu pháp ấy, tâm không nghi hối; ấy gọi là Nhẫn Ba la mật. Bồ Tát khi nhẫn nhục, muốn sinh khởi các tam muội như tam muội Siêu việt, tam muội Sư tử phần tấn v.v... và vô lượng tam muội khác không ngừng nghĩ; ấy gọi là Tinh tấn Ba la mật. Nhờ sức thiền định, tâm thanh tịnh không lay động, có thể vào thật tướng các pháp, thật tướng các pháp tức là Bát nhã ba la mật. Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật, hay quán ba tướng bố thí như vô lượng, diệt các hý luận về chẳng phải có, chẳng phải không; ấy gọi là Thí Ba la mật trong vô lượng, vô tận Bát nhã. Thân và khẩu nghiệp hành theo Bát nhã, vì được Bát nhã, nên có thể trì giới thanh tịnh, bền chắc; ấy gọi là Giới Ba la mật. Trú trong Bát nhã, chúng sinh nhẫn, pháp nhẫn càng thanh tịnh sâu xa, ấy gọi là Nhẫn Ba la mật. Tu Bát nhã thân tâm của Bồ Tát được thanh tịnh, được bất động tinh tấn, xem động tinh tấn như huyễn, như mộng; vì được bất động tinh tấn nên không vào Niết bàn; ấy gọi là Tinh tấn Ba la mật. Bồ Tát tu tu vô ngại Bát nhã ấy, nên tuy thường vào thiền định, nhưng vì được sức Bát nhã ba la mật nên không ra khỏi thiền định mà vẫn có thể độ thoát chúng sinh; ấy gọi là Thiền Ba la mật.

Như vậy, Bồ Tát nhờ trí tuệ lanh lợi, ở trong một tâm, trong một lúc có thể đầy đủ sáu Ba la mật.

(Hết cuốn 81 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 82

Giải Thích: Phẩm Phương Tiện Thứ 69

(Kinh Ma Ha Bát Nhã ghi: Phẩm Đại Phương Tiện)
(Kinh Đại Bát Nhã hội hai ghi: Phẩm Xảo Tiện thứ 68)

Kinh: Bấy giờ Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát ấy từ khi phát tâm trở lại đây thời gian bao lâu mà thành tựu lực phương tiện như vậy?

Phật dạy: Tu bồ đề, Bồ Tát ấy thành tựu lực phương tiện, từ khi phát tâm trở lại đây trải qua vô lượng vô số kiếp.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát ấy cúng dường bao nhiêu đức Phật mà thành tựu lực phương tiện như vậy?

Phật dạy: Bồ Tát ấy thành tựu lực phương tiện từng cúng dường hằng hà sa số Phật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát được lực phương tiện như vậy, trồng những căn lành gì?

Phật dạy: Bồ Tát thành tựu lực Phật như vậy, là do từ khi phát tâm trở lại đây, đầy đủ Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát thành tựu lực phương tiện như vậy rất nhiều.

Phật dạy: Như vậy, như vậy, Bồ Tát thành tựu lực phương tiện như vậy rất nhiều; thí như mặt trời mặt trăng chiếu khắp bốn châu thiên hạ, làm lợi ích rất nhiều, Bát nhã ba la mật cũng như vậy, chiếu năm Ba la mật, làm lợi ích rất nhiều. Tu Bồ Đề, thí như Chuyển luân Thánh vương; nếu không có xe báu thời không được gọi là Chuyển luân Thánh vương;; năm Ba la mật cũng như vậy, nếu lìa Bát nhã ba la mật thời không được gọi danh từ Ba la mật, không lìa Bát nhã ba la mật nên được gọi danh từ Ba la mật. Thí dụ như người phụ nữ không chồng, dễ bị xâm lăng; năm Ba la mật cũng như vậy, xa lìa Bát nhã ba la mật dễ bị ma hoặc ma trơi phá hoại. Thí như người phụ nữ có chồng khó có thể xâm lăng; năm Ba la mật cũng như vậy, có được Bát nhã ba la mật, ma hoặc ma trơi không thể phá hoại. Thí như tướng quân đầy đủ áo giáp, binh trượng, các nước lân cận, cường địch không thể phá hoại; năm Ba la mật cũng như vậy, không xa lìa Bát nhã ba la mật nên ma hoặc ma trơi, hoặc người tăng thượng mạn, cho đến Bồ Tát Chiên đà la không thể phá hoại. Thí như vua nước nhỏ theo thời triều cống Chuyển luân Thánh vương; năm Ba la mật cũng như vậy, thuận theo Bát nhã ba la mật. Thí như trăm sông muôn dòng đều chảy vào sông Hằng rồi vào biển cả; năm Ba la mật cũng như vậy, được Bát nhã ba la mật thủ hộ nên tùy thuận đến Nhất thiết trí. Thí như cánh tay phải của người, làm việc tiện lợi, Bát nhã ba la

mật cũng như vậy; cánh tay trái của người, làm việc không tiện, năm Ba là mật cũng như vậy. Thí như muôn dòng sông hoặc lớn hoặc nhỏ đều vào biển cả hợp làm một vị, năm Ba là mật cũng như vậy, được Bát nhã ba la mật thủ hộ, theo Bát nhã ba la mật vào Nhất thiết trí, được gọi là Ba la mật. Thí như bốn binh chủng của Chuyển luân Thánh vương, xe báu dẫn đường, ý vua muôn ngừng thời xe ngừng ngay, làm cho bốn binh chủng được mãn nguyện, xe báu cũng không rời chỗ cũ; Bát nhã ba la mật cũng như vậy, dẫn đường năm Ba la mật đến Nhất thiết trí thường ở trong đó, không vượt quá chỗ cũ. Thí như bốn binh chủng của Chuyển luân Thánh Vương, xe báu dẫn đường, Bát nhã ba la mật cũng như vậy, dẫn đường năm Ba la mật đến an trú Nhất thiết trí. Bát nhã ba la mật cũng không phân biệt: Thí Ba la mật tùy theo tập, Giới Ba la mật cho đến Thiên Ba la mật không tùy theo ta. Thí Ba la mật cũng không phân biệt: Ta tùy theo Bát nhã ba la mật, còn Giới Ba la mật cho đến Thiên Ba la mật ta không tùy theo. Giới Ba la mật cho đến Thiên Ba la mật cũng như vậy, vì sao? Vì tính của các Ba la mật không có năng tác, tự tính không, hư dối, như sóng nắng.

Bấy giờ, Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp tự tính không, làm sao Bồ Tát tu sáu Ba la mật sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát khi tu sáu Ba la mật nghĩ rằng, tâm thế gian đều điên đảo, ta nếu không tập sức phương tiện thời không thể độ thoát chúng sinh khỏi vòng sinh tử; ta sẽ vì chúng sinh nên thực hành Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật. Bồ Tát ấy vì chúng sinh nên xả bỏ tài vật trong ngoài, khi xả bỏ nghĩ rằng, ta không xả bỏ gì, vì sao? Vì tài vật ấy chắc chắn sẽ hư hoại. Bồ Tát suy nghĩ như vậy nên có thể đầy đủ Thí Ba la mật. Vì chúng sinh nên trọn không phá giới, vì sao? Vì Bồ Tát nghĩ rằng, ta vì chúng sinh mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nếu sát sinh là điều không nên, cho đến ta vì chúng sinh mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nếu sinh tà kiến thời hoặc tham trước Thanh văn, Bích chi Phật địa là điều không nên. Bồ Tát suy nghĩ như vậy là có thể đầy đủ Giới Ba la mật. Bồ Tát vì chúng sinh nên không sân giận, cho đến giận trong giây lát. Bồ Tát suy nghĩ như vậy: Ta nên làm lợi ích chúng sinh, có sao khởi tâm sân giận? Như vậy, có thể đầy đủ Nhẫn Ba la mật. Bồ Tát vì chúng sinh nên cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác thường không sinh tâm giải đãi; tu như vậy có thể đầy đủ Tinh tấn Ba la mật. Bồ Tát vì chúng sinh nên cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác không sinh tâm tán loạn; tu như vậy có thể đầy đủ Thiên Ba la mật. Bồ Tát vì chúng sinh nên cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác trọn

không lìa trí tuệ, vì sao? Vì trừ trí tuệ ra không thể xó pháp gì độ thoát chúng sinh được. Tu như vậy có thể đầy đủ Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu các Ba la mật không sai biệt nhau thì làm sao Bát nhã ba la mật là đệ nhất, tối thượng, vi diệu đối với năm Ba la mật?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy, các Ba la mật tuy không có sai khác, nếu không có Bát nhã ba la mật thì năm Ba la mật không được gọi là Ba la mật, nhân nơi Bát nhã ba la mật mà năm Ba la mật kia được gọi là Ba la mật. Thí như các loài chim đủ màu sắc đến ở bên núi Tu di đều đồng thành một sắc; năm Ba la mật cũng như vậy, nhân nơi Bát nhã ba la mật đạt đến trong Nhất thiết trí thành một loại không khác, không phân biệt đây là Thí Ba la mật, đây là Giới Ba la mật cho đến đây là Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì các Ba la mật không có tự tính, vì do nhân duyên nên các Ba la mật không có sai khác.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Nếu theo thật nghĩa không có phân biệt, làm sao Bát nhã ba la mật lại là tối thượng vi diệu đối với năm Ba la mật?

Phật dạy: Như vậy, như vậy, Tu Bồ Đề, tuy theo thật nghĩa không có phân biệt, chỉ theo pháp thế tục nên nói Thí Ba la mật, Giới Ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật. Vì muốn độ chúng sinh khỏi vòng sinh tử, mà chúng sinh ấy thật chẳng sinh chẳng tử, chẳng khởi chẳng thoái lui. Nay Tu Bồ Đề, vì chúng sinh không có gì của chính nó, vậy nên biết hết thảy pháp không có gì của chính nó. Do nhân duyên ấy nên Bát nhã ba la mật tối thượng, tối diệu đối với năm Ba la mật. Thí như trong chúng người nữ của cõi Diêm phù đề, ngọc nữ báu là đệ nhất, tối thượng, tối diệu; Bát nhã ba la mật cũng vậy, là đệ nhất, tối thượng, tối diệu đối với năm Ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, vì ý gì mà Phật nói Bát nhã ba la mật là tối thượng, tối diệu?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Vì Bát nhã ba la mật đưa hết thảy thiện pháp đến trong Nhất thiết trí, trú chỗ không trú.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật có thật pháp khả thủ khả xả chăng?

Phật dạy: Không. Bát nhã ba la mật không có thật pháp khả thủ, khả xả, vì sao? Vì hết thấy pháp không thủ không xả.

Bạch Đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật không thủ, không xả pháp gì?

Phật dạy: Bát nhã ba la mật không thủ, không xả sắc; không thủ, không xả thọ, tưởng, hành, thức cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao không thủ sắc cho đến không thủ Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật dạy: Nếu Bồ Tát không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, ấy gọi là không thủ sắc cho đến không thủ Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, nếu không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, làm sao được tăng ích thiện căn? Thiện căn không tăng ích thì làm sao đầy đủ các Ba la mật? Nếu không đầy đủ các Ba la mật thì làm sao được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu Bồ Tát không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, khi ấy thiện căn được tăng ích; thiện căn tăng ích nên đầy đủ các Ba la mật; các Ba la mật đầy đủ nên được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì sao? Vì khi không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, liền được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì nên trong khi không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác liền được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật dạy: Vì nghĩ đến thời đấm trước cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; không nghĩ đến thời không đấm trước. Như vậy, Tu Bồ Đề, Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật không nên đấm trước gì.

Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật như vậy nên trú vào chỗ nào?

Phật dạy: Bồ Tát tu như vậy không trú nơi sắc cho đến không trú nơi trí Nhất thiết chủng.

Bạch Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì nên vậy không trú nơi sắc cho đến không trú nơi trí Nhất thiết chủng?

Không chấp trước nên không trú, vì sao? Vì Bồ Tát ấy không thấy có pháp có thể chấp trước, có thể thủ; như vậy, Bồ Tát do không trú, không trước pháp tu Bát nhã ba la mật.

Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát nghĩ rằng, nếu hành được như vậy, tu được như vậy là tu Bát nhã ba la mật. Ta nay hành Bát nhã ba la mật, tu Bát nhã ba la mật; nếu chấp thủ tướng như vậy thời xa lìa Bát nhã ba la mật; nếu xa lìa Bát nhã ba la mật thời xa lìa Thí Ba la mật cho đến xa lìa trí Nhất thiết chủng, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật không có chỗ trú trước, cũng không có người trú trước, vì tự tính không. Bồ Tát nếu còn chấp thủ tướng thời thoái thất đối với Bát nhã ba la mật; nếu thoái thất Bát nhã ba la mật thời thoái thất Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không được Phật thọ ký. Bồ Tát lại nghĩ rằng: Trú nơi Bát nhã ba la mật có thể phát sinh Thí Ba la mật cho đến tâm đại bi. Nếu nghĩ như vậy thời mất Bát nhã ba la mật, mất Bát nhã ba la mật thời không thể phát sinh Thí Ba la mật cho đến tâm đại bi. Bồ Tát nếu lại nghĩ rằng: Chư Phật biết các pháp không có tướng lãnh thọ nên được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát nếu diễn thuyết, khai thị, dạy bảo như vậy thời mất Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì chư Phật đối với các pháp không có sở tri, không có sở đắc, cũng không có pháp khả thuyết, huống gì sẽ có sở đắc, thời không có lẽ đó.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật làm sao không có lỗi lầm ấy?

Phật dạy: Nếu Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật nghĩa rằng: các pháp không có gì của chính nó, không thể chấp thủ thời không có sở đắc. Nếu làm được như vậy là tu Bát nhã ba la mật. Nếu Bồ Tát đắm trước nơi pháp không có gì của chính nó thời xa lìa Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật không có pháp chấp trước.

Mắt 16 trang từ 49 đến 64

la mật? Năm Ba la mật tuy chưa vào Bát nhã thời có sai khác, khi đã vào Bát nhã thời không có sai khác? Như các vật có màu sắc khác nhau,

nhưng khi đến núi Tu di thời cùng biến thành một màu; không được nói màu của các vật đều đồng, có sao chỉ gọi riêng núi Tu di là lớn? Thí ba la mật ... cũng như vậy, tuy không có sai khác, nhưng đều vì sức Bát nhã nên không được nói, có sao chỉ xưng Bát nhã là lớn? Tu Bồ Đề tuy mong được Phật giải thích mà còn chưa hiểu rõ, lại đem việc khác để hỏi Phật: Nếu ở trong thật nghĩa không có sai khác, thời làm sao Bát nhã lại tối thượng đối với năm Ba la mật? Trước kia nói chưa được Thánh đạo không, nay nói được Thánh đạo không, thế nên nói là đệ nhất thật nghĩa. Thánh đạo đệ nhất thật nghĩa là rất đáng tin, trong ấy cũng không có sai khác. Phật hứa khả nói rằng: Như vậy, như vậy, Ta phân biệt ỏi sáu Ba la mật đều là vì thế tục mà nói, vì sao? Đối người đời không thể chỉ vì họ nói thật tướng các pháp. Họ nghe rồi mê muội nên sinh nghi hối. Do thế, lấy đệ nhất nghĩa làm tâm và dùng ngôn ngữ thế tục để nói; vì vậy phân biệt các Ba la mật giáo hóa chúng sinh. Chúng sinh thật không có pháp, đều là không, không sinh, không diệt, không thoái không khởi; sắc cũng như vậy. Thế nên Bát nhã ba la mật tuy không mà có thể chỉ bày những việc như vậy; thí như ngọc nữ báu là đệ nhất tối thượng, tối diệu giữa chúng nữ nhân.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Phật có ý gì mà thường nói Bát nhã tối thượng, khi nghe Tu Bồ Đề mỗi mỗi nói Bát nhã và năm Ba la mật không có sai khác, Phật cũng hứa khả rồi lại nói Bát nhã là tối thượng?

Phật dạy: Bát nhã thủ hộ hết thảy thiện pháp đưa đến trú trong Nhất thiết trí. Hết thảy pháp tuy không, nếu không có Bát nhã thời hết thảy thiện pháp đều không thể đạt đến Nhất thiết trí. Thiện pháp là năm Ba la mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đại từ đại bi, các pháp của Bồ Tát...

Hỏi: Nếu tu các pháp lành cũng có thể đến Nhất thiết trí, có gì chỉ nói nhờ Bát nhã mới được đến.

Đáp: Tuy các thiện pháp hòa hợp lại có thể phá phiền não, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, mà Bát nhã đối với trong ấy có công sức lớn; thí như đại quân đánh địch mà chủ tướng được công danh. Lại có người nói: các thiện pháp không có được Bát nhã thời không đến được Nhất thiết trí. Bát nhã không có được các thiện pháp thời chỉ có thể đến Nhất thiết trí. Như Kinh nói: Ở nước Phật Sư tử Lô âm có cây báu trang nghiêm, thường tuôn ra vô lượng pháp âm noi về hết thảy pháp rốt ráo không, không sinh không diệt; nhan dân nước ấy sinh ra liền nghe pháp âm ấy, nên không khởi tâm ác, được vô sinh pháp nhẫn. Người như vậy thời đâu có các công đức bố thí, trì giới...? Cũng có người cuồng, người say theo Phật theo Tứ đế tức

thời được đạo? Những người không có trí tuệ tu các pháp khác như vậy cũng đắc đạo, không có lẽ ấy.

Tu Bồ Đề hỏi Phật: Bát nhã rốt ráo không, không lấy pháp thánh, không bỏ pháp phàm phu, cứ sao Phật nói Bát nhã ấy có thể đưa đến trú trong Nhất thiết trí?

Phật hứa khả lời ấy và nói: Như vậy, như vậy, Bát nhã ấy không lấy, không bỏ; tuy nói lấy Nhất thiết trí, nhưng vì không chấp thủ pháp nên lấy; nghĩa trú cũng như vậy. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Hết thấy pháp không có tướng chấp thủ. Hết thấy pháp là sắc cho đến Bồ đề; pháp ấy hư dối, từ nhân duyên sinh, không có tự tính cho nên không lấy; không lấy nên không bỏ, do không có ức niệm thủ tướng.

Tu Bồ Đề thưa: Nếu không ức niệm sắc, làm sao tăng trưởng căn lành? Căn lành không tăng trưởng, làm sao được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật đáp: Nếu Bồ tát diệt được ức niệm đối với hết thấy pháp, tức là không, vô tướng, vô tác giải thoát; giải thoát tức là thật tướng các pháp. Tuy có căn lành mà vì tâm chấp thủ tướng điên đảo nên không tăng trưởng; thí như gieo lúa, lúa mạ tuy tốt, song vì cỏ rác nhiều nên không thể tăng trưởng. Trong đây nói nhân duyên: Vì chúng sinh ức niệm nên sinh vào chỗ thiện, bất thiện trong ba cõi; nếu không có ức niệm thì không đắm trước; không đắm trước thì không sinh. Tu Bồ Đề theo Phật, theo Phật nghe xong, suy nghĩ, trừ lượng pháp ấy rốt ráo không, không có gì của chính nó; nếu hành pháp ấy cũng có thể không có được gì, không có chỗ trú, vì sao? Vì nhân quả giống nhau; thế nên hỏi Phật: Bồ Tát nghĩ rằng tu Bát nhã trú chỗ nào, được cái gì? Phật đáp: Không trú trong hết thấy pháp cho đến trong không trú cũng không trú; không thủ tướng nên không đắm trước; không đắm trước nên không trú. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ Tát không thấy pháp có thể chấp trước, có thể trú; không thấy người chấp trước, người trú. Trong đây vì pháp khó phá nên chỉ nói không chấp trước pháp, không trú pháp, mà không nói người trú, người chấp trước.

Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát trú nơi chúng sinh không, pháp không ấy nghĩ rằng: Ta tu được như vậy là lỗi, là lìa, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật là không chấp trước tướng, mà Bồ Tát ấy đem tâm chấp ngã, bên ngoài trước không, bên trong trước ngã, không như thật tu Bát nhã, nên nói xa lìa Bát nhã, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật là không trước tướng, vì tự tính không có

vậy. Ở trên, vì chấp không nên mất, nay vì phá không nên được Bát nhã, nhưng lại chấp trước Bát nhã không có tự tính, nên lỗi; vì lỗi nên không được thọ ký. Nếu nghĩ rằng, trú trong Bát nhã có thể sinh Thí Ba la mật... cũng lại như vậy.

Hỏi: Nhân duyên cả hai đều bị lỗi như trên nói, có thể được; còn đây có gì bị lỗi?

Đáp: Cả hai đều bị lỗi trên vì chấp trước không, chấp trước vô tự tính, lại không thể tu Thí Ba la mật... mà sinh tà kiến, nên nghĩ rằng: Nếu pháp hoàn toàn không thì tu hành cái gì? Người ấy vì chẳng chấp trước không, chẳng chấp trước vô tính nên tu hành Thí Ba la mật... nghĩ rằng: Có thể không chấp trước không, không chấp trước vô tính mà tu công đức ấy, ấy là chơn đạo, cũng là bị lỗi, vì tâm kia còn có chỗ hy vọng. Nếu mất Bát nhã thời không thể tu Thí Ba la mật cho đến tâm đại bi, vì sao? Vì Vô thượng chánh đẳng chánh giác là pháp chơn thật: Bát nhã ba la mật tương tợ pháp ấy, các thiện pháp bố thí... không tương tợ, vì còn chấp thủ tướng. Nếu Bồ Tát tự ức tướng phân biệt hết thấy pháp tướng không thể chấp thủ, thời chư Phật biết người ấy đã được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tướng không chấp thủ là rốt ráo không, không thể chấp thủ, vì các tướng diệt, cũng vì khai thị, diễn nói cho người khác nên mất Bát nhã. Người ấy vì tâm cầu không, nên lỗi; cầu vô tính cũng lỗi: Ta là người phạm phu sinh tử, các phiền não chưa sạch, làm sao đạt được? Chỉ theo lời Phật dạy, tự mình không phân biệt mà định tâm, vì người khác nói, không chấp thủ hết thấy tướng là thật pháp. Mỗi mỗi nhân duyên đem việc ấy khai thị, giáo hóa, ấy cũng là lỗi, vì sao? Vì chư Phật đối với các pháp không có sở đắc, nghĩa không có gì chấp thủ cũng như vậy. Pháp không thể thủ tướng, cho đến danh từ giả còn không thể nói, huống gì pháp có sở đắc? Các pháp tướng tịch diệt, không có hý luận, hết thấy đường ngôn ngữ dứt bật.

Tu Bồ Đề nghĩ rằng: Nếu "không" có lỗi thời trong "không không" cũng có lỗi? Trong pháp không chấp thủ cũng có lỗi, nhưng không thể không có đạo? Nên nay hỏi Phật: làm sao tu hành không có lỗi lầm ấy?

Phật đáp: Nếu Bồ Tát biết các pháp rốt ráo không, không có gì của chính nó, không thể chấp thủ, pháp ấy không thể biết được; tu hành như vậy thời không lỗi. Bồ Tát nếu chấp trước rốt ráo không, chấp trước vô tính, chấp trước đạo tu hành; Phật nói cả ba đều có lỗi. Bồ Tát nghe xong thời bỏ tâm chấp trước, nay còn chấp trước sở hành của Phật, chưa bỏ: Như sở hành của Phật chắc chắn là chơn đạo, ta chỉ theo Phật tu hành, hết thấy pháp

không có gì của chính nó, không chấp thủ tướng. Thế nên là lỗi. Nay có thể như pháp sở đắc trong tâm Phật, pháp tướng như vậy Phật cũng không có tâm sở đắc, vì không có sở đắc nên không tham quý Phật, không khinh hèn kẻ khác. Tâm kia bình đẳng đối với hết thảy chúng sinh.

Đây lại hỏi: Bát nhã thanh tịnh như vậy, không có lỗi lầm, lìa tự tướng, không chấp trước; không lìa tự tướng tức có chấp trước. Nếu lìa tự tướng, làm sao có thể tu hành.

Phật đáp: Nếu Bồ Tát đối với các pháp chẳng sinh, ấy gọi là tu Bát nhã. Bồ Tát ấy không nói sắc hoặc thường hoặc vô thường; không nói là sắc, sắc của ai là sắc, phá sắc, sắc của ai, phá người. Sắc cho đến Nhất thiết chủng cũng như vậy. Nếu pháp rốt ráo không, như vậy truy tìm không thể được; ấy là không thể sinh, vì có sao? Vì pháp có tự tính không thể sinh pháp có tự tính; pháp không có tự tính không thể sinh pháp không có tự tính. Phá các điên đảo được nghị luận chơn thật như vậy là đều do sức Bát nhã ba la mật; các Ba la mật khác đi theo; thí như Chuyển luân Thánh vương đến đâu, bốn binh chũng theo nấy. Do phước của Thánh vương nên bốn binh chũng đều có thể bay; do sức Bát nhã nên các pháp đều là thật tính, đồng đến Phật đạo.

*Lại nữa, thí như khéo điều khiển xe bốn ngựa không đi sai đường. Ngựa tuy có sức kéo xe, nếu không có người điều khiển thì không thể đến được. Bồ thí... tuy có công đức quả báo, nếu không có Bát nhã điều khiển thì không thể đến Phật đạo. Mỗi mỗi thí dụ như vậy, năm Ba la mật vào trong Bát nhã ba la mật, tuy không có sai biệt nhưng vì việc ấy mà Bát nhã là tối tôn tối diệu.

Tu Bồ Đề nghe Phật mỗi mỗi nhân duyên nói Bát nhã tối đại, lại nghe nói không tu hành là tu hành Bát nhã, thế nên hỏi Phật: Thế nào là Bồ Tát đạo, thế nào chẳng phải Bồ Tát đạo? Phật đáp: Nhị thừa chẳng phải Bồ Tát đạo, tuy có kẻ phạm phu và các phiền não, chẳng phải Bồ Tát đạo, vì thô nên không nói; còn hàng Nhĩ thừa đồng tu hành Không, đồng cầu Niết bàn nên nói là chẳng phải Bồ Tát đạo. Việc thô, người ta không nghĩ; việc tế người ta nghĩ. Nhất thiết trí là Bồ Tát đạo, ấy là trong nhân nói quả. Tu Bồ Đề hoan hỷ tán thán Bát nhã rằng: Bát nhã ba la mật vì việc lớn nên sinh khởi, như trong Kinh nói rộng, cho đến vì các pháp thường trú.

Tu Bồ Đề gạn hỏi: Nếu Bát nhã không sinh không diệt, thì làm sao tu bồ thí, trì giới...?

Phật đáp: Vì Bát nhã không sinh không diệt tức là rốt ráo không; vì rốt ráo không nên không trở ngại tu sáu Ba la mật. Bồ Tát nghe mỗi mỗi nhân duyên tán thán Nhất thiết trí; vì Nhất thiết trí nên tu bố thí; vì độ chúng sinh nên hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Công đức của sáu Ba la mật ấy an lập trong thật tướng các pháp mà hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Như vậy, Bồ Tát đầy đủ sáu Ba la mật và các công đức từ bi, không điên đảo, có thiện căn chính hạnh.

Tu Bồ Đề hỏi: Bồ Tát nên làm sao tập hành sáu Ba la mật?

Phật đáp: Bồ Tát quán sắc pháp... không hợp không tán. Sắc pháp... do phiền não điên đảo hòa hợp nên hợp, do chính trí quán sát nên tán; Bồ Tát do lợi trí quán sát sâu xa thời không có pháp hợp, còn phiền não điên đảo hư dối nên chẳng phải hợp; như ở trước phá ô nhiễm và người ô nhiễm đã nói rõ. Thế nên Bồ Tát biết các pháp vốn không hợp nên cũng không tán, thời không sinh tâm cao ngạo.

*Lại nữa, Bồ Tát không nên nghĩ rằng: Ta do trí tuệ chơn thật làm cho sắc pháp... thanh tịnh mà an trú trong đó, vì sao? Vì sắc pháp... không có chỗ trú; như đất trú nơi nước, nước trú nơi gió, gió trú nơi không, không không có chỗ trú; vì vốn không có chỗ trú nên hết thấy đều không trú. Bồ Tát nên như vậy trú trong pháp không trú mà được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trong kinh này nói thí dụ: Hạt giống là Bát nhã ba la mật, quả là Vô thượng chánh đẳng chánh giác hãy nên gieo hạt giống Bát nhã. Người là hành giả, nước là năm Ba la mật; như người khi tưới tẩm cây, tuy chưa thấy quả nhưng thời tiết đến thời se được; thời tiết hòa hợp là đầy đủ các pháp. Như trong kinh Tán thán Bát nhã: Nếu Bồ Tát muốn không làm theo kẻ khác thời nên hiểu được thật tướng các pháp; nếu người có tà kiến đi đến phá hoại, thì giác tỉnh mà không theo họ; nếu muốn nghiêm tịnh cõi Phật, ngồi đạo tràng, Chuyển pháp luân, hãy nên học Bát nhã.

Tu Bồ Đề hỏi Phật: Như lời Phật dạy: Bồ Tát nên học Bát nhã?

Phật dạy: Ta dạy khiến học Bát nhã.

Tu Bồ Đề nghĩ rằng: Hết thấy pháp tướng bình đẳng, có gì chỉ dạy học Bát nhã?

Phật đáp: Học Bát nhã ấy, đối với hết thấy pháp được tự tại, nên Ta dạy học Bát nhã. Bát nhã là tối đại đối với hết thấy pháp; như Phật là tối tôn giữa hết thấy chúng sinh. Lại như muôn sông, biển cả là lớn. Lại như trong

kinh này nói ví dụ người bắn cung. Nếu Bồ Tát có thể thực hành Bát nhã tự tại, đối với các pháp như vậy thời ma hoặc ma dân không thể hơn được, hưởng gì người tăng thượng mạn và người tà kiến? Bồ Tát ấy được mười phương chư Phật hộ niệm. Trong kinh đây, Phật nói: Nếu Bồ Tát tu sáu Ba la mật, cũng không thể quán sáu Ba la mật rốt ráo không; người như vậy có công phu lớn, nên được chư Phật hộ niệm. Thí như dưng sĩ vào trận phá giặc mà không bị thương, được vua hộ niệm; Bồ Tát cũng như vậy, phá giặc phiền não, đầy đủ sáu Ba la mật mà không đắm trước sáu Ba la mật thời được Phật hộ niệm; không chấp thủ thọ, tưởng, hành, thức của Bồ Tát ấy, nên hộ niệm, vì sao? Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức là pháp hư dối, không thật; chư Phật, quán thân Bồ Tát ấy đúng như thật tướng nên hộ niệm. Tu Bồ Đề hoan hỷ thừa: Bồ Tát học nhiều, cũng học pháp thế tục, cũng học đạo, cũng học Ba la mật, cũng học rốt ráo không, cũng học khởi, cũng học diệt. Phạm phu thì học khởi, không thể học diệt; Thanh văn học diệt, không thể học khởi; còn Bồ Tát cũng học khởi, cũng học diệt; thế nên nói có nhiều sở học. Pháp khởi diệt ấy như huyễn, như mộng, rốt ráo không, nên thật không có học gì. Phật hứa khả lời ấy, tự nói nhân duyên: Sở học của Bồ Tát đều không có sở đắc.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Phật nói pháp hoặc lược hoặc rộng, Bồ Tát nên học; vì sao lại nói sở học đều không có sở đắc? Ý Tu Bồ Đề là: Như Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp tu, mười hai bộ loại kinh hoặc rộng hoặc lược, là pháp sở học của ba thừa. Trong đây nói Bồ Tát muốn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác nên học sáu Ba la mật hoặc lược hoặc rộng. Học là nên thọ trì, thân cận pháp ấy; đọc tụng, suy nghĩ, quán sát đúng, cho đến vào vô tướng tam muội, tâm tâm số pháp không hiện hành. Bồ Tát học được như vậy thời biết được tướng rộng, tướng lược của các pháp. Rộng là từ tám vạn bốn ngàn pháp tu cho đến vô lượng thật pháp; lược là cho đến tiêu phẩm kinh, một phẩm trong tiêu phẩm kinh, một đoạn trong một phẩm.

*Lại nữa, lược là biết các pháp hết thấy không, vô tướng, vô tác, vô sinh, vô diệt; rộng là các pháp phân biệt mỗi mỗi tướng như trong phẩm Thiện tri thức ở sau sẽ nói.

Tu Bồ Đề hỏi: Làm sao Bồ Tát biết được tướng lược, tướng rộng của hết thấy các pháp?

Phật đáp: Nếu biết được các pháp như, như tướng; nghĩa là không sinh, không diệt, không trụ dị.

Hỏi: Nếu như là tướng một, tướng vô sinh, làm sao Bồ Tát vì biết như ấy nên biết tướng chung, tướng riêng của các pháp: Tướng chung tức là tướng lược, tướng riêng tức là tướng rộng?

Đáp: Như, là thật tướng của pháp thường trú không hoại, không theo các lối quán sát. Bồ Tát được "như" ấy tức là phá các điên đảo vô minh tà kiến; người ấy vì được thật pháp nên biết rõ ràng tướng chung, tướng riêng của hết thấy pháp thế gian. Hàng phàm phu con mắt tuệ có bệnh, vì vô minh điên đảo che lấp nên không thể biết như thật.

Hỏi: Tướng thật pháp là không, vô tướng, vô tác, các trí bật dứt, làm sao nói được tướng như thật? Biết rõ ràng tướng chung, tướng riêng của các pháp?

Đáp: Trước ta đã đáp mà ông đối với "như" còn thủ tướng nên lại vẫn nạn. Nếu ông biết "như" thì không nên vẫn nạn. Như ấy rốt ráo vô tướng nên không ngăn ngại biết tướng chung, tướng riêng các pháp, vì con mắt trí tuệ rõ ràng.

*Lại nữa, thí như người tuổi đã lớn mới biết việc làm của mình khi nhỏ đều là ngu si, đáng cười. Bồ Tát cũng như vậy, từ trong thật tướng các pháp khởi lên rồi trở lại, đối với sáu căn theo quả báo điên đảo, nghĩ đến cái vui tịch diệt giải thoát mới biết những điều ưa đắm của sáu căn thế gian đều là hư dối, đáng bỏ; ấy gọi là tướng chung. Ở trong đó phân biệt bất tịnh có thượng, trung, hạ; phân biệt vô thường, khổ, không, vô ngã cũng như vậy, cho đến tám vạn bốn ngàn sai lầm.

*Lại nữa, biết như như, pháp tính, thật tế nên cũng biết tướng chung, tướng riêng của các pháp. Nghĩa sai khác giữa như như, pháp tính, thật tế như trong phẩm đầu đã nói. Ở đây Phật nói chẳng phải biên tế là thật tế. Chẳng phải biên tế là không có tướng có thể chấp thủ, không có pháp nhất định có thể chấp trước, vì được pháp tính nên biết mười tám tính của sắc... đều là pháp tính. Tướng của pháp tính là Phật nói không phân, không chẳng phân. Không phân là không thể chỉ bày cái kia, cái này, không có phân biệt; không có tướng, không có lượng; không chẳng phân là không chấp trước vô tướng ấy; vô lượng là phá tướng lượng, pháp tính vì hai việc ngăn ngại nên không thấy: Một là không thấy có tướng có lượng; hai là thấy không tướng không lượng. Có tướng có lượng là thô; không tướng không lượng là tế. Thế nên nói, tướng của pháp tính không phân, không chẳng phân. Bồ Tát vào ba môn giải thoát, trú trong ba thật pháp là như như, pháp tính, thật tế

thời có thể trừ lượng, biết tướng chung, tướng riêng của các pháp. Tu Bồ Đề nghe Phật đáp xong, lại muốn hỏi Phật về các phương diện khác của vô lượng Phật pháp. Phật đáp: Biết hết thấy pháp không hợp không tán thời biết tướng chung, tướng riêng của các pháp.

Hỏi: Mắt thấy hai ngón tay có hợp có tán, vì sao nói không hợp không tán?

Đáp: Trước ta đã nói, cái thấy của mắt thịt với trâu dê thấy không khác nhau, không đáng tin. Lại nữa, ba đốt da bọc thịt gọi là ngón tay; ngón tay không có pháp nhất định. Lại, giả sử có ngón tay cũng không thể hợp hết, chỉ hợp một phần, còn nhiều phần khác không hợp; vì nhiều phần không hợp nên không được nói ngón tay hợp.

Hỏi: Một ít phần hợp nên gọi là hợp?

Đáp: Một ít phần thời không gọi là ngón tay, làm sao nói ngón tay hợp? Nếu nhiều phần không hợp thời không gọi là không hợp, có gì vì một ít mà lại gọi là hợp? Thế nên không được nói hai ngón tay hợp.

*Lại nữa, ngón tay với từng phần không khác, không một, tức là không có ngón tay; không có ngón tay nên không hợp. Ở trong môn phá một khác, thời hoàn toàn không có hợp, như Phật nói trong đây: Hết thấy pháp, tự tính không có; tự tính không có nên tức là không có pháp; không có pháp thời làm sao có hợp, có tán? Tu Bồ Đề nghe Phật nói như như, pháp tính, thật tế không hợp không tán; biết tướng lược, tướng rộng, thế nên Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, ấy gọi là lược nhiếp Bát nhã ba la mật. Lược nhiếp là con đường an ổn nên các Bồ Tát nên học.

(Hết cuốn 82 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 83

Kinh: Bạch Đức Thế Tôn, môn lược nhiếp Bát nhã ấy hàng lợi căn Bồ Tát có thể ngộ nhập.

Phật dạy: Độn căn Bồ Tát cũng có thể ngộ nhập, trung căn Bồ Tát, tán tâm Bồ Tát cũng có thể ngộ nhập; môn ấy vô ngại, nếu Bồ Tát nhất tâm học

đều vào được. Người giải đãi thiếu tinh tấn, vọng niệm, loạn tâm không thể vào được; người tinh tấn, không giải đãi, chánh niệm nhiếp tâm có thể vào. Người muốn trú địa vị bất thoái chuyển muốn mau đến trí Nhất thiết chủng có thể vào. Bồ Tát nên học như Bát nhã ba la mật đã dạy cho đến nên học như Thí Ba la mật đã dạy; Bồ Tát ấy sẽ được Nhất thiết trí. Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật, các ma sự muốn khởi lên liền dứt. Vì vậy nên Bồ Tát muốn được sức phương tiện hãy tu Bát nhã ba la mật. Nếu Bồ Tát hành như vậy, tập như vậy, tu như vậy Bát nhã ba la mật, khi ấy chư Phật hiện tại trong vô lượng vô số quốc độ nghĩ đến vị Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật ấy, vì sao? Vì từ trong Bát nhã phát sinh chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì vậy nên Bồ Tát nên suy nghĩ như vậy: Pháp của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại chúng được, ta cũng sẽ được. Như vậy, Bồ Tát nên tập Bát nhã ba la mật, nếu tập Bát nhã ba la mật như vậy mau được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì vậy nên Bồ Tát thường nên không xa lìa Nhất thiết trí. Nếu Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật như vậy cho đến trong khoảnh khắc gãy móng tay, phước đức của Bồ Tát ấy rất nhiều. Nếu có người dạy cho chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, tự ý bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ; dạy khiến được giải thoát, giải thoát tri kiến; dạy khiến được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, không bằng vị Bồ Tát ấy tu Bát nhã trong khoảnh khắc gãy móng tay, vì sao? Vì từ trong Bát nhã sinh ra bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ, quả Tu đà hoàn cho đến đạo Bích chi Phật. Mười phương chư Phật hiện tại cũng từ trong Bát nhã sinh; chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai cũng từ trong Bát nhã sinh.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên nghĩ tới Nhất thiết trí tu Bát nhã ba la mật, hoặc trong giây lát hoặc nửa ngày, hoặc một ngày, hoặc một tháng, hoặc trăm ngày, hoặc một năm, hoặc trăm năm, hoặc một kiếp, trăm kiếp cho đến vô lượng vô biên vô số kiếp, phước đức của Bồ Tát tu Bát nhã ấy rất nhiều, hơn dạy cho chúng sinh trong mười phương hằng hà sa số thế giới bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến; hơn dạy khiến được quả Tu đà hoàn cho đến đạo Bích chi Phật, vì sao? Vì chư Phật từ trong Bát nhã sinh, dạy bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, Tu Bồ Đề quả cho đến đạo Bích chi Phật.

Nếu có Bồ Tát an trú như Bát nhã dạy, nên biết Bồ Tát ấy là vị bất thoái chuyển, được Phật hộ niệm. Thành tựu sức phương tiện như vậy, nên biết Bồ Tát ấy thân cận cúng dường vô lượng ngàn vạn ức Phật, gieo trồng căn lành, đi theo thiện tri thức lâu ngày tu sáu Ba la mật, lâu ngày tu mười tám không, bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo, mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết chủng. Nên biết Bồ Tát ấy ở địa vị làm con của đấng Pháp

vương, đầy đủ thiện nguyện, thường không lìa Phật, không lìa các căn lành, từ một cõi Phật đến một cõi Phật. Nên biết Bồ Tát ấy có biện tài vô tận, đầy đủ Đà la ni, đầy đủ sắc thân, đầy đủ sự thọ ký, nên vì chúng sinh mà thọ thân. Nên biết Bồ Tát ấy khéo biết môn văn tự, khéo biết chẳng phải môn văn tự; khéo nói, khéo chẳng nói, khéo nói một lời, khéo nói hai lời, khéo nói nhiều lời; khéo biết người nam nói, khéo biết người nữ nói; khéo biết sắc cho đến thức; khéo biết tính thế gian; khéo biết tính Niết bàn; khéo biết tướng pháp; khéo biết tướng hữu vi; khéo biết tướng vô vi; khéo biết pháp có, khéo biết pháp không; khéo biết tự tính, khéo biết tha tính; khéo biết pháp hợp, khéo biết pháp tán; khéo biết pháp tương ưng, khéo biết pháp không tương ưng; khéo biết như, khéo biết chẳng như; khéo biết pháp tính, khéo biết pháp vị, khéo biết duyên, khéo biết vô duyên; khéo biết âm, khéo biết giới, khéo biết nhập; khéo biết bốn đế; khéo biết mười hai nhân duyên; khéo biết thiền; khéo biết sáu Ba la mật, khéo biết bốn niệm xứ cho đến khéo biết trí Nhất thiết chủng; khéo biết tính hữu vi, khéo biết tính vô vi; khéo biết tính có, khéo biết tính không; khéo biết quán sắc, khéo biết quán thọ, tưởng, hành, thức, cho đến khéo biết quán trí Nhất thiết chủng; khéo biết sắc, sắc tướng không; khéo biết thọ, tướng hành thức, thức tướng không, cho đến khéo biết Bồ đề, Bồ đề tướng không; khéo biết đạo xả bỏ, khéo biết đạo không xả bỏ; khéo biết sinh, khéo biết diệt, khéo biết trụ dị; khéo biết dục, khéo biết sân, khéo biết si, khéo biết không dục, khéo biết không sân, khéo biết không si; khéo biết thấy, khéo biết chẳng thấy, khéo biết tà kiến, khéo biết chánh kiến, khéo biết hết thấy kiến; khéo biết danh, khéo biết sắc, khéo biết danh sắc, khéo biết nhân duyên, khéo biết tăng thượng duyên; khéo biết hành tướng; khéo biết khổ, khéo biết tập, khéo biết diệt, khéo biết đạo; khéo biết địa ngục, khéo biết ngạ quỷ, khéo biết súc sinh, khéo biết người, khéo biết trời; khéo biết cõi địa ngục, khéo biết cõi ngạ quỷ, khéo biết cõi súc sinh, khéo biết cõi người, khéo biết cõi trời; khéo biết Tu đà hoàn, khéo biết quả Tu đà hoàn, khéo biết đạo Tu đà hoàn, khéo biết Tu đà hoàn, khéo biết quả Tu đà hoàn, khéo biết đạo Tu đà hoàn, khéo biết A na hàm, khéo biết quả A na hàm, khéo biết đạo A na hàm, khéo biết A la hán, khéo biết quả A la hán, khéo biết đạo A la hán, khéo biết Bích chi Phật, khéo biết quả Bích chi Phật, khéo biết đạo Bích chi Phật, khéo biết Phật, khéo biết trí Nhất thiết chủng, khéo biết đạo trí Nhất thiết chủng; khéo biết các căn, khéo biết các căn đầy đủ; khéo biết tuệ, khéo biết tận tuệ, khéo biết tuệ có lực, khéo biết tuệ lanh lợi, khéo biết tuệ xuất ly, khéo biết thông đạt, khéo biết tuệ rộng lớn, khéo biết tuệ thâm sâu, khéo biết tuệ lớn, khéo biết tuệ vô đẳng, khéo biết tuệ như thật; khéo biết đời quá khứ, khéo biết đời vị lai, khéo biết đời hiện tại; khéo biết phương tiện, khéo biết đợi chúng sinh, khéo

biết tâm, khéo biết tâm sâu xa, khéo biết nghĩa, khéo biết lời nói; khéo biết phân biệt ba thừa.

Này Tu bồ đề, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật sinh Bát nhã ba la mật, tu Bát nhã ba la mật được các lợi ích như vậy.

Luận: Ý Tu Bồ Đề nghĩ rằng: Do bốn cửa đi vào tụy an ổn, song vì rất sâu xa nên chỉ kể lợi căn mới vào được.

Phật đáp: Không ai không vào được. Tu Bồ Đề hiểu chỉ người có lợi căn trí tuệ vào được, còn ý Phật thì người chỉ có nhất tâm tinh tấn muốn học đều có thể vào được. Thí như lúc nóng bức gặp ao nước trong mát, người có mắt có chân đều có thể vào, còn người tuy ở gần mà không muốn vào thời không vào. Bốn cửa vào ao Bát nhã ba la mật cũng như vậy, bốn phương chúng sinh có ngăn ngại gì. Người không giải đãi là người chánh tinh tấn, người không vọng niệm là người có chánh niệm, người không loạn tâm là người có chánh định. Bốn cửa như vậy là chánh kiến, chánh kiến... an trú, là giới hạnh; tám thánh đạo ấy có thể được Bát nhã ba la mật. Tu Bồ Đề là người Tiểu thừa trí mỏng, nên chỉ nói người lợi căn mới vào được, còn Phật Đại thừa trí lớn nên nói tụy hàng trung căn, độn căn mà tu tập tám pháp cũng có thể vào bốn cửa ấy. Trong đây, Phật vì tâm đại bi nên nói hàng trung căn, độn căn đều có thể vào được. Nếu Bồ Tát học sáu Ba la mật như Bát nhã đã nói thời không bao lâu sẽ được Nhất thiết trí. Như trong pháp Thanh văn, không chỉ do chánh kiến đặc đạo mà còn do cả tám thánh đạo hợp thành; pháp Đại thừa cũng như vậy, không chỉ học Bát nhã được Nhất thiết trí, mà còn phải hợp với năm Ba la mật kia mới được. Thế nên nói Bồ Tát đúng như Bát nhã đã nói nên học được trí Nhất thiết chủng.

Hỏi: Ở trên chỉ nói Bát nhã hay đưa đến trí Nhất thiết chủng, nay có sao lại nói hợp cùng với năm Ba la mật mới được đến?

Đáp: Thường nói hợp cùng sáu Ba la mật nên được đến; hoặc có khi ở cõi Phật thanh tịnh, chỉ nghe thật tướng là đến được Nhất thiết trí, không cần thứ lớp tu các Ba la mật. Trong đây nói, Bồ Tát được Nhất thiết trí thời chỉ do công của Bát nhã đã đủ, nên nay chỉ tán thán thế lực của người tu Bát nhã. Như trong kinh này nói: Bồ Tát hành Bát nhã thời ma sự có khởi lên liền dứt.

Từ trên kia, chư Phật hộ niệm cho đến đây đều là tán thán công đức Bồ Tát hành Bát nhã cho đến phân biệt khéo biết ba thừa. Khéo biết môn văn tự là như đã nói trong văn tự Đà la ni. Môn chẳng văn tự là: Như như, pháp

tính, thật tế, trong đó không có văn tự. Nói lược là Bồ tát có lực phước đức vô lượng nên khéo biết hai pháp, là thế gian và Niết bàn; nếu muốn mất Niết bàn thì trở lại nghĩ đến thế gian. Tu tập các phước đức nên khéo biết chữ, phá điền đảo đối với phước đức nên khéo biết chẳng phải có chữ. Lời nói, chẳng phải lời nói cũng như vậy. Một lời nói là do một lời nói có thể phân biệt nhiều ít, lời nói trong sạch, lời nói không trong sạch. Một lời, hai lời, nhiều lời, trai nói, gái nói, âm thanh khác nhau. Bồ tát khéo biết việc ấy nên hàng phục các tà đạo và các kẻ hiểu thấp. Khéo biết sắc cho đến thức hai tướng hoặc thường hoặc vô thường, như trước nói. Khéo biết đạo xả bỏ là Bồ Tát từ một địa, đến một địa, xả bỏ địa dưới không ưu, được địa trên không tham; đạo chẳng xả bỏ là trú trong địa ấy không bỏ. Tà kiến tiếp thế gian chánh kiến, hết thấy kiến, các kiến học, vô học. Hành là mười sáu hành. Khéo biết Tu đà hoàn là khéo biết người; đạo Tu đà hoàn là kiến đế đạo; quả Tu đà hoàn là Tâm tâm số pháp thứ mười sáu và vô lậu giới... cho đến Phật cũng như vậy. Khéo biết các căn là khéo phân biệt hai mươi hai căn. Có người nói xem chúng sinh có thể độ căn có lợi, độn; người đầy đủ căn có thể độ, người không đầy đủ căn chưa thể độ. Lại Bồ Tát cũng tự biết căn lành đầy đủ, không đầy đủ; như chim con tự biết lông cánh đầy đủ mới có thể bay. Tuệ là tướng chung của hết thấy trí tuệ. Tật tuệ là mau biết các pháp. Có người tuy mau mà trí lực không mạnh; như ngựa tuy chạy mau mà sức yếu. Có người tuy mạnh mà trí lực không lanh; thí như búa dùi tuy có sức mạnh mà không thể chặt cây. Tuệ ra khỏi là ở trong các vấn nạn có thể tự ra khỏi, cũng có thể ở trong các phiền não tự ra khỏi, cũng có thể ở trong các phiền não tự ra khỏi ba cõi mà vào Niết bàn. Tuệ thông đạt là rốt ráo thông suốt Phật pháp, cho đến lậu hoặc dứt sạch, được Niết bàn, phá các pháp để đi vào pháp tính. Tuệ rộng lớn là các kinh sách, luận nghị giữa đời và đạo không có trong pháp mà có thể biết hết. Tuệ thâm sâu là quán hết thấy pháp vô tướng không ngại, không thể nghĩ nghĩ. Trí tuệ sâu của thế gian là có thể biết việc lâu xa, việc trong lợi có suy, trong suy có lợi. Tuệ lớn là tổng quát các tuệ trên gọi là lớn; lại trong hết thấy chúng sinh, Phật là lớn; trong hết thấy pháp. Bát nhã là lớn; biết Phật và tin pháp cùng với đại pháp hòa hợp nên gọi là lớn. Tuệ vô đẳng là ở trong Bát nhã mà không chấp trước Bát nhã, vào sâu được như vậy, không còn pháp gì có thể ví dụ nên gọi là vô đẳng. Lại nữa, Bồ Tát dần dần hành đạo đạt đến tính không thể nghĩ nghĩ, không có gì sánh bằng nên gọi là vô đẳng. Tuệ như thật là như ngọc như ý không có màu sắc nhất định, tùy theo vật đối hiện trước nó mà biến màu; Bát nhã cũng như vậy, không có tướng nhất định, chỉ tùy theo các pháp hành. Lại, như ngọc như ý, tùy ước nguyện đều đạt được; Bát nhã cũng như vậy, người thực hành Bát nhã có thể đạt ước nguyện thành Phật, hướng gì các ước nguyện khác. Quá khứ đã diệt, vị lai chưa sinh, không được nói

rằng có, không được nói rằng không; hành được thật tướng trong đó, ấy gọi là khéo biết. Pháp hiện tại niệm niệm sinh diệt, không thể biết mà có thể thông đạt, ấy gọi là khéo biết đời hiện tại. Phương tiện là muốn thành tựu công việc phải có đầy đủ nhân duyên nhiều ít thích hợp, không bị sai lạc mới được. Như Bồ Tát tuy tập hành không, mà không chứng thật tế; tuy tập hành phước đức cũng không đấm trước. Đợi chúng sinh là như khách buôn, đại tướng, tuy cỡi ngựa nhanh, có thể mau đến nơi, song cố đợi mọi người; Bồ Tát cũng như vậy, cỡi ngựa tài trí tuệ, tuy có thể mau vào Niết bàn, cũng đợi chúng sinh nên không vào. Khéo biết tâm thiện ác của chúng sinh, tâm sâu xa là hiện tại tuy ác, nhưng vốn nó là thiện. Như cha mẹ đánh con, bên ngoài ác mà bên trong thiện; như Phật độ chàng Ương quật ma la, biết nó tâm hiện ra bên ngoài tuy ác mà thâm tâm thật thiện. Bồ Tát quán xét chúng sinh đủ năm thiện căn tín, tấn, niệm, định, tuệ từ trong tâm sâu xa đi đến, khi ấy có thể độ được. Nghĩa có hai: Cũng chỉ pháp, cũng chỉ tên. Ngữ là lời nói, dùng danh từ để gọi vật. Được nghĩa vô ngại, pháp vô ngại nên gọi là khéo biết nghĩa. Được từ vô ngại, vui nói vô ngại nên gọi là khéo biết ngữ. Bồ Tát có hai việc khéo biết ấy có thể đem pháp ba thừa độ chúng sinh, ấy gọi là khéo biết phân biệt ba thừa. Như vậy, vì khó hiểu nên nói, còn điều dễ hiểu không nói.

Hỏi: Cớ sao trước nói khéo biết sắc cho đến thức, sau mới nói khéo biết âm, giới, nhập? Cớ sao trước nói khéo biết duyên sau mới khéo biết nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên?

Đáp: Trước nói rộng, sau nói lược. Lại có người nói: Trước nói ngũ uẩn có ba thứ: Thiện, bất thiện và vô ký. Giới uẩn, định uẩn... cũng gọi là năm uẩn. Duyên trước nói lược, sau nói rộng.

---o0o---

Giải Thích Phẩm Ba Tuệ thứ 70

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát làm thế nào hành Bát nhã ba la mật? Sinh Bát nhã ba la mật? Tu Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Vì sắc tịch diệt, vì sắc không, vì sắc hư dối, vì sắc không chắc thật nên hành Bát nhã ba la mật; vì thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Như ông hỏi: Làm thế nào sinh Bát nhã ba la mật? Vì như hư không

sinh nên sinh Bát nhã ba la mật. Như ông hỏi: Làm thế nào tu Bát nhã ba la mật? Tu các pháp phá hoại nên tu Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, hành Bát nhã ba la mật, sinh Bát nhã ba la mật, tu Bát nhã ba la mật trải qua bao nhiêu thời gian?

Phật dạy: Từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng nên hành, nên sinh, nên tu Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, tâm thứ lớp có thể hành Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Thường không bỏ tâm Nhất thiết trí, không để các niệm khác xen vào, là hành Bát nhã ba la mật, là sinh Bát nhã ba la mật, là tu Bát nhã ba la mật. Nếu tâm tâm số pháp không hiện hành là hạnh Bát nhã ba la mật, là sinh Bát nhã ba la mật, là tu Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật sẽ được Nhất thiết trí chăng?

Phật dạy: Được.

Bạch đức Thế Tôn, không tu Bát nhã ba la mật được Nhất thiết trí chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, tu và không tu được Nhất thiết trí chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, chẳng phải tu chẳng phải không tu được Nhất thiết trí chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu không như vậy thì làm sao sẽ được Nhất thiết trí?

Phật dạy: Bồ Tát được Nhất thiết trí như tướng Như.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao như tướng Như? Như thật tế.

Làm sao như thật tế? Như pháp tính.

Làm sao như pháp tính? Như ngã tính, chúng sinh tính, thọ mạng tính.

Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là ngã tính, chúng sinh tính, thọ mạng tính?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Ngã, chúng sinh, thọ mạng có thể có được chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Không thể có được.

Phật dạy: Nếu ngã, chúng sinh, thọ mạng không thể có được, làm sao nói có ngã tính, chúng sinh tính, thọ mạng tính? Nếu trong Bát nhã không nói có hết thảy pháp sẽ được trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề thưa: Chỉ Bát nhã là không thể nói hay Thiên Ba la mật cho đến Thí Ba la mật cũng không thể nói?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bát nhã không thể nói, bổ thí cho đến hết thảy pháp hoặc hữu vi, hoặc vô vi, hoặc Thanh văn, hoặc Bích chi Phật, hoặc Bồ Tát, hoặc Phật cũng không thể nói.

Bạch Thế Tôn, nếu hết thảy pháp không thể nói, làm sao nói đó là địa ngục, là súc sinh, là ngã quý, là người, là trời, là Tu đà hoàn, là Tư đà hàm, là A na hàm, là A la hán, là Bích chi Phật, là chư Phật?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Danh từ chúng sinh ấy thật có thể có được chăng? Bạch Đức Thế Tôn, không thể có được.

Phật dạy: Nếu chúng sinh không thể có được, làm sao nói có địa ngục, ngã quý, súc sinh, người, trời, Tu đà hoàn cho đến Phật? Như vậy, Tu bồ đề, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật nên học hết thảy pháp không thể nói.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát khi học Bát nhã ba la mật nên học sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến nên học trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát khi học Bát nhã ba la mật nên học sắc không thêm không bớt cho đến nên học trí Nhất thiết chủng không thêm không bớt.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, làm sao học sắc không thêm không bớt cho đến học trí Nhất thiết chủng không thêm không bớt?

Phật dạy: Vì không sinh không diệt nên học.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao gọi là không sinh không diệt nên học?

Phật dạy: Không khởi không làm các hành nghiệp hoặc có hoặc không.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao không khởi không làm các hành nghiệp hoặc có hoặc không?

Phật dạy: Quán các pháp tự tướng không.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao nên quán các pháp tự tướng không?

Phật dạy: Nên quán sắc, sắc tướng không; nên quán thọ, tướng, hành, thức, thức tướng không; nên quán mắt, tướng mắt không, cho đến ý; sắc cho đến pháp; nhãn thức giới cho đến ý thức giới, tướng ý thức giới không; nên quán nội không, tướng nội không không, cho đến nên quán tự tướng không, tướng tự tướng không không; nên quán bốn thiền, tướng bốn thiền không, cho đến diệt thọ tướng định, tướng diệt thọ tướng định; nên quán bốn niệm xứ, tướng bốn niệm xứ không, cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác không. Như vậy, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật nên hành các pháp tự tướng không.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu sắc, sắc tướng không, cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác không, làm sao Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Không hành là hành Bát nhã ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao không hành là hành Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Bát nhã ba la mật không thể có được, Bồ Tát không thể có được, hành cũng không thể có được; người hành, pháp hành, chỗ hành cũng không thể có được; ấy gọi là Bồ Tát hành không hành Bát nhã ba la mật, vì hết thấy hý luận không thể có được.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu không hành là hành Bát nhã ba la mật, vậy Bồ Tát khi mới phát tâm, làm sao hành Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây, nên học không, không có sở đắc. Bồ Tát ấy dùng không có sở đắc nên bố trí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, vì không có sở đắc nên tu trí tuệ; cho đến trí Nhất thiết chủng cũng như vậy.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, thế nào gọi là có sở đắc? Thế nào gọi là không có sở đắc?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Có hai là có sở đắc, không có hai là không có sở đắc.

Bạch Đức Thế Tôn, hai cái gì là có sở đắc, không hai cái gì gọi là không có sở đắc?

Phật dạy: Mắt và sắc là hai, cho đến ý và pháp là hai, cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác và Phật là hai; ấy gọi là hai.

Bạch Đức Thế Tôn, không có sở đắc từ trong có sở đắc hay không có sở đắc từ trong không có sở đắc.

Phật dạy: Không có sở đắc chẳng từ trong có sở đắc; không có sở đắc chẳng từ trong không có sở đắc. Nay Tu Bồ Đề, có sở đắc, không có sở đắc; bình đẳng ấy gọi là không có sở đắc. Như vậy, Bồ Tát đối với có sở đắc, không có sở đắc bình đẳng ấy nên học. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát học Bát nhã như vậy gọi là người không có sở đắc, không có lỗi lầm.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không hành có sở đắc, không hành không có sở đắc, làm sao từ một địa đến một địa được trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật không trú trong có sở đắc, từ một địa đến một địa, vì sao? Vì trú trong có sở đắc thời không thể từ một địa đến một địa, vì sao? Vì vô sở đắc là tướng Bát nhã ba la mật, vô sở đắc là tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vô sở đắc cũng là tướng người hành Bát nhã ba la mật. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật như vậy.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bát nhã không thể có được, v cũng không thể có được, người hành Bát nhã cũng không thể có được, làm sao Bồ Tát phân biệt được các pháp tướng là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức cho đến là Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật không thủ đắc sắc, không thủ đắc thọ, tưởng, hành, thức cho đến không thủ đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, sắc không thể có được cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác không thể có được, làm sao đầy đủ Thí Ba la mật cho đến đầy đủ Bát nhã ba la mật để vào pháp vị; vào rồi làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi chuyển bánh xe pháp, làm Phật sự độ chúng sinh khỏi vòng sinh tử?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát không vì sắc nên hành Bát nhã ba la mật, cho đến không vì Vô thượng chánh đẳng chánh giác nên hành Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát vì việc gì nên hành Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Không vì việc gì nên hành Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì hết thấy pháp không có làm gì, Bát nhã ba la mật cũng không có làm gì, Vô thượng chánh đẳng chánh giác cũng không có làm gì, Bồ Tát cũng không có làm gì. Như vậy, Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật không có làm gì.

Luận: Người nghe nghe tán thán công đức Bát nhã khéo biết hết mọi việc mà yêu quý Bát nhã, dùng phương tiện muốn được. Tu Bồ Đề biết ý mọi người nên hỏi Phật: Làm sao hành Bát nhã? Làm sao sinh? Làm sao tu? Có người nói: Hành là ở địa vị Càn tuệ; Sinh là ở địa vị được Vô sinh nhẫn; Tu là sau địa vị Vô sinh nhẫn, do Thiên Ba la mật huân tu Bát nhã. Phật đáp: Nam uẩn là nơi tâm thể gian hiện hành, trói buộc; Niết bàn là tướng tịch diệt. Bồ Tát do sức trí tuệ Bát nhã thông lợi nên có thể phá năm uẩn, thông đạt làm cho không, tức là tướng Niết bàn tịch diệt. Từ tịch diệt khởi xuất trú trong sáu căn, trở lại nghĩ tới tướng tịch diệt, biết các pháp đều không, hư dối không chắc thật; ấy gọi là Bát nhã. Hành Bát nhã không có định tướng nên không được nói hoặc có hoặc không, vì đường nói năng dứt bặt; "không" như hư không, thế nên nói như hư không sinh. Lại, như hư không, trong hư không không có pháp sinh, hư không cũng không thể có sinh gì, vì sao? Vì hư không không có pháp, không có hình, không có xúc chạm, không có tướng tạo tác; Bát nhã cũng như vậy.

Lại có người nói: Có hư không, chỉ vì nó là pháp thường, không có tạo tác nên không sinh; ấy là định tướng của hư không. Trong Đại thừa, hư

không là không có thật pháp, không được nói nó thường, không được nói nó vô thường; không được nói có, không được nói không; không được nói chẳng phải có chẳng phải không; dứt hết hí luận, không nhiễm không trước cũng không có văn tự; Bát nhã cũng như vậy, hay quán thế gian tự như hư không; ấy gọi là sinh Bát nhã ba la mật. Bồ Tát được Bát nhã rồi, vào sâu thiền định, do sức Bát nhã nên quán và duyên của thiền định đều phá hoại, vì sao? Vì Bát nhã xả bỏ hết thấy pháp, không trước tướng; ấy gọi là tu Bát nhã ba la mật. Người nghe nghĩ rằng: Hết thấy pháp đều có thời tiết, thế nên Tu Bồ Đề hỏi: Hành Bát nhã phải trải qua bao nhiêu thời gian? Phật đáp: từ khi mới phát tâm tu cho đến khi ngồi đạo tràng.

Hỏi: Bồ Tát từ khi mới phát tâm nên tu mười địa, sáu Ba la mật, ba bảy phẩm trợ đạo, hết thấy thiện pháp, có sao chỉ nói hành Bát nhã?

Đáp: Tu Bồ Đề chỉ hỏi Bát nhã nên Phật chỉ đáp hành Bát nhã. Lại, hết thấy pháp đều hòa hợp với Bát nhã, vì Bát nhã lớn nên không nói các pháp khác.

Hỏi: Bát nhã vô lượng vô hạn, có gì lấy việc ngồi đạo tràng làm giới hạn?

Đáp: Trước đã đáp: Bát nhã khi đến trong tâm Phật, chuyển lại gọi là Nhất thiết trí; lý tuy một mà danh từ đã đổi, nên nói siêng tu cho đến khi ngồi đạo tràng. Bồ Tát đến đạo tràng, từ khi phát tâm lại đây, những pháp tu được đều xả bỏ, được vô ngại giải thoát nên thông suốt cả ba đời.

Hỏi: Trong khoảnh khắc gảy móng tay gồm có 60 niệm, niệm niệm sinh diệt, làm sao một tâm có thể thường niệm Nhất thiết trí không để cho niệm khác xen vào?

Đáp: Tâm có hai thứ: Một là tâm niệm niệm sinh diệt; hai là tâm thứ lớp nối nhau sinh, chung gọi là một tâm. Vì thứ lớp nối nhau sinh nên tuy có nhiều mà gọi là một tâm. Khi ấy không để cho tâm tham, giận tiếp tục xen vào, vì sao? Vì tâm tham, giận trụ lâu thời có thể làm chướng ngại Bát nhã; niệm ít thời không hại. Đây là vì hàng Bồ Tát mới phát tâm mà nói.

Lại có đại Bồ Tát tuy hành các thiện pháp khác mà đều hòa hợp với Bát nhã nên có thể làm cho trong mỗi niệm các tâm khác không xen vào. Bồ Tát phần nhiều đối với Bát nhã khởi lên các hí luận và các tà kiến, nên Phật dạy thường nghĩ đến Nhất thiết trí, đừng để các tâm khác xen vào. Thường nghĩ đến là tâm không hướng đến chỗ khác, giả sử chết đến bên mình cũng không

quên Nhất thiết trí. Tướng tu hành Bát nhã là không hành theo tâm tâm số pháp.

Hỏi: Người phạm phu vào vô tướng định hoặc sinh cõi trời vô tướng. Bậc thánh nhân trú ở Hữu dư Niết bàn, vào Diệt tận định; hết thấy thánh nhân vào Hữu dư Niết bàn tâm tâm số pháp đều không hiện hành; tâm tâm số pháp không hiện hành thời khi Bồ Tát hành Bát nhã, làm sao tâm tâm số pháp không hiện hành?

Đáp: Việc ấy trong A tỳ đàm nói chứ không phải nghĩa của Đại Thừa. Tiểu thừa, Đại thừa sai khác như trước nói. Thế nên không nên đem A tỳ đàm nạn hỏi Đại thừa.

*Lại nữa, trong tam muội Vô tướng, các tướng sắc... diệt nên gọi là vô tướng, vì vô tướng nên không nên sinh tâm tâm số pháp. Đây cũng chẳng phải là vô tướng định, diệt tận định.

Hỏi: Nghĩa vô tướng như Phật mỗi mỗi nói hoặc gọi là kiến đế đạo, hoặc tín hành, pháp hành là vô tướng, người cho là mau; hoặc nói định Vô sắc, vì tướng vi tế khó biết nên cũng gọi là vô tướng; hoặc trong ba môn giải thoát duyên Niết bàn nên gọi là vô tướng. Thế nên không được nói chỉ vì vô tướng nên gọi là tâm tâm số pháp không hiện hành, cho đến vì duyên Niết bàn vô tướng, tâm tâm số pháp không diệt, hưởng gì duyên pháp hữu tướng?

Đáp: Trong kiến đế đạo, trong định vô sắc nói vô tướng có thể được; nếu nói duyên Niết bàn vô tướng thời không đúng. Phật thường tán thán Niết bàn vô tướng, vô lượng, không thể nghĩ nghĩ, tức là pháp vô tướng, vô duyên, ông làm sao nói duyên Niết bàn?

Hỏi: Diệt tướng nam, tướng nữ nên gọi là vô tướng, chứ không nói không có tướng Niết bàn? Hành giả thủ tướng Niết bàn ấy sinh tâm tâm số pháp gọi là duyên.

Đáp: Phật nói hết thấy pháp hữu vi sinh đều là lưới ma, hư dối không thật; nếu tâm tâm số pháp duyên Niết bàn là thật, thời mất tướng hữu vi hư vọng; nếu không thật thời không thể thấy Niết bàn. Thế nên ông nói Niết bàn có tướng có thể duyên, việc ấy không đúng.

Hỏi: Phật tự nói Niết bàn có ba tướng, sao nay nói vô tướng?

Đáp: Ba tướng ấy giả danh, không thật, vì sao? Vì phá ba tướng hữu vi nên nói không sinh, không diệt, không trụ dị, vô vi, không có tướng riêng. Lại nữa, tướng sinh trước chẳng mỗi mỗi phá rồi, tướng sinh chẳng thể có được, làm sao có vô sinh? Là tướng hữu vi, tướng vô vi không thể có được? Thế nên vô vi chỉ có tên gọi, không có tự tướng.

*Lại nữa, Phật pháp chơn thật, tịch diệt, không có hý luận; nếu Bát nhã ba la mật có tướng tức là có tướng chắc thật có thể thủ, bèn là hí luận; hí luận nên sinh ra tranh cãi; nếu tranh cãi sân giận còn không được sinh vào cõi trời cõi người, hưởng gì Niết bàn! Thế nên Phật nói Niết bàn vô tướng, vô lượng, không thể nghĩ nghĩ, diệt các hí luận. Tướng Niết bàn ấy tức là Bát nhã ba la mật. Thế nên không nên có tâm tâm số pháp. Như phẩm trước nói, Bồ Tát hành Bát nhã lia tướng tâm và chẳng phải tâm. Nếu có tướng chẳng phải tâm thời nên nạn rằng không có tâm tướng, làm sao hành Bát nhã? Nay lia cả hai bên ấy nên không nên vấn nạn.

*Lại nữa, vì vô minh điên đảo tà kiến đời trước nên được thân này, tâm tâm số pháp trong thân ấy tuy có thiện song vì nhân duyên sinh nên không có tự tính, hư dối không thật. Quả báo của thiện tâm ấy hưởng phước vui cõi trời cõi người đều là vô thường nên sinh khổ lớn, cũng là hư dối không thật; hưởng gì tâm bất thiện, vô ký! Nhân hư dối nên quả cũng hư dối; vì Bát nhã ba la mật chơn thật nên tâm tâm số pháp không hiện hành.

Tu Bồ Đề nghe nói tâm tâm số pháp không hiện hành nên hỏi Phật: Tu Bát nhã ba la mật được Nhất thiết trí chăng? Phật đáp: không, vì sao? Vì tu là thường hành chứ nhóm, đều là lực của tâm tâm số pháp, nên nói không tu. Tu còn không được, hưởng gì không tu! Tu và không tu là vì Bát nhã là pháp vô vi nên không tu; vì Bát nhã hay quán thật tướng nên nói tu; cả hai đều có lỗi, nên Phật đáp không.

Hỏi: Nếu trong cách thứ ba tu không tu có lỗi, còn trong cách thứ tư chẳng phải tu chẳng phải không tu có lỗi gì mà Phật đáp không?

Đáp: Vì Tu Bồ Đề đem tâm chấp thủ tướng mà hỏi nên Phật đáp không. Vì nhận tu không tu nên mới có việc chẳng phải tu chẳng phải không tu, thế nên Phật đáp không; nếu không đem tâm chấp tướng nói chẳng phải tu chẳng phải không tu thời không có lỗi. Bốn câu hỏi của Tu Bồ Đề Phật đều không chấp thuận nên tâm mê hoặc lại hỏi Thế Tôn: Nay làm sao sẽ được Nhất thiết trí? Phật đáp: Như tướng như. Tu Bồ Đề cũng không hiểu như, nên Phật lại đáp: như thật tế.

Hỏi: Trong phẩm Như, Tu Bồ Đề tự khéo nói Như, sao đây còn nghi?

Đáp: Như ấy không có tướng nhất định, thế nên không thể không hỏi. Nếu Như có tướng nhất định thì đã hiểu rõ; Như ấy sâu xa vô lượng nên Tu Bồ Đề có chỗ hiểu, có chỗ không hiểu. Thí như chỗ nước lớn, có người vào sâu, có người vào cạn, đều gọi là vào nước; không được nói người vào cạn là không vào nước.

Hỏi: Vì sao không lấy Như để ví dụ thật tế mà lấy thật tế ví dụ Như? Thật tế có gì dễ hiểu nên ví dụ?

Đáp: Như và thật tế tuy là một nhưng khi quán sát có khác nhau. Như là thể tính các pháp; thật tế là tâm hành giả thủ chứng. Phật vì Tu Bồ Đề thủ chứng thật tế nên lấy thật tế làm ví dụ.

Hỏi: Thường nói pháp tính sau Như, thật tế sau pháp tính; sao nay pháp tính lại nói ở sau?

Đáp: Nay vì muốn lấy ngã tính, chúng sinh tính nói rõ ràng không, nên đổi thứ lớp ở sau. Lại nữa, từ sau khi được thấy đế đạo, trong khi học đạo có thể quán các pháp Như; còn trong vô học đạo, vì phiền não sạch hết, suốt hết thấy tướng chung, tương riêng, gọi là pháp tính. Chỗ bản sinh của các pháp gọi là tính, thế nên lấy pháp tính ví dụ thật tế. Phật dạy: Pháp tính có phần Thanh văn, có phần Đại Thừa. Tu Bồ Đề đối với phần Thanh văn không nghi, đối với phần Đại thừa có nghi nên hỏi. Phật muốn lấy việc người phàm có thể hiểu làm chứng, cho nên nói như ngã tính, chúng sinh tính, thọ mạng tính. Tu Bồ Đề không còn hỏi gì nữa. Phật muốn nói câu kết thúc nên hỏi ngược lại Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Ngã thật có chăng? Tu Bồ Đề được đạo nên đáp không. Bậc Tu đà hoàn còn không thấy ngã, huống gì A na hàm! Phật dạy: Ông là hàng Tiểu thừa độn căn còn không thấy ngã, huống gì Phật! Phật dùng trí tuệ tìm ngã không thể có được, thì làm sao có thể nói? Như ngã không thể nói có, thì hết thấy pháp cũng như vậy. Bồ Tát hành được pháp không thể nói ấy nên được Nhất thiết trí. Không thể nói là không thể phân biệt hoặc có hoặc không.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, các pháp nếu không thể phân biệt, làm sao phân biệt nói có địa ngục, ngạ quỷ..., có các thánh đạo Tu đà hoàn...?

Phật đáp: Chúng sinh không có định pháp. Địa ngục chỉ có tên gọi giả, làm sao phân biệt nói có không? Chúng sinh và thánh nhân, từ nơi phân biệt

chúng sinh nên có các tên thánh đạo, song chúng sinh thật không thể có được. Như thế, Bồ Tát nên học "Bát nhã ba la mật không thể nói" như vậy.

Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát nên học sắc pháp, nay có gì nói học hết thấy pháp không thể nói?

Phật đáp: Bồ Tát tuy học sắc pháp... chỉ nên học là không thêm không bớt. Ý nghĩa không thêm không bớt như trước nói. Trong đây Phật tự nói nhân duyên học được không thêm không bớt: Nếu Bồ Tát học pháp tức là học không thêm không bớt.

Tu Bồ Đề hỏi: Làm sao học pháp không sinh không diệt?

Phật đáp: Không khởi không làm các hạnh nghiệp hoặc có hoặc không. Có là ba hữu (ba cõi): Dục sắc, Sắc hữu và Vô sắc hữu. Không là đoạn diệt, lìa tám thanh đạo miễn cưỡng muốn cầu tịch diệt. Vì hai việc ấy mà người phạm phụ tạo các hành nghiệp hoặc thiện hoặc bất thiện. Bồ Tát biết thật tướng các pháp là không sinh không diệt nên không tạo ba nghiệp, không khởi lên pháp tương ưng với nghiệp; ấy gọi là vô tác giải thoát môn; không sinh không diệt là vô tướng giải thoát môn.

Bạch Đức Thế Tôn, dùng phương tiện gì có thể không khởi không làm các hành nghiệp?

Phật đáp: Nếu Bồ Tát quán được các pháp tự tướng không; nghĩa là sắc, sắc tự tướng không, cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác không, bấy giờ Bồ Tát có thể làm hai việc: Một là không khởi không làm các hành nghiệp, hai là có thể đối với hết thấy pháp tập hành tự tướng không.

Lại hỏi: Nếu sắc pháp ... tự tướng không, làm sao Bồ Tát nên tập hành Bát nhã ba la mật?

Phật đáp: Chẳng hành là hành Bát nhã ba la mật. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Thể của Bát nhã ba la mật không thể có được: người tập hành, pháp tập hành, chỗ tập hành không thể có được. Vì pháp không, nên Bát nhã không thể có được, chỗ tập hành cũng không thể có được; vì chúng sinh không, nên người tập hành không thể có được. Vì hết thấy hí luận không thể có được nên Bồ Tát không tập hành, gọi là hành Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu không hành là hành Bát nhã, thời Bồ Tát mới phát tâm làm sao nên hành Bát nhã? Ý Tu Bồ Đề muốn nói: Nếu không hành là hành thời hàng Bồ Tát mới phát tâm thời tâm mê muội, nếu cho hành là hành thời là điên đảo, thế nên hỏi. Phật đáp: Bồ Tát mới phát tâm nên học pháp không có sở đắc, pháp không có sở đắc tức là không có hành. Học là dùng sức phương tiện dần dần tập hành, khi bố thí do pháp không có sở đắc nên bố thí. Trong các pháp thật tướng rốt ráo không, không có pháp có thể được, hoặc có hoặc không; Bồ Tát trú trong trí tuệ ấy nên bố thí hoặc nhiều hoặc ít. Vì xem vật bố thí, người bố thí, người nhận thí, bình đẳng nghĩa là đều không thể có được; cho đến Nhất thiết trí cũng như vậy. Tu Bồ Đề nghĩ rằng: Vì có sở đắc thời là thế gian điên đảo; không có sở đắc tức là Niết bàn, thế nên hỏi Phật: Thế nào là có sở đắc, thế nào là không có sở đắc? Phật lược đáp: Có hai tướng là có sở đắc, không có hai tướng là không có sở đắc. Hai tướng là mắt và sắc; hai cái hòa hợp gọi là hai. Do mắt nên biết sắc; do sắc nên biết là mắt; mắt và sắc đối đãi nhau.

Hỏi: Nếu khi không thấy sắc cũng có mắt, cứ sao mắt không lia sắc?

Đáp: Vì thấy từng sắc nên gọi là mắt; nay tuy không thấy sắc, vì trước có thấy nên gọi là mắt. Thế nên hết thấy pháp hữu vi đều thuộc nhân duyên; nhân thuộc quả; quả thuộc duyên, không có định tướng tự tại; cho đến ý và pháp, Phật và Bồ Tát cũng như vậy. Kẻ phàm phu ngu trí mỗi mỗi phân biệt, tạo nghiệp thiện ác; kẻ trí biết hai pháp ấy đều hư dối, thuộc nhân duyên, không cho hai là hai. Tu Bồ Đề hỏi: Hai pháp ấy tức là có sở đắc, không có hai pháp tức là không có sở đắc; vậy không có sở đắc từ trong có sở đắc hay không có sở đắc từ trong không có sở đắc? Vì duyên theo các pháp thủ tướng hành đạo nên được rốt ráo không, không có sở đắc? Hay vì không duyên, không thủ tướng hành đạo nên được rốt ráo không, không có sở đắc? Nếu không có sở đắc từ trong có sở đắc, thời có sở đắc tức là điên đảo? Hành theo điên đảo làm sao được chơn thật? Nếu không có sở đắc từ trong không có sở đắc, không có sở đắc tức là không có gì? Không có gì thời làm sao phát sinh không có gì?

Phật cho cả hai đều có lỗi nên không chấp thuận, có sở đắc và không có sở đắc đều bình đẳng quán sát. Bình đẳng tức là rốt ráo không, không có sở đắc; nhân không có sở đắc mà phá có sở đắc, việc hoàn thành cũng bỏ luôn, không có sở đắc. Như vậy, Bồ Tát ở nơi có sở đắc và không có sở đắc bình đẳng, trong Bát nhã nên học. Nếu Bồ Tát học được như vậy gọi là người chân thật không có sở đắc, không có lỗi lầm. Từ một địa đến một địa, ý nghĩa cũng như vậy.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu Bát nhã không thể có được, Bồ đề không thể có được, Bồ Tát không thể có được thì làm sao Bồ Tát học Bát nhã, phân biệt các pháp tướng? nghĩa là tướng nào hoại là sắc, tướng khổ vui là thọ...? Nếu Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, sắc pháp không thể có được, làm sao đầy đủ được các thiện pháp bố thí...? Làm sao vào được Bồ Tát vị, như trong kinh nói rộng?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát không vì thủ đắc tướng sắc nên học Bát nhã.

Lại hỏi: Vì việc gì nên hành Bát nhã?

Phật đáp: Vì không có sở đắc nên hành Bát nhã, vì sao? Vì hết thấy pháp không, vô tướng, vô tác, vô khởi, Bát nhã, Bồ Tát, Bồ đề cũng vô tướng, vô tác, vô khởi, Bồ Tát vì hết thấy thật tướng các pháp nên hành Bát nhã, chẳng phải vì tâm điên đảo. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên hành vô tác Bát nhã như vậy, vì không tác, không khởi.

(Hết cuốn 83 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 84

Giải Thích Phẩm Ba Tuệ thứ 70

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu các pháp không có sở vi, không có sở tác, không nên phân biệt có ba thừa Thanh văn, Bích chi Phật và Phật thừa.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Trong các pháp không có sở vi, không có sở tác thì không có phân biệt; trong pháp có sở vi, có sở tác thì có phân biệt. Vì sao? Vì người phàm phu không nghe được Thánh pháp, chấp trước năm thọ uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chấp trước Thí Ba la mật cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Người ấy nghĩ có sắc ấy, được sắc ấy cho đến nghĩ có Vô thượng chánh đẳng chánh giác ấy, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác ấy. Bồ Tát ấy nghĩ rằng, ta sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, ta sẽ độ chúng sinh. Nay Tu Bồ Đề, Ta dùng năm mắt xem xét còn không thấy được sắc cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, người

ngu cuồng không có mắt mà muốn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, độ thoát chúng sinh ư?

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu Phật dùng năm mắt xem xét không thấy có chúng sinh có thể độ, sao nay Thế Tôn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, phân biệt chúng sinh có ba nhóm: Nhóm chánh định, nhóm tà định, và nhóm bất định.

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề, Ta được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, lúc đầu không thấy có ba nhóm chúng sinh hoặc chánh định, hoặc tà định, hoặc bất định, vì chúng sinh có ý tưởng cho rằng có pháp, không pháp, Ta muốn trừ vọng tưởng chấp trước ấy nên theo pháp thế tục mà nói có được, chứ chẳng phải theo đệ nhất nghĩa.

Bạch Đức Thế Tôn, chẳng phải trụ trong đệ nhất nghĩa được Vô thượng chánh đẳng chánh giác ư? Phật đáp: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, trú trong điên đảo được Vô thượng chánh đẳng chánh giác ư? Phật đáp: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu không trú trong đệ nhất nghĩa được, cũng không trú trong điên đảo được vậy toan không có Thế Tôn không được Vô thượng chánh đẳng chánh giác ư?

Phật dạy: Không. Ta thật được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không có chỗ trú hoặc nơi tướng hữu vi, hoặc nơi tướng vô vi. Thí như người Phật biến hóa ra không trú nơi tướng hữu vi, không trú nơi tướng vô vi mà người biến hóa cũng có đến có đi, cũng ngồi cũng đứng. Nay Tu bồ đề, người biến hóa ấy hoặc hành Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, hoặc hành bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo; hoặc Không tam muội, Vô tướng tam muội, vô tác tam muội; hoặc hành nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; hoặc bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, đại từ đại bi, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chuyển Pháp luân. Người biến hóa ấy hóa làm vô lượng chúng sinh có ba nhóm. Nay Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Người biến hóa ấy có hành Thí Ba la mật cho đến ở ba nhóm chúng sinh chăng? Tu Bồ Đề thưa: Không. Nay Tu Bồ Đề, Phật cũng như vậy, biết các pháp như biến hóa, như người biến hóa độ chúng sinh biến hóa, không thật có chúng sinh có thể độ. Như vậy, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật giống như người Phật biến hóa hành.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp như biến hóa, vậy Phật cùng với người biến hóa có gì sai khác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Phật cùng với người biến hóa không có sai khác, vì sao? Vì Phật có tạo tác, người biến hóa cũng có thể có tạo tác.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu không có Phật, riêng người biến hóa có thể có tạo tác chăng? Phật dạy: Có thể có tạo tác.

Tu Bồ Đề thưa: Làm sao không có Phật mà người biến hóa có thể có tạo tác?

Này Tu Bồ Đề, thí như quá khứ có Phật hiệu là Tu kiến đa, vì muốn độ Bồ Tát nên hóa làm Phật, xong liền tự diệt độ. Vì Phật biến hóa ấy trụ nửa kiếp làm Phật sự, thọ ký cho Bồ Tát hành giả xong mới diệt độ. Hết thấy chúng sinh trong thế gian cũng biết Phật thật diệt độ. Này Tu Bồ Đề, người biến hóa ấy cũng không sinh không diệt. Như vậy, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật nên tin biết các pháp như huyễn hóa.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu Phật và người Phật biến hóa ra không có sai khác, làm sao khiến Bồ thí thanh tịnh; như người cúng dường Phật, người ấy cho đến khi được Vô dư Niết bàn, phước đức không cùng tận; nếu cúng dường vị hóa Phật, người ấy cho đến khi được Vô dư Niết bàn, phước đức cũng có thể không cùng tận ư?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Phật vì thật tướng các pháp nên làm ruộng phước cho chúng sinh và trời người; hóa Phật cũng vì thật tướng các pháp nên làm ruộng phước cho chúng sinh và trời người. Này Tu Bồ Đề, gác qua phước đức gieo trồng được nơi Phật và hóa Phật ấy, nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân chỉ đem tâm cung kính niệm Phật, do thiện căn ấy cho đến khi hết khổ, phước đức kia không cùng tận. Này Tu Bồ Đề, gác qua việc tâm cung kính niệm Phật ấy, nếu người thiện nam kẻ thiện nữ chỉ dùng một cành hoa rải lên hư không và niệm Phật, cho đến khi hết khổ, phước kia không cùng tận. Này Tu Bồ Đề, gác qua việc tâm cung kính niệm Phật, rải hoa niệm Phật ấy, nếu có người một lần xưng "Nam mô Phật", cho đến khi hết khổ, phước kia không cùng tận. Như vậy, trong ruộng phước của Phật gieo trồng, phước kia không cùng tận. Vì vậy nên biết Phật và hóa Phật không có sai khác, vì thật tướng các pháp không có sai khác. Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên như vậy hành Bát nhã ba la mật, vào trong thật tướng các pháp, thật tướng các pháp ấy không hư hoại; đó là tướng Bát nhã ba la mật cho đến tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác không hư hoại.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu thật tướng các pháp không hư hoại, có sao Phật gọi các pháp tướng, nói rằng là sắc, là thọ, tướng, hành, thức; là nội pháp, ngoại pháp; là thiện pháp, là bất thiện pháp, là hữu lậu, vô lậu; là thế gian, xuất thế gian; là pháp có tránh, pháp không tránh; là pháp hữu vi, pháp vô vi...? Bạch đức Thế Tôn, như vậy toan không hoại pháp tướng ư?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Không, vì sao? Vì tướng danh tự nên Ta chỉ bày các pháp để chúng sinh hiểu rõ, Phật không phá hoại thật tướng của pháp.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu do tướng danh tự nên Phật thuyết pháp để cho chúng sinh hiểu rõ, bạch Thế Tôn, nếu hết thấy pháp không có danh, không có tướng, làm sao dùng danh tướng để chỉ dạy cho chúng sinh được hiểu?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Theo pháp thế tục có danh có tướng, thật không có chỗ chấp trước. Thí như người phàm phu nghe nói khổ, chấp trước danh, theo tướng, còn Phật và đệ tử không chấp trước danh, không theo tướng. Nếu đối với danh chấp danh, đối với tướng chấp tướng, đối với không cũng nên chấp không, đối với vô tướng cũng nên chấp vô tướng, vô tác cũng nên chấp vô tác, thật tế cũng nên chấp thật tế, pháp tính cũng nên chấp pháp tính, vô vi cũng nên chấp vô vi? Nay Tu Bồ Đề, hết thấy pháp chỉ có danh và tướng, pháp ấy không ở trong danh tướng. Như vậy, Bồ Tát chỉ ở trong danh tướng hành Bát nhã ba la mật, ở trong danh tướng ấy cũng chẳng nên chấp trước.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp hữu vi chỉ có danh tướng, vậy Bồ Tát vì ai nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chịu mọi sự lao khổ: Khi Bồ Tát hành đạo bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, vào thiền định, tu trí tuệ, hành bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo; hành không hạnh, vô tướng hạnh, vô tác hạnh, mười lực của Phật cho đến đại từ đại bi?

Phật dạy: như lời Tu Bồ Đề nói, nếu hết thấy pháp hữu vi chỉ có danh tướng, thời Bồ Tát vì ai nên hành Bồ Tát đạo? Nay Tu Bồ Đề, nếu pháp hữu vi chỉ có danh tướng, danh tướng ấy, tướng danh tướng không; vì vậy nên Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi, chuyên pháp luân; chuyên pháp luân rồi, lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh. Danh tướng ấy cũng không sinh, không diệt, không trụ dị.

Bấy giờ Tu BỒ ĐỀ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Thế Tôn nói trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu BỒ ĐỀ: Ta nói trí Nhất thiết chủng.

Tu BỒ ĐỀ thưa: Phật nói Nhất thiết trí, nói đạo chủng trí, nói trí Nhất thiết chủng, ba trí ấy có gì sai khác?

Phật bảo Tu BỒ ĐỀ: Nhất thiết trí là trí của Thanh văn, Bích chi Phật; đạo chủng trí là trí của BỒ TÁT; trí Nhất thiết chủng là trí của Phật.

Tu BỒ ĐỀ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì nên Nhất thiết trí là trí của Thanh văn, Bích chi Phật?

Phật bảo Tu BỒ ĐỀ: Nhất thiết là chỉ cho pháp trong, pháp ngoài mà Thanh văn, Bích chi Phật biết được, nhưng không thể dùng trí Nhất thiết đạo, Nhất thiết chủng.

Tu BỒ ĐỀ thưa: Vì nhân duyên gì đạo chủng trí là trí của BỒ TÁT?

Phật bảo Tu BỒ ĐỀ: Nhất thiết đạo, hàng BỒ TÁT nên biết, hoặc là đạo Thanh văn, Bích chi Phật, đạo BỒ TÁT phải biết đầy đủ, cũng phải biết đạo ấy độ chúng sinh mà không tác chứng thật tế.

Tu BỒ ĐỀ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, như Phật nói BỒ TÁT nên đầy đủ các đạo, không nên do đạo ấy tác chứng thật tế ư?

Phật bảo Tu BỒ ĐỀ: BỒ TÁT chưa nghiêm tịnh cõi Phật, chưa thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, khi ấy chưa nên tác chứng thật tế.

Tu BỒ ĐỀ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, BỒ TÁT trú trong đạo nên tác chứng thật tế ư?

Phật đáp: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, trú trong chẳng phải đạo tác chứng thật tế ư?

Phật đáp: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, trú trong đạo và chẳng phải đạo tác chứng thật tế ư?

Phật đáp: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, trú trong chẳng phải đạo chẳng phải chẳng phải đạo tác chứng thật tế ư?

Phật đáp: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát trụ chỗ nào tác chứng thật tế?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Ông trú trong đạo, vì không lãnh thọ các pháp nên sạch hết lậu hoặc, tâm được giải thoát chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Không.

Ông trú trong chẳng phải đạo lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ông trú trong đạo chẳng phải đạo, lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ông trú trong chẳng phải đạo chẳng phải chẳng phải đạo, lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Con không có chỗ trú, không lãnh thọ các pháp, lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát cũng như vậy, không có chỗ trú nên tác chứng thật tế.

Tu Bồ Đề thưa: Thế nào là tướng của trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Vì một tướng nên gọi là trí Nhất thiết chủng, đó là tướng các pháp tịch diệt. Lại nữa, đối với hành, loại, tướng mạo, danh tự các pháp hiển bày, thuyết giảng, Phật như thật biết, do vậy gọi là trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Nhất thiết trí, đạo chủng trí, trí Nhất thiết chủng, ba trí ấy dứt kiết sử có sai khác, có cùng tận, có dư thừa chăng?

Phật dạy: Dứt phiền não không sai khác. Chư Phật đều dứt hết phiền não và tập khí, còn Thanh văn không dứt hết phiền não và tập khí.

Bạch Đức Thế Tôn, các người ấy không được pháp vô vi, có dứt được phiền não ư?

Phật dạy: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, trong pháp vô vi có thể có sai khác chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch đức Thế Tôn, nếu trong pháp vô vi không có sai khác, có sao nói người ấy phiền não tập khí dứt, người ấy phiền não tập khí không dứt?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Tập khí chẳng phải phiền não; thân và miệng của hàng Thanh văn, Bích chi Phật có việc tợ như tướng dâm dục, sân hận, ngu si, đó là tập khí, người phạm phụ làm nó thời mắc tội. Tập khí ba độc ấy chư Phật không có.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu đạo không có, Niết bàn cũng không có, có sao phân biệt nói đây là Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, Bồ Tát, Phật?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Đó đều là do pháp vô vi mà có phân biệt là Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, Bồ Tát, Phật.

Bạch Thế Tôn, thật do pháp vô vi nên phân biệt có Tu đà hoàn cho đến Phật ư?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Thế Tôn nói có hai việc, đó chẳng phải theo đệ nhất nghĩa; trong đệ nhất nghĩa không nói có hai việc, vì sao? Vì trong đệ nhất nghĩa không có ngôn thuyết. Vì Thánh đạo dứt kiết sử nên nói có đời sau.

Tu Bồ Đề thưa: Trong các pháp tự tướng không, đời trước không thể có được, hưởng gì nói có đời sau: (tiền tế, hậu tế)

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy, trong các pháp có tự tướng không, không có đời trước hưởng gì có đời sau. Nay Tu Bồ Đề, vì chúng sinh không biết các pháp tự tướng không nên Ta nói đời trước đời sau; trong

các pháp tự tướng không đòi trước đòi sau đều không thể có được. Như vậy, Bồ Tát nên vì pháp tự tướng không mà hành Bát nhã ba la mật. Nếu Bồ Tát hành pháp tự tướng không, thời không vướng mắc gì, hoặc nội pháp, hoặc ngoại pháp, hoặc pháp hữu vi, hoặc pháp vô vi, hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Bích chi Phật, hoặc pháp Phật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Thường nói Bát nhã ba la mật vì nghĩa gì gọi là Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Được đệ nhất độ hết thấy pháp đến bờ kia, vì nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã ba la mật. Lại nữa, chư Phật, Bồ Tát, Bích chi Phật, A la hán dùng Bát nhã ấy được qua bờ kia, vì nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã ba la mật. Lại nữa, phân biệt, trừ lượng, phá hoại hết thấy pháp cho đến vi trần, trong đó không có chút nào chắc thật, vì nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã ba la mật.

*Lại nữa, các pháp như như, pháp tính, thật tế đều vào trong Bát nhã, vì nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã ba la mật.

*Lại nữa, Bát nhã ba la mật không có pháp hoặc hợp hoặc tán, hoặc sắc hoặc vô sắc, hoặc có thể thấy, hoặc không thể thấy, hoặc có đối, hoặc không đối, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật ấy vô sắc, vô hình, vô đối, là một tướng, nghĩa là vô tướng.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bát nhã ba la mật ấy hay sinh hết thấy pháp, hết thấy lạc thuyết biện tài, chiếu sáng tất cả; Bát nhã ba la mật ấy ma hoặc ma trời, Thanh văn, Bích chi Phật, người, và các hàng Phạm chí, ngoại đạo; những người oán thù, hung ác không thể phá hoại vì Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì những hạng người kia đều không thể có được trong Bát nhã ba la mật. Bồ Tát ấy nên như vậy hành theo nghĩa Bát nhã ba la mật.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát muốn hành nghĩa Bát nhã ba la mật sâu xa nên hành nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã, cũng nên hành nghĩa khố trí, nghĩa tập trí, nghĩa diệt trí, nghĩa đạo trí, nghĩa pháp trí, nghĩa loại trí, nghĩa thế trí, nghĩa tha tâm tri, nghĩa tận trí, nghĩa vô sinh trí, nghĩa như thật trí. Như vậy, Bồ Tát vì nghĩa Bát nhã ba la mật nên hành Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Trong Bát nhã ba la mật sâu xa ấy, nghĩa với phi nghĩa đều không thể có được, làm sao Bồ Tát vì nghĩa Bát nhã ba la mật sâu xa nên hành Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát vì nghĩa Bát nhã ba la mật nên nghĩ như vậy: Tham dục là chẳng phải nghĩa, nghĩa ấy không nên hành; sân hận, ngu si là chẳng phải nghĩa, nghĩa ấy không nên hành; hết thấy tà kiến là chẳng phải nghĩa, nghĩa ấy không nên hành, vì sao? Vì tướng ba độc "như" không có nghĩa, không có chẳng phải nghĩa; vì hết thấy tướng tà kiến "như" không có nghĩa, không có chẳng phải nghĩa. Lại nữa, Bồ Tát nên nghĩ rằng: Sắc chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa, cho đến thức chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa; Thí Ba la mật cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa, vì sao? Vì khi Phật được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không có pháp có thể được hoặc nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa. Có Phật, không có Phật thì các pháp tánh vẫn thường trú, không có nghĩa, không có chẳng phải nghĩa. Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật nên xa lìa nghĩa và chẳng phải nghĩa.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, có gì Bát nhã ba la mật chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Vì hết thấy pháp hữu vi không có tướng làm, vì vậy nên Bát nhã ba la mật chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa.

Bạch Đức Thế Tôn, hết thấy hiện thánh hoặc Phật hoặc đệ tử Phật đều lấy vô vi làm nghĩa, có sao Phật nói Bát nhã ba la mật không có nghĩa, chẳng phải nghĩa?

Phật dạy: Tuy hết thấy hiện thánh hoặc Phật hoặc đệ tử Phật đều lấy vô vi làm nghĩa, nhưng cũng không vì vậy tăng thêm, cũng không vì vậy giảm bớt. Thí như hư không "như" không thể tăng thêm chúng sinh, không thể giảm bớt chúng sinh. Như vậy, Bát nhã ba la mật của Bồ Tát không thêm không bớt.

Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát học Bát nhã ba la mật vô vi được trí Nhất thiết chủng chãng?

Phật dạy: Như vậy, như vậy, Bồ Tát học Bát nhã ba la mật vô vi ấy sẽ được trí Nhất thiết chủng, không vì hai pháp.

Bạch đức Thế Tôn, pháp không hai có thể được pháp không hai chãng?

Phật dạy: Không.

Tu Bồ Đề thưa: Pháp hai có thể được pháp không hai chãng?

Phật dạy: Không.

Tu Bồ Đề thưa: Bồ Tát nếu không do pháp hai, không do pháp không hai, làm sao được trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Không có gì được tức là được, vì thế được, không có gì được.

Luận: Tu Bồ Đề lại hỏi: Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp không có tướng tạo tác, tướng sinh khởi, làm sao phân biệt có ba thừa? Phật chấp thuận ý ấy và nói nhân duyên: Kẻ phàm phu chưa đắc đạo chấp trước năm uẩn, cũng chấp trước pháp không, không tạo tác, không sinh khởi cho nên sinh nghi, làm sao phân biệt có ba thừa? Còn ông đã đắc đạo, không chấp trước năm uẩn, không chấp trước pháp không, không tạo tác, không sinh khởi, có sao sinh nghi? Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Ta dùng năm mắt xem còn không thấy các pháp sắc..., huống gì người cuồng không có mắt mà muốn thấy được?

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu không có pháp, không có chúng sinh, vì sao nói có ba nhóm chúng sinh?

Phật đáp: Ta xem chúng sinh một nhóm còn không thể có được thì làm sao có ba? Chỉ vì muốn phá trừ điên đảo cho chúng sinh nên phân biệt có ba. Hạng người phá được điên đảo gọi là nhóm chánh định; hạng người chắc chắn không phá được điên đảo là hạng tà định; hạng người gặp được nhân duyên thời có thể phá, không được thời không thể phá điên đảo là thuộc nhóm bất định; đều là nói theo pháp thế tục, chẳng phải chơn đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Phật thật ở trong đệ nhất nghĩa đắc đạo, có gì đáp với Tu Bồ Đề rằng không?

Đáp: Phật dạy: Tu Bồ Đề vì hàng Bồ Tát mới phát tâm nên hỏi, vì thế Phật đáp không, vì sao? Vì rong pháp điên đảo chấp có còn không thể trú, huống hồ gì trú trong đệ nhất nghĩa không có gì! Thế nên Tu Bồ Đề nghi: Nếu không trú cả hai nơi, thời sẽ không có Thế Tôn, không được thành Chánh giác ư? Nên Phật đáp: Thật được đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chỉ không trú chỗ nào. Tính hữu vi hư dối không thật, tính vô vi không, không có gì của chính nó, cho nên không thể trú. Trong đây Phật muốn nói rõ việc ấy nên nêu ví dụ hóa Phật: Như hóa Phật không trú trong tính hữu vi, không trú trong tính vô vi mà có thể đi lại thuyết pháp.

Hỏi: Người biến hóa đi lại thuyết pháp thời có thể được, làm sao có thể hành Thí Ba la mật được?

Đáp: Không nói người biến hóa thực hành được, mà chỉ mắt chúng sinh thấy tợ như có thật hành. Việc biến hóa ấy như trong kinh nói, cho đến tu phiến đa. Ý Tu Bồ Đề đã tin chịu, mỗi mỗi nhân duyên người biến hóa và Phật thật không khác nhau, nhưng vẫn còn chút nghi nên hỏi Phật: Nếu không có phân biệt thời phước đức cúng dường Phật thật cho đến khi được Vô dư Niết bàn không cùng tận, vậy phước đức cúng dường hóa Phật cũng không cùng tận ư? Phật đáp: Cúng dường hóa Phật, Phật thật, phước ấy không khác nhau, vì sao? vì Phật chứng được thật tướng các pháp nên phước đức cúng dường không cùng tận, hóa Phật cũng chẳng lìa thật tướng nên cúng dường hóa Phật, tâm không thể khác, phước kia cũng vậy.

Hỏi: Hóa Phật không có công đức mười lực..., làm sao bằng Phật thật?

Đáp: Công đức mười lực... đều vào trong thật tướng, nếu mười lực xa lìa thật tướng thời chẳng phải là Phật pháp, bị rơi vào tà kiến điên đảo.

Hỏi: Nếu như vậy, Phật thật, hóa Phật chắc chắn có thật tướng, có sao nói đem ác tâm làm thân Phật chảy máu mắc tội nghịch?

Đáp: Trong kinh chỉ nói đem ác tâm làm thân Phật chảy máu, chứ không nói Phật thật hay hóa Phật. Nếu cúng dường hóa Phật được đầy đủ phước, thời nếu đem ác tâm hủy báng cũng phải mắc tội nghịch; vì người ác định gọi hóa Phật là Phật thật nên đem ác tâm làm Phật chảy máu, bèn mắc tội nghịch.

Hỏi: Nếu như vậy, có gì trong Luật tạng nói giết hóa nhân không phạm giới sát?

Đáp: Trong Luật tạng đều vì việc thế gian, nhiếp chế chúng Tăng nên kiết giới, chứ không luận thật tướng, vì sao? Vì theo Luật tạng có người, có chúng sinh theo giả danh mà kiết giới, vì hộ trì Phật pháp nên không xem tội đời sau nhiều ít. Lại, tội nặng đời sau trong Luật lại xem nhẹ, như đạo nhân đánh chết trâu dê, tội nặng mà giới nhẹ, còn đạo nhân tán thán người nữ thì đối với giới là nặng mà tội đời sau lại nhẹ. Giết trâu dê biến hóa thời mọi người không cơ hiềm cũng không dị nghị nhưng tự mắc tội trong tâm; nếu giết trâu dê thật và trâu dê biến hóa mà tâm không cho là khác nhau thời mắc tội như nhau. Nhưng ý của Phật chế giới là vì bị mọi người cơ hiềm nên là nặng, thế nên trong kinh nói ý nghiệp rất nặng, chứ không phải thân nghiệp,

khẩu nghiệp. Như người làm việc bố thí lớn mà không bằng người hành từ tam muội, vì hành từ tam muội xem chúng sinh không có sở đắc nên tự được vô lượng phước; người tà kiến dứt thiện căn, tuy không nào hại chúng sinh mà bị vào địa ngục A tỳ. Thế nên cúng dường hóa Phật, Phật thật với tâm bình đẳng thời phước cũng bình đẳng.

*Lại nữa, trong đây Phật nói, gác qua việc hóa Phật đầy đủ tướng sáng, nếu có người thấy tượng đất đá mà có từ tâm niệm Phật thời người ấy cho đến khi hết khổ, phước kia không cùng tận. Lại, gác qua việc tượng đất đá, nếu người có tâm cung kính, tuy không thấy tượng Phật mà vì nghĩ đến Phật, dùng hoa rải giữa hư không để cúng dường, phước ấy cũng được dứt hết khổ. Lại gác qua việc rải hoa, chỉ một lần xưng "nam mô Phật", người ấy cũng cho đến được hết khổ, phước kia không cùng tận.

Hỏi: Tại sao chỉ xưng tụng danh tự "Nam mô Phật" bèn được hết khổ, mà phước kia không cùng tận?

Đáp: Vì người ấy từng nghe công đức của Phật hay độ thoát khổ già, bệnh, chết cho chúng sinh, nên hoặc cúng dường nhiều ít và xưng danh hiệu Phật, được vô lượng phước; cũng đến khi hết khổ, phước không cùng tận. Thế nên, vì phước điền vô lượng nên tuy tâm nhu nhược bố thí, phước kia cũng không cùng tận. Có các nhân duyên và thí dụ như vậy nên Phật thật, hóa Phật không khác nhau. Cúng dường nơi phước điền của Phật, phước kia vô lượng, vì thật tướng hết thảy pháp không khác biệt.

Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Đức Thế Tôn, nếu thật tướng các pháp không phá hoại nên hai Phật không khác, nay Phật phân biệt thuyết pháp, nói ấy là sắc, ấy là thọ, tướng, hành, thức cho đến ấy là hữu vi, ấy là vô vi há không phá hoại thật tướng các pháp ư?

Phật đáp: Nay Tu Bồ Đề, Phật tuy mỗi mỗi phân biệt thuyết pháp, chỉ dùng ngôn thuyết muốn cho chúng sinh được giải thoát, mà tâm Phật không vướng mắc gì. Nếu hai Phật cùng nói với nhau không nên nói danh tự, vì chúng sinh không hiểu kịp Phật nên muốn dẫn chúng sinh hiểu biết mà nói thiện nói ác, như trong kinh Pháp Hoa nói ví dụ Nhà lửa, dùng ba xe để dụ dẫn các người con ra khỏi nhà. Chỉ dùng danh tướng thuyết pháp mà không phá hoại đệ nhất nghĩa.

Tu Bồ Đề hỏi: Tuy dùng danh tướng vì chúng sinh thuyết pháp, không có thật sự, như vậy há không hư dối ư?

Phật đáp: Thánh nhân nói theo thể tục, trong đó không có chỗ chấp trước danh tướng. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Nếu phàm phu nói khổ thời chấp danh thủ tướng, chư Phật và đệ tử miệng nói khổ mà tâm không chấp trước, nếu chấp trước thời không gọi là khổ thánh đế. Khổ đế tức là danh tướng, không có chơn thật nhất định, phàm phu chấp trước cũng là danh tướng, không có chơn thật nhất định, làm sao trong danh tướng "không" lại chấp trước danh tướng "không"? Nếu trong danh tướng không mà chấp trước danh tướng thời đối với Không ấy cũng nên chấp trước Không; vô tướng cũng nên chấp trước vô tướng, vô tác cũng nên chấp trước vô tác, cho đến tính vô vi cũng nên chấp trước tính vô vi. Pháp ấy đều như tướng khổ đế của phàm phu, chỉ có danh tướng, danh tướng cũng không trú trong danh tướng. Bồ Tát vào trong pháp môn danh tướng ấy trú trong danh tướng Bát nhã ấy nên quán sát hết thấy pháp không có thật.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thấy pháp chỉ có danh tướng, Bồ Tát làm sao phát tâm như trong kinh nói?

Phật đáp: Nếu hết thấy pháp chỉ có danh tướng, trong danh tướng, danh tướng cũng không; pháp ấy đều rất ráo không, vào Như, pháp tánh, thật tế; thế nên Bồ Tát có thể phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cho đến có thể dùng pháp tam thừa độ chúng sinh. Nếu pháp có thật tướng nhất định, chẳng phải danh tướng tức là không có sinh diệt, vì không có sinh diệt nên không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, làm sao đem pháp Nhị thừa độ chúng sinh? Nếu các pháp chỉ là danh tự suông không có thật, cũng không sinh diệt, vì không sinh diệt nên không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo thời làm sao có thể độ? Nay Bồ Tát biết hết thấy pháp danh tướng "không" thời xa lìa điên đảo của thế gian, cũng biết danh tướng "không", cũng xa lìa danh tướng "không". Như vậy, lìa có lìa không, ở vào trung đạo có thể độ chúng sinh. Ý Phật muốn nói: Bồ Tát hành Bát nhã trung đạo ấy được trí Nhất thiết chủng.

Bấy giờ Tu Bồ Đề muốn nạn hỏi nên trước ấn định lời Phật, mới hỏi: Thế Tôn nói trí Nhất thiết chủng ư?

Phật dạy: Ta nói trí Nhất thiết chủng.

Lại hỏi: Phật thường nói ba trí, ba trí có gì sai khác?

Phật dạy: Nhất thiết trí là trí của Thanh văn, Bích chi Phật, vì sao? Vì Nhất thiết là trong sáu căn, ngoài sáu trần mười hai nhập; trí Thanh văn, Bích chi Phật biết được tướng chung của pháp ấy đều và vô thường, khổ,

không, vô ngã. Đạo chủng trí là trí của Bồ Tát. Đạo có bốn thứ là: Đạo thọ phước lạc trong cõi nhân thiên; nghĩa là gieo trồng phước đức thọ quả báo phước lạc trong trời, người, cộng với ba thừa đạo thành bốn. Pháp của Bồ Tát là dẫn đường cho chúng sinh, đưa vào trong đại đạo. Nếu người không thể vào đại đạo thì đưa vào Nhị thừa; nếu người không thể vào Niết bàn, thì đưa vào phước lạc cõi người cõi trời, làm nhân duyên cho Niết bàn. Đạo phước lạc của thế gian là mười điều thiện và phước đức bố thí; ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đạo của Nhị thừa; ba mươi bảy phẩm trợ đạo và sáu Ba la mật là đạo của Bồ Tát, Bồ Tát nên biết rõ ràng các đạo. Bồ Tát dùng Phật đạo để làm lợi mình, lợi người và dùng ba đạo kia chỉ vì chúng sinh; ấy gọi là đạo chủng trí của Bồ Tát.

Tu Bồ Đề hỏi: Có gì đạo chủng trí là việc của Bồ Tát.

Phật đáp: Bồ Tát nên đầy đủ hết thấy đạo, cùng đạo ấy giáo hóa chúng sinh, tuy ra vào đạo ấy mà chưa giáo hóa chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật, thời không thủ chúng; khi đầy đủ việc ấy, vậy sau mới ngồi đạo tràng thủ chúng. Thế nên đạo chủng trí là việc của Bồ Tát.

Tu Bồ Đề hỏi: Bồ Tát trú ở chỗ nào thủ chúng thật tế? Ý Tu Bồ Đề muốn hỏi: Nếu ở trong đạo thủ chúng thời việc ấy không đúng, vì có hai lỗi: Một là người còn có kiết sử không thể có chánh trí rốt ráo thanh tịnh; nếu có thời không khác gì với Phật, nếu khác mà còn phiền não tập khí nên phải có sai lầm. Hai là hết thấy pháp hữu vi đều là hư dối, do hòa hợp nên có, giả danh không có chơn thật nhất định, thế nên Phật đáp không. Bây giờ Tu Bồ Đề hoặc nghĩ rằng: Đạo mà Phật chứng được rất sâu, không thể biết tận đáy, thế nên lại hỏi: Bồ Tát trú chỗ nào thủ chúng thật tế? Phật hỏi ngược lại Tu Bồ Đề.

Hỏi: Có gì Phật không đáp thẳng mà hỏi ngược lại Tu Bồ Đề?

Đáp: Tu Bồ Đề đối với đạo sở đắc rõ ràng không lầm, vì quý chuông pháp sở chứng của Phật, đối với bốn câu hý luận như còn có tâm chấp trước, không hiểu rõ nên hỏi. Vì thế Phật lấy chỗ sở chứng của Tu Bồ Đề hỏi ngược lại: Khi ông đắc đạo là ở trong bốn câu chứng đắc ư? Đáp: Thừa không, con không có chỗ trú mà được sạch hết lậu hoặc. Phật dạy: Ông không có chỗ trú mà tâm được giải thoát, thời nên biết Bồ Tát cũng như vậy, không ở trong bốn câu mà chứng thật tế, cho nên Phật hỏi ngược lại.

Lại có người hỏi: Trong bốn cách đáp, đây là đáp bằng cách hỏi ngược lại.

Hỏi: Tu Bồ Đề ở trong Kim cang tam muội tam được giải thoát, có gì nói không trú trong đạo?

Đáp: Trú là thủ tướng pháp thật có nhất định; người ấy lại cầu thắng pháp vô vi nên không gọi là trú nơi pháp hữu vi, vì không cần dùng nên không trú trong đó. Lại có người nói: Danh tướng ấy trong pháp phạm phu còn có phân biệt là Kim cang, là giải thoát; còn chứng được pháp vô tướng thời không phân biệt gì. Phật vì pháp vô tướng nên hỏi ngược lại Tu Bồ Đề: Ông không nên lấy danh tướng mà hỏi, ông không nên lấy danh tướng mà vấn nạn.

Trí Nhất thiết chủng là trí của Phật. Trí Nhất thiết chủng là trí thông suốt không ngại đối với hết thảy pháp ba đời, biết rõ lớn nhỏ, tinh thô, không việc gì không biết. Phật tự nói nghĩa của trí Nhất thiết chủng, có hai tướng: Một là thông suốt thật tướng các pháp, là tướng tịch diệt, như nước trong biển lớn, gió không thể lay động, vì nó sâu thẳm, sóng mồi không khởi lên; trí Nhất thiết chủng cũng như vậy, gió hý luận không thể làm lay động; hai là đối hết thảy pháp có thể dùng danh tướng, văn tự, ngữ ngôn thông suốt rõ ràng vô ngại, bao nhiếp hai việc có không, nên gọi là trí Nhất thiết chủng. Có người nói: Mười trí lực, bốn việc không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không sinh đều là tướng trí tuệ hòa hợp; ấy gọi là trí Nhất thiết chủng. Lại có người nói: Từ Kim cang tam muội, thứ lớp được vô ngại giải thoát nên hoặc lớn nhỏ, xa gần, cạn sâu, khó dễ không việc gì không biết. Có vô lượng nhân duyên như vậy nên gọi là trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề nghe xong hỏi Phật: Phật phân biệt trí tuệ có cao, vừa, thấp, vậy phiền não do trí tuệ đoạn trừ có sai khác chăng?

Phật đáp: Không có sai khác. Khi đang đoạn trừ thời có sai khác, đoạn trừ xong rồi thời không có sai khác; thí như lưỡi dao có bén, lụt, nên khi chặt có chậm mau; khi chặt xong không có sai khác. Như Lai đối với phiền não và tập khí đều dứt hết, còn Thanh văn, Bích chi Phật chỉ dứt phiền não mà tập khí đang còn.

Tu Bồ Đề hỏi: Ba cách đoạn phiền não hư Phật nói là hữu vi hay là vô vi? Phật đáp: Đều là vô vi.

Lại hỏi: Trong pháp vô vi có thể có sai khác chăng?

Phật đáp: Pháp ấy vô tướng, vô lượng, làm sao có thể có sai khác?

Lại hỏi: Nếu không có sai khác thời làm sao nói trong sự đoạn trừ ấy còn sót lại hay không còn sót lại?

Phật đáp: Tập khí không gọi là phiền não thật; có người tuy dứt tất cả phiền não mà nơi thân và miệng cũng có tướng phiền não xuất hiện, phàm phu thấy nghe tướng ấy thời khởi tâm bất tịnh. Thí như A la hán Mật bà tu tra năm trăm đời ở giữa loài khi, nên nay tuy được thành A la hán mà vẫn còn tập khí leo trèo cây cối, người ngu trông thấy liền sinh kiêu mạn nói vị Tỳ kheo ấy giống như khi; vị A la hán ấy không có tâm phiền não nhưng còn có thói quen cũ. Lại như A la hán Tất lãng già bà sa năm trăm đời sinh trong nhà Bà la môn, tập quen tâm khinh miệt, nên khi được thành A la hán mà còn nói với thần sông Hằng rằng: Tiểu tử phải ngưng chảy để cho ta đi qua. Thần sông Hằng nổi giận, đến cáo tố với Phật. Phật dạy ông sám hối, ông còn xưng là tiểu tử. Tập khí của phiền não thân nghiệp và khẩu nghiệp như vậy, hàng Tiểu thừa chưa dứt sạch, còn Phật không có việc ấy. Như một Bà la môn ác khẩu, trong một lúc lấy năm trăm việc mắng Phật, Phật không có sắc giận. Tâm Bà la môn bèn hoan hỷ, liền trong một lúc lấy năm trăm việc hay tán thán Phật, Phật cũng không có sắc mừng. Nên biết, phiền não tập khí Phật đã sạch hết, lành và dữ không khác nhau.

Lại, Phật khi mới đắc đạo, từ trong công đức thật đã tỏa ra tiếng tăm tốt đẹp, chỉ có Phật tự biết; và việc Bà la môn giết người con gái Phạm chí Tôn đà lệ (Sondari), đem xác bỏ bên Tinh xá để vu không Phật, tiếng dữ đồn xa, Phật đối với hai việc ấy tâm không đổi khác, cũng không lo mừng. Lại, Phật vào làng Bà la môn khát thực, mang bát không trở về, hoặc được hàng trời người cúng dường, hoặc trong ba tháng phải ăn cơm bằng lúa nuôi ngựa, hoặc trời Đế Thích dùng món ăn trời để cúng dường, hoặc Phật ở lại trong rừng A la bà già bị chông gai, gió rét, hoặc ở trong vườn Hoan hỷ, ở trên tảng đá trắng báu lớn của Chư thiên mềm dịu, trơn láng; hoặc nằm trên tọa cụ của Chư thiên... đối với những việc tốt xấu, lành dữ như vậy, tâm Phật không lo mừng. Lại như Đề bà đạt đa đem sân tâm lăn đá đến Phật, hoặc La hầu la đem tâm cung kính chấp tay lễ Phật, đối với hai người ấy, tâm Phật bình đẳng thương yêu như yêu đôi mắt mình. Có những điều gây loạn như vậy, Phật không có tư tưởng đổi khác. Thí như vàng thật, đốt, mài, dũa, sắc nó không biến đổi. Phật trải qua các việc ấy, tâm không có thêm bớt, nên có thể biết các tập khí phiền não yêu ghét, Phật đều dứt sạch.

Tu Bồ Đề thừa: Nếu trong thật tướng các pháp hoặc đạo, hoặc Niết bàn, không có gì của chính nó, nếu không có gì của chính nó thời có sao

phân biệt đây là Tu đà hoàn, đây là Bích chi Phật chưa dứt hết tập khí, còn Phật đã dứt hết tập khí?

Phật dạy: Ba thừa của bậc thánh đều do pháp vô vi mà có sai khác. Tuy nhân nơi vô vi mà có sai khác, song đối với pháp vô vi có thể nói được. Tu Bồ Đề muốn ấn định lời Phật nên hỏi: Thật do pháp vô vi nên có sai khác ư?

Phật đáp: Theo danh tướng ngữ ngôn của thế tục nên có thể phân biệt sai khác, còn trong đệ nhất nghĩa không có phân biệt, vì sao? Vì trong đệ nhất nghĩa, hết thấy đường ngôn ngữ dứt, hết thấy chỗ tâm hành dứt, chỉ vì các bậc Thánh đã dứt kiết sử nên nói có đời sau; đời sau là Vô dư Niết bàn.

Tu Bồ Đề hỏi: Các pháp tự tướng không, nên đời trước không thể có được, huống gì đời sau? Vì sao? Vì nhân đời trước nên có đời sau?

Phật hứa khả lời ấy: Vì chúng sinh không biết các pháp tự tướng không, nên Phật nói đời trước đời sau, chứ trong các pháp tự tướng không, đời trước đời sau không thể có được, vì sao? Vì trước có sinh thời sau có già chết! Nếu lia già chết có sinh thời không chết mà sinh? Cái sinh ấy không có nhân duyên? Nếu trước có già chết sau có sinh, không sinh làm sao có già chết? Trước và sau đã không thể có được thời cùng một lúc cũng không thể có được? Vì thế nên nói trong pháp tự tướng không, không có đời trước đời sau. Phật dạy: Như vậy, như vậy, Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên do pháp không tự tướng mà hành Bát nhã, nội ngoại pháp cho đến Phật pháp đều không vướng mắc.

Hỏi: Từ trước lại đây thường nói tướng Bát nhã, có gì nay còn hỏi?

Đáp: Không chỉ hỏi tướng mà còn hỏi Phật thường nói Bát nhã ba la mật, lấy nghĩa gì nên gọi là Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Vì sự đệ nhất độ hết thấy pháp qua đến bờ kia, gọi là Bát nhã ba la mật. Đệ nhất độ là hàng Thanh văn dùng trí thấp độ mà qua; hàng Bích chi Phật dùng trung trí mà qua, còn đối với hàng Bồ Tát dùng thượng trí mà qua, nên gọi là đệ nhất độ.

*Lại nữa, phiền não có chín: Thượng, trung, hạ mỗi bậc có ba; trí tuệ cũng có chín bậc: Trí tuệ hạ hạ, là trí từ độn căn Tu đà hoàn, cho đến trí thượng hạ là trí của đệ nhất Thanh văn Xá lợi phất; bậc trí thượng trung là trí Bích chi Phật; bậc trí thượng thượng là Bồ Tát. Dùng thượng thượng trí độ

thoát nên gọi là đệ nhất độ. Đối với Thanh văn, Bích chi Phật chỉ tương chung độ thoát, nơi tướng riêng có phần ít. Còn Bồ Tát đối với hết thảy pháp tướng chung, tướng riêng đều biết rõ ràng, nên gọi là đệ nhất độ.

*Lại nữa, khi Bồ Tát độ thoát, trí tuệ biết khắp pháp có thể biết, còn hàng Nhị thừa đối với pháp có thể biết, trí không biết khắp được, nên gọi là đệ nhất độ.

*Lại nữa, đệ nhất độ là hàng Đại thừa phước đức, trí tuệ, sáu Ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo đầy đủ nên an ổn đi qua.

*Lại nữa, chư Phật, đại Bồ Tát và chư thiên đều đến giúp đỡ, an ổn được độ; như người chèo thuyền bảy báu, sửa sang dụng cụ đi đường đầy đủ, chắc chắn; trên thuyền đủ thứ đồ ăn ngon, có người dẫn đường tốt, lại gặp gió thuận, thời có thể vượt qua tốt đẹp. Nếu người chèo chiếc bè cỏ đi qua chỗ ghê sợ thời không gọi là vượt qua tốt.

*Lại nữa, Phật nói người ba thừa do Bát nhã ba la mật mà vượt đến bờ bên kia Niết bàn, dứt mọi ưu khổ; vì nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã ba la mật.

*Lại nữa, trong Bát nhã ba la mật, hết thảy pháp trong ngoài, lớn nhỏ, tư duy, trừ lượng, phân biệt, truy tìm cho đến nhỏ như mây bụi, không có cái gì bền chắc. Khi đến tướng vi trần thời không thể phân chia; tâm tâm số pháp trong một niệm cũng không thể phân chia; trong Bát nhã ba la mật ấy tâm và sắc đều phá hoại, truy tìm không thể có được chắc thật; vì nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã ba la mật.

*Lại nữa, Bát nhã là tuệ, Ba la mật là đến bờ kia. Bờ kia là cùng tận bờ mé của hết thảy trí tuệ. Trí tuệ là tướng không thể phá hoại, tướng không thể phá hoại tức là Như, thật tế, pháp tính, vì nó thật nên không thể phá hoại; ba việc đó nhiếp vào trong Bát nhã nên gọi là Bát nhã ba la mật.

*Lại nữa, Bát nhã ba la mật không có pháp với pháp hoặc hợp, hoặc tán, vì rốt ráo không. Bát nhã ba la mật ấy không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng đó là không có tướng. Nghĩa ấy như trước đã nói. Có các nhân duyên như vậy nên gọi là nghĩa Bát nhã.

Nay sẽ nói nghĩa Bát nhã. Nghĩa là Bát nhã có thể sinh ra tất cả trí tuệ, thiên định, lạc thuyết biện tài. Do lực Bát nhã nên diễn thuyết một câu mỗi mỗi làm trang nghiêm cùng kiếp không hết. Chỗ mặt trời mặt trăng, sao không thể chiếu đến, Bát nhã ba la mật chiếu được. Bát nhã phá bóng tối vô

minh tà kiến. Ma hoặc ma dân hoặc người cầu Thanh văn, Bích chi Phật, ngoại đạo, người ác không thể phá hoại, vì sao? Vì Bồ Tát hành Bát nhã, các người ấy đều không thể có được ở trong Bát nhã.

*Lại nữa, nếu hành giả nhất tâm tín thọ, đọc tụng thời các người ác không thể tìm được chỗ thuận tiện, hưởng gì hành giả nhớ nghĩ đúng, làm đúng như nói. Như vậy, Bồ Tát nên hành nghĩa Bát nhã ấy. Nghĩa Bát nhã là nghĩa vô thường, nghĩa khổ, không, vô ngã, trí bốn đế, tận trí, vô sinh trí, pháp trí, loại trí, thế trí, tha tâm trí, như thật trí nên hành Bát nhã. Bát nhã ấy như biển cả có các báu vật hoặc lớn hoặc nhỏ, duy nhất là ngọc như ý. Bát nhã cũng có các châu báu trí tuệ, đó là: Bốn thánh hạnh vô thường, khổ, không, vô ngã, mười trí, duy nhất có như thật trí giống như ngọc như ý.

Hỏi: Như phẩm trước nói, hành theo thường hoặc vô thường không gọi là hành Bát nhã ba la mật, nay có sao nói: Hành nghĩa vô thường... nên hành Bát nhã ba la mật?

Đáp: Tôi đã đáp như trước: Vô thường có hai thứ: Nếu tâm chấp trước hý luận và hý luận vô thường thời không gọi là hành Bát nhã; nếu không có tâm chấp trước, không hý luận vô thường là phá điên đảo chấp thường. Lại không tự sinh tâm chấp trước, ấy gọi là hành Bát nhã.

Hỏi: Trong Tam tạng chỉ có mười trí, sao trong đây có thêm như thật trí?

Đáp: Thế nên gọi là Đại thừa. Đại pháp hay hàm thọ tiểu pháp, tiểu pháp không hàm thọ được đại pháp.

Hỏi: Mười trí có thể tương riêng, còn như thật trí có tương gì?

Đáp: Có người nói: Biết được thật tướng các pháp là như như, pháp tính, thật tế, gọi là tướng như thật trí. Trong đây Phật nói như thật trí là chỉ cho trí Phật có được, vì sao? Vì người nào chưa sạch, còn có vô minh thời không thể biết như thật. Hàng Nhị thừa và Đại Bồ Tát tập khí chưa sạch nên không thể biết khắp hết thấy pháp, hết thấy chủng, không gọi là như thật trí, chỉ có Phật đối với hết thấy vô minh dứt sạch, không còn thừa nên có thể biết như thật.

Hỏi: Nếu ngoài Phật lại không có người nào có như thật trí, thời hàng Nhị thừa làm sao được Niết bàn, hàng Bồ Tát làm sao được vô sinh nhẫn?

Đáp: Như thật trí có hai: Một là biết khắp, đầy đủ, hai là chưa đầy đủ. Đầy đủ là Phật, chưa đầy đủ là Nhị thừa và đại Bồ Tát. Thí như trong nhà tối, vì cần việc nên đốt đèn; việc làm xong sau lại đốt đèn, ánh sáng càng tỏ thêm. Nhà tối có hai phần, một phần ngọn đèn trước đã trừ, phần thứ hai ngọn đèn sau trừ. Bóng tối phần thứ hai hợp với ánh sáng ngọn đèn đầu, nếu không như vậy thời ngọn đèn thứ hai vô dụng. Như vậy, trí tuệ của hàng Nhị thừa và đại Bồ Tát tuy đã phá vô minh, song phần vô minh, mà trí tuệ Phật trừ được các người trên không thể trừ; không được nói ngọn đèn đầu không chiếu sáng. Như vậy, không được nói trí tuệ của hàng Nhị thừa, Bồ Tát là biết khắp như thật. Trí biết khắp như thật là trí Phật, còn trí như thật là trí chung của Nhị thừa và Bồ Tát.

Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Đức Thế Tôn, nếu trong Bát nhã thâm sâu, nghĩa và phi nghĩa đều không thể có được, làm sao nói Bồ Tát vì nghĩa Bát nhã thâm sâu nên hành Bát nhã?

Phật đáp: Các phiền não tham dục là phi nghĩa không nên hành. Các pháp có ba phần: Các phiền não tham dục là phi nghĩa; các thiện pháp sáu Ba la mật... là nghĩa; sắc pháp vô ký nên chẳng phải nghĩa chẳng phải phi nghĩa. Nếu có người đối với phiền não và người gây phiền não sinh tâm oán ghét, đối với các thiện pháp sáu Ba la mật và người hành thiện pháp sinh tâm thương yêu, còn đối với sắc pháp vô ký và người hành pháp vô ký sinh tâm ngu si thời như trong kinh nói: Phạm phu khi thọ vui sinh tâm tham, khi thọ khổ sinh tâm giận, khi thọ không vui không khổ sinh tâm si. Thế nên nói Bồ Tát nên nghĩ rằng tham dục... là phi nghĩa, không nên nghĩ cho đó là phi, như kinh nói rộng. Trong đây Phật tự nói nhân duyên; pháp lành, pháp dữ, pháp vô ký chỉ một tướng Như, không có nghĩa và phi nghĩa, vì tướng Như không có hai, không có phân biệt.

*Lại nữa, khi Phật đắc đạo không thấy một pháp hoặc nghĩa hoặc phi nghĩa. Thật tướng các pháp dù có Phật hay không có Phật vẫn thường trú, không khởi lên nghĩa và chẳng phải nghĩa. Nếu biết như vậy tức là nghĩa, chỉ vì phá trừ tâm phân biệt nên nói không nên hành theo nghĩa và phi nghĩa. Như vậy, Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật là nghĩa và phi nghĩa.

Tu Bồ Đề lại hỏi: Có gì Bát nhã ba la mật chẳng phải nghĩa chẳng phải phi nghĩa?

Phật dạy: Hết thấy pháp không có tướng tác khởi, không có tướng năng tác, sở tác, làm sao Bát nhã lại khởi lên nghĩa và chẳng phải nghĩa?

Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu hết thấy chư Phật và đệ tử đều lấy vô vi pháp làm nghĩa, có sao Phật nói Bát nhã ba la mật không thể khởi tác nghĩa và chẳng phải nghĩa.

Phật đáp: Hết thấy thánh nhân tuy lấy pháp vô vi làm nghĩa mà không thêm không bớt. Trong kinh này nói thí dụ: Như hư không Như, không thể thêm chúng sinh, không thể bớt chúng sinh, vì hư không, không có pháp nên không có nghĩa và chẳng phải nghĩa, huống gì hư không Như! Hư không tuy không có pháp song hết thấy nhân gian nhân nơi hư không mà có được sự tạo tác; Bát nhã ba la mật cũng như vậy, tuy vô tướng vô vi, mà nhân nơi Bát nhã có thể tu các Phật đạo, năm Ba la mật. Vì tâm chấp trước nên nói Bát nhã không có nghĩa và chẳng phải nghĩa; không có tâm chấp trước nên nói thật nghĩa đệ nhất. Vì theo thể tục đế nên nói nghĩa, còn trong đệ nhất nghĩa đến không có nghĩa.

*Lại nữa, Bát nhã có hai: Một là hữu vi, hai và vô vi. Học hữu vi Bát nhã có thể đầy đủ sáu Ba la mật, trú trong mười địa; học vô vi Bát nhã, dứt sạch hết thấy phiền não và tập khí, thành Phật đạo. Nay Tu Bồ Đề hỏi Phật: Bồ Tát học vô vi Bát nhã được Nhất thiết trí, làm sao nói không có nghĩa?

Phật đáp: Tuy được Nhất thiết trí, chẳng vì hai pháp nên được. Phân biệt thủ tướng gọi là hai pháp.

Lại hỏi: Pháp không hai có thể được pháp không hai ư?

Phật đáp: Không, vì sao? Vì pháp không hai tức là vô vi. Vô vi không có tướng đặc và không đặc, vì pháp vô vi không thể hành.

Lại hỏi: Nếu do pháp không hai không được, thì có thể do pháp hai được pháp không hai chăng?

Phật đáp: Không, vì sao? Vì pháp hai hư dối, không thật, làm sao hành pháp không thật được pháp thật?

Lại hỏi: Nếu chẳng do pháp hai, chẳng do pháp không hai, làm sao được trí Nhất thiết chủng?

Phật đáp: Không có sở đắc tức là đắc. Trong đây hai và không hai tức là không có phân biệt, đều không có sở đắc. Không có sở đắc ấy không do có sở đắc mà hành. Tuy hành pháp hữu vi, không có sở đắc ấy, vì tâm

không thủ tướng nên không có sở đắc, vì sao? Vì hành hợp với không, vô tướng, vô tác vậy.

(Hết cuốn 84 theo bản Hán).

--o0o --

Cuốn 85

Giải Thích: Phẩm Đạo Thọ Thứ 71

(Kinh Đại Bát nhã, Hội 2 ghi: Phẩm Thọ Dụ thứ 69)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy rất sâu, các Bồ Tát không thấy có chúng sinh, mà vì chúng sinh nên cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, việc ấy rất khó. Thí như người muốn trồng cây giữa hư không, Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát cũng như vậy. Vì chúng sinh nên cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, mà chúng sinh cũng không thể có được.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy, việc làm của các Bồ Tát rất khó. Vì chúng sinh mà cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, độ chúng sinh điên đảo chấp ngã. Thí như người trồng cây không biết gốc, cành, nhánh, lá, hoa, quả của cây sẽ thế nào, mà ưa săn sóc, tưới tắm, dần dần cây lớn, hoa, lá, quả thành tựu đều dùng được. Như vậy, các Bồ Tát vì chúng sinh nên cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, dần dần hành sáu Ba la mật, được trí Nhất thiết chủng, thành cây Phật, dùng lá, hoa, quả làm lợi ích chúng sinh.

Này Tu Bồ Đề, thế nào là dùng lá lợi ích chúng sinh? Là nhân nơi Bồ Tát mà được lìa ba ác đạo, ấy là lá lợi ích chúng sinh.

Thế nào là hoa lợi ích chúng sinh? Là nhân nơi Bồ Tát được sinh dòng Sát đế lợi, sinh dòng Bà la môn, đại gia cư sĩ, chỗ bốn thiên vương, cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, vô tướng, ấy là hoa lợi ích chúng sinh.

Thế nào là quả lợi ích chúng sinh? Ấy là nhân Bồ Tát được trí Nhất thiết chủng, làm cho chúng sinh được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hoàn, quả A na hàm, quả A la hán, đạo Bích chi Phật và Phật đạo; chúng sinh ấy dần

dần dùng pháp ba thừa thủ chứng Vô dư Niết bàn; ấy là quả lợi ích chúng sinh. Bồ Tát ấy không thấy có chúng sinh thật mà độ chúng sinh, khiến xa lìa điên đảo chấp ngã, nghĩ rằng: Trong hết thảy pháp không có chúng sinh. Ta vì chúng sinh, cầu trí Nhất thiết chủng, mà chúng sinh ấy thật không thể có được.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nên biết Bồ Tát ấy như Phật, vì sao? Vì nhân Bồ Tát ấy mà dứt hết thảy giống địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ dứt; dứt hết các nạn, dứt con đường nghèo cùng hạ tiện; dứt hết cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Phật dạy: Như vậy, như vậy, Tu Bồ Đề, nên biết Bồ Tát ấy như Phật. Nếu Bồ Tát không phát tâm cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác thì thế gian không có Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, cũng không có Bích Chi Phật, A la hán, A na hàm, Tu đà hàm, Tu đà hoàn; ba đường ác và ba cõi cũng không có khi nào dứt. Nay Tu Bồ Đề, ông nói Bồ Tát ấy như Phật? Đúng như vậy. Nên biết Bồ Tát ấy thật như Phật, vì sao? Vì Như nên nói là Như Lai; Vì Như nên nói là Bích chi Phật, A la hán, hết thảy hiền thánh; vì Như nên nói sắc cho đến thức; vì Như nên nói hết thảy pháp, cho đến tính hữu vi, tính vô vi. Các Như ấy như thật không khác, vì thế nên gọi là Như. Bồ Tát học Như ấy được trí Nhất thiết chủng, được gọi là Như Lai. Vì nhân duyên ấy nên nói Bồ Tát như Phật, vì tướng "Như" vậy. Như vậy, Bồ Tát nên học Như Bát nhã ba la mật. Bồ Tát học Như Bát nhã ba la mật thì học được hết thảy pháp Như; học hết thảy pháp Như thì được đầy đủ hết thảy pháp Như; đầy đủ hết thảy pháp Như rồi, đối với hết thảy pháp Như được tự tại; đối với hết thảy pháp Như được tự tại rồi, khéo biết căn cơ của chúng sinh; khéo biết căn cơ của chúng sinh rồi, biết chúng sinh có căn đầy đủ, biết chúng sinh có nghiệp nhân duyên; biết chúng sinh có nghiệp nhân duyên rồi được đầy đủ nguyện trí; đầy đủ nguyện trí rồi được thanh tịnh trí tuệ ba đời; thanh tịnh trí tuệ ba đời rồi lợi ích hết thảy chúng sinh; lợi ích hết thảy chúng sinh rồi nghiêm tịnh cõi Phật; nghiêm tịnh cõi Phật rồi được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi chuyển pháp luân; chuyển pháp luân rồi, an lập chúng sinh nơi ba thừa, khiến vào Vô dư Niết bàn. Như vậy, Bồ Tát muốn được hết thảy công đức lợi mình, lợi người, nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, các Bồ Tát hành được Bát nhã ba la mật sâu xa đúng như kinh nói, thì hết thảy thế gian người, trời, A tu la hãy nên kính lễ.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy. Bồ Tát ấy hành được Bát nhã như kinh nói, thì hết thấy thế gian người, trời, A tu la hãy nên kính lễ.

• Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát mới phát tâm vì chúng sinh nên cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, được bao nhiêu phước đức?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu chúng sinh trong một ngàn thế giới đều phát tâm cầu Thanh văn, Bích chi Phật, ý ông nghĩ sao, phước ấy nhiều chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Rất nhiều, vô lượng.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Phước ấy không bằng Bồ Tát mới phát tâm trăm lần, ngàn lần; ngàn vạn ức lần cho đến toán số thí dụ không thể sánh kịp, vì sao? Vì người phát tâm cầu Thanh văn, Bích chi Phật đều nhân nơi Bồ Tát mà ra, chứ Bồ Tát trọn không nhân nơi Thanh văn, Bích chi Phật mà ra. Chúng sinh trong hai ngàn thế giới, thế giới đại thiên ba ngàn cũng như vậy. Gác qua việc hàng Thanh văn, Bích chi Phật trong thế giới đại thiên ba ngàn, nếu chúng sinh trong thế giới đại thiên ba ngàn đều trú địa vị Càn tuệ, phước ấy nhiều chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Rất nhiều, vô lượng.

Phật dạy: Chẳng bằng Bồ Tát mới phát tâm trăm lần, ngàn lần; ngàn vạn ức lần cho đến toán số thí dụ không thể sánh kịp. Gác qua việc chúng sinh trú địa vị Càn tuệ, nếu chúng sinh trong thế giới đại thiên ba ngàn đều trú ở Tính địa, Bát nhân địa, Tín địa, Hạ địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Bích chi Phật địa, hết thấy phước đức ấy muốn sánh với Bồ Tát mới phát tâm gấp trăm, gấp ngàn; ngàn ức vạn lần cho đến toán số thí dụ cũng không thể sánh kịp. Nay Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát mới phát tâm trong thế giới đại thiên ba ngàn không bằng Bồ Tát vào pháp vị gấp trăm, ngàn, vạn, ngàn ức vạn lần cho đến toán số thí dụ không thể sánh kịp. Nếu Bồ Tát vào Pháp vị trong thế giới đại thiên ba ngàn không bằng Bồ Tát hướng đến Phật đạo gấp trăm, ngàn, vạn, ngàn ức vạn lần cho đến toán số thí dụ không thể sánh kịp. Nếu Bồ Tát hướng đến Phật đạo trong thế giới đại thiên ba ngàn không bằng công đức của Phật gấp trăm, ngàn, vạn; ngàn ức vạn lần cho đến toán số thí dụ không thể sánh kịp.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát mới phát tâm nên niệm đến pháp nào?

Phật dạy: Nên niệm trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề thưa: Thế nào là trí Nhất thiết chủng? Trí Nhất thiết chủng duyên thế nào, tăng thượng thế nào, hành thế nào, tướng thế nào?

Phật bảo Tu Bồ Đề: trí Nhất thiết chủng không có gì của chính nó; không niệm, không sinh, không chỉ bày, như lời Tu Bồ Đề hỏi: Trí Nhất thiết chủng duyên thế nào, tăng thượng thế nào, hành thế nào, tướng thế nào? Nay Tu Bồ Đề, trí Nhất thiết chủng không có pháp duyên; niệm là tăng thượng, tịch diệt là hành, vô tướng là tướng; ấy gọi là duyên, tăng thượng, hành, tướng của trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, chỉ trí Nhất thiết chủng không có pháp, hay sắc, thọ, tướng, hành, thức cũng không có pháp; pháp trong ngoài cũng không có pháp; bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, tam muội Không, tam muội Vô tướng, tam muội Vô tác, tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, đại hỷ đại xả, thần thông đầu, thần thông thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu; tướng hữu vi, tướng vô vi v.v... cũng là không có pháp chăng?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Sắc cũng không có pháp, cho đến tướng hữu vi, tướng vô vi cũng không có pháp.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà trí Nhất thiết chủng không có pháp, sắc không có pháp, cho đến tướng hữu vi, tướng vô vi cũng không có pháp?

Phật dạy: Trí Nhất thiết chủng tự tính không có, nếu pháp tự tính không có, ấy gọi là không có pháp. Sắc cho đến tướng hữu vi, tướng vô vi cũng như vậy.

- Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà các pháp tự tính không có?

Phật dạy: Trong các pháp nhân duyên hòa hợp sinh, không có tự tính. Nếu không có tự tính, ấy là không có pháp. Vì vậy, Bồ Tát nên biết hết thấy pháp không có tính, vì sao? Vì hết thấy tính pháp không. Thế nên biết hết thấy pháp không có tính.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp không có tính, thời Bồ Tát mới phát tâm dùng sức phương tiện gì có thể tu Thí ba

la mật, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; có thể tu Giới Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; tu sơ thiên cho đến tứ thiên; tu tâm từ cho đến tâm xả; tu định Không xứ cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng định xứ; tu ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không; tu bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo; tu tam muội Không, tam muội Vô tướng, tam muội Vô tác, tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, trí Nhất thiết chủng, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát có thể học các pháp không có tự tính, cũng có thể nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Biết thế giới và chúng sinh không có tự tính, tức là sức phương tiện. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát tu Thí Ba la mật, ấy là tu học Phật đạo; tu Giới Ba la mật; ấy là tu học Phật đạo, cho đến tu trí Nhất thiết chủng, ấy là tu học Phật đạo; cũng biết Phật đạo không có tự tính. Bồ Tát ấy tu sáu Ba la mật, ấy là tu học Phật đạo cho đến khi chưa thành tựu mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, trí Nhất thiết chủng; ấy là tu học Phật đạo. Đây đủ được nhân duyên về Phật đạo rồi, dùng một niệm tương ưng với tuệ được trí Nhất thiết chủng. Bây giờ hết thấy phiền não tập khí vĩnh viễn dứt sạch, không sinh lại nữa. Khi ấy dùng mắt Phật xem thấy đại thiên ba ngàn thế giới pháp vô còn không thể có được, huống gì hữu pháp, như vậy, Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật tự tính không vô. Nay Tu Bồ Đề, ấy gọi là sức phương tiện của Bồ Tát. Vô pháp còn không thể có được, huống gì hữu pháp, Bồ Tát ấy trong khi bố thí, bố thí vô pháp còn không biết, huống gì là hữu pháp. Người thọ thí và tâm Bồ Tát, vô pháp còn không biết, huống gì là hữu pháp, cho đến trí Nhất thiết chủng, người được thí, pháp được, chỗ được là vô pháp còn không biết, huống gì là hữu pháp, vì sao? Vì bản tính của hết thấy pháp là như vậy, chẳng phải Phật làm, chẳng phải Thanh văn, Bích chi Phật làm, cũng chẳng phải người khác làm, vì hết thấy pháp không có người làm.

Bach Đức Thế Tôn, các pháp, tính các pháp xa lìa chẳng?

Phật dạy: Như vậy, như vậy. Các pháp, tính các pháp xa lìa.

Bach Đức Thế Tôn, nếu các pháp, tính các pháp xa lìa, thì làm sao pháp xa lìa có thể biết pháp xa lìa hoặc có hoặc không, vì sao? Vì vô pháp chẳng thể biết vô pháp, hữu pháp chẳng thể biết hữu pháp; vô pháp chẳng thể biết hữu pháp, hữu pháp chẳng thể biết vô pháp? Như vậy, hết thấy pháp không

có tướng gì của chính nó, làm sao Bồ Tát khởi tâm phân biệt pháp ấy hoặc có, hoặc không?

Phật dạy: Bồ Tát vì theo nghĩa thế tục để chỉ bày cho chúng sinh hoặc có, hoặc không, chứ chẳng phải theo đệ nhất nghĩa.

Bạch Đức Thế Tôn, thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế có khác nhau chăng?

Này Tu Bồ Đề, thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế không khác nhau, vì sao? Vì thế tục đế Như tức là đệ nhất nghĩa đế Như. Do chúng sinh không thấy không biết tính Như ấy, nên Bồ Tát dùng thế tục đế để chỉ bày hoặc có, hoặc không.

*Lại nữa, chúng sinh đối với năm thọ uẩn vì có tâm chấp trước tướng nên không biết nó không có sở hữu. Bồ Tát vì chúng sinh ấy nên chỉ bày hoặc có hoặc không, khiến biết năm uẩn thanh tịnh, không có gì của chính nó. Như vậy, Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật như vậy.

Luận: Tu Bồ Đề theo Phật nghe nói không có gì được tức là được, liền tán thán chưa từng có, bạch Phật rằng: Bát nhã ấy rất sâu, như trong kinh đã nói rộng. Nêu cây làm ví dụ: Lá, hoa, quả tự cạn dần đến sâu; như bóng râm của lá cây, lúc nóng bức, che mát rất vui. Chúng sinh nhân bóng râm của cây Bồ Tát đạo, được xa lìa sự khổ nóng bức trong ba đường ác, vì sao? Vì ngăn ngừa được tội ác. Như hoa sắc đẹp, hương nhu nhuyễn, chúng sinh nhân Bồ Tát đem việc bố thí, trì giới giáo hóa cho, nên được hưởng phước lạc cõi người, cõi trời. Như trái cây có màu sắc, hương thơm, vị ngon, chúng sinh nhân nơi Bồ Tát nên được các quả thánh đạo Tu đà hoàn v.v... Tu Bồ Đề nghe liền hoan hỷ, nói rằng: Bồ Tát ấy như Phật không khác. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Nhân nơi Bồ Tát nên dứt các đường ác địa ngục, súc sinh v.v... Phật chấp thuận ý ấy, lại nói nhân duyên: Bồ Tát không phát tâm cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thời cho đến không có khi nào dứt ba cõi.

*Lại nữa, vì được "các pháp tính Như" nên gọi là Như Lai, cho đến gọi là Tu đà hoàn; vì tính Như nên nói sắc cho đến tính vô vi, các pháp tính Như ấy đều là một, không khác. Bồ Tát học tính Như ấy, chắc chắn được Nhất thiết trí, nên nói là như Phật không khác, không phải vì tâm ta ưa quý Bồ Tát mà nói là như Phật, song vì được tính Như nên nói như Phật. Tính như ấy ở nơi Phật, cũng ở nơi Bồ Tát, vì là một tướng, nên gọi Bồ Tát như Phật; lia tính Như, lại không có pháp gì không vào tính Như.

Hỏi: Nếu vì đồng tính như mà nói Bồ Tát như Phật, thế thì cho đến trong súc sinh cũng có tính như ấy, cứ sao không nói như Phật?

Đáp: Súc sinh tuy cũng có tính như, song vì nhân duyên chưa phát khởi, không thể làm lợi ích chúng sinh nên không thể hành tính như, cho đến Nhất thiết trí. Như vậy, Bồ Tát nên học tính như của Bát nhã ấy. Bồ Tát học tính như của Bát nhã ấy thời được đầy đủ tính như của hết thầy pháp. Đầy đủ tức là được thật tướng các pháp, có thể dùng mỗi mỗi pháp môn làm cho chúng sinh được hiểu. Vì được đầy đủ nên đối với hết thầy pháp Như được tự tại. Được tự tại rồi, khéo biết căn tính của chúng sinh, biết các căn tính của chúng sinh đầy đủ. Các căn là năm căn lành: Tín, tấn, niệm, định, tuệ; hàng ba thừa đều có, có thể phân biệt người ấy có, người ấy không có; người ấy được lực, người ấy không được lực. Đầy đủ là các thiện căn: Tín, tấn, niệm, định, tuệ đầy đủ; người như vậy có thể ra khỏi thế gian. Tín căn được lực thời quyết định thọ trì, không nghi ngờ; vì sức tinh tấn nên tuy chưa thấy pháp mà nhất tâm cầu đạo, không tiếc thân mạng, không ngừng nghỉ; vì sức ghi nhớ nên thường nhớ lời dạy của Phật, thiện pháp đem cho vào, ác pháp đến không cho vào, như người giữ cửa; vì sức định nên nhiếp tâm một chỗ, không lay động, đề giúp cho trí tuệ; vì sức trí tuệ nên có thể như thật quán các pháp tướng. Được căn có hai hạng: Một là ở trong thân người có tâm lớn thời thành căn Bồ Tát; hai là ở trong thân người có tâm mỏng thời thành căn Tiểu thừa. Được đầy đủ căn ấy thời có thể độ. Hoặc có Bồ Tát thấy người tuy được năm căn mà không thể độ, vì do tội nghiệp ác đời trước nặng; thế nên nói biết nghiệp nhân duyên của hết thầy chúng sinh. Muốn biết nghiệp nhân duyên trong vô số kiếp phải có được túc mạng thông; đã biết rồi, vì chúng sinh mà nói đến tội nghiệp nhân duyên quá khứ; chúng sinh do tội quá khứ ấy cho nên không sợ. Vì thế nên cầu nguyện được trí tuệ muốn biết việc ba đời. Đã biết rồi, vì chúng sinh chỉ rõ tội nghiệp nhân duyên đời vị lai sẽ đọa địa ngục. Chúng sinh nghe rồi thời tâm sợ hãi, sợ hãi rồi tâm điều phục dễ độ. Chúng sinh nếu muốn biết nhân duyên phước báo đời vị lai thời vì họ nói, họ hoan hỷ, có thể độ. Vì thế mà nói biết nghiệp nhân duyên rồi, nguyện trí đầy đủ nên được trí tuệ thanh tịnh biết ba đời, thông suốt vô ngại; biết nghiệp thiện, ác quá khứ; biết quả báo thiện ác vị lai; biết chúng sinh hiện tại các căn lợi, độn đó nói pháp giáo hóa, được nhiều lợi ích, không hư dối. Vì làm lợi ích lớn cho chúng sinh nên có thể nghiêm tịnh cõi Phật; nghiêm tịnh cõi Phật rồi được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng nên chuyển pháp luân; chuyển pháp luân rồi; đem pháp ba thừa an lập chúng sinh vào Vô dư Niết bàn. Các lợi ích như vậy đều do học Như đưa đến. Vì thế nên Phật nói Bồ Tát muốn được hết thầy công đức lợi mình, lợi người, nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề nghe công đức của Bồ Tát ấy rất nhiều, bạch Phật rằng: Bồ Tát có thể hành Bát nhã ba la mật như kinh nói, tất cả thế gian hãy nên kính lễ, như trong kinh nói rộng, phân biệt công đức của Bồ Tát mới phát tâm.

Bấy giờ Tu Bồ Đề biết Bát nhã ba la mật rất sâu, không có ức tướng, chẳng phải hàng mới học biết được, thế nên hỏi Phật: Bồ Tát mới phát tâm nên niệm pháp gì? Phật đáp: Nên niệm trí Nhất thiết chủng. Trí Nhất thiết chủng tức là Vô thượng chánh đẳng chánh giác; Nhất thiết trí, pháp Phật, Phật đạo đều là tên khác của trí Nhất thiết chủng.

Hỏi: Có gì Phật đáp nên niệm trí Nhất thiết chủng?

Đáp: Vì Bồ Tát mới phát tâm chưa được trí tuệ sâu xa, chưa bỏ cái vui ngũ dục của thế gian. Vì vậy nên Phật dạy buộc tâm, niệm tướng Nhất thiết trí, nên nghĩ rằng: Nếu bỏ được cái vui nhỏ nhặt ưế tạp sẽ được cái vui thanh tịnh lớn lao; bỏ cái vui điên đảo hư dối sẽ được cái vui chơn thật, bỏ cái vui trong vòng trói buộc sẽ được cái vui giải thoát; bỏ cái vui lành của riêng mình sẽ được cái vui lành chung của cả chúng sinh. Vì được lợi ích như vậy, nên Phật dạy hàng mới phát tâm thường niệm đến Nhất thiết trí.

Tu Bồ Đề hỏi: Trí Nhất thiết chủng ấy là hữu pháp hay là vô pháp? Thế nào duyên, thế nào tăng thượng, thế nào hành, thế nào tướng?

Phật đáp: Trí Nhất thiết chủng không có gì của chính nó; không có gì của chính nó ấy là chẳng phải pháp, không sinh, không diệt. Như thật duyên các pháp, cũng không có gì của chính nó; niệm là tăng thượng; tịch diệt là hành; vô tướng là tướng.

Hỏi: Đều là rốt ráo không, có sao chỉ nói niệm là tăng thượng?

Đáp: Các pháp đều có sức, trí tuệ Phật là rốt ráo không, như như, pháp tính, thật tế, vô tướng; nghĩa là tướng tịch diệt. Phật được trí tuệ Nhất thiết chủng, không còn suy nghĩ, không còn khó dễ, gần xa, niệm gì cũng đều được, nên nói niệm là tăng thượng.

Tu Bồ Đề hỏi: Chỉ trí Nhất thiết chủng không có pháp; hay sắc pháp v.v... cũng không có pháp?

Phật đáp: Hết thấy sắc pháp v.v... cũng không có pháp. Phật tự nói nhân duyên: Nếu pháp từ nhân duyên hòa hợp sinh thời không có tự tính; nếu

pháp không có tự tính tức là không, không có pháp. Vì nhân duyên ấy nên biết tính của hết thầy pháp không có gì của chính nó.

Tu Bồ Đề hỏi: Bồ Tát mới phát tâm lấy phương tiện gì hành Thí Ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng, nghiêm tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh?

Phật đáp: Học trong pháp tính không có gì của chính nó vào định quán sát, cũng có thể chú nhóm công đức, giáo hóa chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật; đó tức là sức phương tiện, vì hai pháp có và không, có thể hành trong một lúc. Nghĩa là rất ráo không và chứa nhóm phước đức. Người ấy khi tu sáu Ba la mật, cũng tu tập Phật đạo; như tâm Phật vì pháp rất ráo không, không có gì của chính nó, mà tu sáu Ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng. Bồ Tát hành đạo ấy có thể đầy đủ mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi. Khi hành Bồ Tát đạo, đầy đủ pháp ấy; đến lúc ngồi đạo tràng, dùng một niệm tương ưng với tuệ mà được trí Nhất thiết chủng. Như người ban đêm mắt châu báu, ánh sáng điện tạm hiện lên, liền trở lại được, phiền não và tập khí vĩnh viễn dứt sạch, không còn sinh trở lại. Được thành Phật rồi, Phật xem mười phương thế giới, hết thấy vật còn chẳng thấy không, hưởng gì thấy có! Pháp rất ráo không, phá trừ được điên đảo, làm cho Bồ Tát được thành Phật, việc ấy còn không thể có được, hưởng gì pháp phàm phu điên đảo chấp có? Vì thế, nên biết hết thầy pháp không có tướng gì của chính nó, ấy là phương tiện của Bồ Tát. Không, còn không thể có được, hưởng gì có.

Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật không có sở hữu. Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không có sở hữu ấy, hoặc trong khi bố thí liền biết vật bố thí không, không có gì của chính nó; người nhận thí và tâm Bồ Tát cũng không có gì của chính nó, cho đến trí Nhất thiết chủng, người được, pháp được, chỗ được, vô pháp còn không thể biết, hưởng gì là hữu pháp. Người được là Bồ Tát, pháp được là Vô thượng chánh đẳng chánh giác; pháp dùng để được là đạo Bồ Tát, đều biết pháp ấy không có gì của chính nó, vì sao? Vì hết thầy pháp bản tính như vậy, không vì trí tuệ nên đổi khác; chẳng phải phàm phu làm, chẳng phải thánh hiền làm; hết thầy pháp không làm, không người làm. Ý của Tu Bồ Đề là, nếu các pháp hoàn toàn là tướng không có gì của chính nó, thì ai biết là không có gì của chính nó? Thế nên hỏi Phật: Các pháp, tính các pháp xa lìa, làm sao tính xa lìa biết được các pháp xa lìa hoặc có, hoặc không, vì sao? Vì vô pháp không thể biết vô pháp, hữu pháp không thể biết hữu pháp; vô pháp không thể biết hữu pháp, hữu pháp không thể biết vô pháp. Bạch Đức Thế Tôn, như vậy, hết thầy pháp không có tướng gì của chính nó, làm thế nào Bồ Tát phân biệt pháp ấy hoặc có, hoặc không?

Phật đáp: Bồ Tát theo nghĩa thế tục mà vì chúng sinh nói hoặc có, hoặc không, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa. Nếu có là thật có, thời không có cũng nên thật có; nếu có không thật có, thời không có làm sao lại có thật?

Tu Bồ Đề hỏi: Thế tục và đệ nhất nghĩa có khác nhau chăng? Nếu khác thời là phá hoại pháp tính nên nói không khác? Thế tục tính như tức là đệ nhất nghĩa tính Như. Chúng sinh không biết tính Như ấy, nên theo nghĩa thế tục nói hoặc có, hoặc không.

Lại nữa, chúng sinh có chỗ chấp trước đối với năm thọ ấm, vì muốn chúng sinh ấy xa lìa sở hữu, được vô sở hữu, nên Bồ Tát nói vô sở hữu; theo pháp thế tục phân biệt các pháp, muốn làm cho chúng sinh biết tính cách vô sở hữu ấy. Như vậy, Bồ Tát nên học Bát nhã ba la mật vô sở hữu.

Giải thích: Phẩm Bồ Tát Hạnh Thứ 72

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Thế Tôn nói Bồ Tát hạnh, thế nào là Bồ Tát hạnh?

Phật dạy: Bồ Tát hạnh là hành Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bạch đức Thế Tôn, thế nào là Bồ Tát hành Vô thượng chánh đẳng chánh giác là Bồ Tát hạnh?

Phật dạy: Nếu Bồ Tát hành sắc không, hành thọ, tướng, hành, thức không; hành nhãn không cho đến ý; hành sắc không cho đến pháp; hành nhãn giới không cho đến ý thức giới; hành Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; hành nội không, ngoại không, nội ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không; hành sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên; hành từ, bi, hỷ, xả; hành Vô biên hư không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ; hành bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần Thánh đạo; hành tam muội Không, tam muội Vô tướng, tam muội Vô tác; hành tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, các vô ngại biện tài, hành văn tự vào vô văn tự, hành các môn Đà la ni, hành tính hữu vi, tính vô vi; giống như Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không thấy hai pháp. Như vậy, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật gọi là hành Vô thượng chánh đẳng chánh giác; ấy là hạnh Bồ Tát.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Thế Tôn nói Phật, Phật có nghĩa là gì?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Biết nghĩa thật của các pháp nên gọi là Phật. Lại nữa, chứng được thật tướng các pháp, nên gọi là Phật; thông suốt nghĩa thật của các pháp, nên gọi là Phật. Lại nữa, như thật biết hết thủy pháp, nên gọi là Phật.

Tu Bồ Đề thưa: Bồ đề nghĩa là gì?

Phật dạy: Nghĩa không là nghĩa Bồ đề; nghĩa Như, nghĩa pháp tính, nghĩa thật tế, là nghĩa Bồ đề. Lại nữa, danh tướng ngôn thuyết, là nghĩa Bồ đề. Thật nghĩa Bồ đề không thể hoại, không thể phân biệt, là nghĩa Bồ Đề. Lại nữa, thật tướng các pháp không dối, không khác, là nghĩa Bồ đề. Vì vậy nên gọi là Bồ đề. Lại nữa, Bồ đề ấy, chư Phật có được, gọi là Bồ đề. Lại nữa, trí biết chơn chánh cùng khắp của chư Phật, gọi là Bồ đề.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát vì Bồ đề ấy mà hành sáu Ba la mật cho đến hành trí Nhất thiết chủng, đối với các pháp gì được, gì mất, gì thêm, gì bớt; gì sinh, gì diệt, gì cấu, gì tịnh?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu Bồ Tát hành sáu Ba la mật cho đến hành trí Nhất thiết chủng, đối với các pháp không được, không mất, không thêm, không bớt, không cấu, không tịnh, vì sao? Vì Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không vì sự được mất, thêm, bớt, sinh, diệt, cấu, tịnh.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, không vì sự được, mất, cho đến không vì cấu, tịnh, thế nào Bồ Tát hành Bát nhã, có thể nhiếp thủ được Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật? Làm sao hành nội không cho đến vô pháp hữu pháp không? Làm sao hành thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo? Làm sao hành Không, Vô tướng, Vô tác giải thoát môn? Làm sao hành mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi? Làm sao hành mười địa của Bồ Tát? Làm sao vượt quá Thanh văn, Bích chi Phật mà vào Bồ Tát vị?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật không do hai pháp hành Thí Ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật; không do hai pháp hành nội không, cho đến trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát không do hai pháp hành Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, không do hai pháp hành nội không cho đến trí Nhất thiết chủng, vậy Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến tâm sau cùng, làm sao tăng trưởng căn thiện?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu hành hai pháp thời căn thiện không được tăng trưởng, vì sao? Vì hết thấy phàm phu đều nương hai pháp, nên không được tăng trưởng căn thiện. Bồ Tát hành pháp không hai, nên từ khi mới phát tâm cho đến tâm sau cùng, ở khoảng trung gian ấy được tăng trưởng căn thiện. Vì thế nên đối với Bồ Tát, hết thấy thế gian trời, người, A tu la không thể chiết phục, không thể phá hoại thiện căn ấy, làm cho đọa vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật và các pháp ác không thiện không thể chế ngăn Bồ Tát, làm cho không thể hành Thí Ba la mật, tăng trưởng căn thiện; cho đến hành Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật như vậy.

Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát vì căn thiện nên hành Bát nhã ba la mật chẳng?

Phật đáp: Không. Bồ Tát cũng không vì căn thiện nên hành Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì theo pháp của Bồ Tát nếu chưa cúng dường chư Phật, chưa đầy đủ căn thiện, chưa được chơn tri thức không thể được trí Nhất thiết chủng.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát từ khi mới phát tâm, cúng dường chư Phật, mười hai bộ kinh của Phật nói là khế kinh cho đến luận nghị, Bồ Tát nghe rồi thọ trì, đọc tụng thông lợi, tâm quán sát thấu suốt. Thấu suốt rồi nên được Đà la ni, được Đà la ni nên có thể khởi lên trí vô ngại, khởi lên trí vô ngại nên từ chỗ sinh ra cho đến Nhất thiết trí trọn không quên mất; cũng đối với chỗ chư Phật gieo trồng căn lành, được căn lành thủ hộ, trọn không đọa vào ác đạo và các nạn. Do nhân duyên căn thiện nên được thân tâm thanh tịnh, được thân tâm thanh tịnh nên có thể nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Được thiện căn thủ hộ nên thường không rời chơn tri thức, là không rời chư Phật, các Bồ Tát, các Thanh văn và những người tán thán Phật, Pháp, Tăng. Như vậy, Bồ Tát nên cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, thân cận thiện tri thức.

Luận: Trong phẩm trên, Tu Bồ Đề hỏi Phật: Kinh thường nói Bát nhã ba la mật, sao gọi là Bát nhã ba la mật? Phật dùng mỗi mỗi nhân duyên đáp.

Nhân việc ấy nên trong phẩm này lại hỏi Phật: Kinh thường nói Bồ Tát tu hành, vậy thế nào là hạnh Bồ Tát? Thế nên Tu Bồ Đề hỏi Bồ Tát hạnh.

Hỏi: Nếu trong Bát nhã thu nhiếp hết thấy pháp, lại Bát nhã tức là Bồ Tát hạnh, cứ sao còn hỏi?

Đáp: Hết thấy Bồ Tát đạo gọi là Bồ Tát hạnh. Trí tuệ biết khắp thật tướng các pháp gọi là Bát nhã ba la mật, ấy là chỗ sai khác. Nếu kinh Bát nhã và Bồ Tát hạnh nhiếp vào nhau thì không khác.

*Lại nữa, có người nói: Bồ Tát hạnh là thân, nghiệp. Nghiệp khẩu, nghiệp ý của Bồ Tát, các việc của Bồ Tát làm gọi là Bồ Tát hạnh. Vì việc ấy nên Tu Bồ Đề chỉ muốn phân biệt chánh hạnh của Bồ Tát, nên hỏi. Vì vậy Phật đáp: Bồ Tát hạnh là làm các hạnh lành, vì cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác; ấy là chánh hạnh của Bồ Tát. Nếu Bồ Tát làm việc bất thiện, vô kí và làm việc thiện mà tâm chấp trước thì chẳng phải là Bồ Tát hạnh; chỉ đem tâm từ bi và trí tuệ về không tính, vì Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà làm, ấy gọi là Bồ Tát hạnh. Thế nào là hạnh thanh tịnh? Nghĩa là hành sắc không, hành thọ, tướng, hành, thức không, cho đến hành tính hữu vi, tính vô vi không. Đối với các pháp ấy không phân biệt là không, là thật, là hữu vi, là vô vi. Cũng như Vô thượng chánh đẳng chánh giác, diệt hết hí luận không có hai tướng, ấy gọi là hạnh Bồ Tát; không ai có thể phá hoại, cũng không có lỗi lầm. Tu Bồ Đề nghe Bồ Tát hạnh rồi, hoan hỉ hỏi: Quả báo của Bồ Tát hạnh là được làm Phật. Kinh thường nói Phật, vậy Phật có nghĩa là gì?

Phật đáp: Biết thật nghĩa của các pháp nên gọi là Phật. Hỏi: Nếu như vậy, A la hán, Bích chi Phật và đại Bồ Tát cũng biết thật nghĩa các pháp, cứ sao không gọi là Phật? Phật đáp: Trên đã nói ví dụ Phật đốt đèn, đối với phàm phu là thật, đối với Phật không thật. Vì phàm phu bị phiền não, tập khí che lấp nên không cho là thật, không thể được trí Nhất thiết chủng, không dứt hết nghi hối đối với hết thấy pháp, nên không gọi là chánh trí thật nghĩa, như trên phân biệt.

Hỏi: Biết thật nghĩa các pháp, được thật tướng các pháp, thông suốt thật nghĩa và như thật biết hết thấy pháp, bốn việc ấy có gì khác nhau?

Đáp: Có người nói: Nghĩa không khác nhưng danh tự khác. Có người nói: Nghĩa là thật tướng các pháp chẳng sinh chẳng diệt, pháp tướng thường trú như Niết bàn; vì hiểu được nghĩa ấy nên gọi là Phật; đối với nghĩa ấy, thường giác ngộ không sai lầm, dùng các danh tướng nói cho chúng sinh

hiểu thật nghĩa đệ nhất. Thế nên, trong bốn vô ngại nói riêng nghĩa vô ngại và pháp vô ngại, nên có sai khác. Có người tuy được thật nghĩa các pháp mà không thể thông suốt, vì hai nhân duyên: Một là phiền não chưa hết. Hai là chưa được Nhất thiết trí. Như Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm chưa dứt phiền não nên không thể thông suốt. A la hán, Bích Chi Phật, đị Bồ Tát đã dứt hết phiền não, vì chưa được trí Nhất thiết chủng nên không thể thông suốt. Thế nên nói thông suốt thật nghĩa gọi là Phật. Câu "như thật biết hết thấy pháp" là tóm hết ba điều trên, cũng nghĩa cũng pháp và hết thấy pháp hoặc có, hoặc không, mỗi mỗi hiểu rõ như đã nói trong nghĩa trí Nhất thiết chủng; cũng biết tướng tịch diệt, cũng biết tướng hữu vi.

*Lại nữa, Bồ Tát là trí, Phật là người trí, vì được trí ấy nên gọi là người trí.

Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Đức Thế Tôn, sao gọi là Bồ đề?

Phật đáp: Không, như như, pháp tính, thật tế gọi là Bồ đề. Trí tuệ thật tướng tương ưng với tam muội Không; duyên như, pháp tính, thật tế, nên Bồ đề gọi là trí tuệ thật tướng. Hạng người còn ở trong ba học đạo (Kiến đạo, tu đạo và vô học đạo. ND), chưa dứt phiền não, tuy có trí tuệ mà không gọi là Bồ đề. Ba hạng người vô học dứt hết vô minh không còn thừa nên trí tuệ gọi là Bồ đề. Hai hạng người vô học, không được Nhất thiết trí chơn chanh biết khắp các pháp, nên không được gọi là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, duy chỉ trí tuệ Phật mới gọi là Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

*Lại nữa, danh tướng, ngôn ngữ, văn tự gọi là Bồ đề. Thật nghĩa Bồ đề thời không thể phân biệt, phá hoại.

*Lại nữa, Bồ đề là Như không sai khác, thường không hư dối, vì sao? Vì trí tuệ của chúng sinh triển chuyển cao hơn cho đến Phật, không ai hơn nữa; các pháp cũng triển chuyển cao hơn, trước là hư vọng, sau là chơn thật, cho đến không còn pháp nào thật hơn Bồ đề; thế nên Bồ đề gọi là thật.

*Lại nữa, Như vì được Bồ đề nên gọi là Phật, nay vì Phật được nên gọi là Bồ đề.

Lại, có người nói: Tận trí biết sự sinh đạ tận, ấy gọi là Bồ đề. Có người nói: Tận trí, vô sinh trí gọi là Bồ đề. Có người nói: Vô ngại giải thoát gọi là Bồ đề, vì sao? Vì được giải thoát ấy đối với hết thấy pháp đều thông suốt. Có người nói: Bốn trí vô ngại là Bồ đề, vì sao? Vì Phật biết thật tướng các pháp, ấy là nghĩa vô ngại; biết phân biệt danh tướng của các pháp, ấy là

pháp vô ngại; phân biệt mỗi mỗi ngữ ngôn, khiến chúng sinh được hiểu, ấy là từ vô ngại; thuyết pháp giáo hóa không cùng tận, ấy là lạc thuyết vô ngại. Vì bốn vô ngại đầy đủ, lợi ích chúng sinh nên gọi là Bồ đề. Có người nói: Mười lực của Phật, bốn điều không sợ, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, trí Nhất thiết chủng, vô lượng pháp Phật như vậy đều gọi là Bồ đề, vì sao? Vì trí tuệ lớn nên các pháp đều gọi là Bồ đề. Có người nói: Chơn Bồ đề là Phật, vì đủ mười trí vô lậu; thọ, tướng, hành, thức, nghiệp thân, nghiệp khẩu và tâm bất tương lung hành tương ưng với mười trí, đều gọi là Bồ đề. Cùng duyên cùng sinh, cùng giúp nhau nên đều gọi là Bồ đề. Lại có người nói: Nghĩa Bồ đề thì vô lượng vô biên, chỉ có Phật mới có thể biết khắp, người khác biết được phần ít. Thí như các châu báu của Chuyển Luân Thánh Vương không ai có thể phân biệt biết được giá trị của nó; Thánh vương xuất kho báu ngo người, người khác mới có thể biết được. Trong đây Tu Bồ Đề hỏi Phật về tướng Bồ đề xong, lại hỏi: Nếu tướng Bồ đề là rốt ráo không, không thể phá hoại, Bồ Tát hành sáu Ba la mật, tăng trưởng căn thiện gì?

Phật đáp: Nếu Bồ Tát hành thật tướng Bồ đề, đối với hết thảy pháp không có tăng trưởng gì, huông gì thiện căn, vì sao? Vì Bát nhã không, vì được mất cho đến như sạch mà xuất hiện, bởi vì rốt ráo thanh tịnh. Phật hứa khả ý ấy Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu không thêm bớt, làm sao Bồ Tát hành Bát nhã mà nhiếp thủ các hạnh Bồ Tát khác?

Phật đáp: Bồ Tát khi hành pháp ấy chẳng vì hai pháp nên hành, mà cùng hành hòa hợp với rốt ráo không; thế nên không nên vấn nạn.

Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu Bồ Tát không hành hai pháp, thì làm sao từ khi mới phát tâm cho đến tâm sau cùng tăng trưởng thiện căn? Phật đáp: Nếu người hành hai pháp tức là điên đảo, không thể tăng trưởng căn thiện. Thí như người nằm mộng, tuy được của lớn, rốt cuộc không có được gì, trong khi thức được nhiều ít mới thật là được. Phật bảo Tu Bồ Đề: Hết thảy người phạm đều đắm vào hai pháp nên không thể tăng trưởng căn thiện. Bồ Tát hành theo thật tướng các pháp, đó là pháp không hai, nên từ khi mới phát tâm, cho đến khi tâm sau cùng, tăng trưởng thiện căn, không có sai lầm. Vì thế nên đối với Bồ Tát ấy, hết thảy trời, người, A tu la không thể phá hoại thiện căn kia, khiến phải đọa vào Nhị thừa; những điều ác khác cũng không thể phá hoại. Những điều ác khác là các phiền não xan, tham, v.v... phá hoại Thí Ba la mật...

Lại hỏi: Bồ Tát vì căn thiện nên hành Bát nhã chẳng?

Phật đáp: Không vì thiện, không vì bất thiện mà hành Bát nhã.

Hỏi: Không vì căn bất thiện mà hành Bát nhã có thể được, có sao lại không vì thiện căn nên hành?

Phật đáp: Vì quý Vô thượng chánh đẳng chánh giác nên tuy hành các thiện căn, mà vì thành tựu việc chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác chứ không vì quý thiện căn. Như trong kinh ví dụ chiếc bè nói: Thiện pháp còn nên bỏ, huống gì pháp bất thiện! Thiện căn là giúp cho Phật đạo, như người không phải vì chiếc bè nên qua sông, mà vì đến bờ kia. Trong đây Phật vì nói nhân duyên: Bồ Tát chưa cúng chư Phật, chưa được chơn thiện tri thức thời không thể được trí Nhất thiết chủng; thế nên tuy gieo trồng căn thiện không cho là quý, mà chỉ quý vì Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề thưa: Làm sao Bồ Tát tuy không vì thiện căn mà có thể cúng dường chư Phật, cho đến được trí Nhất thiết chủng?

Phật đáp: Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây cúng dường chư Phật như trong kinh nói. Vì cúng dường Phật lớn là lớn, nên chỉ nói Phật, nhưng nên biết đã cúng dường Bích chi Phật cho đến Bồ Tát trú địa vị Càn tuệ. Người phạm phu vì nghe pháp nên theo Bồ Tát nghe giảng mười hai bộ kinh, vì không thể thường được thầy có luôn bên mình, nên đều nên thọ trì. Vì hay quên nên đọc tụng làm cho thông lợi. Tâm quán sát là thường buộc tâm vào quyển kinh, thứ lớp nhớ nghĩ, trước do ngôn ngữ, tuyên giảng nghĩa lý, sau được thấu rõ, tức được Đà la ni. Đà la ni có hai: Một là Đà la ni Văn trì, nghĩa là nghe đâu nhớ đó; hai là Đà la ni Biết được thật tướng các pháp. Đọc tụng, tu tập, thường nhớ nghĩ nên được Đà la ni Văn trì; thông suốt nghĩa lý nên được thật tướng Đà la ni. Ở trong hai Đà la ni ấy có thể sinh trí vô ngăn ngại; vì chúng sinh thuyết pháp nên đầy đủ bốn trí vô ngại.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu Bồ Tát có trí vô ngăn ngại, thời khác gì với Phật?

Phật đáp: Vô ngăn ngại có hai: 1. Là thật vô ngại. 2. Là danh từ vô ngăn ngại. Trong đây, trừ Phật vô ngăn ngại, các người khác theo Bồ Tát được vô ngăn ngại. Do Bồ Tát tụng kinh nên từ chỗ sinh ra cho đến khi được Nhất thiết trí, trọn không quên mất, vì sao? Vì vào sâu, đọc tụng kinh pháp nên phiền não bị chẻ mỏng, được căn thiện hộ trì nên không đọa vào ác đạo và các nạn. Thí như người mù được người sáng mắt giúp đỡ, trọn không bị sa hầm sìa hố. Nhờ phước căn thiện nên được thâm tâm thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh là thương yêu hết thảy chúng sinh, tuy đối với kẻ giặc oán cũng không gia ác, nghĩa là không cướp mạng sống. Lại,

trí tuệ và phước đức lớn nên phiền não nhỏ □ ít, không thể che lấp thiện tâm của Bồ Tát. Lại, tâm sâu xa là đối với chúng sinh có được tâm từ bi, tâm không xả bỏ, tâm cứu độ và tâm đối với các pháp biết được vô thường, khổ, không, vô ngã, rốt ráo không, cho đến đối với Phật không sinh tướng Phật, tướng Niết bàn; ấy gọi là thâm tâm thanh tịnh. Vì thanh tịnh thâm tâm nên có thể giáo hóa chúng sinh, vì sao? Vì phiền não mỏng nên không khởi tâm cống cao, tâm chấp ngã, tâm sân giận, nên chúng sinh ưa mến, tín thọ lời dạy bảo. Vì giáo hóa chúng sinh nên nghiêm tịnh cõi Phật như trong phẩm Phật quốc của kinh Tỳ ma la cát nói: Vì chúng sinh tịnh nên cõi nước tịnh. Vì được căn thiện hộ trì nên trọn không lìa thiện tri thức. Thiện tri thức là chư Phật, đại Bồ Tát, A la hán. Lược nói tướng thiện tri thức, nghĩa là người có thể tán thán Tam bảo. Như vậy, Bồ Tát nên cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, gần gũi thiện tri thức, vì sao? Vì như người bệnh nên tìm thầy thuốc hay và chữa thuốc. Phật là thầy thuốc hay, các thiện căn là chữa thuốc, xem người bệnh là thiện tri thức; người bệnh có đủ ba việc ấy nên bệnh được lành. Bồ Tát cũng như vậy, có đủ ba việc ấy nên dứt các phiền não, làm lợi ích chúng sinh.

---oOo---

Giải Thích: Phẩm Gieo Trồng Thiện Căn Thứ 73

(Kinh Đại Bát nhã, hội 2 ghi: Phẩm Thân Cận thứ 71)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn. Bồ Tát nếu không cúng dường Phật, không đầy đủ căn thiện, không được chơn tri thức, có được Nhất thiết trí chăng?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, được chơn tri thức mà được Nhất thiết trí còn khó, huống gì không cúng dường Phật, không gieo trồng căn thiện, không được chơn tri thức!

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát cúng dường chư Phật, gieo trồng căn thiện, được chơn tri thức, vì sao khó được trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Vì Bồ Tát xa lìa sức phương tiện, không theo Phật nghe nói sức phương tiện, gieo trồng căn thiện không đầy đủ, không thường theo lời dạy của thiện tri thức.

-Bạch đức Thế Tôn, thế nào là sức phương tiện, mà Bồ Tát hành sức phương tiện ấy được trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Bồ Tát từ khi mới phát tâm hành Thí Ba la mật, niệm tương ưng với Nhất thiết trí mà bố thí cho Phật, hoặc Bích chi Phật, hoặc Thanh văn, hoặc người, hoặc chẳng phải người, khi ấy không sinh ý tưởng bố thí, ý tưởng người nhận thí, vì sao? Vì quán xem tự tướng không hết thấy pháp, không sinh, không có tướng chắc thật, không có chuyển đổi, vào trong thật tướng các pháp; nghĩa là tướng không làm của hết thấy các pháp, không khởi. Bồ Tát do sức phương tiện ấy nên tăng tướng thiện căn; tăng trưởng thiện căn nên hành Thí Ba la mật, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; bố thí mà không lãnh thọ quả báo thế gian, chỉ vì muốn cứu độ chúng sinh nên bố thí.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm tu trì giới, niệm tương ưng với Nhất thiết trí; trong khi trì giới không rơi vào dâm, nộ, si, cũng không rơi vào các phiền não trói buộc và các pháp không thiện phá đạo, hoặc xan tham phá giới, sân gian, giải đãi, loạn ý, ngu si, kiêu mạn, đại mạn, mạn mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, bất như mạn, tà mạn; hoặc không rơi vào tâm Thanh văn, Bích chi Phật, vì sao? Vì Bồ Tát ấy quán thấy tự tướng hết thấy pháp không, không sinh, không có tướng chắc thật, không có chuyển đổi, vào thật tướng các pháp; nghĩa là tướng hết thấy pháp không làm, không khởi. Bồ Tát thành tựu sức phương tiện ấy nên tăng trưởng căn thiện; tăng trưởng căn thiện nên tu Giới Ba la mật, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; trì giới mà không thọ quả báo của thế gian, chỉ vì muốn cứu chúng sinh nên tu trì giới.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm tu Nhẫn nhục Ba la mật, niệm tương ưng với Nhất thiết trí, thành tựu sức phương tiện nên tu kiến đế đạo, tư duy đạo và cũng không thủ chứng quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, vì sao? Vì Bồ Tát ấy biết tự tướng các pháp không, không sinh, không có tướng chắc thật, không có chuyển đổi; khi tu pháp trợ đạo mà vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật. Tu Bồ Đề, ấy gọi là pháp vô sinh nhẫn.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm tu Nhẫn nhục Ba la mật, vào Sơ thiên cho đến đệ tứ thiên, vào bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, tuy ra vào các thiên mà không thọ quả báo, vì sao? Vì Bồ tát ấy thành tựu sức phương tiện ấy, nên biết tự tướng các thiên định không, không sinh, không có tướng chắc thật, không có chuyển đổi, nghiêm tịnh cõi Phật, thành

tự tuệ giác cho chúng sinh. Tinh tấn mà không thọ quả báo thế gian, chỉ vì muốn cứu độ chúng sinh nên tu tinh tấn.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm tu Thiên Ba la mật, niệm tương ưng với Nhất thiết trí, vào tám bội xả, định chín thứ lớp, cũng không thủ chứng quả Tu đà hoàn cho đến A la hán, vì sao? Vì Bồ Tát ấy biết tự tướng các pháp không, không sinh, không có tướng chắc thật, không có chuyển đổi.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm tu Bát nhã ba la mật, học mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi cho đến chưa được trí Nhất thiết trí, chưa nghiêm tịnh cõi Phật, chưa thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, ở khoảng trung gian ấy nên tu hành như vậy, vì sao? Vì Bồ Tát biết tự tướng các pháp không, không sinh, không có tướng chắc thật, không có chuyển đổi. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật như vậy mà không thọ quả báo.

Luận: Hỏi: Có gì Tu Bồ Đề hỏi câu thơ thiên rằng: không cúng dường chư Phật, không đầy đủ căn thiện, không được chơn trí thức, có được Nhất thiết trí chăng?

Đáp: Có người nói: Như tính hết thấy pháp rốt ráo không, không có gì của chính nó, trong rốt ráo không, gieo trồng căn thiện và không gieo trồng căn thiện không khác nhau. Nếu như vậy có thể không cúng dường chư Phật, không gieo trồng thiện căn, không được chơn trí thức, cũng được Nhất thiết trí chăng? Lại có người nghi rằng: Có nhiều cách được Nhất thiết trí, có thể không cần gieo trồng thiện căn; vì vậy thế nên hỏi Phật. Phật đáp: Nếu cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, được chơn trí thức còn khó được, huống gì không cúng dường!

Tu Bồ Đề hỏi: Vì trong rốt ráo không, không có phước và chẳng phải không có phước, có gì nói chỉ do phước đức nên được? Phật đáp: Ở trong thế đế, có phước nên được. Tu Bồ Đề vì thấy chúng sinh đắm trước điều không có gì của chính nó, nên hỏi. Phật lấy việc không đắm trước pháp mà đáp. Nghĩa là tinh tấn tu phước còn không thể được, huống gì không tu phước! Như người hành đạo đi khát thực đến một xóm làng, từ một nhà đến một nhà khát thực không được, thấy một con chó đói nằm liệt, lấy gậy đánh nó nói rằng: Đồ súc sinh vô trí, ta dùng mọi cách đến từng nhà xin ăn còn không được, huống gì mày nằm đó mà mong được? Tu Bồ Đề hỏi: Có nhân duyên cúng dường chư Phật ấy, có sao không được quả báo? Phật đáp: Vì xa

liạ sức phương tiện. Sức phương tiện là Bát nhã ba la mật. Tuy thấy sắc thân Phật mà không lấy mắt trí thấy pháp thân; tuy gieo trồng chút ít thiện căn mà không đầy đủ; tuy được thiện tri thức mà không gần gũi hỏi han, lãnh thọ. Lại Phật tự nói nhân duyên: Bồ Tát từ khi mới phát tâm, vì hữu tâm và vô tâm nên tu Thí Ba la mật. Hữu tâm là tâm tương ưng với Nhất thiết trí mà bố thí, niệm đến vô lượng công đức của chư Phật, thương xót chúng sinh nên bố thí. Vô tâm là nếu bố thí cho Phật, cho đến kẻ phàm phu mà không sinh ba tướng là tướng người thí, người nhận thí và vật bố thí, vì sao? Vì tất cả pháp tự tướng không từ xưa lại đây thường chẳng sinh, không có tướng định hoặc một, hoặc khác, hoặc thường, hoặc vô thường v.v... Vì pháp ấy tự tướng không, nên không thể chuyên đổi, an trú trong Như. Quán sát như vậy tức vào thật tướng các pháp, nghĩa là tướng không làm, không khởi. Hết thấy pháp không có năng tác, sở tác, không sinh tâm cao ngạo, không có hy vọng gì. Vì sức phương tiện như vậy nên có thể tăng trưởng căn thiện, xa liạ căn bất thiện, giáo hóa chúng sinh nghiêm tịnh cõi Phật. Bố thí hoặc nhiều, hoặc ít, không thọ quả báo thế gian, chỉ muốn cứu độ chúng sinh. Bồ Tát bố thí cho chúng sinh có hạn, có lượng, nghĩ rằng: Ta đời trước không làm phước đức sâu dày nên đời nay không thể bố thí rộng rãi cho chúng sinh, ta nay nên hành bố thí thật nhiều, thật sâu xa; được quả báo ấy rồi có thể làm lợi ích đầy đủ, bố thí rộng rãi cho vô lượng chúng sinh, hoặc được lợi đời nay, hoặc được lợi về sau, lợi về đạo đức. Không có sức phương tiện như vậy, Bồ Tát tuy cúng dường Phật, gieo trồng căn lành, được chơn trí thức còn không được Nhất thiết trí, hưởng gì không cúng dường! Năm Ba la mật kia cũng như vậy.

(Hết cuốn 85 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 86

Giải Thích: Phẩm Biến Học Thứ 74

Kinh: Bấy giờ Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát thành tựu đại trí tuệ hành pháp sâu xa ấy cũng không thọ quả báo.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy, Bồ Tát thành tựu đại trí tuệ, hành Bồ Tát sâu xa ấy, cũng không thọ quả báo, vì sao? Vì Bồ Tát ấy đối với các pháp chẳng động.

Bạch Đức Thế Tôn, đối với các pháp gì chẳng động?

Phật dạy: Đối với pháp tính không có sở hữu bất động.

*Lại nữa, Bồ Tát đối với tính sắc bất động, đối với tính thọ, tưởng, hành, thức bất động, đối với tính Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật tính bất động; đối với tính bốn thiên bất động, tính bốn tâm vô lượng bất động, tính bốn định vô sắc bất động, tính bốn niệm xứ bất động cho đến tính tám phần thánh đạo bất động, đối với Không tam muội, Vô tướng, Vô tác tam muội cho đến tính đại từ đại bi bất động, vì sao? Vì tính các pháp ấy chính là không có sở hữu, vì pháp không có sở hữu không thể được pháp có sở hữu.

Tu Bồ Đề thưa: Pháp có sở hữu có thể được pháp có sở hữu chẳng?

Phật dạy: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, pháp có sở hữu có thể được pháp không có sở hữu chẳng?

Phật dạy: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, pháp không có sở hữu có thể được pháp không có sở hữu chẳng?

Phật dạy: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu không có sở hữu, không thể được pháp có sở hữu, pháp có sở hữu không thể được pháp không có sở hữu, pháp có sở hữu không thể được pháp không có sở hữu, pháp không có sở hữu không thể được pháp không có sở hữu, vậy sẽ không có Thế Tôn, không được đạo ư?

Phật dạy: Có được, nhưng không do bốn câu được.

Bạch Thế Tôn, thế nào là được?

Phật dạy: Chẳng phải có sở hữu, chẳng phải không có sở hữu, không có các hí luận ấy, ấy gọi là đắc đạo.

Bạch Đức Thế Tôn, những gì là pháp hí luận của Bồ Tát?

Phật dạy: Bồ Tát quán sắc hoặc thường hoặc vô thường, ấy là hí luận; quán thọ, tưởng, hành thức hoặc thường hoặc vô thường, ấy là hí luận; quán sắc hoặc khổ hoặc vui, thọ, tưởng, hành, thức hoặc khổ hoặc vui, ấy là hí luận; quán sắc hoặc ngã hoặc phi ngã, thọ, tưởng, hành, thức hoặc ngã hoặc phi ngã; sắc hoặc tịch diệt hặc chẳng tịch diệt, thọ, tưởng, hành, thức hoặc tịch diệt hoặc chẳng tịch diệt, ấy là hí luận. Quán khổ Thánh đế ta nên thấy, tập thánh đế ta nên đoạn, diệt thánh đế ta nên chứng, đạo thánh đế ta nên tu, ấy là hí luận; ta nên tu bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, ấy là hí luận; ta nên tu bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, ấy là hí luận; ta nên tu môn giải thoát không, môn giải thoát vô tướng, môn giải thoát Vô tác, ấy là hí luận; ta nên tu tám bội xả, định chín thứ lớp, ấy là hí luận; ta nên vượt qua quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, đạo Bích Chi Phật, ấy là hí luận; ta nên đầy đủ mười địa của Bồ Tát, ấy là hí luận; ta nên vào Bồ Tát vị, ấy là hí luận; ta nên nghiêm tịnh cõi Phật, , ấy là hí luận; ta nên thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, , ấy là hí luận; ta nên sinh mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, , ấy là hí luận; ta nên được trí Nhất thiết chủng, , ấy là hí luận; ta nên dứt hết thấy phiền não tập khí, ấy là hí luận. Nay Tu bồ đề, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật sắc hoặc thường hoặc vô thường không thể hí luận nên không nên hí luận; thọ, tưởng, hành thức, hoặc thường hoặc vô thường không thể hí luận nên không nên hí luận, cho đến trí Nhất thiết chủng không thể hí luận nên không nên hí luận, vì sao? Vì tính không thể hí luận tính, vô tính không thể hí luận vô tính; tính lìa, tính không có, lại không có pháp có thể nắm bắt được. Hí luận là hí luận pháp, hí luận chỗ, vì thế nên sắc không có hí luận, thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng không có hí luận. Như vậy, Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật không có hí luận.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, vì sao? Sắc không thể hí luận cho đến trí Nhất thiết chủng không thể hí luận?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Vì tính sắc không có cho đến trí Nhất thiết chủng tính không có, như tính pháp không có tức là không có hí luận, vì thế nên sắc không thể hí luận. Nay Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát hành Bát nhã không hí luận được như thế, khi ấy được vào Bồ Tát vị.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu tính các pháp không có, thì Bồ Tát hành đạo gì được vào Bồ Tát vị? Hành đạo Thanh văn, hành đạo Bích Chi Phật hay hành Phật đạo?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Không do đạo Thanh văn, không do đạo Bích chi Phật, không do Phật đạo được vào Bồ Tát vị; mà Bồ Tát học khắp các đạo được vào Bồ Tát vị. Thí như hàng Bát nhân trước học các đạo sau đó mới vào chính vị, chưa được quả mà trước sinh đạo quả; Bồ Tát cũng như vậy, trước học khắp các đạo tiếp sau vào Bồ Tát vị, cũng chưa được trí Nhất thiết chủng mà trước được sinh tam muội Kim cang, bây giờ do một niệm tương ưng với trí tuệ, được trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát học khắp các đạo mà vào Bồ Tát vị, thời hạng người Bát nhân hướng đến Tu đà hoàn, được Tu đà hoàn, hướng đến Tư đà hàm, được Tư đà hàm, hướng đến A na hàm, được A na hàm, hướng đến A la hán, được A la hán, Bích chi Phật đạo, Phật đạo, mà các đạo ấy mỗi mỗi khác nhau? Nếu Bồ Tát học khắp các đạo ấy sau vào Bồ Tát vị thì Bồ Tát ấy nếu sinh Bát đạo thời lên làm hạng Bát nhân, nếu phát sinh Kiến đạo thời làm Tu đà hoàn, nếu phát sinh Tư duy đạo thời nên làm Tu đà hàm, A na hàm, A la hán; nếu phát sinh Bích chi Phật đạo thời làm Bích Chi Phật? Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát làm hạng Bát nhân sau đó mới vào Bồ Tát vị, thì lẽ ấy không thể có? Không vào Bồ Tát vị mà được trí Nhất thiết chủng cũng không thể có? Làm Tu đà hoàn cho đến Bích chi Phật, vậy sau mới vào Bồ Tát vị cũng không có lẽ ấy? Không vào Bồ Tát vị mà được trí Nhất thiết chủng cũng không có lẽ ấy? Bạch Đức Thế Tôn, con làm sao biết Bồ Tát học khắp các đạo được vào Bồ Tát vị?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy, nếu Bồ Tát làm hạng Bát nhân được quả Tu đà hoàn cho đến được quả A la hán, được đạo Bích chi Phật, sau đó vào Bồ Tát vị, thì không thể có lẽ ấy, không vào Bồ Tát vị mà được trí Nhất thiết chủng, thì không có lẽ ấy. Nay Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát từ khi mới phát tâm, tu sáu Ba la mật, nhờ trí quán sát mà vượt qua tám địa là Càn huệ địa, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Bích chi Phật địa, nương Đạo chủng trí mà vào Bồ Tát vị. Vào Bồ Tát vị rồi nhờ trí Nhất thiết chủng mà dứt hết thủy phiền não và tập khí. Ở Bát nhân địa hoặc trí, hoặc đoạn là Bồ Tát vô sinh pháp nhẫn; ở Tu đà hoàn hoặc trí (trí biết khổ đế - ND) hoặc đoạn (đoạn trừ tập đế - ND); Tư đà hàm hoặc trí hoặc đoạn, A na hàm trí hoặc đoạn, A la hán hoặc trí hoặc đoạn, Bích chi Phật trí hoặc đoạn đều là Bồ Tát nhẫn. Bồ Tát học Thanh văn, Bích chi Phật. Như vậy, nương đạo chủng trí mà vào Bồ Tát vị; vào Bồ Tát vị rồi nương trí Nhất thiết chủng mà dứt hết thủy phiền não và tập khí, được Phật đạo. Như vậy, Bồ Tát học khắp các đạo đầy đủ nên được Vô thượng chánh đẳng chánh giác; được Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi đem kết quả lợi ích chúng sinh.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Thế Tôn nói đạo: Đạo Thanh văn, đạo Bích chi Phật, Phật đạo, thế nào là đạo chủng trí của Bồ Tát?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát nên sinh trí thanh tịnh về hết thấy đạo chủng. Thế nào là trí thanh tịnh về hết thấy đạo chủng? Là nếu các pháp có tướng mạo có thể hiển bày, thì Bồ Tát nên biết đúng đắn; biết đúng đắn rồi, vì người khác diễn nói, khai thị khiến được hiểu rõ. Bồ Tát nên hiểu hết thấy âm thanh, ngôn ngữ; dùng âm thanh, ngôn ngữ ấy thuyết pháp lan khắp thế giới đại thiên ba ngàn như tiếng vang. Vì thế nên Bồ Tát nên trước hết học đầy đủ hết thấy đạo. Đạo trí đầy đủ rồi thì nên phân biệt tâm sâu xa của chúng sinh: Hoặc chúng sinh địa ngục, đường địa ngục, nhân địa ngục, quả địa ngục, nên biết, nên ngăn trừ; phân biệt biết súc sinh, nhân súc sinh, quả súc sinh, nhân ngạ quỷ, quả ngạ quỷ, đường ngạ quỷ, nên biết, nên ngăn trừ; các rồng, quỷ thân, Càn thất bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhân và quả A tu la đạo nên biết, nên ngăn trừ; nhân và quả của nhân đạo nên biết; nhân và quả của tiên đạo nên biết; nhân và quả của trời Ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm thiên, trời Quang Âm, trời Biến tịnh, trời Quảng quả, trời Vô tướng, trời A bà la ha, trời Vô nhiệt, trời Di kiến, trời Hỷ kiến, trời A ca ni sắc nên biết; nhân và quả của Vô biên hư không xứ, vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ đạo nên biết; nhân và quả của bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo nên biết; nhân và quả của Không giải thoát môn, Vô tướng, Vô tác giải thoát môn, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi nên biết. Bồ Tát do các đạo ấy khiến chúng sinh vào đạo Tu đà hoàn cho đến đạo Bích chi Phật, đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ấy gọi là đạo chủng trí thanh tịnh của Bồ Tát. Bồ Tát học đạo chủng trí ấy rồi vào tâm sâu xa của chúng sinh; vào rồi theo tâm sâu xa của chúng sinh mà thuyết pháp thích hợp, lời nói không hư dối, vì sao? Vì Bồ Tát ấy khéo biết căn tính của chúng sinh, biết tâm tâm số pháp của chúng sinh trong đường sinh tử. Nay Tu Bồ Đề! Bồ Tát nên hành đạo Bát nhã ba la mật như vậy, vì sao? Vì hết thấy thiện pháp trợ đạo đều vào trong Bát nhã. Các Bồ Tát, Thanh văn, Bích chi Phật nên thực hành.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu bốn niệm xứ cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác là hết thấy pháp đều không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng, thì làm sao do pháp trợ đạo ấy có thể thủ chúng Vô thượng chánh đẳng chánh giác? Bạch Đức Thế Tôn, pháp một tướng, không tướng, không hợp,

không tán, không sắc, không hình, không đối ấy không có gì lấy, không gì bỏ, như hư không không lấy không bỏ.

Phật dạy: Như vậy, như vậy, các pháp tự tính không, không có gì lấy, không có gì bỏ; vì chúng sinh không biết tự tính các pháp không, nên vì họ mà khai thị pháp trợ đạo, có thể thủ chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

*Lại nữa, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, nội không, ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không, sơ thiên cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo, ba môn giải thoát, tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, trí Nhất thiết chủng, các pháp ấy ở trong Thánh pháp đều không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng. Vì theo pháp thế tục nên vì chúng sinh giảng nói, làm cho hiểu rõ, chứ chẳng phải theo đệ nhất nghĩa. Nay Tu Bồ Đề, đối với hết thảy pháp ấy, Bồ Tát nên dùng trí thấy pháp như thật mà học; học xong phân biệt các pháp nên dùng hay không nên dùng.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát phân biệt những pháp gì rồi nên dùng, hay không nên dùng?

Phật dạy: Pháp Thanh văn, Bích chi Phật phân biệt biết không nên dùng, trí Nhất thiết chủng phân biệt biết nên dùng. Như vậy, Bồ Tát đối với Thánh pháp nên học Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, thế nào gọi là Thánh pháp, Thánh pháp gồm những gì?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Pháp Thanh văn, Bích chi Phật, Bồ Tát và Phật với tham dục, sân giận, ngu si không hợp, không tán, dục nhiễm, sân giận không hợp, không tán; sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, trạo cử, kiêu mạn, vô minh không hợp, không tán; sơ thiên cho đến đệ tứ thiên không hợp, không tán, từ bi hỷ xả, hư không xứ cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ không hợp, không tán; bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo không hợp, không tán; nội không cho đến đại bi, tánh hữu vi, tánh vô vi không hợp, không tán, vì sao? Vì hết thảy pháp đều không sắc, không hình, không đối, vì là một tướng tức vô tướng. Pháp không sắc với pháp không sắc không hợp không tán; pháp không hình với pháp không hình không hợp không tán; pháp không đối với pháp không đối, không hợp không tán; pháp một tướng với pháp một tướng

không hợp, không tán; pháp vô tướng với pháp vô tướng không hợp, không tán. Nay Tu Bồ Đề, Bát nhã ba la mật nhất tướng vô tướng, không sắc, không hình, không đối ấy, các Bồ Tát nên học; học rồi không thủ đắc các pháp tướng.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát không học tướng sắc ư? Không học tướng thọ, tướng, hành, thức chẳng? Không học tướng mắt cho đến tướng ý? Không học tướng sắc cho đến tướng pháp? Không học tướng địa chủng cho đến tướng thức chủng? Không học Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật? Không học tướng nội không cho đến tướng vô pháp hữu pháp không? Không học tướng sơ thiên cho đến tướng đệ tứ thiên? Không học tướng từ bi hỷ xả? Không học tướng vô biên không, cho đến tướng Phi hữu tướng Phi vô tướng? Không học tướng bốn niệm xứ, cho đến tướng tám phần thánh đạo? Không học tướng Không tam muội, Vô tướng Vô tác tam muội? Không học tướng tám bội xả, định chín thứ lớp? Không học tướng mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi? Không học tướng Khổ thánh đế, Tập, Diệt đạo thánh đế? Không học tướng thuận quán, nghịch quán mười hai nhân duyên? Không học tướng hữu tính, vô vi tính? Bạch Đức Thế Tôn, nếu không học tướng các pháp ấy, Bồ Tát làm sao học tướng các pháp hoặc hữu vi hoặc vô vi; học xong vượt qua địa vị Thanh văn, Bích chi Phật? Nếu không học quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật làm sao vào địa vị Bồ Tát? Nếu không vào địa vị Bồ Tát, làm sao được trí Nhất thiết chủng? Nếu không được trí Nhất thiết chủng làm sao Chuyển pháp luân? Nếu không Chuyển pháp luân, làm sao đem đạo ba thừa độ chúng sinh?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu tướng các pháp thật có thời Bồ Tát nên học tướng ấy; song vì tướng các pháp thật không, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng; vì thế nên Bồ Tát không học tướng, không học vô tướng, vì sao? Vì có Phật hay không có Phật, một tướng của các pháp, tính vẫn thường trú.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thấy các pháp chẳng có tướng chẳng phải không có tướng thời Bồ Tát làm sao tu Bát nhã ba la mật? Nếu không tu Bồ Tát thời không thể vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật? Nếu không vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật thời không thể vào địa vị Bồ Tát? Nếu không vào địa vị Bồ Tát thời không được vô sinh pháp nhẫn? Nếu không được vô sinh pháp nhẫn thời không thể được Bồ Tát thân thông? Nếu không được Bồ Tát thân thông thời không thể nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh? Nếu không nghiêm

tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh thời không thể được trí Nhất thiết chủng? Nếu không được trí Nhất thiết chủng thời không thể chuyển pháp luân? Nếu không chuyển pháp luân thời không thể làm cho chúng sinh được Tu đà hoàn quả cho đến đạo Bích chi Phật, Bồ Tát; cũng không thể làm cho chúng sinh được phước bố thí, được phước trì giới, tu định?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy, các pháp vô tướng chẳng phải một tướng, chẳng phải hai tướng, nếu tu vô tướng là tu Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch: Làm sao tu vô tướng là tu Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Tu các pháp hư hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao tu các pháp hư hoại là tu Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Tu sắc hư hoại là tu Bát nhã ba la mật, tu thọ, tưởng, hành, thức hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân ý Ba la mật hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu quán bất tịnh hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu từ bi hỷ xả hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu bốn định vô sắc hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí xả, niệm thiên, niệm diệt, niệm hơi thở hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng tập, tướng nhân, tướng sinh, tướng duyên, tướng đóng, tướng diệt, tướng điều, tướng xuất, tướng đạo, tướng trắng, tướng dấu tích, tướng lìa hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu mười hai nhân duyên hư hoại, tướng ngã, tướng chúng sinh, thọ giả, cho đến tướng kẻ biết kẻ thấy hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu tướng thường, tướng vui, tướng tịnh, tướng ngã hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu Không, Vô tác, Vô tướng tam muội là tu Bát nhã ba la mật; tu tám bội xả, định chín thứ lớp hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu tam muội có giác có quán, tam muội không giác có quán, tam muội không giác không quán hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu khổ thánh đế, tập thánh đế, diệt thánh đế, đạo thánh đế hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu tận trí, vô sinh trí là tu Bát nhã ba la mật; tu pháp trí, tỷ trí, thế trí, tha tâm trí hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa nghĩa

không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thị không, tán không, tánh không, chư háp không, tự tướng không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích Chi Phật hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu Nhất thiết trí hư hoại là tu Bát nhã ba la mật; tu dứt hết thấy phiền não tập khí hư hoại là tu Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, sao gọi là tu sắc hư hoại cho đến tu đoạn hết thấy phiền não tập khí hư hoại là tu Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật không nghĩ đến có sắc pháp, ấy là tu Bát nhã ba la mật; không nghĩ đến có thọ, tưởng, hành, thức cho đến không nghĩ đến có dứt hết thấy phiền não tập khí, ấy là tu Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì có pháp để nghĩ tới, là không tu Bát nhã ba la mật. Nay Tu Bồ Đề, có pháp để nghĩ tới là không tu Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì người ấy chấp trước pháp, không hành Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật. Chấp trước như vậy là không có giải thoát, không có đạo, không có Niết bàn; có pháp để nghĩ tới là không tu bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, không tu Không tam muội cho đến trí Nhất thiết chủng, vì sao? Vì người ấy chấp trước pháp.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là có pháp? Thế nào là không có pháp?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Hai là có pháp, chẳng hai là không có pháp.

Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là hai?

Phật dạy: Tướng sắc là hai, tướng thọ, tưởng, hành, thức là hai, tướng mắt cho đến tướng ý là hai; tướng sắc cho đến tướng pháp là hai, tướng Thí Ba la mật cho đến tướng Phật, tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác; tướng hữu vi, vô vi là hai. Nay Tu Bồ Đề, hết thấy tướng đều là hai, hết thấy hai đều là có pháp; thích ứng với có pháp là có sinh tử, thích ứng với có sinh tử là không được xa lìa sinh già bệnh chết ưu bi khổ não. Vì nhân duyên ấy nên biết người chấp hai tướng thời không có Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; không có đạo, không có quả, cho đến không có thuận nhẫn, huống gì thấy tướng sắc cho đến thấy tướng trí Nhất thiết chủng! Nếu không tu đạo làm sao được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, Vô thượng chánh đẳng chánh giác và dứt hết thấy phiền não tập khí?

Luận: Phật nói Bồ Tát hành sáu Bát nhã ba la mật, không thọ quả báo thế gian, Tu Bồ Đề tán thán việc ấy chưa từng có, bạch Phật rằng: Bồ Tát ấy thành tựu đại trí tuệ, tu hành pháp sâu xa, tạo tác nhân mà không thọ quả. Bồ Tát ấy vì làm lợi lớn cho chúng sinh nên không thọ quả báo nhỏ. Phật chấp thuận ý ấy, lại tự nói nhân duyên: Bồ Tát đối với các pháp tính không lay động. Tính các pháp là không có sở hữu, rốt ráo không, Như, pháp tính, thật tế, Bồ Tát định tâm an trú trong ấy, không lay động.

Tu Bồ Đề hỏi: Đối với những tính gì không lay động?

Phật đáp: Đối với tính sắc không lay động, cho đến đối với tính đại từ đại bi... vì sao? Vì tính các pháp là do nhân duyên sinh, không tự tại, không có định tướng; không có định tướng nên không có sở hữu. Các pháp là sắc pháp... nhân sắc pháp ấy nên nói vô vi. Thế nên pháp vô vi cũng không có sở hữu, vì sao? Vì không thể dùng pháp không có sở hữu mà thủ đắc pháp sở hữu.

Tu Bồ Đề thưa: Nếu không có sở hữu, không thể thủ đắc pháp sở hữu, vậy há có thể dùng pháp có sở hữu thủ đắc pháp có sở hữu ư?

Phật đáp: Không, vì sao? Vì pháp không có sở hữu được hết thảy thánh nhân xưng tán, an trú, còn không thể có sở đắc, huống gì pháp có sở hữu!

Tu Bồ Đề thưa: Pháp có sở hữu thủ đắc pháp không có sở hữu chăng?

Phật đáp: Không, vì sao? Vì có sở hữu, không có sở hữu đều có lỗi, cho nên Phật đáp không.

Tu Bồ Đề thưa: Có thể dùng pháp không có sở hữu thủ đắc pháp không có sở hữu chăng? Phật đáp: Không, vì sao? Vì pháp có sở hữu có tướng sinh, tướng trụ là pháp hư dối, còn không có sở đắc, huống gì pháp không có sở hữu từ xưa lại đây rốt ráo không mà lại có sở đắc!

Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu dùng cả bốn câu đều không có sở đắc, thì sẽ không có đạo, không đắc quả ư?

Phật đáp: Thật có đắc đạo, nhưng chỉ không dùng bốn câu ấy, vì sao? Vì bốn câu đều có lỗi như trên; nếu lìa bốn câu hí luận ấy tức là đạo.

Lại hỏi: Thế nào là tướng Bồ Tát hí luận?

Phật đáp: Sắc hoặc thường hoặc vô thường... là Bồ Tát hí luận, vì sao? Vì nếu thường thì chẳng sinh chẳng diệt, không có tội phước, tốt xấu; nếu vô thường cũng không đứng, vì sao? Vì nhân thường mà nói vô thường. Thường đã không thể có được, huống gì vô thường!

*Lại nữa, nếu vô thường chắc chắn là định tướng của sắc, thì không thể có nghiệp nhân duyên quả báo, vì sao? Vì sắc pháp... niệm niệm diệt mất. Nếu nghiệp nhân duyên và quả báo diệt mất thì không gọi là tướng vô thường? Các nhân duyên như vậy nên vô thường chẳng phải là thật tướng của sắc pháp... như đã phá ở trong phẩm Vô thường trước. Cho đến nghĩ rằng: Ta sẽ dứt hết thấy phiền não tập khí, cũng là hí luận. Sắc pháp... không thể hí luận, mà phàm phu hí luận các pháp, còn Bồ Tát đối với pháp không thể hí luận, tùy theo pháp không hí luận, vì sao? Vì tự tính không thể hí luận tự tính, vì sao? Vì tính do nhân duyên sinh, chỉ có giả danh, làm sao có thể hí luận? Nếu tính không thể hí luận, huống gì vô tính? Lìa tính và vô tính, lại không có pháp thứ ba có thể hí luận? Hí luận là: Hí luận pháp, hí luận nơi chỗ, pháp ấy đều không thể có được. Nay Tu Bồ Đề, sắc pháp... là tướng không thể hí luận. Như vậy, Bồ Tát nên tu Bát nhã ba la mật không hí luận.

*Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên không thể hí luận: sắc pháp... vô tự tính, nếu pháp vô tự tính tức là không thể hí luận. Nếu Bồ Tát tu được Bát nhã không thể hí luận ấy, liền được vào địa vị Bồ Tát.

Ý Tu Bồ Đề: Không có hí luận là đạo của ba thừa, vậy Bồ Tát dùng đạo gì để vào địa vị Bồ Tát không có hí luận? Phật đều đáp không, vì sao? Vì hàng Bồ Tát Đại thừa không nên dùng pháp Nhị thừa, vì sáu Ba la mật chưa đầy đủ, không thể dùng Phật đạo. Trong đây Phật tự nói nhân duyên; Bồ Tát nên tu học khắp các đạo mới được vào địa vị Bồ Tát; thí như hàng Bát nhân trong hàng Kiến đế đạo, trước tiên học khắp các đạo, được vào chính vị mà chưa được quả Tu đà hoàn, Bồ Tát cũng như vậy; trước tiên học khắp các đạo, được vào địa vị Bồ Tát mà chưa được quả Nhất thiết chủng. Nếu Bồ Tát trú trong Kim cang tam muội, dùng một niệm tương ưng với tuệ thời được quả Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát học khắp các đạo vậy sau mới vào địa vị Bồ Tát, các đạo ấy khác nhau; nếu Bồ Tát học khắp các đạo ấy, hoặc sinh vào tám đạo, tức là hàng Bát nhân; nếu sinh vào Bích chi Phật đạo, tức là Bích chi Phật; nếu Bồ Tát làm kẻ Bát nhân cho đến làm Bích chi Phật, vậy sau mới vào địa vị Bồ Tát, thì không có lẽ ấy? Nếu

không vào địa vị Bồ Tát mà được trí Nhất thiết chủng, cũng không có lẽ ấy? Con sẽ làm sao biết được Bồ Tát học các đạo, vào địa vị Bồ Tát?

Phật chấp thuận ý ấy và tự nói nhân duyên: Bồ Tát từ khi mới phát tâm hành sáu Ba la mật, do trí quán thấy Bát địa rồi mà thẳng qua, như người có thân bị giam trong lao ngục, đi vào xem thấy nhưng cũng không cùng mang gông cùm; Bồ Tát muốn đầy đủ đạo chủng trí nên vào địa vị Bồ Tát, xem khắp các đạo, vào địa vị Bồ Tát; vào địa vị Bồ Tát rồi được trí Nhất thiết chủng, dứt hết phiền não tập khí. Phật khai thị cho Tu Bồ Đề rằng: Hàng Nhị thừa được phần ít trí tuệ của chư Phật và Bồ Tát, thế nên hàng Bát nhân hoặc trí hoặc đoạn, cho đến Bích chi Phật hoặc trí hoặc đoạn đều là vô sinh pháp nhẫn của Bồ Tát.

Trí là tám trí của hàng học nhân và chín hoặc mười trí của hàng vô học.

Đoạn là dứt mười kiết sử, tức là năm thượng phần kiết, năm hạ phần kiết.

Tu đà hoàn, Tu đà hàm nói lược là dứt ba kiết, nói rộng là dứt tám mươi tám kiết. A na hàm nói lược là dứt năm hạ phần kiết, nói rộng là dứt chín mươi hai kiết. A la hán nói lược là dứt ba lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu; nói rộng là dứt hết thầy phiền não. Ấy gọi là trí và đoạn; trí và đoạn đều là vô sinh pháp nhẫn của Bồ Tát.

Hàng Thanh văn do bốn thánh đế được đạo, hàng Bồ Tát do một thánh đế vào đạo. Phật nói bốn thánh đế đều là một thánh đế, vì phân biệt nên có bốn. Bốn đế ấy trí và đoạn của Nhị thừa đều ở trong một đế. Bồ Tát trước tiên trú trong nhu thuận nhẫn, học vô sinh vô diệt, cũng chẳng phải vô sinh, chẳng phải vô diệt; lìa hữu kiến, vô kiến, hữu vô kiến, chẳng phải hữu chẳng phải vô kiến... dứt hết các hí luận, được vô sinh nhẫn.

Lại, nói có thể vượt qua trí tuệ của Thanh văn, Bích chi Phật, gọi là vô sinh nhẫn. Trí tuệ Thanh văn, Bích chi Phật quán năm uẩn sinh diệt nên sinh tâm nhàm chán, lìa dục mà được giải thoát. Bồ Tát do trí tuệ và phước đức lớn nên trong khi quán năm uẩn sinh diệt, tâm không sợ hãi như Tiểu Thừa; Bồ Tát dùng mắt tuệ tìm định tướng của pháp sinh diệt không thể có được, như đã nói trong phẩm Phá sinh ở trước. Chỉ dùng mắt thịt và tâm thô thiên thời thấy có vô thường sinh diệt; hàng phàm phu đối với các pháp thấy thường, mà khi pháp chấp trước ấy trở về vô thường, thời chúng sinh lo buồn, khổ não. Thế nên Phật nói muốn lìa ưu khổ chớ quán tướng thường.

Nói vô thường ấy vì phá điên đảo chấp thường, chứ không vì chấp đấm vô thường mà nói, thế nên Bồ Tát bỏ quán sinh diệt, vào trong vô sinh vô diệt.

Lại hỏi: Nếu vào vô sinh vô diệt tức là thường, làm sao xa lìa được điên đảo chấp thường?

Phật đáp: Như vô thường có hai: Một là phá điên đảo chấp thường mà không chấp vô thường; hay là chấp vô thường sinh hí luận; vô sinh hẳn cũng như vậy; Một là tuy phá sinh diệt mà không chấp vô sinh vô diệt nên không đọa vào điên đảo chấp thường; hai là chấp không sinh diệt nên đọa vào điên đảo chấp thường.

Chơn thật vô sinh là dứt các quán, đường ngôn ngữ bật, quán hết thấy pháp như tướng Niết bàn, từ xưa lại đây thường tự không sinh; được vô sinh vô diệt, rốt ráo thanh tịnh ấy thời quán vô thường còn không chấp thủ, hướng gì sinh diệt? Các tướng như vậy gọi là vô sinh pháp nhẫn. Được vô sinh nhẫn ấy liền vào địa vị Bồ Tát; vào địa vị Bồ Tát rồi do trí Nhất thiết chủng dứt các phiền não và tập khí, dùng mọi nhân duyên độ thoát chúng sinh; như cây có trái ngon làm lợi ích nhiều.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là đạo chủng trí của Bồ Tát?

Phật đáp: Bồ Tát trú trong vô sinh pháp nhẫn được thật tướng các pháp. Từ thật tướng khởi lên, lấy danh tướng, ngôn ngữ các pháp tự mình hiểu rõ; tự mình hiểu rõ rồi lại vì chúng sinh diễn nói, khiến được khai ngộ. Bồ Tát nhờ nhân duyên phước đức nên hiểu âm thanh, ngôn ngữ của chúng sinh, dùng âm thanh biến khắp ba ngàn đại thiên thế giới, cũng không chấp trước âm thanh ấy, vì biết nó như tiếng vang. Âm thanh ấy tức là tướng phạm âm, vì thế Bồ Tát nên biết hết thấy đạo, xem khắp tâm chúng sinh, biết gốc ngọn của nó rồi đem thiện pháp làm lợi ích, ngăn ngừa pháp bất thiện, như trong kinh nói rộng: Bồ Tát trước hết biết thật tướng các pháp, nên đối với đạo Nhị thừa ra vào tự tại; quán sát rồi đi thẳng qua mà vào địa vị Bồ Tát. Lại vì độ chúng sinh nên khởi đạo tuệ; muốn vì chúng sinh thuyết pháp, hiểu rõ âm thanh, ngôn ngữ của chúng sinh rồi dùng phạm âm thuyết pháp, ngăn ngừa đường ác, mở đường thiện. Đường ác là ba ác đạo: Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Đường thiện là ba thiện đạo: Người, trời, A tu la. Dùng mọi nhân duyên chê trách ác đạo, tán thán thiện đạo. Ngăn đường ác là ngăn đường địa ngục, nhân địa ngục, quả địa ngục. Địa ngục đạo là ba đạo bất thiện. Nhân của địa ngục là ba độc: Tham dục tăng trưởng khởi lên đường bất thiện tham lam, tật

đổ; sân nhuế khởi lên đường bất thiện giận dữ, nảo hại; ngu si tăng trưởng khởi lên đường bất thiện tà kiến. Ba độc là nhân của ba đường bất thiện, ba đường bất thiện là nhân của bảy đường bất thiện. Quả của địa ngục là do nhân ấy nên chịu thân địa ngục, tâm chịu các khổ não, đó là quả. Bồ Tát nên xem quả địa ngục của chúng sinh, vậy sau vì họ thuyết pháp, khiến dứt nhân quả và đường địa ngục. Mười đường bất thiện có thượng, trung, hạ. Thượng là địa ngục; trung là súc sinh, hạ là ngạ quỷ. Mười đường thiện cũng có thượng, trung, hạ. Thượng là trời, trung là người; hạ là quỷ thần. Ở mười đường thiện có thể lia dục, sinh lên cõi Sắc; lia cõi Sắc, sinh lên cõi Vô sắc. Ở trong ba đường ác thường chịu khổ, nên nói cần nên biết, cần nên ngăn trừ. Ở trong loài người, loài trời có nhân duyên đắc đạo; vì Niết bàn hoặc có khi nên ngăn trừ; vì bất định nên không nói; vì các pháp trợ đạo khác không nên nói ngăn trừ, cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát phân biệt được như vậy rồi biết chúng sinh dùng pháp Tiểu thừa độ; nên dùng pháp Đại thừa để độ thời dùng pháp Đại thừa độ. Bồ Tát biết tâm sâu xa của chúng sinh và nghiệp nhân duyên đời trước; lại biết nhân duyên quả báo đời sau; lại biết thời tiết và nơi chốn của chúng sinh có thể hóa độ; các nhân duyên có thể hóa độ khác đều biết đầy đủ, thế nên lời nói không hư dối. Trí tuệ biết về đạo chúng và các pháp trợ đạo như vậy đều nhiếp vào trong Bát nhã; thế nên Bồ Tát nên hành Bát nhã đạo tuệ.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu pháp trợ đạo, Bồ đề là pháp không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng, thời pháp trợ đạo ấy đều không, làm sao có thể chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác? Pháp không, không có sở hữu, thời đáng lẽ đáng không lấy, không bỏ; thí như hư không, không có pháp nên không lấy, không bỏ?

Tu Bồ Đề nói với tâm chơn thật không chấp trước, nên Phật hứa khả rằng: Như vậy, như vậy, và nói nhân duyên: Có chúng sinh không biết các pháp tự tướng không như vậy, nên vì chúng sinh ấy phân biệt pháp trợ đạo mà có thể chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Tu Bồ Đề, chẳng phải chỉ ba mươi bảy phẩm trợ đạo Không, không hợp, không tán, mà sắc pháp cho đến trí Nhất thiết chủng ở trong thánh pháp, cũng tự tướng không, không hợp, không tán. Không hợp, không tán là nghĩa rốt ráo không; như trong đây nói nhất tướng, đó là vô tướng. Pháp ấy tuy không, mà vì theo thế đế nên vì chúng sinh nói: Muốn làm cho được vào thánh pháp, chứ chẳng phải đệ nhất nghĩa. Trong đây Bồ Tát đều nên biết, thấy, học pháp ấy. Mới biết gọi là biết; về sau vào sâu, gọi là thấy. Biết là chưa rõ ràng, thấy là đã rõ ràng.

Hỏi: Biết và thấy có gì sai khác?

Đáp: Có người nói: Có cái biết chẳng phải thấy, có cái thấy chẳng phải biết, có cái cũng biết cũng thấy, có cái chẳng phải biết chẳng phải thấy.

Có cái biết chẳng phải thấy là chỉ cho trí tận và trí vô sinh, trừ thế gian chánh kiến và năm ác kiến, các tuệ khác đều gọi là biết; ấy là tuệ biết, chẳng phải thấy.

Có cái thấy chẳng phải biết là năm ác kiến và thế gian chánh kiến và nhãn ở trong kiến đế đạo; ấy là thấy, chẳng phải biết. Các tuệ vô lậu khác cũng gọi là biết, cũng gọi là thấy; lìa thấy và biết ấy, các pháp khác chẳng phải thấy, chẳng phải biết.

*Lại nữa, có người nói: Định tâm gọi là thấy, Định và chưa định đều thông suốt gọi là biết; như trong kinh Chuyển pháp luân nói: Khổ đế biết rồi nên thấy; biết rồi phân biệt biết, pháp ấy nên thấy, ấy là Khổ đế; pháp ấy nên đoạn, ấy là Tập đế; pháp ấy nên chứng, ấy là Diệt đế; pháp ấy nên tu, ấy là Đạo đế. Hoặc biết phiền não dứt gọi là thấy; như biết chín phẩm hoặc đoạn trừ.

Tu Bồ Đề nghe nói danh từ khác của Bát nhã gọi là thánh pháp, nên hỏi: Những gì là thánh pháp?

Phật đáp: Trong thánh pháp, các hiện thánh hoặc Phật, hoặc Bích chi Phật, hoặc Thanh văn, vì các pháp tham dục.. không hợp, không tán. Không hợp là hết thấy phiền não gọi là diên đảo; diên đảo tức không có sở hữu. Nếu không có sở hữu, làm sao có thể hợp? Nếu không hợp làm sao có tán? Vì không hợp nên không khinh phàm phu; vì không tán nên không tự cao; đối với chúng sinh không thương không ghét. Trong đây Phật tự nói nhân duyên không hợp, không tán, đó là: Các pháp đều không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng. Pháp không có sắc với pháp không có sắc không hợp, không tán, cho đến pháp không có tướng với pháp không có tướng không hợp, không tán, vì sao? Vì pháp ấy đều một tính, tự tính không hợp với tự tính, ấy gọi là nhất tướng vô tướng của Bát nhã ba la mật, Bồ Tát nên học. Học rồi không có pháp có thể được.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bồ Tát không học sắc tướng Như cho đến hữu vi vô vi tướng Như, nếu không học các pháp tướng ấy, tại sao trong kinh nói Bồ Tát trước tiên học các pháp tướng, sau vượt quá Thanh văn,

Bích chi Phật địa; nếu không vượt quá Thanh văn, Bích chi Phật, làm sao vào địa vị Bồ Tát như trong kinh đây rộng nói?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu các pháp thật có tướng thời nên học tướng ấy. Nay Tu Bồ Đề, nhưng các pháp thật không có tướng; thế nên Bồ Tát không nên học tướng; không có tướng cũng không nên học, vì học là chấp thủ tướng. Việc pháp tướng như trong phẩm Phá tướng ở Trung luận đã nói. Có Phật hay không có Phật, thì các pháp vẫn thường trú, nhất tướng vô tướng.

Tu Bồ Đề theo Phật nghe nói hết thấy pháp vô tướng, nay lại hỏi Phật: Nếu hết thấy pháp chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng tướng, thì làm sao Bồ Tát tu Bát nhã? Nếu có vô tướng thời nhân nơi vô tướng có thể tu Bát nhã? Nay tướng và vô tướng đều không, vậy nhân việc gì được tu Bát nhã? Nếu không tu Bát nhã thời không thể vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, cho đến không thể an lập nơi ba phước điền?

Phật hứa khả lời ấy rằng: Như vậy, như vậy và nói nhân duyên tu Bát nhã; Bồ Tát không vì tu tướng nên là tu Bát nhã; tu vô tướng nên là tu Bát nhã.

Bạch Thế Tôn, làm sao tu vô tướng là tu Bát nhã? Nếu vô tướng, thời làm sao có thể tu?

Phật dạy: Tu các pháp hư hoại là tu Bát nhã, vì các pháp hư hoại nên tướng vô tướng cũng hư hoại; thí như chiếc xe phân hoại nên tướng bánh xe cũng diệt; như vậy cho đến vi trần.

Bạch Thế Tôn, những pháp gì có thể phá hoại?

Phật đáp: Tu sắc pháp phá hoại tức là tu Bát nhã ba la mật; tu dứt hết thấy phiền não tập khí tức là tu Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Làm sao tu pháp sắc phá hoại cho đến tu dứt hết thấy phiền não tập khí phá hoại là tu Bát nhã?

Phật đáp: Bồ Tát nhất tâm niệm đến Nhất thiết trí, thương xót chúng sinh, muốn được chánh hạnh Bát nhã ba la mật, không nghĩ đến sắc là hữu pháp; tu như vậy là tu Bát nhã, vì cho sắc là định tướng có thật, thời mắc lỗi hữu tướng, vì có sao? Vì trong đây Phật tự nói nhân duyên: hữu tướng là không tu Bát nhã, vì trong Bát nhã vô pháp còn không có, huống gì hữu pháp! Người ấy không tu Bát nhã, cũng không tu năm Ba la mật; người ấy

chấp trước hí luận pháp hữu, không tu bố thí... Người chấp trước như vậy không có giải thoát, không có đạo, không có Niết bàn. Không có ba môn giải thoát gọi là không có giải thoát; không có pháp không của thánh nhân gọi là không có đạo; không có đạo nên không có Niết bàn.

Hỏi: Vì có sao không có đạo?

Đáp: Vì người ấy hí luận pháp, không nhàm chán già bệnh chết, chấp trước pháp nên sinh tà kiến; tà kiến nên không thể như thật quán sát thân bất tịnh...; không thể quán thân nên không thể tu thân niệm xứ; không tu thân niệm xứ nên không thể tu thọ, tâm, pháp niệm xứ; không tu bốn niệm xứ nên không thể tu Không tam muội cho đến trí Nhất thiết chủng, vì sao? Vì chấp trước pháp hữu.

Bạch Đức Thế Tôn, những gì là pháp hữu, những gì là vô pháp? Phạm phu hoặc đối với hữu pháp sinh vô tướng, đối với pháp vô sinh tướng hữu? Muốn phân biệt việc ấy nên hỏi Phật.

Phật đáp; Hai tướng là pháp hữu, chẳng phải hai tướng là pháp vô.

Tu Bồ Đề hỏi: Những gì là hai pháp?

Phật đáp: Chấp thủ sắc tướng tức là hai, như trong phẩm trước nói. Lìa sắc không có mắt, lìa mắt không có sắc, cho đến tính hữu vi, vô vi, vì sao? Vì lìa hữu vi không được nói vô vi; lìa vô vi không được nói thật tướng hữu vi; thế nên hai pháp ấy không được lìa nhau mà phạm phu cho đó là hai, thế nên diên đạo. Phật lược nói hai tướng, đối với hết thấy pháp chấp thủ tướng đều là hai, hết thấy hai đều là hữu, thích ứng với hữu bèn có sinh tử, vì sao? Vì đối với hữu mà sinh tâm chấp trước, nhân tâm chấp trước mà sinh các phiền não, vì phiền não mà qua lại sinh tử, vì sinh tử mà ưu bi khổ não; thế nên nói thích ứng với pháp hữu bèn có sinh tử, có sinh tử thời không được khỏi già, bệnh, ưu, khổ. Nay Tu Bồ Đề, vì vậy nên biết người chấp hai tướng không có Thí Ba la mật cho đến không có thuận nhẫn, huống gì thấy được thật tướng của sắc, cho đến thấy được thật tướng của trí Nhất thiết trí. Người ấy nếu không thấy được thật tướng của sắc... thời không có tu đạo, làm sao có quả Tu đà hoàn cho đến dứt hết thấy phiền não tập khí?

Sáu Ba la mật có hai: Thế gian và xuất thế gian. Người ấy không có sáu Ba la mật xuất thế gian, thế nên nói người chấp tướng hữu ấy không có sáu Ba la mật. Nếu có là chỉ có Ba la mật thế gian, nhưng trong đây không nói Ba la mật thế gian. Đạo quả Thanh văn còn không có, huống gì có Phật đạo?

Hỏi: Thuận nhãn là thuận nhãn nào? Đáp: Đó là thuận nhãn của Tiểu thừa. Thuận nhãn của Tiểu thừa còn không có, hưởng gì của Đại thừa!

Hỏi: Địa vị đánh pháp đã không bị thối chuyển, có gì còn nói cho đến địa vị nhãn pháp?

Đáp: Trong pháp Thanh văn cũng nói đánh đọa, trong pháp Đại thừa cũng nói đánh đọa, có gì nói đánh pháp không đọa? Có người nói: Tuy ở đánh pháp không thối đọa, nhưng không bền chắc, không nhất định nên không nói. Nhãn là an trú lâu, đã vào chánh định, tuy chưa được vô lậu mà đồng với vô lậu. Vì tùy thuận với khổ pháp nhãn nên gọi là nhãn; vì chưa từng thấy pháp ấy, hề thấy liền nhãn được nên gọi là nhãn. Người ấy với Phật thánh là nhỏ mà với phạm phu là lớn.

Thấy sắc có hai: Một là thấy thật tướng sắc rõ ràng, hai là dứt phiền não ràng buộc theo các sắc, nên gọi là thấy. Giống như sắc cho đến trí Nhất thiết chủng, và việc dứt hết thấy phiền não tập khí cũng như vậy. Nếu người thấy sắc tu đạo còn không có được, hưởng gì tu được quả Tu đã hoàn cho đến dứt phiền não tập khí?

Giải Thích: Phẩm Ba Thứ Lớp Học Thứ 75

(Kinh Ma ha Bát Nhã ghi: Ba thứ lớp hành)

(Kinh Đại Bát nhã hội 2 ghi: Phẩm Tiệm Thứ thứ 73)

Kinh: Bấy giờ Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu theo tướng pháp hữu còn không được thuận nhãn, hưởng gì được đạo? Nếu theo tướng pháp vô sẽ được thuận nhãn chăng? Hoặc được Càn tuệ địa, hoặc Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Bích chi Phật địa, Bồ Tát địa hoặc Phật địa, hoặc tu đạo, nhân tu đạo sẽ dứt phiền não chăng? Vì phiền não ấy nên không vượt quá được Thanh văn, Bích chi Phật mà vào địa vị Bồ Tát? Nếu không vào địa vị Bồ Tát thời không được trí Nhất thiết chủng; không được trí Nhất thiết chủng thời không được dứt hết thấy phiền não và tập khí. Bạch Đức Thế Tôn, nếu không có tướng hữu pháp thời pháp ấy chẳng sinh? Nếu chẳng sinh pháp ấy thời không thể được trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy, nếu không có pháp hữu thời có thuận nhãn cho đến dứt hết thủy phiền não và tập khí.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, có tướng pháp chăng? Nghĩa là có tướng sắc cho đến tướng thức, tướng mắt cho đến tướng ý, tướng sắc cho đến tướng pháp, tướng nhãn giới cho đến tướng ý thức giới, tướng bốn niệm xứ, cho đến tướng trí Nhất thiết chủng; hoặc tướng sắc, hoặc tướng sắc dứt cho đến tướng thức, tướng thức dứt; tướng mười hai nhập, mười tám giới cũng như vậy; hoặc tướng vô minh, hoặc tướng vô minh dứt, cho đến tướng ưu, bi, khổ, não, tướng ưu, bi, khổ, não dứt; hoặc tướng dục, hoặc tướng dục dứt, hoặc tướng sinh cho đến tướng sinh dứt; hoặc tướng si, hoặc tướng si dứt; hoặc tướng khổ, hoặc tướng khổ dứt; hoặc tướng tập, hoặc tướng tập dứt; hoặc tướng diệt, hoặc tướng diệt dứt; hoặc tướng đạo, hoặc tướng đạo dứt, cho đến tướng trí Nhất thiết chủng, tướng dứt hết thủy phiền não và tập khí?

Phật dạy: Không. Bồ Tát khi tu Bát nhã không có tướng pháp, tướng phi pháp, tức là Bồ Tát thuận nhãn. Nếu không có tướng pháp, tướng phi pháp tức là tu đạo, cũng là đạo quả. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát, hữu pháp là Bồ Tát đạo, vô pháp là Bồ Tát quả; vì nhân duyên ấy nên biết hết thủy pháp, tính không có sở hữu.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thủy pháp, tính không có sở hữu, làm sao Phật biết hết thủy pháp, tính không có sở hữu nên được thành Phật, đối với hết thủy pháp được sức tự tại?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy, hết thủy pháp, tính không có sở hữu. Ta xưa hành Bồ Tát đạo, tu sáu Ba la mật, lìa các dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc vào sơ thiền, cho đến vào đệ tứ thiền, đối với các thiền ấy và các thiền chi không nghĩ có các thiền ấy, không thọ thiền vị, không được thiền ấy, không nhiễm, thanh tịnh hành bốn thiền, Ta không thọ quả báo đối với các thiền ấy. Ý trú nơi bốn thiền phát khởi năm thần thông là thần túc thông, thiên nhĩ thông, y tha tâm thông, túc mạng thông, thiên nhĩ thông, y tha tâm thông, túc mạng thông và thiên nhãn thông; đối với các thần thông không chấp thủ tướng, không nghĩ rằng có thần thông ấy, không thọ mùi vị của thần thông ấy, không thủ đắc thần thông ấy, Ta không phân biệt hành theo năm thần thông ấy. Nay Tu Bồ Đề, Ta lúc bấy giờ dùng một niệm tương ưng với tuệ, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nghĩa là ngộ được ấy là khổ thánh đế, ấy là tập, là diệt, là đạo thánh đế, thành tựu mười lục, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám

pháp không chung, đại từ đại bi, được thành Phật; phân biệt ba nhóm chúng sinh là nhóm chánh định, tà định và bất định.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Làm sao Thế Tôn đối với pháp không có tính sở hữu mà sinh khởi bốn thiên, sáu thần thông và cũng không có chúng sinh mà Phật phân biệt ba nhóm chúng sinh?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu các dục và các pháp ác bất thiện có tính, hoặc tự tính, hoặc tha tính, ta xưa khi tu hạnh Bồ Tát, đã không thể quán các dục, pháp ác bất thiện không có tính sở hữu để vào sơ thiên, song vì các dục, pháp ác bất thiện không có tính, hoặc tự tính, hoặc tha tính đều là tính không có sở hữu. Nên ta xưa khi hành Bồ Tát đạo mới lia các dục, pháp ác bất thiện để vào sơ thiên cho đến vào đệ tứ thiên. Nay Tu Bồ Đề, nếu các thần thông có tính, hoặc tự tính, hoặc tha tính thì Ta không thể biết thần thông ấy không có tính sở hữu, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Tu Bồ Đề, vì thần thông không có tính, hoặc tự tính, hoặc tha tính đều không có tính sở hữu; vì vậy nên chư Phật đối với thần thông biết không có tính sở hữu nên được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Luận. Hỏi: Các pháp Không cùng một nghĩa, có gì Tu Bồ Đề dùng mỗi mỗi nhân duyên hỏi lại: Trong đây lại hỏi: Có tướng pháp thì không thể được thuận nhãn, cho đến nếu các pháp ấy không sinh thì không thể được trí Nhất thiết chủng?

Đáp: Nghĩa rất ráo không của các pháp ấy rất sâu xa, khó hiểu, người nói còn khó, huống gì người lãnh thọ, người tu hành? Thế nên Tu Bồ Đề vì Bát nhã mà thưa hỏi, sợ người nhiều nghi, nhiều hoặc, nên dùng mỗi mỗi nhân duyên hỏi lại.

*Lại nữa, nghĩa được hỏi tuy là một mà chỗ nguyên nhân có khác nhau. Hoặc hỏi nếu hết thấy pháp không, làm sao phân biệt có năm đường? Hoặc hỏi nếu hết thấy pháp không có tướng sở hữu, làm sao phân biệt có ba thừa? Hoặc hỏi có tướng thời cho đến không được thuận nhãn, làm sao quán sát Bát địa mà vào địa vị Bồ Tát? Những câu hỏi như vậy vì câu hỏi có khác nên nghĩa có sai khác, vì Bát nhã không có tướng nhất định. Phật hứa khả lời Tu Bồ Đề rằng: Như vậy, như vậy, ông trước hỏi thuận nhãn, đó là thuận nhãn của Tiểu thừa, nay hỏi, đó là thuận nhãn của Bồ Tát. Nếu Bồ Tát khi hành Bát nhã, có tướng pháp chăng? Phật đáp: Bồ Tát khi hành Bát nhã không có pháp sinh tướng hoặc có hoặc không ấy, vì sao? Vì thấy có thấy không đều

có lỗi; ấy là Bồ Tát thuận nhãn; đối với hết thấy pháp không sinh tâm thấy tướng có, tức là tư đạo. Nay Tu Bồ Đề, hữu pháp là Bồ Tát đạo, vô pháp là quả. Hữu pháp gọi là hữu vi, vô pháp là vô vi. Hành tám thánh đạo hữu vi thời dứt các phiền não, được quả vô vi.

*Lại nữa, có người nói năm Ba la mật gọi là hữu pháp, là Bồ Tát đạo; Bát nhã ba la mật rốt ráo không nên là vô pháp, là Bồ Tát quả. Có người nói: Bát nhã là tướng trí tuệ, pháp hữu vi là đạo; Như, pháp tính, thật tế không từ nhân duyên sinh, thường có, nên gọi là quả. Có như vậy không có sai khác. Vì nhân duyên ấy nên biết hết thấy pháp đều là không có tính sở hữu, gọi là vô pháp.

Lại hỏi: Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp không có tính sở hữu, làm sao Phật đối với không có tính sở hữu được chánh trí, chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đối với các pháp được tự tại? Phật hứa khả lời ấy. Bồ Tát dùng trí không có sở hữu hợp tu hết thấy pháp, có thể dứt hết thấy chấp trước nên được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trong đây Phật tự dẫn chứng: Ta xưa khi làm Bồ Tát tu sáu Ba la mật là dục, là pháp ác bất thiện, có giác có quán, là dục sinh hỷ lạc mà vào sơ thiên.

Lìa dục là lìa năm dục; lìa pháp ác bất thiện là lìa năm triền cái. Đưa người vào đường ác nên gọi là ác; chứng ngại thiện pháp nên gọi là bất thiện. Có giác có quán là giác quán lành, thuộc sơ thiên; lìa dục sinh hỷ lạc là lìa bỏ năm dục sinh hỷ lạc. Hỷ lạc là trong cõi Sắc có hai thứ lạc: Một là vui có mừng, hai là chỉ có vui không có mừng. Vui và mừng thuộc sơ thiên, nhị thiên; chỉ có vui, không mừng thuộc tam thiên.

Hỏi: Sơ thiên, nhị thiên đều có vui mừng, có gì sai khác?

Đáp: Thứ vui mừng trong sơ thiên là do lìa năm dục phát sinh; thứ vui mừng trong nhị thiên là từ định phát sinh nên gọi là định sinh. Lại nữa, tướng phiền não cõi Dục bất thiện nên chứng ngại sơ thiên. Hành giả muốn lìa chứng ngại lớn nên nói ly sinh, còn phiền não ở cõi Sắc thuộc vô ký, bị các nạn mềm yếu lo, do nhân duyên giác quán nên mất thiên, thế nên Phật nói diệt các giác quán, bên trong tâm thanh tịnh nên được nhị thiên; tam thiên, tứ thiên như trước đã nói. Ta đối với các thiên chỉ thủ tướng được rồi mà không nghĩ đến có thiên ấy. Khi ban đầu tập thiên, thủ tướng cho đến khi được; được rồi sợ đắm nhiễm nên quán vô thường, không nghĩ đến có thiên ấy, không thủ đắc định tướng của thiên ấy, cũng không thọ mùi vị của thiên ấy; tâm không nhiễm trước tu bốn thiên, khác với ngoại đạo. Theo đó tu các

thiền mà không thọ quả báo thiền. Y trú bốn thiền, sinh khởi năm thần thông. Vì túc mạng thông nên biết nhân duyên nghiệp cũ của chúng sinh sinh đến nơi đây. Do sức thiền nhãn thông nên thấy chỗ sinh đến trong tương lai của chúng sinh, theo hành nghiệp của chúng. Biết gốc ngọn của chúng sinh rồi sinh tâm đại bi, nghĩ làm sao dứt sự khổ sinh tử tương tục cho chúng sinh. Bấy giờ tâm hồi hướng vào lậu tận thông, tức thời do một niệm tương ưng với tuệ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nghĩa là ngộ đó là tướng khổ, nhân của khổ là ái dục; ái dứt thời khổ diệt; đường đi đến khổ diệt là đạo; thông đạt bốn đế nên được mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, và phân biệt chúng sinh làm ba nhóm. Dùng ba thần thông độ chúng sinh ấy là dùng thiên nhĩ, tha tâm, thần túc thông; vì chúng sinh thuyết pháp khiến thoát sinh tử.

Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu các pháp không có sở hữu, làm sao lúc Phật làm Bồ Tát khởi sinh bốn thiền, sáu thần thông? Nếu không có chúng sinh, làm sao Phật phân biệt chúng sinh làm ba nhóm?

Phật đáp: Các dục, các pháp ác bất thiện nếu có tính, hoặc tự tính, hoặc tha tính, thời Ta khi xưa làm Bồ Tát không thể quán các dục, các pháp ác bất thiện không có tính sở hữu mà vào sơ thiền. Ý Phật là nếu các dục, pháp ác bất thiện là pháp có định tính hoặc nhiều hoặc ít tự tướng, hoặc trong thân có tính tịnh, tính thương... Tính có hai: hoặc tự tính, hoặc tha tính. Tự tính là tính bất tịnh trong tự thân; tha tính là chỉ cho y phục, đồ trang sức thân; các thứ đó đều vô thường hư dối, làm nhân duyên cho khổ não. Năm dục bên trong bên ngoài không có thường lạc ngã tịnh thật, nếu có thời Ta xưa khi tu Bồ Tát đạo, không thể quán năm dục Không, không có tính sở hữu mà vào sơ thiền, vì các dục và pháp ác bất thiện không có thật tính, hoặc tự tính, hoặc tha tính, nên Ta khi làm Bồ Tát lìa năm dục, pháp ác bất thiện mà vào sơ thiền cho đến vào đệ tứ thiền. Nếu các thần thông có tính, hoặc tự tính hoặc tha tính, thời Ta khi xưa tu Bồ Tát đạo không thể biết thần thông không có sở hữu, nên được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp nhất định không, không có tính sở hữu, làm sao Phật đối với các pháp được sức tự tại?

Phật dạy: Ta do bốn thiền đối với các phiền não được giải thoát, do sáu thần thông đối với các pháp được tự tại độ sinh. Ý Tu Bồ Đề là vì bốn thiền, bốn thần thông là có, làm sao Phật đối với Không được sức tự tại?

Phật khai thị: Ta quán năm dục Không, vì hư dối không có định tướng nên không chấp trước các thiền mà khởi lên thần thông. Các thiền vì có tướng có hạn lượng nên có thể xả, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Lúc mới lìa dục, vì lấy không có tính sở hữu làm nhân nên được quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng không có sở hữu. Nếu các thiền nhất định Không, Vô thượng chánh đẳng chánh giác chẳng Không thời có thể có vấn nạn ấy. Nhưng vì nay cả hai đều không, nên không nên vấn nạn.

(Hết cuốn 86 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 87

Kinh: Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát biết các pháp không có tính sở hữu, nhân bốn thiền, năm thần thông được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bạch đức Thế Tôn, hàng Bồ Tát mới học làm sao đối với các pháp không có tính sở hữu lại thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo; do thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo ấy chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát nếu mới đầu theo Phật được nghe; hoặc theo vị Bồ Tát đã cúng dường nhiều đức Phật được nghe; hoặc theo A la hán, A na hàm, Tư đà hàm, Tu đà hoàn được nghe, vì ngộ được lý không có sở hữu nên là Phật? Vì ngộ được lý không có sở hữu nên là A la hán, Tư đà hàm, A na hàm, Tu đà hoàn, hết thấy hiện thánh đều vì ngộ được lý không có sở hữu nên có danh xưng. Hết thấy pháp hữu vi tạo tác không có tính sở hữu cho đến không có mảy may sở hữu như mảy lông. Bồ Tát ấy nghe như vậy rồi nghĩ rằng: Nếu hết thấy pháp không có tính sở hữu, vì ngộ được lý không có sở hữu nên là Phật, cho đến vì ngộ được lý không có sở hữu nên là Tu đà hoàn. Nếu con sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nếu không được hết thấy pháp thường không có tự tính, cơ sao con không phát tâm được Vô thượng chánh đẳng chánh giác? Được Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi, hết thấy chúng sinh hành theo tướng có, con sẽ khiến họ an trú trong tính không có sở hữu? Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát suy nghĩ như vậy rồi phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì độ hết thấy chúng sinh nên Bồ Tát hành theo thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo, như quá khứ các Bồ Tát hành đạo được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Hàng Bồ Tát mới học nên học sáu Ba la mật, đó là Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật.

Bồ Tát ấy nếu khi hành Thí Ba la mật, tự hành bố thí, cũng dạy người bố thí, tán thán công đức bố thí, hoan hỷ tán thán người hành bố thí; do nhân duyên bố thí ấy cho nên được tài sản giàu có, Bồ Tát ấy xa lìa xan lẫn, bố thí cho chúng sinh uống ăn, y phục, hương hoa, anh lạc, phòng xá, đồ nằm, đèn đuốc, mọi thứ cần dùng để nuôi sống. Bồ Tát hành trì giới bố thí ấy sinh vào cõi trời cõi người được tôn quý lớn; do trì giới bố thí ấy nên được thiên định uẩn; do bố thí, trì giới, thiên định ấy nên được trí tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. Bồ Tát ấy nhân bố thí, trì giới, thiên uẩn, trí tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn nên vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật mà vào Bồ Tát vị; vào Bồ Tát vị rồi được nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi Chuyển pháp luân; Chuyển pháp luân rồi lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh. Như vậy, Bồ Tát do bố thí ấy thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo đều là không thể có được, vì sao? Vì tự tính không có sở hữu.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm tự hành trì giới, dạy người trì giới, tán thán công đức trì giới, hoan hỷ tán thán người trì giới. Do trì giới nên sinh vào cõi trời cõi người, được tôn quý lớn; thấy kẻ nghèo cùng thí cho tài vật; thấy người không trì giới dạy khiến trì giới; thấy người loạn ý dạy khiến thiên định; thấy người ngu si dạy khiến trí tuệ; thấy người không giải thoát dạy khiến giải thoát; thấy người không có giải thoát tri kiến giải thoát tri kiến. Do trì giới, thiên định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến ấy nên vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, vào địa vị Bồ Tát; vào địa vị Bồ Tát rồi được nghiêm tịnh cõi Phật; nghiêm tịnh cõi Phật rồi thành tựu tuệ giác cho chúng sinh rồi được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi Chuyển pháp luân; Chuyển pháp luân rồi lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh. Như vậy, Bồ Tát do trì giới ấy thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo; các việc ấy đều không thể có được, vì sao? Vì hết thấy pháp tự tính không có sở hữu.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi phát tâm lại đây tự hành Nhẫn Ba la mật, dạy người hành nhẫn, tán thán công đức nhẫn, hoan hỷ tán thán người hành nhẫn; khi hành Nhẫn Ba la mật bố thí cho chúng sinh đầy đủ mọi thứ; dạy khiến trì giới, dạy khiến thiên định cho đến giải thoát tri kiến. Do nhân duyên bố thí trì giới, thiên định, trí tuệ ấy nên vượt quá địa vị A la hán, Bích chi Phật mà vào Bồ Tát vị; vào Bồ Tát vị rồi được nghiêm tịnh cõi Phật; nghiêm tịnh cõi Phật rồi thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; thành tựu tuệ giác cho chúng sinh rồi được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi Chuyển pháp luân; Chuyển pháp luân rồi lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh. Như vậy, Bồ Tát do Nhẫn Ba la mật thứ lớp hành, thứ lớp học,

thứ lớp đạo; các việc ấy đều không thể có được, vì sao? Vì hết thấy pháp tự tính không có sở hữu.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây tự hành tinh tấn, dạy người hành tinh tấn, tán thán công đức hành tinh tấn, hoan hỷ tán thán người hành tinh tấn, cho đến các việc ấy đều không thể có được, vì tự tính không có sở hữu.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây, tự vào thiền, vào bốn tâm vô lượng, vào định vô sắc; cũng dạy người vào thiền, vào tâm vô lượng, vào định vô sắc; tán thán công đức vào thiền, vào tâm vô lượng, vào định vô sắc; hoan hỷ tán thán người hành thiền, tâm vô lượng, định vô sắc. Bồ Tát ấy trú ở các thiền, định, tâm vô lượng; bố thí cho chúng sinh mỗi mỗi được đầy đủ, dạy khiến thiền định, trí tuệ. Do nhân duyên bố thí, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến ấy nên vượt quá định vị Thanh văn, Bích chi Phật mà vào Bồ Tát vị; vào Bồ Tát vị rồi nghiêm tịnh cõi Phật, nghiêm tịnh cõi Phật rồi thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; thành tựu tuệ giác cho chúng sinh rồi được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi Chuyển pháp luân; Chuyển pháp luân rồi lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh, cho đến các việc ấy đều không thể có được, vì tự tính không có sở hữu.

*Lại nữa, Bồ Tát từ khi mới phát tâm trở lại đây hành Bát nhã ba la mật, bố thí cho chúng sinh mỗi mỗi đầy đủ, dạy khiến trì giới, thiền định, giải thoát, giải thoát tri kiến. Bồ Tát ấy khi hành Bát nhã ba la mật, tự hành sáu Ba la mật, cũng dạy người khiến hành sáu Ba la mật, tán thán công đức sáu Ba la mật, hoan hỷ tán thán người hành sáu Ba la mật. Bồ Tát ấy do nhân duyên Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật ấy vào sức phương tiện nên vượt quá định vị Thanh văn, Bích chi Phật mà vào Bồ Tát vị; cho đến các việc ấy đều không thể có được, vì tự tính không có sở hữu. Ấy gọi là Bồ Tát mới phát tâm thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát thứ lớp hành thứ lớp học, thứ lớp đạo. Bồ Tát từ khi mới phát tâm trở lại đây, do tâm tương ưng với trí Nhất thiết chủng, tin các pháp không có tính sở hữu, tu sáu niệm là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả và niệm thiên.

Thế nào là Bồ Tát tu niệm Phật? Bồ Tát niệm Phật không niệm qua sắc, không niệm qua thọ, tưởng, hành, thức, vì sao? Vì tự tính sắc không có; tự

tính thọ, tướng, hành thức không có; nếu pháp không có tự tính thời là không có sở hữu, vì sao? Vì không có nhớ nghĩ gì; ấy là niệm Phật.

Lại, Bồ Tát niệm Phật không niệm qua ba mươi hai tướng, cũng không niệm qua thân kim sắc, không niệm qua hào quang một trượng, không niệm qua tám mươi vẻ đẹp tùy hình, vì sao? Vì thân Phật tự tính không có; nếu pháp không có tự tính thời là không có sở hữu, vì sao? Vì không có nhớ nghĩ gì; ấy là niệm Phật.

Lại, không nên do giới uẩn mà niệm Phật; không nên do định uẩn, trí tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn mà niệm Phật, vì sao? Vì các uẩn ấy không có tự tính; nếu pháp không có tự tính thời là chẳng phải pháp; không có niệm gì ấy là niệm Phật.

Lại, không nên do mười trí lực niệm Phật, không nên do bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, niệm Phật; không nên do đại từ đại bi niệm Phật, vì sao? Vì các pháp ấy không có tự tính; nếu pháp không có tự tính thời là chẳng phải pháp; không có niệm gì ấy là niệm Phật.

Lại, không nên do mười hai nhân duyên niệm Phật, vì sao? Vì tự tính nhân duyên không có; nếu pháp không có tự tính thời là chẳng phải pháp; không có niệm gì, ấy là niệm Phật.

Như vậy, Tu Bồ Đề, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật nên niệm Phật, ấy là Bồ Tát từ khi mới phát tâm thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo. Bồ Tát ấy trú trong thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo có thể đầy đủ bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, tu hành Không tam muội, Vô tướng, Vô tác tam muội cho đến trí Nhất thiết chủng, vì chứng các pháp không có sở hữu. Bồ Tát ấy biết tính các pháp không có sở hữu, trong ấy không có tính có, không có tính không.

Này Tu Bồ Đề, thế nào là Bồ Tát nên tu niệm pháp? Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật không niệm pháp lành, không niệm pháp chẳng lành, không niệm pháp ký, không niệm pháp vô ký; không niệm pháp thế gian, không niệm pháp xuất thế gian, không niệm pháp tịnh, không niệm pháp bất tịnh, không niệm pháp thánh, không niệm pháp phàm phu, không niệm pháp hữu lậu, không niệm pháp vô lậu, không niệm pháp ràng buộc cõi Dục, pháp ràng buộc cõi Sắc, pháp ràng buộc ở cõi Vô sắc, không niệm pháp hữu vi, pháp vô vi, vì sao? Vì tự tính các pháp ấy không có; nếu pháp không có tự

tính thời là chẳng phải pháp; không có niệm gì, ấy là niệm pháp; ở trong niệm Pháp học tính không có sở hữu cho đến được trí Nhất thiết chủng. Bồ Tát ấy khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, được pháp không có tính sở hữu, đối với tính không có sở hữu ấy chẳng phải có tướng, chẳng phải không có tướng. Như vậy, Bồ Tát nên tu niệm Pháp, đối với pháp ấy cho đến không có mảy may niệm, hưởng gì niệm Pháp!

Này Tu Bồ Đề, thế nào là Bồ Tát nên tu niệm Tăng? Bồ Tát niệm Tăng là vì pháp vô vi nên phân biệt có chúng đệ tử Phật, trong pháp ấy cho đến không có mảy may niệm, hưởng gì niệm Tăng! Như vậy, Bồ Tát nên niệm Tăng.

Này Tu Bồ Đề, thế nào là Bồ Tát nên tu niệm giới? Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm trở lại đây nên niệm Thánh giới, giới không khuyết, giới không lung, giới không tỳ vết, giới không trược uế, giới không đấm trước, giới tự tại, giới được người trí khen, giới đầy đủ, giới đi theo định; nên niệm giới ấy không có tính sở hữu cho đến không có mảy may niệm, hưởng gì niệm Giới!

Này Tu Bồ Đề, thế nào là Bồ Tát nên tu niệm xả? Bồ Tát từ khi mới phát tâm trở lại đây nên niệm xả, hoặc tự mình niệm xả, hoặc niệm người khác xả, hoặc xả tài, hoặc xả pháp, hoặc xả phiền não; quán các xả ấy đều không thể có được, hưởng gì niệm xả! Như vậy, Bồ Tát nên niệm xả.

Này Tu Bồ Đề, thế nào là Bồ Tát nên niệm thiên? Bồ Tát nghĩ rằng các vị trời ở cõi Tứ thiên vương có tín, có giới, thí, vãng, tuệ nên chết ở cõi này được sinh lên cõi trời kia. Ta cũng có tín, giới, thí, vãng, tuệ ấy; cho đến trời Tha hóa tự tại có tín, giới, vãng, tuệ, nên chết ở cõi này sinh lên cõi trời kia; ta cũng có tín, giới, vãng, tuệ ấy. Như vậy, Bồ Tát nên niệm thiên. Các trời ấy không có tính sở hữu còn không có mảy may niệm, hưởng gì niệm thiên!

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát tu sáu niệm ấy, ấy gọi là thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo.

Bấy giờ Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp không có tính sở hữu, nghĩa là niệm sắc cho đến thức, nhãn cho đến ý, sắc cho đến pháp đều không có tính sở hữu; nhãn giới cho đến ý thức giới đều không có tính sở hữu; Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết chủng đều không có tính

sở hữu. Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp không có tính sở hữu thì là không có đạo, không có trí, không có quả?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ông thấy tính sắc ấy thật có chăng, cho đến trí Nhất thiết chủng thật có chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, con không thấy.

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu ông không thấy các pháp thật có, vì sao hỏi câu ấy?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, con đối với pháp ấy không dám có nghi, chỉ vì các Tỳ kheo cầu Thanh văn, Bích chi Phật đạo, Bồ Tát đạo đời sau; các người ấy sẽ nói như vậy: Nếu hết thấy pháp không có tính sở hữu, vậy ai nhơ, ai sạch, ai trí, ai mở...? Vì không biết không hiểu mà phá giới, phá chánh kiến, phá oai nghi, phá đời sống thanh tịnh. Người ấy phá các việc ấy nên sẽ đọa vào ba đường ác. Bạch Đức Thế Tôn, con sợ đời sau có các việc như vậy, cho nên hỏi Phật. Bạch Đức Thế Tôn, còn con đối với các pháp này rất tin, không nghi, không hối.

Luận: Tu Bồ Đề tin thọ lời Phật: Hết thấy pháp tuy không mà có thể khởi lên bốn thiên, năm thần thông là những điều vị đại Bồ Tát gần thành Phật có thể làm được; nay vì chưa biết hàng mới phát tâm làm sao hành cho nên hỏi Phật: Bồ Tát mới học làm sao đối với các pháp không có tính sở hữu mà thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo; dùng thứ lớp hành ấy được Vô thượng chánh đẳng chánh giác? Vì thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo nên biết Bồ Tát mới học tuy trải qua vô lượng kiếp phát tâm xong, vì chưa ngộ được thật tướng các pháp, nên đều gọi là mới học.

Hỏi: Nếu người như vậy là mới học, thì chỉ nên dạy họ tu bố thí, trì giới... có gì Phật dạy họ khiến đối với pháp rốt ráo không, không có sở hữu tu hành?

Đáp: Nay nói rõ: Vì mới vào pháp rốt ráo không, không có sở hữu nên khiến tu hành theo pháp không có sở hữu, mà Bồ Tát ấy do rốt ráo không, không có sở hữu mà hòa hợp tu bố thí, trì giới; thí như trẻ con uống g thuốc, cần có đường mật mới uống được; thế nên tuy mới phát tâm cũng quán được nghĩa của "tính không" sâu xa, không có lỗi. Phật đáp với Tu Bồ Đề: Bồ Tát

nếu mới đầu theo Phật nghe, hoặc theo các vị Bồ Tát đã cúng dường nhiều đức Phật được nghe.

Các đức Phật là hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, còn các Bồ Tát đã cúng dường nhiều đức Phật là: Bồ Tát Biến cát, Quán thế âm, Đắc đại thế chí, Văn thù sư lợi, Di lặc... Bốn hạng thánh nhân Thanh văn nghĩa như trước đã nói. Các đức Phật, thánh nhân đều nhân nơi không có sở hữu nên có phân biệt. Thánh nhân tuy có các công đức thiên định... đều vì Niết bàn, Niết bàn tức là tướng tịch diệt, không có sở hữu; thế nên nói các thánh nhân đều nhân nơi Niết bàn mà có sai khác. Hết thấy pháp hữu vi tạo tác vì do nhân duyên hòa hợp sinh, không có thật tính nhất định, cho đến không có sở hữu như mây lông.

Hữu vi có hai: Một là sắc, hai là vô sắc. Sắc pháp phá hoại, phân tán cho đến vi trần không có thật tính nhất định. Vô sắc pháp cho đến không có thật tính nhất định trong một khoảnh khắc. Phá tướng sắc vô sắc như trước đã nói. Bồ Tát theo Phật nghe pháp ấy, những người khác phần nhiều đem tâm chấp trước thuyết pháp, các bậc thánh đem tâm không chấp trước thuyết pháp; thế nên nói chỉ theo thánh nhân nghe. Bây giờ Bồ Tát thứ lớp học nghe pháp ấy, lấy trí so sánh, trừ lượng, quyết định biết các pháp rốt ráo chắc chắn không, đều nhập vào thật tướng sở đắc của Phật. Nghĩa là vào tướng tịch diệt không hý luận. Tôi nếu được làm Phật hoặc không được làm, bình đẳng không sai khác, vì sao? Vì thật tướng các pháp không thêm không bớt, lại không có pháp mới có thể được; pháp cũng không mất. Nếu độ chúng sinh, chúng sinh rốt ráo không; gốc ngọn không thể có được; công đức tôi nghe, tôi làm đến khi thành Phật có lực thần thông đều như mộng như huyễn, không có thật tướng nhất định, rốt ráo không. Được và không được tuy đồng, có sao tôi không phát tâm làm Phật?

Hỏi: Nếu biết các pháp rốt ráo không, không có sở hữu, có sao lại nói: Vì sao tôi không phát tâm làm Phật?

Đáp: Rốt ráo không, không có sở hữu, không chướng ngại gì, đâu ngăn ngại phát tâm? Lại nữa, nếu nói phát tâm dứt các hí luận, thời làm sao chướng ngại phát tâm? Nếu chướng ngại tức là có tự tính, có sao nói không có tính sở hữu?

Hỏi: Nếu không chướng ngại phát tâm, cũng nên chẳng chướng ngại không phát tâm? Bồ Tát sao không an trú mà phát tâm chịu các việc siêng khổ?

Đáp: Có người nói: Bồ Tát ấy có các nhân duyên nên phát tâm, hoặc vì thấy nhiều thân thuộc tri thức, không nghe, không biết, không được thật tướng các pháp; thế nên đời nay đời sau chịu các khổ não. Ta may mắn có lực, có thể khiến các người ấy được lìa khổ; thí như người gặp được thuốc hay, bà con tri thức chịu bệnh khổ, làm sao không đem cho? Thế nên Bồ Tát tuy biết pháp tính không có sở hữu, nhưng vì bà con cho nên phát tâm, làm lợi ích chúng sinh. Bồ Tát lại nghĩ rằng: ta tuy nghe thật tướng các pháp mà tâm chưa thâm nhập, chưa có thiền định, trí tuệ chưa thuần thực, chịu các khổ não, thế nên phát tâm cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nhóm các công đức, vì không có pháp sở hữu thủ chứng, tự vì mình, cũng vì người khác. Bồ Tát ấy lại nghe nghĩa Đại thừa sâu xa, trú trong nghĩa chúng sinh bình đẳng, pháp bình đẳng, không có tâm sai khác có thể được làm Phật. Tuy đối với người bình thường và người oán hận đều không có tâm sai khác, vì sao? Vì Bồ Tát dùng tâm rốt ráo không làm cho phiền não yếu mỏng, người oán kẻ thân bình đẳng, nghĩ rằng: oán thân không có nhất định, vì nhân duyên nên thân hoặc thành oán, oán hoặc thành thân. Do nhân duyên lớn ấy đầy đủ Nhân ba la mật, nên được làm Phật. Do gì mà được? Do nhân nhĩ oán ghét, vì Bồ Tát ấy xem kẻ oán như người thân. Thí như muốn đi qua đường hiểm nên phải kính trọng người dẫn đường; lại như thầy thuốc hay tuy nghèo hèn mà vì quý hiếm nên trọng vọng. Như vậy, suy nghĩ, trừ lượng, phân biệt người bình thường, người oán hận tuy đối với ta vô dụng, nhưng vì nhân duyên Phật đạo, thế nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ấy là một cách thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo; vì thế nên lấy sở hành của Bồ Tát quá khứ làm chứng.

Hỏi: Thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo có gì sai khác?

Đáp: Có người hỏi: Không có sai khác, hoặc hành, hoặc học, hoặc đạo nghĩa một mà từ ngữ khác nhau. Có người nói: Mới đầu là hành, chính giữa là học, cuối cùng là đạo. Hành là bố thí, học là trì giới, đạo là trí tuệ. Lại, hành là trì giới, học là thiền định, đạo là trí tuệ.

Lại, hành là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng; học là chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; đạo là chánh kiến, chánh tư duy. Tám việc ấy tuy gọi là đạo, nhưng phân biệt có ba phần: Chánh kiến là thể đạo, phát khởi đạo ấy là chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng; giúp ích cho chánh kiến nên gọi là hành; chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định có thể thành tựu chánh kiến, làm cho kiên cố; ấy gọi là học. Lại có người nói: Thí Ba la mật, Tấn Ba la mật gọi là hành, vì mới vào đạo; Giới Ba la mật, Thiền Ba la mật gọi là học; tâm người thường theo năm dục khó cấm chế, không

giây phút nào dừng nghỉ, dần dần dùng Giới Ba la mật, Thiên Ba la mật chế phục tâm ấy nên gọi là học; Nhân Ba la mật, Bát nhã ba la mật gọi là đạo, vì sao? Vì nhân là lành, Bát nhã là trí tuệ; lành và trí tuệ đầy đủ gọi là đạo; thí như người có mắt có chân tùy ý đi lại. Như vậy có ba việc sai khác.

Hỏi: Sao gọi là thứ lớp?

Đáp: Vì ý Tu Bồ Đề: Nếu hết thấy pháp không có sở hữu thời Bồ Tát mới phát tâm đối với pháp không ấy làm sao có thể lần lượt thứ lớp học? Vì thế nên nói thứ lớp. Các pháp tuy Không, khó hiểu, song vì thứ lớp được sức hành nên có thể được thành tựu; thí như leo thang, từ bậc một lần lên chỗ cao tuy khó mà cũng có thể đến được. Thứ lớp hành là bốn cách hành sáu Ba la mật, như trong kinh này nói: tự mình hành bố thí, dạy người hành bố thí, tán thán công đức hành bố thí, hoan hỷ tán thán người hành bố thí. Khéo nhỏ gốc xan tham, ưa thích Thí Ba la mật, từ bi đối với chúng sinh, thông suốt thật tướng các pháp, do nhân duyên ấy nên có thể hành bốn cách bố thí. Hoặc có người tự mình hành bố thí, chẳng thể dạy người khác bố thí, hoặc sợ người khác giận; hoặc sợ vì mình dạy bố thí cho là có ân; vì các nhân duyên như vậy nên không thể dạy người bố thí. Hoặc có người dạy người bố thí mà tự mình không thể bố thí, hoặc có người tán thán công đức bố thí, khuyên người khác bố thí mà tự mình không thể bố thí; hoặc có người tự mình bố thí, cũng dạy người bố thí, tán thán công đức bố thí, nhưng thấy người khác bố thí thì không thể hoan hỷ, vì sao? Vì hoặc thấy người phá giới, người ác hành bố thí mà không ưa thấy; có người ưa thấy thí chủ mà không tán thán. Vì tà kiến ấy nên không biết được quả bố thí. Như vậy, mỗi mỗi không thể đầy đủ. Bồ Tát vì tâm đại bi, rất ưa pháp lành nên có thể hành bốn việc như vừa nói. Bồ Tát nếu chỉ tự mình bố thí, không dạy người bố thí thời người được thí chỉ có thể được chút lợi ích đời nay. Chúng sinh ấy tùy nghiệp nhân duyên đọa vào chỗ nghèo cùng, thế nên Bồ Tát dạy chúng sinh rằng: Ta không tiếc tài vật, tuy ta thí cho người nhiều, người cũng không được đem theo đến đời sau; người nay hãy tự thực hành đời sau mới tự mình được lợi ích. Đem công đức thật của bố thí mỗi mỗi dạy chúng sinh thực hành bố thí, thấy người hành bố thí tuy họ là kẻ phá giới, người ác, nhưng chỉ nghĩ đến công đức do tâm tốt bố thí của họ mà không nghĩ đến cái ác của họ, thế nên hoan hỷ tán thán.

*Lại nữa, thấy Tam bảo có ruộng phước vô tận, bố thí vào trong đó nên phước đức không cùng tận, cho đến khi thành Phật đạo, xem thấy công đức vô tận trong đời vị lai kia cho nên hoan hỷ. Thực hành bốn cách bố thí ấy thời đời đời được giàu có tài sản, Bồ Tát ấy tuy không vì giàu có tài vật mà

bồ thí, chưa đầy đủ Vô thượng chánh đẳng chánh giác và sáu Ba la mật, nhưng ở khoảng trung gian ấy giàu có tài sản tự đến; thí như người vì lúa nên gieo lúa, rơm rạ tự đến. Bồ Tát khi được quả báo có tài vật, lia tâm xan tham, theo ý chúng sinh mà bồ thí, cần ăn cho ăn...

Hỏi: Bồ Tát khi bồ thí, trước tiên thí cho người nào?

Đáp: Bồ Tát tuy vì chúng sinh khởi tâm đại bi, song Bồ Tát bồ thí trước tiên cúng dường Phật, Bồ Tát, A la hán và các thánh nhân; nếu không có thánh nhân thì thứ lớp bồ thí cho người trì giới, tinh tấn thiền định, trí tuệ, ly dục; nếu không có các người này thì thí cho các đệ tử xuất gia của Phật; nếu không có người này thì bồ thí cho người thọ trì ngũ giới, tu mười thiện đạo và thọ trì tam quy giới một ngày; nếu không có người này thì thí cho hạng người bình thường chẳng phải chánh, chẳng phải tà; nếu không có người này thì bồ thí cho người ác tạo tội ngũ nghịch và súc sinh; không thể không cho. Bồ Tát lấy việc bồ thí nhiếp thủ hết chúng sinh. Có người nói: Nên trước tiên bồ thí cho người tạo tội ngũ nghịch dứt thiện căn, người nghèo cùng, già bệnh, hạ tiện, hành khát, cho đến súc sinh; thí như người mẹ hiền có nhiều con, trước tiên nghĩ đến đứa ốm yếu, bệnh hoạn, cấp cho sự cần dùng; lại như Bồ Tát vì thấy cạp đói muốn ăn con mình nên đem thân bồ thí.

Hỏi: Vì sao nên trước hết bồ thí cho các hạng như vậy?

Đáp: Vì hết chúng sinh đều là ruộng phước của Bồ Tát. Vì sinh tâm đại bi, Bồ Tát thường muốn đem Vô thượng chánh đẳng chánh giác thí cho chúng sinh, hưởng gì cơm áo mà còn có phân biệt! Lại, Bồ Tát được vô sinh pháp nhẫn bình đẳng không sai khác, người chưa được vô sinh nhẫn hoặc tâm từ bi nhiều, hoặc tâm phân biệt nhiều, hai tâm ấy không thể đồng hành. Người có tâm từ bi nhiều trước tiên bồ thí cho người nghèo cùng, hung ác, nghĩ rằng: Gieo vào ruộng phước được quả báo tuy lớn, song vì lòng thương xót chúng sinh nên trước tiên làm lợi ích cho người nghèo cùng. Như vậy, thửa ruộng tuy không tốt, nhưng do lòng từ bi nên được quả báo lớn. Người có tâm phân biệt nhiều nghĩ rằng: Chư Phật có vô lượng công đức nên trước tiên cúng dường Phật, vì phân biệt các pháp, chấp trước thân Phật nên tâm nhỏ. Tâm tuy nhỏ mà ruộng phước lớn nên công đức cũng lớn. Nếu hiểu được thật tướng các pháp, vào trong Bát nhã ba la mật và sức phương tiện không được tự tại, cả hai việc cùng làm, thương xót chúng sinh và xem chúng sinh như Phật. Như vậy, Bồ Tát tùy theo nhân duyên mà hành bồ thí.

Hỏi: Có gì kinh không nói cho cơm cho áo mà nói cần ăn cho ăn?

Đáp: Có người cần ăn lại cho uống, cần uống lại cho áo, vì không vừa ý người lãnh thọ nên phước đức ít. Vì thế nói cần ăn cho ăn.

Hỏi: Có người hoặc hổ thẹn hoặc sợ, tuy có cần dùng mà không thể nói ra, làm sao biết họ cần gì?

Đáp: Bồ Tát xem tướng mạo họ, theo lúc cần dùng và theo chỗ nghi; hoặc có tâm biết tâm người khác cần gì, theo ý họ đem cho. Nhân bố thí ấy được thành tựu giới uẩn. Lại nghĩ rằng, ta thương xót chúng sinh, đem áo và thức ăn bố thí lợi ích rất ít, chẳng bằng trì giới, thường đem sự không nãi hại, không sợ hãi thí cho chúng sinh. Bồ Tát trú trong việc trì giới ấy, vì thủ hộ giới nên sinh định uẩn, vì tâm thanh tịnh không tán loạn nên sinh tuệ uẩn; không hí luận, bỏ tâm chấp trước tướng tuệ ấy, do tuệ ấy phá sự trói buộc của các phiền não, được giải thoát uẩn; thấy biết rõ ràng, đã chứng giải thoát nên gọi là giải thoát tri kiến uẩn. Người ấy do nhân duyên trước tiên hành bố thí và thành tựu năm uẩn nên vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật mà vào địa vị Bồ Tát.

Hỏi: Bồ Tát nên hành sáu Ba la mật vào Bồ Tát vị, có sao trong đây nói năm uẩn?

Đáp: Pháp tuy một mà vì danh từ khác nhau nên nói năm uẩn, không lỗi. Người ấy từ một Ba la mật muốn phát khởi các Ba la mật khác, lấy bố thí làm chủ như đã nói. Giới uẩn là Thí Ba la mật, định uẩn, giải thoát uẩn là Bát nhã ba la mật. Khi hành các Ba la mật có thể nhận các việc khác, gọi là Nhận Ba la mật; có thể phát khởi các Ba la mật không ngừng nghỉ, ấy gọi là Tấn Ba la mật.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao không chỉ nói tên các Ba la mật mà nói năm uẩn?

Đáp: Người ấy muốn vào Bồ Tát vị không chỉ do trì giới, thiên định được hòa hợp chúng giới, thanh tịnh giới, vô tận giới. Nói tóm lại là thu nhiếp hết thấy giới gọi là giới uẩn; có thể phá phiền não, vượt quá Nhị thừa, vào Bồ Tát vị. Thí như một người, hai người không gọi là đội quân; hòa hợp nhiều người mới thành đội quân, có thể phá oán địch; các uẩn cũng như vậy. Bồ Tát tự được định uẩn... cũng khiến chúng sinh được; ấy gọi là Bồ Tát giáo hóa chúng sinh. Giáo hóa chúng sinh rồi, đem công đức của mình và của chúng sinh đều hồi hướng, làm nghiêm tịnh cõi Phật; đủ hai pháp ấy tức

được trí Nhất thiết chủng, Chuyển pháp luân, đem pháp ba thừa độ chúng sinh; ấy gọi là Bồ Tát thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo. Trước thô sau tế, trước dễ sau khó, dần dần tập học gọi là thứ lớp. Năm Ba la mật kia cũng nên theo nghĩa phân biệt. Các pháp tính tuy không có sở hữu mà tùy theo thể tục để thi hành, vì phá điên đảo vậy.

*Lại nữa, sáu niệm là niệm Phật... ấy là ban đầu thứ lớp hành, do dễ hành dễ được.

Hỏi: Trong sáu niệm cũng nói không do sắc niệm Phật, có sao nói rằng dễ?

Đáp: Có pháp cùng hành nên gọi là dễ; ví như uống thuốc đắng, nhờ có mật thời uống dễ. Nghĩa sáu niệm như trong phẩm đầu đã nói rộng. Sáu Ba la mật, sáu niệm... như nguyện dễ hành, không sinh tà kiến; Bồ Tát thứ lớp học. Còn ba môn giải thoát... phải suy nghĩ, trừ lượng; suy nghĩ, trừ lượng hoặc có khi sinh tà kiến nên không nói.

Trong đây Tu Bồ Đề nạn hỏi: Bạch Đức Thế Tôn, nếu thật không có sở hữu, làm sao có thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp đạo? Phật hỏi ngược lại Tu Bồ Đề: Ông dùng trí tuệ Thanh văn thấy sắc có thật pháp nhất định chăng? Đáp: Con không thấy sắc... chỉ từ nhân duyên hòa hợp giả có tên sắc, không có thật tướng nhất định, làm sao nói có? Phật nói với Tu Bồ Đề: Nếu ông không thấy thật có nhất định, có sao đem thứ lớp nạn hỏi về Không, mà pháp thứ lớp không là nơi Không? Bây giờ Tu Bồ Đề mới hiểu rõ ràng, nên nói: Con không nghi gì, chỉ vì người cầu ba thừa trong tương lai nghe Phật nói không, không có tính sở hữu; do tội nặng, trí độn nên chấp thủ tướng. Không bèn nghi ai nhơ, ai sạch. Kẻ ác phạm phụ có sao gọi là nhơ? Người xuất gia đắc đạo gọi là sạch? Người ấy không hiểu nghĩa sâu của Phật nói, vì việc gì mà nói? Chấp trước cái Không ấy nên nói cần gì, trì giới làm chi? Do nhân duyên ấy liền sinh tà kiến, phá chánh kiến; vì phá chánh kiến nên vì chút nhân duyên mà phá giới, phá oai nghi, không chút kiên sợ. Người xuất gia sống nhờ hàng bạch y bèn vọng ngữ cầu lợi dưỡng cơm áo, phá chánh mạng. Gieo các tội ấy nên đọa vào ba đường ác nặng hơn kẻ bạch y. Thấy có sự lỗi ấy nên hỏi Phật: Con đã đắc đạo, đối với các pháp không lãnh thọ gì, lại thường nghe Phật nói về pháp Không, làm sao con hí luận sinh nghi? Lại con thường tu vô tránh tam muội, vì thương xót chúng sinh cho nên hỏi Phật.

Giải thích: Phẩm Một Niệm Đủ Muôn Hạnh Thứ 76

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Nhất Niệm;

Kinh Đại Bát nhã hội 2 ghi: Phẩm Vô Tướng thứ 74)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn. nếu tính của hết thảy pháp không có sở hữu, vậy Bồ Tát thấy lợi ích gì mà vì chúng sinh cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Tu bồ đề: Vì hết thảy pháp tính không có sở hữu nên Bồ Tát vì chúng sinh mà cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì sao? Vì có thủ đắc có chấp trước thì khó có thể giải thoát. Những người thủ đắc tướng là không có đạo, không có quả, không có Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, người không có thủ đắc tướng có đạo, có quả, có Vô thượng chánh đẳng chánh giác chăng?

Phật dạy: Không có sở đắc tức là đạo, tức là quả, tức là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì pháp tính không hư hoại. Nếu pháp không có sở đắc mà muốn đắc đạo muốn đắc quả, muốn đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác là muốn phá hoại phá tính.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu pháp không có sở đắc tức là đạo, tức là quả, tức là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, có sao lại có Bồ Tát từ sơ địa cho đến địa thứ mười? Có sao có vô sinh pháp nhẫn; có sao có quả báo được thần thông? Có sao có quả báo được bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ; ở trong quả báo ấy có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật và cúng dường chư Phật y phục, uống ăn, hương hoa, anh lạc, phòng xá, đồ nằm, đèn đuốc, các thứ cần dùng nuôi sống cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, mà phước đức ấy không dứt; cho đến xá lợi sau khi vào Niết bàn và các đệ tử được cúng dường? Như vậy bèn diệt tận hết?

Phật bảo Tu bồ đề: Vì các pháp không có tướng sở đắc nên Bồ Tát được từ sơ địa cho đến địa thứ mười, có quả báo được năm thần thông, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật; cũng vì nhân duyên thiện căn nên có thể làm lợi ích chúng sinh cho đến xá lợi sau khi vào Niết bàn và các đệ tử Phật được cúng dường.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu các pháp không có tướng sở đắc, vậy các việc bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ và các thần thông có gì sai khác?

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát khi hành Bát nhã không thủ đắc tướng bố thí, người bố thí và người thọ thí đều không thể có được mà hành bố thí, không thể có được giới mà trì giới, không thể có được nhẫn mà hành nhẫn, không thể có được tinh tấn mà hành tinh tấn, không thể có được thiền mà hành thiền, không thể có được trí tuệ mà hành trí tuệ, không thể có được thần thông mà hành thần thông, không thể có được bốn niệm xứ, mà hành bốn niệm xứ, cho đến không thể có được tám phần thánh đạo mà hành tám phần thánh đạo, không thể có được Không, Vô tướng, Vô tác tam muội, không thể có được chúng sinh mà thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, không thể có được quốc độ Phật mà nghiêm tịnh quốc độ Phật, không thể có được các Phật pháp mà được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên hành Bát nhã không có sở đắc như vậy. Bồ Tát khi hành Bát nhã không có sở đắc như vậy, ma hoặc ma trời không thể phá hoại.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát khi hành Bát nhã trong một niệm đầy đủ hành sáu Ba la mật, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, ba môn giải thoát, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ Tát có bố thí gì đều không xa lìa Bát nhã; có tu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định đều không xa lìa Bát nhã; tu bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình đều không xa lìa Bát nhã.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát không xa lìa Bát nhã nên trong một niệm đầy đủ hành sáu Ba la mật cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình?

Phật dạy; Bồ Tát khi hành Bát nhã có bố thí gì không xa lìa Bát nhã, không có hai tướng; khi trì giới cũng không có hai tướng; tu nhẫn nhục, tinh tấn, vào thiền định cũng không có hai tướng cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình cũng không có hai tướng.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát khi bố thí không có hai tướng cho đến tu tám mươi vẻ đẹp tùy hình cũng không có hai tướng?

Phật dạy: Bồ Tát khi hành Bát nhã, muốn đầy đủ Thí Ba la mật, trong Thí Ba la mật thu nhiếp các Ba la mật khác và bốn niệm xứ, cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình.

Bạch đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát khi bố thí thu nhiếp các pháp vô lậu?

Phật dạy: Nếu Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật trú ở tâm vô lậu mà bố thí, ở trong tâm vô lậu không thấy tướng ai thí, ai nhận thí, thí vật gì? Vì tâm vô tướng, vô lậu dứt ái, dứt xan tham ấy là bố thí. Khi ấy không thấy bố thí cho đến không thấy Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát ấy do tâm vô tướng, tâm vô lậu mà trì giới, không thấy giới ấy cho đến không thấy hết thảy Phật pháp; do tâm vô tướng, tâm vô lậu mà tinh tấn, không thấy tinh tấn ấy cho đến không thấy hết thảy Phật pháp. Do tâm vô tướng, tâm vô lậu mà vào thiền định, không thấy thiền định ấy cho đến không thấy hết thảy Phật pháp. Do tâm vô tướng, tâm vô lậu mà tu tập trí tuệ, không thấy trí tuệ ấy cho đến không thấy hết thảy Phật pháp. Do tâm vô tướng, tâm vô lậu mà tu bốn niệm xứ, không thấy bốn niệm xứ ấy cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu các pháp vô tướng, vô tác, làm sao đầy đủ Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật? Làm sao đầy đủ bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo? Làm sao đầy đủ Không, Vô tướng, Vô tác tam muội, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi? Làm sao đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật do tâm vô tướng, tâm vô lậu mà bố thí; cần ăn cho ăn cho đến các thứ cần dùng hoặc trong hoặc ngoài, hoặc cắt xẻ thân mình, hoặc quốc thành thê tử bố thí cho chúng sinh. Nếu có người đến nói với Bồ Tát rằng: Cần gì phải bố thí? Không có ích gì. Vị Bồ Tát thực hành Bát nhã nghĩ rằng: Người ấy đi đến trách mắng ta bố thí, ta trọn không hối hận, ta sẽ siêng hành bố thí, không nên không cho. bố thí rồi chia sẻ cho chúng sinh cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng không thấy tướng, cũng không thấy tướng ai thí, ai nhận, thí vật gì, ai hồi hướng, thế nào là hồi hướng, hồi hướng đến chỗ nào. Nghĩa là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tướng ấy đều không thể thấy, vì sao?

Vì hết thấy pháp do nội không nên không, ngoại không nên không, nội ngoại không nên không, không không, hữu vi không, vô vi không, vô thủ không, tán không, chúng không, hết thấy pháp không, tự tướng không nên không. Quán như vậy và nghĩ rằng: Ai hồi hướng, hồi hướng về chỗ nào, dùng pháp gì hồi hướng? Ấy gọi là chính hồi hướng. Bấy giờ Bồ Tát có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật, đầy đủ Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, cho đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Không, Vô tướng, Vô tác tam muội cho đến mười tám pháp không chung. Bồ Tát đầy đủ Thí Ba la mật như vậy mà không lãnh thọ quả báo thế gian; thí như trời Tha hóa tự tại, tùy ý cần dùng mà mọi sự liền được. Bồ Tát cũng như vậy, theo tâm nguyện tùy ý liền được. Bồ Tát ấy đem quả báo bồ thí ấy cúng dường chư Phật và làm đầy đủ cho chúng sinh trời, người và A tu la. Bồ Tát ấy do Thí Ba la mật nhiếp thủ chúng sinh, dùng sức phương tiện lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh. Như vậy, Bồ Tát đối với pháp vô tướng, vô đắc, vô tác đầy đủ Thí Ba la mật.

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát làm sao đối với pháp vô tướng, vô đắc, vô tác đầy đủ Giới Ba la mật? Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát khi hành Giới Ba la mật, trì các giới, đó là thánh giới vô lậu trong tám phần thánh đạo, giới tự nhiên, giới do quả báo được, giới do lãnh thọ được, giới do tâm sinh... Các giới như vậy không khuyết, không phá, không nhiễm trược, không trược, giới tự tại, giới được người trí khen ngợi. Dùng giới ấy không có gì để thủ, hoặc sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc ba mươi hai tướng, hoặc tám mươi vẻ đẹp tùy hình, hoặc dòng lớn Sát lợi, hoặc dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ, trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Quang Âm, trời Biến tịnh, trời Quảng quả, trời Vô tướng, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Diệu kiến, trời Hỷ kiến, trời A ca nị sắc, trời Không xứ, trời Thức xứ, trời Vô sở hữu xứ, trời Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, hoặc quả Tu đà hoàn, hoặc quả Tư đà hàm, hoặc quả A na hàm, hoặc quả A la hán hoặc đạo Bích chi Phật, hoặc Chuyển luân Thánh vương, hoặc Thiên vương mà cốt vì chung với chúng sinh hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Do vô tướng, vô đắc không có hai hồi hướng, chỉ vì theo pháp thế tục mà nói, chứ chẳng phải đệ nhất nghĩa. Bồ Tát ấy đầy đủ Giới Ba la mật do sức phương tiện phát khởi bốn thiên, không mê đắm bốn thiên nên được năm thân thông. Nhân bốn thiên được thiên nhãn, Bồ Tát có trong hai thứ thiên nhãn là tu đắc và báo đắc. Được thiên nhãn rồi thấy chư Phật hiện tại ở phương đông cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà đúng như việc được thấy không mất. Thấy chư Phật hiện tại ở phương nam, tây, bắc, bốn góc trên dưới cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác vẫn như điều đã thấy không mất. Bồ Tát

ấy dùng thiên nhĩ thanh tịnh hơn tai người, nghe chư Phật mười phương thuyết pháp như điều đã được nghe không mất, có thể tự mình lợi ích, cũng lợi ích người khác. Bồ Tát ấy do trí biết tâm người khác mà biết tâm mười phương chư Phật và biết tâm hết thảy chúng sinh, cũng có thể làm lợi ích hết thảy chúng sinh. Bồ Tát ấy dùng trí tục mạng biết các nghiệp duyên đời trước, các nghiệp duyên ấy không mất nên chúng sinh ấy sinh chỗ nào, nơi nào đều biết rõ. Bồ Tát ấy dùng trí lậu tận làm cho chúng sinh được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, bất cứ ở nơi nào đều có thể khiến chúng sinh vào trong thiện pháp. Như vậy, Bồ Tát đối với các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác đầy đủ Giới Ba la mật.

Bach đức Thế Tôn, làm sao các pháp vô tướng, vô tác, vô đắc mà Bồ Tát có thể đầy đủ Nhẫn Ba la mật?

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm trở lại đây cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy nếu có chúng sinh đi đến dùng ngói đá, dao gậy gia hại Bồ Tát, khi ấy Bồ Tát không khởi tâm giận cho đến không sinh một niệm. Bây giờ Bồ Tát tu hai thứ nhẫn: Một là nếu chúng sinh ác khẩu mắng nhiếc hoặc dùng dao gậy ngói đá gia hại, không khởi tâm giận; hai là hết thảy pháp không sinh, Bồ Tát nhẫn được pháp ấy, nếu có người đến ác khẩu mắng nhiếc, hoặc dùng ngói đá, dao gậy gia hại, Bồ Tát suy nghĩ như vậy: Mắng ta là ai? Chê trách ta là ai? Đánh đập ta là ai? Ai là người chịu? Khi ấy Bồ Tát nên suy nghĩ thực tính của các pháp là rốt ráo không, không có pháp, không có chúng sinh. Pháp còn không thể có được, hưởng gì chúng sinh! Khi quán các pháp tướng như vậy, không thấy người mắng, không thấy người cắt xẻ. Khi Bồ Tát quán các pháp tướng như vậy liền được vô sinh pháp nhẫn.

Thế nào gọi là vô sinh pháp nhẫn? Biết các pháp tướng thường không sinh, các phiền não từ xưa lại đây cũng thường không sinh. Bồ Tát trú nơi hai nhẫn ấy có thể đầy đủ bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, ba môn giải thoát, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi. Bồ Tát trú trong thánh pháp xuất thế gian vô lậu ấy không chung với Thanh văn, Bích chi Phật đầy đủ thần thông của bậc thánh. Có thần thông của bậc thánh rồi dùng thiên nhĩ thấy chư Phật ở phương đông, người ấy được niệm Phật tam muội cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác trọn không dứt mắt; thấy chư Phật ở phương nam, tây, bắc, bốn góc trên dưới cũng như vậy. Bồ Tát dùng thiên nhĩ nghe chư Phật mười phương thuyết pháp đúng như điều được nghe, vì chúng sinh mà nói lại. Bồ Tát ấy

cũng biết tâm chư Phật mười phương và biết tâm niệm của hết thảy chúng sinh, biết rồi theo tâm họ mà thuyết pháp. Bồ Tát ấy dùng trí tức mạng biết thiện căn đời trước của chúng sinh, vì chúng sinh mà thuyết pháp, khiến họ được hoan hỷ. Bồ Tát ấy do lậu tận thông giáo hóa chúng sinh khiến được ba thừa. Bồ Tát ấy hành Bát nhã ba la mật, do sức phương tiện thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, đầy đủ trí Nhất thiết chủng, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, Chuyển pháp luân. Như vậy, Bồ Tát đối với pháp vô tướng, vô tác, vô đắc, vô tác đầy đủ Nhẫn Ba la mật.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát đối với các pháp vô tướng, vô tác, vô đắc mà có thể đầy đủ Tấn Ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ Tát khi hành Bát nhã thành tựu thân tinh tấn, tâm tinh tấn, vào sơ thiền cho đến thiền thứ tư được các sức thần thông, có thể phân một thân làm nhiều thân, cho đến có thể lấy tay sờ mặt trăng, mặt trời. Thành tựu thân tinh tấn ấy nên bay đến phương đông quá vô lượng trăm ngàn vạn ức thế giới Phật, cúng dường chư Phật đồ uống ăn, y phục, thuốc men, đồ nằm, hương hoa, anh lạc các thứ cần dùng cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà quả báo phước đức trọn không tiêu hết. Bồ Tát ấy khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hết thảy thế gian trời người siêng năm thiết bầy cúng dường y phục, uống ăn cho đến khi lưu lại xá lợi, sau khi vào Niết bàn và đệ tử được cúng dường. Cũng do sức thần thông ấy nên đi đến chỗ Phật nghe, lãnh thọ giáo pháp cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác trọn không trái mất. Bồ Tát ấy khi tu trí Nhất thiết chủng nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Như vậy, Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật thành tựu thân tinh tấn, có thể làm đầy đủ Tấn Ba la mật.

Này Tu Bồ Đề, làm sao thành tựu tâm tinh tấn mà có thể đầy đủ Nhẫn Ba la mật? Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát tâm tinh tấn, do tâm ấy tinh tấn tu thánh pháp vô lậu, vào chánh tinh tấn trong tám phần thánh đạo, không để thân, khẩu nghiệp bất thiện được xen vào; cũng không chấp thủ các pháp tướng hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc hữu vi hoặc vô vi, hoặc cõi Dục, hoặc cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc sơ thiền cho đến đệ tứ thiền, hoặc từ bi hỷ xả, hoặc vô biên hư không xứ, cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, hoặc bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phân, tám phần thánh đạo, hoặc không, vô tướng, vô tác, hoặc mười lực của Phật cho đến mười tám pháp không chung, đều không chấp thủ tướng; hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc quả Tu đà

hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, đạo Bích chi Phật, đạo Bồ Tát, quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác; hoặc Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán; hoặc Bích chi Phật, Bồ Tát, Phật đều không chấp thủ tướng. Chúng sinh ấy dứt ba kiết sử phần dưới nên được Tu đà hoàn; chúng sinh ấy ba độc mỏng nên được Tư đà hàm; chúng sinh ấy dứt trọn năm phần kiết sử phần dưới nên được A na hàm; chúng sinh ấy dứt trọn năm kiết sử phần trên nên được A la hán; chúng sinh ấy do đạo Bích chi Phật nên làm Bích chi Phật; chúng sinh ấy hành đạo chủng trí nên gọi là Bồ Tát, cũng không chấp thủ các tướng ấy, vì sao? Vì không thể do tính chấp thủ tướng, vì tính ấy không có. Bồ Tát do tâm tinh tấn ấy nên làm lợi ích rộng lớn cho chúng sinh, cũng không thủ đắc tướng chúng sinh. Như vậy là Bồ Tát đầy đủ Tấn Ba la mật. Đầy đủ các Phật pháp, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, vì không thể có được.

Bồ Tát ấy thân tinh tấn, tâm tinh tấn thành tựu nên nhiếp thủ hết thảy thiện pháp; pháp ấy cũng không chấp trước nên từ một cõi Phật đi đến một cõi Phật, vì lợi ích chúng sinh, làm các thần thông tùy ý không ngại; hoặc mưa hoa, mưa danh hương; hoặc làm kỹ nhạc, hoặc làm chấn động đại địa, hoặc phóng hào quang, hoặc chỉ bày quốc độ bảy báu trang nghiêm; hoặc hiện các thân, hoặc phóng ánh sáng đại trí khiến biết thánh đạo, khiến xa lìa sát sinh cho đến tà kiến; hoặc lấy việc bố thí lợi ích chúng sinh, hoặc vì tri giới, hoặc cắt xẻ thân thể, hoặc đem vợ con, hoặc đem thân mình cấp thí, tùy theo phương tiện có được làm lợi ích chúng sinh. Như vậy, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, đối với các pháp vô tướng, vô tác, vô đắc, dùng thân tâm tinh tấn có thể đầy đủ Tấn Ba la mật.

Phật dạy: Bồ Tát trừ thiên định của chư Phật, tất cả thiên định tam muội khác đều có thể đầy đủ. Bồ Tát ấy lìa các dục, các pháp ác bất thiện; lìa dục sinh hỷ lạc, có giác có quán vào sơ thiên cho đến vào đệ tứ thiên, lấy tâm từ bi hỷ xả trải khắp một phương cho đến mười phương, hết thảy thế gian. Bồ Tát ấy vượt qua hết thảy sắc giới, diệt tướng hữu đối, không nghĩ đến tướng khác biệt nên vào vô biên không xứ định cho đến vào Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ. Bồ Tát ấy trú trong Thiên Ba la mật nghịch và thuận vào tám bội xả, định chín thứ lớp, Không, Vô tướng, Vô tác tam muội hoặc thời vào tam muội Như điện chớp, hoặc có khi vào tam muội Thánh chánh, hoặc có khi vào tam muội Như kim cương. Bồ Tát ấy trú trong thiên định tu ba mươi bảy pháp trợ đạo, dùng Đạo chủng trí vào hết thảy thiên định vượt qua Càn tuệ địa, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Bích chi Phật địa mà vào Bồ Tát vị. Vào Bồ Tát vị rồi đầy đủ Phật địa. Ở trong các địa ấy tu cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không ở

giữa đường thủ chúng đạo quả, Bồ Tát ấy trú trong Thiên Ba la mật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, ở chỗ chư Phật gieo trồng căn lành, nghiêm tịnh cõi Phật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật làm lợi ích chúng sinh: Lấy việc bố thí nhiếp thủ chúng sinh; lấy việc trì giới hoặc lấy tam muội, hoặc lấy trí tuệ, hoặc lấy giải thoát, hoặc lấy giải thoát tri kiến nhiếp thủ chúng sinh, dạy chúng sinh khiến được quả A la hán, đạo Bích chi Phật; những thiện pháp có thể làm cho chúng sinh đắc đạo đều giáo hóa khiến đắc. Bồ Tát ấy trú trong Thiên Ba la mật có thể phát sinh hết thầy môn Đà la ni, được bốn trí không ngại, thần thông do quả báo được. Bồ Tát ấy trọn không vào thai mẹ, không chịu năm dục, không sinh, chẳng sinh, tuy sinh mà không bị sự sinh làm ô nhiễm, vì sao? Vì Bồ Tát ấy thấy tất cả pháp tạo tác đều như huyền mà lợi ích chúng sinh, cũng không thủ đắc tướng chúng sinh và hết thầy pháp; mà dạy chúng sinh khiến được chỗ không có sở đắc. Đây là theo nghĩa thế tục mà nói chứ chẳng phải theo nghĩa đệ nhất. Bồ Tát trú trong Thiên Ba la mật, tất cả hành thiền, định, giải thoát, tam muội cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác trọn không lìa Thiên Ba la mật. Bồ Tát ấy khi hành Đạo chủng trí như vậy được trí Nhất thiết chủng, dứt hết phiền não và tập khí; dứt rồi tự lợi ích cho mình, cũng lợi ích người khác; ích mình ích người rồi, vì hết thầy thế gian người, trời, A tu la làm ruộng phước. Như vậy, Bồ Tát khi tu Bát nhã ba la mật đầy đủ Thiên Ba la mật vô tướng.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát khi tu Bát nhã ba la mật trú trong pháp vô tướng, vô pháp, vô đắc mà có thể tu đầy đủ Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát khi tu Bát nhã ba la mật, đối với các pháp không thấy tướng thật có nhất định. Bồ Tát ấy thấy sắc không nhất định, chẳng phải thật tướng, cho đến thấy thức không nhất định, chẳng phải thật tướng; chẳng thấy sắc sinh cho đến chẳng thấy thức sinh; nếu không thấy sắc sinh cho đến không thấy thức sinh thì hết thầy pháp hoặc hữu lậu hoặc vô lậu không thấy chỗ đến, không thấy chỗ đi, không thấy chỗ tích chứa. Khi quán như vậy không thủ đắc tính sắc cho đến tính thức, cũng không thủ đắc tính hữu lậu, vô lậu pháp. Bồ Tát khi hành Bát nhã, tin hiểu hết thầy pháp không có tướng sở hữu. Tin hiểu như vậy rồi hành nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, đối với pháp không đắm trước gì, hoặc sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát ấy hành Bát nhã không có sở hữu, có thể đầy đủ Bồ Tát đạo, tức là sáu Ba la mật cho đến ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình. Bồ Tát ấy trú trong Phật đạo sâu xa tức là sáu Ba la mật, ba mươi bảy pháp

trợ đạo, thần thông do quả báo được, đem các pháp ấy lợi ích chúng sinh; cần lấy bố thí nhiếp thủ dạy khiến bố thí, cần lấy trì giới nhiếp thủ dạy khiến trì giới; cần lấy thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến nhiếp thủ dạy tu thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến; cần lấy các đạo khác dạy thời dạy khiến được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật; cần lấy Phật đạo giáo hóa thời dạy khiến được Bồ Tát đạo đầy đủ Phật đạo. Như vậy, tùy theo đạo pháp và cấp bậc thích hợp mà giáo hóa khiến đều có chỗ được. Bồ Tát ấy khi hiện sức thần thông, vượt qua vô lượng hằng hà sa quốc độ độ thoát chúng sinh, theo chỗ nhu cầu của họ đều giáo hóa, cung cấp khiến được đầy đủ, từ một cõi nước đến một cõi nước thấy cõi nước Tịnh diệu, theo đó tự trang nghiêm cõi Phật của mình; thí như ở cõi trời Tha hóa tự tại, vật cần dùng nuôi sống đều tùy ý đi đến; cũng như các cõi Phật thanh tịnh lìa sự tham muốn, người ấy do quả báo được Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, do quả báo được năm thần thông hành đạo chủng trí của Bồ Tát, thành tựu hết thảy công đức, sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát ấy bấy giờ không lãnh thọ sắc pháp cho đến thức, không lãnh thọ hết thảy pháp hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi; hết thảy pháp như vậy đều không lãnh thọ. Bồ Tát ấy khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nhưng vật nuôi sống có được trong quốc độ đều không có chủ, vì sao? Vì Bồ Tát tu hạnh không lãnh thọ hết thảy pháp, vì không thể có được. Như vậy, Bồ Tát ở trong pháp vô tướng có thể đầy đủ Bát nhã ba la mật.

Luận: Hỏi: Người hỏi người đáp đều nói không có sở hữu, vậy làm sao phân biệt đó là hỏi, đó là đáp?

Đáp: Pháp nói ra tuy một mà tâm có sai khác. Người hỏi đem tâm chấp trước mà hỏi, người đáp lấy tâm không chấp trước mà đáp. Ý Tu Bồ Đề muốn nói: Trong không có sở hữu không thể phát tâm. Tu Bồ Đề vì người nghe có tâm chấp trước nên mới hỏi. Trong các pháp Không không thấy Bồ Tát phát tâm, không thấy chúng sinh có thể lợi ích, không thấy Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Thế nên, đối với pháp không có sở hữu sinh ra vấn nạn: Nếu hết thảy pháp không có tính sở hữu vậy thấy lợi gì nên phát tâm? Tu Bồ Đề đối với Bồ Tát, chúng sinh, Vô thượng chánh đẳng chánh giác không nghi, mà chỉ hỏi pháp không có sở hữu. Phật đáp rằng: Chính vì pháp Không không có sở hữu nên mới phát tâm. Nếu Không, không có sở hữu, thời Bồ Tát, chúng sinh, Vô thượng chánh đẳng chánh giác cũng đều không, không có sở hữu, thời làm sao còn khởi lên vấn nạn? Nếu chúng sinh, Bồ

Tát và Vô thượng chánh đẳng chánh giác là không, không có sở hữu mới có thể nạn như vậy. Như trước nói: Rất ráo không đối với các pháp không có chướng ngại gì, thời đâu có chướng ngại việc phát tâm? Phật lại do không, không có sở hữu phá câu hỏi của Tu Bồ Đề, cũng lại tự nói nhân duyên: Người có tâm chấp trước thời khó được giải thoát. Người ấy từ vô thủy sinh tử lại đây do phiền não nên nhiễm đắm các pháp, nghe có cũng nhiễm đắm, nghe không cũng nhiễm đắm; được hay mất cũng nhiễm đắm; chúng sinh như vậy khó được ra khỏi. Thế nên Bồ Tát phát tâm vô thượng đạo, tự lấy tướng trang nghiêm thân, được tâm thanh tịnh, được đại oai đức, biết cội gốc tâm ba đời của chúng sinh, dùng sức thần thông và nhân duyên, thí dụ vì họ nói pháp không có sở hữu, nói không giải thoát môn đề dẫn dắt tâm họ. Chúng sinh thấy việc hiếm có như vậy tức thời tâm kia nhu nhuyễn, tin Phật, thọ pháp. Thế nên kinh nói: Người nhiễm trước có thời khó được giải thoát, người có sở đắc thời không có đạo, không có quả, không có Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu người có sở đắc thời không có đạo, không có quả, không có Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vậy người không có sở đắc có đạo, có quả chăng?

Phật đáp: Không có sở hữu tức là đạo, tức là quả, tức là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nếu người không phân biệt là có sở đắc, là không có sở đắc mà vào trong thật tướng rất ráo không là cũng không có sở đắc, tức là đạo, tức là quả, tức là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì không phá hoại thật tướng các pháp. Pháp tính tức là thật tướng các pháp.

Tu Bồ Đề hỏi: Pháp tính, chánh hạnh, tà hạnh thường không thể phá hoại, có gì Phật nói pháp tính không phá hoại là đạo, là quả?

Phật đáp: Pháp tính tuy không phá hoại, song vì chúng sinh tà hạnh nên gọi là phá hoại; như hư không bị mây mù, bụi bặm tuy không thể làm bản hư cũng gọi là hư không bất tịnh; như người thật muốn làm như bản hư không, thế là người ấy muốn làm như bản pháp tính, không thể có việc ấy. Phật nói ví dụ: Như n muốn phá hoại pháp tính, người ấy muốn đối với pháp không có sở hữu được đạo, được quả, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Nếu không có sở hữu tức là đạo, làm sao có các pháp của Bồ Tát trong mười địa như kinh nói rộng?

Hỏi: việc ấy Phật đã đáp trước rồi, nghĩa là nếu pháp không thời Bồ Tát ấy lợi gì nên phát tâm? Còn nay nói: Nếu pháp không thời làm sao có từ sơ địa đến đệ thập địa? Phật đều lấy Không để đáp, nay Tu Bồ Đề có gì còn hỏi?

Đáp: Tu Bồ Đề vì chúng sinh còn tâm chấp trước nên hỏi. Trong chúng ấy có hàng Bồ Tát mới phát tâm nghe các pháp thật tướng không liền sinh tâm chấp trước không. Phật phá tâm chấp trước ấy, họ lại đắm trước vào pháp bị phá; vì hạng người ấy nên Tu Bồ Đề lại hỏi. Phật đáp rằng: Do không có sở đắc nên có sơ địa cho đến có xá lợi đại chúng cúng dường sau khi vào Niết bàn. Trong pháp có chấp trước thời không thể nói có sơ địa và các công đức, lại cũng do không có sở đắc nên từ bồ thí cho đến các thần thông không có sai khác; không có sai khác nên không nên vấn nạn.

Tu Bồ Đề lại hỏi: Làm sao không có sở đắc mà bồ thí cho đến các thần thông không có sai khác?

Phật đáp: Bồ Tát từ khi mới phát tâm trở lại đây tương tự như tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác tịch diệt, tướng bồ thí rất ráo không, nghĩa là không thủ đắc tướng người thí, người nhận thí và tài vật mà hành bồ thí. Bồ thí như vậy không có phân biệt, cho đến không thủ đắc Bồ đề mà được Vô thượng chánh đẳng chánh giác cũng như vậy; ấy gọi là Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không có sở đắc. Hành Bát nhã ba la mật không có sở đắc ấy ma hoặc ma trời không thể phá hoại.

Trong một niệm hành sáu Ba la mật là:

Hỏi: Có gì Tu Bồ Đề hỏi công đức trong một niệm hành sáu Ba la mật?

Đáp: Tu Bồ Đề theo Phật nghe nói Bát nhã ba la mật không có tướng sở hữu, nơi các pháp không có tướng chướng ngại, nếu như vậy thời không có việc gì không thể, không có việc gì không làm, làm sao Bồ Tát trong một niệm có thể thu nhiếp sáu Ba la mật cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình? Khi mới phát tâm, vì tâm nhiễm trước, có và không nặng, nên dần dần thứ lớp hành, nay tâm chấp trước có và không đều xả bỏ có, không, nên không có gì không làm được; thế nên hỏi.

Phật đáp: Bồ Tát không lìa Bát nhã ba la mật, hành các công đức bố thí không có chướng ngại nên có thể trong một niệm tu hành đầy đủ; nếu xa lìa Bát nhã ba la mật thời phải dần dần thứ lớp hành.

Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào gọi là không xa lìa?

Phật đáp: Bồ Tát không do hai tướng tu hành bố thí.

Lại hỏi: Làm sao không do hai tướng?

Phật đáp: Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, muốn đầy đủ Thí Ba la mật, trong một niệm bố thí thu nhiếp hết thấy thiện pháp, như trước đã nói.

Thế nào là một niệm? Đó là Bồ Tát được vô sinh pháp nhẫn, dứt hết thấy phiền não, trừ mọi ức tướng phân biệt, an trú tâm vô lậu mà bố thí hết thấy. Tâm vô lậu là tướng vô tướng, Bồ Tát an trú tâm ấy nên không thấy ai thí, ai nhận và vật gì. Tâm lìa hết thấy tướng mà bố thí, không thấy có một pháp cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác còn không thấy, huống gì pháp khác; ấy gọi là không hai tướng. Cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình cũng như vậy.

Tu Bồ Đề lại lấy việc khác hỏi nghĩa này rằng: Bạch Đức Thế Tôn, các pháp vô tướng, vô tác, vô khởi, thời làm sao có thể đầy đủ Thí Ba la mật cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình?

Phật đáp: Bồ Tát đối với pháp vô tướng, vô tác vì không thủ tướng, tâm không chướng ngại mà bố thí; cần ăn cho ăn như trong kinh đã nói rõ.

Vô lậu, vô tướng, sáu Ba la mật có hai: Một là sở hành của Bồ Tát được vô sinh pháp nhẫn; hai là sở hành của Bồ Tát chưa được vô sinh pháp nhẫn. Sở hành của Bồ Tát được vô sinh pháp nhẫn như trong đây nói, vì sao? Vì trú trong tâm vô tướng, vô lậu mà hành bố thí.

Hỏi: Sinh thân Bồ Tát vì tham tiếc chưa trừ, bị cắt xẻ thì rất đau khổ, việc ấy là khó; còn Bồ Tát được vô sinh pháp nhẫn giống như người biến hóa làm, dù bị cắt xẻ cũng không đau khổ, vậy đâu có ân nghĩa gì!

Đáp: Bồ Tát được vô sinh pháp nhẫn hành sáu Ba la mật là khó, vì có sao? Vì được vô sinh pháp nhẫn thời tâm tịch tịch, lẽ đáng thọ cái vui Niết bàn, song bỏ cái vui Niết bàn tịch diệt ấy trở lại vào trong chúng sinh chịu các thân hình; hoặc làm người hèn, hoặc làm súc sinh, việc ấy mới là khó.

Sinh thân Bồ Tát vì tham ái chưa trừ, đấm trước thân Phật nên dùng thân bố thí, ấy là có hi vọng, chẳng phải thanh tịnh bố thí, cho nên không bằng.

*Lại nữa, thực hành sáu Ba la mật vô lậu vô tướng, thời có thể đầy đủ còn hữu lậu, hữu tướng, thời không thể đầy đủ; thế nên, người có thể đầy đủ có ân đức lớn.

(Hết cuốn 87 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 88

Giải Thích: Phẩm Sáu Dụ Thứ 77

(Kinh Đại Bát Nhã hội 2 ghi: Phẩm Vô Tạp thứ 75)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, làm sao trong các pháp tự tướng không, vô tướng, không thể phân biệt mà có thể đầy đủ tu sáu Ba la mật? Làm sao trong pháp không sai khác mà phân biệt nói tướng sai khác? Làm sao Bát nhã lại thu nhiếp thí, giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định? Làm sao hành pháp tướng sai khác lại do đạo nhất tướng được thành quả?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát trú trong năm uẩn như mộng, như vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa mà hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí tuệ. Biết năm uẩn ấy thật như mộng, như vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa; năm uẩn vô tướng, như mộng cho đến vô tướng, như hóa, vì sao? Vì mộng không có tự tính; tiếng vang, ảnh, sóng nắng, huyễn, hóa đều không có tự tính. Nếu pháp không có tự tính là pháp vô tướng; nếu pháp vô tướng là pháp một tướng tức là vô tướng. Do nhân duyên ấy, nên biết, Bồ Tát bố thí vô tướng, người nhận thí vô tướng. Biết bố thí được như vậy là có thể đầy đủ Thí Ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật; có thể đầy đủ bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo; có thể đầy đủ nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; có thể đầy đủ Không, Vô tướng, Vô tác tam muội; có thể đầy đủ tám bội xả, định chín thứ lớp, năm thần thông, 500 môn Đà la ni; có thể đầy đủ mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung. Bồ Tát ấy, trú trong pháp vô lậu do quả báo mà được ấy, bay đến vô lượng quốc độ ở phương đông, cúng dường chư Phật y phục, đồ uống ăn và vật cần dùng;

cũng làm lợi ích chúng sinh. Đáng dùng bố thí để nhiếp thủ thời bố thí; đáng dùng trì giới để nhiếp thủ thời dạy khiến trì giới; đáng dùng nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ để nhiếp thủ thời dạy khiến nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ mà nhiếp thủ; cho đến đáng dùng các thiện pháp để nhiếp thủ, thời đem các thiện pháp mà nhiếp thủ. Bồ Tát ấy thành tựu tất cả thiện pháp, thọ thân ở thế gian mà không bị thế gian sinh tử làm ô trược. Vì chúng sinh nên ở cõi trời và cõi người thọ cái vui giàu có tôn quý, đem cái vui giàu có tôn quý ấy nhiếp thủ chúng sinh. Bồ Tát ấy biết hết thấy pháp vô tướng, nên biết quả Tu đà hoàn mà không trú trong đó; biết quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, mà cũng không trú trong đó, vì sao? Vì Bồ Tát ấy dùng trí Nhất thiết chủng biết hết thấy pháp rồi, hãy được trí Nhất thiết chủng, không chung cùng với Thanh văn, Bích chi Phật. Như vậy, Bồ Tát biết hết thấy pháp vô tướng rồi, biết sáu pháp Ba la mật vô tướng, cho đến biết hết thấy Phật pháp vô tướng.

*Lại nữa, Bồ Tát trú trong năm uẩn như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa có thể đầy đủ Giới Ba la mật vô tướng. Giới ấy không khuyết, không phá, không tạo, không trước. Giới vô lậu, được thánh nhân khen ngợi, vào trong tám phần thánh đạo. Trú trong giới ấy giữ được hết thấy giới, đó là giới danh tự, giới tự nhiên, giới luật nghi, giới tác, giới vô tác, giới oai nghi, giới chẳng oai nghi. Bồ Tát ấy thành tựu các giới, không nghĩ rằng, ta do giới ấy nên được sinh dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ hoặc nhà Tiểu vương, hoặc nhà Chuyển luân Thánh vương, hoặc cõi trời Tứ thiên vương, hoặc trời Ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại; không nguyện rằng: Ta nhân trì giới nên sẽ được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, vì sao? Vì hết thấy pháp vô tướng tức là một tướng; pháp vô tướng không thể được pháp vô tướng, pháp hữu tướng không thể được pháp hữu tướng, pháp vô tướng không thể được pháp vô tướng. Như vậy, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật có thể đầy đủ Giới Ba la mật vô tướng mà vào Bồ Tát vị; vào Bồ Tát vị rồi được vô sinh pháp nhẫn, hành đạo chủng trí, được năm thần thông do quả báo; trú trong 500 môn Đà la ni, được bốn trí không ngại, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật, tuy vào trong năm đường mà nghiệp báo sinh tử không thể làm ô nhiễm. Nay Tu Bồ Đề, thí như vị Chuyển luân Thánh vương biến hóa, tuy nằm ngòai đi đứng mà không thấy chỗ đến, không thấy chỗ đi, không thấy chỗ ở, chỗ ngồi, chỗ nằm mà vẫn có thể làm lợi ích chúng sinh, cũng không thủ đắc tướng chúng sinh; Bồ Tát cũng như vậy. Lại ví như Phật Tu phiến đa được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì hàng ba thừa Chuyển

pháp luân, không có ai được thọ ký Bồ Tát. Nên hóa làm Phật rồi, xả thọ mạng mà vào Vô dư Niết bàn. Bồ Tát cũng như vậy, khi hành Bát nhã ba la mật, có thể đầy đủ Giới Ba la mật; đầy đủ Giới Ba la mật rồi, thu nhiếp hết thảy thiện pháp.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát khi hành Bát nhã trú trong năm uẩn như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa mà đầy đủ Nhẫn Ba la mật vô tướng.

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát trú trong hai nhẫn có thể đầy đủ Nhẫn Ba la mật. Hai nhẫn là sinh nhẫn và pháp nhẫn. Từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy, nếu có chúng sinh đi đến mắng nhiếc, dùng lời thô ác, hoặc lấy ngói đá, dao gậy gia hại Bồ Tát. Bồ Tát vì muốn đầy đủ Nhẫn Ba la mật nên cho đến không sinh một niệm ác. Bồ Tát ấy suy nghĩ như vậy: Kẻ mắng ta là ai? Kẻ cắt xẻ ta là ai? Lấy lời ác gia hại ta, lấy ngói đá, dao gậy đánh đập ta là ai? Vì sao? Vì Bồ Tát ấy đối với hết thảy pháp được nhẫn vô tướng, nên cứ sao mà lại nghĩ rằng người ấy mắng ta, hại ta? Nếu Bồ Tát hành như vậy thời có thể đầy đủ Nhẫn Ba la mật, do Nhẫn Ba la mật đầy đủ nên được vô sinh pháp nhẫn.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là vô sinh pháp nhẫn? Nhẫn ấy dứt cái gì, biết cái gì?

Phật bảo Tu bồ đề: Được pháp nhẫn cho đến không sinh chút ít pháp bất thiện, ấy gọi là vô sinh nhẫn. Hết thảy Bồ Tát dứt hết phiền não gọi là dứt; dùng trí tuệ biết hết thảy pháp không sinh gọi là biết.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, vô sinh pháp nhẫn hàng Thanh văn, Bích chi Phật vô sinh pháp nhẫn với Bồ Tát có gì sai khác?

Phật bảo Tu bồ đề: Hàng Tu đà hoàn hoặc trí hoặc đoạn, ấy là Bồ Tát nhẫn; Tư đà hàm hoặc trí hoặc đoạn, ấy là Bồ Tát nhẫn; A na hàm hoặc trí hoặc đoạn, ấy là Bồ Tát nhẫn; A la hán hoặc trí hoặc đoạn, ấy là Bồ Tát nhẫn; Bích chi Phật hoặc trí hoặc đoạn, ấy là Bồ Tát nhẫn. Thế là có sai khác. Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát thành tựu nhẫn ấy vượt hơn Thanh văn, Bích chi Phật.

Trú trong vô sinh nhẫn do quả báo ấy hành đạo Bồ Tát có thể đầy đủ đạo chủng trí, đầy đủ đạo chủng trí nên thường không lìa 37 pháp trợ đạo và Không, Vô tướng, Vô tác tam muội và thường không lìa năm thần thông; vì không lìa năm thần thông nên có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh,

nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; nghiêm tịnh cõi Phật rồi sẽ được trí Nhất thiết chủng. Như vậy, Bồ Tát đầy đủ Nhẫn Ba la mật vô tướng.

*Lại nữa, trú trong năm uẩn vô tướng như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa, hành Thân tinh tấn, tâm tinh tấn; do thân tinh tấn nên khởi lên thần thông; khởi lên thần thông nên đi đến mười phương cõi nước cúng dường chư Phật, lợi ích chúng sinh; do sức thân tinh tấn mà giáo hóa chúng sinh khiến an trú trong ba thừa. Như vậy, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật có thể đầy đủ Tinh tấn Ba la mật vô tướng. Bồ Tát ấy do tâm tinh tấn, thánh vô lậu tinh tấn mà vào trong tám phần thánh đạo, có thể đầy đủ Tinh tấn Ba la mật; Tinh tấn Ba la mật ấy thu nhiếp hết bảy thiện pháp là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, tám giải thoát, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung. Bồ Tát hành pháp ấy nên đầy đủ trí Nhất thiết chủng; đầy đủ trí Nhất thiết chủng rồi dứt hết bảy phiền não và tập khí, đầy đủ 32 tướng, thân phóng hào quang vô lượng, vô đẳng; phóng hào quang rồi Chuyển pháp luân, ba lần chuyển, 12 hành tướng; Chuyển pháp luân nên ba ngàn đại thiên thế giới sáu cách chân động; hào quang chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới; chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nghe tiếng thuyết pháp, đều nhờ pháp ba thừa mà được độ thoát. Như vậy, Bồ Tát trú trong Tinh tấn Ba la mật làm lợi ích lớn và có thể đầy đủ trí Nhất thiết chủng.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát trú trong năm uẩn vô tướng như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa, có thể đầy đủ Thiền Ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong năm uẩn như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa có thể đầy đủ Thiền Ba la mật?

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát vào sơ thiền cho đến đệ tứ thiền, vào tâm vô lượng từ, bi, hỉ, xả; vào Vô biên hư không xứ cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ; vào Không, Vô tướng, Vô tác tam muội, vào tam muội Như điện chớp, vào tam muội Như kim cương, vào tam muội Thánh chính; trừ tam muội của chư Phật, các tam muội khác hoặc chung với Thanh văn, Bích chi Phật đều vào, đều chứng và cũng không thọ mùi vị tam muội, cũng không thọ quả báo tam muội, vì sao? Vì Bồ Tát ấy biết tam muội Vô tướng, không

có tính sở hữu, làm sao đối với pháp vô tướng lại lãnh thọ mùi vị pháp vô tướng; pháp không có sở hữu lại lãnh thọ mùi vị pháp không có sở hữu? Nếu không có lãnh thọ mùi vị, thì không thọ sinh theo sức thiên định, hoặc ở cõi Sắc, hoặc ở cõi Vô sắc, vì sao? Vì Bồ Tát không thấy ba cõi ấy, cũng không thấy các thiên ấy, cũng không thấy người vào thiên, cũng không thấy người dùng pháp vào thiên. Nếu không có được pháp ấy tức có thể đầy đủ Thiên Ba la mật vô tướng. Bồ Tát dùng Thiên Ba la mật ấy vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát đầy đủ Thiên Ba la mật vô tướng mà có thể vượt qua địa vị Thanh văn, Bích chi Phật?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ Tát khéo học nội không, khéo học ngoại không, cho đến khéo học vô pháp hữu pháp không, đối với các không ấy không có pháp có thể trú được; hoặc quả Tu đà hoàn, hoặc quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán cho đến trí Nhất thiết chủng; các không ấy cũng không. Bồ Tát hành các không như vậy có thể vào Bồ Tát vị.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Thế nào là Bồ Tát vị, thế nào là chẳng phải vị?

Này Tu Bồ Đề, hết thấy có sở đắc là chẳng phải Bồ Tát vị; hết thấy không có sở đắc là Bồ Tát vị.

Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là có sở đắc, thế nào là không có sở đắc?

Này Tu Bồ Đề, sắc là có sở đắc; thọ, tưởng, hành, thức là có sở đắc; mắt, tai, mũi lưỡi, thân ý cho đến trí Nhất thiết chủng có sở đắc, là chẳng phải Bồ Tát vị. Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát vị là các pháp không thể chỉ bày, không thể nói. Pháp gì không thể chỉ bày, không thể nói. Sắc cho đến trí Nhất thiết chủng, vì sao? Vì tính sắc không thể chỉ bày, không thể nói cho đến trí Nhất thiết chủng không thể chỉ bày, không thể nói. Như vậy gọi là Bồ Tát vị. Vào Bồ Tát vị ấy, hết thấy thiên định, tam muội được đầy đủ còn không theo sức thiên định, tam muội thọ sinh, hưởng gì ở trong dâm, nộ, si khởi lên tội nghiệp mà thọ sinh! Bồ Tát chỉ trú trong pháp như huyễn làm lợi ích chúng sinh, cũng không thủ đắc chúng sinh và pháp như huyễn. Nếu không có sở đắc, khi ấy có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật. Như vậy gọi là Bồ Tát đầy đủ Thiên Ba la mật vô tướng, cho đến Chuyển pháp luân. Nghĩa là pháp luân không thể có được.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật biết hết thấy pháp như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như ảnh, như huyễn, như hóa.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát làm sao biết hết thấy pháp như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như ảnh, như huyễn, như hóa?

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, không thấy mộng, không thấy kẻ nằm mộng; không thấy tiếng vang, không thấy kẻ nghe tiếng vang; không thấy ảnh, không thấy kẻ thấy ảnh; không thấy sóng nắng, không thấy kẻ thấy sóng nắng; không thấy huyễn, không thấy kẻ thấy huyễn; không thấy hóa, không thấy kẻ thấy hóa, vì sao? Vì mộng, tiếng vang, ảnh, sóng nắng, huyễn, hóa ấy đều là pháp điên đảo của người phàm phu ngu si. A la hán không thấy mộng, không thấy kẻ thấy mộng, cho đến không thấy hóa, không thấy kẻ thấy hóa; Bích chi Phật, đại Bồ Tát, chư Phật cũng không thấy mộng, không thấy kẻ thấy mộng, cho đến không thấy hóa, không thấy kẻ thấy hóa, vì sao? Vì hết thấy pháp không có tính sở hữu, không sinh, không nhất định.

Nếu pháp không có tính sở hữu, không sinh, không nhất định, thời Bồ Tát làm sao tu Bát nhã ba la mật? Trong đây thủ sinh tướng tướng nhất định, lẽ ấy không đúng, vì sao? Vì nếu các pháp ít nhiều có tính, có sinh, có định tướng, thời không gọi là tu Bát nhã ba la mật. Như vậy, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không tham trước sắc cho đến không tham trước thức, không tham trước cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, không tham trước các thiên, giải thoát, tam muội, không tham trước bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, không tham trước Không, Vô tướng, Vô tá tam muội, không tham trước Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; vì không tham trước nên có thể đầy đủ Bồ Tát sơ địa, đối với sơ địa cũng không sinh tâm tham trước, vì sao? Vì Bồ Tát ấy không thủ đắc địa ấy, làm sao sinh tâm tham trước? cho đến mười địa cũng như vậy. Bồ Tát ấy hành Bát nhã ba la mật cũng không thủ đắc Bát nhã ba la mật; nếu khi hành Bát nhã ba la mật không thủ đắc Bát nhã ba la mật, khi ấy thấy hết thấy pháp đều vào trong Bát nhã ba la mật, cũng không thủ đắc pháp ấy, vì sao? Vì các pháp với Bát nhã ba la mật không hai không khác, vì sao? Vì các pháp vào Như, pháp tính, thật tế nên không phân biệt.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu các pháp vô tướng không có phân biệt, làm sao nói đó là thiện, đó là bất thiện, đó là hữu lậu, đó là vô lậu, đó là thế gian, đó là xuất thế gian, đó là hữu vi, đó là vô vi?

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Trong thật tướng các pháp có pháp có thể nói đó là thiện, là bất thiện cho đến là hữu vi, là vô vi, là quả Tu đà hoàn cho đến là A la hán, Bích chi Phật, là Vô thượng chánh đẳng chánh giác chăng?

Bạch Đức Thế Tôn, không thể nói.

Này Tu Bồ Đề, vì nhân duyên ấy nên biết hết thấy pháp vô tướng, không có phân biệt, không sinh, không nhất định, không thể chỉ bày. Ta khi xưa hành Bồ Tát đạo, cũng không có pháp, có tính có thể thủ đắc, hoặc sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức, cho đến hoặc hữu vi, hoặc vô vi, hoặc quả Tu đà hoàn cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Như vậy, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, từ khi mới phát tâm cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nên khéo học các pháp tính; khéo học các pháp tính nên gọi là đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Hành đạo ấy có thể đầy đủ sáu Ba la mật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật; trú trong pháp ấy được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đem pháp ba thừa độ thoát chúng sinh, cũng không tham trước ba thừa. Như vậy, Bồ Tát do pháp vô tướng nên học Bát nhã ba la mật.

Luận: Hỏi: Tu Bồ Đề hỏi Phật: Nếu các pháp vô tướng không có phân biệt, thời làm sao nói sáu Ba la mật sai khác? Phật lại đáp: : Bồ Tát trú trong năm uẩn như mộng có thể đầy đủ sáu Ba la mật. Tu Bồ Đề lại lấy nghĩa Không ra hỏi, Phật lại lấy nghĩa Không để đáp. Hỏi đáp như vậy làm sao có sai khác?

Đáp: Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp không, sao nay thấy Bồ Tát hành sáu Ba la mật được thành Phật? Phật đáp: Kẻ phàm phu xa lìa trí tuệ chơn thật, chấp thủ tướng nên thấy Bồ Tát hành sáu Ba la mật được làm Phật, tham trước pháp Không ấy nên vấn nạn. Bồ Tát tuy ở trong năm uẩn như huyễn, như mộng, cũng do tâm Không mà hành bố thí; nên tuy hành các pháp, đầy đủ Ba la mật mà không chướng ngại nơi Không; thí như mây mù ở xa thời thấy, ở gần thời không trông thấy. Phàm phu cũng như vậy, vì xa lìa thật tướng nên thấy chư Phật và Bồ Tát, vì gần thật tướng nên thấy đều không; thế nên không chướng ngại. Vì không chướng ngại nên có thể ở trong một niệm tu Thí Ba la mật mà có thể đầy đủ tu các thiện pháp. Người ấy thường tu Ba la mật vô lậu thanh tịnh nên khi chuyển đổi thân, trở lại được quả báo thân Ba la mật vô lậu. Được quả báo là không còn tu hành, tự nhiên có được;

thí như do quả báo được nhãn căn, tự nhiên có thể thấy sắc. Được quả báo đắc Ba la mật vô lậu ấy rồi có thể biến một thân thành vô lượng vô số thân, ở chỗ mười phương chư Phật, nghe Phật thuyết pháp sâu xa đầy đủ, độ thoát hết thầy chúng sinh, dần dần nghiêm tịnh cõi Phật, tùy theo nguyện làm Phật sự.

Hỏi: Nếu các pháp không, vô tướng thời làm sao phân biệt, làm sao biết được hành Thí Ba la mật có thể đầy đủ các Ba la mật khác?

Đáp: Hành giả tuy không tự phân biệt biết, mà chư Phật, Bồ Tát nói người đó hành thí, hành giới, có thể đầy đủ các hạnh. Như người Thanh văn vào kiến đế vô lậu, vô tướng, vô phân biệt, các thánh nhân khác cũng đếm biết pháp họ được đắc. Biết thật tướng các pháp là vô tướng, ấy gọi là chánh kiến. Chánh kiến đặc lực gọi là chánh hạnh. Khi ấy không nào hại chúng sinh, không làm việc ác; ấy gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Khi ấy tuy không nói gì, cũng không làm gì mà vẫn gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp, vì sao? Vì rốt ráo không nào hại chúng sinh nên gọi đó là chánh ngữ, chánh nghiệp thân diệu. Từ trong đó phát tâm, tạo tác gọi là chánh tinh tấn; buộc niệm vào duyên gọi là chánh niệm; nhiếp tâm một chỗ gọi là chánh định. Thấy thật tướng của thân, thọ, tâm, pháp, ấy gọi là bốn niệm xứ, cho đến bảy giác ý cũng như vậy. Ở trong bốn niệm xứ cũng như ở trong tám phần thánh đạo, các thánh nhân đều đếm biết; Bồ Tát cũng như vậy, hành Thí Ba la mật vô tướng ấy có thể đầy đủ Giới Ba la mật v.v... Giống như Thí Ba la mật, Giới Ba la mật thu nhiếp các thiện pháp cũng như vậy.

Hỏi: Ở phẩm trên do một Ba la mật đầy đủ các Ba la mật và với ở đây, Ba la mật vô tướng nhiếp hết thầy pháp có gì sai khác?

Đáp: Trên kia ở trong một niệm có thể đầy đủ các Ba la mật, còn đây nói các pháp tuy không, vô tướng mà vẫn có thể đầy đủ các Ba la mật, đó là sai khác.

---o0o---

Giải Thích: Phẩm Bốn Nhiếp Thứ 78

(Kinh Đại Bát nhã hội 2 ghi: phẩm Chúng Đức Tướng thứ 76)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu các pháp như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như huyễn, như hóa, không có thật sự, không có tính sở hữu, tự tướng không, thời làm sao phân biệt ấy

là pháp lành, là pháp chẳng lành, là pháp thế gian, là pháp xuất thế gian, là pháp hữu lậu, là pháp vô lậu, là pháp hữu vi, là pháp vô vi, là pháp có thể được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, là pháp có thể được đạo Bích chi Phật, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Người phàm phu ngu si thấy có mộng, thấy người có mộng, cho đến thấy hóa, thấy có người thấy hóa mà khởi lên nghiệp thân, miệng, ý thiện, bất thiện, vô ký; khởi lên phước nghiệp, tội nghiệp, bất động nghiệp. Bồ Tát ấy hành Bát nhã ba la mật trú trong hai không là rốt ráo không và vô thí không.

Vì chúng sinh thuyết pháp rằng: Nay các chúng sinh, sắc ấy không, không có sở hữu; thọ, tưởng, hành, thức ấy không, không có sở hữu; mười hai nhập, mười tám giới là mộng. Sắc là tiếng vang, là ảnh, là sóng năng, là huyền, là hóa; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Mười hai nhập, mười tám giới là mộng, là tiếng vang, là ảnh, là sóng năng, là huyền, là hóa; trong ấy không có năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, không có mộng, cũng không có người thấy mộng, không tiếng vang, cũng không có người nghe tiếng vang; không có ảnh, cũng không có người thấy ảnh; không có sóng năng, cũng không có người thấy sóng năng; không có huyền, cũng không có người thấy huyền; không có hóa, cũng không có người thấy hóa. Hết thấy pháp không có cội gốc, thật tính không có sở hữu. Các người ở trong chỗ không có năm uẩn thấy năm uẩn, không có mười hai nhập thấy mười hai nhập, không có mười tám giới thấy mười tám giới; các pháp ấy đều do nhân duyên hòa hợp sinh, vì khởi tâm điên đảo, nó thuộc quả báo của nghiệp, các người có gì đối với các pháp không, không có cội gốc mà chấp thủ tướng cội gốc? Khi ấy Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật dùng sức phương tiện đối với sự xan tham, kếp chúng sinh ra khỏi bằng cách dạy họ hành bố thí, đem công đức bố thí ấy được quả báo lớn; từ phước báo lớn được ra khỏi rồi dạy họ khiến trì giới, do công đức trì giới được sinh cõi trời tôn quý; lại kéo ra khỏi khiến trú vào sơ thiên, do công đức sơ thiên được sinh cõi phạm thiên; nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, vô biên không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ cũng như vậy. Đối với chúng sinh hành bố thí và quả báo bố thí ấy, trì giới và quả báo trì giới, thiên định, và quả báo thiên định ấy dùng mỗi mỗi nhân duyên kéo ra khỏi mà an trí nơi Vô dư Niết bàn và ở trong đạo Niết bàn, đó là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, Không, Vô tướng, Vô tác, giải thoát môn, tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, mà an ổn chúng sinh, khiến ở vào thánh pháp vô lậu, vô sắc, vô hình, vô đối. Thấy người có

thể được quả Tu đà hoàn cho đến đạo Bích chi Phật thời khiến an trú quả Tu đà hoàn cho đến đạo Bích chi Phật; thấy người có thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác thời an ổn giáo hóa khiến trú trong Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, các Bồ Tát rất hiếm có, khó sánh kịp, các vị ấy có thể hành Bát nhã ba la mật sâu xa, đối với các pháp không có tính sở hữu, rốt ráo không, vô thủ không, mà phân biệt các pháp là thiện, là bất thiện, là hữu lậu, là vô lậu cho đến là hữu vi, là vô vi.

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy. Các Bồ Tát rất hiếm có, khó bì kịp, các vị ấy có thể hành Bát nhã ba la mật sâu xa, đối với các pháp không có tính sở hữu, rốt ráo không, vô thủ không mà phân biệt các pháp. Nay Tu Bồ Đề, các ông nếu biết pháp hiếm có, khó bì của Bồ Tát ấy, thời biết hết thấy Thanh văn, Bích chi Phật không thể có được, huống gì người khác!

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, những gì là pháp hiếm có, khó bì kịp của Bồ Tát? Các Thanh văn, Bích chi Phật không có được?

Phật bảo Tu bồ đề: Phải nhất tâm lắng nghe. Có Bồ Tát hành Ba la mật, trú trong sáu Ba la mật do quả báo được và trú trong năm thân thông do quả báo được, 37 pháp trợ đạo; trú trong các Đà la ni, các trí không ngại, đi đến mười phương thế giới; đối với người có thể do bố thí nhiếp độ, thời dùng bố thí nhiếp độ; đối với người có thể do trì giới nhiếp độ, thời lấy trì giới nhiếp độ; đối với người do nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, thời tùy sự thích ứng mà nhiếp độ; đối với người có thể do sơ thiền nhiếp độ, thời lấy sơ thiền nhiếp độ; đối với người có thể do nhị thiền, tam thiền, cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ nhiếp độ, thời tùy theo chỗ thích ứng mà nhiếp độ; đối với người có thể do tâm từ, bi, hỷ, xả nhiếp độ, thời lấy tâm từ, bi, hỷ, xả nhiếp độ; đối với người có thể do bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, do Không, Vô tướng, Vô tác tam muội nhiếp độ, thời tùy chỗ thích ứng mà nhiếp độ.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát lấy bố thí lợi ích chúng sinh?

Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, bố thí tùy theo chỗ cần dùng hoặc ăn uống, y phục, xu ngựa, hương hoa, anh lạc đều cấp thí cho, như cúng dường Phật, Bích chi Phật, A la hán, A na hàm, Tư đà hàm, Tu đà hoàn ngang nhau không khác. hoặc thí cho người tu tám phần thánh đạo và người phàm, cho đến cầm thú đều không có phân biệt, bình đẳng bố thí, vì sao? Vì hết thấy pháp không khác, không phân biệt. Bồ Tát ấy bố thí không

khác, không phân biệt rồi sẽ được quả báo không có phân biệt, đó là trí Nhất thiết chủng. Nay Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát thấy người hành khát hoặc sinh tâm như vậy: Phật là ruộng phước, ta nên cúng dường; cảm thú chẳng phải phước điền, không nên cúng dường. Như vậy chẳng phải pháp Bồ Tát, vì sao? Vì Bồ Tát phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác không nghĩ rằng đối với chúng sinh này nên bố thí làm lợi ích, đối với chúng sinh kia không nên bố thí, vì bố thí cho chúng sinh ấy nên được sinh dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ, cho đến do nhân duyên bố thí ấy lấy pháp ba thừa độ cho khiến vào Vô dư Niết bàn. Nếu chúng sinh đi theo Bồ Tát xin, cũng không sinh tâm phân biệt sai khác: nên cho hay không nên cho. Vì sao? Vì Bồ Tát ấy vì chúng sinh nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nếu phân biệt lựa chọn bèn rơi vào chỗ bị quở trách của chư Phật, Bồ Tát, Bích chi Phật, học nhân, vô học nhân và trời, người rằng: Ai cầu ông phát tâm cứu chúng sinh, làm nhà cho chúng sinh, là chỗ thũ hộ cho chúng sinh, làm chỗ nương cho chúng sinh, mà ông phân biệt, lựa chọn nên cho hay không nên cho? Lại, nếu Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, hoặc người, chẳng phải người đi đến muốn xin Bồ Tát thân thể, tay chân, khi ấy không nên sinh hai tâm là hoặc cho hoặc không cho, vì sao? Vì Bồ Tát vì chúng sinh nên thọ thân, nay chúng sinh đi đến xin lấy, sao có thể không cho? Ta vì lợi ích chúng sinh nên thọ thân này, chúng sinh không xin, tự mình nên đem cho, huống gì chúng sinh đến xin mà không cho! Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật nên học như vậy.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát thấy người đến xin nên nghĩ rằng: Trong đây ai cho, ai nhận, cho vật gì? Vì hết thủy pháp tự tính đều không thể có được, đều rất ráo không. Pháp không tướng không có cho, không có cướp đoạt, vì sao? Vì rất ráo không, nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không, đệ nhất nghĩa không, tự tướng không. Trú trong rất ráo ấy không bố thí, khi ấy đầy đủ Thí Ba la mật. Đầy đủ Thí Ba la mật; nếu khi bị dứt pháp bên trong thân, pháp bên ngoài thân, liền nghĩ rằng: Cắt ta là ai? Xẻ ta là ai?

*Lại nữa, Ta dùng mắt Phật thấy các Bồ Tát ở phương đông nhiều như cát sông Hằng, vào địa ngục lớn để làm tắt lửa, nước sôi nguội; dùng ba việc giáo hóa: một là thân tức thông, hai là tha tâm thông, ba là thuyết pháp. Bồ Tát do sức thân thông làm cho lửa địa ngục lớn tắt, nước sôi nguội; do tha tâm thông đem tâm từ, bi, hỷ, xả tùy ý thuyết pháp. Chúng sinh ấy đối với Bồ Tát sinh tâm thanh tịnh, nên từ địa ngục được thoát khỏi, dần dần lấy pháp ba thừa dứt hết khổ não. Phương nam, tây, bắc, bốn góc, trên, dưới cũng như vậy.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Ta dùng mắt Phật xem mười phương thế giới thấy các Bồ Tát trong quốc độ nhiều như cát sông Hằng, làm thị giả cho chư Phật, cúng dường chư Phật, tùy ý hoan hỷ, cúng kính; nếu chư Phật thuyết pháp đều có thể thọ trì cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác trọn không quên mất.

*Lại nữa, Ta dùng mắt Phật xem thấy Bồ Tát trong mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng, vì súc sinh nên xả bỏ đời sống kia, cắt xẻ thân thể, phân tán đi các phương. Có các chúng sinh ăn thịt các Bồ Tát ấy, đều ưa kính Bồ Tát. Vì tâm ưa kính ấy nên liền được lìa khỏi đường súc sinh, gặp chư Phật, nghe Phật thuyết pháp như thuyết tu hành, dần dần nhờ pháp ba thừa mà vào Vô dư Niết bàn. Như vậy, các Bồ Tát làm lợi ích rất nhiều, giáo hóa chúng sinh khiến phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, như thuyết tu hành, cho đến khi vào Vô dư Niết bàn.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Ta dùng mắt Phật xem thấy Bồ Tát trong mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng, trừ cái khổ đói khát của ngựa quý, các ngựa quý ấy đều ái kính Bồ Tát. Do tâm ái kính nên được lìa khỏi đường ngựa quý, gặp chư Phật, nghe Phật thuyết pháp như thuyết tu hành, dần dần do pháp ba thừa mà vào Vô dư Niết bàn. Như vậy, Bồ Tát vì độ chúng sinh hành tâm đại bi.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Ta dùng mắt Phật thấy Bồ Tát ở trên cõi trời Tứ thiên vương thuyết pháp; ở trên cõi trời Ba mươi ba, cõi trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại thuyết pháp. Các trời nghe Bồ Tát thuyết pháp, dần dần nhờ pháp ba thừa mà được diệt độ. Trong chúng chư thiên ấy, có người tham trước năm dục, thời Bồ Tát ấy thị hiện lửa cháy đốt cung điện họ mà vì họ thuyết pháp, nói rằng: Này chư thiên, hết thấy pháp hữu vi đều vô thường, đâu được an ổn!

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Ta dùng mắt Phật xem thấy Bồ Tát trong mười phương các cõi nước, thấy các Phạm thiên ở trong các cõi nước nhiều như cát sông Hằng tham trước tà kiến. Các Bồ Tát dạy khiến xa lìa tà kiến, nói rằng: Các ông làm sao ở trong các pháp tướng không, hư vọng mà sinh tâm tà kiến? Như vậy, Bồ Tát trú trong tâm đại từ vì chúng sinh thuyết pháp. Đó là pháp hiếm có khó bì kịp của các Bồ Tát.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Ta dùng mắt Phật xem thấy các Bồ Tát trong mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng, lấy bốn việc nhiếp thủ chúng sinh. Bốn việc là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

Bồ Tát lấy việc bố thí nhiếp thủ chúng sinh như thế nào? Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát do hai cách bố thí nhiếp thủ chúng sinh, là tài thí và pháp thí. Tài thí nhiếp thủ chúng sinh là thế nào? Đó là Bồ Tát lấy vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, chân châu, mã não, san hô, các vật báu; hoặc đồ ăn uống, y phục, đồ nằm, phòng xá, đèn đuốc, hoa hương, anh lạc, hoặc trai, hoặc gái, hoặc trâu dê, voi ngựa, xe cộ, hoặc thân mình cấp thí cho chúng sinh, nói với chúng sinh rằng: Các người nếu có cần gì hãy đến lấy như lấy vật của mình, đừng ngại, khó khăn. Bồ Tát thí rồi, dạy ba Quy y là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Hoặc dạy thọ năm giới; hoặc dạy thọ giới trong một ngày; hoặc dạy các thiền định, sơ thiền cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ định; hoặc dạy từ, bi, hỉ, xả; hoặc dạy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiên; hoặc dạy quán bất tịnh, quán hơi thở ra vào, hoặc tướng, hoặc xúc; hoặc dạy bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo; hoặc dạy Không, Vô tướng, Vô tác tam muội, tám bội xả, cho đến mười tám pháp không chung, hoặc dạy đại từ đại bi, 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình; hoặc dạy quả Tu đà hoàn cho đến đạo Bích chi Phật Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Như vậy, Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật, do sức phương tiện dạy chúng sinh tài thí rồi, lại dạy khiến được Niết bàn vô thượng an ổn. Này Tu Bồ Đề, ấy gọi là pháp hiếm có khó bì kịp của Bồ Tát.

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát dùng pháp thí nhiếp thủ chúng sinh là thế nào? Này Tu Bồ Đề, pháp thí có hai là thế gian và xuất thế gian. Pháp thí thế gian là thế nào? Đó là diễn giải, chỉ bày pháp thế gian, như quán bất tịnh, quán hơi thở ra vào, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc. Pháp thế gian như vậy là pháp tu chung với phàm phu; ấy gọi là pháp thí theo thế gian. Bồ Tát pháp thí theo thế gian như vậy rồi, dùng mỗi mỗi nhân duyên giáo hóa, khiến xa lìa pháp thế gian. Xa lìa pháp thế gian rồi, dùng sức phương tiện khiến được thánh pháp vô lậu và thánh quả vô lậu. Thế nào là thánh pháp và thánh quả vô lậu? Thánh pháp vô lậu là 37 pháp trợ đạo, ba môn giải thoát. Thánh quả vô lậu là quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật và Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, thánh pháp vô lậu của Bồ Tát là trí tuệ đối với quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán; trí tuệ đối với đạo Bích chi Phật; trí tuệ đối với ba mươi bảy pháp trợ đạo, sáu Ba la mật cho đến đại từ đại bi; trí tuệ hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi. Đối với các pháp như vậy là trí Nhất thiết chủng, ấy gọi là thánh pháp vô lậu của Bồ Tát.

Thế nào là thánh quả vô lậu? Đó là dứt hết thủy phiền não và tập khí, gọi là thánh quả vô lậu.

Tu Bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát được trí Nhất thiết chủng chủng?

Phật dạy: Như vậy, như vậy, Bồ Tát được trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề thưa: Bồ Tát với Phật có gì sai khác?

Phật dạy: Có khác. Bồ Tát được trí Nhất thiết chủng gọi là Phật, vì sao? Vì tâm Bồ Tát với tâm Phật không có sai khác. Bồ Tát trú trong trí Nhất thiết chủng đối với hết thủy pháp không có điều gì không hiểu rõ; ấy gọi là Bồ Tát pháp thí theo thế gian. Bồ Tát nhân pháp thí theo thế gian mà đầy đủ pháp thí theo xuất thế gian. Như vậy, Bồ Tát dạy chúng sinh, khiến được pháp thế gian, do sức phương tiện dạy khiến được pháp xuất thế gian.

Này Tu Bồ Đề, thế nào là pháp xuất thế gian? Đó là pháp không chung cùng với pháp phạm phu, như bốn niệm xứ, bốn chánh cần, cho đến tám phần thánh đạo; ba môn giải thoát, tám bội xả, cho đến mười tám pháp không chung, 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, 500 môn Đà la ni; ấy gọi là pháp xuất thế gian.

Này Tu Bồ Đề, thế nào là bốn niệm xứ? Là Bồ Tát quán nội thân trên thân, quán ngoại thân trên thân, quán nội ngoại thân trên thân, siêng tinh tấn nhất tâm trí tuệ quán thân, quán nhân duyên tập khởi của thân, quán thân biệt, quán sự tập khởi của thân diệt. Hành đạo ấy không nương tựa gì, đối với thế gian không có ái nhiễm; quán thọ, tâm, pháp, niệm xứ cũng như vậy.

Này Tu Bồ Đề, thế nào là bốn chánh cần? Là đối với pháp ác bất thiện chưa sinh, vì làm cho đừng sinh nên siêng sinh tâm tinh tấn. Đối với pháp ác bất thiện đã sinh, vì làm cho đoạn dứt nên siêng sinh tâm tinh tấn. Đối với thiện pháp chưa sinh, vì làm cho phát sinh nên siêng sinh tâm tinh tấn. Đối với thiện pháp đã sinh, vì làm cho tăng trưởng đầy đủ nên siêng tâm tinh tấn; ấy gọi là bốn chánh cần.

Này Tu Bồ Đề, thế nào là bốn như ý túc? Đó là tu dục tam muội, đoạn phiền não thành tựu, là như ý túc đầu; tu tinh tấn tam muội, tâm tam muội, tư duy tam muội, đoạn phiền não thành tựu, là như ý túc thứ hai, ba, tư.

Thế nào là năm căn? Đó là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn.

Thế nào là năm lực? Đó là tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực và huệ lực.

Thế nào là Bảy giác phần? Đó là niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, trừ giác phần (tức khinh an giác phần - ND), định giác phần và xả giác phần.

Thế nào là tám phần thánh đạo? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

Thế nào là ba môn tam muội? Đó là môn Không tam muội, môn Vô tướng, Vô tác tam muội.

Thế nào là Không tam muội? Lấy hạnh Không, vô ngã để nhiếp tâm, ấy gọi là Không tam muội.

Thế nào là Vô tướng tam muội? Lấy hạnh tịch diệt, hạnh viễn ly nhiếp tâm, ấy là Vô tướng tam muội.

Thế nào là Vô tác tam muội? Lấy hạnh vô thường, hạnh khổ nhiếp tâm, ấy là Vô tác tam muội.

Thế nào là tám bội xả? Bên trong có sắc tướng bên ngoài quán sắc, là bội xả đầu; bên trong không có sắc tướng bên ngoài quán sắc là bội xả hai; tịnh bội xả, là bội xả ba; vượt qua hết thấy sắc tướng, diệt tướng hữu đối, không nghĩ đến hết thấy tướng sai khác, quán hư không vô biên, vào vô biên không xứ cho đến vượt qua hết thấy Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ vào diệt thọ tướng bội xả; ấy gọi là tám bội xả.

Thế nào là Định chín thứ lớp? Đó là hành giả lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, cho đến vượt qua Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, vào định Diệt thọ tướng; ấy gọi là định chín thứ lớp.

Thế nào là mười lực của Phật? Đó là trí biết như thật: phải đạo lý, không phải đạo lý; trí biết các nghiệp, các pháp thọ báo; biết chỗ tạo nghiệp; biết nhân duyên; biết quả báo của chúng sinh quá khứ, vị lai, hiện tại; trí biết như thật các thiên định, giải thoát, tam muội định, phân biệt tướng như,

sạch; biết các căn cao thấp sai khác của chúng sinh; biết các tính dục, kiến giải sai khác của chúng sinh; biết các tính của thế gian; biết chỗ đi đến của hết thảy; biết đời trước từ một đời cho đến vô lượng kiếp; biết như thật thiên nhãn thấy chúng sinh, sinh đường lành, đường dữ; như thật biết lậu hoặc hết nên được tâm vô lậu giải thoát; ấy là mười lực của Phật.

Thế nào là bốn điều không sợ? Đó là Phật nói lời thành thật rằng: Ta là bậc Nhất thiết trí, hoặc có Sa môn, Bà la môn, trời, ma, Phạm và chúng sinh khác nói như thật rằng: Pháp ấy Ta không biết, thời cho đến Ta không thấy có chút mảy may sợ hãi. Vì thế Ta được an ổn, được điều không sợ, an trú chỗ thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử, chuyển bánh xe pháp phạm ma các Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, ma, Phạm, hoặc các chúng sinh khác thật không thể chuyển được; đó là điều không sợ thứ nhất.

Phật nói lời thành thật rằng: Ta sạch hết các lậu hoặc, nếu có Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, ma, Phạm và các chúng sinh khác nói như thật rằng: Hành đạo ấy không thể đưa ra khỏi thế gian, không thể hết khổ, thời cho đến Ta không thấy có chút mảy may sợ hãi. Vì thế Ta được an ổn, được điều không sợ, an trú chỗ thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử, chuyển bánh xe pháp, các Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, ma, phạm, hoặc các chúng sinh khác thật không thể chuyển được; đó là điều không sợ thứ tư.

Thế nào là bốn trí không ngại? Đó là: 1. Trí biết nghĩa, thông suốt không ngại; 2. Trí biết pháp, thông suốt không ngại; 3. Trí biết từ ngữ, thông suốt không ngại; 4. Trí biết vui nói, thông suốt không ngại.

Thế nào là trí biết nghĩa thông suốt không ngại? Đó là trí biết duyên theo nghĩa lý; ấy là Trí biết nghĩa thông suốt không ngại.

Thế nào là trí biết pháp, thông suốt không ngại? Là trí tuệ duyên theo giáo pháp, là Trí biết pháp thông suốt không ngại.

Thế nào là trí biết từ ngữ, thông suốt không ngại? Là trí duyên theo từ ngữ, là Trí biết từ ngữ thông suốt không ngại.

Thế nào là trí biết vui nói, thông suốt không ngại? Là trí tuệ duyên theo sự vui nói, ấy là Trí biết vui nói thông suốt không ngại.

Thế nào là mười tám pháp không chung? 1. Là thân Phật không có lỗi; 2. Là Miệng Phật không lỗi; 3. Tâm niệm Phật không lỗi; 4. Phật không có dị tướng; 5. Phật không có tâm bất định; 6. Phật không có tâm không biết mà

xả bỏ; 7. Sự ham muốn không giảm sút; 8. Tinh tấn không giảm sút; 9. Niệm không giảm sút; 10. Tuệ không giảm sút; 11. Giải thoát không giảm sút; 12. Giải thoát tri kiến không giảm sút; 13. Hết thấy thân nghiệp hành theo trí tuệ; 14. Hết thấy khẩu nghiệp hành theo trí tuệ; 15. Hết thấy ý nghiệp hành theo trí tuệ; 16. Trí tuệ biết đời quá khứ không ngại; 17. Trí tuệ biết đời vị lai không ngại và 18. Trí tuệ biết đời hiện tại không ngại.

Thế nào là 32 tướng? 1. Lòng bàn chân bằng phẳng; 2. Lòng bàn chân có tướng bánh xe đủ ngàn tăm; 3. Ngón tay thon dài; 4. Gót chân rộng và bằng; 5. Ngón tay, ngón chân có lưới lụa xòe như của chim Nhạn; 6. Tay chân mềm mại; 7. Mu bàn chân cao và đầy; 8. Bắp đùi như nai chúa Y nê diên; 8. Khi đứng thẳng, ngón tay sờ đến đầu gối; 10. Tướng âm tàng như trâu chúa; 11. Thân cao và rộng cân đối như cây Ni câu loại; 12. Lông trên thân mọc xoay hướng lên; 13. Mỗi lỗ chân lông có một sợi lông; 14. Thân sắc vàng như màu hoàng kim; 15. Có ánh sáng một trượng; 16. Da mỏng, mịn; 17. Bảy chỗ trên thân đều đặn; 18. Dưới hai nách đầy đặn; 19. Phần thân trên như Sư tử; 20. Thân to lớn và thẳng; 21. Vai tròn và đẹp; 22. Có 40 cái răng; 23. Răng đều đặn; 24. Răng trắng trong; 25. Hai má như Sư tử; 26. Được thượng vị trong các vị; 27. Lưỡi rộng, dài; 28. Có âm thanh như của Trời Phạm thiên; 29. Mắt xanh biếc; 30. Lông mi như trâu chúa; 31. Nhục kế ở trên đầu; 32. Tướng lông trắng giữa hai chân mày. (32 tướng này xem giải thích rõ ở trang 173, chương 7, cuốn 4, tập 1, luận Đại trí độ này). Thân Phật thành tựu 32 tướng, phóng hào quang chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nếu muốn chiếu rộng thời khắp mười phương vô lượng vô số thế giới, vì chúng sinh nên thọ nhận hào quang một trượng ấy. Nếu phóng vô lượng ánh sáng thời không có số ngày tháng, thời tiết, năm. Âm thanh của Phật biến khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nếu muốn âm thanh lớn thời biến khắp mười phương vô lượng vô số thế giới, tùy theo chúng sinh nhiều ít mà âm thanh đến khắp.

Luận: Hỏi: Từ trước lại đây, nơi nơi đều nói các pháp tính không, làm sao phân biệt thế nào là có thiện, bất thiện; từ sau đó trở đi, trong mỗi phẩm nói nghĩa không khác, có gì Tu Bồ Đề cứ mỗi mỗi hỏi lại?

Đáp: Việc ấy trên đã đáp rồi. Lại nữa, chúng sinh từ vô thủy sinh tử lại đây tâm nhiệm trước sâu nặng, khó hiểu nên Tu Bồ Đề cứ hỏi lại. Lại nữa, Bát nhã ba la mật muốn nói yêu nghĩa của tính không ấy nên thường hỏi. Lại nữa, khi Phật ở đời, chúng sinh lợi căn dễ ngộ; sau Phật diệt độ khoảng 500

năm, chúng sinh trong đời Tượng pháp ưa đắm Phật pháp, rơi vào chỗ đắm pháp, hoặc nói các pháp đều không, như mộng, như huyễn, có gì lại có thiện, bất thiện? Vì thế nên Tu Bồ Đề thương xót chúng sinh vị lai độn căn không hiểu, nên hỏi lại rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu các pháp đều không, có sao phân biệt có thiện, bất thiện? Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Vì tâm phàm phu điên đảo, đối với các pháp đều khởi lên dị kiến điên đảo, cho đến không thấy một pháp nào thật. Phàm phu đối với mộng thời đắm mộng, đối với người nằm mộng thời đắm việc người thấy mộng, cũng đắm việc trông thấy trong mộng. Hạng người ấy nếu không tin tội phước thời khởi lên ba nghiệp bất thiện, nếu tin tội phước thời khởi lên ba nghiệp thiện.

Nghiệp thiện, bất thiện, bất động. Nghiệp thiện là nghiệp ở trong cõi Dục, có quả báo vui thích; nghiệp bất thiện là nghiệp có quả báo ưu cầu, khổ não; nghiệp bất động là nghiệp có quả báo sinh vào cõi sắc, cõi Vô sắc. Bồ Tát biết ba thứ nghiệp ấy đều là hư dối, không thật; ở trong hai Không, vì chúng sinh thuyết pháp, lấy rốt ráo không, phá chấp pháp; lấy vô thủ không, phá chấp tướng chúng sinh. Ở vào trung đạo vì chúng sinh thuyết pháp, đó là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới đều là không, như mộng, như huyễn cho đến như hóa, ở trong ấy không có mộng cũng không có n thấy mộng. Bồ Tát nói với chúng sinh rằng: Các người đối với pháp không, vì tâm điên đảo nên sinh chấp trước. Bồ Tát do sức phương tiện nên từ trong điên đảo kếp chúng sinh ra khỏi; thí như xan tham là điên đảo, lấy bố thí phá xan tham mà chúng sinh lại đắm theo bố thí ấy nên lại nói quả báo bố thí vô thường, không thật, từ bố thí kếp chúng sinh ra khỏi khiến trì giới. Từ trong trì giới và quả báo trì giới kéo chúng sinh ra khỏi, nói với chúng sinh rằng: Phước cõi trời hưởng hết thời vô thường khổ não, kéo chúng sinh ra khỏi, nói với chúng sinh rằng: Phước cõi trời hưởng hết thời vô thường khổ não, kếp chúng sinh ra khỏi trì giới khiến lìa dục, tu thiền định; lại nói thiền định và quả báo thiền định hư dối không thật, hay làm cho chúng sinh đọa vào điên đảo. Dùng mỗi mỗi nhân duyên nói tội lỗi vô thường của việc bố thí, trì giới, thiền định để khiến chúng sinh an trú Niết bàn. Phương tiện được Niết bàn là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung. Nếu bố thí, trì giới, thiền định là pháp thật, thời không nên dạy khiến xa lìa; như lấy bố thí, trì giới... phá pháp phàm phu, ấy là nhân điên đảo phát sinh, tuy lợi ích chúng sinh thời gian ngắn, nhưng lâu dài thời biến khác, sinh ra khổ não, nên cũng dạy khiến lìa bỏ. Bồ tát dùng sức phương tiện, trước dạy chúng sinh bỏ tội, tán thán phước đức bố thí, trì giới, tiếp đến nói việc bố thí, trì giới; cũng chưa thoát khỏi khổ não vô thường, nên lại nói các pháp không, chỉ xưng tán thật pháp, đó là Vô dư Niết bàn. Khi ấy Tu Bồ Đề hoan hỉ cho là rất hy hữu. Bồ Tát có thể biết thật tướng các pháp như vậy. Nghĩa là biết rốt ráo không, mà

vì chúng sinh thuyết pháp, khiến đạt đến Vô dư Niết bàn. Phật dạy đó là một việc hy hữu. Hỏi là lại muốn biết pháp hy hữu của Bồ Tát. Hết thầy Thanh văn, Bích chi Phật không thể đáp pháp hy hữu của Bồ Tát ấy, huống gì là người khác!

Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào là lại có pháp hy hữu? Phật đáp như trong kinh đây nói.

Hỏi: Trong kinh này trước dạy khiến bố thí, trì giới, thiền định, nay lại nói lại, có gì sai khác?

Đáp: Trước nói về sinh thân Bồ Tát, nay nói về hóa thân; trước nói về một cõi nước, nay nói vô lượng thế giới, có các sai khác như vậy.

Hỏi: Nếu Bồ Tát biết Phật là phước điền, chúng sinh chẳng phải phước điền, ấy là chẳng phải pháp Bồ Tát, vậy Bồ Tát dùng sức gì có thể làm cho Phật với sức sinh bình đẳng?

Đáp: Bồ Tát dùng sức Bát nhã, đối với hết thầy pháp tu tâm rốt ráo không; thế nên đối với hết thầy pháp không có phân biệt. Như sức sinh do năm uẩn, 12 nhập, 18 giới hòa hợp sinh, gọi là sức sinh. Phật cũng như vậy, do các pháp lành hòa hợp, giả gọi là Phật. Nếu người thương xót chúng sinh được vô lượng phước đức thời đối với Phật sinh tâm chấp trước, khởi lên các ác sẽ mắc vô lượng tội. Thế nên biết vì hết thầy pháp rốt ráo không nên không khinh chúng sinh, không tâm ái trước, quý trọng Phật.

*Lại nữa, thật tướng các pháp là vô tướng, trong vô tướng ấy không phân biệt là Phật, là chúng sinh; nếu phân biệt tức là chấp thủ tướng, thế nên xem bình đẳng.

*Lại nữa, Bồ Tát có hai pháp môn: Một là pháp môn rốt ráo không, hai là pháp môn phân biệt tốt xấu. Vào pháp môn không thời được quán bình đẳng; vào pháp môn phân biệt thời các A la hán, Bích chi Phật còn không bằng Phật, huống gì sức sinh! Vì người kia khinh chúng sinh, không thương xót bố thí, nên dạy khiến không phân biệt.

Hỏi: Thân Bồ Tát chẳng phải cây, đá, có sao chúng sinh đến cắt xẻ mà không sinh tâm dị?

Đáp: Có người nói: Bồ Tát lâu ngày tu nhẫn Ba la mật nên có thể không sầu não; như tiên nhân nhẫn nhục, bị người cắt tay chân mà huyết đều biến

làm sữa. Có người nói: Bồ Tát từ vô lượng kiếp lại đây tu sâu tâm đại từ bi, nên tuy có bị cắt xẻ cũng không ưu sầu, thí như cây cỏ không có tâm giận. Có người nói: Bồ Tát tu sâu Bát nhã ba la mật, chuyển đổi thân được quả báo Bát nhã tâm không, nên không biết rõ ràng. Khi bị cắt thân thể tâm cũng bất động, như vật bên ngoài bất động, bên trong cũng như vậy, vì được quả báo Bát nhã nên đối với các pháp không phân biệt gì. Có người nói: thân Bồ Tát ấy không phải là trong vòng sinh tử, mà là pháp tính sinh thân ngoài ba cõi, trú trong quả báo thánh tâm vô lậu, nên thân như cây đá mà có thể thương kẻ đên cắt xẻ. Bồ Tát ấy sinh tâm được như vậy nên khi bị cắt xẻ, cướp giựt vật bên trong, bên ngoài, tâm vẫn không lay động; ấy là pháp hy hữu của Bồ Tát.

*Lại nữa, pháp hy hữu là như trong Kinh đây nói: Ta dùng mắt Phật xem thấy Bồ Tát trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng vào trong địa ngục làm lửa tắt, nước sôi nguội; lấy ba việc giáo hóa chúng sinh như trong Kinh này nói.

Hỏi: Nếu như vậy, không nên có ba đường ác?

Đáp: Chúng sinh trong ba đường ác vô biên vô lượng, Bồ Tát tuy vô lượng vô biên mà số chúng sinh nhiều gấp vô lượng. Bồ Tát tùy theo chúng sinh có nhân duyên có thể độ, nếu ở trong ba đường ác mà có các công đức thời Bồ Tát độ, còn kẻ tội trọng thời không thấy Bồ Tát. Trong tâm Bồ Tát chỉ một tướng, không có phân biệt, nên không mỗi mỗi tìm kiếm chúng sinh. Thí như việc đại xá, kẻ tội gần mãn hạn thời được ra khỏi, kẻ không gần mãn hạn thời không mong ra.

Hỏi: Nếu chúng sinh cắt xẻ Bồ Tát, hoặc ăn thịt Bồ Tát, thời phải có tội, làm sao được độ?

Đáp: Bồ Tát có bản nguyện: Nếu có chúng sinh ăn thịt Ta, ta sẽ làm cho được độ, như trong kinh đây nói: Chúng sinh ăn thịt Bồ Tát thời sinh lòng từ; thí như có sắc, thanh, hương, xúc, có người nghe thấy thời mừng, lại có người nghe thấy thời nổi giận, mùi vị cũng như vậy, có người nổi giận, có người sinh lòng từ. Như trong kinh Tỳ ma la cất nói: Ăn cơm cõi Hương Tích mà có người bảy ngày được đạo, có người không được. Chẳng phải vì ăn thịt nên được độ, mà vì khởi phát lòng từ nên được khỏi súc sinh, mà sinh vào thiện xứ, gặp Phật, được độ. Có Bồ Tát trải qua vô lượng vô số kiếp hành sâu lòng từ, lấy vật bên ngoài cấp thí cho chúng sinh, ý chưa thỏa mãn, lại tự đem thân bố thí mới làm đầy đủ. Như trong kinh Pháp Hoa, Bồ Tát

Được Vương lấy vật châu báu bên ngoài cúng dường Phật, ý chưa thỏa mãn, lại lấy thân làm đèn cúng dường Phật, bấy giờ mới thỏa mãn.

*Lại nữa, người có được vật bên ngoài tuy nhiều mà không cho là có ơn, vì sao? Vì không phải là vật quý trọng đáng ưa. Khi được thân thể kia mới cảm kích, kính trọng; thế nên lấy thân bố thí. Bồ Tát lại vì hàng chur thiên thuyết pháp như trong Kinh đây nói rộng.

Lấy bốn việc nhiếp thủ chúng sinh là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Bố thí có hai như trong Kinh đây nói rộng.

Hỏi: Có gì lược nói bốn đạo khác, mà nói rộng việc của nhân đạo?

Đáp: Trong ba ác đạo, vì khổ nhiều nên chúng sinh ít nghi; nếu thấy việc thần thông hy hữu của Bồ Tát thời tin liền, ưa đắm, nên được độ. Chư thiên vì có mắt trời, tự thấy nhân duyên quả báo tội phước, Bồ Tát hiện chút ít thần túc thời liền hiểu. Người vì mắt thịt, không thấy quả báo tội phước, lại phần nhiều đắm theo thầy tà ngoại đạo và kinh sách tà kiến. Các phiền não có hai phần: một là thuộc kiến, hai là thuộc ái. Nếu chỉ có một phần thời không thể thành tội lớn. Người có ba độc, lại có sức tà kiến thời có thể làm đủ việc ác nặng; người tà kiến lại có tham dục, sân giận thời có thể làm việc tội nặng. Như Tu đà hoàn tuy còn có ba độc, song vì không có tà kiến nên không gây tội nặng, rơi vào ba đường ác. Thế nên trong loài người, nhiều người có ba độc tà kiến, mắt không thấy nhân duyên tội phước cho nên khó độ, vì khó độ nên Phật nói nhiều.

Hỏi: Nếu như vậy, thời đối với bốn việc, có gì nói nhiều về bố thí nói ít về ba việc kia?

Đáp: Trong bố thí nhiếp đủ ba việc nên lấy tài khí, pháp thí giáo hóa chúng sinh thời không việc gì không nhiếp. Lại nữa, trong bốn việc trước tiên, mở rộng bố thí thời biết ba việc khác cũng như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy, có gì nói lược về bố thí mà nói rộng về pháp thí?

Đáp: Tài thí ít, pháp thí rộng rãi, vì có sao? Vì tài thí được quả báo có hạn lượng, pháp thí được quả báo không có hạn lượng. Tài thí ràng buộc vào cõi Dục, thọ quả báo ở cõi Dục; pháp thí cũng ràng buộc và thọ quả báo trong ba cõi và cũng là quả báo ra ngoài ba cõi. Tài thí hay cho cái vui giàu sang trong ba cõi, pháp thí hay cho cái vui thường hằng của Niết bàn.

Lại, tài thí từ pháp thí sinh. Nhờ nghe pháp mà làm bố thí. Lại nữa, quả báo của tài thí chỉ được giàu vui không có các thứ khác; quả báo của pháp thí cũng có giàu vui, cũng có các thứ khác, cho đến được quả báo Phật đạo, Niết bàn. Do nhân duyên ấy nên nói nhiều về pháp thí.

Hỏi: Trong kinh này có gì Tu Bồ Đề hỏi: Bồ Tát được trí Nhất thiết chủng chãng?

Đáp: Ý Tu Bồ Đề là: Nếu khi Bồ Tát được trí Nhất thiết chủng thời không còn gọi là Bồ Tát, làm sao chưa được thành Phật mà có thể được trí Nhất thiết chủng? Được trí Nhất thiết chủng mới gọi là Phật; nếu trước đã là Phật thì cần gì đến trí Nhất thiết chủng? Phật đáp: Nay được trí Nhất thiết chủng gọi là Bồ Tát; đã được trí Nhất thiết chủng thời gọi là Phật. Nói một cách chơn thật: Bồ Tát không được, Phật cũng không được, vì sao? Vì Bồ Tát thì chưa được còn Phật đã được rồi không còn được lại! Theo pháp thế tục nên nói Bồ Tát nay được, Phật đã được rồi; theo đệ nhất nghĩa thời không có hết thầy pháp, huống gì có Phật và Bồ Tát! Lại trong Kinh đây nói: Tâm Phật không khác Bồ Tát, Bồ Tát không khác tâm Phật; thứ lớp nối nhau không dứt. Lại hai tâm đều Như, vì không có khác, không có phân biệt.

Hỏi: Định chín thứ lớp, 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình là pháp thế gian chung có, có gì gọi là pháp không chung của xuất thế gian?

Đáp: Bốn thiên, bốn định vô sắc, định diệt thọ tưởng gọi là định chín thứ lớp. Đối với định diệt thọ tưởng chỉ Thánh nhân có được, còn bốn thiên, bốn định vô sắc từ sơ thiên khởi lên không xen tâm khác mà vào nhị thiên, từ nhị thiên cho đến vào Diệt tận định, trong mỗi mỗi niệm thọ nhận không xen tâm khác nên gọi là thứ lớp. Phạm phu là người tội, độn căn, làm sao có thể được 32 tướng? Như Chuyển luân Thánh vương, Đề bà đạt đa, Nan đà được tướng ấy, tên gọi tuy đồng mà về đầy đủ uy đức, trong sạch đúng chỗ thời không đồng với Phật. Như trước đã phân biệt tướng của Chuyển luân Thánh vương và tướng của Phật khác nhau. Lại, tướng ấy là quả báo của thánh pháp vô lậu, quả tự tại theo ý, vô lượng vô biên, còn tướng của Chuyển luân Thánh vương là do nghiệp phước đức, không được tự tại, có hạn có lượng.

*Lại nữa, Đề bà đạt đa, Nan đà chỉ có 30 tướng, không phải có 32 tướng; Chuyển luân Thánh vương tuy có 32 tướng mà không có uy đức, không đầy đủ, không đúng chỗ, đi kèm với tham ái, phiền não v.v... Tám mươi vẻ đẹp tùy hình đầy đủ chỉ Phật và Bồ Tát có được, những người khác

có thể có số ít, hoặc ngón tay thon dài, hoặc bụng nhỏ mà không có uy đức tốt đẹp nên không nói đến. Thế nên nói, pháp xuất thế gian không chung với phàm phu, không có lỗi.

Hỏi: Từ trước lại đây nơi nơi nói các pháp năm uẩn cho đến trí Nhất thiết chủng mà không nói 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình ấy, nay Kinh này sắp hết, có gì trong mỗi phẩm lại nói?

Đáp: Phật có hai thân là sinh thân và pháp thân; trong hai thân ấy, pháp thân là lớn. Pháp thân lớn nên sự lợi ích nhiều, như từ trước lại đã nói rộng. Nay gần hết kinh, về nghĩa sinh thân cần nên nói, cho nên nay nói.

*Lại nữa, sinh thân tướng đẹp trang nghiêm là quả báo của thánh pháp vô lậu, nay thứ lớp nói, còn trên kia nói xen lẫn với các Ba la mật. Nghĩa của bốn niệm xứ v.v... như trước nói. Nghĩa của mười lực của Phật là sâu xa, nay sẽ lược nói.

Hỏi: Mười lực của Phật là, nếu theo tướng chung mà nói thì chỉ một lực, đó là lực trí Nhất thiết chủng; nếu theo tướng riêng nói thì có ngàn, vạn, ức lực, theo mỗi pháp để gọi tên; nay có gì chỉ nói mười lực?

Đáp: Phật thật có vô lượng trí lực, song chỉ vì chúng sinh không thể có được, không thể hành được, nên không nói. Mười lực ấy đối với chúng sinh có thể độ vừa đủ dùng để độ, vì sao? Vì Phật dùng trí lực thị xứ, phi xứ quyết định biết lẽ nhân quả trong hết thầy pháp. Nghĩa là tạo nghiệp ác thời đọa vào đường ác, là có lẽ ấy (thị xứ), tạo nghiệp ác mà sinh lên cõi trời là không có lẽ ấy (phi xứ); làm nghiệp thiện cũng như vậy. Không lìa năm triền cái, không tu bảy giác chi mà được đạo, không có lẽ ấy (phi xứ); lìa năm triền cái, tu bảy giác chi mà được đạo, có lẽ ấy (thị xứ). Chín trí lực kia đều vào trong trí lực này. Phật dùng trí lực này trừ lượng chúng sinh trong mười phương sáu đường, kẻ có thể độ, kẻ không thể độ; kẻ có thể độ thì dùng mỗi mỗi nhân duyên thân thông biến hóa để độ thoát; kẻ không thể độ thì đối với người ấy tu tâm xả. Thí như thầy thuốc hay xem tướng trạng của bệnh mà thâm định biết có thể sống thì chữa trị, không thể sống thì rời bỏ. Phương tiện độ chúng sinh của nghiệp lực kia, người do nghiệp mà thọ thân, bị ràng buộc trong thế gian, do lực thiên định nên được giải thoát. Hành giả tất phải tìm hiểu khổ từ đâu sinh, do đâu diệt, thế nên dùng hai lực. Nghiệp lực có hai phần: Một là nghiệp sạch có thể dứt nghiệp ác, hai là nghiệp nhơ. Nghiệp sạch là thiên, định, giải thoát, các tam muội; nghiệp không sạch là

nghiệp cho thọ thân trong ba cõi. Người có hai hạng: hạng độn căn vì thọ thân nên tạo nghiệp, hạng lợi căn vì diệt thân nên tạo nghiệp.

Hỏi: Nếu như vậy, có gì không đều dạy khiến làm nghiệp sạch?

Đáp: Vì chúng sinh căn có lợi, độn.

Hỏi: Chúng sinh vì sao có lợi, độn.

Đáp: Vì lực mạnh của dục, chúng sinh có tâm ác dục, thường vào chỗ ác, nên độn. Dục là tham muốn. Tham muốn việc tội sinh nghiệp ác, nên độn. Người ham muốn thiện thời vui đạo, tu các pháp trợ đạo nên lợi.

Hỏi: Chúng sinh vì sao không đều ham muốn thiện.

Đáp: Vì thế mà Phật nói thế gian có mỗi mỗi tính: Tính thiện, tính ác... Người tính ác ham muốn điều ác, ham muốn ác nên căn độn; như tính lửa nóng, tính nước ướt, không nên trách vì sao.

Hỏi: Ham muốn ác tức là tính ác, có gì sai khác mà làm thành hai lực?

Đáp: Có tính trước, vì muốn được nên phát sinh; thí như trước có ghê, vì chạm đến nên ra máu. Tính ở trong, ham muốn ở ngoài; tính nặng, ham muốn nhẹ; tính khó trừ, ham muốn dễ bỏ; tính sâu, ham muốn cạn. Dùng tính tạo nghiệp chắc sẽ thọ báo, dùng ham muốn tạo nghiệp không chắc thọ báo; có sai khác như vậy.

Lại, có người nói: Tập thường ham muốn tăng trưởng bèn thành tính. Tính cũng có thể phát sinh ham muốn. Người ấy nếu đời này hoặc đời sau thường tập ham muốn thời trở thành tính. Từ tính ấy mà làm ác, làm thiện; nếu ở tính thiện thời có thể độ, nếu ở tính ác thời không thể độ. Phật đã biết hai tính của chúng sinh rồi, lại biết quả báo kia theo đường thiện, đường ác khác nhau. Tính ác thời đọa vào ba đường ác, tính thiện thời thành bốn đường: Người, trời, A tu la và Niết bàn.

Hỏi: Trí lực biết chỗ đến của hết thảy với lực thiên nhãn, có gì sai khác?

Đáp: Lực thiên nhãn chỉ thấy được khi sinh, khi chết, còn đây là biết được khi chưa chết. Thiên nhãn thấy nhân biết quả, còn đây thấy quả báo tội phước hiện tiền, đó là trí lực biết chỗ đến của hết thảy (chí xứ đạo lực).

Hỏi: Thanh văn, Bích chi Phật cũng được Niết bàn, cũng có thể giáo hóa chúng sinh, có sao không có lực ấy?

Đáp: Vì thế mà nói ba lực sau biết việc chúng sinh trong ba đời thông suốt cùng khắp. Dùng lực biết mạng sống đời trước, biết khắp việc gốc, ngọn quá khứ của hết thầy chúng sinh. Do lực thiên nhãn sinh tử, biết khắp vô lượng việc trong đời vị lai của chúng sinh. Biết như vậy rồi, biết chúng sinh trong hiện tại, người có thể độ thời vì họ nói pháp dứt hết lậu hoặc. Vì thế nên chỉ có Phật mới có lực ấy, hàng Nhị thừa không có. Như có một người ngay trong một ngày có thể được A la hán mà Xá lợi phất nói trong một ngày không thể có nhân duyên được đạo, bèn bỏ đi mà không chịu độ. Lúc xế chiều, Phật dùng thần thông tức mạng, thấy người ấy trải qua hơn tám vạn kiếp trước, có nhân duyên được độ nay đã thành tựu, nên Phật thuyết pháp cho, liền được đạo quả A la hán.

*Lại nữa, Phật dùng trí lực đầu, biết tướng chúng sinh có thể độ hay không thể độ. Dùng lực thứ hai, biết chúng sinh bị hai chướng ngăn che. Người không bị ngăn che thời dùng lực thứ ba, biết chúng sinh, người có thiên định, giải thoát, tịnh, bất tịnh. Dùng lực thứ tư, biết căn tính chúng sinh có lợi, có độn, có thể thông hiểu pháp tính, không thông hiểu pháp tính. Dùng lực thứ năm, biết nhân duyên căn lợi, độn và ham muốn thiện, ác của chúng sinh. Dùng lực thứ sáu, biết mỗi mỗi tính của hai dục. Dùng lực thứ bảy, biết căn lợi, độn và bảy chỗ quả báo thiện, ác của chúng sinh. Dùng lực thứ tám, biết nghiệp thiện, ác đời trước của chúng sinh chướng ngại hay không chướng ngại. Dùng lực thứ chín, biết chúng sinh đời nay chưa thể độ, sinh đời sau có thể độ. Dùng lực thứ mười biết chúng sinh do cửa giải thoát Không mà vào Niết bàn, hoặc do cửa Vô tướng, Vô tác mà vào Niết bàn biết chúng sinh đối với kiến đế đạo, tư duy đạo trong mỗi niệm dứt được bao nhiêu kiết sử. Do mười trí lực ấy, trừ lượng nhân duyên của chúng sinh có thể độ mà vì họ thuyết pháp. Do thế mà thuyết pháp không uổng lời.

Hỏi: Trí tuệ của Phật vô lượng, thân tướng Phật cũng vô lượng. Lại thân Phật hơn các thiên vương, có gì Phật đồng với Chuyển luân Thánh vương, có 32 tướng?

Đáp: Ba mươi hai tướng không nhiều không ít, nghĩa lý như trước đã nói. Lại nữa, có n nói: Tướng của Phật và Bồ Tát không hiện nhất định như trong đây nói. Tùy theo chỗ chúng sinh ưa thích có thể dẫn dắt tâm họ mà hiện tướng.

Lại, hoặc như có chúng sinh không quý vàng mà quý các sắc khác, như lưu ly, pha lê, kim cương. Nếu người thế gian như vậy thời Phật không hiện sắc vàng mà hiện các sắc đáng ưa khác.

Lại, hoặc có chúng sinh không quý ngón tay thon, dài và có màn lưới, vì ngón tay dài, có móng sắc là tướng quý La sát; vì màn lưới là tướng chim Nhạn, làm việc không tiện, như mặc áo v.v..., thời cần dùng làm gì? hoặc như ở nước Kế tân, Bồ Tát Di đế lệ thi lệ tay có màn lưới, người cha ghét cho là quái dị, lấy dao cắt đi, nói rằng sao con ta giống như chim. Hoặc có người không ưa vai tròn lớn, cho là giống như bứ; hoặc cho bụng không hiện bày như tướng đỏi; hoặc cũng có người cho mắt xanh là không đẹp, chỉ ưa mắt trắng, đen, phân minh v.v... Thế nên biết, Phật tùy chỗ ưa thích của chúng sinh mà hiện tướng. Như vậy, thường không do nhất định.

Có người nói: 32 tướng ấy là thật có nhất định, do sức thần thông biến hóa thân, theo chỗ ưa thích của chúng sinh mà hiện tướng.

Có người nói: Phật có khi thần thông biến hóa, có khi theo chỗ sinh ở thế gian, chỗ sẽ sinh đến, không được nói do thần thông biến hóa.

Lại, trong ba ngàn đại thiên thế giới sinh ra theo chỗ chúng sinh có thể độ mà hiện tướng, như trong kinh Mật tích nói, hoặc hiện thân sắc vàng, hoặc hiện thân sắc bạc, hoặc hiện sắc mặt trắng, mặt trời, tinh tú; hoặc dài hoặc ngắn, tùy theo chúng sinh có thể dắt dẫn mà hiện tướng. Ở đây, tùy theo người nước Thiên Trúc trong cõi Diêm phù đề ưa thích thời Phật hiện 32 tướng. Người nước Thiên Trúc đến nay cố sửa bấp vai cho dày, lớn, trên đầu đều có bện tóc là đẹp. Theo như tướng người, nói tướng năm chỗ dài là đẹp. Theo như tướng người, nói tướng năm chỗ dài là đẹp. Theo như tướng người, nói tướng năm chỗ dài là đẹp. Tướng mắt, mũi, lưới, cánh tay, ngón tay, đùi, tay, chân; hoặc có bánh xe, hoặc như hoa sen, hoặc màu trắng ốc, hoặc như mặt trời mặt trăng; thế nên bàn tay, bàn chân Phật có tướng bánh xe ngàn tăm, ngón tay thon, dài; mũi cao, đẹp; lưới rộng, dài và mỏng. Những tướng như vậy đều hơn các tướng đã quý như trước, nên khởi tâm cung kính. Có cõi nước Phật hiện ra ngàn vạn tướng, hoặc vô lượng vô số tướng, hoặc năm, sáu, ba, bốn tướng; ở đây vì theo chỗ ưa thích của người Thiên Trúc nên Phật hiện 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình.

(Hết cuốn 88 theo bản Hán)

Cuốn 89

Kinh: Thế nào là 80 vẻ đẹp tùy hình? 1. Đỉnh đầu không thể thấy; 2. Mũi thẳng, cao, đẹp, lỗ mũi kín; 3. Mí mắt như trăng mới mọc, có màu xanh lưu ly; 4. Vành tai mọc thông xuống; 5. Thân chắc thật như lực sĩ trời Na la diên; 6. Khớp xương như móc câu; 7. Mỗi lần thân xoay như voi chúa; 8. Khi đi chân cách đất bốn tấc, có dấu ấn hiện trên đất; 9. Móng tay màu đồng đỏ, mỏng và mượt; 10. Xương đầu gỏi cứng, tròn, đẹp; 11. Thân sạch sẽ; 12. Thân mềm mại; 13. Thân không cong; 14. Ngón tay tròn, thon; 15. Ngón tay đẹp; 16. Mạch sâu; 17. Mắt cá kín; 18. Thân mịn màng; 19. Thân vững chắc, đi không xiêng xẹo; 20. Thân đầy đặn; 21. Thức đầy đủ; 22. Dung nghi đầy đặn; 23. Chỗ ở yên ổn không thể động; 24. Uy đức chấn động hết thủy; 25. Mọi người đều ưa xem; 26. Mặt không lớn dài; 27. Dung mạo đoan chính, không pha tạp; 28. Mặt đầy đủ; 29. Môi đỏ như màu trái Tần bà; 30. Âm vang sâu lắng; 31. Rốn sâu, tròn, đẹp; 32. Lông trên thân xoay về phía hữu; 33. Tay đầy đủ; 34. Tay chân vừa ý; 35. Chỉ tay rõ ràng, ngay thẳng; 36. Chỉ tay dài; 37. Chỉ tay không dứt; 38. Chúng sinh ác tâm trong thấy hòa vui; 39. Mặt rộng, đẹp; 40. Mặt đầy đặn, trong sáng như trăng; 41. Theo ý chúng sinh vui vẻ cùng nói; 42. Lỗ chân lông tỏa mùi thơm; 43. Miệng tỏa mùi thơm; 44. Nghi dung như Sư tử; 45. Đi đứng như voi chúa; 46. Cách đi như ngỗng chúa; 47. Đầu như quả Ma la đà; 48. Âm thanh rõ ràng; 49. Răng bén; 50. Sắc lưỡi màu hồng; 53. Lông trong sạch; 54. Mặt rộng, dài; 55. Tướng các khiêu (lỗ) đầy đủ; 56. Tay chân trắng thuần như hoa sen; 57. Rốn không bầy; 58. Bụng không bầy; 59. Bụng nhỏ; 60. Thân không khuynh động; 61. Thân chắc nịch; 62. Phần thân lớn; 63. Thân cao ráo; 64. Tay chân sạch, mềm mại; 65. Hào quang thân dài một trượng; 66. Thân chiếu sáng khi đi; 67. Xem chúng sinh bình đẳng; 68. Không khi khi chúng sinh; 69. Theo ân thanh của chúng sinh không quá, không giảm; 70. Thuyết pháp không sai khác; 71. Tùy theo ngôn ngữ của chúng sinh mà thuyết pháp; 72. Có nhân duyên theo thứ lớp thuyết pháp; 74. Có tướng hết thủy chúng sinh không thể xem hết được; 75. Người xem không nhầm chán; 76. Tóc dài, đẹp; 70. Màu tóc như ngọc xanh; 80. Tay chân có đức tướng.

Này Tu Bồ Đề, ấy là 80 vẻ đẹp tùy hình thành tựu nơi thân Phật. Như vậy, Bồ Tát do hai trí nhiếp thủ chúng sinh, đó là tài thí và pháp thí. Ấy là việc hy hữu khó bì kịp của Bồ Tát.

Làm sao Bồ Tát dùng ái ngữ nhiếp thủ chúng sinh? Bồ Tát lấy Ba la mật vì chúng sinh thuyết pháp, nói rằng: Các ngươi tu sáu Ba la mật, thu nhiếp được hết thầy thiện pháp.

Làm sao Bồ Tát lấy lợi hành nhiếp thủ chúng sinh? Đó là Bồ Tát thường dạy chúng sinh, khiến tu sáu Ba la mật.

làm sao Bồ Tát lấy đồng sự nhiếp thủ chúng sinh? Đó là Bồ Tát dùng sức năm thần thông, các cách biến hóa đi vào trong năm đường cùng sự việc với chúng sinh. Đó là lấy bốn việc nhiếp thủ chúng sinh.

*Lại nữa, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, giáo hóa chúng sinh rằng: Nay thiện nam tử, nên khéo học, phân biệt các mẫu chữ và nên khéo biết một mẫu chữ cho đến 42 mẫu chữ; khéo biết hết thầy ngôn ngữ đều từ trong mẫu chữ thứ hai cho đến mẫu chữ thứ 42, hết thầy ngôn ngữ đều vào trong ấy. Một mẫu chữ đều vào trong 42 mẫu chữ, 42 mẫu chữ cũng vào trong một mẫu chữ. Chúng sinh ấy nên khéo học 42 mẫu chữ như vậy. Khéo học 42 mẫu chữ rồi, có thể khéo biết phép tắc của mẫu chữ; khéo biết phép tắc của mẫu chữ rồi khéo biết phép tắc không có mẫu chữ này. Nay Tu Bồ Đề, như Phật khéo biết phép tắc mẫu chữ, khéo biết mẫu chữ, khéo biết không có mẫu chữ, vì phép tắc không có mẫu chữ nên nói phép tắc mẫu chữ, vì sao? Vì vượt qua hết thầy danh tự, gọi là Phật pháp.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Nếu chúng sinh rất ráo không thể có được, pháp cũng rất ráo không thể có được, pháp tính cũng rất ráo không thể có được, vì rất ráo không, vô thi không, vậy Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật cho đến Thí Ba la mật, khi hành bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, 37 pháp trợ đạo, mười tám không, Vô tướng, Vô tác tam muội, tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lục của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, làm sao trú trong năm thần thông do quả báo được mà vì chúng sinh thuyết pháp? Chúng sinh thật không thể có được, vì chúng sinh không có được nên sắc không thể có được, cho đến thức cũng không thể có được; vì năm uẩn không thể có được, nên sáu Ba la mật cho đến 80 vẻ đẹp tùy hình đều không thể có được. Trong không thể có được, không có chúng sinh, không có sắc cho đến không có 80 vẻ đẹp tùy hình, vậy làm sao Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật có thể vì chúng sinh thuyết pháp? Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, Bồ Tát còn không thể có được, huống gì có pháp Bồ Tát?

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy, như lời ông nói. Vì chúng sinh không thể có được, nên biết nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thi không, tán không, các pháp không, tự tướng không, tính không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không. Vì chúng sinh không thể có được nên biết năm uẩn không, mười hai nhập không, mười tám giới không, mười hai nhân duyên không, bốn đế không, ngã không, thọ giả, mạng giả, kẻ sinh, kẻ nuôi, kẻ dưỡng, chúng số, người, người làm, người khiến làm, khởi dậy, người khiến khởi dậy, lãnh thọ, người khiến lãnh thọ, kẻ biết, kẻ thấy đều không. Vì chúng sinh không thể có được nên biết bốn thiền không, bốn tâm vô lượng không, cho đến tám phần thánh đạo không, không không, vô tướng không, vô tác không, tám bội xả không, định chín thứ lớp không. Vì chúng sinh không thể có được nên biết mười lục của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung không, nên biết quả Tu đà hoàn không cho đến đạo Bích chi Phật không, Bồ Tát địa không, Vô thượng chánh đẳng chánh giác không. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát thấy hết thấy pháp không như vậy, vì chúng sinh thuyết pháp, không mất các tướng không. Bồ Tát khi quán như vậy, viết hết thấy pháp thông suốt không ngại, biết hết thấy pháp không ngại rồi, không phá hoại các pháp tướng, không hai, không phân biệt, chỉ vì chúng sinh mà như thật nói pháp. Thí như người của Phật biến hóa, người biến hóa lại hóa làm vô lượng ngàn vạn ức người, có người dạy khiến bố thí, có người dạy trì giới, có người dạy nhẫn nhục, có người dạy tinh tấn, có người dạy thiền định, có người dạy trí tuệ, có người dạy bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, ý ông nghĩ sao? Người của Phật biến hóa ấy có phá hoại pháp tính chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn. Các người biến hóa ấy không có tâm, không có tâm tâm số pháp, làm sao phân biệt phá hoại các pháp?

Này Tu Bồ Đề, thế nên biết, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, vì chúng sinh đúng chỗ thích hợp thuyết pháp; kéo chúng sinh ra khỏi điên đảo, khiến được ở vào chỗ nên ở, vì pháp không trói không mở, vì sao? Vì sắc không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức không trói không mở; sắc không trói không mở thời không phải là sắc; thọ, tưởng, hành, thức không trói không mở thời không phải là thức, vì sao? Vì sắc rốt ráo thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức cho đến hết thấy pháp, hoặc hữu vi, hoặc vô vi cũng rốt ráo thanh tịnh. Như vậy, Bồ Tát vì chúng sinh thuyết pháp cùng không thủ đắc tướng chúng sinh và hết thấy pháp. Hết thấy pháp không thể có được nên Bồ Tát

không trú pháp nên trú trong pháp tướng, đó là sắc không cho đến hữu vi, vô vi pháp không, vì sao? Vì tự sắc cho đến hữu vi, vô vi pháp tự tính không thể có được, không chỗ trú. Pháp không có sở hữu, không trú ở pháp không có sở hữu; tự tính pháp không trú trong tự tính pháp, tha tính pháp không trú trong tha tính pháp, vì sao? Vì hết thấy pháp đều không thể có được. Pháp không thể có được thời trú vào đâu? Như vậy, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, do các không ấy có thể nói pháp như vậy, hành Bát nhã ba la mật như vậy, đối với chư Phật và Thanh văn, Bích chi Phật không có lỗi, vì sao? Vì chư Phật, Bồ Tát, Bích chi Phật, A la hán được pháp ấy rồi, vì chúng sinh thuyết pháp cũng không chuyển đổi thật tướng các pháp, vì sao? Vì Như, pháp tính, thật tế không thể chuyển đổi, sao vậy? Vì tính các pháp không có.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu pháp tính, như, thật tế không chuyển đổi, vậy sắc với pháp tính khác nhau chăng? Sắc với như, thật tế khác nhau chăng? Thọ, tưởng, hành, thức cho đến pháp hữu vi, vô vi, thế gian, xuất thế gian, hữu lậu, vô lậu khác nhau chăng?

Phật dạy: Không khác. Sắc không khác, pháp tính không khác; như không khác, thật tế không khác; thọ, tưởng, hành, thức cho đến pháp hữu lậu, vô lậu cũng không khác.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn, nếu sắc không khác, pháp tính không khác; như không khác, thật tế không khác; thọ, tưởng, hành, thức cho đến hữu lậu, vô lậu không khác, thời làm sao phân biệt hắc nghiệp có hắc báo, là quả báo địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; bạch nghiệp có bạch báo, là quả báo sinh cõi trời, cõi người; hắc bạch nghiệp có hắc bạch báo, nghiệp chẳng hắc chẳng bạch có quả báo chẳng hắc chẳng bạch, đó là quả Tu đà hoàn cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Theo thế đế nên phân biệt nói có quả báo, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa. Trong đệ nhất nghĩa để không thể nói nhân duyên quả báo, vì sao? Vì đệ nhất nghĩa để thật không có tướng, không có phân biệt, cũng không có ngôn thuyết, gọi là sắc cho đến pháp hữu lậu, vô lậu; tướng chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch, vì rốt ráo không, vô thi không.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn, nếu vì theo thế đế nên phân biệt nói có quả báo, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa để, thời hết thấy phạm phu lẽ đáng có quả Tu đà hoàn cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao, người phàm phu có biết đó là thế đế, đó là đệ nhất nghĩa đế chăng? Nếu biết, người phàm phu ấy lẽ đáng là quả Tu đà hoàn cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Tu Bồ Đề, vì người phàm phu thật không biết thế đế, không biết đệ nhất nghĩa đế, không biết đạo, không biết phân biệt đạo quả, làm sao họ có các quả được? Nay Tu Bồ Đề, thánh nhân biết thế đế, biết đệ nhất nghĩa đế, có đạo, có tu đạo, vì thế nên thánh nhân có các quả sai khác.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Tu đạo được quả chăng?

Phật dạy: không được. Tu đạo không được quả, không tu đạo cũng không được quả, cũng không lìa đạo được quả, cũng không trú ở trong đạo được quả. Như vậy, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, vì chúng sinh nên phân biệt quả và cũng không phân biệt đó là tính hữu vi, tính vô vi.

Bạch đức Thế Tôn, nếu không phân biệt tính hữu vi, tính vô vi mà được các quả, có sao Thế Tôn nói dứt hết ba kiết gọi là Tu đà hoàn; dâm nô si mỏng gọi là Tu đà hàm; dứt hết năm hạ phần kiết gọi là A na hàm; dứt hết năm thượng phần kiết gọi là A la hán? Biết pháp có tập hợp đều có tướng tán diệt gọi là đạo Bích chi Phật, dứt hết thủy phiền não và tập khí gọi là Vô thượng chánh đẳng chánh giác? Bạch đức Thế Tôn, Con làm sao biết không phân biệt tính hữu vi, tính vô vi mà được các đạo quả?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ông cho quả Tu đà hoàn, quả Tu đà hàm cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, các quả ấy là hữu vi, là vô vi chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Đều là vô vi.

Nay Tu Bồ Đề: Trong pháp vô vi có phân biệt chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Nay Tu Bồ Đề, nếu người thiện nam, kẻ thiện nữ thông suốt hết thủy pháp hoặc hữu vi, hoặc vô vi đều là một tướng, tức vô tướng, khi ấy còn có phân biệt hoặc hữu vi, hoặc vô vi chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Nay Tu Bồ Đề, như vậy, Bồ Tát vì chúng sinh thuyết pháp, không phân biệt các pháp, vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không. Bồ Tát ấy tự mình được pháp không có chấp trước, cũng dạy người khiến được pháp

không có chấp trước, hoặc Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, hoặc sơ thiên cho đến đệ tứ thiên, hoặc từ, bi, hỷ, xả cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, hoặc bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng. Bồ Tát ấy tự mình không chấp trước, cũng dạy người không chấp trước, vì không chấp trước nên không chướng ngại gì. Thí như người của Phật biến hóa làm việc bố thí, cũng không lãnh thọ quả báo bố thí, chỉ vì chúng sinh cho đến tu trí Nhất thiết chủng cũng không lãnh thọ quả báo của trí Nhất thiết chủng. Bồ Tát cũng như vậy, hành sáu Ba la mật cho đến hết thủy pháp mà không trú pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, cũng không thọ báo, mà chỉ vì độ chúng sinh, vì sao? Vì Bồ Tát ấy khéo thông đạt thật tướng các pháp.

Luận: Hỏi: Tám mươi vẻ đẹp tùy hình là pháp trang nghiêm thân, có sao ở trong thai "thức biết đầy đủ" lại là một ở trong các vẻ đẹp tùy hình?

Đáp: Thức ấy là thức do quả báo sinh, đối với thế gian tốt hay xấu tự nhiên biết được. Còn thức của người phàm phu không đầy đủ, nên phải học theo cách người khác mới biết được. Phật ở trong thai một năm đầy đủ, sung mãn mới sinh, nên thân và thức đều đầy đủ. Những người khác hoặc tám tháng, hoặc chín tháng ở trong thai, nói chung là mười tháng. Bồ Tát ở trong thai mười tháng nói chung là được một năm thời thân căn đầy đủ; thức do quả báo sinh cũng đầy đủ.

Hỏi: Chỗ chân đứng yên với chỗ ở yên sai khác thế nào?

Đáp: Chỗ ở yên là như kẻ dừng sĩ tại gia cầm chặt gậy gộc, ở yên một chỗ, không thể lay động. Lại khi xuất gia, ma dân, ác quỷ không thể làm chuyển động mà lui bỏ.

Nghĩa của 42 mẫu chữ như trong Đại thừa có nói. Một mẫu chữ vào hết trong các mẫu chữ; thí như 2 số 1 hợp lại làm 2, 3 số 1 hợp lại làm 3; 4 số 1 hợp lại làm 4; như vậy cho đến ngàn, vạn. Lại như chữ A là định; A biến thành La, cũng biến thành Ba; như vậy đều vào trong 42 mẫu chữ, 42 mẫu chữ vào trong một mẫu chữ là, 42 mẫu chữ đều có phần chữ A, phần chữ A lại vào trong chữ A. Khéo biết chữ nên khéo biết tên các pháp; khéo biết tên các pháp nên khéo biết nghĩa các pháp. Không có mẫu chữ tức là nghĩa thật tướng của các pháp, vì sao? Vì trong nghĩa của các pháp, các pháp không có danh tự.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp rốt ráo không, không có danh tự, làm sao Bồ Tát trú trong sáu thân thông do quả báo sinh mà vì chúng sinh thuyết pháp? Nếu rốt ráo không có chúng sinh thời không có pháp? Phật chấp thuận

lời Tu Bồ Đề nói: Như vậy, như vậy. Vì mười tám không, nên hết thảy pháp không thể có được. Ngã và chúng sinh, cho đến kẻ biết kẻ thấy, cho đến nên biết Phật, Bồ Tát cũng đều không. Biết như vậy rồi mà vì chúng sinh thuyết pháp không ấy. Nếu chúng sinh là thật có mà vì họ thuyết không thì không thể được; vì chúng sinh không, nhưng do điên đảo thành có. Thế nên Bồ Tát không bỏ mất không mà vì chúng sinh thuyết pháp. Không bỏ mất tức là không làm cho các pháp đều không, còn pháp được nói chẳng không. Nếu cho pháp được nói chẳng không thì là làm mất tướng không. Nếu miệng nói không mà tâm là có, cũng là bỏ mất không. Trong đây Phật tự nói: Tướng pháp không hai, không hư hoại. Muốn rõ ràng việc ấy nên Phật nêu thí dụ: Như người do Phật biến hóa, biến làm nhiều người, vì chúng sinh thuyết pháp, hoặc thuyết về công đức tri giới, bố thí. Phương tiện thuyết pháp như vậy không có lỗi, mà có thể kéo chúng sinh ra khỏi điên đảo, vì pháp không trói không mở. Trong đệ nhất nghĩa để không trói không mở, trong thế đế nên có trói có mở. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Sắc không trói không mở, vì sao? Vì trong không trói không mở ấy không có sắc tướng, cho đến thức cũng như vậy. Bồ Tát dùng pháp chẳng trú như vậy nên trú trong không pháp, vì chúng sinh thuyết pháp. Chúng sinh không thể có được, vì chúng sinh và hết thảy pháp không thể có được. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Pháp không có sở hữu, không trú trong pháp không có sở hữu, thí như hư không, không trú nơi hư không; tự tính pháp, không trú nơi tự tính pháp; thí như lửa không trú nơi lửa, pháp tha tính không trú nơi pháp tha tính; thí như trong tính nước không có tính lửa; lại vì tha tính bất định. Nếu thanh tịnh thuyết pháp được như vậy thì Bồ Tát ấy đối với chư Phật, thánh hiền không có lỗi, vì sao? Vì chư Phật, thánh hiền không nhiễm trước pháp, người thí pháp cũng không nhiễm trước pháp; chư Phật, thánh hiền vì rốt ráo không, lấy tướng tịch diệt làm sở hành của tâm, người thuyết pháp cũng như vậy. Chư Phật, thánh hiền vào ba môn giải thoát, được thật tính các pháp, đó là Vô dư Niết bàn, người thuyết pháp theo pháp ấy nên không có lỗi. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Chư Phật, hiền thánh được pháp ấy rồi, vì chúng sinh thuyết pháp, không làm chuyển đổi pháp tính, vì pháp tính không, vô tướng.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu không chuyển đổi pháp tính, thì sắc cùng với pháp tính khác nhau chẳng?

Phật dạy: Không, vì sao? Vì thật tướng của sắc tức là pháp tính. Ý Phật muốn nói, khi Bồ Tát thuyết pháp cũng không phá hoại pháp tính.

Tu Bồ Đề hỏi: Sắc v.v... cùng với pháp tính không khác, có gì chỉ quý pháp tính? Vì Phật đáp sắc không khác pháp tính nên Tu Bồ Đề nạn hỏi: Nếu không khác thì làm sao phân biệt có thiện, ác, trắng, đen, quả Tu đà hoàn v.v..?

Phật dạy: Sắc v.v... tuy không lìa pháp tính, song vì theo thế đế nên có phân biệt, còn ở trong đệ nhất nghĩa đế không có phân biệt, vì sao? Vì thánh nhân được đệ nhất nghĩa đế, không có phân biệt gì, nghe nói có sở đắc không mừng, nghe không có sở đắc không lo, vì chứng được pháp vô tướng, nên cho đến mảy may pháp còn không thủ tướng, huống gì phân biệt có thiện, ác. Người chưa chứng đắc thật tướng, vì muốn đệ nhất nghĩa đế nên có chỗ phân biệt. Trong đây tự nói nhân duyên: Pháp ấy không có ngôn thuyết, cũng không sinh diệt, như sạch; nghĩa là rốt ráo không, vô thi không.

Hỏi: Có gì trong đây chỉ nói hai không gọi là pháp?

Đáp: Hết thấy có, hoặc pháp, hoặc chúng sinh, nếu nói rốt ráo không thì là phá pháp; nếu nói vô thi không thì phá chúng sinh. Phá hai pháp ấy rồi thì phá hết tất cả pháp. Trong đây Bồ Tát vì chúng sinh thuyết pháp cho nên dùng hai không để phá pháp và phá chúng sinh; tuy còn có các không khác nhưng không sâu sắc, rốt ráo bằng rốt ráo không. Các không khác như lửa đốt cây, còn lại than tro; rốt ráo không thì không có tro, không có than. Có người nói: Hoặc nói đủ mười tám không, không có lỗi, vì lược nói nên nói hai không.

Tu Bồ Đề thưa: Nếu theo thế đế nên phân biệt có thiện ác, trắng đen và các quả báo, còn theo đệ nhất nghĩa đế thì người phạm phu lẽ đáng có thánh quả Tu đà hoàn v.v... vì sao? Vì nếu trong thế đế hư vọng phân biệt có các hiền thánh, còn trong đệ nhất nghĩa đế lý đáng phạm phu làm hiền thánh. Tu Bồ Đề phân biệt thật tướng nói phạm phu khác, còn Phật nói đệ nhất nghĩa nhất tướng, nên Tu Bồ Đề nói lý đáng phạm phu là bậc thánh.

Phật đáp: Nếu phạm phu phân biệt, biết đó là đệ nhất nghĩa đế, đó là thế đế, thì lẽ đáng phạm phu có các quả thánh. Vì phạm phu thật không biết đạo, không biết phân biệt đạo, không biết hành đạo, tu đạo, huống gì được đạo quả! Phật nói bậc thánh có thể phân biệt nên nói bậc thánh có thánh quả.

Bấy giờ Tu Bồ Đề tự biết có lỗi, nên nói: Trong tính vô lượng, vô tướng, vô động, làm sao thủ tướng, muốn lường pháp vô lượng; làm sao cưỡng cho phạm phu là thánh quả? Nên lãnh thọ lời Phật. Biết người hành

đạo mới đắc quả, người không hành đạo không đắc quả; thế nên hỏi Phật: Tu đạo đắc quả chăng? Phật đáp không.

Lại hỏi: Trên kia Phật phân biệt nói tu đạo đắc quả, sao nay nói không? Phật đáp: Trên kia nói chẳng phải tâm chấp trước, nay vì Tu Bồ Đề đem tâm chấp trước mà hỏi, muốn từ đạo phát xuất quả, như từ mè ép ra dầu; nếu như vậy đạo với quả đồng hư dối. Thế nên Phật đều đáp không. Người nghe sinh tâm nghĩ rằng: Nếu tu không được, vậy không tu lý đáng được?

Phật dạy: Tu còn không được, huống không tu! Thí như hai người muốn đi đến, một người đứng yên không đi, một n lạc đường, cả hai đều không thể đến. Nếu không tu đạo còn không có được chút ít cái vui nhiếp tâm, huống gì đạo quả! Nếu tâm thủ tướng mà tu đạo, tuy có cái vui nhiếp tâm thiền định mà không có đạo quả. Nếu tâm không thủ tướng tu đạo thời có đạo quả. Thế nên Phật nói: Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không phân biệt tính hữu vi, vô vi, nên có đạo quả sai khác.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu như vậy, có gì Phật nói dứt ba kiết sử được Tu đà hoàn, có các phân biệt như vậy?

Phật hỏi ngược lại rằng: Ý ông nghĩ sao, ông cho quả Tu đà hoàn là hữu vi, là vô vi chăng?

Tu Bồ Đề đáp: Là vô vi.

Phật dạy: Nếu như vậy, trong vô vi có sai khác chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn.

Phật dạy: Nếu không có phân biệt, có gì ông nạn hỏi? Phật lại hỏi Tu Bồ Đề: Nếu người thiện nam, kẻ thiện nữ thông suốt hết thấy pháp một tướng, tức là vô tướng, ở trong ba môn giải thoát, khi chứng Niết bàn, khi ấy có pháp để phân biệt hoặc hữu vi, hoặc vô vi chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Không.

Ý Phật là, chỉ tâm khi ấy là chơn thật, khi khác đều hư dối, có sao ông vẫn nạn? Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không phân biệt hết thấy pháp, ở trong các pháp không, nội không v.v... rất thanh tịnh, tự mình không chấp trước, cũng dạy chúng sinh không chấp trước; nghĩa là dạy bố thí cho đến trí Nhất thiết chủng, trong đạo Bồ Tát đều dạy người khiến không chấp trước.

Thí như người của Phật biến hóa làm việc Bồ thí, cũng không phân biệt Bồ thí, không lãnh thọ quả báo Bồ thí, chỉ vì độ chúng sinh. Tâm Bồ Tát cũng như vậy, vì sao? Vì khéo thông suốt các pháp tính. Khéo thông suốt là không thủ tướng pháp tính, cũng không trú trong pháp tính, ở trong pháp tính không nghi, không hối mà thuyết pháp, không ngăn, không trở, không ngại, thế là thông suốt pháp tính.

--o0o --

Cuốn 90 – còn thiếu

---o0o---

Cuốn 91

Giải Thích: Phẩm Cù Túc Thứ 81

(Kinh Đại Bát Nhã hội 2 ghi: Phẩm Không Khuyết thứ 79)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát tu sáu Ba la mật, mười tám không, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, không đầy đủ Bồ Tát đạo thời không thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vậy Bồ Tát làm thế nào đầy đủ Bồ Tát đạo, có thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, do sức phương tiện nên hành Thí Ba la mật, không thấy có Bồ thí, không thấy có người thí, không thấy có người nhận thí, cũng không xa lìa pháp ấy hành Bồ thí thời chiếu sáng Bồ Tát đạo. Như vậy, Bồ Tát do sức phương tiện nên đầy đủ Bồ Tát đạo; đầy đủ rồi có thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy.

Xá lợi phát bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát làm thế nào tập hành Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Xá lợi Phát: Như Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện không hoại sắc, không theo sắc, vì sao? Vì sắc ấy tính không có nên không theo, không hoại; cho đến thức cũng như vậy. Nay Xá lợi phát,

Bồ Tát hành Bát nhã, do sức phương tiện nên bố thí không hoại, không theo, vì sao? Vì bố thí tính không có; cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy.

Xá lợi phát bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu các pháp không có tự tính có thể hoại, có thể theo, thì Bồ Tát làm thế nào có thể tập hành Bát nhã và chỗ sở học của các Bồ Tát, vì sao? Vì Bồ Tát không học Bát nhã thì không thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Xá lợi phát: Như lời ông nói, Bồ Tát không học Bát nhã thì không thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì không thể lìa sức phương tiện mà có thể được. Nếu Bồ Tát hành Bát nhã hoặc thấy có một pháp có được thì nên thủ lấy, nếu không có thể được thì thủ lấy cái gì? Nghĩa là cho đây là Bát nhã ba la mật, cho đây là Thiền Ba la mật, cho đến đây là Thí Ba la mật; đây là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến đây là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Xá lợi phát, Bát nhã không thể thủ tướng, cho đến hết thấy Phật pháp không thể thủ tướng; ấy gọi là Bát nhã không thủ tướng, cho đến Phật pháp không thể thủ tướng, là chỗ Bồ Tát nên học. Bồ Tát khi học ở trong ấy, tướng học cũng không thể có được, huống gì Bát nhã, pháp Phật, pháp Bồ Tát, pháp Bích chi Phật, pháp Thanh văn, pháp người phạm phu, vì sao? Vì không có một pháp nào có tự tính. Pháp không có tự tính như vậy thì cái gì là người phạm phu, Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, Bồ Tát và Phật? Nếu không có các hiền thanh ấy thì làm thế nào có pháp? Vì biết pháp ấy nên phân biệt nói đây là người phạm phu, đây là Tu đà hoàn cho đến là Bồ Tát, là Phật.

Xá lợi phát bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu pháp không có tự tính, không thật, không có căn bản thì làm thế nào biết đó là người phạm phu cho đến biết đó là Phật?

Phật bảo Xá lợi phát: Chỗ người phạm phu đấm trước là sắc có tự tính có thật chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn, chỉ do tâm điên đảo mà thấy có; thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy.

Nay Xá lợi phát, Bồ Tát khi hành Bát nhã, do sức phương tiện nên thấy các pháp không có tự tính, không có căn bản nên có thể phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Xá lợi phát bạch Phật: Bồ Tát làm thế nào khi hành Bát nhã do sức phương tiện nên thấy các pháp không có tính, không có căn bản nên có thể phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Xá lợi phát: Bồ Tát khi hành Bát nhã không thấy căn bản các pháp mà ở trong ấy sinh tâm giải đãi thoái thất. Nay Xá lợi phát, căn bản các pháp thật không có ngã, không có sở hữu, tính thường không, chỉ vì ngu si điên đảo nên chúng sinh chấp trước năm âm, mười hai nhập, mười tám giới. Bồ Tát thấy các pháp không có sở hữu, tính thường không; khi tự tính không mà hành Bát nhã thời tự an lập như huyễn sư, vì chúng sinh mà thuyết pháp: Dạy bố thí cho người tham, dạy trì giới cho người phá giới, dạy nhẫn nhục cho người sân hận, dạy tinh tấn cho người giải đãi, dạy thiền định cho người loạn tưởng, dạy trí tuệ cho người ngu si, khiến chúng sinh trú trong bố thí cho đến trí tuệ, vậy sau mới nói thánh pháp có thể giải thoát khổ; dùng pháp ấy nên được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Xá lợi phát bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát thấy chúng sinh ấy không có sở hữu nên dạy khiến bố thí, trì giới cho đến trí tuệ, vậy sau nói thánh pháp có thể giải thoát khổ, do pháp ấy nên được quả Tu đà hoàn cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Xá lợi phát? Bồ Tát khi hành Bát nhã, không có tội lỗi có thể có được, vì sao? Vì Bồ Tát khi hành Bát nhã, không thấy có chúng sinh, chỉ vì "pháp không" tương tục nên gọi là chúng sinh. Bồ Tát dùng hai đế vì chúng sinh thuyết pháp, là thế đế và đệ nhất nghĩa đế. Trong hai đế ấy, chúng sinh tuy không thể có được, song vì Bồ Tát hành Bát nhã, dùng sức phương tiện nên vì chúng sinh thuyết pháp. Chúng sinh nghe pháp ấy biết ta, tôi đời nay còn không thể có được, huống gì pháp được dùng và người được Vô thượng chánh đẳng chánh giác! Như vậy, Bồ Tát khi hành Bát nhã, do sức phương tiện nên vì chúng sinh thuyết pháp.

Xá lợi phát bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, tâm Bồ Tát rộng lớn, không có pháp có thể có được, hoặc một tướng, hoặc khác tướng, hoặc dị tướng mà có thể trang nghiêm lớn như vậy. Vì trang nghiêm ấy nên không sinh cõi Dục, không sinh cõi Sắc, không sinh cõi Vô sắc; không thấy pháp hữu vi, không thấy pháp vô vi mà ở trong ba cõi độ thoát chúng sinh, cũng không thấy có tướng chúng sinh, vì sao? Vì chúng sinh không trói không mở; vì chúng sinh không trói không mở nên không như không sạch; vì không như không sạch nên không có phân biệt sáu đường; vì không có phân biệt sáu

đường nên không có nghiệp, không có phiền não; vì không có nghiệp, không có phiền não nên cũng không có quả báo; và vì có quả báo ấy mà sinh trong ba cõi.

Phật bảo Xá lợi phất; Như vậy, như vậy. Như lời ông nói, nếu chúng sinh trước có mà sau không thời chư Phật, Bồ Tát có tội lỗi. Các pháp sáu đường sinh tử cũng như vậy, nếu trước có mà sau không thời chư Phật, Bồ Tát có tội lỗi. Nay Xá lợi phất, có Phật hay không có Phật thì tướng các pháp vẫn thường trú không khác; trong pháp tướng ấy còn không có ngã, không có chúng sinh, không có thọ mạng, cho đến không có kẻ biết kẻ thấy, hưởng gì có sắc, thọ, tưởng, hành, thức! Nếu không có pháp ấy, làm thế nào có qua lại sáu đường mà kéo chúng sinh ra khỏi? Nay Xá lợi phất, các pháp tính ấy thường không, vì thế nên Bồ Tát từ chỗ chư Phật quá khứ nghe pháp tướng ấy mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, trong đó không có pháp mà ta sẽ được, cũng không có chỗ chúng sinh đấm trước nhất định không thể kéo ra; chỉ vì chúng sinh điên đảo nên đấm trước. Vì thế nên Bồ Tát phát tâm đại trang nghiêm, thường không thoái chuyển đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát không nghĩ rằng: Ta sẽ không được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hay ta sẽ chắc chắn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác? Được Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi, dùng thật pháp làm lợi ích chúng sinh, khiến ra khỏi điên đảo. Thí như vị thầy huyền thuật hóa hiện ra trăm ngàn vạn ức người, đem đồ ăn uống bố thí khiến cho được no đủ, hoan hỷ xưng lên rằng: ta được phước lớn, ta được phước lớn! Ý ông nghĩ sao, trong đây thật có người ăn uống đầy đủ chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Phật dạy: Như vậy, Xá lợi phất, Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây, hành sáu Ba la mật, bốn thiền cho đến mười tám pháp không chung, đầy đủ Bồ Tát đạo, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật mà không có chúng sinh có thể độ.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, thế nào là Bồ Tát đạo? Bồ Tát hành đạo ấy có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây có hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cho đến mười tám pháp không chung, mà thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật.

Tu Bồ Đề thưa: Bồ Tát làm thế nào hành bố thí có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh?

Phật dạy: Bồ Tát khi hành bố thí, tự mình bố thí, cũng dạy chúng sinh bố thí, nói rằng: Các thiện nam tử, các ông chớ đấm trước bố thí. Các ông vì đấm trước bố thí nên lại phải thọ thân; vì lại phải thọ thân nên chịu nhiều khổ não. Nay các thiện nam tử, trong các pháp tướng không có bố thí, không có người thí, không có người nhận thí, ba pháp ấy tự tính đều không. Pháp tính không ấy không thể thủ, và tướng không thể thủ là tính không. Như vậy, Bồ Tát khi hành bố thí, bố thí cho chúng sinh, trong ấy không thấy có bố thí, người bố thí, người nhận thí, vì sao? Vì bố thí không thể có được; ấy gọi là Bố thí Ba la mật. Bồ Tát không thấy có ba pháp ấy nên có thể giáo hóa chúng sinh khiến được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát khi hành bố thí thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, tự mình hành bố thí, cũng dạy người hành bố thí, tán thán pháp bố thí, hoan hỷ tán thán người hành bố thí. Bồ Tát bố thí như vậy được sinh vào dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ, hoặc làm Tiểu vương, hoặc làm Chuyển luân Thánh vương; khi ấy đem bốn việc nhiếp thủ chúng sinh. Bốn việc đó là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Lấy vốn việc ấy nhiếp thủ chúng sinh rồi, chúng sinh dần dần trú ở trong giới, ở trong bốn thiên cho đến tám phần thánh đạo, không, Vô tướng, Vô tác tam muội, vào chính vị mà được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán hoặc đạo Bích chi Phật; hoặc dạy khiến được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nói rằng: Nay các thiện nam tử, các ông hãy phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, Vô thượng chánh đẳng chánh giác dễ được, vì sao? Vì không có pháp nhất định. Những điều chúng sinh đấm trước chỉ vì do điên đảo nên sinh đấm trước. Thế nên các ông tự xa lìa sinh tử, cũng dạy người khác xa lìa sinh tử; các ông hãy phát tâm tự mình làm lợi ích, cũng làm lợi ích những điều hư vọng ấy mà nổi sân giận để phải đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và các đường ác, chịu vô lượng khổ. Các ông chớ vì những điều hư vọng không thật ấy mà gây tội nghiệp để vì tội nghiệp ấy còn không được làm thân người, huống gì được sinh ra đời gặp Phật. Nay các thiện nam tử, sinh ra đời có Phật khó gặp, thân người khó được, các ông chớ bỏ mất thời giờ quý báu; nếu bỏ mất thời giờ quý báu thời không thể cứu được. Bồ Tát như vậy giáo hóa chúng sinh, tự mình hành nhẫn nhục, cũng dạy người khác hành nhẫn nhục, tán thán pháp nhẫn nhục, hoan hỷ tán thán người hành nhẫn nhục. Bồ Tát khiến chúng sinh trú trong nhẫn nhục dần dần do pháp ba thừa được dứt hết khổ. Như vậy, Bồ Tát trú trong Thí Ba la mật khiến chúng sinh an trú trong nhẫn nhục.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát làm thế nào trú trong Thí Ba la mật khiến chúng sinh tinh tấn? Bồ Tát thấy chúng sinh giải đãi, nói rằng: Các ông vì sao giải đãi? Chúng sinh đáp: Vì thiếu nhân duyên. Bồ Tát khi hành bố thí, nói với các chúng sinh rằng: Ta sẽ làm cho các ông đầy đủ nhân duyên, hoặc bố thí, hoặc trì giới hoặc nhẫn nhục. Chúng sinh ấy được nhân duyên lợi ích nên thân tinh tấn, miệng tinh tấn, tâm tinh tấn. Thân tinh tấn, tâm tinh tấn nên hết thấy thiện pháp đầy đủ, tu thánh pháp vô lậu; tu thánh pháp vô lậu nên được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, Bích chi Phật đạo hoặc Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Như vậy, Bồ Tát khi hành bố thí trú trong Tinh tấn Ba la mật nhiếp thủ chúng sinh.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát làm thế nào khi hành bố thí, giáo hóa chúng sinh khiến tu thiền định?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát thấy chúng sinh loạn tâm, nói rằng: Các ông có thể tu thiền định. Chúng sinh đáp: Chúng tôi thiếu nhân duyên. Bồ Tát nói: Ta sẽ làm cho các ông đủ nhân duyên. Nhờ nhân duyên ấy khiến tâm các ông không chạy theo giác quán, tâm không tán loạn. Chúng sinh do nhân duyên ấy nên dứt giác quán vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, tu tâm từ, bi, hỷ, xả. Chúng sinh do nhân duyên thiền định và tâm vô lượng ấy nên có thể tu bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo. Khi tu ba mươi bảy pháp trợ đạo dần dần vào ba thừa mà được Niết bàn, trọn không mất đạo. Như vậy, Bồ Tát khi hành bố thí, lấy thiền định nhiếp thủ chúng sinh khiến hành Thiền Ba la mật.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát làm thế nào hành bố thí do Bát nhã nhiếp thủ chúng sinh? Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát thấy chúng sinh ngu si không có trí tuệ, nói rằng: Các ông có gì không tu trí tuệ? Chúng sinh đáp: Vì thiếu nhân duyên. Bồ Tát nói rằng: Các ông cần được đầy đủ trí tuệ, hãy theo ta mà lấy; nghĩa là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Nhân duyên ấy đầy đủ rồi, các ông suy nghĩ như vậy: Bát nhã có pháp có thể được chăng? hoặc ta, hoặc chúng sinh, hoặc thọ mạng cho đến kẻ biết kẻ thấy có thể được chăng? hoặc sắc, thọ, tưởng, hành, thức; hoặc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; hoặc sáu Ba la mật; hoặc ba mươi bảy pháp trợ đạo; hoặc quả Tu đà hoàn, Tu đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật; hoặc Vô thượng chánh đẳng chánh giác có thể được chăng? Khi chúng sinh suy nghĩ như vậy thời đối với Bát nhã không có pháp có thể được, có thể đấm trước; nếu không đấm trước pháp, khi ấy không thấy pháp có sinh có diệt, có như có sạch; không phân biệt ấy là địa ngục, là súc sinh, là ngạ quỷ, là chúng A tu la, là trời, là người, là trì giới, là phá giới, là Tu đà hoàn, là Tu đà hàm, là A na

hàm, là A la hán, là Bích chi Phật, là Phật. Như vậy, Bồ Tát khi hành bố thí do Bát nhã nhiếp thủ chúng sinh.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát làm thế nào trú trong bố thí do Giới Ba la mật, Nhẫn Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, cho đến do ba mươi bảy pháp trợ đạo nhiếp thủ chúng sinh? Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát trú trong bố thí lấy cúng dường làm lợi ích chúng sinh. Do nhân duyên của sự lợi ích ấy nên chúng sinh có thể tu bốn niệm xứ, bốn chánh cần cho đến tám phần thánh đạo; chúng sinh tu ba mươi bảy pháp trợ đạo ấy được giải thoát sinh tử. Như vậy, Bồ Tát do thánh pháp vô lậu nhiếp thủ chúng sinh.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát khi giáo hóa chúng sinh, nói như vậy: Nay các thiện nam tử, các ông hãy theo ta lấy vật cần dùng: Hoặc đồ ăn uống, hoặc y phục, đồ nằm, hương hoa cho đến bảy báu, các thứ cần dùng để nuôi sống. Các ông nên lấy việc ấy nhiếp thủ chúng sinh. Các ông suốt đêm dài được lợi ích an vui, chớ nghĩ rằng vật ấy chẳng phải sở hữu của ta, ta suốt đêm dài vì chúng sinh chứa nhóm các vật ấy. Các ông hãy lấy các vật ấy như vật của mình không khác. Giáo hóa chúng sinh khiến hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, cho đến khiến được ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười lực của Phật cho đến mười tám pháp không chung, cũng khiến được thánh pháp vô lậu, đó là Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Như vậy, Bồ Tát khi hành bố thí nên giáo hóa chúng sinh như vậy, khiến được xa lìa ba đường ác, cho đến xa lìa hết thủy khổ qua lại trong sinh tử.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát trú trong Giới Ba la mật giáo hóa chúng sinh, nói rằng: Nay chúng sinh, các ông thiếu nhân duyên gì mà phá giới? Ta sẽ cho các ông đầy đủ nhân duyên: Hoặc bố thí cho đến trí tuệ và các vật cần dùng để nuôi sống. Bồ Tát trú trong Trì giới Ba la mật làm lợi ích chúng sinh khiến tu mười thiện đạo, xa lìa mười đạo bất thiện. Chúng sinh ấy trì giới, không phá giới, không khuyết giới, không ô trược giới, không tạp giới, không thủ giới, dần dần do pháp ba thừa mà dứt hết khổ. Lấy việc trì giới làm đầu giống như bố thí, nói bốn Ba la mật khác cũng như vậy.

Luận: Hỏi: Trước nói Bồ Tát tu sáu Ba la mật và các pháp trợ đạo không đầy đủ Bồ Tát đạo thời không được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nay Tu Bồ Đề nên tự biết tu sáu Ba la mật đầy đủ Bồ Tát đạo mà được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, có gì còn hỏi?

Đáp: Tu Bồ Đề không nghi làm sao được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nay chỉ hỏi làm sao đầy đủ Bồ Tát đạo, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật đáp: Nếu Bồ Tát tu sáu Ba la mật... do hòa hợp với sức phương tiện nên có thể tu hành, khi ấy đầy đủ Bồ Tát đạo. Sức phương tiện là không chắc chắn có được ba việc về bố thí, cũng không xa lìa ba việc ấy mà hành bố thí, khi ấy chiếu rõ Bồ Tát đạo. Chiếu rõ và đầy đủ cùng một nghĩa. Nếu Bồ Tát chắc chắn thấy có ba việc về bố thí thì rơi vào điên đảo chấp thường, bị lỗi thủ tướng chấp trước pháp; nếu không thấy có ba việc ấy thì rơi vào điên đảo chấp đoạn, chấp trước Không, trở lại khởi lên các phiền não tà kiến, liền xa lìa Bồ Tát đạo. Nếu Bồ Tát lìa hai bên ấy, nhân nơi Không mà xả bỏ pháp bố thí giả danh hư vọng ấy, nhân nơi thật tướng mà xa lìa chấp Không, không có người thí, không có người nhận, như tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác, quán bố thí cũng như vậy không khác. Bồ Tát hành như vậy gọi là đầy đủ, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Xá lợi phát ở giữa hội chúng nghe Phật cùng với Tu Bồ Đề nói quả báo sâu xa của Bát nhã rất có lợi ích, tuy có lợi ích mà không có tính chắc chắn thì làm sao có thể tập hành?

Phật đáp: Bồ Tát khi hành Bát nhã không hoại sắc, không theo sắc, như vậy gọi là tập hành Bát nhã. Bồ Tát khi mới phát tâm, vì biết thật pháp nên thường hành Bát nhã, thứ lớp tùy chỗ thích hợp hành bố thí... thế nên thường nói Bồ Tát khi hành Bát nhã là hành pháp bố thí...

Không hoại sắc là không nói sắc ấy vô thường, không nói sắc ấy không, không có sở hữu, ấy gọi là không hoại sắc.

Không theo sắc là không như mắt thấy sắc thủ tướng sinh ra chấp trước. Lại, không nói sắc ấy hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui... ấy gọi là không theo sắc, vì thấy thường, vô thường đều chẳng phải là thật tướng của sắc.

*Lại nữa, không nói sắc ấy căn bản ấy từ trong thế tính lại, hoặc từ trong vi trần lại, hoặc từ trong cõi trời Đại tự tại lại, hoặc từ trong thời gian lại, hoặc từ trong tự nhiên sinh ra, hoặc không nói không nhân không duyên, miễn cưỡng sinh ra. Như vậy gọi là không theo sắc, không hoại sắc. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Sắc ấy tính không có, nên không theo, không hoại.

Tính không có là sắc ấy từ bốn đại hòa hợp, giả gọi là sắc, mà trong ấy không có một pháp nhất định gọi là sắc, như trong phẩm Phá sắc ở trước đã nói. Sắc ấy từ nhân duyên hòa hợp sinh nên không có tự tính; nếu không có tự tính tức thời là tính không. Nếu nắm được sắc tướng tính không ấy tức là tập hành Bát nhã, cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy.

Lại hỏi: Bạch đức Thế Tôn, nếu các pháp không có tự tính có thể hoại, có thể theo thời Bồ Tát làm thế nào tập hành Bát nhã ba la mật? Không học Bát nhã thời không được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật chấp thuận ý Xá lợi phát và tự nói nhân duyên: Nếu Bồ Tát dùng sức phương tiện tu sáu Ba la mật thời tuy biết các pháp tính không mà có thể khởi lên Bát nhã ba la mật. Nếu Bồ Tát tìm hết thấy pháp mấy may có tính nhất định có thể được, thời có thể thủ, có thể chấp trước. Nhưng nay Bồ Tát thật tìm hết thấy pháp không có được tính nhất định gọi là Bát nhã ba la mật, Thiên Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung. Các pháp ấy đều không thể có được, vì không thể có được thời thủ cái gia? ấy gọi là Bồ Tát đối với Bát nhã ba la mật không thủ. Bồ Tát nên học Bát nhã không có chấp thủ ấy. Không có chấp thủ còn không thể có được, huống gì chấp thủ Bát nhã và các pháp, vì hết thấy pháp không có tự tính?

Xá lợi phát lại hỏi: Nếu hết thấy pháp không có tự tính, làm thế nào biết đó là phàm phu, đó là Phật?

Phật dạy: Hết thấy pháp tuy không có tướng căn bản nhất định, nhưng vì phàm phu điên đảo nên chấp trước. Bồ Tát tuy hành Bát nhã, do sức phương tiện nên thấy hết thấy pháp không có căn bản mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát ấy hành sâu tính không nên không thấy hết thấy pháp có căn bản, vì không thấy nên không giải đãi, thoái mất; biết rõ ràng hết thấy pháp vô ngã, không có tính sở hữu, tính thường không, chỉ vì chúng sinh ngu si điên đảo nên chấp trước đó là năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới. Khi ấy Bồ Tát suy nghĩ, trừ lượng tướng tịch diệt sâu xa của các pháp mà chúng sinh đăm trước một cách hư vọng điên đảo. Bồ Tát tự ví mình như vị thầy huyền thuật, dùng thần thông biến hóa thuyết pháp độ người. Việc làm như huyền, tâm bình đẳng thuyết pháp không thương, không ghét; đối với người xan tham dạy sáu Ba la mật bố thí...; lại dạy pháp thù thắng hơn khiến ra khỏi sinh tử, được quả Tu đà hoàn cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Hỏi: Ngoài sáu Ba la mật còn có pháp gì hơn chẳng, nên vì sao đây lại nói là pháp hơn?

Đáp: Trong đây không nói Ba la mật mà chỉ dạy bố thí cho người, cho đến dạy trí tuệ cho người ngu si. Pháp của chư Phật, Bồ Tát có đầu có sau. Pháp đầu là bố thí, trì giới, thọ giới, quả báo bố thí, được phước lạc sinh cõi trời dạy cho biết vị ngọt của năm dục lợi ích ít mà hại nhiều, phải thọ thân ở thế gian, chỉ bị suy khổ; tán thán pháp dứt ái xa lìa thế gian, chỉ bị suy khổ; tán thán pháp dứt ái xa lìa thế gian, vậy sau mới dạy bốn để khiến được quả Tu đà hoàn. Trong đây Bồ Tát chỉ muốn dạy khiến chúng sinh được Phật đạo nên trước tiên dạy khiến tu sáu pháp đầu. Trong đây trí tuệ lành không nhiếp thuộc ba môn giải thoát. Trí tuệ lành ấy có thể phát sinh thiện pháp bố thí, có thể dứt xan tham, sân hận, các ác pháp, có thể khiến chúng sinh được sinh cõi trời, vì sao biết lại có pháp hơn? Vì pháp hơn là pháp bốn thánh đế: Pháp xuất, pháp sở hành của các bậc thánh gọi là thánh pháp; pháp làm cho ra khỏi sinh tử của ba cõi gọi là pháp xuất. Lấy bốn đế thuyết pháp nên tùy căn cơ của chúng sinh khiến được quả Tu đà hoàn cho đến được trí Nhất thiết chủng. Trong đây tuy không nói sáu pháp đầu; nói bố thí... nên biết đã thu nhiếp vào trong ấy.

*lại nữa, Bồ Tát vì Phật đạo nên thuyết sáu pháp ấy, chỉ vì tâm chúng sinh hèn kém, tự thủ lấy Tiểu thừa, thế nên không nói sáu pháp đầu là bố thí, trì giới, quả báo sinh cõi trời...

Xá lợi phát bạch Phật: Trước nói Bồ Tát là rất ráo không thể có được, nay vì chúng sinh không có sở hữu mà thuyết pháp, khiến được pháp không có sở hữu là quả Tu đà hoàn cho đến trí Nhất thiết chủng. Bạch Thế Tôn, Bồ Tát vì được pháp không có sở hữu nên có thể làm cho chúng sinh được pháp không có sở hữu, không có sở đắc ấy là có sở đắc ư?

Phật dạy: Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật không có lỗi có sở đắc, vì sao? Vì Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật không thấy chúng sinh và pháp, chỉ thấy nhân duyên hòa hợp giả gọi là chúng sinh. Bồ Tát trú trong hai đế vì chúng sinh thuyết pháp, không chỉ thuyết không, không chỉ thuyết hữu; vì chúng sinh ái trước nên đằm trước không; vì chúng sinh thủ tướng chấp trước không nên thuyết hữu, giữa hai chỗ có và không, không nhiễm trước. Do sức phương tiện như vậy mà vì chúng sinh thuyết pháp. Thân ta và ta của chúng sinh hiện tại còn không thể có được, huống gì sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Xá lợi phát hoan hỷ bạch Phật: Tâm rộng lớn là Bồ Tát. Tâm rộng lớn là không có pháp có thể được, hoặc nhất tướng, hoặc dị tướng. Như người bán giữa chợ tức cần có trao đổi; người có tâm lớn thời không như vậy, không có nương tựa vào đâu mà có thể phát tâm trang nghiêm lớn; vì trang nghiêm lớn nên không sinh vào ba cõi, cũng kếp chúng sinh ra khỏi ba cõi, song chúng sinh không thể có được, vì chúng sinh không trói không mở, nên hết thấy pháp không. Từ lâu xa lại đây vì phiền não điên đảo hư dối không thật, thế nên gọi là không trói; vì không trói nên cũng không mở. Trói tức là nhớ, mở tức là sạch; vì không nhớ không sạch nên không có phân biệt sáu đường; vì không phân biệt sáu đường nên không có nghiệp tội phước; vì nghiệp tội phước không có nên không có phiền não khởi lên nghiệp tội phước; không khởi nghiệp tội phước thời không thể có quả báo. Như vậy, trong các pháp rốt ráo không mà trang nghiêm lớn, việc ấy thật là hy hữu; thí như người trồng cây giữa hư không, cây lá hoa quả làm lợi ích nhiều.

Phật hứa khả ý Xá lợi phát rằng, Xá lợi phát vì vấn nạn về không ấy nên Phật cũng đáp, cũng hứa khả; vì Xá lợi phát nói không, nên Phật hứa khả, vì Xá lợi phát vấn nạn không, nên Phật đáp. nghĩa là nếu chúng sinh và các pháp trước có nay không, thời chư Phật thánh hiền có tội lỗi. Tội lỗi là làm cho chúng sinh vào Vô dư Niết bàn, vĩnh viễn diệt hết thấy pháp, vào trong không đều không có sở hữu; làm đoạn diệt hết thấy pháp như vậy nên có tội lỗi. Nay Xá lợi phát, chúng sinh và hết thấy pháp từ trước lại đây không có; hoặc có Phật, hoặc không có Phật thì pháp ấy vẫn thường trú không khác, đó là thật tướng các pháp; thế nên không có sáu đường sinh tử, cũng không có chúng sinh để có thể kéo ra. Nay Xá lợi phát, hết thấy pháp trước không, vì vậy mà Bồ Tát ở chỗ Phật nghe tướng ấy của các pháp nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nghĩ rằng: Trong Bồ đề cũng không có pháp có thể được, cũng không có pháp chơn thật nhất định khiến chúng sinh đắm trước mà không thể độ; chỉ vì chúng sinh si cuồng điên đảo nên đắm trước pháp hư dối; thế nên Bồ Tát phát tâm trang nghiêm lớn, không thoái chuyển đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Lại nghĩ rằng: Ta chắc chắn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chẳng phải chẳng được; được rồi dùng thật pháp làm lợi ích chúng sinh; vì lợi ích chúng sinh nên chúng sinh được ra khỏi điên đảo. Muốn làm rõ việc này nên trong kinh đây nói ví dụ như vị thầy huyền thuật. Thầy huyền thuật tức chỉ cho Bồ Tát. Thầy huyền thuật tạo dựng vườn rừng, quán xá, tức là sáu pháp Ba la mật độ chúng sinh; tạo ra voi ngựa, trai gái, tức là chúng sinh được Bồ Tát độ. Như vị thầy huyền thuật một thân, vì sức huyền, huyền làm ra các chúng sinh, vườn rừng, quán xá để làm vui mọi người; nếu thầy huyền thuật cho các việc huyền làm ra ấy là thật, đối với người huyền tìm ân huệ tức là người

cuồng; Bồ Tát cũng như vậy. Theo Phật nghe dạy hết thấy pháp tính không, như huyễn mà dùng việc bố thí lợi ích chúng sinh; lại muốn cầu phước đức ân huệ thời tức là điên đảo.

Hỏi: Pháp huyễn, chú thuật thật có, còn các vật huyễn làm ra có thể hư dối; như chúng sinh không, nên Bồ Tát cũng không; Bồ Tát không hóa làm ra chúng sinh, đâu được nêu làm ví dụ?

Đáp: Trong thật tướng các pháp, pháp còn không có, huống gì chúng sinh! Tên khác của chúng sinh gọi là vị thầy huyễn thuật. Vị thầy huyễn thuật thật không có, có gì nói vị thầy huyễn thuật có mà các việc huyễn làm ra không có? Như ông cho vị thầy huyễn thuật thật có, còn các việc huyễn làm ra không có, còn thánh nhân xem vị thầy huyễn thuật và các việc huyễn làm ra không khác nhau. Vì làm rõ việc ấy nên nói ví dụ, mà chỉ lấy phần ít giống nhau làm ví dụ, có gì nêu ra toàn phần để vấn nạn? Như sư tử ví dụ cho vua, vì sư tử không hề sợ hãi giữa các loài thú. Vua cũng như vậy, tự tại, không chướng ngại giữa thần dân nên lấy làm ví dụ, đâu có thể trách rằng sư tử có bốn chân, có lông mao là khác ư? Phật nói tính không là các pháp đều không mà còn có chúng sinh; thế nên nêu vị thầy huyễn thuật làm ví dụ. Nay tôi nói ví dụ để phá chúng sinh, có sao ông lại đem chúng sinh ra vấn nạn?

Bấy giờ Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, thế nào là thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật?

Tu Bồ Đề tuy biết Bồ Tát đạo, song vì trong đây nói tính không sâu xa nên người nghe sinh nghi; vì vậy nên Tu Bồ Đề hỏi.

Phật dạy: Bồ Tát từ khi mới phát tâm hành sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung, ấy là Bồ Tát đạo; hành đạo ấy là thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật.

Tu Bồ Đề lại hỏi: Làm sao hành pháp ấy là thành tựu tuệ giác cho chúng sinh?

Ý Tu Bồ Đề muốn nói: Nếu pháp tự tính không, chúng sinh cũng tự tính không, làm thế nào có thể được thành tựu?

Phật dạy: Bồ Tát do sức phương tiện nên lấy pháp bố thí giáo hóa chúng sinh, không dạy chúng sinh chấp trước bố thí cho là chân thật.

Sức phương tiện là Bồ Tát nói với chúng sinh rằng: Này các thiện nam tử, hãy đến đây bố thí, chớ chấp trước bố thí ấy, như trong kinh đây nói rộng. Chúng sinh do bố thí được sinh chỗ giàu sang, vì được sinh chỗ giàu sang nên sinh tâm ngã mạn, kiêu mạn; vì ngã mạn kiêu mạn tăng trưởng nên phá thiện pháp; vì phá thiện pháp nên đọa vào ba đường ác. Thế nên Bồ Tát trước tiên dạy rằng: Chớ đắm trước bố thí, chỉ nhân nơi việc bố thí tu trì giới ấy và đều hồi hướng đến Niết bàn, vì sao? Vì thật tướng các pháp tính không, không thể thủ tướng. Như vậy, Bồ Tát do sức phương tiện giáo hóa chúng sinh khiến được quả Tu đà hoàn cho đến Phật đạo. Bồ Tát ấy tự mình hành bố thí, cũng dạy chúng sinh bố thí. Nếu không tự mình bố thí, hoặc có người nói: Nếu bố thí là pháp hay, có sao ông không tự hành? Thế nên Bồ Tát trước tiên tự mình bố thí.

*Lại nữa, Bồ Tát rất ưa thích thiện pháp, mà bố thí là cửa ban đầu, thế nên hành bố thí. Lại, Bồ Tát rất từ bi, thương xót chúng sinh; vì tâm từ bi tuy lớn song không thể làm đầy đủ cho chúng sinh, thế nên trước tiên bố thí để làm cho tâm họ được nhu nhuyễn, có thể do nhân duyên bố thí được sinh vào bốn dòng tộc và làm Chuyển luân Thánh vương; rồi dùng bốn nhiếp pháp nhiếp thủ chúng sinh, dần dần đem pháp ba thừa dạy bảo khiến cho được Niết bàn. Dạy người khác bố thí, tán thán pháp bố thí, hoan hỷ tán thán người bố thí; ấy là rất ưa bố thí. Thế nên thấy người khác cùng hành mà hoan hỷ tán thán.

*Lại nữa, tâm Bồ Tát thương xót chúng sinh nếu thấy họ tu phước thời hoan hỷ; như cha lành thấy con làm việc tốt thời tâm hoan hỷ. Người ấy theo bốn cách hành bố thí được sinh vào dòng quý Sát lợi, Bà la môn...; lấy bố thí nhiếp thủ chúng sinh rồi dần dần dạy họ khiến trì giới, thiền định cho đến được đạo Bích chi Phật. Hoặc thấy chúng sinh người nào có tâm lớn và có chút ít tâm từ bi, người ấy sợ hãi sinh tử lâu xa, nên giải đãi thoái mất, thời Bồ Tát dùng sức phương tiện nói với chúng sinh ấy rằng: Lạ thay, các chúng sinh kia! Vô thượng chánh đẳng chánh giác dễ được, có sao các ông cho là khó? Chỗ chúng sinh chấp đắm, trong đó không có pháp chơn thật nhất định có thể ngăn trở, khó hiểu, các ông nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đã tự mình được độ, còn độ thoát chúng sinh.

Độ thoát chúng sinh là Bồ Tát tự cưỡi xe Đại thừa được độ, dùng xe ba thừa tùy theo chỗ thích hợp của chúng sinh có thể độ mà độ. Đã tự lợi ích mình, cũng lợi ích người khác.

Lợi ích người khác là tự mình đã thành Phật, cũng đem pháp ba thừa độ chúng sinh. Nếu Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật được như vậy thời từ khi mới phát tâm về sau trọn không đọa vào ba đường ác.

Thường làm Chuyển luân Thánh vương là Bồ Tát phần nhiều sinh cõi Dục, vì sao? Vì trong cõi Vô sắc không có hình tướng nên không thể giáo hóa; trong cõi Sắc phần nhiều ưa đắm cái vui thiền định, không có tâm nhằm chán nên cũng khó hóa giáo; lại cũng không sinh cõi trời Dục giới, vì sao? Vì đắm cái vui năm dục nên khó giáo hóa. Còn ở trong nhân đạo đời đời lấy bốn việc nhiếp, nhiếp thủ chúng sinh, nên làm Chuyển luân Thánh vương. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Tùy theo chỗ gieo nhân mà được quả báo lớn, như trong Kinh nói tướng bố thí. Lại có Bồ Tát khi hành Thí Ba la mật, thấy chúng sinh phá giới liền nghĩ rằng: Các ông vì nhân duyên không đầy đủ nên phá giới, ta sẽ cấp cho vật cần dùng để khỏi bị thiếu thốn.

Người phá giới có hai hạng: Một là nhân duyên trì giới không đầy đủ nên phá, như người nghèo cùng vì đói khát cấp bách nên trộm cắp. Hai là nhân duyên trì giới tuy đầy đủ nhưng vì tâm tập theo thói ác, ưa làm việc ác mà phá giới. Người nghèo cùng phá giới thời Bồ Tát nói với họ: Ông hãy trì giới, ta sẽ cung cấp cho đầy đủ. Các ông trì giới rồi dần dần nhờ pháp ba thừa mà được độ thoát; ấy gọi là nhân bố thí sinh trì giới.

Chúng sinh vì việc không như ý nên nổi giận là như vì tìm vật không được như ý nên nổi giận, gặp người không xứng ý nên nổi giận. Bồ Tát tu bố thí tùy theo ý họ mà cung cấp cho đầy đủ.

Hỏi: Như người nghèo túng thời cấp thí cho để không nổi giận có thể được, còn người không xứng ý bị làm xúc não khiến nổi giận thời lại làm sao?

Đáp: Lấy ngọc như ý thí cho thời người ta đều vừa ý, vì uy đức của ngọc nên người không nổi giận; như hành giả vào tam muội từ tâm nên người không nổi giận. Thế nên nói vì thiếu nhân duyên gì nên nổi giận, ta sẽ làm cho người được đầy đủ.

*Lại nữa, hết thấy pháp tính không, không có sở hữu, lý do việc ông giận cũng đều hư dối không nhất định, tại sao ông vì việc hư dối mà nổi giận mắng nhiếc, gia hại cho đến cướp mạng? Vì tạo tội nặng ấy nên đọa vào ba đường ác chịu vô lượng khổ. Các ông chớ vì việc hư dối không thật mà chịu tội lớn. Như trong núi có một bức họa đồ vẽ hình Phật, trong đó có một phòng riêng, trong có một con quý đi đến khùng跛, xúc não vị đạo nhân nên

các đạo nhân đều bỏ phòng mà đi. Có một khách Tăng đi đến, vị Duy na phân xử chia cho ở phòng ấy, nói với vị khách tăng rằng: Trong phòng ấy có một con quỷ ưa xúc não người, ông có thể ở được thì ở. Vị khách Tăng tự cầm dao trì giới, đa văn mà nói với tiểu quý: Người có khả năng gì ta cũng sẽ hàng phục, liền vào phòng ở. Đêm xuống lại có một khách Tăng khác đi đến tìm chỗ ở, vị Duy na cũng chỉ cho ở phòng ấy và nói: Trong phòng có tiểu quý hay xúc não người. Vị khách Tăng kia cũng nói: Tiểu quý có khả năng gì, tôi cũng sẽ hàng phục. Vị khách Tăng vào trước đóng cửa lại, ngồi ngay thẳng chờ quý; vị khách Tăng đến sau trong đêm tối xô cửa bước vào. Vị khách Tăng trước cho đó là quý, không chịu mở cửa; vị khách Tăng sau dùng hết sức đập cửa. Vị khách Tăng ở trong lấy dao chặn lại; vị khách Tăng ở ngoài hơn, xô cửa đi vào. Vị khách Tăng ở trong đánh; vị khách Tăng ở ngoài cũng cực lực đánh lại như tử. Đến khi trời sáng, nhân thấy rõ mọi việc mới biết là kẻ đồng học cũ, nên cùng nhau hổ thẹn mà xin lỗi. Mọi người kéo đến nực cười, cho là quái gỡ. Chúng sinh cũng như vậy, năm uẩn hòa hợp không có ngã, không có nhân mà chấp thủ tướng suông để tranh đấu nhau. Nếu bị cắt xẻ từng mảnh ném xuống đất thời chỉ có xương thịt mà không có người, không có ta. Thế nên Bồ Tát nói với chúng sinh rằng: Các ông chớ ở nơi căn bản không, mà tranh đấu, gây tội, vì tội tranh đấu nên thân người còn không thể có được, huống gì được gặp Phật! Nên biết thân người khó được, Phật ra đời khó gặp, thời giờ quý báu dễ qua, một phen rơi vào chỗ hoạn nạn thời vĩnh viễn không thể sửa trị. Nếu đọa vào địa ngục, bị thiêu đốt, cắt xẻ thời làm sao giáo hóa được? Nếu rơi vào súc sinh, tàn hại lẫn nhau, cũng không thể giáo hóa! Nếu rơi vào ngựa quý, đói khát bức não thời cũng không thể giáo hóa! Nếu sinh vào cõi trời sống lâu, dù ngàn vạn đức Phật qua đi mà vì đắm trước thiên vị nên cũng không hay biết! Nếu như sinh vào các nước biên địa, tuy đều là thân người mà ngu si, không thể giáo hóa! Tuy được sinh vào trung tâm cõi nước mà hoặc tay chân không hoàn toàn; hoặc mù, điếc, câm, ngọng; hoặc không biết nghĩa lý; hoặc tuy sáu căn không đầy đủ mà không thông lợi, hay đắm sâu tà kiến nói rằng không có tội phước, thời cũng không thể giáo hóa! Thế nên vì họ nói thì giờ quý báu, chớ để luống qua mà bị đọa vào các chỗ khổ nạn, không thể độ được.

Các Ba la mật khác như trong kinh này nói rộng, nên ở đây không giải thích.

Hỏi: Ở trong Thí Ba la mật mà hành năm Ba la mật xong, sao còn nói lại sáu Ba la mật?

Đáp: Trên kia nói tu một độ thứ lớp đầy đủ năm độ, còn ở đây nói chung cả năm độ cùng tu một lần.

Lại, trước chỉ nói sáu Ba la mật, nay đây nói luôn cả ba mươi bảy pháp trợ đạo và các đạo quả.

Hỏi: Ba mươi bảy pháp trợ đạo từ tâm xuất ra, làm sao do nhân duyên giúp được?

Đáp: Bồ Tát cung cấp cho người tọa thiền y phục, đồ uống ăn, thuốc thang, gậy pháp, thiền sàng, thiền trấn, làm cho gặp được thầy tốt dạy bảo, được đệ tử tốt thọ giáo; đưa cho bộ xương người khiến quán, cho thiền kinh khiến người dạy thiền pháp. Như vậy, là nhân duyên của ba mươi bảy pháp trợ đạo. Lại khiến người giảng cho pháp Đại thừa rằng: Các ông cần y phục, đồ uống ăn hãy đều đến đây nhận lấy như vật của mình, chớ nghi ngại. Các ông được vật ấy rồi tự mình hành sáu Ba la mật, cũng dạy người khác hành sáu Ba la mật. Việc bố thí ấy tính không, các ông chớ đăm trước việc bố thí và quả báo bố thí. Chúng sinh ngộ được tính không ấy, dần dần được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vào Vô dư Niết bàn.

Như lấy pháp bố thí làm đầu sinh ra năm Ba la mật khác; nghĩa các Ba la mật khác cũng như vậy.

(Hết cuốn 91 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 92

Giải Thích: Phẩm Tịnh Phật Quốc Độ Thứ 82

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Tịnh Phật Quốc

Kinh Đại Bát nhã hội thứ 2 ghi: Phẩm Đạo Sĩ thứ 80)

Kinh: Bây giờ Tu Bồ Đề suy nghĩ: Thế nào là đạo Bồ Tát? Bồ Tát trú trong đạo ấy như vậy có thể phát đại thệ nguyện trang nghiêm?

Phật biết ý nghĩ của Tu Bồ Đề, bảo Tu Bồ Đề: Sáu Ba la mật mà đạo Bồ Tát; ba mươi bảy pháp trợ đạo là đạo Bồ Tát; mười tám không, là đạo Bồ

Tát; tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật cho đến mười tám pháp không chung, là đạo Bồ Tát. Hết thấy pháp cũng là đạo Bồ Tát. Nay Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, và chẳng có pháp Bồ Tát không học mà có thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác chẳng? Nay Tu Bồ Đề, không có pháp Bồ Tát không nên học, vì sao? Vì Bồ Tát không học hết thấy pháp thời không được trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp đều không, thời vì sao nói Bồ Tát học hết thấy pháp? Như vậy há ở trong chỗ không có Thế Tôn, không có hý luận thành ra có hý luận chẳng? Nghĩa rằng hý luận cho là đây, là kia, là pháp thế gian, là pháp xuất thế gian, là pháp hữu lậu, là pháp vô lậu, là pháp hữu vi, là pháp vô vi, là pháp phàm phu, là pháp A la hán, là pháp Bích chi Phật, là pháp Phật.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy. Hết thấy pháp thật không; nếu hết thấy pháp chẳng không, thời Bồ Tát không thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay hết thấy pháp thật không, nên Bồ Tát có thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Tu Bồ Đề, như lời ông nói, nếu hết thấy pháp không, há không phải ở trong chỗ không có hý luận. Thế Tôn khởi lên hý luận phân biệt có kia có đây, có pháp thế gian, pháp xuất thế gian cho đến pháp Phật. Nay Tu Bồ Đề, nếu chúng sinh biết hết thấy pháp không, thời Bồ Tát không học hết thấy pháp mà được trí Nhất thiết chủng. Nay chúng sinh thật không biết hết thấy pháp không, vì thế nên Bồ Tát được Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi, phân biệt các pháp, vì chúng sinh mà giảng nói. Nay Tu Bồ Đề, ở trong đạo Bồ Tát ấy, từ khi mới phát tâm lại đây, đối với tính nhất định của hết thấy pháp không thể có được, chỉ vì nhân duyên hòa hợp khởi lên nên có danh từ các pháp. Ta nên suy nghĩ như vậy: Các pháp thật tính không dính mắc gì, như tính sáu Ba la mật hoặc ba mươi bảy pháp trợ đạo, hoặc quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì sao? Vì hết thấy pháp, hết thấy pháp tính không, không chẳng dính mắc không, không cũng không thể có được, huống gì trong không có dính mắc? Bồ Tát suy nghĩ như vậy nên không chấp trước hết thấy pháp mà học hết thấy pháp, ở trong sự học ấy quán tâm hành của chúng sinh, biết tâm ấy hành ở chỗ nào. Biết chúng sinh hành ở trong hư vọng không thật, khi ấy Bồ Tát nghĩ rằng: Chúng sinh ấy chấp trước pháp hư vọng không thật nên dễ độ thoát. Bồ Tát trú trong Bát nhã, dùng sức phương tiện giáo hóa như vậy: Chúng sinh các người nên hành bố thí, có thể được giàu của cải, cũng chớ ý thị quả báo bố thí mà tự cao, vì sao? Vì trong đó không có pháp chắc thật; trì giới, thiền định, trí tuệ cũng như vậy. Chúng sinh hành pháp ấy có thể được quả Tu đà hoàn cho

đến quả A là hán, đạo Bích chi Phật, Phật đạo; chớ nghĩ rằng có pháp ấy giáo hóa như vậy hành đạo Bồ Tát mà không vướng mắc gì, vì trong ấy không có gì chắc thật. Nếu giáo hóa được như vậy gọi là hành đạo Bồ Tát, vì đối với các pháp không dính mắc gì, vì sao? Tương các pháp không dính mắc, vì tự tính không có, vì tính không. Nay Tu Bồ Đề, khi hành đạo Bồ Tát như vậy không trú chỗ nào. Bồ Tát vì không trú pháp nên cũng không trú trong ấy hành Giới Ba la mật, cho đến cũng không trú trong ấy hành Bát nhã ba la mật; hành sơ thiền cũng không trú trong ấy, vì sao? Vì sơ thiền ấy, tương sơ thiền không, người hành thiền cũng không, pháp dùng để hành thiền cũng không; đệ nhị, đệ tam, đệ tứ thiền cũng như vậy; từ, bi, hỷ, xả cho đến định chín thứ lớp cũng như vậy. Được quả Tu Đà hoàn cũng không trú trong ấy, cho đến được đạo Bích chi Phật cũng không trú trong ấy.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, do nhân duyên gì nên không trú trong ấy?

Phật dạy: có hai nhân duyên nên không trú trong ấy. Những gì là hai? Một là các đạo quả tính không, không có chỗ trú, cũng không có pháp sử dụng, cũng không có người trú; hai là không cho chút ít việc là đủ nên không trú, nghĩ rằng: Ta không nên không được quả Tu đà hoàn, ta chắc chắn nên được quả Tu đà hoàn, chỉ ta không nên trú trong ấy; cho đến đạo Bích chi Phật ta chẳng nên không được, ta chắc chắn nên sẽ được, chỉ ta không nên trú trong ấy, cho đến được Vô thượng chánh đẳng chánh giác cũng không nên trú, vì sao? Vì từ khi ta mới phát tâm lại đây không có tâm gì khác, chỉ nhất tâm hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát nhất tâm hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, xa lìa các tâm khác; gây nghiệp thân, miệng, ý đều nên hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát trú vào nhất tâm ấy có thể phát sinh đạo giác ngộ.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp chẳng sinh, làm sao Bồ Tát có thể phát sinh đạo giác ngộ?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy, hết thấy pháp không sinh. Vì sao không sinh? Vì không có gì làm, không có gì khởi, vì hết thấy pháp chẳng sinh.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, có Phật hay không có Phật thời thật tương các pháp vẫn thường trú ư?

Phật dạy: Như vậy, như vậy. Thật tướng các pháp thường trú, vì chúng sinh chẳng biết thật tướng các pháp thường trú nên Bồ Tát vì chúng sinh mà phát sinh đạo giác ngộ, dùng đạo ấy kéo chúng sinh ra khỏi sinh tử.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, dùng đạo sinh được giác ngộ ư?

Phật dạy: không được.

Bạch đức Thế Tôn, dùng đạo không sinh được giác ngộ ư?

Phật dạy: Không được.

Bạch đức Thế Tôn, dùng đạo không sinh chẳng phải không sinh được giác ngộ chăng?

Phật dạy: không được.

Bạch đức Thế Tôn, làm thế nào được giác ngộ?

Phật dạy: Chẳng phải dùng đạo được giác ngộ, cũng chẳng phải dùng chẳng phải đạo được giác ngộ, vì tính giác ngộ tức là đạo, đạo tức là giác ngộ.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu giác ngộ tức là đạo, đạo tức là giác ngộ, nay đây Bồ Tát khi chưa làm Phật lẽ đáng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, có sao nói các đấng Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, mười lục, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao, Phật được giác ngộ chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Phật không được giác ngộ, vì sao? Vì Phật tức là giác ngộ, giác ngộ tức là Phật.

Như lời Tu Bồ Đề hỏi, khi còn Bồ Tát không nên được giác ngộ. Bồ Tát ấy đầy đủ sáu Ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo, mười lục của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, tam muội Kim Cang, một niệm tương ưng với tuệ mới được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, khi ấy gọi là Phật, được tự tại đối với hết thảy pháp.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát nghiêm tịnh cõi Phật?

Phật dạy: Bồ Tát từ khi mới phát tâm trở lại đây tự trừ nghiệp thô nơi thân, tự trừ nghiệp thô nơi miệng, tự trừ nghiệp thô nơi ý, cũng làm thanh tịnh nghiệp thô nơi thân, miệng, ý của người khác.

Bạch đức Thế Tôn, thế nào là nghiệp thô nơi thân, miệng, ý của Bồ Tát?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nghiệp bất thiện: Hoặc sát sinh cho đến tà kiến là nghiệp thô nơi thân, miệng ý của Bồ Tát.

*Lại nữa, giới không thanh tịnh là nghiệp thô nơi thân, miệng của Bồ Tát.

*Lại nữa, nếu Bồ Tát xa lìa bốn niệm xứ mà tu hành, gọi là nghiệp thô của Bồ Tát; xa lìa bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần thánh đạo, tam muội Không, Vô tướng, Vô tác cũng là nghiệp thô của Bồ Tát.

*Lại nữa, Bồ Tát tham chứng quả Tu Đà hoàn cho đến tham chứng quả A la hán, đạo Bích chi Phật là nghiệp thô của Bồ Tát.

Luận: Từ trước lại đây Tu Bồ Đề thường hỏi về pháp không. Bấy giờ trong hội chúng nghi: Tu Bồ Đề đã thể ngộ pháp tịch tịnh không hý luận, có sao còn hỏi nhiều? Vì thế nên không hỏi mà chỉ tâm niệm.

*Lại nữa, có những Bồ Tát và chư thiên vào sâu thiền định, không ưa ngôn ngữ mà chỉ muốn được ích lợi của pháp, thế nên Tu Bồ Đề không phát ngôn mà chỉ tâm niệm.

Hỏi: Vì sao Tu Bồ Đề tuy không nói mà Thế Tôn vẫn dùng lời đáp?

Đáp: Sắc thân của Phật trông thấy không nhàm chán; thấy sắc không nhàm chán, nghe âm thanh cũng như vậy, nên tuy nói mà không chướng ngại hạnh thiền định vi tế; thế nên Phật dùng lời để đáp.

*Lại nữa, Phật an lập nơi tướng tịch diệt, trú trong Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không phân biệt hết thấy pháp hoặc thiện hoặc bất thiện. Chúng sinh có nghi mà hỏi, Phật theo chỗ hỏi, chỗ suy nghĩ mà đáp, vì thế nên không giống với Tu Bồ Đề. Tu Bồ Đề nghe sáu Ba la mật nghĩa lý rất sâu, không thể nắm bắt được bờ mé của nó, nên hỏi: Thế nào là đạo Bồ Tát mà hành đạo ấy được thanh tịnh, không có chỗ đấm trước các thiện pháp, sáu Ba la mật trang nghiêm? Phật biết ý Tu Bồ Đề nghĩ nên đối với Tu Bồ Đề tuy lợi ích ít mà vì lợi ích cho các Bồ Tát nên đáp: Sáu Ba la mật là đạo Bồ Tát. Sáu Ba la mật là đạo của Bồ Tát mới phát tâm; tiếp đến hành bốn thiện, tám bội xả, định chín thứ lớp và ba mươi bảy pháp trợ đạo, chỉ cầu Niết bàn; hành mười tám không, mười lực của Phật, là các thiện pháp vi tế, chỉ vì cầu Phật đạo. Sáu Ba la mật phần nhiều vì chúng sinh mà nói; ba mươi bảy pháp trợ đạo chỉ vì cầu Niết bàn; mười tám không, từ Niết bàn xuất ra, là đạo vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật mà vào Bồ Tát vị. Ba đạo ấy đều là sở hành của sinh thân Bồ Tát; vì không thấy các pháp có tốt xấu mà an lập tướng bình đẳng của các pháp. Trong Kinh này Phật tự nói nhân duyên: Bồ Tát nên học hết thấy, nếu có một pháp không học thì không thể được trí Nhất thiết chủng. Học hết thấy pháp là dùng hết thấy pháp môn, suy nghĩ, trừ lượng, tu quán mà được thông suốt.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu hết thấy pháp một tướng đó là không tướng thì Bồ Tát làm thế nào học hết thấy pháp mà bèn ở trong Không có hý luận khởi lên hý luận? Nghĩa là cho rằng có pháp này pháp kia!

Lược nói tướng hý luận là đây đông kia tây, đây trên kia dưới, là thường là vô thường, là thật là không, là thế gian là xuất thế gian, cho đến là pháp nhị thừa, là pháp Phật.

Phật hứa khả lời Tu Bồ Đề rằng: Hết thấy pháp tướng không; nếu pháp thật có định tướng chẳng không tức là không sinh không diệt; không diệt nên không có bốn đế; không có bốn đế nên không có Phật, Pháp, Tăng bảo; như vậy, Tam bảo đều bị phá hoại. Nay các pháp thật không có, cho đến tướng không, cũng không có, chỉ do chúng sinh ngu si điên đảo nên chấp trước. Thế nên đối với chúng sinh, Bồ Tát khởi tâm thương xót, muốn kéo ra khỏi chấp trước nên cầu sức thân Phật; muốn làm cho chúng sinh tin chịu lời kia để bỏ điên đảo, ngộ vào thật tướng. Thế nên Bồ Tát tuy biết các pháp không, mà vì lợi ích chúng sinh nên phân biệt nói. Nếu chúng sinh tự biết các pháp không, thì Bồ Tát chỉ tự trú trong tướng không ấy, không cần học phân biệt hết thấy pháp.

Bồ Tát khi hành đạo Bồ Tát, từ khi mới phát tâm trở lại đây suy nghĩ như vậy: Hết thầy pháp không có tính nhất định, chỉ do nhân duyên hòa hợp nên sinh khởi; các nhân duyên ấy cũng mỗi mỗi do hòa hợp sinh cho đến rốt ráo không. Rốt ráo không chỉ là một pháp thật, ngoài ra đều không có tự tính nên đều hư dối. Ta từ vô thủy lại đây chấp đắm pháp hư dối ấy chán việc thọ khổ não trong sáu đường. Ta nay là con của chư Phật trong mười phương ba đời, Bát nhã là mẹ ta, nay ta không nên trở lại đeo đuổi pháp hư vọng. Do vậy, Bồ Tát cho đến đối với rốt ráo không cũng không dính mắc, hưởng gì các pháp khác như Thí Ba la mật...

Bấy giờ Bồ Tát đầy đủ đạo Bồ Tát, tâm kia an ổn, tự nghĩ rằng: Ta chỉ dứt tâm chấp trước, còn đạo tự nhiên đến. Biết pháp ấy rồi nghĩ đến chúng sinh đang nhiễm trước thế gian mà rốt ráo không cũng không, không có tự tính, không có chỗ ở, nên chúng sinh ấy khó có thể tin chịu. Vì khiến chúng sinh tin chịu pháp ấy nên học hết thầy pháp, tu hành pháp phương tiện độ chúng sinh, quán tâm hành của chúng sinh đi về đâu, biết nó ưa pháp gì, nghĩ việc gì, có chí nguyện gì. Khi quán sát biết chỗ chấp trước của chúng sinh đều là hư vọng điên đảo, do ức tướng phân biệt nên chấp trước chứ không có căn bản chắc thật. Bấy giờ Bồ Tát rất hoan hỷ, nghĩ rằng: chúng sinh dễ độ, vì sao? Vì chỗ đắm trước của chúng sinh đều là hư dối không thật, thí như người có một đứa con ưa giỡn chơi trong chỗ bất tịnh, nhóm đậy làm lúa, lấy cây cỏ làm chim thú mà sinh ra ưa đắm; bị có người giựt lấy liền nổi giận khóc la. Cha nó biết vậy rồi, nghĩ rằng: Đứa con ấy nay tuy ưa đắm nhưng việc ấy dễ bỏ, đến khi khôn lớn nó tự bỏ, vì sao? Vì vật ấy không chân thật. Bồ Tát cũng như vậy, xem thấy chúng sinh ưa đắm thân bất tịnh hôi hám, và năm dục là pháp vô thường, nguyên nhân của các khổ; biết chúng sinh ấy tuy có được năm thiện căn tín, tâm, niệm, định, tuệ thành tựu liền có thể xả bỏ. Nếu trẻ nhỏ đắm trước vật cho là thật thời tuy lớn đến trăm tuổi, lòng tham đắm càng sâu không thể xả bỏ. Nếu chúng sinh chấp trước vật cho là thật có nhất định thời tuy có được năm thiện căn song lòng chấp trước vẫn càng sâu nặng, cũng không thể xa lìa. Vì các pháp tính không, hư dối không thật, nên khi được mắt tuệ vô lậu thanh tịnh, xa lìa pháp chấp trước, lớn lên tự biết hổ thẹn. Thí như người bị bệnh cuồng làm điều sai trái, sau khi tỉnh ngộ thấy mắt mặt xấu hổ.

Bồ Tát đã biết chúng sinh dễ độ nên an trú trong Bát nhã, dùng sức phương tiện giáo hóa chúng sinh rằng: các ông hãy nên bố thí, sẽ được của nhiều, chớ ý thị quả báo bố thí mà tự cao ngạo. Trong đây không có gì chắc thật, đều sẽ bị phá hoại, với khi chưa bố thí không khác nhau. Trì giới, nhẫn nhục cho đến mười tám pháp không chung, cũng như vậy. Các pháp ấy tuy

thanh tịnh, có ích rất lớn, nhưng đều là pháp hữu vi, do nhân duyên sinh, không có tự tính, các ông nếu đắm trước pháp ấy thời sinh ra khổ não; thí như thời vàng nóng bỏng, tuy là vật báu mà nắm đến thời cháy tay. Như vậy, Bồ Tát giáo hóa chúng sinh, hành đạo Bồ Tát, tự mình không chấp trước gì, cũng dạy chúng sinh không chấp trước; vì tâm không chấp trước hành bố thí nên không trú trong bố thí. Không trú là khi bố thí không chấp thủ ba tướng, cũng không chấp trước quả báo mà tự cao, sinh ra nghiệp tội, khi quả báo diệt hoại cũng không sinh ưu não. Giới Ba la mật cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác cũng như vậy. Trong đây Phật tự nói nhân duyên không trú: Một là Bồ Tát vào sâu tính không, không thấy các pháp có tự tính nên không trú; hai là không cho việc nhỏ là đủ không nên trú. Bồ Tát không có tâm khác, chỉ một mặt hướng đến việc phát sinh đạo giác ngộ. (trang 461)

Tu Bồ Đề bạch Phật: nếu hết thấy pháp không sinh thời Bồ Tát làm thế nào có thể phát sinh đạo giác ngộ?

Phật hứa khả ý Tu Bồ Đề và nói: Hết thấy pháp không sinh, Ta thật đã nhiều nơi nói pháp không sinh, chẳng phải vì hàng phàm phu nói, mà chỉ vì hàng được vô tác giải thoát, không khởi ba nghiệp mà nói.

Hỏi: Phật tự nói có Phật hay không có Phật thời tính của các pháp vẫn thường trú; như pháp tướng không của các bậc thánh, phàm phu cũng như vậy?

Đáp: Phật hứa khả lời nói ấy rằng: Thật tướng các pháp thường trú, vì chúng sinh không hiểu không biết nên khởi lên đạo giác ngộ, chỉ vì trừ điên đảo cho phàm phu nên gọi là đạo. Nếu chắc chắn có đạo có thể chấp trước thời trở lại là điên đảo. Đạo và chẳng phải đạo bình đẳng tức là đạo; thế nên không nên vấn nạn.

Tu Bồ Đề hỏi: Làm sao có thể được giác ngộ? Dùng đạo sinh được ư?

Phật dạy: Không được, vì sao? Vì nhân đạo sinh là Bồ Tát quán đó là pháp hữu vi sinh diệt nên cho rằng thật, thế nên đáp không; như trước nói thí dụ thời vàng cháy đỏ. Còn pháp không sinh (tức đạo không sinh) tức là vô vi, vì pháp vô vi nên cũng không thể dùng để được giác ngộ. Đạo sinh và đạo không sinh cả hai đều có lỗi, vậy đạo chẳng phải sinh chẳng phải không sinh được giác ngộ chăng? - Đáp: Không được.

Hỏi: Nếu đạo sinh và đạo không sinh đều có lỗi, vậy đạo chẳng phải sinh chẳng phải không sinh không nên có lỗi, có sao nói không được?

Đáp: Nếu phân biệt chẳng phải sinh chẳng phải không sinh là tốt, là xấu, đó là vì thủ tướng sinh chấp trước, nên nói có lỗi; nếu không chấp trước thì là đạo giác ngộ.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu không do bốn cú được giác ngộ, vậy làm sao được đạo?

Phật dạy: Chẳng phải đạo không do chẳng phải đạo được giác ngộ, vì sao? Vì giác ngộ tức là đạo, đạo tức là giác ngộ; mà giác ngộ tức là thật tướng các pháp, là thật tướng của chư Phật chứng ngộ, không có đổi khác. Hết thủy pháp đều vào trong giác ngộ, là tướng tịch diệt, như hết thủy nước vào trong biển cả đều cùng làm một vị. Thế nên Phật nói tính giác ngộ tức là tính đạo. Nếu tính giác ngộ và tính đạo khác nhau thì không gọi là giác ngộ, vì tướng tịch diệt, không có hí luận; thế nên nói giác ngộ tức là đạo, đạo tức là giác ngộ.

*Lại nữa, nếu hai pháp ấy khác nhau thì hành đạo không thể đến giác ngộ, vì nhân quả chẳng phải một chẳng phải khác.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu như vậy thì Bồ Tát hành đạo lẽ đáng bèn là Phật, vì sao? Vì đạo tức là giác ngộ! Lại, Phật lẽ đáng là Bồ Tát, vì sao? Vì giác ngộ tức là đạo! Nay có gì nói có sai khác: Phật có mười lực, 32 tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình?

Tu Bồ Đề vì hàng Bồ Tát mới học nên phân biệt nạn hỏi Phật rằng: Bồ Tát lý đáng tức là Phật, Phật đáp bằng cách hỏi ngược lại rằng: Phật được giác ngộ chẳng?

Tu Bồ Đề đáp: Không được, vì sao? Vì giác ngộ không là Phật, Phật không là giác ngộ; hai pháp hòa hợp nên gọi là Phật, là giác ngộ. Thế nên không nên nạn rằng Bồ Tát tức là Phật. Đây là đáp tương chung vậy.

Hỏi: Phật thuộc chúng sinh hữu tình, giác ngộ thuộc pháp, có sao nói Phật tức là giác ngộ?

Đáp: Trước tiên có 32 tướng trang nghiêm thân và công đức sáu Ba la mật trang nghiêm tâm, nhưng không gọi là Phật, mà vì được giác ngộ nên mới gọi là Phật; thế nên nói Phật với giác ngộ không khác. Năm uẩn thanh

tịnh vi diệu hòa hợp giả gọi là Phật; pháp tức là năm uẩn, năm uẩn không là giả danh. Giác ngộ tức là thật tướng năm uẩn; hết thấy pháp đều vào trong giác ngộ; thế nên Phật tức là giác ngộ, giác ngộ tức là Phật, chỉ vì trong tâm phạm phu phân biệt nên có sai khác.

Hỏi: Ông trước luận nghị nói giác ngộ với đạo chẳng một chẳng khác, còn trong Kinh nói đạo tức là giác ngộ, giác ngộ tức là đạo; Phật tức là giác ngộ, giác ngộ tức là Phật, chỉ vì trong tâm phạm phu phân biệt nên có sai khác.

Hỏi: Ông trước luận nghị nói giác ngộ với đạo chẳng một chẳng khác, còn trong kinh nói đạo tức là giác ngộ, giác ngộ tức là đạo; Phật tức là giác ngộ, giác ngộ tức là Phật?

Đáp: Một và khác tuy đều chẳng thật, nhưng phần nhiều dùng một, thế nên trong đây nói: Giác ngộ tức là đạo, đạo tức là giác ngộ, không có gì lỗi. Như hai bên thường và vô thường, vì thường phần nhiều sinh phiền não nên ít nhắc đến; vô thường có thể phá phiền não nên nói đến nhiều, mà khi việc thành tựu vô thường cũng xả bỏ. Trong đây cũng như vậy, nếu quán các pháp sai khác dễ sinh tâm chấp trước, nếu quán các pháp một tướng hoặc vô thường, khổ, không.. thời phiền não không sinh. Vì tâm chấp trước ít, thế nên phần nhiều dùng một tướng, còn ở trong thật nghĩa một tướng cũng vô dụng. Nếu chấp trước một tướng tức lại là tai họa.

*Lại nữa, vì sai khác không có nên một tướng cũng không thể có được, vì là tướng đối đãi nhau. Chỉ đem tâm chấp trước, không chấp thủ một tướng nên nói, không có gì lỗi; song vì một tướng không thật nên Bồ Tát không được tức là Phật.

*Lại nữa, nay Phật lại đáp với Tu Bồ Đề và tự nói nhân duyên: Giác ngộ tuy là tướng tịch diệt, nhưng Bồ Tát có thể đầy đủ các công đức Ba la mật, trú trong tam muội kim cương, do một niệm tương ưng với tuệ mà được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, bấy giờ đối với hết thấy pháp được tự tại, được gọi là Phật. Bồ Tát tuy biết được đạo và giác ngộ chẳng khác nhau, nhưng chưa đầy đủ đông đức nên không gọi là Phật; và Phật đã đầy đủ hạnh nguyện, mọi việc đã rốt ráo nên không gọi là Bồ Tát. Người được là Phật, pháp được là giác ngộ, người cầu giác ngộ là Bồ Tát.

Tu Bồ Đề theo Phật nghe nói tướng giác ngộ, tướng đạo, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh rồi, nay hỏi Phật việc nghiêm tịnh cõi Phật. Các A la

hán, Bích chi Phật không có năng lực biết việc nghiêm tịnh cõi Phật cho nên hỏi: Thế nào là cõi Phật thanh tịnh?

Phật đáp: Cõi Phật là trăm ức mặt trời mặt trăng, trăm ức núi Tu di, trăm ức trời Bốn thiên vương; ấy gọi là thế giới ba ngàn đại thiên. Vô lượng vô biên thế giới ba ngàn đại thiên như vậy gọi là một cõi Phật. Phật ở trong đó khi làm Phật sự, thường thường ngày ba thời đêm ba thời dùng Phật nhãn nhìn khắp chúng sinh xem ai có thể gieo trồng căn lành, ai căn lành đã thành thực nên làm cho tăng trưởng, ai căn lành đã thành thực nên đáng được độ. Thấy rồi dùng sức thần thông theo chỗ thấy mà giáo hóa. Tâm chúng sinh giống ruồi theo cảnh bên ngoài: Nếu được việc hợp ý thì không sinh tâm sân nã; nếu được nhân duyên bất tịnh, vô thường thì không sinh phiền nã tham dục; nếu được nhân duyên pháp không, không có sở hữu thì không sinh phiền nã ngu si. Thế nên Bồ Tát trang nghiêm cõi Phật là vì làm cho chúng sinh dễ độ: trong cõi nước không có thiếu thốn gì, vì tâm không có ngã thì không sinh xan tham, sân giận. Có cõi nước Phật, hết thảy cây cối thường phát ra pháp âm thật tướng là không sinh, không diệt, không khởi, không làm, Chúng sinh chỉ nghe diệu âm ấy, không nghe âm thanh khác, vì chúng sinh lợi căn nên liền ngộ được thật tướng các pháp. Như vậy, cõi Phật trang nghiêm gọi là cõi Phật thanh tịnh, như trong Kinh A di đà nói.

Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây tự thanh tịnh nghiệp thô nơi thân, miệng, ý, cũng dạy người khác thanh tịnh nghiệp thô nơi thân, miệng, ý.

Hỏi: Nếu Bồ Tát nghiêm tịnh cõi Phật là Bồ Tát được vô sinh pháp nhẫn, trú trong Thần thông Ba la mật vậy sau có thể nghiêm tịnh cõi Phật, nay có gì nói từ khi mới phát tâm lại đây làm thanh tịnh nghiệp thô nơi thân, miệng, ý là có thể nghiêm tịnh cõi Phật?

Đáp: Ba nghiệp thanh tịnh chẳng phải chỉ là nghiêm tịnh cõi Phật, mà hết thảy đạo Bồ Tát đều được thanh tịnh. Ở đây, trước hết làm thanh tịnh ba nghiệp vậy sau làm nghiêm tịnh cõi Phật: tự làm thanh tịnh thân mình, cũng làm thanh tịnh người khác, vì sao? Vì chẳng phải một người sinh ra ở trong cõi nước, mà đều do nhân duyên nhiều người hợp lại sinh ra.

Nhân duyên hợp lại của pháp trong, pháp ngoài hoặc thiện, hoặc bất thiện là vì nghiệp ác khẩu nhiều nên đất sinh ra gai góc; vì tâm đua nịnh quanh co nhiều nên đất sinh ra không bằng phẳng; vì xan tham nhiều nên nước không điều hòa, đất sinh cát sạn; vì không gây các ác trên nên đất được

bằng phẳng, có nhiều trần ảo. Như lúc đức Phật Di lạc ra đời, mọi người đều tu mười thiện nên đất có nhiều trần bảo.

Hỏi: Nếu nhờ các thiện pháp bố thí... được quả báo cõi Phật thanh tịnh, có gì chỉ nói thanh tịnh ba nghiệp?

Đáp: Tuy biết các pháp thiện ác là nhân duyên của khổ vui; như trong hết thấy tâm tâm số pháp, khi được đạo thời tâm sở trí tuệ là lớn; trong khi nhiếp tâm thời tâm sở định là lớn; trong khi tạo nghiệp thời tâm sở tư là lớn; có nghiệp của tâm sở tư ấy rồi thời khởi lên nghiệp của thân và miệng. Tu bố thí, thiền định... lấy tâm sở tư làm đầu; thí như may áo lấy kim dẫn đường; khi thọ quả báo đời sau thời sức của nghiệp là lớn; thế nên nói ba nghiệp thu nhiếp tất cả nghiệp. Hết thấy tâm số pháp đều thu nhiếp vào trong ý nghiệp; hết thấy sắc pháp đều thu nhiếp vào trong nghiệp của thân và miệng. Hành nghiệp của thân có ba thứ, mỗi khi phước đức đầy đủ thời cõi nước thanh tịnh. Bên trong thân thanh tịnh nên cảnh giới bên ngoài cũng thanh tịnh; thí như mắt sạch nên bóng trong gương cũng sạch, như trong kinh Tỳ ma la cật nói: vì không sát sinh nên được làm người sống lâu...

Hỏi: Nghiệp thô của thân, miệng, ý là việc dễ biết, có sao Tu Bồ Đề còn hỏi:

Đáp: Thô hay tế đều không nhất định; như đối với người cầu đạo, việc bố thí là điều kiện thô, còn đối với kẻ bạch y, việc bố thí là điều kiện tế; như đối với Tiểu thừa, nghiệp bất thiện là thô, nghiệp thiện là tế, còn đối với Đại thừa, từ chấp thủ tướng thiện pháp cho đến chấp thủ tướng Niết bàn đều là thô. Vì thô tế không nhất định nên hỏi. Phật thứ lớp nói tướng thô tế: từ việc cướp mạng sống cho đến tà kiến; ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng, ba nghiệp của ý đều là thô. Lại, phá sáu Ba la mật thời tâm xan tham... đều là thô.

Hỏi: Trước kia nói mười đạo bất thiện đã thu nhiếp xan tham... có gì lại còn nói riêng?

Đáp: Sáu pháp ấy không nhiếp vào trong mười đạo bất thiện. Mười đạo bất thiện đều là pháp bức não chúng sinh, còn sáu pháp ấy chỉ không bức não chúng sinh; như tâm xan tham chỉ tự mình tiếc của mà không nào hại chúng sinh. Tâm tham có hai: 1. chỉ tham của người khác mà chưa bức não chúng sinh; 2. tâm tham càng mạnh, tìm cầu không được thời muốn nào hại; ấy gọi là nghiệp đạo, vì hay khởi nghiệp; sân giận cũng như vậy. Sân

giận ít không gọi là nghiệp đạo, vì nó có thể đưa đến ác xứ nên gọi là đạo; thế nên nói riêng sáu pháp, không có gì lỗi.

Hỏi: Trong sáu Ba la mật đã nói có giới, nay có gì lại nói giới bất tịnh?

Đáp: Phá giới là tội thô nặng, như sát sinh... còn giới bất tịnh là tội vi tế, không nào hại chúng sinh; như uống rượu không nhiếp vào mười đạo bất thiện.

*Lại nữa, phá năm tụ giới gọi là phá giới; không phá giới được thọ. Thường vì ba độc che tâm, không nhớ nghĩ giới, hồi hướng đến phước báo sinh cõi trời mà tà kiến giữ giới; như vậy gọi là giới bất tịnh.

*Lại nữa, nếu tâm Bồ Tát xa lìa ba mươi bảy pháp trợ đạo, ba môn giải thoát, ấy gọi là nghiệp thô, vì sao? Vì trong đây tâm đều quán thật pháp, theo Niết bàn, không theo thế gian; nếu ra ngoài bốn niệm xứ... thì tâm tán loạn; thí như rắn bò, bản tính thường ưa quanh co, nếu vào trong ống tre thì phải đi thẳng, ra khỏi ống lại quanh co.

*Lại nữa, nếu Bồ Tát tham chứng quả Tu đà hoàn, ấy là nghiệp thô; như người nghe Phật nói quả Tu đà hoàn không đọa vào ba đường ác, sạch hết vô lượng khổ; như ao nước rộng 50 do tuần, ngoài ra chỉ như một giọt hai giọt thì sinh tâm tham. Vì tâm kia không bền chắc, vốn cầu làm Phật, vì chúng sinh mà nay vì tự thân lại muốn thủ chứng quả Tu đà hoàn; như thế là dối Phật, mang tội với chúng sinh. Thế nên tham chứng quả Tu đà hoàn gọi là thô; thí như người mời khách, muốn thiết đãi ăn uống mà rút cuộc không cho gì thì mắc tội nói dối với khách. Bồ Tát cũng như vậy, từ khi mới phát tâm lại đây phát nguyện; ta sẽ làm Phật độ hết chúng sinh, mà lại tham quả vị Tu đà hoàn, như thế là mang tội với chúng sinh. Như tham chứng của Tu đà hoàn cho đến tham đạo Bích chi Phật cũng như vậy.

(Hết cuốn 92 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 93

Kinh: Tu Bồ Đề, Bồ Tát thủ tướng sắc, thọ, tưởng, hành, thức; tướng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; tướng, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; tướng nam, tướng nữ; tướng cõi Dục, tướng cõi Sắc, tướng cõi Vô sắc, tướng phá

thiện, tướng pháp bất thiện, tướng pháp hữu vi, tướng pháp vô vi; ấy gọi là nghiệp thô của Bồ Tát. Bồ Tát đều xa lìa nghiệp thô như vậy; tự mình bố thí, cũng dạy người bố thí; cần ăn cho ăn, cần áo cho áo, cho đến các vật cần dùng để nuôi sống. Dạy người mỗi mỗi bố thí như vậy, đem phước đức bố thí ấy chia sẻ cho chúng sinh cùng hồi hướng đến cõi nước Thanh tịnh của Phật; tự mình trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng như vậy. Bồ Tát hoặc đem châu báu đầy cõi nước ba ngàn đại thiên cúng dường Tam bảo, phát nguyện rằng: Nhờ thiện căn này mà khiến cõi nước tôi đều do bảy báu tạo thành. Lại nữa, lấy nhạc trời làm vui nơi Phật và pháp, phát nguyện rằng: Nhờ thiện căn này mà khiến trong cõi nước tôi thường nghe nhạc trời.

Lại nữa, lấy hương trời đầy cõi nước ba ngàn đại thiên cúng dường Phật và Pháp, phát nguyện rằng: Nhờ thiện căn này mà khiến trong cõi nước tôi thường có hương thơm trời. Lại nữa, lấy thức ăn trăm vị cúng dường Phật và chúng Tăng, phát nguyện rằng: Nhờ thiện căn này mà khiến chúng sinh trong cõi nước tôi hưởng hương thơm trời nhỏ mịn.

*Lại nữa, lấy năm dục theo ý muốn mà cúng dường Phật và Tăng, cùng thí cho hết thầy chúng sinh, phát nguyện rằng: Nhờ thiện căn này mà khiến đệ tử và chúng sinh trong cõi nước tôi đều được năm dục theo ý muốn. Bồ Tát ấy đem năm dục theo ý muốn, cùng chia cho chúng sinh, hồi hướng đến cõi nước thanh tịnh của Phật, phát nguyện rằng: Khi tôi thành Phật, trong cõi nước tôi có năm dục như cõi trời ứng theo lòng ước nguyện mà đến.

*Lại nữa, phát nguyện rằng: Tôi sẽ tự mình vào thiền thứ nhất, cũng dạy chúng sinh vào thiền thứ nhất; vào thiền thứ hai, thứ ba, thứ tư; vào tâm từ, bi, hỷ, xả cho đến ba mươi bảy pháp trợ đạo cũng như vậy. Khi tôi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, làm cho hết thầy chúng sinh không xa lìa bốn thiền cho đến không xa lìa ba mươi bảy pháp trợ đạo. Như vậy, Bồ Tát có thể nghiêm tịnh cõi Phật. Bồ Tát tùy theo bấy nhiêu thời gian hành đạo Bồ Tát, đầy đủ các ước nguyện; Bồ Tát tự thành tựu hết thầy thiện pháp, cũng thành tựu thiện pháp cho chúng sinh. Bồ Tát thọ thân tướng đẹp đẽ, chúng sinh được giáo hóa cũng được thân tướng đẹp đẽ, vì sao? Vì phước đức sâu dày. Nay Tu Bồ Đề, nên như vậy nghiêm tịnh cõi Phật. Trong cõi nước ấy cho đến danh từ ba ác đạo cũng không có, cũng không có danh từ ba độc, tà kiến, nhị thừa, Thanh văn, Bích chi Phật. Tai không nghe có âm thanh về vô thường, khổ, không, cũng không có sở hữu, cho đến không có danh từ kiết sử phiền não, cũng không có danh từ phân biệt các đạo quả; gió thổi cây bảy báu theo chỗ đáng độ thoát mà tuôn ra âm thanh nói về thật tướng không, vô tướng, vô tác; có Phật hay không có Phật thời hết thầy pháp, hết thầy pháp tướng vẫn không, trong không, không có tướng, không

có tướng thời không có tạo tác. Xuất ra pháp âm như vậy thời hoặc ngày hoặc đêm, hoặc ngồi hoặc nằm, hoặc đứng hoặc đi vẫn thường nghe pháp âm ấy. Bồ Tát khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chư Phật trong mười phương các cõi nước đều tán thán; chúng sinh nghe danh hiệu Phật ấy chắc chắn đạt đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát ấy khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác bèn thuyết pháp, chúng sinh nghe được không có ai không tin sinh nghi, mà không tin nói rằng là pháp, là phi pháp, vì sao? Vì trong thật tướng các pháp đều là pháp, không có phi pháp. Những người phước mỏng đối với Phật và các đệ tử không gieo trồng căn lành, không theo thiện tri thức, chìm trong ngã kiến cho đến chìm trong hết thảy kiến chấp, rơi vào biên kiến, hoặc chấp đoạn chấp thường... Những người như vậy vì tà kiến nên chẳng phải Phật nói là Phật, Phật nói là chẳng phải Phật; phi Pháp nói là Pháp, Pháp nói là phi Pháp. Người như vậy vì phá pháp nên khi thân hoại mạng chung đọa vào đường ác địa ngục; khi chư Phật được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thấy chúng sinh ấy qua lại trong năm đường dạy khiến xa lìa nhóm tà định, an lập trong nhóm chính định, lại không đọa vào đường ác. Như vậy, chúng sinh trong cõi nước Phật thanh tịnh của Bồ Tát không có tâm tạp uế: hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi; cho đến chúng sinh trong cõi nước ấy đều rất ráo ở trong Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Tu Bồ Đề, ấy là Bồ Tát nghiêm tịnh cõi Phật.

Luận: Lại có nghiệp thô là đối với các pháp rất ráo không, lại thủ tướng mà sinh tâm chấp trước là thủ tướng sắc, thủ tướng thọ, tướng, hành, thức; thủ tướng mắt cho đến tướng ý; thủ tướng sắc cho đến tướng pháp; thủ tướng nam nữ, tướng ba cõi, tướng thiện, bất thiện, hữu vi vô vi.

Hỏi: Tướng nam nữ có thể là hư vọng không thật, còn các tướng sắc, tướng pháp thiện, pháp bất thiện, hoặc không thủ tướng thời làm sao có thể nhằm chán sắc để thành tựu pháp thiện?

Đáp: Trong Phật pháp có hai thứ không: Một là chúng sinh không, hai là pháp không. Chúng sinh không thời phá tướng chúng sinh, là tướng nam, tướng nữ... Lấy pháp không phá tướng hư vọng trong sắc pháp, như trong phẩm "phá hết thảy pháp không" đã nói. Quán sắc, thọ... các thiện pháp như huyền như hóa, không thủ tướng nhất định có thật, thời tâm nhằm chán, bỏ hí luận thường, vô thường; ấy không gọi là thủ tướng. Lại, sắc... và các pháp thiện đều hòa hợp tính không mà tu hành nên không sinh phiền não.

Hỏi: Hết thủy pháp hữu vi giả danh hòa hợp nên không nên thủ tướng, còn pháp vô vi là pháp chân thật, đó là như, pháp tính, thật tế, có sao không thủ?

Đáp: Vì không thủ tướng là pháp vô vi vô tướng, gọi là pháp môn vô vi; nếu thủ tướng thì là hữu vi. Như vậy, tất cả thủ tướng đều hư vọng, không thật.

Xa lìa nghiệp thô nơi thân, miệng, ý là Bồ Tát muốn hành đạo, nghiêm tịnh cõi Phật, xa lìa nghiệp thô nơi thân, miệng, ý như vậy, tự mình hành sáu Ba la mật, cũng dạy người khác hành, do nhân duyên cùng thanh tịnh nên cõi nước Phật được thanh tịnh. Trên là nói tướng chung, dưới là nói tướng riêng. Bồ Tát đem bảy báu đầy thế giới ba ngàn đại thiên cúng Phật và Tăng, phát nguyện rằng: Nhờ bố thí này mà khiến cho cõi nước tôi đều do bảy báu trang nghiêm.

Hỏi: Nếu châu báu đầy thế giới ba ngàn đại thiên, thì từ chỗ nào có được? Lại, chư Phật, hiền thánh đều ít muốn, biết đủ, ai là người thọ hưởng? Nếu người phàm không biết nhàm đủ thì làm sao có thể thọ hưởng vật trong ba ngàn thế giới?

Đáp: Thân Bồ Tát là thân do pháp tính sinh, đầy đủ thần thông Ba la mật. Vì cúng dường mười phương Phật nên đem châu báu đầy thế giới ba ngàn đại thiên để cúng dường. Lại, bảo vật ấy do sức thần thông làm ra, nhẹ, không chướng ngại; như cõi trời Biến tịnh trong thiên thứ ba, 60 người ngồi trên đầu một cây kim mà nghe pháp, không chướng ngại nhau, huống gì đại Bồ Tát vào sâu trong thần thông tạo ra vật báu. Hoặc có Bồ Tát biến hóa thân như núi Tu di, khắp trước mười phương Phật để làm tim đèn cúng dường Phật hoặc pháp Phật, phát nguyện rằng: Khiến cõi nước tôi thường có ánh sáng, không cần mặt trời, mặt trăng, đèn đuốc. Hoặc có Bồ Tát mưa các hương hoa, phan lọng, anh lạc để cúng dường, phát nguyện rằng: Khiến chúng sinh trong cõi nước tôi đẹp đẽ như hoa, thân tướng sạch sẽ không có xấu xí. Như vậy là nhân duyên của các sắc tướng đẹp.

Lại có Bồ Tát đem kỹ nhạc trời làm vui nơi Phật hoặc pháp Phật. Bồ Tát ấy hoặc có khi dùng sức thần thông làm ra âm nhạc trời, hoặc làm ra âm nhạc của vua trời, âm nhạc của Chuyển luân Thánh vương, hoặc làm ra âm nhạc của A tu la, của vua rồng để cúng dường, nguyện rằng: Trong nước tôi thường nghe âm thanh tốt đẹp.

Hỏi: Chư Phật, hiền thánh là người lià dục, không cần âm thanh ca múa, có sao đem âm nhạc cúng dường?

Đáp: Chư Phật tuy đối với hết thảy pháp, tâm không dính mắc, đối với pháp thế gian không cần dùng gì, song chư Phật vì thương chúng sinh mà ra đời nên tùy theo người cúng dường mà khiến cho họ được phước theo ước nguyện. Như lấy hoa hương cúng dường, cũng không phải là vật mà Phật cần dùng, vì thân Phật thường có hương thơm vi diệu, chư thiên không thể sánh kịp; song vì lợi ích chúng sinh mà Phật thọ nhận. Bồ Tát vì muốn nghiêm tịnh cõi Phật nên cầu âm thanh tốt, muốn khiến chúng sinh trong cõi nước mình nghe âm thanh tốt nên tâm nhu nhuyễn, tâm nhu nhuyễn nên dễ có thể chịu sự giáo hóa; thế nên dùng âm thanh để cúng dường Phật.

Lại có Bồ Tát đem hương thơm đầy khắp thế giới ba ngàn đại thiên cúng dường chư Phật và pháp Phật: Hoặc hương rễ, hương cành, hương lá, hương bột; hoặc hương trời; hoặc hương do biến hóa làm ra, hoặc hương từ quả báo sinh, phát nguyện rằng: Khiến trong cõi nước tôi thường có hương thơm mà không có người làm ra.

Hoặc có Bồ Tát dùng thức ăn trăm vị cúng dường chư Phật và Tăng là, có người nói rằng, lấy trăm thứ canh cúng dường, gọi là trăm vị. Có người nói rằng, Một thứ bánh mà đến đủ số trăm nên vị nó có một trăm, gọi là trăm vị. Có người nói rằng, trăm thứ cỏ thuốc, trái thuốc làm thành hòn hoan hỷ, gọi là trăm vị. Có người nói rằng, thức ăn, uống, canh, bánh tổng hợp làm thành trăm vị. Có người nói rằng, thức uống ăn mỗi mỗi đầy đủ nên gọi là trăm vị. Thức uống ăn của người có trăm vị; thức uống ăn của trời thời có trăm ngàn vị.

Thức uống ăn của Bồ Tát do quả báo phước đức sinh là, do sức thần thông biến hóa thời có vô lượng vị, có thể chuyển đổi lòng người khiến lià dục được thanh tịnh. Bốn thứ uống ăn ấy Bồ Tát tùy theo nhân duyên cúng dường Phật và Tăng nên trong cõi nước tự nhiên có thức uống ăn trăm vị.

Hoặc có Bồ Tát dùng hương xoa của trời là, vì ở Ấn Độ nóng; và vì thân có mùi hôi nên dùng hương xoa thân để cúng dường Phật và Tăng. Do nhân duyên ấy khiến chúng sinh trong cõi nước tôi được thứ hương trời nhỏ mịn.

Hỏi: Giới Sa di cho đến giới thọ trì trong một ngày đêm còn không cho dùng hương xoa thân, có sao đem hương cúng dường Phật và Tăng?

Đáp: Bồ Tát lấy vật mà thân cần thiết và quý giá tùy theo lúc cần dùng để cúng dường. Hoặc đem phết trên đất, trên vách và chỗ đi, ngồi. Lại lấy năm dục theo ý muốn cúng dường Phật, Tăng và các chúng sinh. Bồ Tát dùng xe ngựa tốt, vợ con, âm nhạc, phan lọng, vàng bạc, y phục, châu báu là những thứ người xuất gia không thọ dụng mà cấp thí cho chúng sinh, phát nguyện rằng: Khiến chúng sinh trong cõi nước tôi thường được năm dục theo ý muốn.

Hỏi: Năm dục ấy Phật ví nó như lửa, như hầm, như mụn nhọt, như ngục, như oán, như giặc, hay cướp căn lành của người, có sao Bồ Tát nguyện cho chúng sinh được năm dục? Lại, Phật nói đệ tử Phật nên mặc áo vá, xin ăn, ngồi dưới cây rừng, có sao Bồ Tát vì chúng sinh mà cầu được năm dục?

Đáp: Năm dục trong cõi trời, cõi người là quả báo của phước đức. Nếu đời nay hoặc đời sau người phước mỏng nghèo cùng không thể tự mình nuôi sống thì làm những việc trộm cắp; hoặc vì bị chủ tài sản bức hại, vì của cải mà giết kẻ khác; hoặc bị cật vấn, nói dối là không làm. Như vậy, lần lượt làm mười điều bất thiện đều do nghèo cùng; nếu người có năm dục đầy đủ thì theo ý muốn liền có được nên không làm mười điều bất thiện. Chúng sinh trong cõi nước của Bồ Tát giàu vui thỏa thích, không bị thiếu thốn thì không có các việc ác, chỉ có các kiết sử ái và mạn... nếu nghe Phật thuyết pháp, hoặc nghe đệ tử Phật thuyết, do có tâm nhu nhuyễn nên nghe pháp có thể dễ đắc đạo. Tuy có tâm chấp trước nhiều mà vì lợi căn nên nghe nói vô thường, khổ, không liền được đạo; thí như chiếc áo như bản thời dùng tro, bùn để ngâm cách đêm, dùng nước giặt một lúc sạch hết. Bồ Tát không muốn khiến chúng sinh tham đắm nên lấy năm dục bố thí, chỉ muốn khiến trong một lúc xả bỏ nên đem cho. Như ông trước nói, Phật dạy đệ tử mặc áo vá khất thực, vì tội đời trước mà phải sinh ở đời ác nên tâm nhiễm trước nhiều; nếu được áo đẹp, thức ăn ngon thì tâm nhiễm trước càng sâu; lại vì cầu áo đẹp, thức ăn ngon nên trở ngại việc hành đạo. Chúng sinh trong cõi Phật thanh tịnh của Bồ Tát thành tựu vô lượng phước đức, năm dục bằng nhau nên không còn tham đắm, cũng không còn tìm cầu nên không có gì ngăn ngại.

Lại, nếu hành giả xa lìa năm dục, tu khổ hạnh thì tăng trưởng sân giận. Lại, nếu nhớ nghĩ năm dục thì sinh phiền não, bấy giờ không hướng về đâu; do vậy mà Phật nói xả khổ, xả vui, dùng trí tuệ ở vào trung đạo. Thế nên ở cõi Phật nghiêm tịnh mà đem năm dục bố thí không có gì chướng ngại.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong Luật có gì Tỳ kheo A lê tra nói: "theo tôi biết nghĩa Phật dạy: hưởng thọ năm dục không chướng đạo". Tỳ kheo ấy bị quả trách, đến ba lần không bỏ, nên bị tẩn xuất?

Đáp: Phật pháp có hai là Tiểu thừa và Đại thừa. Trong Tiểu thừa, người phước mỏng ba độc nhiều; như trong kinh Bà sa Phật dạy: "Hàng đệ tử bạch y của ta chẳng phải một, hai cho đến quá năm trăm người lấy hương Chiên đàn đồ và hương của hoa thơm xoa thân, nằm chung với vợ con, sai nô tì ... mà dứt ba kiết sử, được quả Tu đà hoàn, hết khổ ba đời, ba độc mỏng, được quả Tư đà hàm". Tỳ kheo A lê tra ấy nghe vậy liền nói: "Mặc dù hưởng thọ năm dục mà không chướng đạo", chứ không biết việc ấy Phật vì ai mà nói. Phật chỉ vì hàng bạch y mà nói, còn Tỳ kheo này lại đối với pháp xuất gia mà nói. Các vị Tu đà hoàn, Tư đà hàm ấy không có phát nguyện rằng: Ta suốt đời không phạm dâm dục, vì còn có ba độc nên thường hay quên đạo mà khởi tâm dâm dục; còn người xuất gia ở giữa chúng Tăng miêng tự thề rằng: Ta suốt đời không phạm dâm dục. Vì thế nên Phật dạy, nếu người xuất gia phạm vào dâm dục thời bỏ. Tỳ kheo A lê tra tự thề suốt đời không phạm mà phạm, đó là một tội; biết Phật chế mà cố trái phạm, đó là hai tội. Tỳ kheo ấy vì thọ năm dục, thấy kẻ bạch y đắc đạo mà cho mình với họ đồng nhau, thế nên mắc tội.

Có hai hạng chúng sinh trong cõi Phật nghiêm tịnh: Hoặc xuất gia, hoặc tại gia. Tại gia tuy hưởng thọ năm dục mà không có tội, cũng không chướng ngại đạo; như trời Đâu suất, như người ở châu Uất đơn việt, tuy thọ năm dục mà không gây tội nặng, còn hạng chúng sinh xuất gia theo Phật cho phép thọ năm dục cũng không có tội lỗi (đây là nói ở cõi thanh tịnh, chứ không phải ở đời ác năm trước). Trong pháp Tiểu thừa, vì Tỳ kheo A lê tra nói người phước mỏng tội nặng, tâm có nhiều hối hận.

Nghiêm tịnh cõi Phật là đời đời tập hành sáu Ba la mật, ba môn giải thoát, tuy thọ năm dục cũng không nhiễm trước, như trong kinh nói: Bồ Tát hành Bát nhã nghĩ rằng: Ta sẽ tự mình vào thiên thứ nhất, cũng dạy chúng sinh vào thiên thứ nhất, cho đến vào thiên thứ tư, bốn tâm vô lượng, ba mươi bảy pháp trợ đạo cũng như vậy. Bồ Tát nguyện rằng: Khi ta làm Phật, do hành đủ bốn thiên cho đến ba mươi bảy pháp trợ đạo; vì phước đức như vậy nên chúng sinh tuy thọ năm dục không làm chướng ngại. Bồ Tát phát ra vô lượng vô số nguyện, theo bấy nhiêu thời gian hành đạo mà đầy đủ các nghiệp thiện. Bồ Tát thành tựu hết thấy pháp thiện và thành tựu được chúng sinh. Vì thành tựu hết thấy thiện pháp nên thân tướng đẹp đẽ, mọi người

trông thấy không nhầm chán; cũng thành tựu chúng sinh, khiến được thân tướng đẹp đẽ. Bồ Tát nghiêm tịnh cõi Phật như vậy.

*Lại nữa, nghiêm tịnh cõi Phật là cho đến ở đó không có danh từ ba ác, huống gì có ba đường ác.

Hỏi: Chư Phật vì lòng thương xót lớn thấy chúng sinh khổ não nên ra đời, nếu không có ba đường ác thời Phật thương xót gì?

Đáp: Phật ra đời vì độ chúng sinh, mà chúng sinh trong ba đường ác không thể độ, chỉ có thể dạy khiến trồng căn lành mà thôi. Thế nên Phật có danh hiệu là bậc thầy của trời và người. Nếu không có trời và người, chỉ có ba đường ác thời có thể nên nạn, nên hỏi.

Hỏi: Nói Phật thương xót chúng sinh, có sao trong cõi Thanh tịnh của Phật không có chúng sinh trong ba đường ác?

Đáp: Phật thương xót hết thấy chúng sinh bình đẳng không sai khác. Nhưng trong đây nói, vì nghiệp duyên thanh tịnh nên trong cõi nước ấy không có ba đường ác.

Lại, Phật chẳng phải chỉ nói một cõi nước, mà nói có số cõi nước trong mười phương nhiều như cát sông Hằng. Có cõi nước thanh tịnh, có cõi nước tạp uế. Ở cõi nước tạp uế thời có đủ năm đường; ở cõi nước thanh tịnh của Phật thời hoặc có người, có trời sai khác, hoặc không có người, trời sai khác. Như về quá khứ ở cõi Phật Thiên vương, chỉ có đức Phật Thế Tôn là bậc Pháp vương, vì thế mà gọi là Phật Thiên vương. Lại có cõi nước không có ba độc tà kiến.

Hỏi: Chư Phật chỉ vì trừ phiền não cho chúng sinh nên ra đời; tà kiến, ba độc tức là phiền não, nếu không có phiền não thời Phật ra đời làm gì?

Đáp: Có người nói rằng, trong cõi ấy vì nhân duyên phước đức lớn mà ba độc tà kiến không hiện bày, nên nói là không có. Lại có người nói rằng, trong cõi ấy các Bồ Tát đều được vô sinh pháp nhẫn, thường tu các công đức sáu Ba la mật, thường dạo qua mười phương độ thoát chúng sinh, ở chỗ chư Phật tu tập các tam muội còn hơn giáo hóa vô số Thanh văn, Bích chi Phật, cũng hơn giáo hóa Bồ Tát bất thoái chuyển, thành tựu chúng sinh.

Cõi Phật thanh tịnh của Bồ Tát là vì Bồ Tát gần Phật đạo nên lợi ích càng lớn, ở cõi nước ấy không có danh từ Nhị thừa.

Hỏi: Các đức Phật khác có giáo hóa ba thừa, đâu riêng ở cõi Ta bà?

Đáp: Phật xuất hiện ở đời ác năm trước, từ trong một đạo mà chia làm ba thừa.

Hỏi: Nếu như vậy, Phật A di đà, Phật A súc không sinh ở đời ác năm trước, có sao lại có ba thừa?

Đáp: Chư Phật khi xưa mới phát tâm, thấy chư Phật dùng pháp ba thừa độ chúng sinh nên tự phát nguyện rằng: Ta cũng sẽ dùng pháp ba thừa độ chúng sinh.

Không có danh từ vô thường, khổ, vô ngã là vì chúng sinh đã vào sâu điên đảo chấp trước thường, lạc... nên vì họ nói vô thường, khổ...; để giải cứu, còn trong cõi ấy không có điên đảo chấp trước, chấp lạc nên không cần nói vô thường, khổ... vì nếu không có bệnh thì không cần thuốc. Cũng không có ngã sở hữu cho đến không có kiết sử cũng như vậy. Vì không có nhị thừa nên cũng không có các quả Tu đà hoàn..., chỉ một mặt vào thật tướng các pháp.

Được vô sinh pháp nhãn là được các tam muội, các môn Đà la ni, dần dần tăng ích không dứt các địa vị.

Gió thổi cây bầy bấu theo chỗ đáng độ mà phát ra âm thanh là Bồ Tát muốn chúng sinh dễ nghe pháp nên cây bầy bấu phát ra tiếng pháp âm, vì cây bầy bấu cùng khắp cõi nước nên chúng sinh sinh ra đều nghe pháp, không khởi các tâm khác, chỉ sinh tâm nghe pháp.

Hỏi: Phật có vô lượng bất khả tư nghì lực thần thông, có gì không biến hóa làm vô lượng thân thuyết pháp độ chúng sinh, cần gì đến âm thanh, cây bầy bấu?

Đáp: Chúng sinh rất nhiều, nếu Phật nơi nơi đều hiện thân thì chúng sinh không tin, cho đó là huyền hóa, tâm không kính trọng. Có chúng sinh theo người nghe pháp tâm không khai ngộ, nếu theo súc sinh nghe pháp thì liền tin chịu. Như trong kinh Bồ đề sinh nói: Bồ Tát thọ thân súc sinh vì người thuyết pháp, người cho là hy hữu nên ai nấy đều tin chịu. Lại bảo tâm súc sinh ngay thẳng, không dối. Có người bảo súc sinh là loài hữu tình, đều có đối trá, còn cây bầy bấu vô tâm mà có âm thanh thì đều tin chịu. Không, Vô tướng, Vô tác dù có Phật hay không có Phật, hết thấy pháp thường không, vì không nên vô tướng, vì vô tướng nên vô tác, vô khởi. Các

pháp như vậy đêm ngày thường phát ra. Ở các quốc độ khác thời dùng sức thần thông, sức miệng mỗi mỗi biến hóa, còn trong đây thường phát ra âm thanh tự nhiên. Ở cõi Phật nghiêm tịnh, Phật thường được chư Phật tán thán, vì tạo công đức lớn nên được cõi nước thanh tịnh như vậy; nếu nghe tên đức Phật ở cõi nước thanh tịnh thời chắc chắn được làm Phật.

Hỏi: Các đức Phật khác siêng năng, khổ nhọc thuyết pháp, chúng sinh còn không đắc đạo, còn đây vì sao chỉ nghe danh hiệu Phật bèn đắc đạo?

Đáp: Các nơi khác đức Phật thuyết pháp, chúng sinh hoặc được căn lành trọn không thuyết về tính không, nếu nghe danh hiệu Phật ấy chắc chắn đến địa vị bất thoái chuyển chứ không nói được thành Phật ngay.

Hỏi: Đồi hết thầy đức Phật, nếu người có tâm tốt nghe danh hiệu đều sẽ đi đến Phật, như trong kinh Pháp hoa nói: Người có phước đức hoặc lớn hoặc nhỏ đều sẽ làm Phật, có gì trong đây riêng nói Phật ở cõi nước thanh tịnh.

Đáp: Người nghe danh hiệu các đức Phật khác cho rằng Phật thọ sinh giống như người không khác, chỉ có được đạo Nhất thiết trí là khác; vì tâm không kính trọng nên tuy gieo trồng căn lành cũng không thể sâu bền. Trong đây là nói về thân do pháp tính sinh. Thân Phật vô lượng vô biên, ánh sáng và âm thanh thuyết pháp biến khắp mười phương các cõi nước. Chúng sinh trong cõi nước ấy đều là những người gần đến Phật đạo, đối với chúng ở trong vô lượng vô số do tuần thuyết pháp hơn. Vô lượng vô số ánh sáng như mặt trời mặt trăng thường từ thân phát ra, nếu Phật cho chúng sinh thấy thời được thấy, nếu không cho thấy thời không thấy. Bên trên thân Phật, mỗi lỗ chân lông thường phóng ra vô lượng vô biên vô số Phật, mỗi mỗi đức Phật không khác nhau, nơi mỗi vị hóa Phật ấy lại triển chuyển phóng ra, tùy theo chúng sinh đáng được độ mà cho thấy Phật có hơn có kém, còn căn gốc của vị Phật thật thời không có phân biệt hơn kém. Như thế, hoặc thấy hoặc nghe danh hiệu, hoặc nghe công đức như vậy mà có lòng tin và kính trọng sâu xa; kính trọng nên gieo trồng căn lành, thời làm sao không chắc chắn được thành Phật?

*Lại nữa, khi Phật thuyết pháp không có người nghi, cho đến không có một người nói rằng pháp ấy chẳng phải miệng Phật nói ra, mà đều là pháp do Phật nói.

Hỏi: Nếu như vậy thời vì sao người theo Phật Thích ca nghe pháp sinh nghi nhiều?

Đáp: Trong kinh đây Phật tự nói nhân duyên: Có người phước mỏng, không gieo trồng căn lành, không gặp được thiện tri thức nên sinh nghi; chấp đắm ngã kiến, biên kiến, tà kiến, các phiền não che lấp tâm thời chẳng phải Phật nói là Phật, Phật nói là chẳng phải Phật. Không gieo trồng căn lành sâu bền, không thuận theo thiện hữu tri thức, ba độc tà kiến một lần khởi lên, không có chỗ nương tựa, tự ý buông lung thời hoặc thấy việc tà kiến thuận với ý mình bèn cho đó là cái thấy của Nhất thiết trí; chư Phật nói rõ ràng không, không thuận với ý mình thời bèn cho đó là chẳng phải Phật; chẳng phải pháp nói là pháp, pháp nói là chẳng phải pháp. Người như vậy ở nơi chỗ Phật sinh nghi nhiều, vì sinh nghi nhiều nên tâm hối hận; trong cõi nước thanh tịnh của Phật không có hạng tội nhân ấy nên không sinh nghi. Phật nói hạng người có tội như vậy vì phá thật tướng các pháp nên chết đọa vào đường ác địa ngục. Các Bồ Tát được Vô thượng chánh đẳng chánh giác thấy người tội qua lại trong sinh tử thời dùng sức thần thông của Phật mà kéo chúng sinh ra khỏi, đặt vào trong nhóm chánh định, không còn bị đọa vào trong ba đường ác; ấy gọi là nghiêm tịnh cõi Phật. Trong cõi Phật ấy không có các lỗi như vậy, đầy đủ hết thảy; đối với thế gian, xuất thế gian, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi không có chướng ngại; đó là cõi nước bảy báu. Thân chúng sinh đẹp đẽ, tướng tốt trang nghiêm, có vô lượng ánh sáng, thường nghe âm thanh giáo pháp, thường không xa lìa sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung; chúng sinh trong ấy đều chắc chắn đạt đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Hỏi: Ở trên nói nghe danh hiệu Phật chắc chắn đạt đến quả Phật, nơi đây nói đối với các pháp không có chướng ngại thời chắc chắn được thành Phật, có gì sai khác?

Đáp: Chúng sinh ở đây thường thấy Phật, thường nghe pháp, gieo trồng căn lành sâu bền, chứa nhóm Phật pháp nhiều nên mau được làm Phật.

Nghe danh hiệu là tuy chắc chắn mà công đức ít không bằng. Như vậy gọi là tướng cõi nước thanh tịnh của Phật; như ở trong mười địa nói trang nghiêm cây Bồ đề.

---o0o---

Giải Thích: Phẩm Chắc Chắn Thứ 83

(Kinh Đại Bát Nhã hội 2 ghi:Phẩm Chánh Định thứ 81)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát ấy chắc chắn hay là không chắc chắn?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát ấy chắc chắn, chẳng phải không chắc chắn.

Bạch đức Thế Tôn, ở chỗ nào chắc chắn? Ở trong đạo Thanh văn, ở trong đạo Bích chi Phật hay ở trong Phật đạo?

Phật dạy: Bồ Tát ấy chẳng phải ở trong đạo Thanh văn, đạo Bích chi Phật chắc chắn, mà ở trong Phật đạo chắc chắn.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, đó là Bồ Tát mới phát tâm chắc chắn ư? Hay là Bồ Tát thân sau cùng chắc chắn?

Phật dạy: Bồ Tát mới phát tâm cũng chắc chắn, Bồ Tát không thoái chuyển cũng chắc chắn, Bồ Tát thân sau cùng cũng chắc chắn.

Bạch Thế Tôn, Bồ Tát chắc chắn sinh trong ác đạo chăng?

Phật dạy: Không. Nay Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, hoặc hàng Bát nhân, hoặc hàng Tu đà hoàn, Tu đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật sinh trong ác đạo chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Phật dạy: Như vậy, Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ dứt tất cả nghiệp bất thiện, mà hoặc bị đọa ác đạo, hoặc sinh cõi trời sống lâu, hoặc không được ở chỗ tu thiện pháp, hoặc sinh nơi biên địa, hoặc sinh vào nhà tà kiến ác, nhà tà kiến không làm, là các nơi không có danh từ Phật, danh từ Pháp và danh từ Tăng, là không có lẽ ấy. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát mới phát tâm đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà lại đem tâm sâu xa hành mười đạo bất thiện, là không có lẽ ấy.

Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát thành tựu các công đức căn lành như vậy, như Phật tự nói: Nếu đời trước thọ quả báo bất thiện thời khi ấy thiện căn ở chỗ nào?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát vì lợi ích chúng sinh nên tùy chỗ thọ thân, đem thân ấy làm lợi ích chúng sinh. Khi Bồ Tát làm súc sinh có sức phương tiện lớn, nếu giặc oán muốn đến giết hại, vì tâm nhẫn nhục không gì cao hơn, tâm từ bi không có gì cao hơn nên Bồ Tát xả thân mà không não hại giặc oán, còn hàng Thanh văn, Bích chi Phật không có sức như vậy. Vì thế nên biết Bồ Tát muốn đầy đủ tâm từ bi lớn, vì thương xót mà làm lợi ích chúng sinh nên thọ thân súc sinh.

Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát trú ở trong căn lành nào mà thọ các thân như vậy?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, trong khoảng thời gian ấy không có căn lành nào không đầy đủ, đầy đủ rồi sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì thế nên Bồ Tát khi mới phát tâm hãy nên học hết thầy căn lành; học căn lành rồi sẽ được trí Nhất thiết chủng, sẽ dứt hết thầy phiền não và tập khí.

Bạch đức Thế Tôn, tại sao Bồ Tát thành tựu pháp vô lậu trắng sạch như vậy mà lại sinh trong các đường ác súc sinh?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao, Phật thành tựu pháp vô lậu trắng sạch chẳng?

Nếu Phật tự biến làm thân súc sinh để làm Phật sự, độ chúng sinh, thời đó thật là súc sinh chẳng?

Tu Bồ Đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn.

Phật dạy: Bồ Tát cũng như vậy, thành tựu pháp vô lậu trắng sạch; vì độ chúng sinh nên thọ thân súc sinh, cũng dùng thân ấy giáo hóa chúng sinh.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như A la hán thân làm biến hóa có thể khiến chúng sinh hoan hỷ chẳng?

Tu Bồ Đề thưa: Có thể.

Phật dạy: Như vậy, như vậy. Bồ Tát dùng pháp vô lậu trắng sạch ấy, tùy theo chúng sinh đáng được độ mà thọ thân; dùng thân ấy làm lợi ích chúng sinh, cũng không chịu sự thống khổ. Nay Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Vị thầy huyền thuật huyền làm các hình dạng: Hoặc voi ngựa, trâu dê, nam

nữ để chỉ cho mọi người thấy, mà voi ngựa, trâu dê, nam nữ ấy có thật chẳng?

Tu Bồ Đề thưa: Không thật, bạch Thế Tôn.

Phật dạy: Như vậy, Bồ Tát thành tựu pháp vô lậu trắng sạch, hiện ra mỗi mỗi thân để chỉ bày cho chúng sinh; dùng thân ấy làm lợi ích tất cả, cũng không chịu các thống khổ.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát có sức phương tiện lớn, được trí tuệ vô lậu bậc thánh, tùy theo thân chúng sinh đáng được độ mà hiện mỗi mỗi thân hình để độ chúng sinh.

Luận. Hỏi: Trong phẩm Tướng Thoái Chuyển ở trên nói: Tướng như vậy là tướng mạo chẳng thoái chuyển, tướng như vậy là tướng mạo chẳng phải chẳng thoái chuyển. Chẳng thoái chuyển tức là chắc chắn, nay có sao Tu Bồ Đề lại hỏi?

Đáp: Bát nhã ba la mật có nhiều môn, có nhiều đạo. Chẳng thoái chuyển là nói về môn một tướng, nay hỏi chắc chắn là hỏi về môn hai tướng.

*Lại nữa, ở trong tâm Phật, hết thấy chúng sinh và hết thấy pháp đều chắc chắn, vì trí người không sánh kịp nên nói là không chắc chắn. Phật tuy biết vô lượng vô số kiếp chứa nhóm công đức lớn, chắc chắn thoái chuyển làm hàng Tiểu thừa, cũng biết còn trùng vi tế, tuy chưa có tâm từ nhưng trải qua bấy nhiêu kiếp phát tâm sau sẽ được làm Phật. Chắc chắn biết hết thấy pháp đều như vậy, từ nhân ấy được quả ấy. Thế nên nói Phật đối với hết thấy pháp không còn chướng ngại, vì Phật biết chắc chắn.

*Lại nữa, vì Tu Bồ Đề nghe trong kinh Pháp Hoa nói ở chỗ Phật làm chút ít công đức: Hoặc giỡn cười mà xưng một tiếng Nam mô Phật, dần dần chắc chắn sẽ làm Phật. Lại vì nghe trong phẩm Chẳng thoái chuyển nói, có thoái chuyển và không thoát chuyển. Lại vì nghe nói hàng Thanh văn đều sẽ làm Phật; nếu như vậy thời không nên có thoái chuyển? Như trong kinh Pháp hoa nói chắc chắn, còn các kinh khác nói không chắc chắn, hoặc có thoái chuyển, hoặc không có thoái chuyển; thế nên nay hỏi là chắc chắn hay không chắc chắn. Như vậy, do các nhân duyên ấy nên hỏi chắc chắn hay không chắc chắn.

Phật dạy: Bồ Tát là chắc chắn.

Tâm Tu Bồ Đề vì cầu vào Niết bàn là chắc chắn, thế nên hỏi: Ở trong đạo nào chắc chắn?

Phật dạy: Chẳng phải chắc chắn trong Nhị thừa, chỉ chắc chắn trong Đại thừa.

Vì người cầu Phật đạo có cao, vừa, thấp, thế nên hỏi: Hoặc Bồ Tát mới phát tâm chắc chắn hay Bồ Tát không thoái chuyển chắc chắn, hay Bồ Tát thân sau cùng chắc chắn? Ý của Tu Bồ Đề là từ địa vị chẳng thoái chuyển trở lên chắc chắn an lập trong Phật đạo chăng?

Phật đáp: Ba hạng Bồ Tát nói trên đều chắc chắn. chắc chắn là chắc chắn sẽ làm Phật.

Hỏi: Phật dùng mắt Phật thấy Bồ Tát trong mười phương, người cầu Phật đạo nhiều như cát sông Hằng, người chẳng thoái chuyển hoặc một hoặc hai, nay có gì nói ba hạng Bồ Tát trên đều chắc chắn thành Phật?

Đáp: Trước tôi đã nói: Bát nhã sâu xa có vô lượng môn. Có nơi nói Bồ Tát thoái chuyển mà không chắc chắn, có nơi nói Bồ Tát chắc chắn không thoái chuyển. Như trong phẩm Chẳng thoái chuyển, Tu Bồ Đề hỏi Phật: Bồ Tát thoái chuyển là thoái chuyển ở trong pháp nào? Là từ sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung, vì rốt ráo không, nên các pháp đều không thoái chuyển. Trong đây Phật lại nói không thoái chuyển.

Hỏi: Hai nghĩa ấy, nghĩa nào thật?

Đáp: Hai việc đều thật, từ miệng Phật nói ra đều là thật. Như Phật hoặc nói các pháp không, không có sở hữu: Hoặc nói bố thí, trì giới ... là hữu vi. Đối người mới phát tâm thời nói các pháp hữu vi, với người học đạo lâu ưa đắm thiện pháp thời nói các pháp không, không có sở hữu, còn người giải đãi đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác tâm không bền chắc, những người như vậy nên theo Thanh văn đạo được độ mà không cầu Thanh văn, phải ở trong sinh tử lâu chịu khổ. Thế nên nói người phát tâm nhiều như cát sông Hằng mà người được chẳng thoái chuyển thời hoặc một hoặc hai. Chúng sinh nghe việc ấy rồi có thể kham chịu mọi khổ, chắc chắn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác; nếu không thể kham chịu thời thủ chứng đạo Thanh Văn, Bích chi Phật. Có người có thể được làm Phật mà vì tâm

đại bi mỏng, tự ưa thân mình nặng, người ấy nghe việc làm Phật khó được thời phần nhiều thoái chuyển, nghĩ rằng: Ta không thể được làm Phật, chẳng bằng sớm thủ chứng Niết bàn, cần gì phải đời đời siêng khổ! Phật vì hạ hạnh người ấy nên nói hết thầy Bồ Tát cho đến Bồ Tát mới phát tâm, đều chắc chắn sẽ làm Phật, như trong kinh Pháp Hoa nói.

Hỏi: Nếu hết thầy Bồ Tát đều chắc chắn, có gì Phật mỗi mỗi quở trách hàng nhị thừa mà không cho Bồ Tát thủ chứng nhị thừa?

Đáp: Người cầu Phật đạo nên biết khắp pháp tính, song người ấy vì sợ già bệnh chết nên ở trong pháp tính thủ chứng phần ít, bèn ngưng nghỉ, bỏ Phật đạo, không độ chúng sinh, bị chư Phật, Bồ Tát quở trách rằng, ông muốn bỏ đi, hội hợp không được xa lìa. Khi được chứng A la hán thời không còn cầu tam muội sâu xa của Bồ Tát, lại không rộng độ chúng sinh, thời bị quanh co, đối với Phật đạo thời trở ngại.

Hỏi: A la hán do nhân duyên đời trước được thọ thân, chắc chắn phải diệt, vậy ở chỗ nào mà đầy đủ Phật đạo?

Đáp: Khi được thành A la hán, nhân duyên các lậu hoặc ba cõi dứt hết, không còn trở lại sinh trong ba cõi. Có cõi nước thanh tịnh của Phật ra ngoài ba cõi, không có danh từ phiền não, ở chỗ Phật nơi cõi nước ấy nghe kinh Pháp Hoa thời đầy đủ Phật đạo. Như kinh Pháp Hoa nói: Có A la hán hoặc không nghe kinh Pháp Hoa mà tự mình được diệt độ; tôi ở nước khác vì họ nói việc ấy rằng: Ông đều sẽ làm Phật.

Hỏi: Nếu A la hán đi đến cõi nước thanh tịnh của Phật thọ thân pháp tính, như vậy nên chóng được làm Phật, có sao nói quanh co, trở ngại?

Đáp: Người ấy vì nhân duyên tham đắm Tiểu thừa mà bỏ chúng sinh, bỏ Phật đạo, lại dối nói được đạo. Vì nhân duyên ấy nên tuy không thọ khổ não sinh tử, mà vẫn ở địa vị Bồ Tát độn căn, không thể chóng thành Phật đạo, không như vị Bồ Tát tu hành đi thẳng.

*Lại nữa, Phật pháp là điều thứ nhất trong năm điều không thể nghĩ bàn. Nay nói vị A la hán lậu hoặc sạch hết, trở lại làm Phật, điều đó chỉ có Phật biết được. Người luận nghị chính có thể luận việc ấy mà không thể lường biết, thế nên không nên hí luận. Nếu khi cầu được làm Phật thời mới có thể hiểu rõ, còn những người khác có thể tin mà chưa thể biết.

Chắc chắn Bồ Tát đọa trong ba đường ác chẳng là Tu Bồ Đề khi nghe Phật nói vô lượng nhân duyên đời trước: Hoặc thọ thân voi, nai, rùa, bò câu, công, oanh vũ chịu các khổ, thế nên hỏi Phật: Nếu Bồ Tát chịu làm thân súc sinh như vậy thì vì sao nói hết thấy Bồ Tát chắc chắn? Chắc chắn tức là chẳng thoái chuyển, chẳng thoái chuyển là không đọa trong ba đường ác.

Phật hỏi ngược lại Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao, các bậc thánh trong hàng Bát nhân... đọa vào ba đường ác chẳng?

Tu Bồ Đề suy nghĩ: Các thánh nhân ấy đã vào thánh đạo nên không có nhân duyên đọa vào ba đường ác. Suy nghĩ rồi đáp rằng: Thưa không.

Phật dạy: Bồ Tát cũng như vậy, nhân duyên đọa vào ba đường ác đã hết thì làm sao Bồ Tát đọa vào ba đường ác? Nhân duyên đọa vào ba đường ác là các pháp bất thiện. Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây tu tập các pháp thiện bố thí, trì giới... dứt mười pháp bất thiện là giết hại, trộm cắp... thì nếu người ấy còn đọa vào ba đường ác là không có lẽ ấy, vì sao? Vì đã dứt hết pháp ác, tăng ích pháp lành. Pháp bất thiện có nặng, vừa và nhẹ. Nặng thì đọa địa ngục, vừa thì đọa súc sinh, nhẹ thì đọa ngã quỷ. Ba đức bất thiện ấy Bồ Tát đã dứt hết, tâm thương xót sâu xa nghĩ đến chúng sinh, thế nên không đọa.

Hỏi: Nếu như thế thì có thể không sinh trong ba đường ác. Vậy là phước đức của Bồ Tát ấy nhiều, cơ sao không sinh trong cõi trời sống lâu?

Đáp: Bồ Tát vì thương xót chúng sinh mà hành sáu Ba la mật, tuy có thể vào thiên định, hòa hợp với tâm từ bi tu hành, song không đắm thiên vị, nên khi mạng sắp hết, nghĩ đến cõi Dục nên thoái mất thiên đạo, vì trong cõi trời sống lâu không có khổ não, đắm sâu thiên vị thì khó có thể được độ, nên không sinh vào trong ấy.

Sinh ở biên địa thì bị chướng ngại, không thể tu pháp thiện nên không sinh đến đó, vì sao? Vì Bồ Tát đã nhổ sạch cội gốc tâm lần tiếc giáo pháp; vì lần tiếc giáo pháp nên mới sinh ở biên địa, là chỗ không biết pháp.

*Lại nữa, Bồ Tát thường ưa trung đạo, lìa bỏ hai bên nên không sinh chốn biên địa. Chốn biên địa không có danh từ Tam bảo, không biết đến bảy chúng, chỉ quý việc hiện tại, không quý phước đức đạo pháp, thế nên gọi là chốn biên địa, chứ không riêng chỉ sinh chốn biên địa thì gọi là chốn biên địa. Nếu biết Tam bảo, biết nhân duyên tội phước tương tục, biết thật

tướng các pháp thời người ấy dù sinh bên ngoài cõi Diêm phù đề cũng không gọi là chốn biên địa, huống gì sinh giữa cõi Diêm phù đề.

Do Bồ Tát thường ưa thích vì chúng sinh thuyết pháp, cũng rất ưa thích thiện pháp, cho nên gặp được chúng sinh hiền lành, vừa ý cùng sinh một nơi, gọi là trung tâm của cõi nước; ở trung tâm cõi nước lại không sinh vào nhà tà kiến, vì sao? Vì Bồ Tát ấy đời đời thường tự mình hành chánh kiến, cũng dạy người hành chánh kiến, tán thán pháp chánh kiến, hoan hỷ tán thán người hành chánh kiến; thế nên không sinh vào nhà ác tà kiến.

Hỏi: Bồ Tát ấy có sức phước đức và trí tuệ lớn thời nên sinh vào chốn biên địa, nhà tà kiến để giáo người khác, có sao lại sợ mà không sinh?

Đáp: Bồ Tát có hai hạng: 1. Bồ Tát đã thành tựu đại nguyện; 2. Bồ Tát mới có nhân duyên phát tâm. Bồ Tát đã thành tựu đại nguyện có sức lớn nên tùy theo nơi chúng sinh có thể độ mà thọ thân, không tránh chốn biên địa, nhà tà kiến, còn Bồ Tát mới phát tâm nếu sinh vào các nơi ấy thời đã không thể độ người lại còn tự hủy hoại mình, thế nên không sinh. Thí như vàng thật ở trong bùn trộn không bị hủy hoại, mà đồng thiết thời bị hủy hoại.

Tà kiến là tà kiến không làm. Tuy 62 thứ đều là tà kiến nhưng tà kiến không làm là nặng nhất, vì sao? Vì không làm là nói rằng, không nên làm công đức hay cầu Niết bàn. Như nói trời làm hoặc nói thế giới có đầu, tuy là tà kiến mà không chướng ngại làm việc phước đức, còn tà kiến không làm rất ác, nên không sinh nơi đó.

*Lại nữa, Bồ Tát mới phát tâm mà có tâm nhiễm ác hành đạo bất thiện thời không có lẽ ấy, vì sao? Vì Bồ Tát ấy nhất tâm hồi hướng, quý trọng Vô thượng chánh đẳng chánh giác chứ không quý trọng pháp thế gian. Bồ Tát ấy do chưa lìa dục nên tuy khởi lên các phiền não mà trộn không có tâm ô nhiễm làm việc ác, tuy có dùng roi gậy gây khổ mà trộn không cướp mạng sống, không lấy của người khác làm họ mất mạng. Bồ Tát ấy dứt hết thấy pháp bất thiện, tu tập hết thấy pháp thiện nên không sinh vào chỗ có tám nạn, thường sinh vào chỗ có tám điều tốt.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu Bồ Tát thành tựu các căn lành như vậy, có gì nhân duyên đời trước lại làm thân nai, ngựa...?

Phật đáp: Bồ Tát thật có thành tựu thiện căn phước đức, song vì lợi lạc chúng sinh nên thọ thân súc sinh, cũng không có tội súc sinh. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ Tát ở trong súc sinh mà biết thương xót giặc

oán, là điều mà A la hán, Bích chi Phật không có được. A la hán, Bích chi Phật khi giặc oán đến hại, tuy không đáp trả nhưng không thể thương xót, nhớ nghĩ, cúng dường, cung cấp. Như tiền thân Bồ Tát làm voi trắng sáu ngà, có một người thợ săn dùng tên độc bắn vào ngực. Bảy giờ voi trắng, tiền thân Bồ Tát lấy vùi bao che cho thợ săn, không để các voi khác làm hại, nói với voi cái rằng: Em là vợ của Bồ Tát, có gì sinh ác tâm? Đó là tội phiền não ấy. Thí như người bị quý ám, vị thầy chú thuật đến chỉ trị quý mà không giận người; thế nên chớ tìm tội người ấy. Rồi từ từ hỏi thợ săn: Vì sao ông bắn ta? Thợ săn đáp: Ta cần cặp ngà của người. Voi liền đến húc đá bẻ ngà trao cho, máu thịt tuôn ra mà không cho là thống khổ; lại còn cung cấp lương thực, chỉ đường cho đi. Những việc từ bi như vậy hàng Thanh văn, Bích chi Phật không thể có được. Có tâm tốt như vậy thời làm sao thọ thân súc sinh được? Nên biết đây là biến hóa để độ chúng sinh.

Hỏi: Vì có gì không làm thân người vì họ thuyết pháp mà lại làm thân thú?

Đáp: Có khi chúng sinh thấy thân người thuyết pháp thời không tin chịu, thấy thân súc sinh thuyết pháp thời tin vui, nhận lãnh lời giáo hóa. Lại, Bồ Tát muốn đầy đủ lòng từ bi lớn nên muốn thi hành việc ấy. Chúng sinh trông thấy vừa sợ vừa mừng mà đều được vào đạo.

(Hết cuốn 93 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 94

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát trú ở pháp trắng sạch gì có thể làm các phương tiện như vậy mà không bị ô nhiễm?

Phật dạy: Bồ Tát dùng Bát nhã ba la mật làm các phương tiện như vậy, hiện thân trong mười phương cõi nước nhiều như cát sông Hằng làm lợi ích chúng sinh, cũng không tham đắm thân ấy, vì sao? Vì người tham đắm pháp tham đắm và chỗ đắm đều không thể có được, vì tự tính không. tính không, không tham đắm tính không, trong tính không, không có người tham đắm cũng không có chỗ tham đắm, vì sao? Vì trong không, tướng không không thể có được; ấy gọi là bất khả đắc không. Bồ Tát trú trong ấy có thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát chỉ trú trong Bát nhã ba la mật được Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà không trú trong các pháp ư?

Này Tu Bồ Đề, và chẳng có pháp không vào trong Bát nhã?

Tu Bồ Đề thưa: Nếu Bát nhã tự tính không, thì vì sao hết thấy pháp đều vào trong Bát nhã ba la mật, trong không, không có pháp hoặc vào hoặc không vào?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Hết thấy pháp, hết thấy pháp tướng không chẳng?

Này Tu Bồ Đề, nếu hết thấy pháp, hết thấy pháp tướng không, có sao nói hết thấy pháp không vào trong không?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát làm thế nào khi hành Bát nhã ba la mật, trú trong hết thấy pháp không, mà có thể khởi lên thần thông Bát nhã ba la mật; trú trong Thần thông Ba la mật rồi đi đến mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng cúng dường chư Phật hiện tại, nghe Phật thuyết pháp, ở chỗ Phật gieo trồng căn lành?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, quán mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng ấy đều tính không, trong các cõi nước ấy chư Phật cũng tính không, chỉ có tên giả, nên tên giả về chư Phật hiện thân cũng tính không. Nếu mười phương các cõi nước và chư Phật tính chẳng không, thì tính không ấy có thiên lệch. Vì tính không, không thiên lệch nên hết thấy pháp, hết thấy pháp tướng không; vì thế, hết thấy pháp, hết thấy pháp tướng không. Thế nên Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện phát sinh thần thông Ba la mật, trú trong thần thông Ba la mật ấy khởi lên thiên nhãn, thiên nhĩ, như ý túc, trí biết tâm người khác, trí biết đời trước, trí biết sinh tử của chúng sinh. Nếu Bồ Tát xa lìa thần thông Ba la mật thì không thể làm lợi ích chúng sinh, cũng không thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Thần thông Ba la mật là đạo làm lợi ích của Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì sao? Vì dùng thiên nhãn thời tự mình thấy được các pháp lành, cũng dạy người được các pháp lành, đối với các pháp lành cũng không nhiễm trước, vì các pháp lành tự tính không. Tự tính không, không nhiễm trước gì, nếu nhiễm trước thì đắm vị, trong không có vị. Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật có thể phát sinh thiên nhãn như vậy, dùng thiên nhãn ấy quán hết thấy pháp không, thấy pháp không ấy không thủ tướng, không tạo nghiệp, cũng vì người khác nói pháp ấy, cũng không thấy có tướng chúng sinh, không thấy có danh từ chúng sinh.

Như vậy, Bồ Tát dùng pháp không có sở đắc nên khởi lên thần thông Ba la mật, dùng thần thông Ba la mật ấy, việc đáng làm nên làm. Bồ Tát dùng thiên nhãn sáng suốt hơn mắt người thấy mười phương các cõi nước; thấy rồi bay đến mười phương làm lợi ích chúng sinh: Hoặc lấy việc bố thí, hoặc lấy việc trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định; hoặc lấy trí tuệ; hoặc lấy ba mươi bảy pháp trợ đạo; hoặc lấy các thần thông, giải thoát, tam muội, pháp Thanh văn, pháp Bích chi Phật hoặc pháp Phật làm lợi ích chúng sinh.

Vì hạng người xan tham mà nói như vậy: Này các chúng sinh, các người nên bố thí; nghèo cùng là khổ não. Người nghèo cùng còn không làm lợi ích mình được, huống nữa làm lợi ích người khác! Vì thế nên các người nên siêng bố thí để tự mình được vui, cũng làm cho người khác được vui; chớ vì nghèo cùng mà ăn nuốt lẫn nhau, không lìa khỏi ba đường ác.

Vì hạng người phá giới thuyết pháp rằng: Này các chúng sinh, việc phá giới rất khổ não, người phá giới còn không làm lợi ích mình được, huống nữa làm lợi ích người khác! Việc phá giới thọ quả báo khổ: Hoặc ở địa ngục, hoặc ở ngã quý, hoặc ở súc sinh. Các ông đọa trong ba đường ác tự mình còn không cứu được, làm sao cứu người khác? Thế nên các ông không nên theo tâm phá giới để đến khi chết hối hận.

Nếu gặp người sân giận tranh đấu lẫn nhau, nói pháp như vậy: Này các chúng sinh, chớ sân giận tranh đấu lẫn nhau. Người sân giận loạn tâm không thuận theo pháp lành, các người đem tâm rối loạn sân giận lẫn nhau thời hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào ngã quý, hoặc đọa vào súc sinh; thế nên các người không nên sinh một niệm sân giận, huống nữa là nhiều.

Vì hạng chúng sinh giải đãi thuyết pháp khiến được tinh tấn, vì hạng chúng sinh tán loạn khiến được thiền định, vì hạng chúng sinh ngu si khiến được trí tuệ cũng như vậy. Đối với người hành dâm dục khiến quán bất tịnh; đối với người sân giận khiến quán lòng từ; đối với người ngu si khiến quán mười hai nhân duyên; đối với chúng sinh hành phi đạo khiến vào chánh đạo là đạo Thanh văn, đạo Bích chi Phật và Phật đạo. Vì các chúng sinh ấy thuyết pháp như vậy: Điều các ông chấp trước, pháp ấy tính không; trong pháp tính không thể chấp trước được; tướng không chấp trước cũng là tướng không. Như vậy, Bồ tát khi hành Bát nhã ba la mật trú trong Thần thông Ba la mật, làm lợi ích chúng sinh.

Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát nếu xa lìa thần thông thời không thể theo ý chúng sinh thuyết pháp lành cho họ. Vì thế, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la

mật nên khởi lên thần thông. Thí như chim không có cánh thì không thể bay cao; Bồ Tát không có thần thông thì không thể tùy ý giáo hóa chúng sinh. Do vậy, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật nên khởi lên các thần thông, khởi lên các thần thông rồi nếu muốn làm lợi ích chúng sinh thì tùy ý lợi ích được.

Bồ Tát dùng thiên nhãn thấy mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng và chúng sinh trong các cõi nước ấy, thấy rồi dùng thần thông qua đến chỗ đó, biết tâm của chúng sinh, theo điều thích ứng với họ mà nói pháp: Hoặc nói về bố thí, nói về trì giới, nói về thiền định, cho đến nói về Niết bàn.

Bồ Tát dùng thiên nhĩ nghe hai thứ âm thanh: Hoặc của người, hoặc của chẳng phải người; nghe mười phương chư Phật thuyết pháp và đều có thể nắm giữ, đúng như pháp đã được nghe mà vì chúng sinh nói pháp: Hoặc nói về bố thí cho đến hoặc nói về Niết bàn.

Bồ Tát được trí thanh tịnh biết tâm người khác, dùng trí biết tâm người khác mà biết tâm của chúng sinh, theo điều thích ứng của họ mà nói pháp, hoặc nói về bố thí cho đến hoặc nói về Niết bàn.

Bồ Tát được trí biết mạng sống đời trước, nhớ biết nơi nguồn gốc sinh ra, cũng tự nhớ biết đời trước của mình và nhớ biết đời trước của người khác. Dùng trí nhớ biết mạng sống đời trước ấy, nhớ quá khứ ở chỗ nào, nơi nào; biết danh tự của chư Phật và chúng đệ tử. Gặp chúng sinh tin ưa việc của mạng sống đời trước thì hiện việc đời trước mà nói pháp: Hoặc nói về bố thí cho đến hoặc nói về Niết bàn.

Dùng sức thần thông như ý, đi đến vô lượng cõi nước của chư Phật cúng dường chư Phật, theo chư Phật gieo trồng căn lành rồi trở lại cõi nước của mình.

Bồ Tát chứng được trí sạch hết các lậu, dùng trí sạch hết các lậu ấy vì chúng sinh nói pháp: Hoặc nói về bố thí cho đến hoặc nói về Niết bàn.

Như vậy, Tu Bồ Đề, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật nên khởi lên thần thông như vậy. Bồ Tát dùng việc tu thần thông ấy mà tùy ý thọ thân, khổ vui không nhiễm đắm; thí như người của Phật biến hóa, hóa làm ra mọi việc, khổ vui không nhiễm đắm. Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật nên dùng thần thông như ý như vậy, có thể làm nghiêm tịnh cõi Phật và thành tựu tuệ giác cho chúng sinh.

*Lại nữa, Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát không nghiêm tịnh cõi Phật, không thành tựu tuệ giác cho chúng sinh thời không thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì sao? Vì nhân duyên không đầy đủ, không thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát làm thế nào đầy đủ nhân duyên rồi được thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Hết thầy pháp lành là nhân duyên của Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, những pháp lành nào mà do pháp lành ấy nên được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây, Thí Ba la mật là nhân duyên của pháp lành, nơi đó không có phân biệt người thí, người nhận thí, vì tính không. Do Thí Ba la mật ấy có thể tự mình làm lợi ích, cũng có thể làm lợi ích cho chúng sinh, từ trong sinh tử kéo ra, khiến được Niết bàn. Các pháp lành ấy đều là nhân duyên của Vô thượng chánh đẳng chánh giác, của đại Bồ Tát. Nhờ hành đạo ấy mà các Bồ Tát quá khứ, vị lai, hiện tại được thoát qua khỏi sinh tử; đã qua khỏi, nay qua khỏi và sẽ qua khỏi. Do Giới Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo, mười tám không, tám bội xả, định chín thứ lớp, các môn Đà la ni, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, các công đức như vậy đều là đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác; ấy gọi là pháp lành. Bồ Tát đầy đủ pháp lành ấy rồi, sẽ được trí Nhất thiết chủng. Được rồi sẽ chuyển pháp luân; chuyển pháp luân rồi sẽ độ chúng sinh.

Luận: Bấy giờ Tu Bồ Đề hỏi: Trú vào căn lành nào nên có thể thọ thân này?

Phật đáp: Bồ Tát đầy đủ hết thầy pháp lành cho đến Tu Bồ Đề nghe rồi rất hoan hỷ bạch Phật: Bồ Tát thành tựu sức phương tiện lớn, trú vào thánh pháp vô lậu nào có thể thọ thân này mà không nhiễm trước? Theo thân ấy, thí như vị thầy huyền thuật, cũng như việc biến hóa? Trú ở pháp trắng sạch nào mà có thể làm các phương tiện như vậy?

Phật đáp: Bồ Tát do sức Bát nhã ba la mật nên có thể thành tựu phương tiện như vậy, hiện mỗi mỗi thân làm lợi ích cho chúng sinh trong mười phương các cõi nước và cũng không tham đắm thân ấy. Trong đây Phật tự

nói nhân duyên: Bồ Tát có ba pháp không thể có được: Một là thân Bồ Tát; hai là nai ngựa được làm ra, ba là pháp được dùng, vì sao? Vì pháp ấy đều tính không; tính không cũng không tham trước tính không; trong tính không cũng không có người tham trước; vì pháp không có nên chúng sinh không có; chúng sinh không có nên pháp cũng không có. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Trong tính không, tính không thể có được; vì không thể có được thời Bồ Tát làm sao tham trước trí tuệ ấy? Ấy gọi là không, không có sở đắc.

Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật có thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì không chướng ngại nên dễ được.

Tu Bồ Đề hỏi: Bồ Tát trú ở sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung, nay có sao chỉ nói trú trong Bát nhã ba la mật không có sở đắc, được thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề, pháp gì không vào trong Ba la mật? Tất cả pháp đều vào trong Bát nhã ba la mật. Nếu trú trong Bát nhã ba la mật tức là trú trong hết thảy pháp.

Lại hỏi: Nếu Bát nhã ba la mật tính không, làm sao hết thảy pháp đều vào trong đó? Trong đây Tu Bồ Đề tự nói nhân duyên: Trong hết thảy pháp tính không không có pháp ra, không có pháp vào.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Hết thảy pháp, hết thảy pháp tướng không chẳng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Này Tu Bồ Đề, nếu hết thảy pháp, hết thảy pháp tướng không, vậy hết thảy pháp đều vào trong không, có sao ông nói trong không không có pháp ra vào?

Bấy giờ Tu Bồ Đề hiểu rõ nên tâm phục mà lãnh thọ. Nghe việc Bồ Tát hóa thân độ chúng sinh, nên hỏi: Bạch đức Thế Tôn, Bồ Tát làm thế nào trú trong hết thảy pháp tính không mà có thể khởi lên thần thông Ba la mật, đi đến mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng cúng dường Phật, nghe pháp, gieo trồng căn lành sâu dày?

Căn lành là các môn Đà la ni, các môn tam muội, là căn bản của giải thoát không ngại. Ý của Tu Bồ Đề là nếu Bát nhã ba la mật tính không, thời

làm sao Bồ Tát an trú trong Bát nhã ba la mật lại có thể hành thần thông là pháp có?

Phật dạy: Vì tính không cho nên có thể hành, vì có sao? Vì khi Bồ Tát hành Bát nhã, quán mười phương các cõi nước đều không, chư Phật trong các cõi nước ấy cũng không.

Hỏi: Nếu cõi nước không thời Phật cũng phải không, có gì nói riêng?

Đáp: Phật do vô lượng vô số công đức chơn thật mà được thân ấy, có thể lấy một ngón chân làm chấn động mười phương các cõi nước nhiều như cát sông Hằng. Lại, Bồ Tát đời đời lại đây lòng yêu thích, kính trọng Phật sâu xa, không thể quán sát Phật chóng làm cho không, thế nên không hợp chung với cõi nước đề nói. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Nếu mười phương các cõi nước và chư Phật chẳng không, thời là tính không có thiên lệch, có thiên lệch thời gọi là có chỗ không và chẳng không. Nay thật không có thiên lệch nên hết thấy pháp, hết thấy pháp tướng không. Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, đối với hết thấy pháp không ngăn ngại, song vì mắt thịt thấy sắc không thông:: Thấy trên thời không thấy dưới, thấy trước thời không thấy sau, chỗ rộng suốt thời thấy, chỗ chướng ngại thời không thấy, ban ngày thời thấy, ban đêm thời không thấy; biết sức mắt thịt kém như vậy nên vì sức phương tiện mà lại cầu mắt trời.

Sức phương tiện là khiến bốn đại ở thế giới khác đến trú trong thân. Nghĩa là dùng thiên nhãn như trước đã nói. Thiên nhãn, như ý túc, trí biết tâm người khác, trí biết đời trước, trí biết chúng sinh, sinh về đâu, chết về đâu. Bồ Tát nếu không có thần thông thời không thể làm lợi ích chúng sinh, vì sao? Vì nếu không có thần thông thời làm sao có thể khiến nhiều người phát tâm? Bồ Tát có thần thông mà còn không thể khiến tất cả chúng sinh phát tâm, huống nữa là không có! Thế nên thần thông Ba la mật là chỗ hành đạo sở hành của Bồ Tát. Bồ Tát tự thấy pháp lành, cũng dạy người khác được pháp lành mà không tham đắm pháp lành ấy, vì sao? Vì pháp ấy tính đều không.

Hỏi: Thiên nhãn chỉ có thể thấy sắc, làm sao thấy pháp lành mà lại nói hết thấy pháp tính không?

Đáp: Đây là trong nhân nói quả. Do thiên nhãn ấy tự thấy thân mình, lại thấy mười phương chúng sinh, vậy sau dùng trí biết tâm người khác, trí biết mạng sống đời trước, tìm căn lành đời nay đời sau, thấy căn lành và quả báo lâu ngày đều tiêu diệt, tiêu diệt nên thấy nó không. Căn lành ấy đều là

pháp hữu vi nên không có tự tính, không có tự tính nên không; vì không nên không thể tham trước, cũng không thể thọ khí vị, không thể thọ khí vị nên không tham trước; thí như ruồi không chỗ nào không đậu, chỉ trừ không đậu trong lửa. Chúng sinh ái trước cũng như vậy, đối với pháp lành, pháp chẳng lành đều ái trước, cho đến ái trước Phi hữu tướng Phi vô tướng nên không thể vào Niết bàn, chỉ trừ không thể ái trước lửa Bát nhã ba la mật tính không, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tướng không; nếu Bát nhã ba la mật chẳng không tức là có khí vị, là chỗ có thể ái trước. Bồ Tát trú trong trí tuệ ấy không khởi nghiệp hữu lậu, chỉ vì chúng sinh mà thuyết pháp, cũng biết chúng sinh là giả danh, không thể có được. An trú trong Bát nhã không có sở đắc ấy mà có thể đầy đủ các việc thần thông. Nếu Bồ Tát không được Bát nhã vô ngại ấy thời không thể được thần thông vô ngại. Bồ Tát được thần thông vô ngại nên có thể bay đến mười phương các cõi nước làm lợi ích chúng sinh, như trong Kinh nói rộng: Hoặc nói về bố thí, hoặc nói về trì giới...; đối với người xan tham thời dạy bố thí... như trong đây nói ví dụ: Ví như chim không có cánh thời không thể bay cao; Bồ Tát cũng như vậy, không có Thần thông Ba la mật thời không thể giáo hóa chúng sinh. Bồ Tát dùng thiên nhãn thấy mười phương các cõi nước của chư Phật cùng hết thấy chúng sinh, dùng thiên nhĩ theo chư Phật nghe pháp, dùng thần thông như ý phóng hào quang lớn, hoặc biến hóa hiện ra các thứ nước lửa, các việc kỳ lạ khiến chúng sinh phát tâm cho là việc hy hữu mà tôn trọng. Dùng trí biết tâm người khác, biết tâm tâm số của người khác tham đắm gì, chán gì, có thể độ hay không thể độ, là lợi căn hay là độn căn, đã thành tựu căn lành hay chưa thành tựu. Biết tâm của chúng sinh khác như vậy thời nhiếp thủ những ai đã thành tựu căn lành. Gặp người có thể độ thời dùng trí biết mạng sống đời trước, trí biết sinh tử quán nguồn gốc của người kia từ đâu đến, gieo trồng căn lành gì, và ưa làm hạnh gì; từ đây mệnh chung sẽ sinh chỗ nào, lúc nào sẽ được giải thoát. Trừ lượng suy nghĩ như vậy biết nghiệp duyên quá khứ và biết quả báo vị lai của người có thể độ.

Lại dùng thần thông biết người ấy cần vì sợ hãi mà được độ, thời đem việc địa ngục chỉ bày rằng: Ông sẽ sinh vào trong ấy; biết người cần vì hoan hỉ mà được độ, thời chỉ bày thiên đường, mắt thấy việc ấy tâm sinh ra sợ hãi, vui mừng, nhằm chán thế gian. Bấy giờ đem trí thông suốt vô lậu nói pháp dứt hết lậu, chúng sinh nghe pháp ấy phá bỏ tâm tham trước, lại dùng pháp ba thừa mà được Niết bàn; tí như chim nhận trảng khi muốn bắt cá thời trừ lượng tới lui, không để mất cơ hội; biết có thể bắt được liền bắt, không để lỡ qua. Bồ Tát cũng như vậy, dùng sức thần thông quán nguồn gốc của chúng sinh, thấy nhân duyên có thể độ: Hoặc thấy cõi nước thời biết; biết các căn tín, tấn... của các chúng sinh ấy mãnh lợi, các nhân duyên đầy đủ nên vì họ

thuyết pháp, không để lỡ uổng. Thế nên nói: Bồ Tát lia thần thông thời không thể lợi ích chúng sinh, như chim không có cánh. Các thần lực khác như Phật tự nói: Dùng thiên nhãn thấy việc sống chết của mười phương chúng sinh, cũng biết tâm chúng sinh, tùy ý thuyết pháp, cho đến khéo tu sức thần thông, vì chúng sinh mà thọ thân, không vì khổ vui làm ô nhiễm. Bồ Tát đối với chúng sinh hoặc làm cha, hoặc làm con, hoặc làm thầy, hoặc làm đệ tử, làm chủ, làm tớ, làm voi ngựa, hoặc làm người cỡi voi ngựa, có khi giàu sang thế lực, có khi nghèo hèn; đối với các việc ấy cũng không bị ô nhiễm; thí như người của Phật biến hóa, hóa làm các việc mà không bị ô nhiễm bởi khổ vui. Hóa làm các việc là như trước đây: Hóa làm vô lượng vô số thân để độ chúng sinh. Khổ vui không nhiễm trước là đối với vui không sinh tâm ái, đối với khổ không sinh tâm sân, không như chúng sinh tùy theo chỗ mà khởi phiền não. Bồ Tát nên đem thần thông du hí như vậy thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật.

Hỏi: Sức thần thông của Bồ Tát có sở tác, có sao gọi là du hí?

Đáp: Hí là như huyễn sư huyễn làm ra các việc, thần thông của Bồ Tát cũng hóa hiện các việc nên gọi là hí.

*Lại nữa, trong Phật pháp có ba tam muội: Không tam muội là thượng hành, vì sao? Vì giống như Niết bàn không bị dính mắc, không có sở đắc. Các hành pháp khác đều gọi là hạ hành, như trẻ nhỏ. Thế nên nói sức thần thông gọi là du hí; đối với việc thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật là rất cần yếu. Thành tựu tuệ giác cho chúng sinh như trong đây nói: Cùng nhau tu căn lành ở cõi Phật thanh tịnh.

Hỏi: Vì sao phải cần dùng việc thành tựu tuệ giác cho chúng sinh và nghiêm tịnh cõi Phật?

Đáp: Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Không thành tựu tuệ giác cho chúng sinh và nghiêm tịnh cõi Phật thời không được đạo vô thượng, vì sao? Vì nhân duyên không đầy đủ thời không được đạo vô thượng. Nhân duyên là hết thầy pháp lành; từ khi mới phát tâm tu thí Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung; đối với pháp tu hành ấy không có ức tướng phân biệt là người thí, là vật bố thí, là người nhận thí, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy. Nếu Bồ Tát tâm không dính mắc, không phân biệt gì mà hành sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung; ấy là nhân duyên của Vô thượng chánh đẳng chánh giác; do đạo ấy được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng có thể tự độ, lại có thể độ chúng sinh.

Hỏi: Nếu Bồ Tát đem tâm chấp trước bố thí thì có lỗi gì mà không gọi là đầy đủ; đem tâm chấp trước bố thí thì người nhận thí mang ơn nặng?

Đáp: Tuy có lợi nhỏ mà lỗi lớn; như đồ ăn ngon có lẫn chất độc, tuy có ngon mà tự làm mất mạng.

Hỏi: Lỗi ấy là những gì?

Đáp: Nếu đem tâm chấp trước mà bố thí, hoặc gặp việc không vừa ý thì sinh sân nộ, hoặc người nhận thí không cảm ơn liền thành oán hiềm. Nếu đem tâm chấp trước cúng dường người lành, hoặc khi gặp chút suy tôn thì oán hiềm việc đã bố thí cho người không xứng đáng, hối tiếc việc đã thí. Nếu bố thí mà tâm hối hận thì thọ quả báo không thanh tịnh.

*Lại nữa, người đem tâm chấp trước bố thí, trong tâm ham trước tài vật, nếu gặp kẻ xâm đoạt liền gia hại, nghĩ rằng: Ta vì phước đức muốn làm việc tốt nên chừa của, có sao người xâm đoạt? Trước tham tài vật là việc đời nay, có thể bố thí là việc đời sau. Tâm thương tiếc càng sâu, vì ái trước sâu nên nếu gặp bị xâm đoạt thì hay gây tội nặng; nhân tội nặng nên thọ khổ trong ba đường ác.

*Lại nữa, vì lòng tham trước nên sinh sân hận; vì sân hận nên dùng dao gậy sát hại, chịu các khổ não.

*Lại nữa, người tạo nghiệp ngu si rất không được yên ổn; làm việc dối trá không thật ấy, nên lâu chắc chắn bị hoạn lớn. Mười phương chư Phật đều dạy môn giải thoát vô tướng. Tướng vô tướng của các pháp là thật, nếu người chấp thủ tướng tài vật hư dối không thật ấy, vậy sau sinh tâm chấp trước, vì tâm chấp trước nên mong cầu quả báo lớn mà bố thí; thí như người muốn thu hoạch nhiều nên dùng hạt giống nhiều. Như vậy, tâm chấp trước bố thí được quả báo ít mà không thanh tịnh, chung quy đi về diệt tận, chịu các ưu não, không thể kể hết, đều do chấp thủ tướng nên có các lỗi như vậy. Nếu đúng như thật tướng mà hành bố thí, thì không có lỗi như vậy, trải qua vô lượng vô số kiếp thọ các phước lạc cũng không cùng tận, cho đến được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

*Lại nữa, như người đem tâm chấp trước hành pháp lành, người ấy nếu nghe nói các pháp rốt ráo không, tức thì bỏ pháp tu hành, đắm trước thủ tướng pháp không ấy, cho đó là thật, trước kia là hư dối. Người ấy mất cả hai thứ, mất pháp lành trước kia và rơi vào tà kiến. Người có tâm chấp trước có lỗi như vậy; thí như người mang bệnh nặng, tuy có các thứ thuốc chữa mà

không giảm bớt, thuốc trở lại thành bệnh. Đem tâm chấp trước tu các công đức có tội lỗi như vậy. Bồ Tát bỏ tâm chấp trước, chẳng thủ tướng không, như: Như, pháp tính, thật tề, đối với pháp bố thí cũng thấy đúng như vậy, vì hết thấy chúng sinh mà hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

*Lại nữa, khi Bồ Tát bố thí, nghĩ rằng: Như trí rốt ráo thanh tịnh của mười phương chư Phật trong ba đời biết thật tướng các pháp, cũng biết tướng bố thí, ta nay cũng nên vì tính ấy mà hồi hướng.

*Lại nữa, Bồ Tát ấy là không dùng, không hành năm căn và tâm tâm số pháp, vì nó không thể biết thật tướng các pháp, là pháp ấy đều do nhân duyên sinh, hư dối, không có tự tính. Ta nay muốn biết thật tướng các pháp để hồi hướng, các pháp hư dối ấy vào trong thật tướng đều không có sai khác. Ta nay vì chưa được trí tuệ thanh tịnh chơn thật, nên còn có chỗ phân biệt là hư, là thật. Dùng trí huệ thanh tịnh để biết, thời đều thành đệ nhất nghĩa đế, vào trong đệ nhất nghĩa đế đều là thanh tịnh, không có sai biệt. Bố thí như vậy mà hồi hướng, thẳng đến Phật đạo; thế nên nói tâm không phân biệt, có thể hành bố thí, ấy gọi là chơn Bồ Tát đạo.

---o0o---

Giải Thích: Phẩm Bốn Đế Thứ 84

(Có bản ghi: Phẩm Sai Biệt; kinh Đại Bát nhã hội hai ghi: Phẩm Phật Pháp thứ 82)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu các pháp ấy là pháp Bồ Tát, thời thế nào là pháp Phật?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như lời ông hỏi, các pháp ấy là pháp Bồ Tát, vậy thế nào là pháp Phật? Nay Tu Bồ Đề, pháp Bồ Tát cũng là pháp Phật. Nếu biết hết thấy chúng là được trí Nhất thiết chủng, dứt hết thấy phiền não tập khí, Bồ Tát sẽ được pháp ấy. Phật do một niệm tương ưng với tuệ, biết hết thấy pháp rồi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác; ấy là sai khác giữa Bồ Tát và Phật. Thí như người đắc quả và người hướng đạo khác nhau, hai người ấy đều là thánh nhân mà có đắc có hướng sai khác. Như vậy, Bồ Tát hành trong đạo vô ngại gọi là đại Bồ Tát, hành trong đạo giải thoát không có hết thấy hắc ám che lấp; ấy gọi là Phật.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp tự tướng không, thời trong pháp tự tướng không vì sao có sai khác là địa ngục, là nga

quỷ, súc sinh, người, trời? Là người Tánh địa, là người Bát địa, là người Tu Bồ Đề cho đến là Bồ Tát? Là Như lai, Ứng cúng, Chánh biến tri? Bạch đức Thế Tôn, những người như vậy không thể có được, nghiệp nhân duyên của những người ấy cũng không thể có được, quả báo của các người ấy cũng không thể có được.

Phật dạy: Như vậy, như vậy, như lời ông nói, trong pháp tự tướng không, không có chúng sinh, không có nghiệp nhân duyên, không có quả báo. Chúng sinh không biết các pháp tự tướng không ấy, nên nghiệp nhân duyên hoặc lành hoặc dữ, hoặc nghiệp bất động; vì nhân duyên tội nghiệp nên đọa trong ba đường ác, vì nhân duyên phước nghiệp nên sinh cõi trời, cõi người; vì nhân duyên nghiệp bất động nên sinh cõi sắc, cõi vô sắc. Bồ Tát khi hành Thí Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung là nhận hành tất cả pháp trợ đạo. Như tam muội kim cương được Vô thượng chánh đẳng chánh giác; được rồi lợi ích chúng sinh, cái lợi ấy thường không mất nên không đọa vào sáu đường sinh tử.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Phật được Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi có được sáu đường sinh tử chăng?

Phật dạy: Không được.

Bạch đức Thế Tôn, Phật có nghiệp hoặc đen hoặc trắng, hoặc đen trắng, hoặc chẳng đen chẳng trắng chăng?

Phật dạy: không được.

Bạch đức Thế Tôn, nếu không có được thời vì sao Phật nói đến địa ngục, nga quỷ, súc sinh, người, trời, Tu đà hoàn cho đến Bồ Tát, chư Phật?

Này Tu Bồ Đề, nếu chúng sinh biết các pháp tự tính không, thời Bồ Tát không cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng không cứu chúng sinh ra khỏi ba đường ác, cho đến không qua lại trong sáu đường sinh tử. Song vì chúng sinh thật không biết các pháp tự tính không, nên không được thoát khỏi sáu đường sinh tử. Vì vậy nên Bồ Tát theo Phật nghe pháp tự tính không, phát tâm cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Này Tu Bồ Đề, các pháp không như vậy không như chỗ phàm phu chấp trước, chúng sinh đối với pháp không có sở hữu, mà điên đảo vọng tưởng phân biệt thủ đắc pháp, không có chúng sinh lại tưởng có chúng sinh, không có sắc lại tưởng có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức lại tưởng có thọ, tưởng, hành, thức, cho đến hết thấy pháp hữu vi không có sở hữu lại dùng tâm điên đảo vọng tưởng

khởi lên nghiệp thân, miệng, ý, nên phải qua lại sáu đường sinh tử không được thoát khỏi. Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, hết thấy pháp lành đều vào trong Bát nhã nên hành đạo Bồ Tát được Vô thượng chánh đẳng chánh giác; được Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi vì chúng sinh thuyết bốn thánh đế: Khổ, khổ tập, khổ diệt và khổ diệt đạo. Hết thấy pháp lành trợ đạo khai thị phân biệt đều vào trong bốn thánh đế; dùng pháp lành trợ đạo ấy phân biệt có Tam bảo là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo; vì trái nghịch không tin Tam bảo nên không được lìa khỏi sáu đường sinh tử.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, dùng khổ thánh đế được qua khỏi hay dùng khổ trí được qua khỏi? Do tập thánh đế được qua khỏi hay do tập trí được qua khỏi? Do diệt thánh đế được qua khỏi hay do diệt trí được qua khỏi? Do đạo thánh đế được qua khỏi hay do đạo trí được qua khỏi?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Chẳng phải do khổ thánh đế được qua khỏi, cũng chẳng phải do khổ trí được qua khỏi, cho đến chẳng phải do đạo thánh đế được qua khỏi, cũng chẳng phải do đạo trí được qua khỏi. Vì bốn thánh đế ấy bình đẳng nên Ta nói tức là Niết bàn, không do khổ thánh đế, không do tập, diệt, đạo thánh thế; cũng không do khổ trí, không do tập, diệt, đạo trí được Niết bàn.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, thế nào là tướng bốn thánh đế bình đẳng?

Này Tu Bồ Đề, nếu không có khổ, không có khổ trí, không có tập, không có tập trí, không có diệt, không có diệt trí, không có đạo, không có đạo trí, ấy gọi là bốn thánh đế bình đẳng.

*Lại nữa, bốn thánh đế ấy là như, chẳng khác; là pháp tướng, pháp tính, pháp trụ, pháp vị, thật tế dù có Phật hay không có Phật thì pháp tính vẫn thường trú, vì không dối không mất. Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật do thông đạt thật đế nên hành Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, thế nào là Bồ Tát do thông đạt thật đế nên khi hành Bát nhã ba la mật, như thông đạt thật đế, chứ không đọa vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật mà thẳng vào Bồ Tát vị?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu Bồ Tát như thật thấy các pháp, thấy rồi ngộ được pháp không có sở hữu, ngộ được pháp không có sở hữu rồi thấy hết thấy pháp không, pháp nhiếp thuộc vào bốn thánh đế, pháp không nhiếp thuộc vào bốn thánh đế đều không. Nếu quán như vậy liền vào Bồ Tát vị; ấy

là Bồ Tát trú trong tánh địa không từ danh địa bị thoái đọa. Vì danh địa bị thoái đọa nên đọa vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật. Bồ Tát trú trong Tánh địa có thể phát sinh bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc. Bồ Tát trú trong địa của định ban đầu ấy phân biệt hết thấy pháp mà thông đạt bốn thánh đế: Biết khổ không sinh tâm duyên khổ, cho đến biết đạo không sinh tâm điên đảo, chỉ thuận theo tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà quán tưởng như thật của các pháp.

Bạch đức Thế Tôn, làm thế nào quán tưởng như thật của các pháp?

Phật dạy: Quán các pháp tính không.

Bạch đức Thế Tôn, là pháp không nào?

Phật dạy: Là tự tướng không. Bồ Tát dùng trí tuệ như pháp quán hết thấy pháp không, không có tính có thể thấy. Trú trong tính ấy được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì sao? Vì tướng vô tính là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chẳng phải chư Phật làm, chẳng phải Bích chi Phật làm, cũng chẳng A la hán làm, cũng chẳng phải người đắc quả làm, cũng chẳng phải Bồ Tát làm, chỉ vì chúng sinh không thấy không biết tướng như thật của các pháp nên Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện vì chúng sinh ấy mà thuyết pháp.

Luận. Hỏi: Pháp Phật và pháp Bồ Tát rất có sai khác. Phật là bậc Nhất thiết trí, Bồ Tát chưa phải là bậc Nhất thiết trí, Tu Bồ Đề vì có gì sinh nghi mà hỏi Phật: Thế nào là pháp Bồ Tát, thế nào là pháp Phật?

Trong đây Phật dạy chỗ hành của Bồ Tát như Phật là hành sáu Ba la mật như vậy, cho đến trí Nhất thiết chủng. Thế nên Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hành như Phật thì với Phật khác gì? Phật hứa khả ý ấy nên nói như vậy: Chỗ hành của sắc pháp là đồng nhưng trí tuệ lợi độn có khác nhau. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ Tát tuy như thật hành sáu Ba la mật mà chưa thể cùng khắp, chưa thể vào tất cả các môn, thế nên không gọi là Phật. Nếu Bồ Tát đã vào trong hết thấy môn, vào trong thật tướng các pháp, do một niệm tương ưng với trí tuệ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, dứt hết thấy phiền não tập khí, được tự tại đối với các pháp, lúc bấy giờ gọi là Phật. Như mặt trăng ngày 14 và ngày rằm, tuy đồng là trăng, nhưng ngày 14 không thể làm cho nước biển dâng lớn. Bồ Tát cũng như vậy, tuy có trí tuệ thanh tịnh thật, song vì chưa đầy đủ Phật pháp nên không thể làm chấn động mười phương chúng sinh. Ánh sáng của trăng ngày rằm sung mãn, có thể làm cho nước biển dâng lớn. Khi Bồ Tát thành Phật cũng như vậy, phóng hào quang

lớn, làm chấn động mười phương các cõi nước chúng sinh. Trong đây Phật tự nói: Như người hương đạo và người đấc quả, tuy đồng là bậc thánh mà có sai khác. Bồ Tát cũng như vậy, hành giả gọi là Bồ Tát, là từ khi mới phát tâm cho đến khi được tam muội Kim cang; còn Phật đã được quả, dứt hết nghi hoặc, đối với các pháp không có pháp gì không rõ, nên gọi là Phật.

Tu Bồ Đề hỏi: Trong pháp tự tướng không, sự sai biệt không thể có được, rằng đó là địa ngục cho đến trời, đó là Tánh nhân, Bát nhân, Tu đà hoàn cho đến Phật. Bạch đức Thế Tôn, như chúng sinh địa ngục... không thể có được, nghiệp nhân duyên cũng phải không thể có được, vì sao? Vì người tạo nghiệp không thể có được. Nghiệp đã không thể có được thời quả báo cũng không thể có được, có sao Phật nói Phật với Bồ Tát có sai khác?

Phật hứa khả ý Tu Bồ Đề lại dùng câu hỏi mà đáp lại Tu Bồ Đề: Vì chúng sinh không biết tự tính không nên khởi lên nghiệp lành dữ, như trong Kinh đây nói rộng. Chúng sinh là kẻ phạm phu chưa vào chính vị. người ấy có tâm điên đảo chấp ngã, nhân phiền não mà khởi lên các nghiệp.

Nghiệp có ba thứ là thân, miệng và ý. Ba nghiệp ấy có hai là hoặc lành, hoặc dữ, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu. Vì nghiệp dữ nên đọa vào ba đường ác; vì nghiệp lành nên sinh vào cõi người cõi trời. Nghiệp lành lại có hai: Một là ràng buộc vào cõi dục, hai là ràng buộc vào cõi sắc và cõi vô sắc. Nghiệp ràng buộc sinh vào cõi sắc và cõi vô sắc gọi là nghiệp bất động; vì nghiệp bất động nên sinh vào cõi sắc, cõi vô sắc. Như chúng sinh tự biết các pháp tính không tức thời không sinh tâm chấp trước; tâm chấp trước không sinh nên không khởi nghiệp, cho đến không sinh vào cõi sắc, cõi vô sắc. Song vì thật không biết cho nên sinh, do việc ấy mà Bồ Tát suốt đời hành bố thí cho đến mười tám pháp không chung không mất không thiếu, cho đến dùng tam muội như kim cương được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, làm lợi ích chúng sinh. Chúng sinh được lợi ích ấy nên không còn qua lại trong năm đường sinh tử.

Tu Bồ Đề hỏi: Khi Phật được Vô thượng chánh đẳng chánh giác thật có được sáu đường ấy chăng?

Phật dạy: Không được.

Hỏi: Trước Phật nói vì lợi ích lớn nên không đọa vào sáu đường, sao nay nói không được?

Đáp: Vì tà kiến quyết định thủ tướng nên rơi vào tà kiến, chứ sáu nẻo sinh tử không có được, chỉ vì người phạm phu do điên đảo mà khởi nghiệp nên giả danh có sáu đường sinh tử, chứ kỳ thật như huyễn, như mộng.

Hỏi: Phật có được bốn thứ nghiệp là đen, trắng, đen trắng và chẳng đen chẳng trắng chẳng?

Đáp: Chẳng được. Nghiệp đen là nghiệp chẳng lành, quả báo của nó là địa ngục, nơi chịu khổ não; chúng sinh trong ấy vì khổ não làm mê muội cùng cực nên gọi là đen. Chỗ thọ quả báo của nghiệp lành là cõi trời, vì thọ vui theo ý tự tại sáng suốt, nên gọi là nghiệp trắng; nghiệp ấy là nghiệp của các cõi trời trong ba cõi. Chỗ thọ quả báo của nghiệp lành và chẳng lành là cõi người, cõi A tu la... nơi đó cũng thọ vui, cũng thọ khổ nên gọi là nghiệp trắng đen. Nghiệp vô lậu có thể phá nghiệp hữu lậu chẳng lành, có thể cứu chúng sinh ra khỏi quả báo lành, dữ nên gọi là nghiệp chẳng phải trắng chẳng phải đen.

Hỏi: Nghiệp vô lậu có sao chẳng phải trắng chẳng phải đen?

Đáp: pháp vô lậu tuy trong sạch không như bản, song vì là không, vô tướng, vô tác nên không có phân biệt; không có phân biệt nên không được nói là trắng. Vì đen đối đãi với trắng, mà trong đây không có tướng đen đối đãi nên không được nói trắng.

*Lại nữa, nghiệp vô lậu có thể dứt hết các quán niệm. Trong quán niệm vì phân biệt cho nên có đen trắng, trong vô lậu nghiệp không có quán niệm nên không có đen trắng.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu không có được bốn nghiệp ấy thì vì sao phân biệt đây là địa ngục cho đến đây là A la hán? Nếu không có nghiệp đen thì vì sao nói đây là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ? Nếu không có nghiệp trắng thì vì sao nói đây là trời, là người? Nếu không có nghiệp đen trắng thì vì sao nói đây là A tu la? Nếu không có nghiệp chẳng đen chẳng trắng thì vì sao nói đây là Tu đà hoàn cho đến A la hán?

Phật dạy: Nếu hết thấy chúng sinh tự biết các pháp tự tính không, thì Bồ Tát không cần phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng không ở trong sáu đường kếp chúng sinh ra, vì sao? Vì chúng sinh tự biết các pháp tính không thì không có gì phải độ; thí như không có bệnh thì không cần thuốc, không có bóng tối thì không cần đèn sáng. Nay vì chúng sinh thật không biết pháp tự tính không, cứ theo tâm sinh mà chấp trước thủ tướng.

Vì chấp trước nên ô nhiễm; vì ô nhiễm nên theo nam dục; vì theo nam dục nên bị lòng tham che lấp; vì lòng tham nên xan lẫn, hư dối, ganh ghét, sân giận, đấu tranh; vì sân giận nên khởi các nghiệp tội mà không hay biết. Thế nên khi mệnh chung theo nghiệp duyên mà sinh vào chỗ dữ, tiếp tục tạo nghiệp sinh tử, thường qua lại trong sáu đường không biết lúc nào cùng. Do vậy mà Bồ Tát ở chỗ chư Phật và đệ tử nghe nói các pháp tính không, vì thương xót chúng sinh, thấy chúng sinh do ngu cuồng điên đảo mà sinh tâm chấp trước, nên nguyện rằng: Ta sẽ làm Phật phá điên đảo cho chúng sinh, khiến được hiểu rõ các pháp tính không, vì sao? Vì các pháp không như chỗ phàm phu chấp trước vậy. Chúng sinh chắc chắn không có thật, chỉ từ trong chỗ không có sở hữu ức tướng phân biệt mà vọng có sở đắc. Trong không có chúng sinh khởi lên tướng chúng sinh; trong không có sắc khởi lên tướng sắc; trong không có thọ, tưởng, hành, thức, khởi lên tướng thức, song vì si cuồng điên đảo nên khởi lên nghiệp thân, miệng, ý, phải qua lại sáu đường sinh tử, không thể thoát khỏi. Nếu chỉ khởi lên tướng chúng sinh thời kiết phước còn nhẹ, có thể dễ độ. Nếu khởi lên tham dục, sân giận, tạo các nghiệp nặng, đó là kiết phước nặng, chịu quả báo của nghiệp ấy thời khó có thể độ được; thí như nhóm vi trần làm thành núi, khó có thể di động. Bồ tát vì chúng sinh ấy nên muốn phá nghiệp nhân duyên quả báo cho chúng sinh mà đối với Bát nhã tuy biết hết thấy thiện pháp, hành Bồ Tát đạo, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì chúng sinh nên nói bốn thánh đế là khổ, khổ tập, khổ diệt, khổ diệt đạo, dùng mỗi mỗi nhân duyên chỉ bày diễn nói.

Hỏi: Phật từ vô lượng vô số kiếp lại đây thực hành pháp vi diệu là mười tám pháp không chung cho đến vô ngã, giải thoát, đủ các nghiệp sâu xa, có sao chỉ nói cho chúng sinh khổ, tập, diệt, đạo?

Đáp: Điều chúng sinh sợ hãi cấp bách không gì hơn thống khổ. Vì thế nên trước trừ khổ rồi sau mới chỉ bày Phật đạo; như có người bị bệnh nặng, trước phải lấy việc trị bệnh làm gấp vậy sau mới lấy báu vật, y phục trang nghiêm thân họ.

Khổ là thọ thân năm thọ uẩn, là gốc của hết thảy khổ, vì tính của nó chính là khổ. Khổ ấy nói lược là sinh, già, bệnh chết... như trong các Kinh nói rộng.

Khổ tập là các phiền não tham ái... Ái là pháp cũ ở trong tâm, vì vậy mà Phật nói ái có thể làm sinh ra thân sau, nên nói ái là nguyên nhân của khổ. Nhân của khổ là tập. Nếu người muốn bỏ khổ thì trước tiên phải dứt ái. Ái dứt thì khổ dứt; dứt ái tức là dứt khổ, mà khổ diệt tức là đạo. Quán mỗi mỗi

nhân duyên của năm uẩn thấy tội lỗi của khổ và khổ tập là vô thường, khổ, không và vô ngã; như bệnh, như ung, như oán, như giặc, đây là chánh kiến ở trong tám phần thánh đạo; bảy thánh đạo khác giúp phát khởi thành chánh kiến, có thể dứt ái đối với hết thủy pháp; như dùng rượu dẫn thuốc. Người ấy đối với hết thủy thế gian không còn tham, được lìa khỏi lửa khổ vậy sau mới chỉ bày cho họ diệu pháp.

*Lại nữa, trong đây Phật tự nói nhân duyên: Trong bốn thánh đế đã thu nhiếp hết thủy pháp lành. Vì có người nói rằng, có gì Phật chỉ nói bốn thánh đế? Thế nên Phật nói hết thủy pháp lành trợ đạo đều thu nhiếp vào trong bốn thánh đế. Do nhân duyên của pháp lành trợ đạo nên phân biệt có ba ngôi báu, chỉ vì chúng sinh không tin Tam bảo nên không được lìa khỏi sáu đường sinh tử.

Hỏi: Có gì Tu Bồ Đề hỏi một cách thô thiển rằng: Do khổ thánh đế diệt hay do khổ trí diệt; do tập thánh đế diệt hay do tập trí diệt?

Đáp: Đây chẳng phải là câu hỏi thô, mà ý hỏi rằng: Do thấy thể tính bốn thánh đế mà diệt hay do trí diệt được? Vì các phiền não ái... diệt nên gọi là hữu vi Niết bàn. Nếu do khổ thánh đế được đạo thời hết thủy chúng sinh trâu, ngựa cũng lẽ đáng được đạo? Nếu do khổ trí được đạo thời lìa khổ không có trí; mà trí lìa khổ thời không gọi là khổ đế, chỉ gọi là khổ? Do khổ trí, khổ đế hòa hợp phát sinh nên không được nói chỉ do khổ đế diệt hay chỉ do trí diệt; cho đến đạo đế cũng như vậy.

Phật đáp: không do khổ đế diệt, cũng không do khổ trí diệt, cho đến không do đạo đế diệt, cũng không do đạo trí diệt cũng như vậy. Ta nói bốn đế ấy bình đẳng tức là diệt, không do khổ đế diệt cho đến đạo đế diệt, vì sao? Vì khổ, tập... đều từ nhân duyên sinh, hư dối không thật, không có tự tính nên không gọi là thật. Vì không thật nên làm sao có thể diệt?

Hỏi: Hai đế khổ và tập thuộc pháp hữu lậu, là pháp của phàm phu hành nên có thể là hư dối không thật, còn đạo đế là pháp vô lậu, không có dính mắc, tuy từ nhân duyên hòa hợp sinh mà không hư dối? Lại, diệt đế là pháp vô vi, vô lậu, không từ nhân duyên mà có, làm sao nói bốn đế đều là hư dối?

Đáp: Người mới đắc đạo biết hai đế là hư dối; sắp vào Vô dư Niết bàn cũng biết đạo đế hư dối, vì không. Không tam muội lìa bỏ đạo đế; như bỏ chiếc bè. Diệt đế cũng không có pháp nhất định, như trong kinh đây nói: Lìa pháp hữu vi không có pháp vô vi; nhân pháp hữu vi nên nói pháp vô vi;

khổ diệt như đèn tắt, không nên hý luận tìm chỗ đèn tắt ở đâu. Thế nên Phật nói không do khổ để cho đến không do đạo để diệt được.

Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào là bốn thánh đế bình đẳng?

Phật dạy: Như không có tám pháp và bốn đế và trí biết bốn đế thời là bình đẳng.

*Lại nữa, bốn đế như thật không dối, không khác. Như như, pháp tính, pháp tướng, pháp vị, thật tế hoặc có Phật hay không có Phật thời pháp tính vẫn thường trú, không do tâm tâm số pháp và các quán niệm, chỉ vì không dối chúng sinh nên thường trụ. Còn hết thấy pháp khác đều điên đảo, hư vọng, do chấp trước quả báo điên đảo mà phát sinh nên tuy có thể cùng với người vui mừng lớn mà lâu ngày đều đổi khác, hư dối. Chỉ có một pháp đó là thật tướng các pháp, vì không hư dối nên thường trú bất diệt.

Như vậy, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật thông đạt thật đế của các pháp.

Tu Bồ đề hỏi: Bồ Tát làm thế nào thông đạt được thật đế, vượt quá địa vị Thanh Văn, Bích chi Phật mà vào Bồ Tát vị?

Phật dạy: Nếu Bồ Tát tư duy, trừ lượng, suy tìm các pháp thời không có một pháp nào có thể có được định tướng, mà thấy hết thấy pháp hoặc ở trong bốn đế, hoặc không ở trong bốn đế đều không. Pháp không ở trong bốn đế là hư không, và phi trạch diệt vô vi, ngoài ra đều ở trong bốn đế. Nếu quán pháp không như vậy, liền vào Bồ Tát vị.

Hỏi: Có gì không nói không cũng không quán không, vào Bồ Tát vị?

Đáp: Không cần nói, vì sao? Vì nếu nói các pháp không tức là không, không cũng không; nếu không ấy chẳng không thời không gọi là hết thấy không; vì thế nên hành trong ấy được vào Bồ Tát vị. Bồ Tát trú trong Tánh địa không đọa vào Đánh địa. Tánh địa là pháp vị của Bồ Tát. Như trong pháp Thanh văn, noãn pháp, đánh pháp, nhãn pháp, thế đệ nhất pháp gọi là Tánh địa; vì pháp ấy tùy thuận đạo vô lậu nên gọi là tánh, trú ở trong ấy hy vọng chắc chắn được đạo. Bồ Tát cũng như vậy, trú trong Tánh địa hy vọng chắc chắn được làm Phật, có thể phát sinh bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc. Bồ Tát nhiếp tâm ở trong thiên định, phân biệt, tư duy, trừ lượng mà phân biệt các pháp, thông đạt bốn đế. Nghĩa là thấy biết khổ cũng chẳng phải duyên khổ sinh tâm; biết khổ là biết thọ thân của phàm phu, do chấp trước khổ nên chịu các ưu não. Người ấy đều như giấc, như oán, vô

thường, không. Thấy được như vậy rồi khi ấy liền xả bỏ, không chấp thủ tướng khổ, cũng không duyên khổ đế; do sức pháp vị của Bồ Tát, cho đến đạo đế cũng như vậy, chỉ nhất tâm hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Biết bốn đế ấy như thuốc và bệnh đối đãi nhau, nên cũng không chấp trước bốn đế ấy, chỉ quán tướng như thật của các pháp, không khởi bốn thứ quán phân biệt.

Tu Bồ Đề hỏi: Làm thế nào như thật quán các pháp?

Phật dạy: Quán không. Nếu Bồ Tát quán hết thấy pháp hoặc lớn hoặc nhỏ đều không, ấy gọi là như thật quán.

Lại hỏi: Dùng không gì. Phật dạy: Dùng tự tướng không.

Hỏi: Trong mười tám không có gì chỉ dùng tự tướng không?

Đáp: Vì đó là Không trung đạo. Nội không, ngoại không... là tiểu không; rốt ráo không, vô sở đắc không là Không sâu xa; tự tướng không là Không bậc trung, vì tự tướng có lý phá mà tâm không thối mất, thời có thể vào trong Không sâu xa. Bồ Tát được pháp như vậy thời quán hết thấy pháp đều không, cho đến không thấy một pháp có tính, có thể trú trong đó mà được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Quán các pháp như Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Vô thượng chánh đẳng chánh giác tự tính cũng không; chẳng phải Phật làm, chẳng phải Bồ Tát làm; chẳng phải Bồ Tát, A la hán, Bích chi Phật làm; tướng nó thường vắng lặng, không có ngôn ngữ hý luận. Do chúng sinh không thấy biết tướng như thật ấy nên Bồ Tát hành Bát nhã, dùng sức phương tiện vì chúng sinh thuyết pháp. Sức phương tiện là Bồ Tát biết pháp vô sinh nhẫn, vào Bồ Tát vị, thông đạt đệ nhất nghĩa đế. Quán tướng đạo ấy rất sâu xa, vi diệu, không được, không bỏ, thời dùng trí tuệ vi diệu còn không thể biết được huống gì miệng có thể nói!

Tâm đại bi thương xót chúng sinh là vì "việc không" nên đọa vào ba đường ác, chịu khổ cực lớn. Nếu ta chỉ nói thẳng pháp không ấy, thời chúng sinh không tin, không chịu, mắc tội phá pháp mà đọa vào địa ngục. Ta nay sẽ thành tựu hết thấy pháp lành, trang nghiêm thân với 32 tướng mà dẫn đường cho chúng sinh, khởi lên vô lượng vô số thần thông, được thành Phật đạo, làm chủ giữa hết thấy hội chúng, tự tại đối với hết thấy pháp. Nếu tán thán pháp ác, chúng sinh còn lãnh thọ hưởng nữa là nói pháp thật! Vì thế Bồ Tát hành theo dư duy như sở nguyện mà vì chúng sinh thuyết pháp khiến đều được độ thoát.

(Hết cuốn 94 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 95

Giải Thích: Phẩm Bảy Thí Thứ 85

(Kinh Ma ha Bát Nhã ghi: Phẩm Bảy Dụ thứ 85;

Kinh Đại Bát Nhã Hội 2 ghi: Phẩm Bảy Việc thứ 83)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu các pháp tự tính không có sở hữu, chẳng phải Phật làm, chẳng phải Bích chi Phật làm, chẳng phải A la hán làm, chẳng phải A na hàm, Tư đà hàm, Tu đà hoàn làm, chẳng phải người hướng đạo làm, chẳng phải người đắc quả làm, chẳng phải các Bồ Tát làm, như vậy làm sao phân biệt có các pháp khác nhau là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ? Là người, là trời Bốn thiên vương cho đến trời Phi hữu tướng Phi vô tướng? Vì nhân duyên của nghiệp nên biết có kẻ sinh địa ngục, kẻ sinh súc sinh, kẻ sinh ngạ quỷ; vì nhân duyên của nghiệp nên biết có kẻ sinh cõi người, sinh cõi trời cho đến sinh cõi trời Phi hữu tướng Phi vô tướng; do nhân duyên nghiệp nên biết có người được Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật; do nhân duyên nghiệp nên biết có các vị A la hán; do nhân duyên nghiệp nên biết có Như Lai, Ứng cúng, Chánh Biến tri. Bạch đức Thế Tôn, trong pháp không có tự tính thời không có nghiệp dụng; vì nhân duyên tạo nghiệp nên hoặc đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; hoặc sinh vào cõi người cõi trời cho đến trời Phi hữu tướng Phi vô tướng; do nhân duyên tạo nghiệp nên được Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật; Bồ Tát hành đạo Bồ Tát nên được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng nên có thể cứu vớt chúng sinh ra khỏi sinh tử?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy. Trong pháp không có tự tính thời không có nghiệp, không có quả báo. Người phạm phước vì không vào thánh pháp, không biết các pháp tướng không có tự tính, điên đảo ngu si nên khởi tạo các nghiệp nhân duyên. Các chúng sinh ấy theo nghiệp thọ thân: Hoặc thân địa ngục, thân súc sinh, thân ngạ quỷ, thân người thân trời cho đến thân trời Phi hữu tướng Phi vô tướng. pháp không có tự tính thường không có nghiệp, không có quả báo; pháp không có tự tính thường là không có tự tính. Như lời Tu Bồ Đề nói: Nếu hết thấy pháp không có tự tính thời làm sao phân biệt đó là Tu đà hoàn cho đến chư Phật được trí Nhất thiết

chúng. Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, đạo không có tự tính chẳng? Tu đà hoàn quả cho đến trí Nhất thiết chủng của chư Phật là không có tự tính chẳng?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, đạo không có tự tính; quả Tu đà hoàn cũng không có tự tính, cho đến trí Nhất thiết chủng của chư Phật cũng không có tự tính.

Này Tu Bồ Đề, pháp không có tự tính có thể được pháp không có tự tính chẳng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Pháp có tự tính có thể được pháp có tự tính chẳng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Này Tu Bồ Đề, pháp không có tự tính và đạo đều không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ là một tướng tức vô tướng. Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, dùng sức phương tiện thấy chúng sinh o điên đảo nên đấm trước năm uẩn; trong vô thường tướng thường, trong khổ tướng vui, trong không tịnh tướng tịnh, trong vô ngã tướng ngã nên đấm trước vào chỗ không có sở hữu. Bồ Tát nhờ dùng sức phương tiện nên ở trong chỗ không có sở hữu mà kéo chúng sinh ra khỏi.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, chỗ phàm phu đấm trước và chẳng có thật chẳng khác ư? Chỉ vì đấm trước nên tạo nghiệp, do nhân duyên của nghiệp nên không thoát khỏi năm đường sinh tử?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Chỗ phàm phu đấm trước, khởi nghiệp thật sự không có may mắn như lông tóc, mà chỉ do điên đảo nên thấy có. Nay Ta vì ông nói ví dụ, người trí do ví dụ mà được hiểu. Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, như trong mộng thấy người hưởng thọ cái vui năm dục, thật có nơi chốn chẳng?

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, mộng còn hư dối, không thể có được, huống nữa là ở trong mộng hưởng vui năm dục!

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, các pháp hoặc hữu lậu, vô lậu, hoặc hữu vi, vô vi, và chẳng có pháp nào không như mộng?

Bạch đức Thế Tôn, các pháp hoặc hữu lậu, vô lậu, hoặc hữu vi, vô vi, không có pháp nào không như mộng.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao, trong mộng có qua lại năm đường sinh tử chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ý ông nghĩ sao, trong mộng có tu đạo, dùng tu đạo ấy hoặc vướng nợ, hoặc được sạch chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn, vì sao? Vì mộng không có thật sự, không thể nói như sạch.

Ý ông nghĩ sao, tượng trong gương thật sự có khởi tạo nghiệp nhân duyên, do nhân duyên của nghiệp ấy mà đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; hoặc làm người, trời Bốn thiên vương cho đến trời Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ chăng?

Tu Bồ Đề đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Tượng ấy không có thật sự, chỉ dối trẻ nít thời việc ấy làm sao có nghiệp duyên, do nghiệp duyên ấy sẽ đọa vào địa ngục cho đến sinh vào cõi trời Phi hữu tướng Phi vô tướng được!

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, tượng trong gương có tu đạo, dùng tu đạo ấy hoặc vướng nợ, hoặc được sạch chăng?

Tu Bồ Đề đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn, vì sao? Vì tượng trong gương là không, không có thật sự, không thể nói là nợ, sạch.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Như trong hang sâu có tiếng vang, tiếng vang ấy có nhân duyên tạo nghiệp, do nghiệp duyên ấy hoặc đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi hữu tướng, Phi vô tướng chăng?

Tu Bồ Đề đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Việc ấy không, không thật có âm thanh, làm sao có nghiệp duyên, do nghiệp duyên ấy đọa địa ngục cho đến sinh vào cõi trời Phi hữu tướng Phi vô tướng?

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, tiếng vang ấy và chẳng có tu đạo, dùng tu đạo ấy hoặc vướng nợ, hoặc được sạch chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Việc ấy không thật, không thể có như, sạch.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, sóng nắng chẳng phải tướng nước, chẳng phải tướng sông; sóng nắng ấy và chẳng có nhân duyên tạo nghiệp, do nghiệp duyên ấy mà đọa vào địa ngục cho đến sinh vào cõi trời Phi hữu tướng Phi vô tướng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Nước trong sóng nắng ấy rất ráo không thể có được, chỉ dối hoặc mắt người vô trí thời làm sao có nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi hữu tướng Phi vô tướng?

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, sóng nắng ấy có tu đạo, do tu đạo ấy hoặc vậy như hoặc được sạch chẳng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Sóng nắng ấy không có thật sự, không thể nói là như sạch.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, thành Càn thất bà, như khi mặt trời mọc có thành Càn thất bà; người vô trí nơi chỗ không có thành tướng có thành, nơi chỗ không có quán xá tướng có quán xá, nơi chỗ không có vườn tướng có vườn; thành Càn thất bà ấy và chẳng có tạo nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy nên đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi hữu tướng Phi vô tướng chẳng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Thành Càn Thất bà ấy rất ráo không thể có được, chỉ dối hoặc mắt người ngu, thời làm sao có tạo nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi hữu tướng Phi vô tướng!

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, thành Càn thất bà ấy có tu đạo, do tu đạo ấy hoặc vậy như, hoặc được sạch chẳng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Thành Càn thất bà ấy không có thật sự nên không thể nói là có như sạch.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, vị thầy huyền thuật huyền làm ra các vật hoặc voi ngựa, trâu dê, trai gái v.v... Ý ông nghĩ sao, các vật huyền ấy có tạo nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy mà đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi hữu tướng Phi vô tướng chẳng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Vật huyễn hóa ấy không có thật sự thời làm sao có tạo nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy nên đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi hữu tướng Phi vô tướng!

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, các vật huyễn ấy có tu đạo, do tu đạo ấy hoặc vấy nhơ hoặc được sạch chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Vật huyễn ấy không có thật sự, nên không thể nói là nhơ sạch.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, như người của Phật biến hóa, người biến hóa ấy có tạo nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy mà đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi hữu tướng Phi vô tướng chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Người biến hóa ấy không có thật sự thời làm sao có tạo nghiệp nhân duyên, do nghiệp ấy mà đọa địa ngục cho đến sinh cõi trời Phi hữu tướng Phi vô tướng.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, người biến hóa ấy có tu đạo, do tu đạo ấy hoặc vấy nhơ hoặc được sạch chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Việc ấy không có thật nên không thể nói là nhơ, sạch.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao, ở trong tướng không ấy có kẻ nhơ, người sạch chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Trong ấy không có sở hữu, không có người vấy nhơ, không có người được sạch.

Này Tu Bồ Đề, nếu không có kẻ vấy nhơ, không có người được sạch, vì nhân duyên ấy nên cũng không có nhơ, sạch, vì sao? Vì chúng sinh do chấp ngã và ngã sở nên có nhơ, có sạch, chứ người thật thấy thời không nhơ, không sạch. Người thật thấy không nhơ, không sạch như vậy cũng không có nhơ, sạch.

Luận. Hỏi: Ở nhiều nơi Phật đã đáp việc ấy, nay có sao Tu Bồ Đề còn hỏi:

Đáp: Nghĩa tuy một mà chỗ nhân duyên có sai khác. Nghĩa là hết thấy pháp hoặc có Phật hay không có Phật thời thật tính của các pháp vẫn thường trú: Không, không có sở hữu, chẳng phải hiện thánh làm ra. Bát nhã ba la mật sâu xa vi diệu, khó lường khó hiểu, không thể lấy hữu lượng mà biết được. Chư p, hiện thánh vì thương xót chúng sinh nên dùng mỗi mỗi ngôn ngữ, danh từ, thí dụ để nói cho họ hiểu. Người lợi căn thời hiểu ý thánh nhân còn người độn căn thời mỗi mỗi sinh chấp trước. Chấp trước nơi ngôn ngữ, văn tự nên hoặc nghe nói không thời chấp trước không, nghe nói không cũng không thời sinh ra chấp trước; hoặc nghe nói pháp tịch diệt bất dứt đường ngôn ngữ thời cũng lại chấp trước. Vì tự tâm không thanh tịnh nên nghe pháp của thánh nhân cho là không thanh tịnh; như người mắt lòa nhìn ngọc trong suốt, thấy bóng con mắt lòa của mình trong ấy liền cho rằng ngọc không sạch. Phật dùng mỗi mỗi nhân duyên thuyết pháp, chúng sinh thấy có lỗi nên sinh nghi, nói rằng: Nếu hết thấy pháp không, không cũng không, thời làm sao phân biệt có sáu đường? Vì thường sinh nghi nạn như vậy nên Tu Bồ Đề do thấy thời giảng kinh sắp hết, vì thương chúng sinh nên mỗi mỗi hỏi việc ấy. Vì thế lập đi lập lại hỏi nhiều lần. Phật hứa khả ý của Tu Bồ Đề.

Hỏi: Tu Bồ Đề lấy có mà nạn không, cứ sao Phật hứa khả ý ấy?

Đáp: Phật chỉ hứa khả Tu Bồ Đề nói "Các pháp không, thường trú, cù có Phật hay không có Phật vẫn không sai khác", chứ không hứa khả Tu Bồ Đề về vấn nạn: "Làm sao phân biệt có sáu đường", vì sao? Vì ông ấy vẫn nạn để muốn phá tính không vậy. Trong đây Phật giải chỗ nạn vấn của Tu Bồ Đề rằng: Người phàm phu không vào thánh pháp, chưa được thánh đạo, không biết tự tính không có sở hữu, không khéo tu tập Không tam muội nên phân biệt có sáu đường.

Điên đảo là có bốn điên đảo.

Ngu si là vô minh ràng buộc vào ba cõi.

Tuy không nói các phiền não khác nhưng hai pháp điên đảo và ngu si đều là hư dối không thật. Điên đảo tức là vọng ngữ hư dối, như nghiệp và quả báo từ điên đảo mà sinh ra. Vì căn gốc không có thật nên chúng sinh tuy nhiễm trước cũng chắc chắn không có thật; vì thế nên năm đạo đều không, chỉ có giả danh.

Lại, ông nạn các hiện thánh. Các hiện thánh vì dứt điên đảo sai biệt nên có tên gọi khác nhau, vì điên đảo không có thật nên không có gì dứt.

Lại, diệt mất không có sở hữu nên gọi là dứt. Nếu có thật pháp có thể dứt còn không có cách gì dứt được, huống nữa là điên đảo! Thế nên tất cả quả vị của hiền thánh đều không có sở hữu. Dứt điên đảo là quả hiền thánh, nên quả tức là dứt. Vì quả của tu đạo cũng đồng không có sở hữu, thế nên khi tu đạo, chắc chắn dùng không, vô tướng, vô tác, vì đạo và quả phân biệt mà có hiền và thánh sai khác. Nay đây pháp không có sở hữu thật không thể có được; không có sở hữu thì làm sao có sai khác? Thế nên không nên vấn nạn.

Ý Tu Bồ Đề muốn nói: Nếu chỉ vì điên đảo nên có thế gian, nếu đã có điên đảo thì cũng nên có sự thật, vì hư và thật đối đãi nhau! Thế nên hỏi: Chỗ phàm phu đắm trước và chẳng thật có sinh ra chấp trước, tạo nghiệp, do nghiệp duyên ấy nên không giải thoát khỏi sáu đường sinh tử?

Phật đáp: Không, vì sao? Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Chỉ vì điên đảo nên sinh chấp trước; nếu không có điên đảo thì làm sao có thật pháp đối đãi nhau, cho đến thật sự mây may không có, vì rốt ráo không có.

Hỏi: Đây là thật nghĩa sở hành của chư Phật, tức rốt ráo không, vậy rốt ráo không ấy chẳng phải thật ư?

Đáp: Đây là đệ nhất nghĩa không, cũng vì phàm phu điên đảo mà nói. Nếu không có điên đảo, cũng không có đệ nhất nghĩa; nếu cho rằng điên đảo của phàm phu ít nhiều có thật thì đệ nhất nghĩa cũng nên có thật!

Hỏi: Nếu cả hai đều không thật thì làm thế nào được giải thoát? Như người tay ướt lại rửa nước ướt, làm sao sạch được?

Đáp: Thật tướng các pháp rốt ráo không, đó là thật thanh tịnh bậc nhất. Vì có pháp điên đảo không thanh tịnh của phàm phu nên có pháp thanh tịnh này; không thể phá hoại, không thể đổi khác. Vì người đối với thật tướng các pháp sinh chấp trước, muôn sinh phiền não, nên nói pháp tính ấy không, không có sở hữu, do không có sở hữu nên không thật. Tuy hai pháp đều không thật mà trong sự không thật có sai khác; như mười điều thiện và mười điều bất thiện, hai việc đều là pháp hữu vi nên hư dối không thật. Nhưng thiện và bất thiện có sai khác: Bất thiện là sát sinh v.v... nên đọa ác đạo; thiện là không sát sinh v.v... nên sinh cõi trời. Như bố thí và trộm cắp hai việc, tuy đều là tâm chấp thủ tướng, hư dối không thật, mà cũng có sai khác. Như chúng sinh cho đến kẻ biết, kẻ thấy, không có sở hữu, mà bức não đối với chúng sinh thì có tội lớn và từ bi với chúng sinh thì có phước lớn. Như từ bi phá sân hận, bố thí phá xan tham, tuy hai việc đều

không thật mà có thể phá nhau. Thế nên Phật nói các pháp không có sở hữu căn bản chắc thật như mây lông. Để chứng minh việc ấy nên Phật ví dụ: Như ở trong mộng mà hưởng thọ cái vui năm dục.

Ý Tu Bồ Đề muốn nói: Nếu hết thấy pháp rốt ráo không, không có tính sở hữu, có sao nay hiện có mắt thấy, tai nghe pháp? Vì thế mà Phật nói ví dụ như mộng: Như người do sức mộng nên tuy việc không thật mà mỗi mỗi có nghe, thấy; chỗ giận, chỗ mừng v.v... người thức ở một bên thời cũng không thấy gì. Như vậy, phàm phu do sức vô minh điên đảo nên vọng thấy có, còn thánh nhân giác ngộ thời không thấy gì. Hết thấy pháp hoặc hữu lậu vô lậu, hoặc hữu vi, vô vi đều không thật; vì hư dối nên có nghe, thấy. Lại như trong mộng thấy qua lại sáu đường sinh tử, thấy Tu đà hoàn cho đến A la hán, trong mộng không thật có các việc ấy mà mộng vẫn thấy; trong mộng không thật có sạch nhơ, nghiệp quả báo sáu đường cũng như vậy. Vì nhân duyên điên đảo nên tạo nghiệp; nghiệp và quả báo cũng không, chỉ vì trừ điên đảo mà gọi là đạo. Điên đảo không thật nên đạo cũng không thật. Tượng trong gương, tiếng vang, sóng nắng cho đến như huyền hóa cũng vậy. Phật hỏi ngược lại Tu Bồ Đề: Trong pháp ấy có kẻ nhơ kẻ sạch chăng? Ý Tu Bồ Đề nói: Hết thấy pháp vô ngã thời làm sao có kẻ nhơ, kẻ sạch; thế cho nên trả lời không. Phật dạy: Nếu không có người chịu nhơ, sạch, vậy nên nhơ sạch cũng không có!

Hỏi: Nếu phân biệt các pháp theo như trong A Tỳ Đàm nói thời có nhơ có sạch, chỉ người chịu nhơ chịu sạch không có: Phiền não ba độc là nhơ; ba môn giải thoát, các pháp trợ đạo là sạch?

Đáp: Tuy có nói như vậy mà việc ấy không đúng. Vì nếu không có chúng sinh thời pháp nhơ, sạch thuộc về cái gì? Cũng không có người làm? Nếu không có người làm, cũng không có pháp làm, nên không trói không mở? Như người sợ bị lửa đốt mà tránh xa, chứ chẳng phải lửa tránh lửa. Chúng sinh cũng như vậy, sợ khổ năm uẩn nên lìa bỏ, chẳng phải khổ lìa khổ. Nếu không có người nhơ, người sạch thời giải thoát cũng không có.

*Lại nữa, trong đây Phật tự nói nhân duyên: Vì ở trong ngã và ngã sở mà chúng sinh chịu nhơ chịu sạch; vì ngã rốt ráo không có nên nhơ sạch không có chỗ trú; chỗ trú không có nên không nhơ, không sạch.

Hỏi: Ngã tuy không có mà ngã kiến thật có, phàm phu ở nơi đó khởi lên các phiền não?

Đáp: Nếu không có ngã thời ngã kiến không có chỗ duyên; không có chỗ duyên thời làm sao phát sinh ngã kiến?

Hỏi: Tuy không có ngã, song đối với năm uẩn có tà hạnh cho là có ngã nên sinh ngã kiến, và năm uẩn là ngã, ngã sở?

Đáp: Nếu cho năm uẩn chắc chắn là nhân duyên sinh ra ngã kiến, vậy đối với năm uẩn của thân người khác có sao không sinh ra ngã kiến? Nếu đối với thân người khác sinh ngã kiến thời là rối loạn lớn! Thế nên ngã kiến không có nơi chốn nhất định, chỉ vì điên đảo mà phát sinh.

Hỏi: Nếu vì điên đảo mà phát sinh, thời có sao chỉ đối với thân mình sinh ra ngã kiến?

Đáp: Vì điên đảo cuồng quấy nên không nên tìm sự thật của nó. Lại, từ sinh tử vô thi lại đây tự mình đối với thân năm uẩn tương tục mà sinh ra chấp trước, thế nên Phật nói chúng sinh tâm trụ vào chấp ngã nên chịu nhơ, sạch. Lại, thật thấy là không có nhơ, không có sạch. Nếu ngã chắc chắn thấy thật có thời nên có nhơ sạch, còn như thật thấy là không nhơ không sạch. Vì nhân duyên ấy nên không nhơ không sạch, thấy không nhơ không sạch là thấy thật tướng các pháp. Lại, vì đối với thật tướng các pháp không có chấp trước, thế nên không nhơ; thật tướng các pháp không có tướng có thể chấp thủ, nên cũng không sạch.

*Lại nữa, đối với tám phân thánh đạo v.v... không chấp trước, ấy gọi là không sạch; trừ các phiền não như chấp trước điên đảo v.v..., ấy gọi là không nhơ.

---o0o---

Giải Thích: Phẩm Bình Đăng Thứ 86

(Có bản ghi phẩm Kiên Thật; kinh Đại Bát Nhã, hội 2 ghi: Phẩm Thật Thuyết thứ 84)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, thấy như thật là không có nhơ, không có sạch, thấy không như thật cũng không có nhơ, không có sạch, vì sao? Vì hết thấy pháp tính không có sở hữu. Bạch đức Thế Tôn, trong pháp không có sở hữu không có nhơ, không có sạch; trong pháp có sở

hữu cũng không có như, không có sạch; trong pháp không có sở hữu, có sở hữu cũng không có như, không có sạch. Bạch đức Thế Tôn, vì sao nói như thật là không như, không sạch, nói không như thật cũng không như, không sạch?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Vì các pháp ấy tướng bình đẳng nên Ta nói sạch. Thế nào là các pháp bình đẳng? Đó là như như, không khác, không cuống, pháp tướng, pháp tính, pháp trụ, pháp vị, thật tế, dù có Phật hay không có Phật thời pháp tính ấy vẫn thường trú; ấy gọi là sạch, vì đây theo thế đế nên nói, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa thời vượt qua hết thảy ngôn ngữ, âm thanh, luận nghị.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu hết thảy pháp không, không thể nói, như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như ảnh, như huyễn, như hóa thời Bồ Tát làm thế nào dùng pháp như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như ảnh, như huyễn, như hóa ấy? Căn gốc chắc thật không có thời làm sao phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nguyện rằng ta sẽ đầy đủ Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; ta sẽ đầy đủ thần thông Ba la mật, Thí Ba la mật, bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo; ta sẽ đầy đủ ba môn giải thoát, tám bội xả cho đến mười tám pháp không chung; ta sẽ đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, các môn Đà la ni, các môn tam muội; ta sẽ phóng hào quang lớn chiếu khắp mười phương, biết tâm các chúng sinh theo điều thích ứng thuyết pháp?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao, các pháp ông nói đó như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như ảnh chẳng? Năm thần thông, bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo như huyễn như hóa chẳng?

Tu Bồ Đề thưa: Phải vậy, bạch Thế Tôn.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy. Pháp hư vọng không thật không thể đầy đủ Thí Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung; hành pháp hư vọng không thật ấy không thể được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Tu Bồ Đề, hết thảy pháp đều do ức tướng, suy nghĩ, tạo tác, dùng pháp tạo tác và suy nghĩ ức tướng ấy không thể được trí Nhất thiết chủng. Nay Tu Bồ Đề, hết thảy pháp có thể làm trợ đạo, không thể tăng ích quả vị kia; nghĩa là các pháp ấy không sinh, không xuất, không tướng. Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây làm các nghiệp lành: Hoặc bố thí, cho đến trí Nhất thiết chủng, vì sao? Vì biết các pháp đều như mộng cho đến như hóa. Các

pháp như vậy không đầy đủ Thí Ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng; không thể thành tựu được tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát làm các nghiệp lành như Thí Ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng, biết như mộng cho đến như hóa, cũng biết chúng sinh như đi trong mộng cho đến biết như đi trong hóa. Bồ Tát không chấp thủ Bát nhã ba la mật là pháp có, dùng không chấp thủ ấy nên được trí Nhất thiết chủng; biết các pháp như mộng, không có chỗ chấp thủ, cho đến các pháp như hóa, không có chỗ chấp thủ, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật là tướng không thể chấp thủ; Thiên Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung là tướng không thể chấp thủ. Bồ Tát biết hết thấy pháp là tướng không thể chấp thủ rồi phát tâm cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì sao? Vì hết thấy pháp tướng không thể chấp thủ, không có căn bản chắc thật nên như mộng cho đến như hóa. Dùng pháp tướng không thể chấp thủ không thể được pháp tướng không thể chấp thủ, chỉ vì chúng sinh không biết không thấy các pháp tướng như vậy, nên Bồ Tát cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây có bố thí gì đều vì hết thấy chúng sinh, cho đến có tu tập trí tuệ đều vì hết thấy chúng sinh, không vì thân mình. Bồ Tát không vì việc gì khác nên cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, mà chỉ vì chúng sinh. Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật thấy chúng sinh không có chúng sinh, trú trong tướng chúng sinh, cho đến không có kẻ biết kẻ thấy, trú trong tướng biết thấy, khiến chúng sinh xa lìa điên đảo, xa lìa rồi an trú trong tính cam lồ; an trú trong ấy không có vọng tưởng; cho rằng đó là tướng chúng sinh cho đến tướng kẻ biết kẻ thấy. Khi ấy Bồ Tát đều xả hết tâm động, tâm nhớ nghĩ, tâm hý luận; thường hành tâm không động, tâm không nhớ nghĩ, tâm không hý luận. Nhờ sức Phật ấy nên Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật tự mình không có dính mắc, cũng dạy hết thấy chúng sinh khiến không được dính mắc. Ở đây nói theo nghĩa thế đế, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, khi Thế Tôn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, được các Phật pháp, do thế đế nên được hay do đệ nhất nghĩa nên được?

Phật dạy: Do thế đế mà nói Phật được pháp ấy, chứ trong pháp ấy không có pháp có thể được và không có người ấy được pháp ấy, vì sao? Có người ấy được pháp ấy thời là có sở đắc lớn; dùng hai sở đắc ấy thời không có đạo, không có quả.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu hành hai pháp ấy không có đạo, không có quả thời hành không hai pháp có đạo, có quả chăng?

Phật dạy: Hành hai pháp không có đạo không có quả, hành không hai pháp cũng không có đạo không có quả. Nếu không có hai pháp và không có không hai pháp tức là đạo, tức là quả, vì sao? Vì dùng pháp như vậy được đạo, được quả, hay dùng pháp như vậy không được đạo, không được quả, đều là hý luận. Trong các pháp bình đẳng không có hý luận, tướng không có hý luận là tướng bình đẳng của các pháp.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu các pháp không có tính sở hữu thời trong ấy cái gì là bình đẳng?

Phật dạy: Nếu không có pháp có, không có pháp không, cũng không nói tướng các pháp bình đẳng, trừ bình đẳng lại không có pháp khác, là ngoài tướng bình đẳng của hết thảy pháp. Bình đẳng là hoặc phạm phu, hoặc thánh nhân không thể hành, không thể đến.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, cho đến Phật cũng không thể hành, không thể đến ư?

Phật dạy: Các pháp ấy bình đẳng. Hết thảy thánh nhân đều không thể hành, cũng không thể đến; đó là các Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật, các Bồ Tát và Phật.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Phật là bậc có sức tự tại hành đối với tất cả pháp, vì sao nói Phật không thể hành không thể đến?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu chư Phật với pháp bình đẳng có khác nhau thời ông nên hỏi như vậy. Nay người phạm phu bình đẳng, các Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật, các Bồ Tát, chư Phật và thánh pháp đều bình đẳng, một bình đẳng không có hai. Nghĩa là người phạm phu và Tu đà hoàn cho đến Phật, hết thảy pháp ấy trọn đều không thể có được.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu trong các pháp bình đẳng đều không thể có được đây là phạm phu cho đến đây là Phật, như vậy thời người phạm phu, Tu đà hoàn cho đến Phật không có phân biệt.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy. Trong các pháp bình đẳng, không có phân biệt đây là phạm phu, là Tu đà hoàn cho đến Phật.

Bạch đức Thế Tôn, nếu không có phân biệt những người phạm phu, Tu đà hoàn, Bích chi Phật v.v... thời vì sao phân biệt có Tam bảo xuất hiện ở thế gian là Phật bảo, Pháp bảo, và Tăng bảo?

Phật dạy: Ý ông nghĩ sao, Tam bảo và các pháp bình đẳng có khác nhau chăng?

Tu Bồ Đề đáp: Như con theo Phật được nghe Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo cùng với các pháp bình đẳng không có sai khác. Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo là bình đẳng, pháp ấy đều không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng tức là vô tướng. Phật có lực ấy nên có thể phân biệt xứ sở các pháp vô tướng: Đây là phạm phu, đây là Tu đà hoàn cho đến đây là Bích chi Phật, đây là Bồ Tát, đây là chư Phật.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy. Chư Phật được Vô thượng chánh đẳng chánh giác không phân biệt các pháp nên biết đây là địa ngục, đây là ngạ quỷ, súc sinh, người, trời, trời Bốn thiên vương cho đến trời Tha hóa tự tại, trời Phạm thiên cho đến trời Phi hữu tướng Phi vô tướng; là bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo, là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, là mười lực của Phật cho đến mười tám pháp không chung chăng?

Tu Bồ Đề đáp: Không biết, bạch Thế Tôn.

Vì thế, này Tu Bồ Đề, nên biết Phật có ân lớn, Phật đối với các pháp bình đẳng, không lay động, mà phân biệt các pháp.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, như Phật đối với các pháp bình đẳng không lay động, người phạm phu đối với các pháp bình đẳng không lay động; Tu đà hoàn cho đến Bích chi Phật cũng đối với các pháp bình đẳng không lay động; nếu tướng các pháp bình đẳng tức là tướng phạm phu, tức là tướng Tu đà hoàn cho đến chư Phật, tức là tướng bình đẳng, nhưng nay các pháp mỗi mỗi tướng có sai khác: Sắc tướng khác; thọ, tưởng, hành thức tướng khác; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tướng khác; đất tướng khác; nước, lửa, gió, không, thức tướng khác; tham dục tướng khác; sân nhuế, ngu si, tà kiến tướng khác; thiên tướng khác; tâm vô lượng tướng khác, định vô sắc tướng khác, bốn niệm xứ tướng khác, cho đến tám phần thánh đạo tướng khác; Thí Ba la mật tướng khác, cho đến Bát nhã ba la mật tướng khác; ba môn giải thoát, mười tám không, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, tính pháp hữu vi, tính pháp vô vi tướng khác; phạm phu tướng khác, cho đến Phật tướng khác. Các pháp có mỗi mỗi tướng khác, thời làm thế nào Bồ Tát khi tu Bát nhã ba la mật, phân biệt đối với các pháp tướng khác mà không khởi phân biệt? Nếu không khởi, thời không thể hành Bát nhã? Nếu không hành

Bát nhã thời không thể từ một địa đến một địa? Nếu không thể từ một địa đến một địa thời không thể vào Bồ Tát vị? Nếu không vào Bồ Tát vị thời không thể vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật? Vì không thể vượt qua địa vị Thanh văn, Bích chi Phật nên không thể đầy đủ thần thông Ba la mật? Không thể đầy đủ thần thông Ba la mật nên không thể đầy đủ Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, ở chỗ chư Phật gieo trồng căn lành, dùng căn lành ấy có thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như lời ông hỏi, tướng các pháp ấy cũng là tướng phạm phu, cũng là tướng Tu đà hoàn cho đến Phật.

Bạch đức Thế Tôn, các pháp ấy mỗi mỗi tướng khác nhau, nghĩa là tướng sắc khác cho đến tướng pháp hữu vi, vô vi khác, làm thế nào Bồ Tát quán một tướng mà không khởi phân biệt?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, tướng sắc không chẳng? Cho đến tướng Phật không chẳng?

Thật không, bạch Thế Tôn.

Này Tu Bồ Đề, trong không, tướng mỗi mỗi pháp có thể có được chẳng? Nghĩa là có thể có được tướng sắc cho đến tướng chư Phật?

Tu Bồ Đề thưa: không có thể được.

Phật dạy: Vì nhân duyên ấy nên biết trong các pháp bình đẳng, chẳng phải phạm phu, cũng chẳng phải là phạm phu, cho đến chẳng phải Phật cũng chẳng phải là Phật.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bình đẳng ấy là pháp hữu vi hay pháp vô vi?

Phật dạy: Chẳng phải hữu vi, cũng chẳng phải pháp vô vi, vì sao? Vì là pháp hữu vi thời pháp vô vi không thể có được; là pháp vô vi thời pháp hữu vi không thể có được. Này Tu Bồ Đề, tính hữu vi, vô vi, hai pháp ấy không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng tức là vô tướng. Phật do thế để nên nói; chẳng phải do đệ nhất nghĩa để, vì trong đệ nhất nghĩa không có thân hành, không có miệng hành, không có ý hành; cũng chẳng là thân, miệng, ý hành mà được đệ nhất nghĩa. Các pháp hữu vi, vô vi ấy tướng bình đẳng, tức là đệ nhất nghĩa.

Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, đối với đệ nhất nghĩa không lay động mà hành việc của Bồ Tát, lợi ích chúng sinh.

Luận: Tu Bồ Đề suy nghĩ: Phật đáp người thật thấy và người vọng thấy không khác nhau, vì nhớ hay sạch đều thấy không có. Suy nghĩ rồi hỏi Phật rằng: Người thấy thật không nhớ không sạch; người thấy không thật cũng không nhớ không sạch, vì hết thấy pháp tính không có sở hữu. Trong không có sở hữu, không nhớ, không sạch, trong có sở hữu cũng không nhớ, không sạch? Vì trong không có sở hữu là đoạn diệt kiến nên chẳng nên có nhớ sạch, trong sở hữu là thường kiến chẳng nên có nhớ sạch. Nếu trong sở hữu chắc chắn là có, thời không từ nhân duyên sinh. Vì không từ nhân duyên sinh nên thường, vì thường nên không có nhớ, sạch?

Tu Bồ Đề bạch Phật: Thật thấy và không thật thấy, nghĩa ấy thế nào?

Phật dạy: Nhớ và sạch tuy không có tướng riêng có thể nói, song vì các pháp bình đẳng nên gọi là sạch; nếu phân biệt nói tướng nhớ sạch việc ấy không đúng. Vì hết thấy pháp bình đẳng nên ta nói là sạch.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Thật tướng các pháp là như như, pháp tính, pháp trụ, pháp vị, thật tế là bình đẳng. Bồ Tát vào trong bình đẳng ấy thời tâm không thương ghét. Pháp ấy dù có Phật hay không có Phật vẫn thường trú. Các pháp tạo tác đều là hư vọng, thế nên nói pháp không có tạo tác dù có Phật hay không có Phật vẫn thường trú. Người nghe tâm liền sinh ra chấp thù tướng, chấp trước các bình đẳng ấy; như người lấy tay chỉ mặt trăng, kẻ không biết chỉ xem ngón tay mà cho là xem mặt trăng. Thế nên Phật nói tướng các pháp bình đẳng cũng như vậy, đều là theo thế đế mà nói. Thế đế chẳng thật, chỉ vì muốn được việc nên nói; thí như lấy vàng đổi cỏ, người không biết nói vì sao lấy quý đổi hèn? Đáp rằng: Vì tôi cần dùng nói. Nghĩa bình đẳng ấy không thể nói; hết thấy ngôn ngữ, danh từ, âm thanh đều dứt, vì sao? Vì các pháp bình đẳng, là tướng tịch diệt, không có hý luận, chỉ ở trong tâm tán loạn giác quán, vì có ngữ ngôn nên có nói. Tu Bồ Đề theo Phật nghe nói tướng các pháp bình đẳng, hiểu được ý chỉ nên vì các hàng Bồ Tát mới phát tâm mà hỏi rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp không, không thể nói, như mộng cho đến như hóa, thời Bồ Tát làm thế nào ở trong pháp không có căn bản ấy mà sinh tâm nguyện rằng: Tôi sẽ đầy đủ Thí Ba la mật cho đến sẽ vì chúng sinh như điều họ mong muốn mà thuyết pháp?

Phật đáp bằng cách hỏi ngược lại Tu Bồ Đề rằng: bồ thí, cho đến môn Đà la ni nói là bình đẳng, thời các pháp ấy chẳng phải như huyễn, như mộng chẳng?

Tu Bồ Đề thưa: Thật vậy. Các pháp ấy tuy lợi ích mà không ra khỏi như mộng.

Lại hỏi: Bạch đức Thế Tôn, mộng đều hư dối không thật, Bồ Tát vì cầu thật pháp nên hành Bát nhã được Phật đạo, có sao lại hành pháp không thật; vì pháp không thật không thể hành Thí Ba la mật?

Phật chấp nhận lời Tu Bồ Đề nói: "Nhu vậy, như vậy, pháp bồ thí v.v... đều là do suy nghĩ ức tướng phân biệt mà sinh khởi, thành pháp có tạo tác, không được trú trong pháp như vậy mà thành trí Nhất thiết chủng" Tức thời thính chúng tâm sinh giải đãi. Thế nên Phật lại nói: Hết thấy pháp ấy đều là nhân duyên trợ đạo; nếu đối với pháp mà tà hạnh sai quấy, ấy gọi là không thật; nếu chánh hành không sai quấy, tức là pháp trợ đạo. Pháp ấy là trợ đạo, không phải là đạo quả... là pháp hữu vi, đạo cũng là hữu vi, đồng tướng nên giúp ích nhau.

Đạo quả là các pháp thật; không xuất, không sinh, một tướng là vô tướng, tịch diệt Niết bàn; thế nên đối với Niết bàn, pháp ấy không có giúp ích; như mưa đúng thời giúp ích cây cỏ, không giúp ích hư không. Do vậy Bồ Tát biết pháp trợ đạo và đạo quả ấy, từ khi mới phát tâm lại đây tu các pháp lành bồ thí v.v.. biết đều là rốt ráo không, như mộng cho đến như hóa.

Hỏi: Nếu Bồ Tát biết thật tướng các pháp thời cần gì tu bồ thí?

Đáp: Trong đây Phật tự nói: bồ thí v.v.. không đầy đủ thì không thể thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Bồ Tát trang nghiêm thân và dùng âm thanh ngôn ngữ, được sức thần thông của Phật, dùng các sức phương tiện mới có thể dẫn dắt chúng sinh. Thế nên Bồ Tát vì thành tựu tuệ giác cho chúng sinh nên hành Thí Ba la mật, cũng không thủ tướng Thí Ba la mật hoặc có hoặc không có tướng, cũng không hý luận các pháp như mộng, chánh hành cho đến được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật không thể thủ tướng, cho đến mười tám pháp không chung cũng không thể thủ tướng. Vì biết hết thấy pháp không thể thủ tướng nên phát tâm cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nghĩ rằng: Hết thấy không có căn gốc không thể thủ tướng như mộng cho đến như hóa. Vì pháp không thể thủ tướng không thể được pháp không thể thủ tướng, chỉ do chúng sinh không biết pháp ấy nên ta vì chúng sinh ấy cầu Vô thượng chánh đẳng chánh

giác. Bồ Tát ấy từ khi mới phát tâm lại đây, có bố thí gì đều vì chúng sinh, nghĩa là làm pháp lành bố thí vì hết thảy chúng sinh nên tu, chứ không vì thân mình.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: không vì các việc khác mà cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, mà chỉ vì chúng sinh, vì sao? Vì nếu Bồ Tát xa lìa tâm thương xót chúng sinh, chỉ hành Bát nhã ba la mật mà cầu thật tướng các pháp, thời hoặc bị rơi vào tà kiến, người ấy chưa được Nhất thiết trí mà cầu việc Nhất thiết trí, tâm chưa nhu nhuyễn nên bị rơi vào hai bên, khó được thật tướng các pháp. Thế nên Phật nói: Bồ Tát từ khi mới phát tâm, vì thương xót chúng sinh nên tâm chấp trước dần dần mỏng, không hý luận về rốt ráo không; nếu như bảo không thời có lỗi này, nếu chẳng không thời có lỗi kia.

Hỏi: Như các chỗ khác nói Bồ Tát tự mình làm lợi ích, cũng làm lợi ích chúng sinh, có gì trong đây chỉ nói lợi ích chúng sinh, không nói lợi ích mình; vậy làm lợi ích mình, lợi ích người có lỗi gì?

Đáp: Bồ Tát hành các pháp lành đều vì hết thảy chúng sinh, điều ấy là thật. Các nơi khác nói tự mình làm lợi ích, cũng lợi chúng sinh là vì đối với người phạm phu nên nói lời ấy, sau đó họ mới có thể dạy hành đạo Bồ Tát. Người vào đạo có ba bậc hạ, trung và thượng. Bậc hạ chỉ vì tự độ nên hành pháp lành; bậc trung vì mình

cũng vì người; bậc thượng chỉ vì người khác nên hành pháp lành.

Hỏi: Việc ấy không đúng. Bậc hạ chỉ tự vì mình; bậc trung chỉ vì chúng sinh; bậc thượng vì lợi mình và lợi người; nếu chỉ làm lợi người, không thể tự làm lợi mình thời sao nói là bậc thượng?

Đáp: Không phải vậy. Pháp của thế gian như vậy: Tự cúng dường mình không có phước đức và tự hại thân mình cũng không mắc tội; vì lẽ ấy nên tự làm lợi mình mà hành đạo gọi là bậc hạ. Tất cả người đời chỉ vì tự lợi thân mình, không thể lợi người. Nếu tự vì thân mình mà hành đạo ấy thời là sát giảm, vì tự ưa đắm mình. Nếu có thể tự xả cái vui của mình, chỉ vì chúng sinh nên hành pháp lành mới là người bậc thượng, vì khác với chúng sinh vậy. Nếu chỉ vì chúng sinh nên hành pháp lành mà chúng sinh chưa được thuận thực, thời cũng là đầy đủ tự lợi. Nếu lợi ích mình, lại cũng vì chúng sinh, ấy là hành tạp hành.

Người cầu Phật đạo có ba hạng: Một là chỉ ưa niệm Phật, tự cầu lợi mình, được thành Phật; hai là vì thân mình, cũng vì chúng sinh; ba là chỉ vì chúng sinh, người ấy thanh tịnh hành đạo, phá được điên đảo chấp ngã. Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật không thấy có chúng sinh cho đến không có kẻ biết kẻ thấy, an trú trong ấy kéo chúng sinh đưa đến trú trong tính cam lồ. Tính cam lồ là hết thấy pháp trợ đạo, vì sao? Vì hành pháp ấy được đến Niết bàn, Niết bàn gọi là tính cam lồ. Trong tính cam lồ ấy các vọng tưởng chấp ngã v.v... không còn sinh trở lại. Bồ Tát tự mình được không dính mắc, cũng khiến chúng sinh được không dính mắc, ấy gọi là lợi ích chúng sinh bậc nhất.

Hỏi: Ở trên chỉ nói lợi ích chúng sinh nên hành đạo, đây có gì nói tự mình được không dính mắc và khiến chúng sinh được không dính mắc?

Đáp: Vì bất đắc dĩ. Nếu tự mình không có trí tuệ thì làm sao làm lợi người? Thế nên trước phải tự mình được có trí tuệ không dính mắc vậy sau mới dạy người. Nếu công đức có thể đem cho người khác như của cải v.v... thì chư Phật Bồ Tát đã đem công đức cho chúng sinh cho đến những người oán tặc như Đề Bà Đạt Đa v.v.. vậy sau mới tự mình tu tập công đức. Nhưng việc ấy không thể làm được; không thể mình làm mà người khác được công đức. Đây cũng là nói theo thế tục đế, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa, vì trong đệ nhất nghĩa không có chúng sinh, không có một, không có khác, không có phân biệt các pháp tướng. Trong đây nói không có chỗ dính mắc.

*Lại nữa, như trước đã nói, tướng không thể nói là đệ nhất nghĩa. Ở đây tướng có thể nói là thế tục.

Tu Bồ Đề hỏi: Phật ở đạo tràng được pháp là dùng thế đế được hay dùng đệ nhất nghĩa đế được? Ý Tu Bồ Đề là: Nếu dùng thế đế được tức là hư dối không thật; nếu dùng đệ nhất nghĩa đế được thì trong đệ nhất nghĩa không có được, không có người được, nên không thể nói, không thể lãnh thọ?

Phật dạy: Vì theo ngôn ngữ thế tục nên nói Phật được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, trong ấy không có người được, không có pháp được, vì sao? Vì nếu người ấy được pháp ấy tức là có hai pháp, mà trong hai pháp thì không có đạo, không có quả! Hai pháp là Bồ Tát và được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hai pháp như vậy đều nói theo thế đế. Nếu là hai thì Phật pháp đâu được không hư dối? Nếu có người không được đệ nhất

nghĩa mà chỉ do hai pháp phân biệt, ấy thời là hư vọng. Chư Phật, Bồ Tát do được đệ nhất nghĩa nên vì độ chúng sinh mà khiến được đệ nhất, tuy phân biệt các pháp mà chẳng phải hư vọng.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu dùng pháp hai thời không có đạo, không có quả; nay dùng pháp không hai nên có đạo, có quả chăng?

Phật dạy: Pháp hai không có đạo không có quả; pháp không hai cũng không có đạo không có quả.

Hỏi: Chỗ khác nói, pháp hai là pháp phàm phu, pháp không hai là pháp hiền thánh, như phẩm pháp môn Vào không hai nói ở kinh Tỳ ma la cát?

Đáp: Pháp không hai là pháp chơn thật của bậc thánh. Hoặc có Bồ Tát mới phát tâm chưa ngộ được thật tướng các pháp, nghe pháp không hai ấy liền thủ tướng sinh chấp trước, nên hoặc khen ngợi, hoặc chê bai pháp không hai.

Lại, Phật ngăn chặn hai bên mà nói trung đạo; nghĩa là chẳng phải hai, chẳng phải không hai. Pháp hai gọi là mỗi mỗi tướng sai khác, pháp không hai gọi là một tướng không. Vì một tướng không ấy phá mỗi mỗi tướng sai khác, phá xong lại bỏ luôn tướng không hai; ấy tức là đạo, là quả, vì sao? Vì các hiền thánh tuy tán thán pháp không hai, song không chấp trước rằng dùng pháp ấy được đạo được quả, hay dùng pháp ấy không có đạo không có quả, tức là hí luận; mà không hí luận là pháp bình đẳng.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu các pháp không có tính sở hữu thời làm thế nào bình đẳng?

Phật dạy: Như lìa hữu tính và vô tính nên giả gọi là bình đẳng. Nếu Bồ Tát không nói hết thấy pháp có, không nói hết thấy pháp tính, không nói hết thấy pháp tướng, để chỉ bày cho chúng sinh; cũng không nói không có pháp, không có pháp tính, không có pháp tướng, để chỉ bày cho chúng sinh; cũng không nói lìa hai bên ấy lại có tướng bình đẳng. Đối với hết thấy chỗ không thủ tướng bình đẳng cũng không lo buồn nói rằng không có bình đẳng mà không ngại tu các pháp thiện; ấy gọi là các pháp bình đẳng.

*Lại nữa, các pháp bình đẳng là vượt qua hết thấy pháp.

Hỏi: Trước đây mọi nơi đều nói các pháp tức là tướng bình đẳng, bình đẳng tức là thật tướng các pháp, tên khác mà nghĩa đồng; như sắc như như,

chẳng phải sắc chẳng phải lìa sắc, nay cứ sao nói bình đẳng vượt qua hết thủy pháp?

Đáp: Hết thủy pháp có hai thứ: Một là thể của sắc pháp v.v..., hai là hành trong sắc pháp; thánh nhân hành chơn chánh, phạm phu hành tà vậy. Trong đây nói bình đẳng là nói vượt ra ngoài phạm phu chứ không nói ra ngoài sắc pháp v.v... Lại, bình đẳng không thể hành, không thể đến.

Bấy giờ Tu Bồ Đề kinh ngạc hỏi: Phật cũng không thể hành, không thể đến ư? Ý Tu Bồ Đề là, pháp ấy tuy sâu xa, vi diệu, khó hành, song việc đó Phật có thể hành được?

Phật đáp: Từ Tu đà hoàn cho đến Phật đều không thể hành, không thể đến. Ý Phật là, ba đời mười phương Phật không thể hành, không thể đến, huống nữa là một đức Phật, vì tính bình đẳng tự nó như vậy!

Tu Bồ Đề hỏi: Phật có sức tự tại hành đối với hết thủy pháp và có trí tuệ không ngại, không chỗ nào không đến, cứ sao nói Phật không thể hành, không thể đến?

Phật đáp: Nếu Phật với bình đẳng khác nhau thì nên có vấn nạn cứ sao không thể hành, không thể đến. Nay phạm phu bình đẳng, Tu đà hoàn bình đẳng, Phật bình đẳng, đều là một bình đẳng, không hai, không phân biệt. Phạm phu cho đến Phật, tự tính không thể hành trong tự tính, không thể đến trong tự tính, mà tự tính nên hành trong tha tính. Thế nên Phật nói: Nếu Phật với bình đẳng sai khác, thì Phật nên hành bình đẳng. Nhưng vì Phật tức là bình đẳng nên không hành, không đến chẳng phải vì trí tuệ ít.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu bình đẳng, thì phạm phu cho đến Phật không thể được khác nhau, nên nay phạm phu và thánh nhân không thể có sai khác? Phật hứa khả câu của Tu Bồ Đề hỏi: Trong bình đẳng không có sai khác, mà vì theo thế đế nên đối với phạm phu có sai khác.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu phạm phu cho đến Phật không có sai khác, thì vì sao hiện có Tam bảo khác nhau ở giữa thế gian làm lợi ích cho chúng sinh?

Phật đáp: Bình đẳng tức là Pháp bảo; mà Pháp bảo tức là Phật bảo và Tăng bảo, vì sao? Vì khi chưa được pháp bình đẳng thì không gọi là Phật; khi được pháp bình đẳng rồi nên gọi là Phật. Và vì được pháp bình đẳng ấy nên phân biệt có Tu đà hoàn v.v... sai khác.

Tu Bồ Đề lãnh thọ lời Phật dạy: Pháp ấy đều không hợp, không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng và vô tướng. Duy chỉ có Phật mới có lực đối với không, vô tướng mà phân biệt đây là phàm phu, đây là thánh nhân.

Này Tu Bồ Đề, nếu chư Phật không phân biệt có pháp ấy, thì làm sao biết địa ngục cho đến mười tám pháp không chung!

Hỏi: Như mặt trời mọc không thể làm cho chỗ cao thành thấp, chỗ thấp thành cao, mà chỉ có thể chiếu sáng vạn vật khiến người có mắt thấy biết. Chư Phật cũng như vậy, không thể chuyển tướng các pháp thế này ra thế khác, chỉ dùng Nhất thiết trí chiếu rõ, vì người điên nói cho họ biết; có sao ông nói nếu không phân biệt các pháp thì làm sao biết có địa ngục cho đến mười tám pháp không chung? Như nay mắt hiện thấy có súc sinh v.v.. người đều biết rõ, cần gì Phật nói?

Đáp: Phật tuy không làm ra các việc xấu tốt mà diễn nói việc tốt xấu để chỉ bày cho người. Song hiểu biết có hai: Một là người phàm phu hiểu biết một cách hư vọng; hai là hiểu biết một cách như thật. Tướng súc sinh v.v... là phàm phu hiểu biết hư vọng; Phật vì hiểu biết thật tướng nên nói Phật không phân biệt các pháp, có sao biết có địa ngục v.v...!

*Lại nữa, pháp của chư Phật, tướng thường tịch diệt, không có hý luận. Trong đây nếu phân biệt có tướng địa ngục v.v... thì không gọi là tướng tịch diệt, không hai, không có hý luận. Nên biết, tuy Phật biết tướng tịch diệt, không hai, cũng có thể từ trong tướng tịch diệt phân biệt các pháp mà không rời vào hý luận. Lìa thật tướng các pháp thì tuy mắt thấy súc sinh v.v.. cũng không thể như thật biết tướng đó. Như trâu, sừng, chân, đuôi, các phần ấy hòa hợp có tướng trâu sinh ra là một, các phần kia là nhiều. Trâu là một, một không thể làm nhiều, nhiều không thể làm một!

Có người nói: Nói vậy là sai, vì trừ các phần ra ngoài nên còn có trâu, có sức cử động, có thể thấy được. Các phần của trâu hòa hợp sinh ra, mà trâu không khác với các phần ấy, vì sao? Vì thấy các phần ấy hợp gọi là thấy trâu, chứ không thấy vật khác gọi là thấy trạu. Khác là phá một, một là phá khác, chẳng một chẳng khác là phá một, khác. Nếu không có một, khác thì làm sao có chẳng một, chẳng khác? Nếu vào trong các pháp bình đẳng thì bây giờ mới như thật biết được các pháp, không nói hai đế, thì làm sao khéo nói tướng súc sinh v.v...? Nghĩa là đối với pháp bình đẳng bất động mà phân biệt các pháp.

Bất động là khi phân biệt các pháp không chấp trước tướng một, tướng khác.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Như Phật đối với các pháp bình đẳng bất động, Bích chi Phật đối với các pháp bình đẳng cũng bất động, vì sao? Vì tướng chư Phật bình đẳng cho đến tướng phàm phu cũng bình đẳng? Bạch đức Thế Tôn, nếu như vậy Phật làm thế nào phân biệt các pháp: Sắc khác, tính sắc khác; thọ tính khác, cho đến tính hữu vi, vô vi khác; nếu không phân biệt các pháp khác, thì Bồ Tát khi hành Bát nhã, không được từ một địa đến một địa, cho đến làm nghiêm tịnh cõi Phật?

Phật dạy: Ý ông nghĩ sao, suy tìm tướng sắc là không chẳng?

Bạch đức Thế Tôn, thật không.

Trong không có pháp khác chẳng?

Thưa không, vì sao? Vì rốt ráo không. Vì trí tuệ vô tướng có thể hiểu được thời trong ấy làm sao có tướng khác?

Này Tu Bồ Đề, nếu trong không, không có tướng khác, không bèn là thật; thế thời ông vì sao đối với không, phân biệt tướng các pháp mà vẫn nạn? Trong rốt ráo không, không cũng không thể có được, mỗi mỗi tướng cũng không thể có được, cứ sao ông đem các không mỗi mỗi tướng mà vẫn nạn? Do nhân duyên ấy, nên biết, trong các pháp bình đẳng vì không có phân biệt nên không có người phàm phu, chỉ vì người phàm phu không phải là thật tướng, cũng không lìa thật tướng, mà thật tướng phàm phu tức là tướng thánh nhân. Thế nên nói không chỉ phàm phu không lìa phàm phu, cho đến Phật cũng như vậy.

Tu Bồ Đề vì tướng bình đẳng mà có lợi ích lớn nên muốn biết tướng nhất định của bình đẳng mà hỏi Phật: Tướng bình đẳng ấy là hữu vi hay vô vi?

Phật dạy: Chẳng phải hữu vi, cũng chẳng phải vô vi, vì sao? Vì nếu là hữu vi thời đều là pháp tạo tác hư vọng; nếu là vô vi thời pháp vô vi không có sinh, trụ, diệt, cho nên không có pháp! Vì không có pháp nên không được gọi là vô vi, mà nhân hữu vi nên có vô vi! Như trong Kinh đây nói: Lìa hữu vi, thời vô vi không thể có được, như lìa dài không có ngắn; đó là nghĩa đối đãi.

Hỏi: Pháp hữu vi là vô thường, pháp vô vi là thường, cứ sao nói là hữu vi thời vô vi không thể có được?

Đáp: Vì pháp vô vi không có phân biệt nên không có tướng. Nếu nói tướng thường thời không được nói là không tướng! Pháp pháp hữu vi nên gọi là vô vi, chứ không phải có pháp vô vi riêng biệt. Như người bị nhốt trong lao ngục nên đục vách thoát ra. Chỗ vách đục trống là trống không, chứ không có trống không nào khác. Chỗ trống không ấy cũng chẳng từ nhân duyên sinh; pháp vô vi cũng như vậy. Trong pháp hữu vi trước có tính hữu vi, mà pháp hữu vi tức là vô vi! Thế nên nói, là hữu vi thời vô vi không thể có được. Tính hữu vi, vô vi ấy đều không hợp, không tán, chỉ một tướng tức là vô tướng. Phật theo nghĩa thế đế nên nói việc ấy, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa, vì sao? Vì Phật tự nói nhân duyên: Trong đệ nhất nghĩa không có thân hành, miệng hành, ý hành. Pháp hữu vi, vô vi bình đẳng ấy, cũng không chấp trước tướng một, nên Bồ Tát đối với đệ nhất nghĩa bất động mà làm lợi ích chúng sinh, vì sức phương tiện nên dùng mỗi mỗi nhân duyên vì chúng sinh thuyết pháp.

(Hết cuốn 95 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 96

Giải Thích: Phẩm Như Hóa Thứ 87

(Kinh Đại Bát-nhã hội 2 ghi: Phẩm Không Tính thứ 85)

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu các pháp bình đẳng, không có làm gì, thời Bồ-tát làm thế nào hành Bát-nhã ba-la-mật mà đối với pháp bình đẳng không lay động, lại hành việc của Bồ-tát như bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự v.v... ?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Như vậy, như vậy, như lời ông nói. Các pháp bình đẳng, không có làm gì. Nếu chúng sinh tự biết các pháp bình đẳng thời Phật không dùng thần lực mà đối với các pháp bình đẳng không lay động, kéo chúng sinh ra khỏi chấp trước tướng tôi, ta; lấy Không mà làm cho thoát khỏi năm đường sinh tử cho đến làm cho thoát khỏi chấp trước tướng kẻ biết, kẻ thấy; làm cho thoát khỏi sắc tướng cho đến thức tướng, nhãn tướng cho đến ý tướng, địa chủng tướng cho đến thức chủng tướng; xa lìa tướng

của tính hữu vi khiến được tướng của tính vô vi, mà tướng của tính vô vi tức là không.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, dùng Không gì nên hết thấy pháp không?

Phật dạy: Bồ-tát xa lìa tướng hết thấy pháp, dùng không ấy nên hết thấy pháp không. Nay Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao, nếu có người biến hóa làm ra người biến hóa, việc biến hóa ấy phải chăng thật sự có cái chẳng không ư?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn. Người biến hoá ấy, không cái gì thật sự mà chẳng không. Người biến hóa và không ấy hai việc không hợp, không tán; vì không không cho nên không, không nên phân biệt là không, là hóa, vì sao? Vì trong hai việc không ấy không thể có được là không, là hóa, vì có sao? Nay Tu-bồ-đề, sắc tức là hóa; thọ, tưởng, hành, thức tức là hóa, cho đến trí Nhất thiết chủng tức là hóa.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, nếu pháp thế gian là hóa; pháp xuất thế gian như bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phân, tám phần thánh đạo, ba môn giải thoát, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, cùng các quả pháp và hiền thánh là Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát, chư Phật Thế Tôn, các pháp ấy cũng là hóa chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Hết thấy pháp đều là hóa. Đối với pháp ấy có pháp do Thanh văn biến hóa, có pháp do Bích-chi Phật biến hóa, có pháp do Bồ-tát biến hóa, có pháp do chư Phật biến hóa, có pháp do phiền não biến hóa, có pháp do nghiệp nhân duyên biến hóa. Vì nhân duyên ấy nên hết thấy pháp đều là hóa.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, các phiền não dứt nên gọi là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, Phật đạo; dứt các phiền não tập khí đều là biến hóa chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu pháp có tướng sinh, diệt, thời đều là biến hóa.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, những pháp nào chẳng phải biến hóa?

Phật dạy: Nếu pháp không sinh, không diệt, là chẳng phải biến hóa.

Tu-bồ-đề thưa: Thế nào là pháp không sinh không diệt thời chẳng phải biến hóa?

Phật dạy: Như tướng Niết-bàn không đổi, pháp ấy chẳng phải biến hóa.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, như Phật tự nói: Các pháp bình đẳng, chẳng phải Thanh văn làm, chẳng phải Bích-chi Phật làm, chẳng phải Bồ-tát làm, chẳng phải chư Phật làm, dù có Phật hay không có Phật thời tính các pháp vẫn thường không; tính không tức là Niết-bàn, cố sao nay nói pháp Niết-bàn chẳng phải như biến hóa?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Như vậy, như vậy. Các pháp bình đẳng, chẳng phải Thanh văn làm, cho đến tính không tức là Niết-bàn. Nếu Bồ-tát mới phát tâm nghe hết thấy pháp đều rốt ráo, tính không cho đến Niết-bàn cũng đều như biến hóa thời tâm kinh sợ. Vì hàng Bồ-tát mới phát tâm ấy nên phân biệt nói pháp có sinh diệt như biến hóa, pháp không sinh diệt chẳng như biến hóa.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, làm thế nào dạy hàng Bồ-tát mới phát tâm khiến biết tính không ấy?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Các pháp vốn có nay không ư?

LUẬN: Hỏi: Việc ấy Phật trước đã đáp rồi, nay cố sao Tu-bồ-đề còn hỏi rằng: Nếu các pháp bình đẳng, không có làm gì, thời làm thế nào Bồ-tát đối với các pháp bình đẳng không lay động mà làm lợi ích lớn cho chúng sinh?

Đáp: Vì việc ấy khó hiểu nên tuy trước đã nói mà nay hỏi lại. Lại thời kinh sắp hết Phật nói tính không sâu xa, phàm phu và thánh nhân không thể hành được, không thể đến được. Nên Tu-bồ-đề biết hết thấy pháp tướng bình đẳng chắc chắn không, thời làm thế nào Bồ-tát trú trong pháp ấy mà có thể làm lợi ích chúng sinh, vì pháp bình đẳng, không có tướng tạo tác, mà làm lợi ích là có tướng tạo tác? Phật hứa khả lời Tu-bồ-đề, theo câu hỏi của Tu-bồ-đề mà đáp, hứa khả tính bình đẳng và đáp việc làm lợi ích chúng sinh. Nghĩa là nếu chúng sinh tự biết các pháp bình đẳng rốt ráo không, thời Phật không có ơn gì; nếu người bệnh tự biết sắp qua khỏi thời thầy thuốc vô công.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu các pháp thật tướng rốt ráo không, không thể tạo tác, thời vì có gì Bồ-tát trú trong ấy mà làm lợi ích chúng sinh? Nếu Bồ-tát dùng pháp bình đẳng ấy làm lợi ích chúng sinh thời phá hoại thật tướng?

Phật dạy: Bồ-tát không lấy các pháp thật tướng làm lợi ích chúng sinh, mà chỉ vì chúng sinh không biết pháp rốt ráo không nên Bồ-tát dạy khiến biết. Bồ-tát giáo hóa chúng sinh, đó là cách đối trị tất đàn; Tu-bồ-đề cho đệ nhất nghĩa tất đàn là không có làm lợi ích để vấn nạn. Phật đáp: Chúng sinh điên đảo không biết, Phật chỉ phá cái điên đảo ấy mà không cho là thật. Thế nên Bồ-tát trú trong tướng bình đẳng xa lìa tướng ngã cho đến tướng kẻ biết kẻ thấy, ấy gọi là chúng sinh không và đem pháp hết thấy vô ngã ấy giáo hóa chúng sinh. Chúng sinh có hai, một là ái nhiều, hai là kiến nhiều. Người ái nhiều gặp được pháp vô ngã ấy thời sinh tâm lìa dục, nghĩ rằng: Nếu vô ngã thời cần gì các vật khác mà tham? Người kiến nhiều tuy biết vô ngã mà đối với sắc pháp v.v... vẫn hý luận cho rằng hoặc thường hoặc vô thường. Thế nên kế tiếp nói sắc tướng, năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới cho đến xa lìa tướng của tính hữu vi, khiến được tướng của tính vô vi, mà tướng vô tính tức là không; ấy gọi là pháp không.

Hỏi: Có gì Tu-bồ-đề hỏi dùng không gì cho nên hết thấy pháp không?

Đáp: “Không” có nhiều thứ: Như trong lửa không có nước, trong nước không có lửa, cũng là không; trong ngũ uẩn không có ngã cũng như vậy. Hoặc có chúng sinh không, hoặc có pháp không. Đối với pháp không, có người nói rằng các pháp tuy không cũng chẳng phải không hết; như trong sắc không có vi trần gốc tồn tại. Thế nên Tu-bồ-đề hỏi vì không gì nên hết thấy pháp không. Phật đáp: Vì vô sở đắc rốt ráo không, nên xa lìa hết thấy tướng. Do vậy mà trong đây nói chúng sinh không và pháp không. Vì hai không ấy nên hết thấy pháp không có pháp nào chẳng không.

Hỏi: Nếu như vậy thời có gì trong đây nói lìa tướng hết thấy pháp?

Đáp: Hết thấy pháp không thể phá hoại cùng tận, chỉ lìa cái ức tướng tà vậy đối với nó nên tất cả pháp tự xa lìa. Như người có thần thông vì hoại sắc tướng nên vách đá không làm chướng ngại. Như Phật nói: Các ông đối với năm uẩn tu chánh ức niệm, dứt tham dục, được chánh giải thoát nên nói là lìa tướng. Tu-bồ-đề nghe xong tâm kinh hãi, nghĩ rằng: Vì sao hết thấy pháp hoặc lớn hoặc nhỏ đều không có căn gốc chơn thật? Hạng phàm phu hư vọng có thể không có sự thật, còn thánh nhân phải có chút ít sự thật? Tu-

bồ-đề tuy là A-la-hán, rất quý Phật pháp, song vì hàng Bồ-tát mới pháp tâm cho nên hỏi Phật.

Phật biết ý Tu-bồ-đề muốn làm rõ việc ấy nên nói thí dụ mà hỏi ngược lại Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao, như người biến hóa lại làm ra việc biến hóa, sự biến hóa ấy có căn gốc thật chẳng không chẳng? Đáp: Thừa không. Sự biến hóa ấy không có sự thật mà chẳng không. Không và người biến hóa, hai việc chẳng hợp, chẳng tán, vì đều là không, nên dùng không không, nên không.

Hỏi: Cớ gì nói là vì không không, nên không?

Đáp: Vì phá mười tám sự thật nên có mười tám không; vì phá sự biến hóa không trong tâm chúng sinh nên dùng không không. Người thế gian đều biết huyền hóa không trụ lâu, không có làm gì nên gọi là không, nên nói vì không không, nên không, không nên phân biệt đó là không, là hóa. Người phàm phu biết việc biến hóa là không, không thật, còn các pháp khác là thật. Vì vậy mà lấy việc biến hóa ví dụ, nên biết các pháp khác cùng với biến hóa không khác nhau. Như chỗ hiểu của thánh nhân thời không được dùng biến hóa làm ví dụ, vì không có phân biệt. Hết thấy pháp gọi là năm uẩn. Phật nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có cái gì chẳng là biến hóa, vì là không.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, pháp phàm phu hư dối nên như biến hóa, pháp xuất thế gian cũng như biến hóa ư? Nghĩa là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, hoặc pháp bốn niệm xứ theo mặt nhân duyên sinh cho nên như hóa, nhưng quả pháp của bốn niệm xứ là Niết-bàn cũng lại như hóa ư? Hoặc hành giả tu các pháp ấy là các bậc Tu-đà-hoàn cho đến Phật cũng lại như hóa ư?

Phật dạy: Hoặc hữu vi hoặc vô vi và các hiện thánh đều là hóa, vì rất rảo không. Nghĩa ấy từ phẩm đầu lại đây nơi nơi đã nói rộng. Thế nên nói hết thấy pháp không, đều như hóa.

Hỏi: Nếu hết thấy pháp đều không, như hóa, cớ gì có các pháp sai khác?

Đáp: Như việc Phật biến hóa và người khác biến hóa, tuy đều không thật mà có các hình tượng sai khác; cũng như các thứ thấy trong mộng. Người thấy việc tốt xấu trong mộng có việc sinh mừng, có việc sinh sợ; như tượng trong gương tuy thật sự không có mà tùy theo hình thật nên tượng có

đẹp có xấu. Các pháp cũng như vậy, tuy không mà mỗi mỗi có nhân duyên sai khác; như trong đây Phật tự nói: Trong pháp biến hóa có Thanh văn biến hóa, có Bích-chi Phật biến hóa, có Bồ-tát biến hóa, có Phật biến hóa, có phiền não biến hóa, có nghiệp biến hóa; thế nên hết thảy pháp đều là biến hóa.

Thanh văn biến hóa là ba mươi bảy pháp trợ đạo, bốn thánh đế cho đến ba môn giải thoát, vì sao? Vì người Thanh văn trú trong trì giới, thiền định nhiếp tâm mà cầu Niết-bàn; quán trong thân ngoài thân bất tịnh gọi là thân niệm xứ. Tu các pháp như vậy vì Niết-bàn nên siêng tinh tấn; pháp ấy vốn không nay có, có rồi lại không; ấy gọi là Thanh văn biến hóa.

Bích-chi Phật biến hóa là quán mười hai nhân duyên, vì sao? Vì trí tuệ của Bích-chi Phật sâu hơn trí tuệ của Thanh văn.

Bồ-tát biến hóa là sáu Ba-la-mật với hai thứ thần thông do quả báo được và do tu được.

Phật biến hóa là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, mười trí lực, trí Nhất thiết chủng, vô lượng Phật pháp.

Phiền não biến hóa là phiền não khởi lên các nghiệp lành, chẳng lành và vô ký; nghiệp định, nghiệp bất định, nghiệp lành, chẳng lành, bất động, vô lượng các nghiệp.

Hỏi: Các phiền não là pháp ác, làm sao có thể sinh nghiệp lành và nghiệp bất động?

Đáp: Có hai nhân: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Người có tâm chấp ngã, vì muốn thân sau được giàu vui nên tu bố thí, ấy là nhân gần; vì xa lìa thân bất tịnh, sự suy não của cõi dục nên tu thiền định; ấy là nhân xa.

Lại, có người nói: Hết thảy phàm phu đều do tâm chấp ngã nên tạo nghiệp. Có người nói: Không có việc lìa tâm chấp ngã mà khởi lên thức thứ sáu, vì có tâm chấp ngã nên khởi lên thức thứ sáu; và tâm chấp ngã tức là căn gốc của phiền não.

Hỏi: Phiền não là tâm nhơ nhớp, tâm lành là tâm trong sạch; nhơ nhớp và trong sạch không hòa hợp được, có gì nói ở nơi tâm chấp ngã có thể khởi lên nghiệp lành?

Đáp: Không phải vậy. Hết thấy tâm đều cùng sinh với tuệ, trong tâm vô minh cũng phải có tuệ. Tuệ với vô minh trái nhau mà khởi lên trong một tâm; sạch và nhơ cũng như vậy. Phạm phu chưa được thánh đạo thời làm sao có thể lia tâm chấp ngã mà làm việc lành? Trong phiền não sân v.v... thời không thể làm lành. Còn tâm chấp ngã thời vô kí nhu nhuyển, nên trong tâm phiền não sinh khởi nghiệp lành và nghiệp bất động, không lỗi.

Nghiệp biến hóa là sinh ra hết thấy quả báo, đó là sáu đường. Quả báo của nghiệp ác là ba đường ác; quả báo của nghiệp lành là ba đường lành. Nghiệp ác có thượng, trung và hạ. Thượng thời đọa địa ngục, trung thời đọa súc sinh, hạ thời đọa ngã quỷ. Nghiệp lành cũng có thượng, trung và hạ. Thượng thời sinh cõi trời; trung thời sinh cõi người; hạ thời sinh cõi A-tu-la. Nghiệp lành có phân biệt các thứ nặng nhẹ, nghiệp ác cũng có phân biệt nặng nhẹ. Thứ lớp nặng nhẹ như nói ở trong cảnh địa ngục, các đạo khác cũng đã nói như trong phẩm Phân biệt nghiệp.

Hỏi: Nếu từ nghiệp mà có, thời có gì nói biến hóa?

Đáp: Người phạm phu thấy các pháp chẳng như biến hóa; còn thánh nhân vì biết rõ ráo không nên dùng thiên nhãn xem thấy chúng sinh đều không có đầu, cuối, khoảng giữa. Như người chủ biến hóa đi đến nơi xa làm việc biến hóa; nghiệp cũng như vậy, từ trong đời quá khứ làm ra thân này. Như việc biến hóa có thể làm cho con người sinh lo, mừng, sợ hãi. Người trí thấy đều không có gì thật, mà người ta vọng sinh ra lo, mừng, thật đáng cười; nghiệp cũng như vậy, nên nói nghiệp biến hóa.

Hỏi: Các biến hóa ấy đều do nghiệp làm ra, có gì không chỉ nói nghiệp biến hóa mà nói thêm các biến hóa khác?

Đáp: Nghiệp có hai thứ là nghiệp sạch và nghiệp nhơ. Nghiệp sạch là Thanh văn biến hóa cho đến Phật biến hóa; nghiệp nhơ là phiền não biến hóa.

* Lại nữa, có hai nghiệp: Nghiệp phạm phu và nghiệp thánh nhân. Nghiệp phạm phu là phiền não biến hóa, nghiệp thánh nhân là Tu-đà-hoàn cho đến Phật. Nên tuy đều là nghiệp biến hóa mà phân biệt nói rộng, không lỗi. Vì vậy nên biết, hết thấy pháp không, đều như biến hóa.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Bạch đức Thế Tôn, các thánh nhân dứt hết phiền não được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật; dứt hết phiền não tập khí, các sự dứt ấy đều như biến hóa chăng? Ý Tu-bồ-đề là,

pháp hữu vi hư dối cho nên như biến hóa, còn pháp vô vi thật không có làm gì, nên không thể như biến hóa? Thế nên hỏi.

Phật dạy: Hết thấy pháp hoặc sinh hoặc diệt đều như hóa, vì sao? Vì vốn không nay có, nay có sau không, dối gạt lòng người. Ý Phật là, hết thấy pháp theo nhân duyên sinh đều không có tự tính, vì không có tự tính nên rốt ráo không, vì rốt ráo không nên đều như biến hóa. Tu-bồ-đề tìm thật tướng các pháp ý còn chưa dứt cho nên hỏi Phật: Pháp gì chẳng như biến hóa? Ý Tu-bồ-đề muốn hỏi rằng, có một pháp chắc thật chẳng như biến hóa, có thể nương pháp ấy mà tinh tấn chẳng? Phật đáp: Có. Nếu pháp không sinh không diệt tức chẳng phải như biến hóa. Pháp ấy là pháp gì? Đó là Niết-bàn không có tướng hư dối. Pháp ấy không sinh nên không diệt, không diệt nên không khiến người ta sinh lo. Phật phân biệt hết thấy pháp hữu vi rốt ráo không, đều như hóa, duy chỉ có pháp Niết-bàn chẳng phải như biến hóa.

Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật: Như Phật nói, pháp bình đẳng chẳng phải Phật làm, chẳng phải Thanh văn làm, Bích-chi Phật làm, dù có Phật hay không có Phật thời các pháp tính vẫn thường trú. Tính không, tính không tức là Niết-bàn. Ý Tu-bồ-đề muốn nói rằng, vào sâu Bát-nhã ba-la-mật thời Niết-bàn cũng không, ở phẩm trước nơi nơi đã nói, nay có gì Phật nói chỉ một pháp Niết-bàn chẳng như biến hóa? Thế nên dẫn lời Phật để vấn nạn: Thật tướng các pháp tính không, thường trú. Chư Phật chỉ vì người nên diễn nói tính không tức là Niết-bàn, nay có gì đối với pháp sinh diệt nói riêng Niết-bàn không có tướng hư dối, chẳng như biến hóa? Phật đáp: Các pháp bình đẳng thường trú, chẳng phải hiện thánh làm; nếu hàng Bồ-tát mới học mà nghe thời sợ hãi, thế nên phân biệt nói: Cái gì sinh diệt thời như biến hóa, cái gì không sinh diệt thời không như biến hóa.

Hỏi: Duy chỉ có Phật là người không nói quanh co nên tất cả mọi người đều muốn tìm sự thật ở nơi Phật, có sao nay Phật nói hết thấy pháp đều không, hoặc nói đều chẳng không?

Đáp: Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Vì đối với hàng Bồ-tát mới phát tâm nên nói Niết-bàn chẳng như biến hóa.

Hỏi: Có thể vì người mà chuyển biến các pháp tướng ư?

Đáp: Trong đây Phật nói các pháp tính, tính không, thời làm sao chuyển được? Khi Phật mới được thật tướng các pháp ấy, tâm chỉ hướng đến Niết-bàn tịch diệt; khi ấy mười phương chư Phật và chư thiên thỉnh Phật chớ vào Niết-bàn, mà nên độ thoát cho hết thấy chúng sinh khổ não. Phật

liền nhận lời thỉnh, chỉ vì độ chúng sinh nên trụ lại. Do vậy nên biết, chúng sinh không thể làm lợi ích chúng sinh, nên Phật theo việc vì chúng sinh mà nói. Vì quán thấy các pháp hữu vi hư dối nên nói Niết-bàn là thật, chẳng đổi khác. Hàng Bồ-tát mới phát tâm đấm trước Niết-bàn ấy, nhân đó khởi lên phiền não; vì dứt sự đấm trước ấy cho Bồ-tát nên nói Niết-bàn như biến hóa. Nếu không có tâm đấm trước thời khi ấy nói Niết-bàn chẳng phải như biến hóa.

* Lại nữa, có hai đạo là đạo Tiểu thừa và đạo Đại thừa. Tiểu thừa hí luận cho rằng Niết-bàn là thật; Đại thừa hí luận cho rằng vì trí tuệ lanh lợi, có thể vào sâu nên xem sắc pháp v.v... đều như Niết-bàn. Cho nên hai cách nói đều không có lỗi.

Lại hỏi: Làm thế nào giáo hóa Bồ-tát mới phát tâm khiến biết tính không bình đẳng? Ý Tu-bồ-đề muốn nói rằng, pháp tính không là chỗ hàng phàm phu sợ hãi. Họ nghe nói tính không, không có sở hữu, thời như rơi vào hố sâu, vì sao? Vì hết thấy những người chưa đắc đạo do tâm chấp ngã sâu xa nên sợ hãi pháp không, nghĩ rằng: Phật dạy người siêng tu hạnh lành chung quy đi vào chỗ không có sở hữu. Vì thế nên Tu-bồ-đề hỏi: Dùng phương tiện gì giáo hóa Bồ-tát mới phát tâm ấy? Phật dạy: Các pháp trước có nay không ư? Ý Phật là, vì hàng mới phát tâm sợ về sau sẽ không có gì, nên nói các pháp trước có nay không ư? Tu-bồ-đề tự mình biết rõ các pháp trước tự nó không nay cũng không, chỉ vì kẻ mới học bị tâm chấp ngã che lấp mà sinh ra sợ hãi. Vì trừ cái điên đảo ấy khiến được thật thấy, rốt ráo không có lỗi. Biết thật tướng của các phiền não điên đảo là tính không, khi ấy thời không còn sợ hãi; các pháp như vậy nên đem dạy hàng mới phát tâm. Nếu cho rằng pháp trước có, song vì do hành đạo nên không, mới nên sợ hãi; còn pháp trước tự nó đã không, nên không nên sợ hãi, chỉ vì trừ điên đảo mà thôi.

Giải Thích: Phẩm Tát-Đà-Ba-Luân Thứ 88

KINH: Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát cầu Bát-nhã ba-la-mật nên như Bồ-tát Tát-đà-ba-luân. Bồ-tát ấy hiện ở chỗ Phật Đại Lô Âm, hành đạo Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân làm thế nào cầu Bát-nhã ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ-tát Tát-đà-ba-luân khi cầu Bát-nhã ba-la-mật-đa không tiếc thân mạng, không cầu danh lợi, ở chỗ núi rừng trống vắng nghe giữa hư không có tiếng nói rằng: Nay ông, thiện nam tử, nên đi về phương đông, chớ nghĩ đến mệt nhọc, chớ nghĩ đến ngủ nghỉ, chớ nghĩ đến ăn uống, chớ nghĩ đến ngày đêm, chớ nghĩ đến lạnh nóng, chớ nghĩ đến trong ngoài. Nay thiện nam tử, khi đi chớ ngó qua phải trái, khi đi chớ hủy hoại tướng thân, chớ hủy hoại tướng sắc, chớ hủy hoại tướng thọ, tướng, hành, thức, vì sao? Vì nếu hủy hoại các tướng ấy thời đối với Phật pháp có chướng ngại. Nếu đối với Phật pháp có chướng ngại, bèn qua lại trong năm đường sinh tử, cũng không thể được Bát-nhã ba-la-mật.

Bấy giờ Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đáp lại tiếng giữa hư không: Tôi sẽ theo lời dạy bảo, vì sao? Vì tôi muốn vì hết thảy chúng sinh làm ánh sáng lớn, muốn tập hợp hết thảy Phật pháp, muốn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân lại nghe giữa hư không nói rằng: Lành thay, lành thay, thiện nam tử! Ông đối với không, vô tướng, vô tác nên sinh tín tâm, đem tâm lìa tướng mà cầu Bát-nhã ba-la-mật; lìa tướng ngã cho đến lìa tướng kẻ biết kẻ thấy; nên xa lìa ác tri thức, nên gần gũi cúng dường thiện tri thức. Những ai là thiện tri thức? Là những người nói pháp không, vô tướng, vô tác, không sinh, không diệt và trí Nhất thiết chủng, làm cho người khác vào cái vui hoan hỷ, tín thọ; ấy là thiện tri thức. Nay thiện nam tử, nếu ông hành được như vậy thời không bao lâu sẽ nghe được Bát-nhã ba-la-mật, hoặc nghe từ trong kinh, hoặc nghe từ Bồ-tát nói. Nay thiện nam tử, ở chỗ ông được nghe Bát-nhã ba-la-mật nên sinh tâm tưởng như Phật. Nay thiện nam tử, ông nên biết ơn, nghĩ rằng, từ chỗ được nghe Bát-nhã ba-la-mật tức là thiện tri thức của ta, ta nhờ nghe pháp ấy nên mau được không thoái chuyển đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác, gần gũi chư Phật, thường sinh trong nước có Phật, xa lìa các nạn, được chỗ đầy đủ không có hoạn nạn. Nay thiện nam tử, nên suy nghĩ trừ lượng công đức ấy, đối với chỗ được nghe pháp nên sinh tâm tưởng như Phật. Nay thiện nam tử, chớ đem tâm lợi dưỡng thế gian mà đi theo pháp sư, chỉ vì tâm yêu pháp, cung kính pháp nên đi theo Bồ-tát thuyết pháp. Bấy giờ nên giác biết việc ma: Hoặc ác ma làm ra năm dục đem đến cho Bồ-tát thuyết pháp, giả vờ vì pháp nên khiến lãnh thọ. Nếu Bồ-tát thuyết pháp vào được pháp môn chân thật, do công đức ấy nên lãnh thọ mà không bị ô nhiễm. Lại do việc ma nên lãnh thọ năm dục: Một, vì có sức phương tiện; hai, vì khiến chúng sinh gieo trồng căn lành; ba, vì muốn đồng sự với chúng sinh. Ông ở trong ấy chớ sinh tâm ô nhiễm, nên khởi tướng thanh tịnh, tự nghĩ rằng: Ta chưa biết Âu-hòa-câu-xá-la, mà đại sư dùng phương tiện vì độ chúng sinh, khiến được phước đức nên lãnh thọ năm dục ấy; đối với trí tuệ không chấp trước, không ngại,

không bị dục làm ô nhiễm. Nay thiện nam tử, phải quán chơn chính thật tướng các pháp. Thật tướng các pháp là hết thảy pháp không như, không sạch, vì sao? Vì hết thảy pháp tự tính không, không có chúng sinh, không có nhân, không có ngã. Hết thảy pháp như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như sóng nắng, như hóa. Nay thiện nam tử, quán thật tướng các pháp ấy rồi nên theo pháp sư, ông không bao lâu sẽ thành tựu được Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại nữa, nay thiện nam tử, ông lại nên giác biết việc ma. Nếu Bồ-tát thuyết pháp, thấy người muốn lãnh thọ Bát-nhã ba-la-mật mà không để ý đến thời ông không nên khởi sinh oán hận. Ông chỉ nên vì pháp, nên cung kính, chớ khởi tâm nhàm chán, giải đãi, thường nên đi theo pháp sư.

LUẬN: Phẩm trên hỏi, đối với Bồ-tát mới pháp tâm làm thế nào dạy tính không? Vì pháp tính không rất ráo không, không có sở hữu, khó hiểu, khó biết? Phật đáp bằng cách hỏi ngược lại: Pháp trước có nay không ư? Ý Phật muốn nói rằng, pháp tính không chẳng phải khó được, khó hiểu, vì sao? Vì xưa nay thường không, lại không có cái mới khác, có gì tâm ông sợ hãi cho rằng khó được? Pháp tính không ấy tuy sâu xa, mà Bồ-tát chỉ có thể nhất tâm siêng tinh tấn, không tiếc thân mạng, đem nhất tâm cầu như vậy bèn có thể được. Trong đây nêu việc đời trước của Bồ-tát Tát-đà-ba-luân để làm chứng. Phật pháp có mười hai bộ loại kinh. Hoặc có người nhân Khế kinh, Phúng tụng, kinh Bản sinh mà được độ; nay Phật đem kinh Bản sinh để làm chứng. Như có người nghe nghĩ rằng, người kia có thể được thời ta cũng có thể được! Vì thế mà nêu nhân duyên đời trước của Bồ-tát Tát-đà-ba-luân để làm chứng.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát cầu Bát-nhã ba-la-mật nên như Tát-đà-ba-luân.

Hỏi: Nếu Bát-nhã ba-la-mật rất ráo không, không có tướng, thời hành thiền định còn khó được, huống nữa là ưu sầu, khóc lóc, tán tâm tìm cầu mà có thể được?

Đáp: Vì Bồ-tát mới phát tâm nên dẫn nói Tát-đà-ba-luân.

Hỏi: Nếu Tát-đà-ba-luân là Bồ-tát mới phát tâm, thời mười phương chư Phật làm thế nào hiện ở trước người đó khiến được các tam-muội, không tiếc thân và thấy Đàm-vô-kiệt? Lại, được vô lượng vô số tam-muội, có sao gọi là mới phát tâm?

Đáp: Bồ-tát mới học có hai hạng: Một là tâm đắm trước lớn cái vui thế gian, phát tâm mềm yếu; hai là phát tâm sâu xa, không đắm trước thế gian. Phát tâm mềm yếu thời Phật không cho là phát tâm; phát tâm sâu xa mới gọi là phát tâm. Như trong pháp Thanh văn Phật nói với hai Tỳ-kheo: “Ở trong pháp Ta, cho đến không có chút noãn pháp như mảy lông”. Phật xem noãn pháp là rất nhỏ, người phàm phu xem cho là lớn. Thí như vị quốc vương thấy một tấm vải không cho là nhiều, còn người nghèo thấy thời cho là nhiều. Vì nhất tâm không tiếc thân mạng nên nêu Tát-đà-ba-luân làm chứng.

Hỏi: Nếu Bồ-tát Tát-đà-ba-luân có thể khổ hạnh được như vậy, từ nơi Đàm-vô-kiệt được các tam-muội, sẽ làm Phật, có gì nay còn ở chỗ Phật Đại Lô Âm tu hạnh Bồ-tát?

Đáp: Phật pháp vô lượng vô biên, nếu trải qua ngàn vạn vô số kiếp siêng tu khổ hạnh còn không thể được hưởng nữa là Tát-đà-ba-luân một đời khổ hạnh! Lại có Bồ-tát đầy đủ đạo Bồ-tát, mười lực, bốn điều không sợ v.v... vì chúng sinh nên trú ở thế gian, chưa thủ chứng thật tế, như Bồ-tát Văn thù sư lợi v.v... Tát-đà-ba-luân hoặc có thể như vậy nên chưa làm Phật. Tam-muội của Bồ-tát nhiều như số vi trần trong mười phương các cõi nước, mà Tát-đà-ba-luân mới được sáu vạn tam-muội thời đầu đủ cho là nhiều? Phật Đại Lô Âm như rồng chúa lớn sắp muốn mưa nên làm chấn động sấm sét; chim sẻ, côn trùng nhỏ thấy đều sợ hãi. Phật ấy khi mới Chuyển pháp luân, mười phương chúng sinh đều phát tâm, ngoại đạo tà kiến đều sợ hãi nhiếp phục, nên người trời và chúng sinh xưng gọi Phật là Đại Lô Âm. Phật ấy nay đang ở trong hiện tại.

Tu-bồ-đề hỏi: Bồ-tát Tát-đà-ba-luân làm thế nào cầu Bát-nhã ba-la-mật? Bồ-tát Tát-đà-ba-luân chưa được bất thoái chuyển, có sao gọi là Bồ-tát ma-ha-tát?

Đáp: Vì có đại tâm lớn nên tuy nhỏ mà cũng gọi là đại. Vì người kia tuy chưa được trí tuệ chơn thật mà có thể nhớ nghĩ sâu Bát-nhã ba-la-mật, do không tiếc thân mạng nên có công đức lớn, cũng gọi là Bồ-tát ma-ha-tát.

Hỏi: Sao gọi là Tát-đà-ba-luân? Tát-đà nghĩa là thường; ba-luân nghĩa là khóc; đó là tên do cha mẹ đặt, hay là tên theo nhân duyên nào?

Đáp: Có người nói: Do vị ấy khi nhỏ ưa khóc nên tên là Thường khóc. Có người nói: Bồ-tát ấy thực hành tâm đại bi nhu nhuyễn nên thấy chúng sinh ở trong đời ác nghèo cùng, già chết, ưu khổ mà thường khóc, vì thế nên

mọi người gọi là Tát-đà-ba-luân. Có người nói: Bồ-tát ấy vì cầu Phật đạo, xa lìa mọi người, ở chỗ trống vắng, tâm cầu xa lìa, nhất tâm, suy nghĩ, trừ lượng, siêng cầu Phật đạo. Đời bấy giờ không có Phật, Bồ-tát ấy thực hành tâm từ bi. Vì có ít nhân duyên nên sinh vào đời không có Phật, vị ấy có tâm bi, đối với chúng sinh muốn siêng năng không dứt, nên ở chỗ rừng núi trống vắng. Vị ấy nhờ nhân duyên đời trước và đời nay nhất tâm, có ước muốn lớn, sức tinh tấn lớn, do hai nhân duyên ấy nên nghe trong hư không có tiếng dạy bảo, không bao lâu liền dứt, tâm lại nghĩ rằng: Tại sao ta không hỏi? Do nhân duyên ấy nên ưu sầu, khóc lóc bảy ngày bảy đêm. Nhân vì thế mà trời, rồng, quỷ, thần gọi là thường khóc. Như Phật đáp Tu-bồ-đề: Đời quá khứ có Bồ-tát Tát-đà-ba-luân không tiếc thân mạng, không tham tài lợi; khi cầu Bát-nhã, ở rừng đồi trống vắng nghe có tiếng giữa hư không.

Hỏi: Tiếng giữa hư không là tiếng gì?

Đáp: Hoặc chư Phật, Bồ-tát, chư thiên, long vương vì thương xót chúng sinh nên thấy người ấy không đắm trước thế gian, nhất tâm cầu Phật đạo, song vì lúc đó không có Phật pháp nên chư Phật muốn làm nhân duyên mở bày cho người kia được Bát-nhã nên giữa hư không phát ra âm thanh.

Có người nói: Tát-đà-ba-luân là người có nhân duyên lành đời trước, ở trong rừng làm quỷ thần thấy người kia sâu khổ, vì người là nhân duyên đời trước. Lại, quỷ thần ấy cũng cầu Phật đạo; do hai nhân duyên ấy nên phát ra âm thanh.

Như Bà-la-môn Mật-bát vì Tu-đạt-đa mà đi đến thành Vương-xá. Khi đến nhà vị đại trưởng giả hỏi vợ cho con, Mật-bát ở giữa chúng lớn Bà-la-môn của thành Vương-xá, vì ăn uống quá độ, sinh bụng mà chết, nên sinh làm quỷ thần ở trên cửa thành Vương-xá.

Tu-đạt-đa nghe Bà-la-môn ấy đã chết nên tự mình đi đến nhà vị trưởng giả ở lại. Vị trưởng giả cuối đêm thức dậy sớm đủ thức ăn uống, Tu-đạt-đa hỏi: “Ông có việc gì vậy? Vì muốn cưới vợ, gả chồng cho con, hoặc muốn mời đại quốc vương hay vì triều hội, có sao sửa soạn gấp rút như vậy?”.

Trưởng giả đáp: “Tôi muốn thỉnh Phật và chúng Tăng”.

Tu-đạt nghe tên Phật thời kinh hãi, mừng rỡ đến dựng lòng. Trưởng giả trước đã được dấu đạo, bèn nói rộng công đức cho Tu-đạt nghe. Tu-đạt-đa nghe xong ưa vui tốt độ nên rất muốn thấy Phật. Do tâm nhớ nghĩ Phật mà đêm ít ngủ, vì tâm nhớ nghĩ Phật chí thiết nên giây lát thức dậy, giữa

đêm thấy trăng sáng cho là mặt trời mọc, liền đứng dậy đi đến cửa, thấy cửa an toàn đã mở. Cửa thành Vương-xá đầu đêm chưa đóng, vì khách đến; cuối đêm mở sớm, vì khách đi. Đã thấy cửa mở liền đi thẳng đến chỗ Phật.

Lúc ấy Phật đang ở giữa rừng lạnh. Khi đang đi giữa đường thì trăng lặn, trời trở lại tối. Tâm Tu-đạt hồi hận do dự muốn vào thành trở lại.

Bấy giờ thần Mật-bát phóng ánh sáng nơi thân chiếu khắp khu rừng vắng, bảo: “Này cư sĩ, cư sĩ chớ sợ hãi, cứ đi, đừng trở lại. Đi thời được lợi ích lớn”, như trong kinh đây nói rộng. Tu-đạt-đa thấy Phật thời chứng được quả Tu-đà-hoàn, thỉnh Phật và Tỳ-kheo tăng đến nước Xá-vệ, suốt đời cúng dường. Phật sai Xá-lợi-phất làm thầy Tu-đạt-đa, ở tại nước Xá-vệ dựng tinh xá. Như vị thần tri thức của Tu-đạt chỉ đường, thiện tri thức của Tát-đà-ba-luân cũng chỉ đường như vậy. Thế nên thấy người kia sàu khổ mà chỉ đường, nói rằng: Này thiện nam tử, ông từ đây đi về phương đông, trong khi đi chớ nghĩ đến mỗi một v.v...

Hỏi: Mỗi một, đói khát, lửa đến bức thân, vì sao không nghĩ đến?

Đáp: Vì sức muốn tinh tấn nên nhất tâm ưa vui Phật đạo mà không tiếc thân mạng. Những việc nghỉ ngơi, ăn uống đều là giúp cho thân, việc ấy tuy đến mà không làm loạn tâm, vì đều vô thường, hư vọng, không thật như giấc, như oán, chỉ làm vui cho thân, nên đâu đủ để nghĩ đến? Nên chớ vì đói khát, mệt nhọc mà bỏ Phật đạo.

Chớ nghĩ đến ngày đêm là chớ nghĩ đến ngày tu hành, đêm phải nghỉ ngơi. Thật ra không có ngày đêm, vì có sao? Vì mặt trời bị bóng núi Tu-di che khuất nên gọi là đêm.

Chớ nghĩ đến trong ngoài là chúng sinh phần nhiều đắm trước pháp bên trong. Pháp bên trong là thân, pháp bên ngoài là năm dục. Pháp trong ngoài không nhất định, vì tính không, nên không nên đắm trước.

Chớ xem phải trái là do tâm tà vậy mà hành đạo nên mới xem phải, xem trái. Hành giả không có việc gì phải xem lui sau, còn trước mặt thì không thể không xem, nên chỉ nói chớ xem phải, trái.

* Lại nữa, ma thường làm loạn và mê hoặc hành giả: Hoặc hiện các hình tướng, hiện sắc đẹp, hiện làm thú dữ ở hai bên phải trái, cho nên chớ xem. Đây đều là năn dứt tâm niệm thô động.

Chớ hủy hoại tướng thân và tướng sắc là, năm uẩn hòa hợp nên giả gọi là thân. Nếu nói nhất định có thân ấy riêng thời là phá hoại thân tướng; nếu đả phá không có thân cũng là hủy hoại thân tướng. Lìa tướng một, khác, có, không, ấy mà thực hành trung đạo thời mau được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì thế nên nói chớ hủy hoại tướng thân. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Nếu hủy hoại các tướng ấy thời đối với Phật pháp có chướng ngại.

Phật pháp có chướng ngại là phải qua lại trong năm đường sinh tử, không thể được Bát-nhã ba-la-mật. Tát-đà-ba-luân đáp lại tiếng giữa hư không mà tự nói nhân duyên: Tát-đà-ba-luân thấy hết thấy chúng sinh đọa trong chỗ vô minh tăm tối, ta muốn vì họ thấp ánh sáng trí tuệ. Hết thấy chúng sinh có hết thấy phiền não, ta muốn thiết lập hết thấy thứ thuốc Phật pháp, vì hết thấy chúng sinh đều đọa vào đường tà nên ta cầu đạo vô thượng. Ba thế nguyện ấy khi được Bát-nhã ba-la-mật thời có thể đầy đủ; thế nên nói là thọ giáo.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân không thấy hình tướng người kia, chỉ nghe âm thanh người kia, có sao lại nói là thọ giáo?

Đáp: Như người tìm việc gấp, nên nghe tiếng liền cảm ứng. Tát-đà-ba-luân cũng như vậy.

* Lại nữa, nghe người kia nói lí lẽ hay ho thời biết người kia cũng hay ho nên không cần mắt thấy. Như trong chỗ tối tăm có các chúng sinh mắt tuy không trông thấy mà nghe tiếng nói cũng biết nó loại gì.

Bấy giờ tiếng giữa hư không lại tán thán rằng lành thay. Người đó tuy không thấy hình tướng mà có thể tin thọ lời nói để thực hành. Lại người đó muốn độ hết thấy chúng sinh nên cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tâm không biếng nhác, dừng nghỉ. Có các nhân duyên như vậy nên tán thán lành thay.

Đối với ba môn giải thoát nên sinh tín tâm là, ba môn ấy là cửa vào thật tướng các pháp, lìa ba môn ấy đều là hư dối, không có chơn thật. Người tuy chưa được mà nhờ sinh tín căn, tín lực lớn; vì tín căn tín lực nên dần dần đầy đủ các căn.

Đem tâm lìa tướng mà cầu Bát-nhã ba-la-mật là, quán các pháp rốt ráo không, lìa tướng chúng sinh, lìa tướng pháp.

Hỏi: Ba môn giải thoát thu nhiếp vào hết trong Bát-nhã chăng? Nếu thu nhiếp thời có gì lại nói riêng? nếu không thu nhiếp thời có gì nói hết thầy pháp trợ đạo đều thu nhiếp trong Bát-nhã?

Đáp: Hết thầy pháp đều vào trong Bát-nhã. Con người đều vì sợ khổ nên cầu giải thoát. Cho nên đối với phần Bát-nhã trước tiên nói ba môn giải thoát. Do nhân duyên gì được giải thoát ấy? Do lia hai bên là tướng chúng sinh và tướng pháp mà hành Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Trước tiên dạy tinh tấn, sau dạy ba môn giải thoát và Bát-nhã; nay lại muốn vì việc gì nữa nên dạy gần gũi thiện tri thức?

Đáp: Tuy có pháp tốt lành song nếu không ai dạy thời tuy có thực hành mà sai lầm nhiều; thí như tuy có thuốc tốt mà cũng cần có thầy thuốc giỏi. Lại, Tát-đà-ba-luân là Bồ-tát mới phát tâm, mà Bát-nhã ba-la-mật rất sâu xa, làm sao chỉ nghe giữa hư không dạy sơ lược mà có thể đầy đủ được? Nên dạy rằng, phải thân cận thiện tri thức. Ý nghĩa thiện tri thức như trước đã nói, nay lược nói hai tướng thiện tri thức: Một là dạy nhất tâm hướng đến Nhất thiết trí; hai là dạy pháp Bát-nhã ba-la-mật không, vô tướng, vô tác, không sinh, không diệt v.v... Nếu dạy được như vậy thời không bao lâu được Bát-nhã ba-la-mật; như thầy thuốc vì người bệnh nói cách uống thuốc: Ông có thể uống đúng cách thời bệnh mau lành.

Hoặc nghe từ trong kinh, từ Bồ-tát nói là, khiến Tát-đà-ba-luân đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, ở đó hai nơi có Bát-nhã: Một là quyển sách vàng ở trên đài báu; hai là Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói. Nếu người có nhiều phước đức thời nghe từ Đàm-vô-kiệt; người có phước đức ít thời nghe từ quyển kinh. Đối với thầy sinh tâm tưởng như Phật, vì là nhân duyên dạy cho Phật đạo. Kẻ tiểu nhân ở thế gian khi được việc rồi thời quên mất ơn nghĩa, nghĩ rằng: Như người cưỡi thuyền qua sông, đến bờ kia rồi cần gì chiếc bè. Vì thế nên nói: Ông nên biết ơn, nên nghĩ rằng, từ người đó ta nghe được Bát-nhã, tức là thiện tri thức của ta. Trong tất cả lợi ích, lợi ích của Bát-nhã là hơn hết. Thực hành Bát-nhã ấy mau được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không thoái chuyển. Lại, nhân thực hành Bát-nhã nên gần gũi chư Phật, thường sinh trong nước có Phật, xa lìa chỗ tám nạn, được gặp Phật ở đời. Bồ-tát nên nghĩ rằng : Ta được các công đức như vậy đều từ Bát-nhã, mà Bát-nhã ba-la-mật từ nơi thầy mà có được; vì thế nên xem thầy như Phật. Có người nói: Được Bát-nhã ba-la-mật thời có phước đức lớn, nhiều thiện tri thức, được nhiều cúng dường.

Đệ tử lúc đầu vì Bát-nhã nên theo thầy, nhưng sau dần dần vì cúng dường, lợi dưỡng. Vì thế nên nói chớ vì lợi dưỡng thế gian đi theo thầy.

Hỏi: Vì cớ gì không chỉ nói thân cận thiện tri thức mà còn nói các nhân duyên ấy?

Đáp: Có người đã được thiện tri thức mà không được vừa ý, trở lại thành oán thù, nên bị đọa vào địa ngục, lại hủy báng nhau. Duy chỉ có Phật mới không có các lỗi lầm, còn những người khác, ai có thể không có lỗi lầm? Đệ tử thấy lỗi của thầy hoặc thật hoặc hư, tâm người đó tự bại hoại, không còn được lợi ích của pháp. Thế nên tiếng nói giữa hư không dạy rằng: Nếu thấy lỗi thầy chớ khởi tâm hiềm hận, mà nên nghĩ rằng phước đức đời trước của ta không đầy đủ nên không được gặp Phật. Nay gặp vị thầy thực hành hỗn tạp ấy, ta không nên nghĩ đến tội lỗi của người đó để rồi ngăn mất Bát-nhã của mình. Tội lỗi của thầy không dính gì ta, ta chỉ theo thầy thọ học Bát-nhã ba-la-mật. Thí như đây da chó đựng vật báu, không nên vì da mà bỏ vật báu; như người tội cảm được soi đường, không thể vì người tội mà không chịu ánh sáng ấy để tự rơi vào hầm hố. Lại, như đi xa có kẻ tiểu nhân dẫn đường, không thể vì người nhỏ nên không theo lời họ. Có các nhân duyên như vậy, nên không nên xa lìa thầy. Thầy nếu thật có tội còn không nên xa lìa, huống nữa trong đây do ma biến trá khiến người thuyết pháp đắm đắm dục thâm diệu khiến đệ tử không nhiệm trước pháp! Người thuyết pháp vì phương tiện nên thị hiện lãnh thọ cúng dường. Phương tiện là muốn làm nhân duyên cho chúng sinh gieo phước, cũng vì lấy đồng sự nhiếp mà nhiếp hóa chúng sinh. Lại có các Bồ-tát vì thông đạt thật tướng các pháp nên không bị chướng ngại, không có tội lỗi; tuy có tội lỗi cũng không trở ngại, như người tuổi trẻ sức mạnh, lửa nóng trong bụng, tuy không thích ăn uống mà không sinh bệnh. Lại như có thuốc tốt, tuy bị chất độc mà không thể làm hại. Có các nhân duyên như vậy nên chớ khởi tâm hiềm hận mà mất Bát-nhã của mình như trong kinh đây nói. Lại có người thuyết pháp trì giới thanh tịnh, xa lìa năm dục, hiểu nhiều biết nhiều, có tiếng tăm tốt, oai đức tôn trọng, đệ tử thọ pháp mà không đoái nghĩ đến lợi lộc của đệ tử; nơi đó ông chớ sinh oán hận, mà nên nghĩ rằng, vì tội ta đời trước nên nay làm tiểu nhân. Thầy không khinh ta, mà ta tự vô phước nên không được gần gũi. Lại, ta ở chỗ thầy nên phá tâm kiêu mạn, tâm vì lợi cầu pháp. Có các hạng thầy như vậy, Bồ-tát vì cầu Bát-nhã ba-la-mật nên chỉ nhất tâm cung kính, không nghĩ đến chỗ hay dở của thầy. Nếu nhân được như vậy, đối với thầy nhất tâm, không khởi tâm thêm bớt thời ông ở chỗ thầy được nhiều diệu pháp; như đồ vật hoàn hảo bền chắc, đựng gì cũng không lọt mất.

Tát-đà-ba-luân nghe tiếng nói giữa hư không xong, từ đó đi về phương đông như trong kinh này nói rộng.

(Hết cuốn 96 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 97

KINH: Bấy giờ Bồ-tát Tát-đà-ba-luân lãnh thọ lời dạy giữa hư không xong, từ đây đi về phương đông; đi không bao lâu lại nghĩ rằng: Tại sao ta không hỏi tiếng nói giữa hư không: Ta sẽ đi đến chỗ nào, sẽ đi xa hay gần, sẽ theo ai nghe Bát-nhã ba-la-mật? Khi ấy liền đứng lại, khóc lóc, ưu sầu, nghĩ rằng: Ta đứng nơi đây quá một ngày một đêm; hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày bảy đêm, không nghĩ đến mỗi một, cho đến không nghĩ đến đói khát, lạnh nóng; không có nhân duyên nghe, lãnh thọ Bát-nhã ba-la-mật thời không bao giờ cất bước. Thí như người có một đứa con chết đột ngột, ưu sầu, khổ sở, chỉ ôm lòng áo nảo, không nghĩ đến việc gì khác. Như vậy, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân lúc bấy giờ không có tâm khác, chỉ nghĩ đến ta lúc nào sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật? Tại sao ta không hỏi âm thanh giữa hư không: Ta nên đi đến chỗ nào? Sẽ đi xa hay gần? Sẽ theo ai nghe Bát-nhã ba-la-mật?

Này Tu-bồ-đề, khi Tát-đà-ba-luân ưu sầu nghĩ tưởng như vậy, giữa hư không có Phật nói với Tát-đà-ba-luân rằng: Lành thay, lành thay, thiện nam tử! Chư Phật quá khứ khi hành đạo Bồ-tát cầu Bát-nhã ba-la-mật cũng như người ngày nay. Con do sự siêng năng tinh tấn, ưa vui pháp, nên từ đây đi về phương đông, cách đây 500 do tuần, có thành gọi là Chúng Hương. Thành kia có bảy lớp bảy báu trang nghiêm. Đền đài, quán xá, lan can đều trang sức bằng bảy báu. Ao bảy báu, hàng cây bảy báu bao quanh bảy lớp. Thành ấy ngang dọc mười hai do tuần; giàu, vui, yên tịnh; nhân dân thịnh vượng. Năm trăm làng chợ, đường ngõ tương đương, đẹp đẽ như tranh vẽ, cầu đồ như đất, rộng rãi thanh tịnh. Trên bảy lớp thành đều có lầu đài bảy báu, cây báu thành hàng, cành lá bằng vàng ròng bạc trắng, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, lưu ly, pha lê, ngọc báu sắc hồng. Dây báu giăng hàng, lưới linh bằng vàng tròng lên trên thành, gió thổi tiếng linh âm thanh hòa nhã làm vui chúng sinh, giống như khéo làm năm thứ nhạc rất vui thích; lưới vàng, linh báu có âm thanh như vậy. Bốn phía thành kia có ao nước chảy trong sạch, lạnh ấm tùy theo sở thích; giữa ao có thuyền trang sức bằng bảy

báu do nghiệp đời trước gây dựng, chúng sinh cười trên thuyền báu ấy vui chơi thích thú. Trong ao nước có các hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng xen lộn, các hoa đẹp trải khắp trên mặt nước. Các hoa có được trong thế giới ba ngàn đại thiên đều ở trong đây. Bốn phía thành kia có năm trăm vườn quán có bảy báu trang nghiêm rất đáng ưa thích. Trong mỗi mỗi vườn đều có năm trăm ao, mỗi ao ngang dọc mười dặm, đều do bảy báu làm thành, trang nghiêm đủ màu sắc. Trong ao nước cũng có hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng trải khắp trên nước, các hoa sen ấy lớn như bánh xe; hoa màu xanh ánh sáng xanh, hoa màu vàng ánh sáng vàng, hoa màu đỏ ánh sáng đỏ, hoa màu trắng ánh sáng trắng. Chim cưu, nhạn, oang ương, các loài chim khác ở trong ao nước phát âm thanh hòa hợp. Các vườn quán ấy không thuộc của ai, mà là do nghiệp đời trước của chúng sinh làm nên. Do nhân duyên đem dài tin vui pháp thâm diệu mà hành Bát-nhã ba-la-mật nên thọ hưởng quả báu ấy. Nay thiện nam tử, trong thành Chúng Hương ấy có đài cao lớn, cung điện của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ở trên đó. Cung điện kia ngang dọc một do tuần, đều trang sức bằng bảy báu với nhiều màu sắc trang nghiêm rất đáng ưa vui. Tường vách bảy tầng đều bằng bảy báu, lan can bảy lớp, lầu gác bảy báu, ao báu bảy lớp cũng đều bằng bảy báu. Ao sâu bao quanh vườn, bảy báu trùng điệp. Hàng cây bảy lớp, cành lá bảy báu bảy lớp bao quanh. Trong cung điện kia có bốn loại vườn vui thích: Một là thường vui; hai là lia buồn; ba là tô điểm bằng hoa; bốn là tô điểm bằng hương. Trong mỗi mỗi vườn đều có các ao: một là hiền; hai là hiền hơn; ba là vui vẻ; bốn là vui vẻ hơn; năm là yên ổn; sáu là yên ổn hơn; bảy là xa lia; tám là không thoái chuyển. Bốn phía các ao, mỗi mặt đều có một thứ báu bằng vàng ròng, bạc trắng, lưu ly, pha lê, vãn quý làm đáy ao, bên trên rải cát vàng. Cạnh mỗi mỗi ao có thêm tám bậc, trang sức bằng các thứ báu vi diệu. Giữa các bậc thêm có hàng cây chuỗi màu vàng Diêm-phù-đề. Trong tất cả các ao, các thứ hoa sen xanh, vàng, đỏ trắng trải khắp trên mặt nước. Bốn phía các ao sinh cây hoa đẹp, gió thổi các hoa rơi vào ao nước. Ao kia thành tựu tám công đức, hương thơm như chiên đàn; màu sắc, mùi vị đầy đủ, nhẹ và mềm mại. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt với sáu vạn tám ngàn kỹ nữ, năm chục đầy đủ, cùng nhau vui thích và nam nữ trong thành đều vào trong các vườn thường vui, lia lo v.v... Trong các ao hiền, hiền hơn v.v... có năm chục đầy đủ, cùng nhau vui thích. Nay thiện nam tử, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt với các thế nữ giỡn chơi vui thích rồi, mỗi ngày ba buổi nói Bát-nhã ba-la-mật; trai gái lớn nhỏ trong thành Chúng Hương, nơi có nhiều người nhóm họp trải tòa pháp lớn, bốn chân tòa kia hoặc bằng vàng ròng, hoặc bằng bạc trắng, bằng lưu ly, pha lê; trải nệm the đủ các màu sắc, treo các dây幔, lấy lụa trắng trải lên trên đó, rải các thứ hoa thơm. Tòa cao năm dặm, giăng trướng ngọc trắng. Bốn phía đất kia rải hoa năm màu, đốt các hương thơm nổi tiếng, rưới hương bôi trên đất để

cung kính cúng dường Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ở trên tòa ấy nói Bát-nhã ba-la-mật. Những người kia cung kính cúng dường Đàm-vô-kiệt như vậy là vì muốn nghe Bát-nhã ba-la-mật. Trăm ngàn vạn chúng nơi đại hội ấy gồm chư thiên, người đời tập họp một chỗ, trong đó có người nghe, có người lãnh thọ, có người nắm giữ, có người đọc tụng, có người viết chép, có người nhớ nghĩ đúng, có người thực hành như kinh nói. Khi ấy, chúng sinh do nhân duyên đó đều không bị đọa vào ác đạo, không thoái chuyển đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay con, thiện nam tử, hãy đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ nghe Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đời đời là thiện tri thức của con, có thể dạy cho con Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chỉ bày, dạy bảo, làm lợi ích vui mừng. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt xưa kia khi câu Bát-nhã ba-la-mật cũng như con ngày nay vậy. Con đi chớ kể ngày đêm, chớ sinh tâm chướng ngại, không bao lâu con sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân tâm hoan hỷ, vui vẻ nghĩ rằng: Lúc nào ta sẽ được gặp thiện nam tử ấy, được nghe Bát-nhã ba-la-mật? Thí như có người bị trúng tên độc bèn không nghĩ gì khác, chỉ nghĩ lúc nào sẽ gặp được thầy thuốc giỏi, nhổ tên độc ra, trừ khổ cho ta. Như vậy, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân không có nghĩ gì khác, chỉ ước nguyện rằng: Khi nào ta sẽ được gặp Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để ta được nghe Bát-nhã ba-la-mật? Ta nghe Bát-nhã ba-la-mật ấy mà dứt các tâm sở hữu?

Khi ấy, Tát-đà-ba-luân từ chỗ đang ở, nghĩ đến Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, đối với hết thảy pháp được thấy biết không chướng ngại, liền được vô lượng môn tam-muội hiện ra trước mắt, đó là: Môn tam-muội Quán các pháp tính, môn tam-muội Các pháp tính không thể có được, môn tam-muội Phá vô minh đối với các pháp, môn tam-muội Các pháp không khác, môn tam-muội Các pháp không hư hoại tự tại, môn tam-muội Các pháp hay chiếu sáng, môn tam-muội Các pháp lia tối, môn tam-muội Các pháp không có tương tục khác, môn tam-muội Các pháp không thể có được, môn tam-muội Rải hoa các pháp vô ngã, môn tam-muội Uy thế như huyễn; môn tam-muội Như tượng trong gương, môn tam-muội Được biết ngôn ngữ hết thảy chúng sinh, môn tam-muội Hết thảy chúng sinh hoan hỷ, môn tam-muội Vào phân biệt âm thanh, môn tam-muội Được mỗi mỗi ngôn ngữ tự cú trang nghiêm, môn tam-muội Không sợ, môn tam-muội Tính thường im lặng, môn tam-muội Được giải thoát không ngại, môn tam-muội Lìa trần cấu, môn tam-muội Lìa danh tự ngữ cú trang nghiêm, môn tam-muội Thấy các pháp, môn tam-muội Các pháp không có ngại gì, môn tam-muội Như hư không, môn tam-muội Như kim cương, môn tam-muội Không sợ nhiễm đấm sắc, môn tam-muội

Được thắng, môn tam-muội Chuyển mắt, môn tam-muội Rốt ráo pháp tính, môn tam-muội Hay cho yên ổn, môn tam-muội Sư tử rống, môn tam-muội Hơn hết thấy chúng sinh, môn tam-muội Hoa trang nghiêm, môn tam-muội Dứt nghi, môn tam-muội Theo hết thấy kiên cố, môn tam-muội Xuất sinh các pháp được sức thần thông không sợ, môn tam-muội Có thể thông đạt các pháp, môn tam-muội Các pháp tài ẩn, môn tam-muội Các pháp không có phân biệt thấy, môn tam-muội Lìa các kiến chấp, môn tam-muội Lìa hết thấy tối tăm, môn tam-muội Lìa hết thấy tướng, môn tam-muội Giải thoát hết thấy nhiệm trước, môn tam-muội Trừ hết thấy giải đãi, môn tam-muội Được pháp sâu xa vi diệu sáng tỏ, môn tam-muội Không thể cướp đoạt, môn tam-muội Phá ma, môn tam-muội Không đắm trước ba cõi, môn tam-muội Khởi lên ánh sáng, môn tam-muội Thấy chư Phật v.v... Như vậy, Tát-đà-ba-luân ở trong các môn tam-muội ấy liền thấy mười phương vô lượng vô số chư Phật, vì các hàng Bồ-tát nói Bát-nhã ba-la-mật.

LUẬN. Hỏi: Tát-đà-ba-luân vì có gì quên không hỏi âm thanh giữa hư không?

Đáp: Tát-đà-ba-luân vì việc quá hoan hỷ che tâm nên quên. Như người quá ưu sầu, quá hoan hỷ, do hai việc ấy nên quên.

Hỏi: Âm thanh giữa hư không đã diệt, có gì ở đó bảy ngày mà không trở lại tìm chỗ để hỏi?

Đáp: Như xưa ở chỗ trống vắng, vì nhất tâm cầu Bát-nhã ba-la-mật nên giữa hư không có tiếng. Nay cũng muốn nhất tâm như xưa, mong trở lại nghe tiếng để dứt nghi ngờ.

* Lại nữa, Tát-đà-ba-luân đã bỏ cái vui thế gian, vào sâu Phật đạo, tâm ưa thích đến cùng tột, âm thanh giữa hư không tuyên bảo, mở bày cho chút ít, rốt cuộc chưa dứt được nghi thời âm thanh kia liền dứt. Như trẻ con được chút ít vị ngon, vì ưa đắm vị nên lại khóc lóc muốn được nữa. Tát-đà-ba-luân cũng như vậy, được nhân duyên mùi vị của Bát-nhã ba-la-mật mà không thể thông đạt nên chẳng biết đi đâu, thế nên trú lại mà khóc lóc.

Hỏi: Có gì cho đến bảy ngày thân Phật mới hiện?

Đáp: Thí như người quá khát mới biết nước ngon. Hoặc hai ngày, ba ngày tinh tấn, ham muốn chưa sâu, nếu quá bảy ngày sợ người kia ưu sầu chường ngại tâm, không còn chịu cầu đạo, nên bảy ngày ưu sầu, như thí dụ trong kinh đây nói.

Hỏi: Có gì Tát-đà-ba-luân ưu sầu đến thế, như có đứa con yêu quý chết?

Đáp: Bát-nhã ba-la-mật là đệ nhất thật giữa các pháp, là pháp bảo chơn thật của mười phương chư Phật. Tát-đà-ba-luân được chút ít ý vị, vì chưa đủ nên ưu sầu, như đứa con yêu quý chết, nghĩ rằng: Khi nó khôn lớn, có nhiều việc thành đạt thời trông mong nhờ vào sức nó. Bồ-tát cũng như vậy, nghĩ đến tăng ích sức Bát-nhã ba-la-mật, được không thoái chuyển rồi, thời thành tựu việc Phật. Như con đối với cha, hiếu hạnh suốt đời, không có tâm đổi khác. Bát-nhã ba-la-mật đối với Bồ-tát cũng như vậy, nếu có thể được vào cho đến thành Phật, trọn không xa lìa; như cha thấy con, tâm liền vui vẻ. Bồ-tát tuy được mỗi mỗi pháp cũng không hoan hỷ như thấy được Bát-nhã ba-la-mật. Như đứa con, giả có tên đó, Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, không, không nhất định thật có, chỉ có tên giả; như vậy là nhân duyên tướng chung.

Cha tuy yêu con, song không thể đem đầu, mắt cho nó; Bồ-tát vì Bát-nhã ba-la-mật nên trong vô lượng đời đem đầu, mắt, tủy, não thí cho chúng sinh. Con đối với cha hoặc có khi không thể báo ân, hoặc có thể báo ân, ngay cả có thể làm lợi nhỏ trong hiện tại như cung cấp cơm áo, hoan lạc v.v... còn Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật không điều gì không làm được, cho đến hết thầy trí tuệ, hưởng gì thế lực của Bồ-tát và sự giàu vui thế gian. Con báo ân cha thời ân cùng cực chỉ một đời, còn sự lợi ích của Bát-nhã đến vô lượng đời, cho đến khi thành Phật. Con đối với cha hoặc tốt hoặc xấu, còn Bát-nhã ba-la-mật không điều gì không tốt. Con chỉ là tên giả, hư dối không thật, còn Bát-nhã ba-la-mật là thánh pháp chơn thật, không có hư dối. Sự báo ân của con tuy đem lại cái vui nhỏ hiện tại, song có vô lượng cái ưu sầu khổ não, còn Bát-nhã ba-la-mật chỉ đưa đến cái vui chơn thật, hoan hỷ, cho đến cái vui thành Phật. Con chỉ có thể cung dưỡng lợi ích cho cha, không thể cứu cha khỏi sinh, già, bệnh, chết, còn Bát-nhã ba-la-mật khiến Bồ-tát rất ráo thanh tịnh, không còn già, bệnh, chết. Con chỉ có thể làm cho cha được tự tại trong cái vui thế gian, còn Bát-nhã ba-la-mật có thể làm cho Bồ-tát làm chủ hết thầy thế gian trời người. Có các nhân duyên và thí dụ sai khác như vậy. Người đời biết việc ưu sầu vì con chết, nên lấy đó làm ví dụ.

Hỏi: Phật hiện ra giữa hư không là Phật nào? Có sao trước chỉ có âm thanh, mà nay hiện thân? Phật đã hiện thân có sao không độ liền mà bảo đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt?

Đáp: Chẳng phải chơn Phật, chỉ là ảnh tượng hiện ra, hoặc Phật khiến hóa Phật, hoặc đại Bồ-tát hiện làm Phật. Vì phước đức thiện căn đời trước nên chỉ nghe âm thanh. Nay sau bảy ngày bảy đêm, nhất tâm niệm Phật, công đức thành tựu nên được thấy thân Phật. Phật sở dĩ không độ liền, vì người kia đời đời có nhân duyên với Đàm-vô-kiệt, nên sẽ từ nơi đó được độ. Có người nên theo Xá-lợi-phất được độ, giả sử Phật hiện thân cũng không thể làm cho giác ngộ.

Phật tán thán lành thay là, vì Tát-đà-ba-luân chí tâm cầu muốn biết chỗ đến và nhân duyên nghe Bát-nhã nên Phật hiện thân mà tán thán lành thay. Chư Phật quá khứ khi hành đạo Bồ-tát, cầu Bát-nhã cũng siêng khổ như vậy. Vì mới phát tâm mà tội cũ còn dày nặng nên phước đức chưa tập hợp. Phật an ủi tâm người kia rằng: Người cầu Bát-nhã ba-la-mật tuy siêng khổ cũng chớ giải đãi, chớ sinh tâm thoái mất. Hết thấy chúng sinh có được kết quả tu hành, thời trong khi tu nhân đều khổ. Lúc hưởng quả được vui, nên suy nghĩ rằng, vô lượng công đức quả báo của chư Phật đều do tự các ngài siêng năng gắng gổ. An ủi như vậy rồi, nói rằng: Con từ đây đi về phương đông, cách 500 do tuần có thành gọi là Chúng Hương, không bao lâu sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Thành Chúng Hương ở chỗ nào?

Đáp: Sau khi Phật quá khứ diệt độ, chỉ có để lại giáo pháp. Giáo pháp ấy không trải khắp Diêm-phù-đề, chỉ chỗ nào chúng sinh có nhân duyên nghe pháp thời đi đến. Bảy giờ cõi nước Chúng Hương giàu vui, sinh nhiều bảy báu nên lấy bảy báu làm thành. Khi ấy Tát-đà-ba-luân tuy cùng ở cõi Diêm-phù-đề mà sinh ở chỗ không có Phật pháp, không có bảy báu sinh ra, chỉ nghe truyền tên Phật, tên Bát-nhã ba-la-mật là Phật đạo. Người ấy đời trước chứa nhiều phước đức, phiền não nhẹ ít, nghe liền tin vui, nhàm ghét vui thú thế tục, xa lìa thân thuộc, đi đến ở giữa rừng vắng, muốn đi đến cõi nước có Phật pháp.

Âm thanh mở bày lời nói là, sợ người kia đi đến chỗ khác mà không đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, cho nên nói, tiếp sau Phật hiện thân chỉ rõ chỗ đi đến.

Hỏi: Nhân duyên về Tát-đà-ba-luân đã nghe đủ ở trên, nay nhân duyên về Đàm-vô-kiệt như thế nào?

Đáp: Uất-già-đà, Trung Hoa dịch là Thịnh; Đạt-ma, Trung Hoa dịch là Pháp. Bồ-tát ấy ở trong thành Chúng hương theo ý thuyết pháp cho chúng sinh, khiến chúng sinh gieo rộng căn lành nên gọi là Pháp thịnh. Nước ấy không có vua, trong đó nhân dân đều không có chấp tôi, ta; như người châu Uất-đơn-việt, duy chỉ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt là chủ. Nước đó khó đến được. Tát-đà-ba-luân nhờ không tiếc thân mạng, lại được chư Phật, Bồ-tát tiếp trợ nên đến được. Đại Bồ-tát vì độ chúng sinh nên sinh trong cõi nước như thế, chúng sinh không có thiếu thốn gì, tâm họ điều hòa nhu nhuyễn, dễ có thể được độ.

Hỏi: Bồ-tát Đàm-vô-kiệt là thân do cha mẹ sinh, hay vì độ chúng sinh nên dùng sức thần thông hóa làm thân ấy? Nếu là thân của phước báo thời cần gì dùng sáu vạn thể nữ, vườn quán, ao tắm, các thứ trang nghiêm để tự vui thích? Nếu là thân do cha mẹ sinh thời làm sao có thể khiến Tát-đà-ba-luân cúng dường đầy đủ, đều ở giữa hư không hóa thành đài lớn, vào các tam-muội, trải qua bảy năm?

Đáp: Có người nói, đó là thân do cha mẹ sinh. Vì Bồ-tát được thật tướng các pháp và sức thần thông thiên định nên muốn độ chúng sinh trong thành ấy; như các Bồ-tát lợi căn trong thành khác, có thể vào thiên định, cũng có thể vào cõi Dục. Vì nhiếp hóa chúng sinh nên thọ năm dục mà không mất thiên định; thí như người tránh nóng nên nằm ở trong bùn, khi đứng dậy trở lại rửa sạch như cũ; còn phàm phu căn độn nên không thể làm được như vậy. Vì vậy mà dùng sức thần thông hóa làm đài hoa, bảy năm vào định. Lại, vì sức phương tiện nên có thể thọ năm dục, ý nghĩa như trước nói. Bồ-tát không chỉ hành một đạo, mà vì chúng sinh nên hành đủ các đạo để dìu dắt. Như rồng nổi mây, sấm sét, giông tố, mưa trận mưa lớn. Bồ-tát cũng như vậy, tuy là thân do cha mẹ sinh chưa lìa phiền não, mà có thể tu hành pháp lành, vì chúng sinh nên không dứt hết kiết sử.

Có người nói: Bồ-tát này là thân do pháp tính sinh. Vì độ chúng sinh trong thành Chúng Hương nên biến hóa mà độ; nếu là thân do cha mẹ sinh thời làm sao được mười phương Phật khen ngợi và khiến Tát-đà-ba-luân đi theo thọ pháp, được sáu vạn tam-muội? Thế nên biết, đó là đại Bồ-tát hóa thân. Thí như tướng rồng chết xuất hiện trong biển lớn; như quả chín thời phải rơi, khi ấy chim Cánh vàng đi đến ăn. Chúng sinh cũng như vậy, khi nghiệp nhân duyên chín muồi thời đại Bồ-tát đến độ.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân nghe tiếng Phật dạy giữa hư không nên sinh tâm rất hoan hỷ, rất ham muốn: Khi nào ta sẽ được gặp Bồ-tát Đàm-vô-kiệt

nói Bát-nhã ba-la-mật để làm cho mũi tên phiền não ái kiến trong tâm ta ra khỏi? Vì muốn làm rõ việc ấy nên trong đây Phật nói ví dụ mũi tên độc: Như người bị mũi tên độc vào thân liền không có nghĩ gì khác, mà chỉ nghĩ đến đau khổ cấp bách; và mũi tên độc không lấy ra mau thì độc chạy khắp mình mà mất mạng. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cũng như vậy, bị mũi tên có tẩm chất độc tà nghi và mũi tên tham dục vào tâm, do đã thấy mọi người vì mũi tên độc tà kiến làm tổn thương tâm và sợ mũi tên độc tham dục chạy khắp mình, cướp mất mạng trí tuệ, phải chết như người phạm nên nghe nói Bồ-tát Đàm-vô-kiệt có thể lấy mũi tên ấy ra thì gấp rút muốn gặp Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, chứ không còn nghĩ gì khác.

Trong đây, nói dứt các tâm sở hữu. Tâm sở hữu là tâm thủ tướng chấp trước, cho đến đối với pháp lành cũng có bệnh ấy. Tát-đà-ba-luân mắt trông thấy thân Phật, trước đó chưa từng thấy, theo Phật nghe dạy, được cái vui pháp nên xa lìa cái vui năm dục, liền được thấy biết không ngại đối với hết thấy pháp.

Thấy biết không ngại là, như sức của Tát-đà-ba-luân được thấy biết không ngại, chẳng phải Phật không ngại. Khi ấy được vào các môn tam-muội.

Môn tam-muội Quán các pháp tính là, môn tam-muội có thể quán thật tính các pháp.

Môn tam-muội Thật tính các pháp không thể có được là, lúc đầu được tam-muội là không, không sinh, không diệt, nay được tam-muội này là được không nhiễm trước tính ấy, không cho rằng được tính ấy có tướng quyết định.

Môn tam-muội Phá vô minh đối với các pháp là, các pháp ở trong tâm người phạm phu, vì vô minh nên quanh co bất chính, cho là thường, lạc, ngã, tịnh. Được tam-muội này thời vô minh tương ưng với điên đảo, chấp thường, lạc, ngã, tịnh bị phá; chỉ quán hết thấy pháp vô thường, không, vô ngã.

Hỏi: Như Bồ-tát phá được vô minh đối với các pháp còn không cần thấy Phật, cần gì phải đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt?

Đáp: Phá vô minh không chỉ có một thứ mà có thứ ngăn chặn không cho phát khởi, cũng gọi là phá. Vì chứng được thật tướng các pháp nên phá vô minh.

Lại, vô minh có rất nhiều loại: Có phần Bồ-tát phá, có phần Phật phá, có phần Bồ-tát nhỏ phá, có phần Bồ-tát lớn phá, như trước nói ví dụ ngọn đèn.

Lại, Tu-đà-hoàn cũng gọi là phá vô minh, cho đến A-la-hán mới là thật phá. Trong pháp Đại thừa cũng như vậy, Bồ-tát mới phát tâm vì hiểu được thật tướng các pháp nên cũng gọi là phá vô minh, cho đến Phật thời vô minh phá hết không còn thừa. Thế nên Tát-đà-ba-luân có vô minh tà kiến và ngã kiến, đối với Phật pháp đều phá hết nên được gọi là tam-muội Phá vô minh, không lỗi.

Môn tam-muội Các pháp không sai khác là, được tam-muội ấy thời quán hết thấy pháp một tướng tức là vô tướng.

Môn tam-muội Các pháp không hư hoại tự tại là, được tam-muội ấy thời quán hết thấy pháp như, pháp tính, thật tế, vô vi nên gọi là không hư hoại. Được pháp ấy rồi được tự tại, biết rõ ràng các pháp; vì cầu Phật đạo nên không thủ chứng pháp ấy.

Môn tam-muội Các pháp có thể chiếu sáng là, do tướng chung, tướng riêng mà biết hết thấy pháp.

Môn tam-muội Các pháp lìa tối tăm là, vô minh có hai, một là dày, hai là mỏng. Mỏng gọi là vô minh; dày gọi là tối tăm. Phá vô minh dày nên gọi là lìa tối tăm; trước phá vô minh mỏng nên gọi là phá vô minh đối với các pháp.

Môn tam-muội Các pháp không có các tương tục là, năm uẩn mỗi niệm diệt, tương tự tương tục sinh, khi chết nối tiếp sinh mà không tương tự. Được tam-muội này biết các pháp niệm niệm tương tục, không sai khác.

Môn tam-muội Các pháp không thể có được là tam-muội tương ưng với hết thấy pháp không.

Môn tam-muội Rải hoa là được tam-muội này, đối trước mười phương Phật có thể dùng hoa bảy báu rải lên trên Phật.

Môn tam-muội Các pháp vô ngã là quán hết thấy pháp vô ngã.

Môn tam-muội Uy thế như huyễn là được tam-muội này có thể mỗi mỗi biến hóa thân, như vị thầy huyễn thuật lớn có thể dẫn dắt chúng sinh phát khởi tâm hiêm có, dùng sức huyễn xoay chuyển tâm người trong một nước.

Môn tam-muội Được như tượng trong gương là, được tam-muội này thời quán các pháp sở hữu trong ba cõi, như tượng trong gương, hư dối không thật.

Môn tam-muội Biết được ngôn ngữ của hết thầy chúng sinh là, được tam-muội này thời có thể biết ngôn ngữ của hết thầy chúng sinh.

Môn tam-muội Hết thầy chúng sinh hoan hỷ là, vào tam-muội này thời có thể chuyển tâm sân giận của chúng sinh thành tâm hoan hỷ.

Môn tam-muội Vào phân biệt âm thanh là, vào tam-muội này thời có thể phân biệt được hết thầy âm thanh lớn nhỏ, thô tế của trời, người.

Môn tam-muội Được mỗi mỗi câu chữ của ngôn ngữ câu chữ trang nghiêm là, được tam-muội này thời nghĩa lý tuy cạn mà có thể trang nghiêm tự cú ngôn ngữ, làm cho người khác hoan hỷ, hưởng nữa là nghĩa lý sâu xa.

Môn tam-muội Không sợ là, được tam-muội này thời không sợ tất cả ma dân, ngoại đạo, luận sư và các phiến não.

Môn tam-muội Tính thường im lặng là, vào tam-muội này thời thường im lặng nhiếp tâm, vì độ chúng sinh nên tùy theo điều họ muốn nghe mà phát ra âm thanh, như kỹ nhạc trời ưng ý mà phát ra.

Môn tam-muội Được giải thoát không ngăn ngại là, được tam-muội này thời đối với hết thầy pháp được trí tuệ không ngăn ngại.

Môn tam-muội Lìa trần cấu là, được tam-muội này thời các trần cấu kiết sử đều dứt. Đây tức là tam-muội Vô sinh pháp nhẫn.

Môn tam-muội Danh tự, ngữ ngôn trang nghiêm là, được tam-muội này thời có thể trang nghiêm mỗi mỗi câu kệ, ngôn ngữ mà thuyết pháp.

Môn tam-muội Thấy các pháp là, vào tam-muội này, do thấy thể đế và đệ nhất nghĩa nên biết rõ các pháp.

Môn tam-muội Các pháp vô ngại đảnh là, như người ở đỉnh núi xem khắp bốn phương. Bồ-tát trú ở tam-muội này thấy khắp hết thấy pháp không có chướng ngại.

Môn tam-muội Như hư không là, vào tam-muội này thấy pháp trong thân ngoài thân đều như hư không, được tự tại.

Môn tam-muội Như kim cương là, như kim cương có thể phá các núi. Tam-muội này cũng như vậy, có thể phá pháp làm chướng ngại sáu Ba-la-mật mà thẳng đến Phật đạo.

Môn tam-muội Không sợ nhiễm đấm sắc là, được tam-muội này cho đến sắc cõi trời còn không nhiễm đấm, hưởng nữa là sắc khác.

Môn tam-muội Được hơn là, muốn có làm gì đều có thể hơn chứ không thua.

Môn tam-muội Chuyên mắt là, được tam-muội này thời ma và ma dân muốn thấy chỗ khuyết điểm của Bồ-tát, trở lại thấy thành chỗ hay.

Môn tam-muội Rốt ráo pháp tính là, được tam-muội này thời thấy hết thấy pháp rốt ráo vào trong pháp tính.

Môn tam-muội Có thể cho yên ổn là, được tam-muội này thời tuy luân chuyển qua lại sáu đường mà tự biết mình chắc chắn sẽ làm Phật, yên vui không lo sợ.

Môn tam-muội Su tử rỗng là, vào tam-muội này có thể hàng phục đến thấy ma dân, ngoại đạo, không ai dám đương đầu.

Môn tam-muội Hơn hết thấy chúng sinh là, được tam-muội này quá hơn đối với hết thấy chúng sinh. Hết thấy có hai: Một là danh từ hết thấy, hai là thật hết thấy. Hơn đối với hàng phàm phu có tâm chấp trước ba cõi và hàng Thanh văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát mới phát tâm chưa được tam-muội ấy, nên gọi là hết thấy.

Môn tam-muội Hoa trang nghiêm là, được tam-muội này thời thấy mùi hương Phật ngồi trên hoa sen bảy báu ở giữa hư không mà mưa hoa sen bảy báu lên trên Phật.

Môn tam-muội Dứt nghi là, tuy chưa được làm Phật mà vẫn có thể dứt nghi cho hết thầy chúng sinh.

Môn tam-muội Theo hết thầy kiên cố là, thật tướng các pháp gọi là kiên cố. Được tam-muội này thời theo thật tướng các pháp chứ không theo pháp khác.

Môn tam-muội Vượt ra ngoài các pháp, được sức thần thông không sợ là, được tam-muội này thời vượt qua pháp phàm phu, được sáu thần thông, mười lực, bốn điều không sợ của Bồ-tát.

Môn tam-muội Có thể thông đạt các pháp là được tam-muội này cho đến đối với các pháp Như, pháp tính, thật tế, thông đạt mà không trú trước, cho đến pháp bình đẳng.

Môn tam-muội Các pháp tài ẩn là, tài là pháp thiện; ẩn là tướng. Như người được dây đeo ẩn không ai dám khinh dễ; Bồ-tát được ẩn pháp tài cũng không ai có thể làm chướng ngại.

Môn tam-muội Không có phân biệt thấy là, nếu phân biệt các pháp tức sinh tâm thương ghét; được tam-muội này thời thấy các pháp không khởi tâm phân biệt.

Môn tam-muội Lìa các chấp kiến là sáu mươi hai tà kiến và chấp thủ tướng đối với sắc pháp v.v... cho đến chấp Phật, chấp Pháp, chấp Tăng, chấp Niết-bàn đều gọi là chấp kiến, vì sao? Vì thủ tướng nên sinh ra tâm chấp trước.

Môn tam-muội Lìa hết thầy tướng là, tức tam-muội tương ưng với môn Vô tướng giải thoát.

Môn tam-muội Lìa hết thầy nhiễm trước là, lìa hết thầy tướng nên đối với hết thầy pháp cũng không chấp trước.

Môn tam-muội Trừ hết thầy giải đãi là, được tam-muội này như trong đây nói, cho đến bảy năm không ngồi, không nằm. Bồ-tát được tam-muội ấy thời thường không có tâm giải đãi cho đến khi thành Phật, không bao giờ ngưng nghỉ.

Môn tam-muội Được pháp sáng suốt, sâu xa là, pháp sáng suốt là Phật pháp và hết thấy trí tuệ. Bồ-tát được tam-muội này thời có thể thấy xa Phật pháp, suy nghĩ trừ lượng biết pháp ấy sâu xa, vì diệu không gì sánh bằng.

Môn tam-muội Không thể cướp đoạt là được tam-muội này thời hành đạo Bồ-tát không ai có thể cướp đoạt được ý nguyện ấy.

Môn tam-muội Phá ma là, được tam-muội này thời ma tuy là chủ cõi Dục, mà Bồ-tát dùng thân người vẫn có thể phá được ma.

Môn tam-muội Không nhiễm trước ba cõi là, được tam-muội này thời thân tuy ở trong ba cõi mà tâm thường ở Niết-bàn, nên không đắm trước.

Môn tam-muội sinh khởi ánh sáng là, được tam-muội này thời có thể phóng ra vô lượng ánh sáng chiếu khắp mười phương.

Môn tam-muội Thấy chư Phật là được tam-muội này thời tuy chưa được mắt trời, tai trời mà vẫn có thể thấy mười phương chư Phật, nghe mười phương chư Phật nói pháp, thưa hỏi chỗ nghi.

Tát-đà-ba-luân trú trong các tam-muội ấy liền thấy mười phương vô lượng vô số chư Phật ở giữa đại chúng, vì hàng Bồ-tát mà nói Bát-nhã ba-la-mật.

(Hết cuốn 97 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 98

KINH: Khi ấy mười phương chư Phật an ủi Tát-đà-ba-luân rằng: Lành thay, lành thay, thiện nam tử! Chúng ta xưa khi hành đạo Bồ-tát, cầu Bát-nhã Bát-nhã ba-la-mật, được các tam-muội ấy cũng như nay ông được. Chúng ta được các tam-muội ấy, khéo vào Bát-nhã ba-la-mật, thành tựu sức phương tiện, an trú địa vị không thoái chuyển. Chúng ta quán tính các tam-muội ấy không thấy có pháp ra tam-muội, vào tam-muội cũng không thấy người hành Phật đạo, cũng không thấy người được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay thiện nam tử, ấy gọi là Bát-nhã ba-la-mật; nghĩa là không nghĩ rằng có các pháp ấy.

Này thiện nam tử, chúng ta an trú nơi pháp vô niệm được thân kim sắc, hào quang một tướng, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình và trí tuệ không thể nghĩ nghĩ, được giới vô thượng, tam-muội vô thượng, trí tuệ vô thượng, hết thấy công đức đều đầy đủ. Vì công đức đều đầy đủ nên Phật còn không thể thủ tướng nói hết, huống nữa là hàng Thanh văn, Bích-chi Phật và những người khác. Vì thế, nên thiện nam tử, đối với Phật pháp nên cung kính ái niệm, sinh tâm thanh tịnh gấp bội; đối với thiện tri thức nên sinh tướng như Phật, vì sao? Vì nhờ thiện tri thức thủ hộ nên Bồ-tát mau được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân bạch mười phương Phật rằng: Thế nào là thiện tri thức của con, người con nên gần gũi cúng dường?

Mười phương Phật bảo với Tát-đà-ba-luân rằng: Này ông, thiện nam tử, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đời đời giáo hóa thành tựu cho ông Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt thủ hộ ông, dạy ông Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện; ấy là thiện tri thức của ông. Ông cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt hoặc một kiếp, hoặc hai, ba, cho đến quá trăm kiếp, đầu đội, cung kính, đem hết thấy nhạc cụ, sắc, tiếng, hương, vị, xúc thượng diệu của trong thế giới ba ngàn để cúng dường còn chưa thể báo ân trong giây lát, vì sao? Vì nhờ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nên làm cho ông được các tam-muội như vậy, được Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện.

Chư Phật giáo hóa an ủi Tát-đà-ba-luân như vậy, làm cho hoan hỷ xong bỗng nhiên không hiện.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân từ tam-muội dậy không còn thấy Phật, nghĩ rằng: Chư Phật từ đâu đến và đi đến đâu?. Vì không thấy Phật nên lại rầu rĩ không vui, suy nghĩ: Ai sẽ dứt nghi cho ta? Lại nghĩ rằng: Bồ-tát Đàm-vô-kiệt lâu xa lại đây thường hành Bát-nhã ba-la-mật. được sức phương tiện và được các định, được tự tại đối với pháp Bồ-tát, đã nhiều lần cúng dường chư Phật quá khứ, đời đời làm thầy ta, thường làm lợi ích cho ta, ta sẽ gặp Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và hỏi Phật từ đâu đến và đi đến đâu?

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân đối với Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sinh tâm cung kính, ưa thích, tôn trọng, nghĩ rằng: Ta sẽ đem gì cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt? Ta nay nghèo cùng; hoa hương, anh lạc, hương bột, hương xoa, y phục, phan lọng, vàng bạc chơn châu, lưu ly, pha lê, mã não, xan hô, hồ phách, không có các vật như vậy có thể đem cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và pháp sư thuyết pháp là Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Theo phép ta không nên đi

không đến chỗ Đàm-vô-kiệt. Nếu ta không có gì mà đi đến thì tâm không vui vẻ. Ta sẽ bán thân lấy của, vì Bát-nhã ba-la-mật mà cúng dường pháp sư Đàm-vô-kiệt, vì sao? Vì ta đời đời đã mất vô số thân, ở trong vô thí sinh tử hoặc chết hoặc bán, hoặc vì dục lạc nên phải đời đời ở trong địa ngục chịu vô lượng khổ não, chưa từng vì pháp thanh tịnh vì để cúng dường thuyết pháp sư nên bán thân.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân giữa đường đi vào một thành lớn, đi đến chợ cát tiếng to rằng: Ai muốn cần người, ai muốn mua người?

Lúc ấy ác ma nghĩ rằng: Tát-đà-ba-luân này do mền pháp mà muốn tự bán thân, vì Bát-nhã ba-la-mật nên cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt; sẽ được hỏi ngay Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện: Làm sao Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật mau được Vô thượng chánh đẳng chánh giác và sẽ được đa văn đầy đủ, như nước biển lớn, lúc đó không thể làm ngăn trở, phá hoại, được đầy đủ hết thảy công đức, làm lợi ích cho các Bồ-tát, vì Vô thượng chánh đẳng chánh giác nên vượt qua cảnh giới ma của ta, cũng dạy người khác ra khỏi cảnh giới ma của ta, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ta nay sẽ phá hoại việc ấy.

Bấy giờ ác ma làm che lấp tâm các Bà-la-môn, cư sĩ để không nghe tiếng rao tự bán mình ấy, trừ một người con gái của trưởng giả, ma không thể ngăn che được, vì nhân duyên đời trước của nó. Lúc ấy Tát-đà-ba-luân bán thân không ai mua nên ưu sầu khóc lóc, đứng ở một bên, khóc rằng: Ta tự bán thân là vì Bát-nhã ba-la-mật nên cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, mà vì ta tội lớn nên bán thân không có người mua.

Lúc ấy trời Đế-thích nghĩ rằng: Tát-đà-ba-luân mền pháp nên tự bán thân mình, vì Bát-nhã ba-la-mật nên muốn cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, ta sẽ thử xem để biết thiện nam tử ấy thực sự do tâm mền pháp nên xả bỏ thân chẳng? Bấy giờ trời Đế-thích hóa làm người Bà-la-môn đi gần bên Tát-đà-ba-luân hỏi rằng: Này anh, thiện nam tử, vì có gì mà khóc lóc, nhan sắc tiêu tụy, đứng ở một bên. Đáp rằng: Này Bà-la-môn, tôi kính yêu pháp nên tự bán thân, vì Bát-nhã ba-la-mật, nên muốn cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Nay tôi bán thân mà không có người mua, nên tôi tự nghĩ, do mình phước mỏng nên muốn bán thân để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà không có người mua.

Khi ấy Bà-la-môn nói với Tát-đà-ba-luân rằng: Này thiện nam tử, ta không cần người, ta muốn tế trời nên chỉ cần tim người, máu người, tùy

người, ông có thể bán cho ta chăng? Bấy giờ Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng: Ta được lợi lớn, ta được lợi lớn bậc nhất. Ta nay vì đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện, được bán tim, máu và tủy. Khi ấy tâm rất hoan hỷ, vui vẻ, không lo âu, đem tâm nhu hòa nói với Bà-la-môn rằng: Điều ông cần dùng tôi đều chấp thuận. Bà-la-môn nói: Ông cần giá bao nhiêu? Đáp: Tùy ý ông trả.

Tức thời Tát-đà-ba-luân tay phải cầm dao bén chặt cánh tay trái chảy máu, cắt thịt bấp vế phải, lại muốn phá xương lấy tủy. Khi ấy có một người con gái của vị trưởng giả ở trên gác cao trông thấy Tát-đà-ba-luân tự cắt thân thể, không tiếc mạng sống, nghĩ rằng: Thiện nam tử ấy vì nhân duyên gì mà làm khốn khổ thân mình như vậy, ta thử đến hỏi xem. Người con gái của vị trưởng giả liền xuống lầu, đi đến chỗ Tát-đà-ba-luân, hỏi rằng: Anh vì nhân duyên gì làm khốn khổ thân mình như vậy? Anh lấy tim, máu, tủy ấy để làm gì? Tát-đà-ba-luân đáp: Bán cho Bà-la-môn. Vì cầu Bát-nhã ba-la-mật nên cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

Người con gái của vị trưởng giả nói: Nay thiện nam tử, vì việc bán thân ấy mà muốn tự đem tim, máu, tủy của mình ra để cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, thời được công đức, lợi lạc gì? Tát-đà-ba-luân nói: Nay thiện nữ nhân, vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt khéo học Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện, sẽ nói cho tôi việc nên làm của Bồ-tát, việc hành đạo của Bồ-tát. Tôi học pháp ấy, học đạo ấy, khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác thời vì chúng sinh làm chỗ nương tựa, sẽ được thân kim sắc có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, hào quang một trượng sáng vô lượng, đại từ đại bi, đại hỷ đại xả, bốn điều không sợ, mười lực của Phật, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, sáu thần thông và giới thanh tịnh, thiên tịnh, trí tuệ không thể nghĩ nghĩ, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, được thấy biết không ngại đối với các pháp, đem pháp bảo vô thượng mà phân bố cho hết thầy chúng sinh. Có công đức lợi ích như vậy, tôi sẽ theo nơi Bồ-tát ấy mà được.

Khi ấy người con gái trưởng giả nghe Phật pháp thượng diệu thời tâm rất vui mừng, kinh hãi, dựng đứng lông tóc, tán thán Tát-đà-ba-luân rằng: Thưa thiện nam tử, thật hiếm có! Những điều ông nói vi diệu, khó gặp, vì mỗi mỗi pháp ấy nên xả bỏ thân mạng như số cát sông Hằng, vì sao? Vì như lời ông nói thật vi diệu. Thưa thiện nam tử, nay ông cần gì, tôi sẽ cho hết: Nào là vàng bạc, chơn châu, lưu ly, pha lê, san hô, hổ phách, các vật trân báu và hoa hương, anh lạc, hương xoa, hương đốt, phan lọng, y phục, kỹ nhạc, các đồ cúng dường để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Bồ-tát Đàm-

vô-kiệt. Thừa thiện nam tử, chớ tự làm khốn khổ thân mình nữa, tôi cũng muốn đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, cùng với ông gieo trồng căn lành vì được pháp vi diệu như vậy, như lời ông nói.

Bấy giờ trời Đế-thích liền biến trở lại thân cũ mà tán thán Tát-đà-ba-luân rằng: Lành thay, lành thay, thiện nam tử! Ông kiên trì chấp nhận việc ấy mà tâm không lay động. Chư Phật quá khứ khi hành đạo Bồ-tát cũng cầu Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện như vậy mà được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tôi thật không cần dùng tim người, máu tủy người, mà chỉ đến thử cho biết thôi. Ông ước nguyện điều gì tôi sẽ cho hết. Tát-đà-ba-luân đáp: Hãy cho tôi Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trời Đế-thích nói: Việc ấy chẳng phải sức tôi làm được, đó là cảnh giới của chư Phật, nếu cần cúng dường hãy yêu cầu việc khác. Tát-đà-ba-luân nói: Ông nếu đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác không có sức thời ông chắc thấy sự cúng dường của tôi, nên hãy làm cho thân tôi bình phục như cũ. Thân Tát-đà-ba-luân liền bình phục, không có thương tích, như cũ không khác. Trời Đế-thích giúp cho ước nguyện xong bỗng nhiên không hiện.

Bấy giờ người con gái của vị trưởng giả nói với Tát-đà-ba-luân rằng: Thừa thiện nam tử, hãy đến nhà tôi, có cần dùng gì, tôi xin cha mẹ tôi, đều cho hết. Tôi cũng sẽ từ giã cha mẹ tôi và cùng những người hầu hạ đi với ông, đến cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để cầu đạo. Tức thời Tát-đà-ba-luân cùng với người con gái của vị trưởng giả đi đến nhà cô ấy, đứng ở ngoài cửa. Người con gái của trưởng giả thưa với cha mẹ cho con các thứ hương hoa, anh lạc, hương xoa, hương đốt, phan lọng, y phục, vàng bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu, san hô, hổ phách, các đồ kỷ nhạc cúng dường, cũng cho phép chính con và năm trăm người hầu gái đã hầu hạ trước đây đi cùng Tát-đà-ba-luân đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ thuyết pháp cho chúng con, chúng con sẽ thực hành đúng như pháp, sẽ được đầy đủ các Phật pháp.

Cha mẹ của cô gái nói rằng: Bồ-tát Tát-đà-ba-luân là người nào?

Cô gái đáp: Người ấy đang ở ngoài cửa. Người ấy vì tâm sâu xa cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, muốn độ thoát chúng sinh khỏi khổ sinh tử. Người ấy vì pháp nên tự bán thân mình để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật là đạo của Bồ-tát tu học. Vì cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nên người ấy ở giữa chợ cát lớn tiếng rằng, ai cần người, ai muốn mua người. Người ấy muốn bán thân mà không có người mua nên đứng ở bên đường, ưu sầu khóc lóc. Bấy giờ

trời Đế-thích hóa làm Bà-la-môn đi đến muốn thử lòng, hỏi rằng: Này thiện nam tử, vì có gì mà ưu sầu khóc lóc, đứng ở bên đường vậy? Đáp: Này Bà-la-môn, tôi muốn bán thân để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, song vì tôi phước mỏng nên bán thân không có người mua. Bà-la-môn nói với thiện nam tử rằng, ta không cần người, ta muốn tế trời nên cần tìm người, máu người, tủy người, ông có thể bán chăng? Khi ấy thiện nam tử không còn ưu sầu, tâm rất nhu hòa, vui vẻ, nói với Bà-la-môn rằng: Điều ông cần thiết ta liền cho hết. Bà-la-môn nói: Ông cần giá bao nhiêu? Đáp: Tùy ý ông trả. Tức thời thiện nam tử ấy tay phải cầm dao bén chặt cánh tay trái ra máu, cắt thịt bắp về phải. Lại muốn phá xương lấy tủy, con ở trên gác xa thấy việc ấy, bấy giờ con liền nghĩ: Người ấy vì có gì mà làm khốn khổ thân mình như vậy, ta thử đến hỏi xem. Con liền xuống lầu đi đến hỏi: Này thiện nam tử, vì nhân duyên gì mà ông tự làm khốn khổ thân mình như vậy? Thiện nam tử ấy đáp lại con rằng: Này chị, tôi vì cầu pháp nên muốn cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và người thuyết pháp là Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Nhưng tôi nghèo cùng, không có của cải, không có vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, pha lê, chân châu, hoa hương, kỹ nhạc. Này chị, tôi vì muốn cúng dường pháp nên tự bán thân mình, nay đây gặp được người mua cần tìm người, máu người, tủy người, tôi cần được giá để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và người thuyết pháp là Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Con hỏi người con trai ấy: Nay ông tự bán tim, máu, tủy của mình để cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt thời được công đức gì? Thiện nam tử ấy đáp: Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ vì tôi nói Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện, đó là đạo Bồ-tát nên học, Bồ-tát nên làm, Bồ-tát nên thực hành. Tôi sẽ học đạo ấy được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, làm chỗ nương tựa cho chúng sinh. Tôi sẽ được thân kim sắc đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, hào quang một trượng, ánh sáng vô lượng, đại từ đại bi, đại hỷ đại xả, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười lực của Phật, mười tám pháp không chung, sáu thần thông, giới thanh tịnh, thiền định, trí tuệ không thể nghĩ nghĩ, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thấy biết hết thấy không ngại đối với các pháp, đem pháp báu vô thượng phân bố cho chúng sinh. Pháp lớn vi diệu như vậy tôi sẽ theo Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà có được. Con nghe công đức vi diệu không thể nghĩ nghĩ của chư Phật và nghe nguyện lớn của Tát-đà-ba-luân như vậy nên tâm con vui mừng, nghĩ rằng: Nguyện lớn vi diệu, thanh tịnh ấy thật hiếm có, cho đến vì mỗi mỗi pháp như vậy mà xả bỏ thân mạng như số cát sông Hằng. Thiện nam tử ấy vì pháp mà có thể chịu khổ hạnh, làm việc khó làm là không tiếc thân mạng. Con có nhiều châu báu, có gì không phát nguyện siêng cầu pháp như vậy mà cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Bồ-tát Đàm-vô-kiệt? Con suy nghĩ như vậy rồi, nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân rằng: Này ông, thiện nam tử, chớ làm khốn khổ thân

mình nữa! Tôi sẽ thừa với bố mẹ tôi cho ông nhiều vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, pha lê, chân châu, hoa hương, chuỗi anh lạc, hương xoa, hương bột, y phục, phan lọng cùng các đồ kỹ nhạc để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và người thuyết pháp là Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Tôi cũng xin bố mẹ thêm các người hầu cùng tôi đi đến cúng dường người thuyết pháp là Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, cùng tôi gieo trồng căn lành, vì để được pháp thanh tịnh ấy, như lời nói. Bố mẹ nay hãy cho con 500 người hầu trước đã cung cấp, hầu hạ con, cũng cho phép con đem các hương hoa, anh lạc, hương xoa, hương bột, hương xoa, y phục, phan lọng, kỹ nhạc, vàng bạc, lưu ly, đồ cúng dường cùng với Tát-đà-ba-luân đi đến cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và người thuyết pháp là Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, vì để được pháp Phật thanh tịnh vi diệu như vậy.

Bấy giờ cha mẹ bảo với con gái rằng: Điều con ca tụng thật là hiếm có, khó có ai sánh kịp, nói rằng: Thiện nam tử ấy siêng năng vì pháp, rất ưa vui pháp và các Phật pháp không thể nghĩ nghĩ, là tối thượng bậc nhất giữa hết thảy thế gian, là nhân duyên vui mừng cho hết thảy chúng sinh. Thiện nam tử ấy vì pháp nên trang nghiêm lớn. Cha mẹ cho phép con đi đến gặp Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để gần gũi cúng dường. Con phát tâm lớn vì Phật pháp nên tinh tấn như vậy, thời cha mẹ làm sao không tùy hỷ được?

Cô gái ấy vì cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nên được cha mẹ cho phép, trả lời cha mẹ rằng: Cha mẹ cũng tùy hỷ tâm nguyện ấy, chúng con trọn không làm mất nhân duyên pháp thiện của cha mẹ.

Khi ấy người con gái của vị trưởng giả trang hoàng năm trăm cỗ xe bảy báu, tự thân mình cùng các người hầu gái đem các vật báu cúng dường, các loại hoa sinh dưới nước, sinh trên đất và vàng bạc, hoa báu, áo báu đủ màu, hương thơm, hương giã, hương nước, anh lạc và các mùi vị ăn uống cùng với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và 500 người hầu gái, mỗi người cưỡi một xe vây quanh cung kính, dần dần đi về phương đông. Thấy thành Chúng Hương trang nghiêm bằng bảy báu, ao bảy báu bao quanh bảy lớp, hàng cây bảy báu đều cũng bảy lớp. Thành kia ngang dọc mười hai do tuần, giàu vui yên lặng thật là vui vẻ, nhân dân thịnh vượng. Năm trăm làng chợ, đường ngõ ngang nhau đoan nghiêm như bức họa; cầu đò như đất, rộng rãi trong sạch.

Từ xa trông thấy thành Chúng Hương, khi vào trong thành, thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ngồi trên tòa ở đài cao thuyết pháp, có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng cung kính vây quanh. Tát-đà-ba-luân khi thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, tâm rất vui mừng; thí như Tỳ-kheo khi vào thiền thứ ba, nhiếp tâm yên ổn.

Thấy rồi nghĩ rằng: Theo lẽ, chúng ta không nên cưỡi xe đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Nghĩ rồi, xuống xe đi bộ đến. Người con gái của vị trưởng giả và 500 người hầu cũng đều xuống xe. Tát-đà-ba-luân cùng với người con gái của vị trưởng giả và 500 người hầu gái đủ các báu đẹp để cung kính vây quanh, cùng đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Bấy giờ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt có đài bảy báu, có hương Chiên-đàn sinh ở núi Xích Ngu đầu để trang nghiêm, có lưới chân châu che trên đài, bốn góc đều treo ngọc báu Ma-ni để làm đèn sáng và có lò hương bốn báu, thường đốt hương thơm có tiếng để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật. Trong đài có giường lớn bảy báu, giường nhỏ bốn báu trải chõng trên đó; lấy lá vàng ròng chếp Bát-nhã ba-la-mật đặt trên giường nhỏ và các thứ phan lọng trang nghiêm che lên trên. Tát-đà-ba-luân và các cô gái thấy đài báu trang nghiêm và thấy trời Đê-thích cùng với trăm ngàn vạn chư thiên lấy hoa Mạn-đà-la trời, bột hương Chiên-đàn; mài châu báu thành từng hạt nhỏ để rải trên đài; đánh kỹ nhạc trời ở giữa hư không làm vui đài ấy.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân hỏi trời Đê-thích rằng: Thưa Kiều-thi-ca, vì nhân duyên gì mà ông cùng với vô lượng trăm ngàn vạn chư thiên, lấy hoa Mạn-đà-la trời, bột hương chiên đàn, mài châu báu thành từng hạt nhỏ để rải lên trên đài; đánh kỹ nhạc trời ở giữa hư không để làm vui đài ấy? Trời Đê-thích đáp: Này thiện nam tử, không biết ư? Đây là Bát-nhã ba-la-mật lớn, là mẹ của các Bồ-tát lớn, có thể sinh ra chư Phật và nắm giữ các Bồ-tát. Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật ấy thời thành tựu tất cả công đức, được trí Nhất thiết chủng của chư Phật.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân rất vui mừng, hoan hỷ hỏi trời Đê-thích rằng: Thưa Kiều-thi-ca, Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của các Bồ-tát, hay sinh ra chư Phật và nắm giữ Bồ-tát; Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật ấy thời thành tựu hết thấy công đức, được trí Nhất thiết chủng của Phật nay ở chỗ nào?

Trời Đê-thích đáp: Này thiện nam tử, trong đài ấy có giường lớn bảy báu, giường nhỏ bốn báu trải chõng trên ấy; dùng lá vàng ròng chếp Bát-nhã ba-la-mật để trên giường nhỏ. Do Bồ-tát Đàm-vô-kiệt lấy ấn bảy báu ấn vào nên chúng tôi không thể mở ra để chỉ bày cho ông.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân cùng với người con gái của vị trưởng giả và 500 người hầu gái lấy đồ cúng dường, hương hoa, chuỗi anh lạc, phan lọng chia làm hai phần: Một phần cúng dường Bát-nhã ba-la-mật, một phần cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ngồi trên pháp tòa.

Bảy giờ Tát-đà-ba-luân cùng với 500 người nữ đem hương hoa, chuỗi anh lạc, phan lọng, kỹ nhạc, các châu báu cúng dường Bát-nhã ba-la-mật xong, sau đó đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Đến rồi, trông thấy Đàm-vô-kiệt ngồi trên pháp tòa bèn đem hương hoa, anh lạc, hương giã, hương nước, vàng bạc, hoa báu, phan lọng, áo báu rải lên trên ấy, vì pháp nên cúng dường. Khi ấy hoa hương, áo báu ở giữa hư không phía trên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt biến thành đài hoa; bột hương chiên đàn, mảnh báu, vàng bạc, hoa báu biến thành trướng báu. Trên màn báu, các áo báu biến làm lọng báu, bốn phía lọng báu treo các phan báu. Tát-đà-ba-luân và các cô gái thấy sự biến hóa của Đàm-vô-kiệt thời rất vui mừng nghĩ rằng chưa từng có, không ngờ đại sư Đàm-vô-kiệt có thần lực và uy đức như vậy. Khi hành đạo Bồ-tát còn có sức thần thông như thế, huống gì khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Bây giờ người con gái của vị trưởng giả và 500 người hầu gái lòng tin trong sạch, cung kính Đàm-vô-kiệt mà đều phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nguyện rằng: Như Đàm-vô-kiệt được pháp Bồ-tát sâu xa, vi diệu, như Đàm-vô-kiệt cúng dường Bát-nhã ba-la-mật, như Đàm-vô-kiệt ở giữa đại chúng diễn nói, phô bày Bát-nhã ba-la-mật, như Đàm-vô-kiệt được Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện, thành tựu thần thông, được tự tại đối với việc của Bồ-tát, thời chúng con đây cũng sẽ như vậy.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân và 500 người hầu gái dùng hương hoa, vật báu cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Đàm-vô-kiệt xong, đầu mặt cúi lễ Đàm-vô-kiệt rồi chắp tay cung kính đứng một bên, thưa với Đàm-vô-kiệt rằng: Con vốn khi cầu Bát-nhã ba-la-mật, ở chỗ núi rừng trống vắng nghe giữa hư không có tiếng nói rằng: Nay thiện nam tử, ông nên đi về phương đông sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật. Con lãnh thọ lời ấy liền đi về phương đông. Đi chưa bao lâu, nghĩ rằng: Có sao con không hỏi tiếng nói giữa hư không rằng, con sẽ đi đến chỗ nào? Đi xa hay gần? Sẽ theo ai nghe? Khi ấy con thật ưu sầu mà khóc lóc, ở chỗ ấy bảy ngày bảy đêm ưu sầu cho đến không nghĩ đến ăn uống, chỉ nghĩ đến lúc nào con sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật. Con ưu sầu như vậy, một lòng nghĩ tới Bát-nhã ba-la-mật, thời bỗng thấy thân Phật hiện ra giữa hư không, nói với con rằng: Nay thiện nam tử, con có ước nguyện lớn, tâm tinh tấn lớn. Chớ buông bỏ ước nguyện lớn ấy, tâm tinh tấn lớn ấy, ông cứ đi về phương đông, cách 500 do tuần có thành tên là Chúng Hương, trong đó có vị Bồ-tát tên là Đàm-vô-kiệt, đến chỗ người ấy sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát ấy đời đời là thiện tri thức của ông, thường ủng hộ ông. Con theo Phật thọ giáo xong liền đi về phương đông, không nghĩ đến chuyện khác, chỉ nghĩ đến khi nào con sẽ thấy Bồ-tát Đàm-

vô-khuyết vì con thuyết Bát-nhã ba-la-mật. Bấy giờ đang ở giữa đường con được trí thấy không ngại đối với hết thấy pháp, quán các pháp tính, được các tam-muội hiện ra trước mắt. Trú trong các tam-muội ấy thấy mười phương vô lượng vô số chư Phật nói Bát-nhã ba-la-mật. Chư Phật khen con rằng: Lành thay, lành thay, thiện nam tử! Ta xưa khi cầu Bát-nhã ba-la-mật được các tam-muội cũng giống như ông ngày nay. Được tam-muội ấy rồi thời khắp được Phật pháp. Khi Phật vì con thuyết pháp, an ủi con rồi, bỗng nhiên không hiện. Con từ tam-muội dậy nghĩ rằng: Chư Phật từ đâu đến và đi đến đâu? Con vì không thấy chư Phật nên rất ưu sầu, lại nghĩ rằng: Bồ-tát Đàm-vô-khuyết cúng dường Phật trước, gieo trồng căn lành, hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, khéo biết sức phương tiện, đối với đạo Bồ-tát được tự tại, là thiện tri thức của ta, thủ hộ cho ta. Ta sẽ hỏi Đàm-vô-khuyết việc ấy: Chư Phật từ đâu đến và đi đến đâu? Con nay xin hỏi đại sư: Chư Phật từ đâu đến và đi đến đâu. Nguyên đại sư vì con nói rõ chư Phật từ đâu đến và đi đến đâu, khiến con được biết. Biết rồi con cũng thường không xa lìa thấy Phật.

LUẬN: Tát-đà-ba-luân khát ngưỡng muốn nghe Bát-nhã nên thấy mười phương chư Phật vì đại chúng thuyết pháp thời tâm rất hoan hỷ, được mãn ý nguyện. Chư Phật vì thấy sức tin của người đó bền chắc, tinh tấn, chịu khó nhọc nên an ủi tâm người đó, khen rằng: Lành thay! Ta xưa khi mới hành đạo Bồ-tát cầu Bát-nhã cũng như ông hôm nay, ông chớ ưu sầu mà tự cho mình phước mỏng.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân thật được sức các tam-muội, tâm ông ấy đắm sâu. Thế nên chư Phật dạy rằng: Hãy tìm thật tính các tam-muội thời không thấy thật thể, cũng không thấy người vào tam-muội và ra tam-muội, vì chúng sinh không, pháp không. Chư Phật lược nói cho tướng Bát-nhã ba-la-mật: Không nghĩ rằng có pháp ấy; nghĩa là hết thấy pháp không có tướng nên không thể nghĩ tướng hay chấp trước. Chúng ta ở trong pháp vô niệm ấy, có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật. Vì sáu Ba-la-mật đầy đủ nên được thân kim sắc như trong kinh này nói. Chư Phật giáo hóa, vì lợi ích vui mừng mà an ủi tâm Bồ-tát ấy.

Hỏi: Trên kia hóa Phật đã nói cho biết rằng “Đàm-vô-khuyết đời đời là thiện tri thức của ông”, cơ sao nay còn hỏi “ai là thiện tri thức của con”?

Đáp: Vì Phật dạy đối với thiện tri thức hãy ái niệm cung kính gấp bội. Lại vì muốn ở chỗ mười phương Phật mà nghe công đức của Đàm-vô-khuyết. Vì muốn làm cho lòng tin mình bền chắc nên không nghi mà vẫn hỏi. Mười phương Phật đáp như trong kinh đây nói. Tát-đà-ba-luân là người có nhân

duyên được Đàm-vô-kiệt hóa độ, nên được chư Phật giúp đỡ, chỉ bày; hoặc được các Bồ-tát giúp đỡ. Vì người đáng được Phật độ nên khiến đi đến chỗ Phật.

Hỏi: Trên kia nghe tiếng nói giữa hư không mà không hỏi, nên bảy ngày khóc than; nay không thấy mười phương Phật có sao không ưu sầu, mà lại cầu thấy Phật, chỉ muốn đến chỗ Đàm-vô-kiệt hỏi việc Phật đến, Phật đi?

Đáp: Tát-đà-ba-luân khi trước chỉ có mắt thịt, chưa được tam-muội, song vì tâm sâu xa tin đắm thiện pháp nên rất khóc than. Nay được các sức tam-muội, lại thấy mười phương chư Phật, các phiền não mỏng ít, tâm đắm trước đã xa lìa, nên một lòng nghĩ rằng: Lúc nào ta sẽ thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt?

Hỏi: Nếu Tát-đà-ba-luân được sức tam-muội, có gì không trở lại vào tam-muội để hỏi mười phương chư Phật từ đâu đến và đi đến đâu, mà lại muốn thấy Đàm-vô-kiệt để hỏi?

Đáp: Mười phương Phật cũng dùng mỗi mỗi nhân duyên khen ngợi Đàm-vô-kiệt là “đời đời làm thầy ông”. Thế nên muốn hỏi Đàm-vô-kiệt.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng, Đàm-vô-kiệt là nhân duyên đời trước của ta, thế nên sinh tâm cung kính tôn trọng. Do có công đức lớn nên tôn trọng, vì là nhân duyên đời trước nên cung kính, ái mộ.

Hỏi: Trước nói Tát-đà-ba-luân không quá đắm việc thế gian mà thật yêu Bát-nhã ba-la-mật nên ưu sầu, khóc than. Nay có gì tự chê mình nghèo cùng, không có gì để cúng dường? Chỉ đem tâm đi theo thầy, ấy cũng là pháp cúng dường, cần gì phải dùng hương hoa?

Đáp: Pháp cúng dường tuy cao thượng, song chúng sinh ở thế gian thấy từ xa đi đến cầu pháp mà hai tay không có gì, thời tâm không hoan hỷ. Vì theo pháp thế gian nên tìm vật cúng dường.

* Lại nữa, năm Ba-la-mật là trợ giúp Bát-nhã ba-la-mật. Trong pháp trợ giúp, bố thí là đứng đầu. Tát-đà-ba-luân suy nghĩ: Ta được ruộng phước tôn trọng là Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Hãy lấy pháp trợ đạo căn bản cúng dường; cũng muốn vì phát khởi tâm hoan hỷ của đại chúng rằng: Tát-đà-ba-luân là người trí, người lành; nghèo cùng mà còn có thể cúng dường, huống nữa là chúng ta!

Lại nữa, khi thực hành các pháp lành mà khi suy nghĩ ý vị của nó khác nhau. Tát-đà-ba-luân muốn thực hành ý vị bố thí nên tìm vật cúng dường.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân là Bồ-tát lớn, có thể thấy mười phương Phật, lại được các tam-muội sâu xa, có gì bị nghèo cùng?

Đáp: Có người nói: vị ấy bỏ nhà cầu Phật đạo, tuy sinh trong nhà giàu mà xóm làng cách xa, nên đi một mình mà không mang theo tài vật. Có người nói: Tuy là đại nhân nhưng vì tội nhỏ của đời trước nên sinh vào nhà nghèo cùng. Có người tuy là tiểu nhân nhưng do chút ít nhân duyên đời trước nên sinh vào nhà giàu; như Tô-đà-di, Mi-tha v.v... là người được chư thiên cúng dường mà sinh vào tiểu gia. Nghèo là hai: Một là nghèo của; hai là nghèo công đức của pháp. Nghèo công đức của pháp là cái nghèo rất lớn, đáng hổ thẹn. Nghèo của, người tốt cũng có; nghèo pháp, người tốt không có.

Không có hương hoa là không có hoa báu thượng diệu, lại vì ít nên nói không có. Ta nếu tay không mà đến, thầy tuy không cần vật cúng nhưng tâm ta không được vui, vì thế nên muốn bán thân.

Hỏi: Nếu bán thân mình cho người khác thì ai đem vật ấy đến cúng dường thầy?

Đáp: Xả bỏ thân tức là cúng dường lớn; dù có đi đến hay không đi đến không đáng kể. Có người nói: Người ấy bán thân lấy của, nhân nơi thân người để cúng dường: Ta vì cúng dường mà bán thân làm nô tì. Lại có người nói: Lúc bấy giờ nhằm đời tốt đẹp, mọi người đều biết pháp, tuy tự bán thân, mà người mua chắc chắn có thể nghe nói để cúng dường, mà trả lại.

* Lại nữa, người ấy phát tâm sâu xa, muốn thực hành bố thí để vì cúng dường pháp và pháp sư mà không có vật bên ngoài, chỉ có thân mình là vật bên trong nên bán vật bên trong. Đối với các vật trong, ngoài, vật trong là nặng, mến tiếc rất sâu, vì muốn không phá hạnh nguyện bố thí nên bán thân để cúng dường. Trong kinh đây nói nhân duyên không hối hận: Ta đời đời mất mạng nhiều vô số mà chưa từng vì pháp thanh tịnh. Nên nay vì cúng dường người thuyết pháp mà bỏ thân này thời được lợi ích Phật pháp rất lớn.

Tát-đà-ba-luân định tâm, dứt ý nghĩ tham tiếc thân, ở giữa đường đi vào một thành lớn muốn bán cho người mua tùy ý sử dụng. Nhất tâm muốn bán thân vì trừ hổ thẹn, phá kiêu mạn nên xưng to rằng: Ai cần người?

Hỏi: Ác ma có gì muốn phá hoại ý nghĩ của người ấy?

Đáp: Ma thường là oan gia của chư Phật và Bồ-tát, nên muốn đến phá.

* Lại nữa, các Bồ-tát nhỏ chưa được thật tướng các pháp nên ma và người ác có thể phá. Nếu được vô sinh pháp nhẫn, trú trong sức thần thông của Bồ-tát thời không ai phá nổi. Như trồng cây nhỏ thời trẻ con phá được, cây lớn thời không thể phá.

* Lại nữa, trong đây tự nói nhân duyên ma phá rằng: Tát-đà-ba-luân yêu kính pháp nên tự bán thân để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Bồ-tát thuyết pháp, sẽ được hỏi ngay Bát-nhã ba-la-mật, nói rộng như trong kinh này.

Hỏi: Nếu ma muốn phá Tát-đà-ba-luân thời nên trước tiên đi đến nghe giữa hư không có tiếng, và khi thấy mười phương Phật có gì không phá hoại, mà nay mới ngăn che các Bà-la-môn, cư sĩ khiến không nghe được tiếng rao bán?

Đáp: Tát-đà-ba-luân lúc trước tâm chưa định nên còn tiếc thân. Khi thấy mười phương Phật và được các tam-muội thời tâm kia mới định. Nay tướng định tâm hiện ra nên ma kinh sợ. Nếu Bồ-tát tâm chưa định thời chưa thể động đến ma; nếu Bồ-tát tâm đã định thời ma cũng không đến được. Tát-đà-ba-luân nay muốn định tâm, thoát ra khỏi cảnh giới của ma nên ma đi đến. Thí như người mắc nợ chưa muốn đi xa, chủ nợ không ngăn cản; khi muốn ra khỏi ranh giới thời chủ nợ không để cho đi.

Hỏi: Ma có sức lớn, vì có gì không giết Bồ-tát ấy, mà chỉ phá hoại?

Đáp: Ma vốn không ganh tị mạng sống của người ấy, chỉ ghét tâm làm Phật kia, thế nên muốn phá. Lại, pháp của các thiên thần đối với người không có tội nặng thời không thể giết càn, chỉ có thể phá loạn, khủng bố. Nếu thiên thần không có khuôn phép ấy thời người không có ai được sống; thế nên không giết.

Sinh vào dòng Bà-la-môn, vì thọ giới nên gọi là Bà-la-môn, ngoài ra gọi chung là cư sĩ.

Cư sĩ là chỉ cho ông chủ ở nhà, chẳng phải cư sĩ trong bốn giai cấp, ngoại trừ người con gái trưởng giả. Do người ấy vì Phật đạo mà đòi đòi chứa nhóm công đức nên ma không thể ngăn che. Lại có người nói: Tát-đà-ba-luân không đáng chết nên khiến một người con gái nghe tiếng rao bán. Có người nói: Nhờ thần lực của Đàm-vô-kiệt nên khiến người con gái của vị trưởng giả nghe tiếng rao bán. Rao bán như vậy ba lần, không có người mua nên rất ưu sầu.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân đã không tiếc thân, thời tuy không có ai mua cũng không nên ưu sầu?

Đáp: Đã phát tâm lớn mà không được mãn nguyện thế nên rất sầu.

Trời Đế-thích nghĩ rằng: Tát-đà-ba-luân muốn bán thân mà không có ai mua, nói rộng như trong kinh đây.

Hỏi: Trời Đế-thích có sức biết tâm người khác do quả báo được, nên biết tâm Tát-đà-ba-luân đã quyết định, có gì nay đi đến thử?

Đáp: Chư thiên chỉ biết tâm người thế gian, còn tâm làm Phật, không làm Phật thời không thể biết được; trừ Phật, không có ai biết được người ấy vì Phật đạo, nên thọ ký cho.

* Lại nữa, trời Đế-thích muốn được dẫn đường nhiều người cho nên đến thử, ai nghe thấy cũng đều phát tâm cầu làm Phật. Lại như các báu vàng, bạc không vì khinh hèn nó mà đốt nấu, mài dũa; Bồ-tát cũng như vậy, nếu có thể cắt thịt ra máu, phá xương lấy tủy mà tâm kia bất động; ấy là chính định của Bồ-tát. Thế nên Đế-thích đến thử.

Hỏi: Đế-thích là thiên vương lớn, có gì nói dối rằng: Ta muốn tế trời, cần dùng tim, máu, tủy người?

Đáp: Nếu vì phiền não, xan tham, sân giận, muốn cầu tự lợi mà nói dối như thế thời là tội. Song nếu trời Đế-thích đem thân thật, lời thật ra thử thời Bồ-tát không tin. Thế nên như phép của nước người ấy cần tế trời, vì người ấy tin thọ như vậy.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân rất hoan hỷ, nói rằng: Ta được lợi lớn.

Lợi lớn là được địa vị không thoái chuyển, còn lợi bậc nhất là Phật đạo. Lợi lớn là năm Ba-la-mật; lợi bậc nhất là Bát-nhã ba-la-mật. Lợi lớn là

Bát-nhã ba-la-mật; lợi bậc nhất là sức phương tiện của Bát-nhã ba-la-mật. Lợi lớn là sơ địa Bồ-tát; lợi bậc nhất là thập địa. Lợi lớn là từ sơ địa đến thập địa; lợi bậc nhất là địa thứ mười. Lợi lớn là Bồ-tát địa, lợi bậc nhất là Phật địa; phân biệt như vậy. Tuy chưa đầy đủ nhưng đã là nhân duyên đầy đủ, thế nên nói là đầy đủ.

Hỏi: Nếu trời Đế-thích hóa thân đi đến, có gì hỏi “ông cần giá bao nhiêu”?

Đáp: Vì biết người kia muốn cúng dường Đàm-vô-kiệt nên muốn làm mãn nguyện người đó. Lại, trời Đế-thích làm khốn khổ Tát-đà-ba-luân, sợ ông ấy đòi nhiều nên hỏi cần giá bao nhiêu.

Tùy ý ông trả cho tôi là, nói rằng: Theo ý ông nên trả cho tôi, chùng nào mà đối với ông không tham tiếc nhiều, không gây ra hối hận. Tát-đà-ba-luân không có thể lực nên không thể bảo hộ Chiên-đà-la mà tự mình cầm dao cắt lấy. Bà-la-môn vì cũng sợ tội nên không cắt lấy. Vì thế Tát-đà-ba-luân tự cầm dao cắt xẻ thân mình.

Hỏi: Nếu người con gái trưởng giả nghe tiếng, có sao không đi đến hỏi rằng: “Ông vì sao tự bán thân”?

Đáp: Việc bán thân mà chỉ nói suông thôi là việc nhẹ. Phá thân, lấy tim, tuy là việc nặng nên con gái của vị trưởng giả phát tâm. Người con gái của vị trưởng giả ở trên lầu từ xa trông thấy người ấy tự cắt xẻ mà nghĩ rằng: Hết thấy chúng sinh đều tìm vui sợ khổ, tham tiếc thân mình, còn Tát-đà-ba-luân lại tự cắt xẻ thân mình, thật là hiếm có. Lại do nhân duyên phước đức đời trước dẫn nên đi đến chỗ kia mà hỏi. Tát-đà-ba-luân đáp: Muốn cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Lại hỏi: Được lợi ích gì? Đáp: Được Bát-nhã ba-la-mật, là chỗ học của Bồ-tát. Nên từ nơi Tát-đà-ba-luân nghe được: Tôi học đạo ấy sẽ được làm Phật, làm chỗ nương dựa cho hết thấy chúng sinh. Thí như cây lá rậm dày thời che mát nhiều. Lại như khi nóng, giữa đồng trống, đường hiểm mà gặp được ao lớn trong mát; để làm cho phát tâm nên nói công đức hiện tại của Phật là thân kim sắc, 32 rương, hào quang một trượng, ánh sáng vô lượng.

Hào quang một trượng là, vì chúng sinh trong đời ác cội Diêm-phù-đề trông thấy, chứ ánh sáng thật của chư Phật không có hạn lượng.

Đại từ đại bi cho đến ý nghĩa sáu thần thông như trước đã nói.

Giới thanh tịnh, thiên định, trí tuệ không thể nghĩ nghĩ như đã nói trong phần giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn của Phật.

Được thấy biết hết thấy không ngại đối với các pháp là chư Phật có giải thoát không ngại, tri kiến tương ưng với giải thoát ấy, đối với hết thấy pháp không bị chướng ngại. Phân biệt tri và kiến như trước đã nói.

Tát-đà-ba-luân nói: Tôi được vô lượng công đức Phật như vậy, do đem pháp báu vô thượng phân bố cho hết thấy chúng sinh.

Pháp báu vô thượng là có người nói pháp báu trong ba ngôi báu.

Có người nói: Tám vạn bốn ngàn pháp tụ, ấy là pháp báu. Được pháp bảo ấy nên trừ các phiền não, dứt các hí luận, giải thoát các khổ.

Có người nói: Pháp báu vô thượng tức là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không có pháp nào vượt qua hơn nữa.

Có người nói: Niết-bàn là pháp báu vô thượng, vì sao? Vì hết thấy pháp hữu vi đều hữu thượng, như trong A-tỳ-đàm nói: Hết thấy pháp hữu vi và pháp hư không, chẳng phải số duyên tận, gọi là pháp hữu thượng, số duyên tận gọi là pháp vô thượng. Số duyên tận tức là tên khác của Niết-bàn. Có người nói: Đạo Niết-bàn tuy là hữu vi, song vì nó vì Niết-bàn nên trong pháp hữu vi, nó là vô thượng. Pháp báu trong như vậy phân bố làm ba thừa cho chúng sinh. Vô lượng Phật pháp như vậy phải theo thầy mới có được, nên ta phải xả bỏ cái thân hôi hám, bất tịnh, là trú xứ của già, bệnh, chết mà vì cúng dường Bát-nhã ba-la-mật, sẽ được thân Phật.

Người con gái của vị trưởng giả đời đời cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, trí tuệ sáng suốt, nghe Phật pháp nên tâm ấy vào sâu, được pháp hỷ lớn, cho đến tâm kinh sợ đến dựng lông, nói với Tát-đà-ba-luân rằng: Thật là hiếm có. Ông tán thán pháp rất vi diệu, vì mỗi mỗi pháp ấy nên xả bỏ thân như số cát sông Hằng, huống nữa là một thân! Người con gái của vị trưởng giả khi trước không biết nhân duyên gì mà người ấy tự làm khốn khổ thân, nên thương xót, cho rằng việc làm không đáng. Song nay nghe vô lượng vô biên Phật pháp thanh tịnh không gì sánh bằng, vì thế mà xứng đáng, nên rất hoan hỷ, nói: Vì pháp ấy nên xả bỏ thân như số cát sông Hằng. Cô gái lại nói: Ông vì nghèo mà tự làm khốn khổ thân, nay có thể ngưng lại. Ông cần dùng gì tôi sẽ cung cấp cho, tôi cũng theo ông mà cầu đạo.

Hỏi: Bồ-tát ấy đã tự cắt xẻ thân thể, làm sao có thể nói nhiều Phật pháp cho người con gái của vị trưởng giả?

Đáp: Tâm lực của bồ tát ấy rất lớn, tuy bị khổ nhọc mà không thể che lấp tâm. Bồ-tát ấy mới cầm dao cắt thịt chảy máu, sắp muốn phá xương lấy tủy, thì người con gái trưởng giả đi đến, chưa buồn bực lắm nên có thể thuyết pháp. Trời Đế-thích biết tâm người kia chắc chắn, thử xong mà không nói gì nữa, liền biến trở lại thân cũ, khen ngợi rằng: Lành thay! Tâm ông đã kiên quyết nhận chịu việc ấy. Ý trời Đế-thích muốn nói: Như thân xác thịt sinh tử của ông nay chưa được Phật đạo, mà có thể không tiếc thân như vậy, thời ông không bao lâu sẽ đối với hết thấy pháp không còn vướng mắc gì, trú trong vô sinh pháp nhẫn mà mau được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Dem chư Phật quá khứ ra làm chứng và các nhân duyên như vậy để an ủi tâm người ấy: Ta là vua trời, ưa vui Phật đạo cho nên đi đến thử để muốn biết tâm ông mềm cứng thế nào. Muốn làm cho ông tin nên nói rằng, ta cần tìm, tùy người để tế trời, chứ thật ra chẳng cần. Ông có ước mong gì ta sẽ cung cấp cho. Ông là người tốt, là giống Phật, ta sẽ ủng hộ ông.

Tát-đà-ba-luân tin ngay, nên tâm rất nhu nhuyễn, rất ham mê Phật đạo mà không phân biệt chúng sinh. Nghe lời Đế-thích nên liền nói rằng: Nguyện giúp cho tôi Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trời Đế-thích nói: Việc ấy sức tôi không thể làm được, đó là cảnh giới của Phật.

* Lại nữa, có người nói: Đế-thích thật làm khôn khéo Tát-đà-ba-luân nên nay dùng lời ấy để tạ tội. Ý trời Đế-thích cho rằng người ấy chỉ cần cầu vật báu, vàng bạc chứ không biết rằng đòi xin Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đã không cho được nên chỉ biết hổ thẹn mà thôi. Lại nói rằng: Hễ cùng nhau cúng dường thời nên ước nguyện đòi thứ khác. Ý Đế-thích nói: Tôi đã làm khổ ông nhiều nên tôi không được bỏ đi ngay, mà phải cúng dường ông. Tát-đà-ba-luân tuy không tiếc thân, song muốn đem thân này cúng dường Đàm-vô-kiệt để nghe Bát-nhã ba-la-mật nên nói rằng: Nếu ông không có sức cho tôi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời hãy làm cho thân thể tôi bình phục như cũ. Trời Đế-thích nói: Theo như lời ông. Vết thương liền bình phục như cũ không khác.

Hỏi: Trước đã cắt thịt thời làm sao làm cho bình phục đầy đủ?

Đáp: Phật nói có năm điều không thể nghĩ nghĩ, trong đó việc của rồng làm còn không thể nghĩ nghĩ, huống nữa là việc trời làm!

Lại, giữa hư không bụi bặm đầy khắp, trời Đê-thích nhờ phước đức nên dễ sinh tâm là có thể hòa hợp đầy đủ thành thân. Như thân trong chư thiên và địa ngục chẳng phải là thân sinh ra bằng bào thai, do nhân duyên của tội phước mà hòa hợp có thân.

Khi ấy trời Đê-thích biết tâm người kia kiên cố nên làm cho mãn nguyện rồi, liền biến mất.

Bấy giờ, Tát-đà-ba-luân tội nhỏ của đời trước đã sạch hết, phước đức sáng suốt đầy đủ. Thế nên người con gái của vị trưởng giả đem về nhà, có cần dùng gì đều xin cha mẹ cho, như trong kinh này nói rộng.

Hỏi: Cô gái ấy trước nói “ông cần vật gì hãy hỏi xin ở nơi tôi”, nay có gì lại nói “xin nơi cha mẹ tôi”?

Đáp: Vì nay cô gái đã dẫn về đến nhà. Và vì Tát-đà-ba-luân mắt đã nhìn vào nhà, mà bấy giờ từ cha mẹ xin được nên hổ thẹn không xứng với lời trước kia, cho nên cô tự nói trước rằng ‘theo cha mẹ xin cho’.

Lại, cô gái có thể có được của báu, song phép của người con gái là phải xin cha mẹ. Cô gái đã vào nhà như lời hứa trước, theo cha mẹ xin cho. Vì nước kia không có Phật pháp, nên cha mẹ mới hỏi con gái: Ai là Bồ-tát Tát-đà-ba-luân? Người con gái theo như điều đã nghe, đã thấy mà nói hết thấy việc của Tát-đà-ba-luân với cha mẹ: Nay cha mẹ hãy cho phép con cùng với Tát-đà-ba-luân và 500 người hầu gái đem đồ cúng dường đến cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Cha mẹ nghe lời kia liền theo như ý của con gái mình.

Hỏi: Vị trưởng giả giàu sang mà lại có thể lực, có sao trước đó không biết Tát-đà-ba-luân, để đến khi nghe nói công đức mới khiến con gái và quyến thuộc và cho vật báu đem đi đến cúng dường?

Đáp: Trưởng giả cũng gieo trồng cội phúc, song vì ít nhân duyên nên sinh vào nước không có Phật. Khi tạm nghe công đức Phật thời phát khởi tâm thức cũ mà liền khai ngộ, cho nên khiến đi. Thí như hoa sen sinh trưởng đầy đủ, gặp ánh mặt trời thời nở ra. Cha mẹ biết tâm con gái mình thuần thực, không có hạnh bất tịnh, giữ gìn tiết tháo không mất, không ưa cái vui thế gian, chỉ cầu lợi ích của Phật pháp và biết tâm kia chí thiết nên không thể ngăn chặn; nếu trái ý con, sợ sẽ tự hại. Suy nghĩ trừ lượng xong, hoàn toàn theo ý con mình mà tự được công đức, hoan hỷ khiến đi. Nhân duyên thế gian do vì đắm sâu nên khó mở. Lòng tham ái sâu xa còn không thể trái, huống nữa là con mình vì Phật đạo! Tâm nó thanh tịnh không có nhiễm

trước mà không chấp thuận cho sao? Người con gái thấy cha mẹ vì pháp nên cho phép, không tiếc vật báu, cũng do tâm tùy hỷ mà làm cho tùy hỷ.

Bảy giờ tâm mọi người đã định nên trang hoàng xe bảy báu cùng mọi người vây quanh, dần dần đi đến phương đông. Khi ấy năm trăm người con gái thân thuộc và mọi người trong thành thấy việc hiếm có khó sánh kịp nên cũng đều đi theo. Mọi người tập hợp, vui vẻ đi cùng, khác ngưỡng đến thành Chúng Hương. Như người khát nước nghĩ tới uống nước, dần dần tiến bước lên đường. Từ xa trông thấy thành Chúng Hương, cho đến cùng với người con gái của vị trưởng giả và 500 người con gái cung kính vây quanh đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

Hỏi: Đàm-vô-kiệt là vị Bồ-tát lớn, được các Đà-la-ni Văn trì v.v... được hiểu nghĩa Bát-nhã ba-la-mật, đã tự đọc tụng thông lợi, nhớ nghĩ, thọ trì, còn cần gì đài bảy báu mà chép kinh Bát-nhã để vào trong đó cúng dường?

Đáp: Tuy có các nhân duyên lược nói có hai nghĩa: Một là, tâm hành của chúng sinh không giống nhau, hoặc ưa xem quyền kinh, hoặc ưa nghe diễn thuyết; hai, thân Đàm-vô-kiệt là cư sĩ, hiện có gia đình, thân thuộc. Chúng sinh căn độn hoặc nghĩ rằng Đàm-vô-kiệt ở nhà chắc chắn có nhiệm đấm, làm sao có thể đem Bát-nhã rót ráo thanh tịnh vô cấu mà làm lợi ích chúng sinh? Tự mình còn chưa không nhiệm đấm thời làm sao có thể đem pháp không nhiệm đấm giáo hóa? Vì vậy mà chép văn kinh ấy để vào trên đài bảy báu mà cúng dường các báu. Hàng trời, rồng, quý, thần cũng đều đến cung kính, cúng dường hương hoa, phan lọng, mưa xuống bảy báu. Chúng sinh trông thấy thời tăng ích lòng tin mà đem pháp ấy chỉ bày, truyền dạy lời Phật, lấy án văn diễn giảng giáo lý, khuyến khích phát tâm. Đồ trang nghiêm tất cả đài báu và nhân duyên Tát-đà-ba-luân hỏi trời Đế-thích như trong kinh này đã nói.

Bảy ấn ấn là, ấn chơn thật của Đàm-vô-kiệt, thường tự tay cầm lấy ấn vào kinh. Có người nói: Bảy ấn là có bảy thần lớn cầu Phật đạo cầm loại kim cang, thường cung cấp cho Bồ-tát Đàm-vô-kiệt khiến thủ hộ kinh văn, không để ma và ma dân biến cải tạp loạn, vì quý kính Bát-nhã. Có người chỉ nghe diễn nói mà phát tâm. Có người thấy văn tự trang nghiêm mà hoan hỷ phát tâm nên trang nghiêm đài báu, dùng lá vàng chép và lấy bảy ấn ấn vào.

Hỏi: Trên đài viết chép Bát-nhã, Đàm-vô-kiệt miệng diễn thuyết Bát-nhã, tuy hai nơi đều có mà nơi viết chép không thể ích lợi người, có gì trước tiên đi đến đài báo?

Đáp: Bát-nhã được chép thuộc vào trong pháp bảo, vì sau Phật bảo thứ lớp có pháp bảo, nên trước tiên cúng dường. Đàm-vô-kiệt, một người không thuộc về Tăng bảo, nên trước tiên cúng dường Pháp bảo. Lại, Đàm-vô-kiệt nói ra tuy là pháp mà chúng sinh chấp thủ tướng người nói nên phần nhiều sinh tâm đấm trước. Nếu thấy sách Bát-nhã thời không sinh chấp thủ tướng người, tuy chấp thủ tướng khác mà tâm đấm trước ít hơn đấm trước tướng người; thế nên trước tiên cúng dường quyền kinh. Chư Phật còn cúng dường kinh pháp, huống nữa là Đàm-vô-kiệt và Tát-đà-ba-luân! Đàm-vô-kiệt nhân nơi Bát-nhã ba-la-mật nên được cúng dường. Kinh Bát-nhã là cái gốc của sở nhân, sao không cúng dường trước được? Thế nên chia đồ cúng dường làm hai phần.

Hỏi: Đàm-vô-kiệt có sáu vạn thể nữ, cung điện, năm dục, làm sao có thể có thần lực dùng hoa đã rải hóa làm đài hoa?

Đáp: Có người nói: Do thần lực chư Phật mà nhân nơi vật cúng dường của Tát-đà-ba-luân lấy làm biến hóa. Có người nói: Đàm-vô-kiệt là vị Bồ-tát lớn, thân do pháp tính sinh, song vì độ chúng sinh nên thọ năm dục.

Hỏi: Phép của Bồ-tát trước tiên đối với chúng sinh là khởi tâm bi, vì muốn độ chúng sinh hết khổ nên cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay chỉ thấy uy đức thần lực của Đàm-vô-kiệt làm sao phát tâm?

Đáp: Phát tâm có nhiều cách. Có người nghe thuyết pháp mà phát tâm. Có người đối với chúng sinh khởi từ bi mà phát tâm. Có người thấy sức thần thông oai đức lớn mà phát tâm, vậy sau dần dần sinh tâm bi lớn; như trong kinh Trì Ấn nói: “Nương ái mà dứt ái, nương kiêu mạn mà dứt kiêu mạn”. Như người nghe đạo pháp, vì ái trước pháp ấy nên bỏ năm dục mà xuất gia. Lại như nghe người kia được quả A-la-hán mà sinh tâm cao ngạo, rằng: Người kia đối với ta không hơn, mà còn có thể như vậy, ta sao không được như thế? Vì thế nên sinh tâm tinh tấn lớn, được đạo A-la-hán; đối với Phật đạo cũng như vậy. Người con gái của vị trưởng giả và 500 người hầu gái thường đấm chặt cái vui tự do của thế tục, nghe ngày xưa có người do thần lực biến hóa mà đầy đủ vật báu, hưởng thọ cái vui trời ở giữa loài người, sau thấy đài quán, cung điện của Đàm-vô-kiệt, ngồi trên pháp tòa lớn được trời người cúng dường. Lại thấy vật cúng dường ở giữa hư không

hoá thành đài lớn, tâm rất vui mừng, phát sinh ý tưởng khó gặp, biết việc ấy đều từ nhân duyên phước đức mà có được, nên phát tâm muốn làm Phật. Nghe người phát tâm tu hành đều thứ lớp như trong kinh Tỳ-ma-la-cật nói: “Các phiền não ái và mạn đều là căn bản Phật đạo”. Thế nên người con gái thấy việc ấy rồi sinh tâm ưa thích, biết do nhân duyên phước đức có thể được các việc ấy nên đều phát tâm. Nhân nơi ái và mạn mà sau được tâm tốt trong sạch nên nói ái và mạn là căn bản của Phật đạo; thí như hoa sen sinh trong bùn. Phát tâm rồi thì nguyện: Như Đàm-vô-kiệt làm được, chúng ta cũng sẽ làm được.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân đầu mặt đánh lễ Đàm-vô-kiệt. Vì cúng dường hoa hương không quý nên đem cúng dường trước tiên; còn thân quý trọng nên tiếp sau lễ bái. Lễ bái rồi nói lý do vốn cầu Bát-nhã, như trong kinh nay nói: Con xưa khi cầu Bát-nhã, nghe ở giữa hư không có tiếng nói cho đến con nay hỏi đại sư: chư Phật từ đâu đến và đi về đâu?

Hỏi: Tát-đà-ba-luân đã được các tam-muội lớn là tam-muội Phá vô minh, tam-muội Quán các pháp tính v.v... vì sao không biết Không mà còn chấp thủ tướng Phật, sinh tâm đắm trước?

Đáp: Bồ-tát mới phát tâm tuy có thể biết tướng chung của các pháp không, vô tướng, song vì đối với chư Phật ưa đắm sâu dày nên không thể hiểu được tướng Phật rốt ráo không. Tuy biết không mà không thể hợp với không, vì sao? Vì chư Phật có vô lượng vô biên công đức chơn thật. Bồ-tát ấy lợi căn nên vào sâu đắm sâu. Nếu Phật không vì Bồ-tát ấy thuyết giảng Không, thì Bồ-tát ấy vì ưa đắm Phật mà có thể tự hủy diệt thân tộc, huống nữa là người khác. Chỉ nhờ hiểu Không nên không có việc ấy. Tát-đà-ba-luân rất ưa đắm chư Phật nên không thể biết mà phải hỏi đại sư: Nay vì con nói chư Phật từ đâu đến và đi về đâu. Con thấy thân Phật không nhàm chán nên thường không lìa việc thấy Phật.

(Hết cuốn 98 theo bản Hán)

Cuốn 99

Phẩm 89 Giải Thích: Phẩm Đàm-Vô-Kiệt Thứ 89

KINH: Bảy giờ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói với Tát-đà-ba-luân rằng: Nay thiện nam tử, chư Phật không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, vì sao? Vì các pháp như như bất động; các pháp như tức là Phật. Nay thiện nam tử, pháp vô sinh không đến không đi; pháp vô sinh tức là Phật. Pháp vô diệt không đến không đi; pháp vô diệt tức là Phật. Pháp thật tế không đến không đi; pháp thật tế tức là Phật. Không, không đến không đi; không tức là Phật. Nay thiện nam tử, không nhiễm không đến, không đi; không nhiễm tức là Phật. Tịch diệt không đến, không đi; tịch diệt tức là Phật. Tính hư không không đến, không đi; tính hư không tức là Phật. Nay thiện nam tử, lia các pháp ấy lại không có Phật. Chư Phật như, các pháp như là một như, không có phân biệt. Nay thiện nam tử, như ấy thường một, không hai, không ba, ra ngoài pháp số, không có sở hữu. Thí như ánh trăng vào lúc cuối xuân và khi giữa ban ngày nóng bức, có người thấy ánh nắng lung linh. bèn chạy theo tìm, mong có được nước, ý ông nghĩ sao, nước ấy từ ao, từ núi hay từ suối đến? Nay nó đi về đâu? Hoặc vào biển đông, biển tây, biển nam hay biển bắc?

Tát-đà-ba-luân thưa: Thưa đại sư, giữa ánh nắng còn không có nước, làm sao có chỗ đến, chỗ đi?

Đàm-vô-kiệt nói với Tát-đà-ba-luân rằng: Nay thiện nam tử, người ngu vô trí vì nóng khát bức bách, thấy ánh nắng lung linh, không có nước mà tưởng là nước. Nay thiện nam tử, có người phân biệt chư Phật có đến có đi, nên biết người ấy đều là kẻ ngu, vì sao? Vì chư Phật không thể thấy bằng sắc thân; mà pháp của chư Phật không đến không đi. Chỗ chư Phật đến, chỗ chư Phật đi cũng như vậy; thí như vị thầy huyền thuật, huyền làm ra các đồ vật hoặc voi, hoặc ngựa, hoặc trâu dê, hoặc trai gái; các đồ vật như vậy, ý ông nghĩ sao? Việc huyền ấy từ chỗ nào đến và đến chỗ nào?

Tát-đà-ba-luân đáp: Thưa đại sư, việc huyền còn không thật, làm sao có chỗ đến, chỗ đi?

Nay thiện nam tử, người phân biệt Phật có đến có đi cũng như vậy. Thí như trong mộng thấy voi ngựa, trâu, dê, trai gái, ý ông nghĩ sao, các vật trông thấy trong mộng ấy có chỗ đến, chỗ đi chăng?

Tát-đà-ba-luân thưa: Thưa đại sư, các vật thấy trong mộng là hư dối, làm sao có đến có đi?

Này thiện nam tử, người phân biệt Phật có đến có đi cũng như vậy. Phật nói các pháp như mộng, nếu có chúng sinh không biết nghĩa của pháp ấy, dùng danh từ sắc thân mà đắm trước Phật, người ấy phân biệt chư Phật có đến có đi, vì không biết thật tướng các pháp nên đều là ở trong số kẻ ngu vô trí. Người ấy thường thường qua lại trong năm đường sinh tử, xa lìa Bát-nhã ba-la-mật, xa lìa Phật pháp. Này thiện nam tử, Phật nói các pháp như huyễn, như mộng. Nếu có chúng sinh biết như thật thời người ấy không phân biệt các pháp hoặc đến hoặc đi hoặc sinh hoặc diệt; nếu không phân biệt các pháp hoặc đến hoặc đi hoặc sinh hoặc diệt thời có thể biết thật tướng các pháp của Phật nói. Người ấy hành Bát-nhã ba-la-mật gần Vô thượng chánh đẳng chánh giác, gọi là chơn Phật tử, không hư dối, khi thọ dụng của tín thí, người ấy đáng hưởng thọ cúng dường, làm ruộng phước cho thế gian. Thí như các châu báu trong biển nước lớn, không từ phương đông đến, không từ phương nam, tây, bắc, bốn góc trên dưới đến, mà do căn lành của chúng sinh nên biển sinh các thứ châu báu ấy. Châu báu ấy cũng chẳng phải không có nhân duyên sinh, châu báu ấy đều từ nhân duyên hòa hợp sinh. Châu báu ấy nếu diệt cũng không đi đến mười phương; do duyên hợp nên có, duyên tan rã nên diệt. Này thiện nam tử, thân chư Phật cũng như vậy, từ nhân duyên bản nghiệp mà có quả báo sinh; sinh không từ mười phương đến, diệt cũng không đi đến mười phương; chỉ các duyên hợp nên có, các duyên li tán nên diệt. Thí như tiếng đàn Không hầu, khi đi ra không có chỗ đến, khi diệt không có chỗ đi, đủ nhân duyên hòa hợp thời có, như có bầu, có cổ, có da, có dây, có trụ, có nút vặn và có người lấy tay gảy. Đủ các duyên hòa hợp như vậy thời có tiếng. Tiếng ấy không từ bầu ra, không từ cổ ra, không từ da ra, không từ dây ra, không từ trụ ra, cũng không từ tay người ra, đủ các nhân duyên hòa hợp nên có tiếng. Khi nhân duyên xa lìa thời không có chỗ đi. Này thiện nam tử, thân chư Phật cũng như vậy, từ vô lượng công đức sinh ra, không từ một nhân, một duyên hay một công đức sinh; cũng chẳng phải không có nhân duyên mà có, đủ các duyên hòa hợp nên có. Thân chư Phật không chỉ từ một việc thành, đến không từ đâu đến, đi không đến đâu. Này thiện nam tử, nên như vậy biết tướng đi tướng đến của chư Phật, cũng nên biết hết thấy pháp không có tướng đến đi. Nếu người biết chư Phật và các pháp không đến không đi, không sinh không diệt thời chắc chắn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng có thể hành Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện.

Bấy giờ trời Đê-thích lấy hoa Mạn-đà-la trời cho Tát-đà-ba-luân, nói rằng: Nay thiện nam tử, dùng hoa này cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, ta sẽ thủ hộ cúng dường ngài, vì sức nhân duyên của ngài mà ngày nay làm lợi ích trăm ngàn vạn ức chúng sinh khiến được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay thiện nam tử, người lành như vậy rất là khó gặp, vì lợi ích chúng sinh nên trải qua vô lượng vô số kiếp chịu siêng khổ.

Tát-đà-ba-luân nhận hoa Mạn-đà-la của trời Đê-thích đem rải trên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, thưa rằng: Thưa đại sư, con từ nay thân này thuộc về đại sư, cung cấp cúng dường. Thưa như vậy rồi chấp tay đứng trước đại sư. Khi ấy người con gái của vị trưởng giả và 500 người hầu gái cũng thưa Tát-đà-ba-luân rằng: Thân chúng tôi từ nay cũng thuộc về đại sư. Nhờ nhân duyên thiện căn này mà chúng tôi sẽ được pháp như vậy, cũng như đại sư đã được. Cùng với đại sư đời đời cúng dường chư Phật, đời đời thường cúng Phật. Khi ấy Tát-đà-ba-luân nói với người con gái của vị trưởng giả và 500 người hầu gái rằng: Nếu các chị đem tâm thành kính thuộc về ta thì ta sẽ thọ nhận. Các người con gái nói: Chúng tôi đem tâm thành kính thuộc về thầy, theo thầy dạy bảo. Khi ấy Tát-đà-ba-luân và 500 cô gái đem theo vật báu trang nghiêm đồ cúng dường thượng diệu và 500 cỗ xe bảy báu dâng lên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và thưa rằng: Thưa đại sư, chúng con đem 500 người con gái này và 500 cỗ xe phụng cấp đại sư, tùy đại sư sử dụng.

Bấy giờ trời Đê-thích khen ngợi Tát-đà-ba-luân rằng: Lành thay, lành thay, thiện nam tử! Bồ-tát nên bỏ hết thảy của cải như vậy. Bồ thí như vậy, mau được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Cúng dường người thuyết pháp như vậy chắc chắn được nghe Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện. Chư Phật quá khứ khi xưa hành đạo Bồ-tát cũng Bồ thí như vậy mà được nghe Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bấy giờ, Đàm-vô-kiệt muốn khiến cho thiện căn Tát-đà-ba-luân đầy đủ, nên thọ nhận 500 cỗ xe, người con gái trưởng giả và 500 người hầu gái; thọ nhận rồi cho trở lại Tát-đà-ba-luân.

Khi ấy Đàm-vô-kiệt thuyết pháp đến hết ngày, rồi đứng dậy đi vào cung. Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng: Ta vì pháp mà đi đến, không nên ngồi nằm, nên dùng hai việc hoặc đi hoặc đứng để hầu hạ pháp sư. Từ trong cung đi ra thuyết pháp. Bấy giờ Đàm-vô-kiệt trong bảy năm nhất tâm vào vô lượng vô số tam-muội của Bồ-tát, hành Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện. Tát-đà-ba-luân bảy năm kinh hành, đứng mãi không nằm, không ngồi, không

ngủ nghỉ, không có dục, sân hận bức não, tâm không đắm vị, chỉ nghĩ tới Bồ-tát Đàm-vô-kiệt lúc nào sẽ từ tam-muội dậy, đi ra thuyết pháp. Tát-đà-ba-luân qua bảy năm nghĩ rằng: Ta sẽ vì Đàm-vô-kiệt mà trải pháp tòa. Đàm-vô-kiệt sẽ ngồi trên tòa thuyết pháp, ta sẽ quét dọn đất cho sạch sẽ, rải các thứ hoa để trang nghiêm chỗ ấy, vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ thuyết Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện.

Khi ấy, Tát-đà-ba-luân cùng với người con gái của vị trưởng giả và 500 người hầu gái vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà trải giường bảy báu. Năm trăm người con gái cởi áo trên để trải trên tòa, nghĩ rằng: Đàm-vô-kiệt sẽ ngồi trên tòa này nói Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện. Tát-đà-ba-luân trải tòa rồi tìm nước, chùi đất mà không được, vì có sao? Vì ác ma ngăn che làm cho nước không hiện. Ma nghĩ rằng: Tát-đà-ba-luân tìm nước không được thời đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác sẽ sinh tâm yếu luột, tâm đổi khác, thời căn lành không tăng trưởng, trí tuệ không soi sáng, đối với Nhất thiết trí bị chướng ngại.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng: Ta sẽ tự cắt thân mình lấy máu rửa đất, khiến đất không có bụi, làm nhớt đại sư, ta đâu dùng thân này, thân này chắc chắn sẽ hư hoại. Ta từ vô thủy sinh tử đến nay mà chưa từng vì pháp. Liền lấy dao bén tự cắt thân ra máu, rửa đất. Tát-đà-ba-luân và con gái trưởng giả cùng 500 hầu gái đều không có tâm đổi khác. Ác ma cũng không thể làm gì được. Khi ấy trời Đế-thích nghĩ rằng: Chưa từng có! Tát-đà-ba-luân mền mộ pháp đến như vậy, dùng dao tự rạch mình ra máu để rửa đất. Tát-đà-ba-luân và các người nữ tâm không chuyển động, ác ma Ba tuần không thể phá hoại căn lành của họ. Tâm kia kiên cố, phát thệ nguyện đại trang nghiêm không tiếc thân mạng, vì tâm sâu xa muốn cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, sẽ độ hết thấy chúng sinh thoát khỏi vô lượng khổ sinh tử. Trời Đế-thích khen ngợi Tát-đà-ba-luân: Lành thay, lành thay, thiện nam tử! Sức tinh tấn của Ngài rất lớn, kiên cố khó lay động, không thể nghĩ ngợi. Ông ái mộ pháp cầu pháp rất là vô thượng. Nay thiện nam tử, chư Phật quá khứ cũng như vậy, vì tâm ái mộ pháp sâu xa, tiếc pháp, quý trọng pháp mà chứa nhóm các công đức, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng: Ta nên vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà trải pháp tòa, rưới quét đất sạch sẽ xong sẽ đi đến chỗ nào tìm được hoa danh tiếng làm trang nghiêm chỗ đất này? Nếu Đàm-vô-kiệt khi ngồi trên pháp tòa thuyết pháp ta cũng sẽ trải hoa cúng dường. Trời Đế-thích biết tâm của Tát-đà-ba-luân nghĩ gì, liền lấy ba ngàn đầu hoa Mạn-đà-la trời đem cho Tát-đà-

ba-luân. Tát-đà-ba-luân nhận hoa xong, lấy một nửa rải trên đất, để lại một nửa chờ Đàm-vô-kiệt khi ngồi trên pháp tòa thuyết pháp sẽ cúng dường.

Bấy giờ Đàm-vô-kiệt qua bảy năm rồi từ các tam-muội dậy, vì chúng nói Bát-nhã ba-la-mật, có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng cung kính vây quanh, đi đến ngồi trên pháp tòa. Tát-đà-ba-luân khi thấy Đàm-vô-kiệt thời tâm rất vui vẻ; thí như Tỳ-kheo khi vào thiền thứ ba.

LUẬN: Tát-đà-ba-luân tuy biết các pháp không, không có tướng đến, đi mà chưa thể vào sâu, nên cũng không hiểu các pháp môn. Vì đối với thân Phật quá cung kính, thâm trọng nên không thể quán không; như sóng trên biển lớn, sức nó tuy lớn song đến bên núi Tu-di thời ngưng lại, không có tác dụng. Tát-đà-ba-luân cũng như vậy, tuy có tâm và trí lực lớn mà đến chỗ Phật thời cũng vô dụng. Thế nên Đàm-vô-kiệt vì Tát-đà-ba-luân nói cho biết chư Phật không từ đâu đến, đi không đến đâu. Trong kinh này Đàm-vô-kiệt tự nói nhân duyên: Các pháp như như bất động; các pháp như tức là Phật.

Hỏi: Thế nào là các pháp như?

Đáp: Thật tướng các pháp là tính không, không có sở đắc; các pháp môn không v.v...

Hỏi: Đại Bát-nhã là pháp bậc nhất ở trong sáu Ba-la-mật của Phật pháp Đại thừa, nếu không có Phật thời không có người nói Bát-nhã. Ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, mười lực, bốn điều không sợ, sắc pháp, vô sắc pháp và năm uẩn tịnh diệu hòa hợp nên gọi là Phật; như năm ngón tay hòa hợp gọi là bàn tay, không được nói không có bàn tay? Danh từ đã khác thời hình tướng cũng khác, sức dùng cũng khác, không được nói không có bàn tay; thế nên nói có Phật?

Đáp: Không phải vậy. Trong Phật pháp có hai đế là thế đế và đệ nhất nghĩa đế. Theo thế đế nên nói Phật thuyết Bát-nhã ba-la-mật; theo đệ nhất nghĩa đế nên nói Phật không; không đến không đi. Như ông nói: Do năm uẩn thanh tịnh hòa hợp nên gọi là Phật, vì hòa hợp nên có, ấy tức là không có; như trong kinh này Phật tự nói nhân duyên: Năm uẩn chẳng phải Phật, lia năm uẩn cũng không có Phật; năm uẩn không ở trong Phật, Phật không ở trong năm uẩn; Phật chẳng phải do năm uẩn có, vì sao? Vì năm uẩn là năm, Phật là một, một không thể làm năm, năm không thể làm một. Lại năm uẩn không có tự tính nên hư dối không thật. Phật tự nói: Đối với hết thảy pháp không cuống dối, Ta là bậc nhất. Thế nên năm uẩn chẳng tức là Phật. Lại nữa, nếu năm uẩn tức là Phật thời ai có năm uẩn, lẽ đáng đều là Phật?

Hỏi: Vì nghi nạn ấy nên tôi trước nói, năm uẩn thanh tịnh bậc nhất và 32 tướng gọi là Phật?

Đáp: Ba mươi hai tướng v.v... khi làm Bồ-tát cũng có, có gì không gọi là Phật?

Hỏi: Bấy giờ tuy có thân tướng tốt đẹp trang nghiêm, mà không có trí Nhất thiết chủng. Nếu có trí Nhất thiết chủng ở trong thân sắc tốt đẹp bậc nhất ấy tức gọi là Phật?

Đáp: Trí Nhất thiết chủng ở trong Bát-nhã nói là tướng tịch diệt, không có hí luận. Nếu được pháp ấy là không có sở đắc, vì không có sở đắc nên gọi là Phật. Phật tức là không. Có nhân duyên như vậy nên năm uẩn không được tức là Phật. Lìa năm uẩn cũng không có Phật, vì sao? Vì lìa năm uẩn lại không có pháp gì khác có thể nói được, như lìa năm ngón tay lại không có bàn tay có thể nói được.

Hỏi: Có gì không có bàn tay? Hình sắc cũng khác, sức dùng cũng khác, nếu chỉ là ngón tay thì không thể khác? Nhân năm ngón tay hòa hợp nên có bàn tay, bàn tay ấy tuy vô thường, sinh diệt, song không được nói là không có.

Đáp: Bàn tay ấy nếu nhất định có thì trừ năm ngón tay ra lý đáng có bàn tay có thể trông thấy được, mà không cần nhân nơi năm ngón tay? Có các nhân duyên như vậy, lìa năm ngón tay lại không có bàn tay; Phật cũng như vậy, lìa năm uẩn thì không có Phật. Phật không ở trong năm uẩn, năm uẩn không ở trong Phật, vì sao? Vì sự khác biệt không thể có được. Nếu năm uẩn khác với Phật thì lẽ đáng Phật ở trong năm uẩn, nhưng việc ấy không đúng. Phật cũng chẳng có năm uẩn, vì sao? Vì lìa năm uẩn không có Phật; lìa Phật cũng không có năm uẩn. Thí như Tỳ-kheo có ba y và bình bát, nên có thể nói được là có, nhưng Phật với năm uẩn không được riêng khác, thế nên không được nói Phật có năm uẩn. Nơi năm uẩn như vậy tìm Phật không thể có được, nên biết không có Phật. Phật không có nên không đến không đi.

Hỏi: Nếu không có Phật tức là tà kiến, làm sao Bồ-tát phát tâm cầu làm Phật?

Đáp: Trong đây nói không có Phật là để phá cái vọng tưởng chấp trước Phật, chứ không nói cái vọng tưởng chấp thủ không có Phật. Nếu có Phật còn không để cho chấp thủ, huống nữa là tà kiến chấp thủ không có Phật?

Lại, Phật thường tịch diệt, không có tướng hí luận, nếu người ta phân biệt, hí luận tướng thường tịch diệt thời người ấy rơi vào tà kiến. Lìa hai bên có và không ấy, ở vào trung đạo, tức là thật tướng các pháp, thật tướng các pháp tức là Phật, vì sao? Vì được thật tướng các pháp gọi là được thành Phật!

* Lại nữa, sắc pháp v.v... như tướng, tức là Phật; sắc pháp v.v... tính không là như tướng. Chư Phật như tướng cũng là tính không, thế nên không đến không đi, không sinh không diệt. Pháp tính, thật tế không, vô nhiễm, tịch diệt, hư không tính cũng như vậy, không đến không đi. Như, cho đến tính hư không như, Phật như, là một như, không hai, không ba sai khác, trong kinh này tự nói nhân duyên, vì có gì? Vì ra khỏi pháp số, không có sở hữu. Như v.v... là thật pháp, trong đó không có ức tướng phân biệt, vì chấp thủ tướng nên có danh tự, trong danh tự có số. Trong kinh đây tự nói nhân duyên: Không chẳng phải thật, vì không có sở hữu.

Hỏi: Nếu pháp ấy không có, thì làm sao có thể thấy, có thể nghe, có khổ, có vui, có trời, có mở, phân biệt sai khác?

Đáp: Trong đây Đàm-vô-kiệt dùng mỗi mỗi phân biệt thí dụ nói: Như ánh trăng cuối xuân và thấy ánh nắng, cho đến người ấy không phân biệt các pháp hoặc đến hoặc đi. Trong ánh nắng tuy không có nước thật sự mà cũng có thể dối gạt mắt người nên sinh ra khổ vui. Các pháp cũng như vậy, tuy không, không có sở hữu, cũng có thể làm cho người ta khổ vui, lo mừng; mộng huyền cũng như vậy.

* Lại nữa, Phật có hai thân: Một là sắc thân, hai là pháp thân. Pháp thân là chơn thật, sắc thân vì theo nghĩa thế đế nên nói có Phật. Tướng pháp thân, trên kia dùng mỗi mỗi nhân duyên nói là thật tướng các pháp. Thật tướng các pháp cũng không đến không đi, thế nên nói chư Phật không từ đâu đến và không đi đến đâu. Nếu người có được tướng pháp thân chư Phật ấy gọi là gần Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chưa được Nhất thiết trí nên gọi là gần, vì tương tự. Bát-nhã ba-la-mật gọi là thật tướng các pháp, nếu hành được như vậy ấy là chơn Phật tử hành Bát-nhã ba-la-mật.

Chơn Phật tử là, vì được thật tướng các pháp gọi là Phật, và vì được thật tướng các pháp sai khác nên có Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật, Bồ-tát lớn sai khác. Tu-đà-hoàn cho đến Bồ-tát lớn, ấy là chơn Phật tử.

Không lường dôi ăn của tín thí là, bố thí cho súc sinh, tuy được quả báo gấp trăm lần mà phước ấy có hạn lượng cùng tận, không thể độ chúng sinh

khởi sinh tử nên gọi là luống dối ăn của tín thí. Tu-đà-hoàn cho đến Phật, các bậc hiền thánh nhận sự bố thí của người, quả báo của phước ấy cho đến khi chứng Niết-bàn không có hạn lượng cùng tận, nên nói không luống dối ăn của tín thí. Người ấy đáng được lãnh thọ sự cúng dường của chúng sinh. Như Tu-đà-hoàn xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của người phàm phu; Tu-đà-hàm xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của người phàm phu cho đến Tu-đà-hoàn; A-na-hàm xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của người phàm phu và Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm; A-la-hán xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của người phàm phu, Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm và A-na-hàm; Bích-chi Phật xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của người phàm phu và Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán. Bồ-tát gần thành Phật xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của người phàm phu và Thanh văn, Bích-chi Phật.

Vì thế gian làm ruộng phước là, như gieo giống vào ruộng tốt, thu hoạch chắc chắn nhiều. Ruộng phước của người trì giới, thiên định, trí tuệ, chúng sinh gieo giống phước vào được quả vô lượng.

Ở trên nói, chư Phật không đến, không đi. Tát-đà-ba-luân và các thánh giả ý cho rằng, chư Phật còn không có, các pháp lẽ đáng cũng đều diệt, thời rơi vào đoạn diệt! Thế nên nay nói nhân duyên thí dụ. Đàm-vô-kiệt mở bày cho Tát-đà-ba-luân rằng: Như chỗ ông chấp trước, ý cho rằng cái thật có là không có, vì độ chúng sinh nên từ nhân duyên hòa hợp có hình tượng hiện ra. Muốn chứng minh để làm rõ việc ấy nên nói thí dụ: Như châu báu sinh ra trong biển, nó không từ mười phương đến, khi diệt không đi đến đâu, cũng chẳng phải không có nhân duyên mà sinh. Chánh do nhân duyên phước đức của chúng sinh trong bốn châu thiên hạ nên trong biển lớn sinh châu báu ấy. Nếu khi kiếp tận thời nó không có chỗ đi; thí như đèn tắt lửa không đi đến đâu. Thân Phật cũng như vậy, từ khi mới phát tâm gieo trồng căn lành, đều là nhân duyên của tướng tốt thân Phật. Thân Phật cũng chẳng tự tại, vì đều thuộc nhân duyên nghiệp quả báo sinh. Nhân duyên ấy tuy trú lâu song tính nó là pháp hữu vi nên chắc chắn trở về với vô thường tan hoại, thời không có thân; thí như người giỏi bắn mà ngược mặt bắn lên hư không, mũi tên đi xa mà chắc chắn sẽ rơi xuống đất. Thân Phật cũng như vậy, tuy tướng tốt chói sáng mà do phước đức thành tựu, danh xưng vô lượng nên độ người vô lượng, cũng quy về tiêu diệt.

Hỏi: Nếu do nhân duyên phước đức của chúng sinh nên trong biển lớn sinh ra châu báu, có gì không sinh ra gần chỗ chúng sinh mà lại sinh ra ở giữa biển lớn, là nơi khó kiếm được?

Đáp: Trong biển cũng có chúng sinh, như rồng và A-tu-la v.v... sử dụng châu báu ấy.

* Lại nữa, nếu châu báu sinh trong đời xấu ác của loài người thời kẻ tham lam che giấu, không cho người có được. Nếu ở vào đời tốt đẹp, châu báu tự sinh trong cõi người, không có ai tham tiếc, như thời kỳ đức Phật Di-lặc, châu báu xem như gói gạch. Vì người giải đãi, lười biếng tiếc thân, cố mong tìm vui, nên châu báu ở trong biển không thể tìm được. Nếu người có tâm lớn, không tiếc thân mạng, siêng năng tìm kiếm thời dễ được. Nước trong biển lớn ví dụ cho cõi nước trong mười phương sáu nẻo, các châu báu tức là chư Phật. Như châu báu vì chúng sinh nên phát sinh, nhưng người giải đãi, biếng nhác thời không thể có được. Chư Phật cũng như vậy, tuy vì chúng sinh mà ra đời, song những người vì giải đãi, tiểu tâm, tiếc thân, chấp đắm ngã nên cũng không được độ, vì sao? Vì các pháp đều do nhân duyên hòa hợp sinh.

Chúng sinh có hai nhân duyên được độ: Một là bên trong có chánh kiến; hai là bên ngoài gặp được người khéo thuyết pháp. Chư Phật tuy khéo thuyết pháp mà chúng sinh bên trong chánh kiến không đầy đủ nên Phật không thể độ hết. Như châu báu tuy vì chúng sinh mà xuất hiện, song vẫn có chúng sinh nghèo cùng; chư Phật cũng như vậy, tuy vì chúng sinh xuất hiện, song chúng sinh bên trong chánh kiến ít nên cũng không được độ. Lại ví dụ như đàn Không hầu, có thùng, có cổ, có da, có dây, có trục, có người lấy tay gảy, đủ các duyên như vậy hòa hợp thời có tiếng. Tiếng ấy cũng không ở trong các duyên, mà lia các duyên cũng không có tiếng. Do nhân duyên hòa hợp nên có tiếng có thể nghe. Thân Phật cũng như vậy, do các nhân duyên sáu Ba-la-mật và sức phương tiện hòa hợp nên có. Thân Phật không ở trong sáu Ba-la-mật và sức phương tiện, cũng không lia sáu Ba-la-mật và sức phương tiện. Như tiếng không do một nhân duyên, cũng chẳng phải không có nhân duyên. Thân Phật cũng như vậy, không từ không có nhân duyên, cũng không từ chút ít nhân duyên, mà phải đầy đủ các nhân duyên pháp lành nên sinh thân Phật. Như tượng trong gương đủ nhân duyên hòa hợp nên có, nhân duyên ly tán nên không; thân Phật cũng như vậy, có đủ nhân duyên nên xuất hiện, nhân duyên ly tán nên diệt. Này thiện nam tử, nên như vậy quán tưởng đi, đến của chư Phật. Hết thấy pháp tướng cũng nên biết như vậy. Đàm-vô-khiết nói với Tát-đà-ba-luân rằng: Ông có thể biết tướng các pháp không đến không đi thời chắc chắn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không thoái chuyển, cũng có thể hành Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện, vì sao? Vì hết thấy pháp không có chương ngại.

Hỏi: Trời Đế-thích vì sao hóa làm hoa Mạn-đà-la đem cho Tát-đà-ba-luân?

Đáp: Trời Đế-thích vì ưa vui Phật đạo nên thường cung kính các Bồ-tát.

* Lại nữa, trời Đế-thích muốn nhiếp thủ chúng sinh vào trong Phật đạo nên hiện thân vua trời đem hoa cho Tát-đà-ba-luân. Tát-đà-ba-luân nhất tâm cầu Phật đạo nên chư thiên đến cúng dường, chúng sinh trông thấy đều cũng phát tâm. Trời Đế-thích vì dẫn đường cho chúng sinh nên cúng dường Tát-đà-ba-luân. Có người nói: Trời Đế-thích rất ái kính Tát-đà-ba-luân, mà cách cao nhất là đi đến thử, thử rồi làm cho thân thể người ấy trở lại bình phục, nay lại lấy hoa đem cho. Sức của trời Đế-thích có thể cho hoa mọi người, vì chúng sinh không có phước thời người đáng cho hoa cũng liền biến hoại. Tát-đà-ba-luân đã thành tựu phước đức nên được hoa chắc chắn không biến mất; vì thế nên đem cho. Nếu các Bồ-tát khi cúng dường thầy không cúng hết thời nên thủ hộ người cúng dường.

Trước đã nói nhân duyên rằng cắt thịt ra máu là cốt thử vì làm thân thích lâu ngày nên thủ hộ.

* Lại nữa, trời Đế-thích, như ở trong kinh này tự nói nhân duyên: Vì sức nhân duyên của ông nên làm lợi ích cho trăm ngàn vạn ức chúng sinh. Tát-đà-ba-luân nhận lấy hoa, theo ý nguyện mà cúng dường Đàm-vô-kiệt. Tát-đà-ba-luân lúc đầu nghe danh thầy, sau mắt thấy, tai nghe pháp thời dứt hết nghi, nên đem thân cúng dường. Người con gái của vị trưởng giả cũng bắt chước Tát-đà-ba-luân, đem thân thí cho Tát-đà-ba-luân.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân đem thân cúng dường Đàm-vô-kiệt vì ruộng phước Đàm-vô-kiệt lớn, có gì người con gái không đem thân cúng dường Đàm-vô-kiệt mà lại đem cho Tát-đà-ba-luân?

Đáp: Trí người con gái ngăn ngại mà tâm ái trước nhiều, nên không đem cúng dường bốn sư mà đem cho người khác. Lại, vì thân người nữ tội uế, tâm tuy trong sạch mà bên ngoài có chỗ chê bai.

Hỏi: Người con gái trưởng giả lúc đầu rời bỏ cha mẹ rồi làm quyến thuộc của Tát-đà-ba-luân, nay có gì lại đem thân bố thí?

Đáp: Lúc đầu rời bỏ cha mẹ cùng Tát-đà-ba-luân đi đến chỗ Đàm-vô-kiệt, vì pháp nên cúng dường, cũng không tự đem thân mình bố thí. Cha mẹ

cũng không đem bố thí cho Tát-đà-ba-luân. Nay thấy Tát-đà-ba-luân hỏi lý nghĩa sâu sa, Đàm-vô-kiệt giải nói, trời Đế-thích hoan hỉ cúng dường, thế nên người con gái của vị trưởng giả pháp tâm hoan hỉ, đem thân cúng dường vì tâm tự tại. Lại, hết thấy thân người nữ không có chỗ hệ thuộc thời mang tiếng xấu. Thân thể người nữ khi nhỏ thời theo cha mẹ, khi trẻ thời theo chồng, khi già thời theo con. Người con gái của vị trưởng giả ấy tuy cùng một đường đi đến mà không được phép lâu ngày không có sở thuộc, thế nên tự đem mình bố thí, nguyện rằng: Như những điều thầy chứng được, chúng ta cũng sẽ chứng được.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân muốn đem người con gái ấy cúng dường Đàm-vô-kiệt, nhưng còn sợ người nữ ấy hiềm hận nên nói: Các chị thật đem thành tâm cúng dường thời tôi sẽ nhận các chị.

Thành tâm là không tự mình dụng tâm, mà tùy người khác phân xử, như vật vô tâm. Các người nữ đáp rằng thật do thành tâm. Tức thời Tát-đà-ba-luân đem người con gái của vị trưởng giả và các người hầu gái cùng 500 cỗ xe dâng lên Đàm-vô-kiệt. Đàm-vô-kiệt muốn trừ cái nghi thường tình của thế gian cho rằng người kia dối gạt trưởng giả, nên đem các người con gái đến mà bố thí tất cả, rõ ràng đã không đấm trước.

* Lại nữa, Tát-đà-ba-luân nhờ tiếng nói giữa hư không, nên nghe rồi hiểu được, hoan hỉ, như điều yêu quý của người đời, cả vật bên trong, bên ngoài đều đem cúng dường, vì muốn đi vào sâu cửa bố thí Ba-la-mật. Trời Đế-thích biết Tát-đà-ba-luân chưa sạch hết các phiền não tham ái mà có thể thí xả hết vật trong ngoài, không còn sót lại gì, nên khen ngợi rằng lành thay và đem việc Phật quá khứ làm thí dụ. Vì làm được việc khó làm nên được quả báo khó được, đó là Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Hỏi: Nếu Đàm-vô-kiệt muốn làm cho căn lành bố thí của Tát-đà-ba-luân đầy đủ nên lãnh thọ cúng dường, có gì trở lại đem cho Tát-đà-ba-luân?

Đáp: Đàm-vô-kiệt có đại trí phương tiện làm cho Tát-đà-ba-luân được phước đức lớn, không bị mất, ấy là sự lãnh thọ cao thượng. Tát-đà-ba-luân rất thành tâm bố thí, dứt các tham trước, không mong được trả lại nên đầy đủ phước đức. Đàm-vô-kiệt suy nghĩ : Tát-đà-ba-luân từ xa đi đến mà đối với năm dục tâm không nhiễm trước; và người trước đây đã biết cúng dường tức là người thiện, thế nên đem cho trở lại.

Lại, nghe các người nữ trước đem thân dâng cho Tát-đà-ba-luân là người chứ không phải tài vật, vì muốn toại bản ý.

* Lại nữa, các người nữ đòi đòi làm đệ tử Tát-đà-ba-luân; có các nhân duyên như vậy nên đem cho trở lại Tát-đà-ba-luân.

Hỏi: Các Bồ-tát lớn thuyết pháp không nên mệt nhọc, có sao còn vào cung?

Đáp: Vì theo pháp của người đời. Lại, chúng sinh trong thành Chúng Hương không thường cầu đạo, có khi nhàm chán, ưa hưởng thọ năm dục. Chư thiên vì thường hưởng thọ năm dục nên ngăn ngại, phớt bỏ việc cầu đạo. Có cõi nước của Bồ-tát ở thường siêng tinh tấn, không hưởng thọ năm dục, còn bản nguyện của chúng sinh trong thành Chúng Hương hưởng thọ lẫn lộn. Bồ-tát theo chí nguyện của họ, vì muốn dẫn dắt họ nên sinh vào nước ấy. Thế nên, vì chúng sinh nghe Phát mệt mỏi mà Bồ-tát đứng dậy đi vào trong cung.

Lại, người chưa đắc đạo thời pháp tuy vi diệu mà thường nghe cũng dễ sinh tâm mỏi mệt nhàm chán; trong chúng này có những người như vậy.

Lại, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ở trong nước này hưởng thọ giàu vui, theo Pháp của người đời, khi mặt trời lặn nên nghỉ ngơi.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng: Ta vì Pháp nên đi đến, không nên ngồi, nằm.

Hỏi: Vì Pháp, có gì không nên ngồi nằm?

Đáp: Không có Pháp nhất định ấy. Người ấy rất ước muốn, rất tinh tấn. Vì cung kính Pháp nên tự nghĩ rằng: Ta nếu nằm ngồi thì là biếng nhác. Khi mới đầu cầu Pháp, ta còn không tiếc thân mạng, huống nữa mệt mỏi, nên không ngồi, nằm. Ước muốn tinh tấn lớn ngược lại với việc ngồi, nằm.

Lại, ngồi nằm thì không gắng sức; đi và đứng thì gắng sức siêng năng, nên thường dùng hai oai nghi ấy để chờ thầy khi đi ra.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân trước đã biết bảy năm thầy không đi ra chăng?

Đáp: Lúc mới đến không biết.

Lại, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt cũng thường bảy năm không đi ra. Vì nhân duyên nên tự thề bảy năm vào định. Tát-đà-ba-luân tự thề rằng: Thầy chưa đi ra thời ta không bao giờ ngồi.

Lại, theo pháp thế gian thời người lớn còn không tự trái với mình, huống nữa vì đạo Pháp!

Lại, lúc mới cầu Pháp còn không tiếc thân mạng, huống gì nay đứng bảy năm thời đâu đủ là khó!

Hỏi: Thân người mềm yếu, làm sao có thể bảy năm không ngồi, không nằm?

Đáp: Người lúc ấy mạng sống rất lâu, tuy bảy năm mà như nay bảy ngày. Lại, thân người trong đời tốt đẹp có sức phước đức lớn, tuy đứng luôn bảy năm mà không cho là khó. Như Hiếp Tỳ-kheo năm 60 tuổi mới xuất gia mà tự cam kết thề rằng: Lưng ta không dính chiếu, phải được hết mọi việc đáng được của hàng Thanh văn cho đến được thành A-la-hán đủ sáu thần thông, tạo bộ kinh luận nghị trong bốn A-hàm, đến nay còn lưu hành rộng rãi trong đời. Vị Tỳ-kheo ấy ở đời xấu ác mà còn được như vậy, huống nữa là Tát-đà-ba-luân sinh ở đời tốt đẹp! Lại, sức của thân tuy yếu mà sức của tâm mạnh, nên có thể làm thành công việc.

* Lại nữa, người nhất tâm cầu Phật đạo được mười phương Phật hộ niệm rằng: Các đại Bồ-tát và chư thiên cầu Phật đạo sẽ làm tăng ích khí lực cho người ấy, bao quanh thủ hộ, nên tuy trụ đứng bảy năm mà không mỏi mệt.

Hỏi: Bồ-tát Đàm-vô-kiệt vào tam-muội, vì có gì cho đến bảy năm?

Đáp: Như trước đã đáp: Người sinh trong đời tốt đẹp sống rất lâu, tuy bảy năm mà không cho là lâu.

Lại, Đàm-vô-kiệt có cung điện, thể nữ vi diệu, đủ năm dục giống như trời. Tát-đà-ba-luân mới phát tâm nên tâm chưa nhu nhuyễn, nghi Đàm-vô-kiệt tuy thuyết pháp không, tán thán ly dục mà tâm mình chưa thể xả bỏ. Bảy năm vào tam muội ấy vì muốn trừ nghi cho chúng sinh nên sinh tâm quý kính. Nghe Đàm-vô-kiệt bảy năm vào tam-muội, tâm và miệng khế hợp nhau, nói được, làm được thời người ta tin thọ lời kia, có thể dễ được độ. Thí như mọt nhọt chưa chín muối thời thầy thuốc không phá được, chỉ dùng thuốc bôi, làm cho chín muối thời dễ phá.

* Lại nữa, vì muốn tâm hưởng thọ phát sinh cái vui chơn thật, nên vào vô lượng tam-muội. Lại, thuyết pháp có hai: Một là miệng thuyết pháp; hai là thân hiện pháp. Nay muốn lấy thân hiện pháp nên vào vô lượng tam-muội, khiến chúng sinh biết nhiếp tâm vào tuệ mà được trí như thật.

Bồ-tát tam-muội là như đã nói trong nghĩa Bồ-tát trước kia.

Hành Bát-nhã và sức phương tiện là như đã nói trong phẩm Phương tiện trước kia.

Tát-đà-ba-luân trong bảy năm mà ba thứ ác giác quán không sinh, không nhiễm đắm vào ý vị. Người ấy tuy chưa phá phiền não mà vì nhóm các pháp lành nên chế phục các phiền não không cho phát sinh, chỉ phát sinh một niệm: Lúc nào Đàm-vô-kiệt sẽ đi ra, ta sẽ theo nghe Bát-nhã.

Qua bảy năm rồi, nghĩ rằng: Ta sẽ trải tòa cho Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và quét rửa làm cho trang nghiêm.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân làm thế nào biết được qua bảy năm rồi Đàm-vô-kiệt sẽ đi ra?

Đáp: Có người nói: Trước từng bảy năm triển chuyển nghe biết. Có người nói: Đàm-vô-kiệt khi mới vào tam-muội, tự nói rằng: Hạn trong bảy năm. Như đức Phật Thích-ca-văn-ni bảo A-nan: Ta muốn vào thiền định một tháng, hai tháng. A-nan bảo lại với bốn chúng. Tát-đà-ba-luân rất mến mộ Phật pháp, kính trọng Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nên cúng dường, trang nghiêm chỗ thuyết pháp. Hàng Bồ-tát xuất gia chỉ trang nghiêm tâm mình để đi đến pháp sư thọ pháp; hàng Bồ-tát tại gia thời trang nghiêm chỗ thuyết pháp, cúng dường hoa hương.

* Lại nữa, Tát-đà-ba-luân trang nghiêm như vậy là muốn để Đàm-vô-kiệt biết dấu hiệu mình ái mộ Pháp, ham muốn Pháp, thâm tâm tin vui, nên hiện ra việc ấy; thế nên sinh tâm, cùng với 500 người con gái, thay nhau tưới quét, tự đem vàng bạc, châu báu trải lên trên tòa. Tát-đà-ba-luân tuy tự mình có chần, nệm đẹp đẽ, song vì tâm ái mộ Pháp thiết tha nên lấy áo trên thân mình đang mặc trải trên tòa, tìm nước tưới đất, bị ma che lấp nên không thể tìm được. Trong kinh này tự nói nhân duyên: Ma nghĩ rằng, nếu Tát-đà-ba-luân tìm nước không được thời tâm kia sẽ mềm yếu, chí nguyện không đầy đủ. Lại để cho tự khinh khi thân mình rằng, vì ta phước đức mỏng nên muốn cúng dường Pháp mà tìm nước không có được. Do sự tự khinh nên ưu sầu che lấp tâm.

Phước đức không tăng trưởng, trí tuệ không chiếu sáng là, vì các phiền não ưu sầu che tâm nên phước đức trí tuệ không thể chiếu sáng. Thí như mặt trời bị chướng ngại nên ánh sáng không rõ ràng. Ma biết tâm người đó lớn, không thể làm trở ngại, chỉ làm trở ngại chút ít, làm cho người ấy đình trệ.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân tự cắt thân mình ra máu để rưới đất, muốn làm cho sạch bụi. Máu thịt người tuy hôi, song vì chí tâm tìm nước không được, ý không phân biệt thơm thối, tốt xấu mà vì muốn sạch bụi nên không tiếc thân mạng.

Lại, Tát-đà-ba-luân tâm sâu xa ưa đắm Bát-nhã ba-la-mật nên không yêu tiếc gì. Có người nói: Có nhiều trời, rồng, quý, thần thường đi theo Tát-đà-ba-luân thủ hộ giúp đỡ, thế nên máu chảy ra biến thành nước thơm. Như tiên nhân Săn-đề lúc bị cắt xẻ, máu biến thành sữa. Lại, vì thành tựu vô lượng phước đức nên theo nguyện được thành.

Hỏi: Nếu phước đức thành tựu, theo nguyện liền được thành thời ma không thể che giấu nước?

Đáp: Bồ-tát ấy mới phát tâm, có thể thành nguyện nhỏ mà chưa thể trừ ma. Trong kinh này, Tát-đà-ba-luân tự nói nhân duyên chảy máu rằng: Ta từ vô thi sinh tử lại đây, nhiều lần tan thân mà chưa từng vì Pháp.

Hỏi: Nếu Tát-đà-ba-luân yêu mến Pháp, cắt thân ra máu, nếu thân kia chết đi thời còn ai nghe Pháp?

Đáp: Việc ấy đã đáp như trong đoạn rạch xương, lấy tủy. Lại, trong đây được chư thiên và đại Bồ-tát thủ hộ nên làm cho người kia không chết. Lại, ác ma biết tâm người kia không thể phá hoại thời nước trở lại chảy ra.

Tát-đà-ba-luân v.v... đều không có tâm khác là như người lúc đầu thực tập tâm từ, muốn vì chúng sinh và vì Bát-nhã ba-la-mật nên không tiếc thân mạng. Nhưng đến khi có được đao bén cắt thân thời sợ đau đớn, sinh tâm hối hận, ấy gọi là tâm khác. Bồ-tát ấy có sức tin lớn nên muốn được quả báo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nên không kể cái khổ ấy. Lại, vì tâm bi sâu xa, ái niệm chúng sinh, tuy chịu các khổ não mà không cho là khó. Thí như mẹ hiền thương con, tuy vì con chịu khổ nhọc, bất tịnh mà không cho là nhớp. Lại thấy thật tướng các pháp rốt ráo không, nên biết thân này chỉ là hòa hợp, hư dối. Vì phá cái hư dối ấy nên khi cắt xẻ thân, không làm chướng ngại Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Ma không được phá hoại dễ dàng là, như người có mụn thời chịu chất độc. Bồ-tát nếu có mụn tham dục ưu sâu, thời ma được dễ dàng phá hoại. Vì lấy máu chảy rưới đất mà tâm không ưu sâu nên ma không được dễ dàng phá hoại. Như tâm Tát-đà-ba-luân, tâm 500 người con gái cũng như vậy, kính trọng Tát-đà-ba-luân nên thấy người cắt thân lẽ đáng có ưu não, song vì người ấy được thỏa nguyện nên không lấy làm buồn.

Bấy giờ trời Đế-thích thấy việc đó rồi tán thán chưa từng có. Người ấy chưa được vô sinh nhẫn, các phiền não chưa dứt mà vì cúng dường Pháp nên không tiếc thân mạng, như người đã lia dục, khi bị cắt xẻ thân mạng như cắt cây cỏ. Tâm ban đầu đã vậy thời tâm sau càng mạnh hơn.

* Lại nữa, chưa từng có là trong đây trời Đế-thích tự nói nhân duyên rằng: Tát-đà-ba-luân ái mộ Pháp đến như vậy, lấy dao tự cắt mình. Tâm trời Đế-thích hoan hỉ rồi, khen rằng lành thay. Khen người kia vì ái mộ Pháp, vui Pháp, tâm siêng tinh tấn nên đem việc Phật quá khứ làm ví dụ, nói rằng: Chẳng phải chỉ ngày nay khổ nhọc, mà chư Phật quá khứ khi cầu Bát-nhã ba-la-mật cũng khổ nhọc như vậy. Tát-đà-ba-luân nghe trời Đế-thích an ủi tâm mình rồi, như lửa được mỡ thời càng thêm rực cháy, nghĩ rằng: Ta đã trải tòa, quét đất, sẽ ở chỗ nào ta tìm được danh hoa để trang nghiêm chỗ thuyết pháp?

Hỏi: Khi không thấy nước, có sao không nghĩ rằng sẽ ở đâu tìm được nước để rưới đất?

Đáp: Tát-đà-ba-luân trước biết chỗ có nước mà tức khắc lại đều không có, nên biết bị ma làm trở ngại. Thế nên, tự mình lấy thân gồm bốn phần đại, cắt lấy huyết là phần thủy đại để rưới đất. Phần thủy đại trong thân tuy nhiều mà máu là thứ mạng sống, nên cắt lấy rưới đất. Tự mình không có hoa, nên khi Đàm-vô-kiệt đi ra sắp đến, không thể đi tìm nơi xa, lại cần dùng nhiều để rải khắp trên đất. Thế nên sinh ý nghĩ muốn có được. Trời Đế-thích biết ý nghĩ của người kia, liền lấy thứ hoa đẹp nhất trong hoa trời Mạn-đà-la đây, gồm ba ngàn đầu đem cho, đủ để rải khắp. Sở dĩ trời Đế-thích không lấy hoa người đem cho là vì muốn làm cho phát tâm hy hữu. Tát-đà-ba-luân nhận hoa xong chia làm hai phần: Phần tốt giữ lại để khi thuyết pháp đem rải, còn phần khác thời rải trên đất. Theo pháp thông thường của nước ấy, lấy hoa rải trên đất để đi trên đó, thế là cúng dường.

Bảy giờ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt như điều đã ước trước kia, đủ bảy năm xong từ tam-muội dậy, cùng với vô lượng trăm ngàn chúng cung kính vây quanh, đi thẳng đến Pháp tòa, vì chúng nói Bát-nhã.

Hỏi: Nếu các Bồ-tát vào tam-muội vì diệu thời ai làm cho khởi dậy?

Đáp: Hành giả lúc mới vào tự hẹn thời hạn, sau đó mới vào định. Khi thời hạn đến, tâm kia tự nhiên từ tam-muội dậy. Vì bi tâm nên sinh giác quán. Có một Tỳ-kheo khi vào Diệt thọ tướng định, tự mình hẹn thời hạn rằng, khi nghe tiếng kiền chùy sẽ khởi định. Khi đã vào định xong, lúc ấy phòng Tăng bị lửa cháy. Các Tỳ-kheo hoảng sợ, không đánh kiền chùy mà bỏ đi. Bảy giờ qua mười hai năm rồi, đàn-việt lại họp chúng Tăng, muốn dựng lại căn phòng mới đánh kiền chùy. Khi nghe tiếng kiền chùy thời Tỳ-kheo từ định khởi dậy, lúc ấy thân liền tan rã mà chết. Những người đắc đạo về sau nói lại việc như vậy.

* Lại nữa, có người nói: Thân đại Bồ-tát là thân do pháp tính sinh. Như chư Phật thường vào tam-muội, không có tâm thô tán loạn, vì sức thân thông nên có thể thuyết pháp và bay đi độ thoát chúng sinh. Vì theo pháp thế tục nên có tướng vào định, ra định. Thế nên, tuy vào tam-muội vì diệu mà có thể ra trở lại, vì có tâm đại bi dẫn dắt; thí như chú thuật khiến cho rồng bay ra.

Đại chúng vây quanh là nội quyến thuộc cung kính rải hoa, đốt hương, theo sau mà đi ra, vì họ mà nói Bát-nhã ba-la-mật.

Nói Bát-nhã ba-la-mật là nhân theo danh từ, ngôn ngữ thế đế, muốn mở bày tướng bất động của đệ nhất nghĩa đế cho chúng sinh. Tát-đà-ba-luân thấy Đàm-vô-kiệt liền được tâm hoan hỷ, thanh tịnh, hỷ lạc chạy khắp mình, như Tỳ-kheo khi vào thiền thứ ba, vì sao? Vì chúng sinh nhiều tham muốn, tuy chẳng phải tịnh diệu mà khi được còn hỷ lạc huống nữa là người đã được trông thấy thân trang nghiêm có công đức chơn thật!

Tát-đà-ba-luân từ thân Phật giữa hư không nghe nói Đàm-vô-kiệt liền sinh ước muốn lớn, được các tam-muội. Thấy chư Phật mười phương, lại nghe mười phương chư Phật nói nhân duyên đời trước: Chỉ có Đàm-vô-kiệt có thể độ cho ông. Nghe như vậy rồi tâm người ấy tăng ích, khát ngưỡng muốn trông thấy, nên giữa đường muốn bán thân để cúng dường. Nay ở trong thành Chúng Hương, bảy năm không ngồi không nằm là vì muốn trông thấy Đàm-vô-kiệt; tâm khát ngưỡng như vậy mà dục lạc đến lâu thời như người bị nóng khát bức bách, dù gặp được nước đục, nóng vẫn còn hoan hỷ,

huống nữa là gặp nước ngon, trong, mát? Đã vì lòng khát ngưỡng lâu ngày; lại, công đức của Đàm-vô-kiệt lớn, thế nên khi gặp được vui mừng.

Hỏi: Vui có bốn thứ, cứ gì đây chỉ nói cái vui ở thiền thứ ba mà không nói đến cái vui định của các bậc trên và cái vui giải thoát?

Đáp: Vì chúng sinh cõi dục đối với ba thọ phần nhiều ham cái cảm thọ vui, nghe cái vui Niết-bàn không có sở hữu, thời tâm không vui mừng. Vì bốn thiền dứt khổ, lạc thọ, nên tâm cũng không vui; cái vui trong thiền thứ ba là cái vui cùng cực.

Lại, có người nói: Tát-đà-ba-luân mới phát tâm, chưa vào được định thâm tế, vi diệu, nên thấy Đàm-vô-kiệt liền phát sinh hoan hỷ, như vào thiền thứ ba. Tát-đà-ba-luân tự biết mình có hoan hỷ lớn, nên tức thời bỏ hỷ, được pháp tính thanh tịnh, sự an lạc chạy khắp mình, thế nên đem cái vui ở thiền thứ ba để ví dụ.

(Hết cuốn 99 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 100

KINH: Bấy giờ Tát-đà-ba-luân và người con gái của vị trưởng giả cùng 500 người hầu gái đi đến chỗ Đàm-vô-kiệt rải hoa trời Mạn-đà-la, đầu mặt đánh lễ xong lui ngồi một bên. Đàm-vô-kiệt thấy các người ấy ngồi xong, bảo Tát-đà-ba-luân rằng: Nay thiện nam tử, hãy lắng nghe, khéo lãnh thọ, nay Ta sẽ vì ông nói tướng Bát-nhã ba-la-mật. Nay thiện nam tử, vì các pháp bình đẳng nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng bình đẳng; vì các pháp lìa tướng nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng lìa tướng; vì các pháp bất động nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng bất động; vì các pháp không nhớ nghĩ nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không nhớ nghĩ; vì các pháp không sợ nên Bát-nhã ba-la-mật cũng không sợ; vì các pháp một vị nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng một vị; vì các pháp vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên; vì các pháp vô sinh nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô sinh; vì các pháp vô diệt nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô diệt; vì hư không vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên; vì nước biển lớn vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên; vì núi Tu-di trang nghiêm nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng trang nghiêm; vì hư không không có phân biệt nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không có phân biệt; vì sắc vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-

mật cũng vô biên; vì thọ, tướng, hành, thức vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên; vì địa chủng vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên; vì thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên; vì không giới vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên; vì như kim cang bình đẳng nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng bình đẳng; vì các pháp không có phân biệt nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không có phân biệt; vì các pháp tính không thể có được nên biết Bát-nhã ba-la-mật tính cũng không thể có được; vì các pháp không có sở hữu, bình đẳng; nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không có sở hữu, bình đẳng; vì các pháp không làm nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không làm; vì các pháp không thể nghĩ nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không thể nghĩ nghĩ.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân ngay nơi chỗ ngồi được các tam-muội, đó là tam-muội Các pháp bình đẳng, tam-muội Các pháp lia tướng, tam-muội Các pháp không sợ, tam-muội Các pháp một vị, tam-muội Các pháp vô biên, tam-muội Các pháp không sinh, tam-muội Các pháp không diệt, tam-muội Hư không vô biên, tam-muội Nước biển lớn vô biên, tam-muội Núi Tu-di trang nghiêm, tam-muội Hư không không có phân biệt, tam-muội Sắc vô biên, tam-muội Thọ, tướng, hành, thức vô biên, tam-muội Địa giới vô biên, tam-muội Thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới vô biên, tam-muội Như kim cang bình đẳng, tam-muội Các pháp không có phân biệt, tam-muội Các pháp không thể nghĩ bàn; như vậy thấy đều được trăm ngàn vạn ức môn tam-muội.

Bấy giờ Phật bảo Tu-bồ-đề: Như Ta nay ở giữa ba ngàn đại thiên thế giới có các Tỳ-kheo Tăng vây quanh, với tướng ấy, với tướng mạo ấy, với danh tự ấy nói Bát-nhã ba-la-mật. Tát-đà-ba-luân được 600 vạn môn tam-muội, thấy phương đông, tây, nam, bắc, bốn góc, trên, dưới. Chư Phật trong thế giới đại thiên ba ngàn số như cát sông Hằng với các Tỳ-kheo cung kính vây quanh; do tướng như vậy; tướng mạo như vậy, danh tự như vậy, thuyết Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy. Tát-đà-ba-luân từ đó về sau trí tuệ nghe nhiều không thể nghĩ bàn, như nước biển lớn; thường không xa lìa Phật, thường sinh trong nước có Phật, cho đến trong mộng chưa từng lúc nào không thấy Phật. Hết thấy các nạn đều dứt sạch, theo nguyện vãng sinh ở nước có Phật. Nay Tu-bồ-đề, nên biết nhân duyên của Bát-nhã ba-la-mật ấy có thể làm thành tựu hết thấy công đức của Bồ-tát, được trí Nhất thiết chủng. Vì thế, nên các Bồ-tát nếu muốn học sáu Ba-la-mật hãy nên vào sâu trí tuệ chư Phật, muốn được trí Nhất thiết chủng hãy nên thọ trì Bát-nhã ba-la-mật, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, rộng vì người nói, cũng viết chép quyển kinh cúng dường, tôn trọng, tán thán, cúng hương hoa cho đến kỹ nhạc, vì

sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của mười phương chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại; được mười phương chư Phật tôn trọng.

LUẬN: Đàm-vô-kiệt đã đi ra đến pháp tòa, xem khắp không có ai hơn mình, bấy giờ mới ngồi. Khi ấy Tát-đà-ba-luân biết đã ngồi chắc, đi đến đầu mặt đánh lễ dưới chân rồi ngồi một bên.

Đánh lễ có ba cách: Một là miệng lễ, hai là quỳ gối mà đầu không sát đất, ba là đầu sát đất; đó là sự lễ cao thượng. Trong một thân người, đầu ở trên hết, chân ở dưới hết; đem đầu lễ chân là cung kính cùng tột.

Đàm-vô-kiệt thấy người kia đã ngồi xong, biết người từ xa đi đến không tiếc thân mạng, chịu mọi siêng khổ, chỉ vì muốn nghe Pháp. Lúc mới thấy nhau, vì mặt trời sắp lặn nên thời gian nghe Pháp ngắn. Đàm-vô-kiệt vì thấy mặt trời lặn nên đứng dậy đi vào cung; nay vì Pháp nên bảy năm khát ngưỡng không sinh tâm khác. Khi Đàm-vô-kiệt sắp đi ra, thời Tát-đà-ba-luân lấy máu rưới đất, biết người kia vì Pháp, không tiếc thân mạng, tâm kia không thoái chuyển, quyết định không nghi ngờ, có thể nhận sự giáo hóa, nên bảo rằng: Nay thiện nam tử, hãy nhất tâm lắng nghe. Ở trên nói nghi Phật từ đâu đến, đi về đâu đã dứt, nay chỉ muốn nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, nên nói cho tướng Bát-nhã ba-la-mật.

Tướng Bát-nhã ba-la-mật là như trước đã nói trong các nghĩa: Các pháp bình đẳng nên Bát-nhã ba-la-mật bình đẳng v.v...

Hoặc có người nói: Vì sức Bát-nhã ba-la-mật nên quán các pháp đều bình đẳng, chứ chẳng phải tính các pháp bình đẳng. Thế nên Đàm-vô-kiệt nói: Vì các pháp bình đẳng nên Bát-nhã ba-la-mật bình đẳng, vì sao? Vì nhân quả giống nhau. Lúc mới quán các pháp bình đẳng là nhân, khi tâm quyết định được Bát-nhã ba-la-mật là quả.

Hỏi: Quán các pháp bình đẳng tức là Bát-nhã, Bát-nhã tức là bình đẳng, có gì phân biệt làm nhân, quả?

Đáp: Bát-nhã và các pháp tuy một tướng, không hai không khác, song hành giả khi quán các pháp bình đẳng là nhân, quán xong gọi là quả. Như đạo Tu-đà-hoàn có đức và hương. Lại như năm uẩn hữu lậu, khi ở trong tập gọi là nhân, khi ở trong quả gọi là quả. Hết thấy pháp sắc v.v... bình đẳng tức là Bát-nhã ba-la-mật bình đẳng.

Hỏi: Nên nói tướng Bát-nhã ba-la-mật, nay có gì nói bình đẳng? Nhân không có bình đẳng nên mới có bình đẳng, nhân có bình đẳng nên mới có không bình đẳng? Đối với Bát-nhã cũng chẳng phải một tướng, cũng chẳng phải khác tướng, có gì ông muốn thủ lấy một tướng?

Đáp: Bát-nhã rất sâu xa, vi diệu, không dùng phương tiện thuyết thời không ai hiểu được. Thế nên, nếu phân biệt không có bình đẳng thời sinh ra phiền não. Ba độc tăng trưởng, đó là thân yêu, oán ghét, yêu thiện, ghét bất thiện. Bồ-tát đối với hai thứ ấy quán hết thấy pháp đều bình đẳng, nơi chúng sinh quán oán thân, thương ghét đều bình đẳng, mở cửa phước đức, đóng các đường ác. Trú trong pháp bình đẳng thời các ức tướng phân biệt và tâm thủ tướng chấp trước đối với hết thấy pháp đều dứt trừ, chỉ thấy các pháp không; không tức là bình đẳng.

Có người được các pháp bình đẳng không ấy, đi thẳng đến đạo Bồ-tát, đối với không, không còn hí luận. Có người tuy được pháp bình đẳng mà sinh hí luận, hoặc quán tất cả đều không. Vì có lỗi như vậy, nên người ấy đối với bình đẳng tức không bình đẳng. Thế nên trong đây vì chơn bình đẳng nên nói Bát-nhã ba-la-mật bình đẳng, chẳng phải là hí luận. Lia hai bên bình đẳng và không bình đẳng là tướng Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Bình đẳng là đối với tướng Bát-nhã đã đầy đủ, có gì còn nói lia tướng, vô biên v.v... là tướng Bát-nhã?

Đáp: Trong kinh chỉ nói các pháp bình đẳng nên Bát-nhã bình đẳng. Hành giả thủ lấy tướng bình đẳng ấy mà sinh tâm chấp trước, nên nói tướng Bát-nhã bình đẳng, tự tính xa lia, vì sắc pháp v.v... tự tính xa lia. Nghĩa xa lia như trong phẩm Tướng, Vô tướng đã nói. Được các pháp bình đẳng này, lại đối với bình đẳng lia tướng, an trú trong không; trú trong không thời bất động, hí luận không làm lay động, núi phiền não không làm lay động được, kiếp vô thường không lay động được, vì sao? Vì được thật tướng của hết thấy pháp. Bồ-tát trú trong hai không ấy được Bát-nhã bất động; ấy là rất ráo. Nếu có khởi lên nhớ nghĩ tức là chỗ có tướng chấp trước, nên nói các pháp không có nhớ nghĩ. Nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không có nhớ nghĩ.

Tướng không động là Bát-nhã, vì Bát-nhã ba-la-mật tướng diệt. Nếu không nhớ nghĩ Bát-nhã ấy thời hoặc bị mê muội, không có chỗ xu hướng. Người có hí luận ở giữa đại chúng thời hay sinh sợ hãi. Hoặc vì đối Niết-bàn không hiểu rõ nên cũng sinh sợ hãi, thế nên nói tướng không sợ hãi là

Bát-nhã ba-la-mật. Người ấy tuy không quyết định chấp thủ tướng các pháp mà vào sâu pháp tính, nên ở giữa đại chúng nếu có người luận nạn về các tướng thời tâm không sợ hãi, vì đối với các pháp được vô tướng.

Lại, khi vào vô sinh pháp nhãn, biết hết thấy pháp không thể có được, nơi trong ấy cũng không sợ hãi, vì sao? Vì Bồ-tát khéo thông đạt hết thấy pháp.

* Lại nữa, hết thấy pháp một tướng nghĩa là tính không. Thế nên Bát-nhã ba-la-mật tùy theo hết thấy pháp, nên cũng một vị tính không.

Hỏi: Trên đã nói các pháp bình đẳng, nay có gì còn nói một vị?

Đáp: Không, hoặc có khi có vị, hoặc có khi không có vị. Nếu hành giả vì các kiến chấp thủ tướng phân biệt mà trừ lượng tốt xấu; bấy giờ được bình đẳng không tâm đối với các pháp, thời rất hoan hỷ, nên gọi là ý. Như người bị nóng khát bức bách, gặp được nước trong mát cho vị ấy không gì sánh bằng, tùy thời sử dụng nên gọi là vị. Chơn thật rốt ráo không, thời không có vị hay không vị.

* Lại nữa, một vị là Bồ-tát khi hành Bát-nhã, đối với sở quán, sở duyên đều là một vị, vì sức trí biết về tính không rất lớn, nên các pháp khác đều đi theo mà không. Thí như nấu đường phèn, khi sắp chín, tuy có vật khác hợp vào đều biến thành đường phèn.

Lại như biển lớn trăm sông chảy về đều thành một vị, đó là vị rốt ráo không. Các pháp sắc v.v... cũng như vậy, ở trung tâm phạm phủ mỗi mỗi sai khác mà vào trong Bát-nhã thời đều thành một vị. Bên cạnh danh và tướng hoặc có hoặc không, nếu thật quán các pháp sắc v.v... chẳng phải có chẳng không nên vô tướng, vô tướng tức là vô biên; quán như vậy tức là Bát-nhã ba-la-mật vô biên.

* Lại nữa, có người nói: Biên có hai, là bên thường và bên đoạn; bên thế gian và bên Niết-bàn. Bên Niết-bàn, bên ác, bên lành v.v... trong đây không có các bên như vậy nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật vô biên.

* Lại nữa, có người nói: Biên là đời trước, đời sau. Thế gian vô thi cho nên không có đời trước; vào Vô dư Niết-bàn nên có đời trước, không sinh ra trở lại cho nên không có đời sau. Phân biệt các biên như vậy, đắm trước thế gian nên sợ Niết-bàn. Thế nên trong Bát-nhã ba-la-mật không có các biên ấy, chỉ nghe nói thật tướng các pháp không vào, không ra.

Hỏi: Các pháp bình đẳng, các pháp tự tính lia đều là vô biên, có gì còn nói riêng?

Đáp: Có người biết các pháp bình đẳng, biết các pháp tự tính lia, thời không cần nói. Nếu có người chấp thủ tướng, vì đấm trước một vị ấy nên nói là vô biên. Đàm-vô-kiệt không phải chỉ vì Tát-đà-ba-luân mà thuyết pháp, Tát-đà-ba-luân cũng không chỉ tự vì mình nên hỏi, mà chỉ vì chúng sinh có nhiều tâm tính, nhiều hành động nên đối với tướng Bát-nhã ba-la-mật lược nói các tướng. Không sinh, không diệt như trước đã nói ở đoạn dùng các nhân duyên phá sinh diệt. Hư không vô biên như đã nói trong ví dụ hư không trong pháp Đại thừa. Nước biển lớn vô biên, Tu-di trang nghiêm vì trước chưa nói nên nay sẽ lược nói.

Hỏi: Hư không vô biên vì là pháp thường, không tìm được biên giới nó, có thể nói vô biên, còn nước biển lớn ở trong bốn châu thiên hạ, bao quanh núi Tu-di có số lượng do tuần, có người vượt qua được, có sao nói vô biên?

Đáp: Vô biên có hai: Một là thật vô biên; hai là người ta không thể đếm được nên vô biên. Biển cũng có hai phần: Phần có thể qua được và phần bao quanh núi Tu-di ở giữa chín núi báu rộng 84.000 do tuần. Người thế gian không biết được biên giới nó nên nói là vô biên. Như biển nhỏ, sức thuyền có thể qua được, nước biển lớn sức thuyền không thể qua được. Như phàm phu ngoại đạo có thể có chiếc thuyền thiền định vượt qua biển Dục giới, Sắc giới, còn Vô sắc giới như biển lớn sâu rộng, không thể vượt qua được, vì không thể phá tâm ngã. Các bậc hiền thánh có đôi cánh trí tuệ và thiền định, phá tướng tà đối với các pháp, được thật tướng nên có thể qua được. Thế nên mà nói ví dụ như biển lớn.

Hỏi: Núi Tu-di một màu sắc, vì sao nói trang nghiêm?

Đáp: Sách ngoài nói núi Tu-di một màu sắc, thuần là vàng ròng. Luận Lục-túc Tỳ-bà-sa nói: Bốn phía núi Tu-di đều do một thứ báu thành, hoặc vàng, bạc, pha lê, lưu ly trang nghiêm, chim đến đậu phía nào cũng đều đồng một màu sắc ấy. Anh em của Long vương như Nan-đà-bà-nan-đà đem thân nhiễu quanh bảy vòng. Trên đỉnh núi có cung trời Ba mươi ba, thành kia bảy lớp gọi là Hỷ kiến. Có 999 cửa, bên mỗi mỗi cửa đều có 16 vị thần đại lực áo xanh thủ hộ. Chỗ cao trong thành dựng điện gọi là điện Tối thắng. Bốn phía có bốn vườn lớn, bốn vua trời ở bốn phía, có núi gọi là Du-càn-đà, mỗi núi cao 42.000 do tuần, mỗi Thiên vương trị vì trên đó. Nước trong bốn

biển lớn có cung điện của A-tu-la và Long vương. Chín núi báu Du-càn-đà v.v... có mặt trời, mặt trăng, năm tinh, 28 tú và các sao khác vây quanh trang nghiêm. Các thứ trang sức dùng để trang nghiêm như vậy trông không biết chán; Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy. Quả báo của sáu Bát-nhã ba-la-mật là được làm Chuyển luân vương, Phạm vương, Đế-thích, trời Tịnh cư, trời Đại tự tại. Quả báo như vậy do khi hành Bát-nhã ba-la-mật chưa đầy đủ nên hưởng được quả báo trang nghiêm ấy. Khi Bát-nhã ba-la-mật đầy đủ thời được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, địa vị Bồ-tát bất thoái chuyển và đạo quả chư Phật trang nghiêm. Như phía trên và dưới núi Tu-di đều trang nghiêm, Bát-nhã ba-la-mật trang nghiêm cũng như vậy. Khi chưa đầy đủ thời sự trang nghiêm của chư thiên là bậc nhất, khi đầy đủ rồi thời có các đạo quả trang nghiêm. Như núi Tu-di khi kiếp bắt đầu thành lập, bốn phía có gió lớn thổi thời chất vị tinh túy của đất nhóm lại làm Tu-di, lại có gió thổi làm cho cứng thành báu; Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy. Đối với hết thảy pháp lành là cứng, chắc thật bậc nhất, hòa hợp bền chắc bằng Bát-nhã. Như núi Tu-di bốn phía gió lớn thổi sóng nước biển lớn, không thể làm lay động; Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, các ngoại đạo tà kiến hí luận và các ma dân không thể làm lay động. Như đỉnh núi Tu-di có vườn bốn phía, chư thiên đi đến hưởng thọ các thứ vui; Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy. Hành giả lên được đỉnh Bát-nhã, đi đến trong vườn bốn thiên định hưởng các thứ vui.

* Lại nữa, có người nói: Núi Tu-di chim đến đều đồng một màu với núi, Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, các pháp vào trong Bát-nhã đều đồng một tướng, đó là vô tướng.

Như hư không không có phân biệt, là hư không không có phân biệt trong ngoài, xa gần, dài ngắn, sạch, không sạch; Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy. Các pháp vào trong Bát-nhã cũng không có phân biệt trong ngoài, lành, chẳng lành.

Như năm uẩn vô biên là, năm uẩn thường biến khắp thế gian; Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, không xa lìa năm uẩn. Thật tướng năm uẩn tức là Bát-nhã ba-la-mật.

* Lại nữa, như sắc pháp v.v... phân tích, chia rẽ cho đến vi trần thời không có phương hướng nên không có ranh giới. Pháp vô sắc vì không có hình nên không có đây kia, không có đây kia nên không có ranh giới; Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, đối với hết thảy pháp phân biệt sắc cho đến vi trần, phân biệt pháp vô sắc cho đến trong một niệm không thấy chắc chắn có

thường, lạc, ngã, tịnh. Thế nên nói sắc vô biên nên Bát-nhã vô biên, cho đến hư không sáu chủng cũng như vậy.

Như Kim cương là, chư Thiên vương Cầm kim cương, không ghét không thương, tùy chỗ sử dụng mà không có việc gì không đánh nát. Tâm trước khi được Nhất thiết trí của chư Phật, tam-muội trong tâm ấy có thể dứt hết thấy kiết sử phiền não điên đảo và tập khí nên gọi là như Kim cương. Như trí tuệ tương ứng với tam-muội Kim cương mà quán hết thấy pháp đều bình đẳng, Bát-nhã ba-la-mật quán hết thấy pháp bình đẳng cũng như vậy, vì sao? Vì Bát-nhã trước quán các pháp bình đẳng vậy sau mới được tam-muội ấy.

Các pháp không có phân biệt là, người phạm phu thế gian vì sức phiền não nên phân biệt các pháp, được thật tướng các pháp thời đều phá hoại đổi khác. Thế nên thánh nhân được Bát-nhã ba-la-mật không theo ức tướng phân biệt các pháp mà vào trong tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác; nếu khi các pháp đổi khác thời không ưu sầu, vì từ trước lại đây không phân biệt thủ tướng các pháp.

Các pháp tính không thể có được là, hết thấy pháp đều do nhân duyên hòa hợp sinh, không có cái gì không do nhân duyên hoặc ít nhân duyên mà sinh khởi. Nếu từ nhân duyên sinh thời không có tự tính. Tự tính là sự thật quyết định vốn có. Nếu tính từ nhân duyên hòa hợp sinh, nên biết khi chưa hòa hợp thời không có. Nếu trước không có nay từ nhân duyên hòa hợp có thời biết không có tính. Nếu từ nhân duyên hòa hợp sinh tính thời tính ấy tức là pháp tạo tác. Tính gọi là không đợi nhau, không nhân nhau, thường phải riêng có, độc lập. Pháp hữu vi như vậy thời không có. Thế nên nói hết thấy pháp tính không thể có được; tính Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy.

Vì các pháp không có sở hữu là, các pháp tính không thể có được, các duyên cũng không thể có được. Các duyên cũng không thể có được nên đều là không có sở hữu. Vào trong không có sở hữu, thời đều bình đẳng, vì sao? Vì có nên có phân biệt; vì không nên không có phân biệt. Như hương cỏ, hương chiên đàn, khi đốt lên thời có phân biệt, khi diệt mất thời không có phân biệt.

Các pháp không làm là, vì chúng sinh không, pháp không thời đều không làm.

Chúng sinh làm là, làm mười việc lành và mười việc chẳng lành v.v...

Pháp làm là, lửa cháy, nước chảy, gió động, thức hay nhận thức, tri hay biết các pháp như vậy, mỗi mỗi tự có sức riêng. Không có chúng sinh cho đến không có kẻ biết kẻ thấy; không có sắc cho đến trí Nhất thiết chủng đều như trước đã phá.

Phá chúng sinh cho nên không có kẻ làm là, phá pháp nên không có làm, chỉ vì người phàm phu bị điên đảo che lấp nên nói có làm.

Các pháp không thể nghĩ nghĩ là, hết thấy pháp không có được tướng quyết định hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui, hoặc thật hoặc không, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc sinh diệt hoặc không sinh diệt, hoặc tịch diệt hoặc không tịch diệt, hoặc lìa hoặc chẳng lìa, hoặc có hoặc không có; các môn phân biệt cũng như vậy, không thể nghĩ nghĩ, vì sao? Vì các pháp ấy đều từ trong tâm ức tướng phân biệt sinh, không thể có quyết định. Thật tính của hết thấy pháp đều vượt qua danh tự ngôn ngữ của tâm tâm số pháp. Như phẩm trước nói: Hết thấy pháp bình đẳng, hết thấy hiền thánh không thể hành, không thể đến, thế nên không thể nghĩ nghĩ; Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, vì quán pháp ấy nên phát sinh.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân liền từ chỗ ngồi được các tam-muội.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân trước đã biết các pháp tướng không, nay chịu mọi siêng khổ, đứng luôn bảy năm để thấy Đàm-vô-kiệt được lợi ích gì?

Đáp: Tát-đà-ba-luân trước thấy chư Phật được các tam-muội, vì quý trọng Bát-nhã ba-la-mật nên sinh ra trước tướng. Nay Đàm-vô-kiệt qua bảy năm từ định khởi dậy nói Bát-nhã để phá tâm chấp trước tướng kia. Hết thấy pháp tính tự không, chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật làm cho nó không. Vì thế nên nói, vì các pháp bình đẳng nên Bát-nhã ba-la-mật bình đẳng, vì các pháp lìa tướng, cho đến các pháp không thể nghĩ nghĩ nên Bát-nhã ba-la-mật không thể nghĩ nghĩ. Không thể khinh hèn các pháp khác mà quý trọng Bát-nhã, vì sao? Vì không để cho nhân Bát-nhã lại sinh chấp trước câu ứ. Bát-nhã ba-la-mật tuy rất ráo thanh tịnh, có nhiều lợi ích lại không thể thủ tướng mà sinh tâm chấp trước, như vàng cháy nóng tuy đẹp mà không thể lấy tay nắm. Tát-đà-ba-luân được sự giáo hóa ấy, dứt tâm chấp trước đối với Bát-nhã, liền được các tam-muội. Giải nói mỗi mỗi câu, đối với tâm tán loạn chỉ có trí tuệ chứ không gọi là tam-muội, nay theo thầy nghe rồi nhất tâm suy nghĩ gọi là tam-muội. Nhiếp tâm không tán loạn, trí tuệ biến thành tam-muội. Như đèn giữa gió không thể chiếu sáng, ở trong nhà yên lặng đóng cửa, ánh sáng chiếu khắp. Trước đã vì tâm dục giới tán loạn nên sức

trí tuệ chưa thành tựu; nay trong khi nhiếp tâm nghe được các pháp đều gọi là tam-muội, có thể phá trừ phiền não và ma dân. Như nước khi gió lạnh chưa đến, chưa đóng thành băng thời không có tác dụng cứng, nếu đóng thành băng thời có thể đi lên trên được. Được sáu trăm vạn môn tam-muội như vậy, Tát-đà-ba-luân được nghe Đàm-vô-kiệt thuyết pháp, đối với các pháp được trí tuệ sáng suốt lớn; nghĩa là được môn thật tướng của các pháp. Các pháp bình đẳng, bình đẳng là trí tuệ. Vào trong tâm thiền định của Tát-đà-ba-luân biến thành tam-muội.

Nay muốn nói tam-muội, trí tuệ, quả báo đời này đời sau.

Bấy giờ Phật bảo Tu-bồ-đề, như nay ta ở giữa chúng thuyết Bát-nhã, vì tướng ấy, vì tướng mạo ấy, vì danh dự ấy nói Bát-nhã ba-la-mật. Tát-đà-ba-luân theo Đàm-vô-kiệt được tam-muội, ở trong tam-muội thấy mười phương Phật ở giữa đại chúng nói Bát-nhã cũng như vậy. Nay Tu-bồ-đề, Tát-đà-ba-luân từ đây về sau rất ưa vui pháp nên chứa nhóm nhiều kinh, nghe nhiều, đọc tụng rộng rãi; như A-nan, Phật dạy điều gì đều có thể nhớ giữ. Tát-đà-ba-luân, có trí tuệ đa văn không thể nghĩ nghĩ, như nước biển lớn, ngay trong đời ấy thường không lìa Phật. Như vậy gọi là quả báo đời nay. Xả bỏ thân, thường sinh trong nước có Phật, khéo tu hành tam-muội Niệm Phật, nên cho đến trong mộng, ngay từ đầu không rời sự thấy Phật. Các nạn địa ngục v.v... đều đã dứt hết vĩnh viễn, tùy ý vãng sinh vào cõi nước của chư Phật. Vì người kia sâu vào Bát-nhã ba-la-mật, chứa nhóm vô lượng công đức nên không theo nghiệp thọ sinh. Tát-đà-ba-luân từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, độ thoát chúng sinh, nhóm vô lượng công đức; thí như vị trưởng giả hào quý, từ một chúng hội đến một chúng hội, cho đến nay ở chỗ Phật Đại Lôi Âm tịnh tu phạm hạnh. Nếu có người muốn cầu Bát-nhã ba-la-mật hãy nên như Tát-đà-ba-luân, kiên định nhất tâm, không thể khuynh động. Thế nên nên biết, nhân duyên của Bát-nhã ba-la-mật có thể thành tựu được hết thấy công đức. Các Bồ-tát được Bát-nhã, các tội cấu khi xuất gia như tà nghi, hí luận thấy đều trừ diệt, được tâm thanh tịnh; tâm thanh tịnh nên được hết thấy công đức.

Được trí Nhất thiết chủng là, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Sáu Bát-nhã ba-la-mật là, từ sơ địa cho đến thất địa, được vô sinh pháp nhẫn; bát địa, cửu địa, thập địa là vào sâu trí tuệ Phật, được trí Nhất thiết chủng, thành Phật.

Đối với hết thầy pháp được tự tại là, đều có thể thọ trì cho đến dùng hoa hương, kỹ nhạc cúng dường.

Tu-bồ-đề vì thường ưa hạnh Không nên Phật cùng Tu-bồ-đề nói Bát-nhã. Lại, Tu-bồ-đề được tam-muội Vô tránh nên Phật không thể phó chúc. A-nan được Đà-la-ni Văn trì, lại thường gần gũi Phật, nên được Phật phó chúc rộng rãi.

---o0o---

Phẩm 90 Giải Thích: Phẩm Chúc Lụy Thứ 90

KINH: Bấy giờ Phật bảo A-nan: Ý ông nghĩ sao, Phật là đại sư của ông chăng? Ông là đệ tử của Phật chăng?

A-nan thưa: Bạch đức Thế Tôn, Phật là đại sư của con. Tu-già-đà là đại sư của con, con là đệ tử của Phật.

Phật dạy: Như vậy, như vậy, Ta là đại sư của ông, ông là đệ tử của Ta. Như những việc đệ tử cần làm ông đã làm xong. Nay A-nan, ông dùng nghiệp từ của thân, nghiệp từ của miệng, nghiệp từ của ý mà cúng dường cung cấp cho Như Lai, thường làm đúng ý Như Lai, không có trái lỗi. Nay A-nan, thân Như Lai hiện tại ông yêu kính cúng dường cung cấp, tâm ông thường thanh tịnh, sau khi Như Lai diệt độ, hết thầy sự ái kính cúng dường cung cấp nên ái kính cúng dường Bát-nhã ba-la-mật. Cho đến lần thứ hai, thứ ba Như Lai lấy Bát-nhã ba-la-mật phó chúc cho ông. Nay A-nan, ông chớ quên mất, chớ là người tội hậu làm dứt giống Phật. Nay A-nan, tùy theo bao nhiêu lâu Bát-nhã ba-la-mật trú ở đời, nên biết bấy nhiêu lâu có Phật trú ở đời thuyết pháp. Nay A-nan, nếu có người chép Bát-nhã ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, rộng vì người nói, nên cung kính, tôn trọng tán thán, hoa hương phan lọng, áo báu, đèn đuốc mỗi mỗi cúng dường người ấy, nên biết người ấy không lìa thấy Phật, không lìa nghe pháp, thường gần gũi Phật.

Phật nói Bát-nhã ba-la-mật xong, các Bồ-tát Di-lặc v.v... và Huệ mạng Tu-bồ-đề, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-Điếp, Phú-lâu-na Di-đà-la-ni-tử, Ma-ha Câu-hy-la, Ma-ha Ca-chiên-diên, A-nan v.v... cùng hết thầy đại chúng và hết thầy thế gian trời, người, Càn-thát-bà, A-tu-la nghe Phật thuyết đều rất hoan hỉ v.v...

LUẬN. Hỏi: Phật đã dứt tâm ưa đắm pháp, cho đến trí Nhất thiết chủng, Niết-bàn, còn không chấp trước, không thủ tướng, có sao nay dùng mỗi mỗi nhân duyên phó chúc pháp ấy, in tuồng như ưa đắm pháp?

Đáp: Chư Phật có tâm đại từ bi, từ khi mới phát tâm lại đây cho đến khi vào cửa Niết-bàn, thường không rời bỏ, ở giữa đôi cây Ta-la dùng sức tam-muội Kim-cang vì chúng sinh mà làm nát thân như mè, gạo để lại làm lợi ích, huống gì kinh pháp có nhiều lợi ích mà không phó chúc?

Lại, A-nan là người chưa lìa dục, chưa biết hết uy lực quả báo của Bát-nhã ba-la-mật có nhiều lợi ích, vì thế ân cần phó chúc rằng: Ông nên khéo gìn giữ, không để quên mất. Vì vậy nên Phật tuy đối với hết thầy pháp không có thương ghét, tướng thường tịch diệt mà phó chúc Bát-nhã ấy.

Hỏi: A-nan là người Thanh văn, có gì Phật đem Bát-nhã ba-la-mật phó chúc mà không phó chúc cho các đại Bồ-tát như Di-lặc v.v...?

Đáp: Có người nói: A-nan thường hầu hai bên Phật, cúng dường sự cần dùng, được Đà-la-ni Văn trì. Nghe rồi nhớ giữ, một lần nghe nhớ mãi không quên. Đã là em chú bác của Phật, lại có nhiều bè bạn tiếng tăm rộng khắp, bốn chúng nương nhờ, là vị thầy thứ ba theo Phật chuyển bánh xe pháp. Phật biết Xá-lợi-phất thọ mạng ngắn ngủi, diệt độ sớm nên không phó chúc.

Lại, A-nan là thầy của 500 A-la-hán có đủ sáu thần thông, ba minh, cộng giải thoát. A-nan đã có nhiều lợi ích như vậy, nên phó chúc. Các đại Bồ-tát như Di-lặc v.v... sau khi Phật diệt độ mỗi mỗi phân tán, theo quốc độ thích ứng hóa độ chúng sinh. Di-lặc trở lại trên trời Đâu-suất; Tỳ-ma-la-cật, Văn-thù-sư-lợi cũng đi đến chỗ chúng sinh thích ứng để hóa độ. Phật lại do vì các vị Bồ-tát có sức hiểu sâu Bát-nhã ba-la-mật nên không cần phải nhọc nhằn phó chúc. A-nan là người Thanh văn, theo pháp Tiểu thừa, thế nên Phật ân cần phó chúc.

Hỏi: Nếu như vậy, thời kinh Pháp Hoa và các kinh Phương Đẳng khác có sao lại phó chúc cho các Bồ-tát Hỷ Vương v.v...?

Đáp: Có người nói: Khi ấy Phật thuyết pháp sâu xa khó tin, người Thanh văn không ở tại đó. Lại như Phật thuyết kinh Giải thoát không thể nghĩ nghĩ, 500 A-la-hán ở bên Phật mà không nghe được; hoặc có khi nghe được mà không thể ứng dụng; thế nên phó chúc cho các Bồ-tát.

Hỏi: Lại có pháp gì sâu xa hơn Bát-nhã mà đem Bát-nhã phó chúc cho A-nan, còn các kinh khác phó chúc cho Bồ-tát?

Đáp: Bát-nhã chẳng phải là pháp bí mật; mà các kinh Pháp Hoa v.v... nói A-la-hán được thọ ký, chắc chắn làm Phật, đại Bồ-tát vẫn có thể thọ trì, ứng dụng; thí như thầy thuốc giỏi có thể dùng chất độc làm thuốc.

* Lại nữa, như trước nói: Bát-nhã có hai, một là Bát-nhã nói chung cho Thanh văn nghe, hai là chỉ nói cho mười phương đại Bồ-tát trú trong thập địa nghe, chẳng phải cửu địa nghe, huống nữa là Bồ-tát mới phát tâm! Lại có kinh Bồ-tát cửu địa nghe được cho đến sơ địa nghe được, mỗi mỗi không đồng nhau. Tướng chung của Bát-nhã ba-la-mật là một mà sâu cạn có khác, thế nên đem phó chúc cho A-nan, không lỗi.

Hỏi: Trước đây thấy trong phẩm A-sơ Phật đã phó chúc, nay còn phó chúc, vậy có gì sai khác?

Đáp: Đạo Bồ-tát có hai: Một là đạo Bát-nhã ba-la-mật, hai là đạo phương tiện. Trước phó chúc là nói thể tướng Bát-nhã ba-la-mật xong, nay là nói khiến cho chúng sinh được phương tiện Bát-nhã ấy xong mà phó chúc; vì thế nên sau khi thấy Phật A-súc, tiếp nói phẩm AÂu-hòa. Trong Bát-nhã ba-la-mật tuy có phương tiện, phương tiện tuy có Bát-nhã, mà tùy theo sự thọ dụng nhiều nên gọi tên. Bát-nhã và phương tiện, bản thể là một, vì chỗ dùng hơi khác cho nên nói riêng. Thí như thợ vàng vì phương tiện khéo léo nên lấy vàng làm các vật khác nhau, tuy đều là vàng mà tên gọi có mỗi mỗi khác. Bồ-tát được thật tướng Bát-nhã ba-la-mật ấy, nghĩa là hết thấy pháp tính không, tướng tịch diệt, không có sở hữu, tức là muốn diệt độ. Vì sức phương tiện nên không thủ chứng Niết-bàn. Khi ấy nghĩ rằng, hết thấy pháp tính không, Niết-bàn cũng không. Ta nay đối với công đức Bồ-tát chưa đầy đủ nên không nên thủ chứng; khi công đức đầy đủ mới có thể thủ chứng. Khi ấy Bồ-tát dùng sức phương tiện vượt qua địa vị Nhị thừa mà vào Bồ-tát vị. Trú trong Bồ-tát vị biết pháp sâu xa vì diệu không có văn tự mà dẫn đường cho chúng sinh; ấy gọi là phương tiện.

* Lại nữa, có phương tiện là Bồ-tát biết hết thấy pháp rốt ráo tính không, không có sở hữu mà có thể trở lại khởi lên pháp lành, hành sáu Ba-la-mật, không theo không; hoặc có thể sinh bốn việc là hoặc nghi, hoặc tà kiến, hoặc vào Niết-bàn, hoặc làm Phật. Vì Bát-nhã có sự phân biệt như vậy, nếu có thể trừ tà nghi, không vào Niết-bàn, ấy là phương tiện. Có người nói: Bát-nhã ba-la-mật có nhiều lợi ích, tối thắng đối với kho châu báu

lớn. Phật biết sau khi diệt độ có nhiều giặc oán muốn hủy hoại Bát-nhã nên ở mỗi mỗi phẩm đều phó chúc còn không có lỗi, huống nữa là chỉ phó chúc hai lần.

Hỏi: Nếu phó chúc, có gì ân cần, trịnh trọng như vậy?

Đáp: Vì theo pháp thế tục mà dẫn đường cho chúng sinh. Thí như chủ khách buôn muốn đi xa đến nước khác, tuy đem tài bảo phó chúc cho con mà riêng ngọc báu tốt đẹp, giá trị lớn mới ân cần phó chúc riêng, vì người con kia chưa biết rõ giá trị quý trọng của châu báu đẹp ấy. Những người khác vì thấy người chủ khách buôn là người biết giá trị của châu báu mà ân cần phó chúc nên chắc chắn biết thứ đó quý, còn nếu nghe người con kia khen ngợi giá trị châu báu thời không tin; Phật cũng như vậy.

* Lại nữa, nếu giữa chúng khác và người khác mà khen ngợi Bát-nhã, phó chúc Bát-nhã thời người ta chê Phật tự khen ngợi tán thán pháp mình, nên sinh nghi mà không tin, còn đối với đệ tử phó chúc thời không có chê bai.

Lại có người nói: Ở phẩm trên Phật nói tướng tịch diệt không có hí luận là Nhất thiết trí, trong đó không có pháp quyết định có thể thủ đắc, thời người ta cho là không quý; nay ân cần phó chúc thời biết Phật không đả trước pháp không. Giữa hết thấy chúng sinh, người ái niệm Bát-nhã không ai hơn Phật. Phật biết Bát-nhã có ơn sâu nên quý trọng Bát-nhã mà ân cần phó chúc.

Có người nói: Phật muốn hiện trung đạo nên phó chúc. Trước nói các pháp không để ngăn bên chấp hữu, nay ân cần phó chúc thời phá bên chấp không; ấy là trung đạo. Đối với người cho rằng Phật có tâm tham, ưa đả trước pháp ấy, thời Phật đã dùng các nhân duyên nói Bát-nhã ba-la-mật tướng không; đối với người cho Phật rơi vào đoạn diệt nên Phật ân cần phó chúc. Như vậy là xa lìa hai bên.

Hỏi: Phật đã biết A-nan là đệ tử, có gì còn hỏi A-nan rằng, ông là đệ tử của Như Lai chăng? Như Lai là thầy của ông chăng?

Đáp: Phật có người đệ tử ác là Tu-na-lị-đa-la. Nhờ có chút ít nhân duyên nên làm đệ tử Phật. Vì muốn ở nơi Phật học cách bản cung, Phật không nói cho, nên liền trở lại nói với Phật rằng: Tôi chẳng phải đệ tử Phật. Lại như Tu-thi-ma vì muốn trộm pháp nên làm đệ tử. Như vậy là hạng đệ tử chỉ trên danh dự.

Lại, ngoại đạo cho A-nan bắt đắ dĩ mà ở bên Phật. A-nan đã từng làm đệ tử ngoại đạo, mặc áo cỏ, cầu thần tiên, nay vì Phật là thân tộc nên tôn trọng, cung cấp, hầu hạ. Do những việc như vậy nên ở giữa đại chúng Phật hỏi A-nan: Ông là đệ tử Như Lai chăng? Nếu nói là chơn đệ tử thì nên theo lời dạy bảo của Như Lai. Thế nên A-nan vì muốn khiến người khác tin, nên đáp lại với Phật. Phật bảo A-nan: Việc người đệ tử nên làm ông đã làm đầy đủ. Phép của đệ tử là đem thân, miệng, ý lành mà cung cấp cho thầy. Có đệ tử tâm tốt mà thân miệng không xứng; có đệ tử nghiệp thân miệng tốt mà tâm không xứng. Như đệ tử đem tâm lành, rất ưa mến thầy, thân miệng tương xứng, không tiếc thân mạng, không ngại khó nhọc, tự bỏ tâm mình, theo lời dạy bảo của thầy, A-nan có đủ các việc ấy, nên Phật bảo A-nan: Nay ông hiện tại cung kính Như Lai, sau khi Như Lai diệt độ, hãy cung kính Bát-nhã cũng như vậy.

Hỏi: Bát-nhã là thầy của chư Phật, vì sao A-nan không cung kính thầy của Phật mà cung kính Phật?

Đáp: A-nan tuy chứng đạo quả thứ nhất, song vì lậu hoặc chưa hết nên không biết sâu Pháp bảo như Phật đã biết. Thế nên Phật bảo A-nan: Ông cung kính Bát-nhã tức là cung kính Như Lai.

* Lại nữa, chúng sinh thấy Phật có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, ánh sáng một trượng, thân kim sắc, nhiều người ái kính, còn Bát-nhã ba-la-mật thời vi diệu, sâu xa, không hình, không sắc, chỉ người trí mới biết được. Thân Phật tướng tốt, người trí kẻ ngu đều thấy, đều không nhầm đủ, thế nên Phật đem thân ví dụ Bát-nhã. Khi Phật ở đời có thể tự ngăn ma, vì vậy mà Phật bảo A-nan: Sau khi Như Lai diệt độ, hãy khéo gìn giữ Bát-nhã.

Hỏi: Phó chúc một lần là đủ, có gì đến ba lần?

Đáp: Phật rất ưa mến Bát-nhã ba-la-mật, nên ba lần phó chúc.

Hỏi: Nếu rất ưa mến, sao giới hạn ba lần thôi?

Đáp: Thường thời pháp của chư Phật nói không quá ba. Nếu nói quá ba mà không theo thời thần cầm Kim cương đánh nát. Lại, ý của thần cầm Kim cương là nếu quá ba lần không theo, thời là người nghịch, hãy nên diệt đi. Thế nên Phật hỏi không quá ba lần.

* Lại nữa, nói một lần thời còn chậm, còn nói quá ba lần thời rất gấp; giống như người phạm phu tham trước.

* Lại nữa, tâm người lãnh thọ có ba hạng: Hạng độn căn phải nói đến ba lần mới sinh tâm thiện. A-nan tuy là lợi căn nhưng tâm còn Thanh văn, chỉ cầu độ một mình, thế nên bảo ba lần. Sở dĩ phó chúc là vì không để pháp diệt tận. Ông nên giáo hóa đệ tử, đệ tử lại giáo hóa người khác, triển chuyển giáo hóa nhau; thí như một ngọn đèn lại thắp lên các ngọn đèn khác; ánh sáng triển chuyển nhiều ra.

Chớ làm người tối hậu dứt giống Phật, là người đời có con, nếu không người thừa kế thời gọi là dứt giống, rất đáng hổ thẹn. Phật lấy thí dụ này bảo A-nan rằng, ông chớ làm giống Bát-nhã tuyệt dứt ngay nơi thân ông.

Hỏi: Như phẩm trước thuyết minh Bát-nhã ba-la-mật, dù nói cũng không thêm, không nói cũng không bớt, vì tướng rốt ráo tịch diệt, nay có gì nói chớ để diệt mất? Thí như hư không, ai diệt mất được?

Đáp: Bát-nhã ba-la-mật tuy tịch diệt, tướng không sinh không diệt, như hư không không thể hí luận; nhưng văn tự ngữ ngôn chép quyển kinh Bát-nhã ba-la-mật, vì người khác nói, Bát-nhã trong đây là từ trong nhân mà nói quả. Người phàm phu nghe Bát-nhã ba-la-mật vì diệu liễn sinh tâm chấp trước, thù tướng Bát-nhã ba-la-mật, phân biệt các pháp là lành, là chẳng lành, là thế gian, là Niết-bàn v.v... Vì phân biệt nên đối với pháp sinh tâm chấp trước, tâm chấp trước nên đấu tranh, đấu tranh nên gây tội nghiệp; người như vậy gọi là diệt Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo A-nan: Ông nên như tướng Bát-nhã ba-la-mật, chớ chấp trước văn tự ngữ ngôn mà giáo hóa chúng sinh; ấy gọi là không làm diệt mất. Nay A-nan, tùy theo bao lâu thời gian Bát-nhã ở đời thời biết bấy nhiêu thời gian Phật ở đời, như trong kinh đây Phật nói rộng. Phật ân cần phó chúc cho chúng sinh, ở hội chúng có người sinh nghi, thế nên Phật nói nhân duyên của sự phó chúc là: Hễ có Bát-nhã ở đời thời là Phật ở đời, vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của chư Phật. Chư Phật lấy pháp làm thầy, mà pháp tức là Bát-nhã ba-la-mật. Nếu thầy ở đời, mẹ ở đời thời không gọi là mất lợi, vì sao? Vì lợi ích vốn tồn tại. Vì vậy nên nói Bát-nhã ba-la-mật ở đời thời như Phật ở đời.

Lại, Pháp bảo không lìa Phật bảo. Bồ-tát có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình không gọi là Phật, mà có được Pháp bảo mới gọi là Phật. Pháp bảo tức là Bát-nhã ba-la-mật; như người theo Phật được lợi ích cho đến giải thoát Niết-bàn. Như người đối với Bát-nhã có thể tin, thực hành, cũng do pháp ba thừa mà vào Niết-bàn; thế nên nói Bát-nhã ở đời như Phật ở đời nói Pháp

không khác. Nay A-nan, nếu người nghe lãnh thọ, viết chép, giữ gìn, nên biết người ấy không rời sự thấy Phật, nghe Pháp, gần gũi Phật.

Hỏi: Người có tội nặng, ba nghiệp bất thiện thành tựu mà nghe, lãnh thọ, viết chép, giữ gìn Bát-nhã, có sao người ấy được không xa lìa Phật, nghe Pháp, gần gũi Phật?

Đáp: Việc ấy như đã đáp ở trong phẩm trước. Người nghe Pháp có hai hạng: Một là hạng người chỉ nghe mà không thể tín thọ, thực hành; hai là hạng người nghe mà tín thọ, phụng hành. Như đệ tử không nghe, không tín thọ, thực hành lời thầy; ấy gọi là không nghe. Nếu nhất tâm lắng nghe, tín thọ, phụng hành, chán thế gian, ưa Niết-bàn, lìa Tiểu thừa, ưa thích Đại thừa; nghe, lãnh thọ như vậy gọi là thật nghe; tụng, đọc cũng như vậy. Nhớ nghĩ đúng theo như ý Phật, xa lìa hai bên, hành trung đạo, đúng như chỗ được nghe, thọ trì và hiểu nghĩa Bát-nhã, vì người khác giảng nói, cung kính, tôn trọng, cúng dường, tán thán, hoa hương, lúc mới đầu còn mỏng ít, cho đến nhớ nghĩ đúng, vì người khác nói, tâm kia càng sâu dày, công đức càng nhiều, bền chắc, không lay động.

Nếu nghe thầy dạy, hoặc thấy quyển kinh mà cúng dường hương hoa là, nếu người trí biết công đức của Bát-nhã mà cúng dường thời được phước đức dày, còn người không biết mà cúng dường thời được phước đức mỏng ít. Phước đức thuần hậu là dù chuyển đổi thân cũng không lìa sự thấy Phật, nghe Pháp, gần gũi Phật.

Phước đức mỏng ít là không nói rằng chuyển đổi thân, được ba phước báo, trả hết tội rồi lâu về sau cũng chắc chắn được làm Phật. Trong đây Phật tổng quát nói phước đức thuần hậu, mỏng ít dần dần đều sẽ thấy mười phương Phật, nghe Phật nói Pháp, dần dần đủ sáu Ba-la-mật, đều được làm Phật. Phật dùng Phật nhãn thấy Bát-nhã ba-la-mật có sự lợi ích lớn cho chúng sinh như vậy nên ân cần phó chúc.

Hỏi: Các đại A-la-hán ấy đã thủ chứng thật tế, không còn lo mừng, vì mừng chút ít còn không có, huống nữa là vui mừng lớn?

Đáp: Các đại A-la-hán tuy xa lìa tham dục của ba cõi, mà vì chưa được Nhất thiết trí nên đối với pháp sâu xa còn hồ nghi không rõ ràng. Đây đối với Bát-nhã ba-la-mật hiểu biết rõ ràng, dứt trừ nghi hoặc kia, thế nên vui mừng lớn.

* Lại nữa, các đại đệ tử ấy đã thủ chứng thật tế. Thật tế tức là không, không có tướng, không có lượng, không có phân biệt. Phật đối với pháp tịch diệt ấy mỗi mỗi phân biệt danh tự, ngữ ngôn, thí dụ, nói rộng mà cũng không phá hoại pháp tính, lại không trái với thế gian. Các A-la-hán vì chứng được pháp ấy nên vui mừng lớn. Phật khéo nói pháp tịch diệt không, vô tướng, vô lượng ấy, đại chúng tuy chưa sạch hết lậu hoặc, mà vì có sức tin sâu, nên cũng vui mừng lớn, nói rằng pháp ấy có thể dứt hết khổ sinh tử cho chúng ta, khiến được Phật đạo. Có vô lượng nhân duyên như vậy nên đại chúng đều hoan hỉ.

Hỏi: Nếu Phật phó chúc cho A-nan Bát-nhã ba-la-mật ấy, sau khi Phật Niết-bàn, A-nan cùng với Đại Ca-diếp kết tập Kinh tạng, có gì trong ấy không nói đến Bát-nhã?

Đáp: Vì Đại thừa sâu xa, khó tin, khó hiểu, khó hành. Lúc Phật ở đời, có các Tỳ-kheo theo pháp Đại thừa do không tin không hiểu nên từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, huống nữa là sau khi Phật diệt độ! Thế nên không nói.

* Lại nữa, ba tạng chính thức có ba mươi vạn bài kệ và chín trăm sáu mươi vạn lời. Pháp Đại thừa rất nhiều, vô lượng vô hạn, như phẩm Bát-nhã ba-la-mật trong đây có hai mươi hai ngàn bài kệ. Phẩm Đại Bát-nhã có mười ngàn bài kệ, ở chỗ các vua rồng, vua A-tu-la và trong các cung trời, Bát-nhã có ngàn vạn ức bài kệ, vì sao? Vì chư thiên, rồng, quỷ, thần, mạng sống lâu dài, có sức biết nhớ mạnh. Người đời nay thọ mạng ngắn ngủi, sức biết nhớ mỏng, tiểu phẩm Bát-nhã còn không thể tụng đọc, huống gì nhiều? Các đại Bồ-tát biết Bát-nhã ba-la-mật vô lượng vô hạn, vì sao? Vì Phật chẳng phải chỉ một thân nói Bát-nhã mà trong vô lượng đời hoặc biến hóa vô số thân nói Bát-nhã, nên có vô lượng.

Lại, kinh Giải thoát không thể nghĩ nghĩ có mười vạn bài kệ, kinh chư Phật bốn khởi, kinh Mây, kinh Mây lớn, mỗi mỗi có mười vạn bài kệ. Kinh Pháp Hoa, kinh Hoa thủ, kinh Đại bi, kinh Phương tiện, kinh Vua rồng hỏi, kinh Vua A-tu-la hỏi, các kinh lớn ấy vô lượng vô biên, như châu báu trong biển lớn, làm sao có thể đưa hết vào ba tạng? Vật nhỏ có thể ở trong vật lớn, mà vật lớn thì không thể ở trong vật nhỏ? Nếu muốn hỏi thì nên hỏi rằng, vì có gì Tiểu thừa không ở trong Đại thừa mà Đại thừa có thể hàm chứa luôn cả Tiểu thừa? Thế nên ông không nên hỏi như vậy.

Lại nữa, có người nói: Như Đại Ca-diếp đem các Tỳ-kheo vào trong núi Kỳ-xà-quật kết tập ba tạng. Sau khi Phật diệt độ, các đại Bồ-tát như Văn-

thù-sư-lợi, Di-lặc v.v... cũng đem A-nan để kết tập kinh Đại thừa. Lại, A-nan biết trù lượng ý chí nghiệp lực lớn nhỏ của chúng sinh. Thế nên không ở giữa hàng Thanh văn nói pháp Đại thừa, vì sợ nói thời lầm loạn không thành tựu được. Phật pháp chỉ có một vị, đó là vị giải thoát hết khổ. Vị giải thoát ấy có hai: Một là chỉ giải thoát tự thân, hai là giải thoát chung hết thảy chúng sinh. Tuy cùng cầu một cửa giải thoát mà có tự lợi và lợi người khác nhau, thế nên có Đại thừa, Tiểu thừa sai khác. Vì hai hạng người ấy nên miệng Phật nói ra đều dùng văn tự ngữ ngôn chia làm hai thứ. Ba tạng là pháp Thanh văn, Ma-ha-diễn là pháp Đại thừa.

Lại nữa, lúc Phật ở đời không có danh từ ba tạng, chỉ có Tỳ-kheo thọ trì Tu-đa-la, Tỳ-kheo thọ trì Tỳ-ni, Tỳ-kheo thọ trì Ma-đa-la-ca.

Tu-đa-la là kinh trong bốn A-hàm, kinh trong Ma-ha-diễn. Tu-đa-la có hai phần: Một là Tu-đa-la trong bốn A-hàm, hai là kinh Ma-ha-diễn, gọi là Đại thừa. Tu-đa-la vào hai phần, vừa Đại thừa, vừa Tiểu thừa: 250 giới, như thị ngữ v.v... gọi là Tu-đa-la.

Tỳ-ni là nhân Tỳ-kheo tạo tội, Phật kiết giới, dạy việc nên làm, không nên làm, làm việc ấy mắc tội ấy, lược nói có tám mươi bộ, cũng có hai phần: Một là Tỳ-ni ở nước Ma-tu-la, chứa A-ba-đà-na bản sinh, có tam mươi bộ; hai là Tỳ-ni ở nước Kế-tân, trừ bản sinh A-ba-đà-na, chỉ lấy việc thiết yếu làm mười bộ, có tám mươi bộ Tỳ-bà-sa giải thích. Thế nên biết kinh Đại Bát-nhã ba-la-mật ở trong Tu-đa-la kinh, vì kinh lớn và vì sự việc khác cho nên nói riêng. Thế nên không tập vào trong ba tạng.

(Hết cuốn 100 theo bản Hán)

Chùa Từ Đàm, dịch xong chiều 08-01-2001

(PL. 2544 - 14.12 năm Canh Thìn)

THÍCH THIỆN SIÊU

--o0o--